

TRẦN QUANG ĐỨC

NGÀN NĂM ÁO MŨ

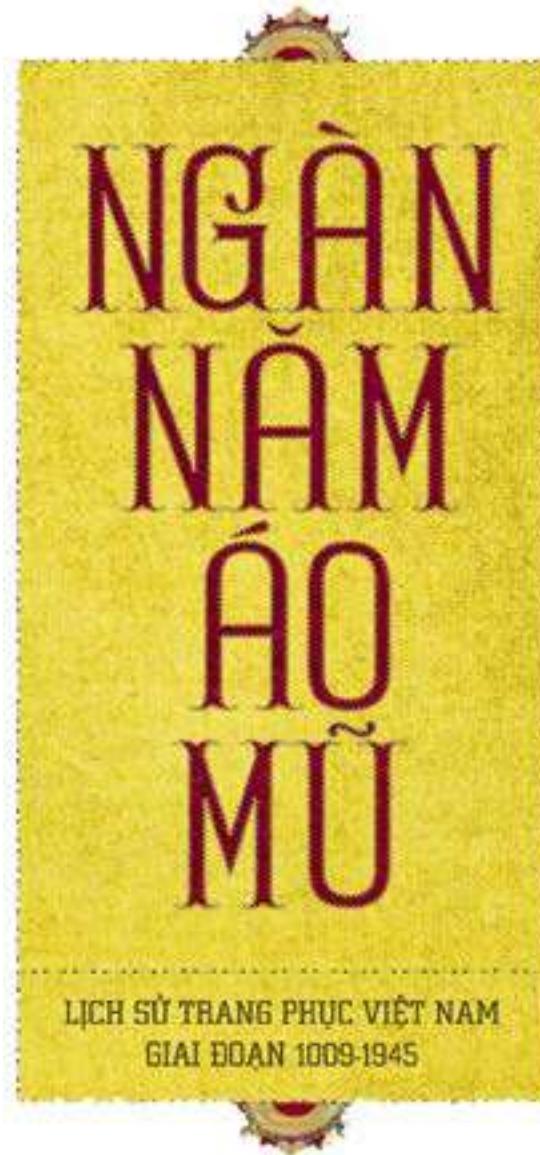
LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 1009-1945



NGÀN NĂM ÁO MŨ

LỊCH HỘI THẢM PHỤC VIỆT NAM
QUAI ĐOÀN 1949-1945

TRẦN QUANG ĐỨC



Ngàn Năm Áo Mũ

Bản quyền tác phẩm © Trần Quang Đức, 2013

Ảnh và tranh minh họa do tác giả chụp, vẽ và sưu tập.

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa Công ty Văn hóa và Truyền thông

Nhã Nam và tác giả Trần Quang Đức, 2013

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng
in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho
phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của
nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.
Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trần Quang Đức

Ngàn năm áo mũ / Trần Quang Đức. - H. : Thế giới ; Công ty Văn hóa và Truyền thông
Nhã Nam, 2013. - 397tr. : ảnh, tranh ; 25cm

1. Trang phục truyền thống 2. Việt Nam
391.009597 - dc14

TGH0007p-CIP



LỜI CẢM ƠN

Ngàn năm áo mũ chắc chắn không thể hoàn thành sớm nếu không có sự giúp đỡ nhiệt tình từ phía những người bạn, người đồng nghiệp của chúng tôi.

Nay nhân dịp cuốn sách được ra mắt bạn đọc, chúng tôi xin cảm ơn các anh chị Trịnh Bách, Lý Tiệp, Philippe Trương, Nguyễn Lan Cuồng, Nguyễn Như Đan Huyền, Nomura Chosho, Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Nhật Anh, Nguyễn Thành Đạt, Đỗ Thận Tuấn, Nguyễn Thế Bách, Nguyễn Thị Dung, Tô Lan, Trần Văn Quyến, Nguyễn Phát Hà Giang, Chihiro Motohiro, Hồ Nhu Ý, là những người đã sao chụp, cung cấp tư liệu cho chúng tôi. Đặc biệt, Lý Tiệp còn là người giúp chúng tôi thực hiện một số tranh vẽ phục dựng.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn anh Đinh Thanh Hiếu, Trịnh Bách, Đoàn Ánh Dương, những người đã tận tình hiệu đính bản thảo, bác Đỗ Lai Thúy, bác Dương Trung Quốc, anh Nguyễn Mạnh Tiến, chị Quách Hiền, anh Đặng Hải Quang những người đã có nhiều sự quan tâm và giúp đỡ chúng tôi trong việc tìm kiếm các nguồn tài trợ.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các anh Nguyễn Hữu Chiến, Nguyễn Hồng Minh, Nguyễn Quang Huy cùng công ty PMC, công ty BFS đã tài trợ cho công trình nghiên cứu này.

Chúng tôi xin gửi lời tri ân tới ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng Tu thư, phòng Chế bản thuộc Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, những người đã tạo nhiều điều kiện cho sự ra đời cuốn sách này. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn chị Nguyễn Hoàng Diệu Thủy, biên tập viên chính của cuốn sách, chị Mai Thị Mai, người trực tiếp trình bày cuốn sách, và anh Tạ Quốc Kỳ Nam, họa sĩ thiết kế bìa sách.

Hà Nội, cuối xuân năm Quý Tỵ 2013
Trần Quang Đức

LỜI TỰA 1

Ở nước ta, trước nay khi muốn tìm hiểu văn hóa cổ của dân tộc, nhất là về cách ăn mặc, người ta không biết phải trông vào đâu. Các sách cổ như *Lịch triều hiến chương* hay các sách *Khâm định, Hội điển* đôi khi có nhắc đến một vài kiểu y phục, mũ mào, nhưng cũng chỉ sơ lược, và thường không có hình ảnh dẫn chứng.

Các tác phẩm trên được viết với mục đích áp dụng cho người đương thời, chứ không phải là sử liệu hay tài liệu văn hóa cho đời sau. Hơn nữa, trong thời đại của các cổ tác gia đó, khi những kiểu loại trang phục được nhắc đến trong sách của họ vẫn còn thông dụng, tên gọi họ liệt kê vẫn là các vật dụng đời thường, thì việc giải thích về chúng là không cần thiết. Tí dụ như ngày nay có mấy ai cần phải được giảng giải mới biết thế nào là cái áo dài hay chiếc nón lá. Nhưng tương tự, vài năm nữa đây phần đông giới trẻ sẽ không mường tượng nổi cái áo dài cán như thế nào.

Văn hóa trang phục truyền thống Việt Nam bị mất dấu tích sâu đậm nhất khi nền văn hóa Tây phương do người Pháp đưa vào được áp đặt triệt để lên xã hội Việt Nam. Tiếp theo đó là sự đổi thay của lịch sử và ý thức hệ. Những biến động xã hội ấy khiến cho ngày nay không ai còn biết ông bà ta ngày xưa ăn mặc, sinh sống như thế nào. Và khi cần tái hiện lối ăn mặc của người Việt trong quá khứ, người ta “sáng tác” một cách tùy tiện.

Phim ảnh là phương tiện truyền bá văn hóa cho giới trẻ hữu hiệu và trực tiếp, nhưng hiện nay nhiều bộ phim hay vở kịch tái hiện lịch sử lại có phục trang truyền thống khác nhau. Rồi gần đây khi sự giao lưu văn hóa trở nên dễ dàng thì trang phục truyền thống Việt Nam trong phim ảnh và trên sân khấu lại mang đậm dấu ấn của phim ảnh Trung Quốc. Đây là đợt hủy diệt nguy hiểm hơn hết cho kiến thức về lịch sử văn hóa áo mũ truyền thống của giới trẻ Việt Nam.

LỜI TỰA 2

Vì thế việc ra đời của quyển sách *Ngàn năm áo mũ* là một sự cứu rỗi may mắn. Có lẽ đây là một trong những tập tài liệu văn hóa, lịch sử trang phục được nghiên cứu sâu và được biên soạn kỹ nhất ở Việt Nam, nếu không nói là quốc tế, cho đến nay. Tác giả với vốn liếng ngoại ngữ và cổ văn rất cao đã bỏ ra nhiều năm lăn lộn, tìm tòi ở các thư viện cũng như dân gian ở Việt Nam và các nước, nhất là Trung Quốc, để có được những tài liệu quý giá và chính xác đúc kết nên tác phẩm này.

Khi đọc *Dai Việt sử ký toàn thư* hay *Lịch triều hiến chương loại chí* chẳng hạn, cái “Đinh tự cân”, hay mũ chữ “đinh” phổ biến suốt mấy thế kỷ trong xã hội Việt Nam xưa đã làm điên đầu độc giả ngày nay. Hay thắc mắc về kiểu cắt tóc mười phân của các đài Lý, Trần, Lê, hoặc hồng bào của các hoàng đế Việt trước “thiên triều”. Và rất nhiều những loại áo, mũ nữa. Tất cả được tác giả giải thích với minh chứng khoa học và minh họa chính xác trong tập nghiên cứu *Ngàn năm áo mũ* này.

Xin chân thành cảm ơn tác giả Trần Quang Đức vì đã bỏ công sức khổ nhọc và thì giờ quý báu nhưng xứng đáng của anh trong việc biên soạn quyển sách đầy giá trị này.

Hà Nội, ngày 19.2.2013

Trịnh Bách

Thiên Quan nghĩa trong Kinh Lễ có câu: “*Phàm người mà có thể là người cho đúng nghĩa là nhờ lẽ nghĩa, mà mở đầu của lẽ nghĩa là ở dung thể được đoan chính, nhan sắc được trang nghiêm, lời nói được cung thuận. Dung thể đoan chính, nhan sắc trang nghiêm, lời nói cung thuận thì sau lẽ nghĩa mới đầy đủ, để chính đạo vua tôi, thân đạo cha con, hòa đạo lớn nhỏ. Đạo vua tôi chính, đạo cha con thân, đạo lớn nhỏ hòa rồi sau lẽ nghĩa mới lập. Cho nên đội mũ rồi sau trang phục mới đầy đủ, trang phục đầy đủ rồi sau dung thể mới đoan chính, nhan sắc mới trang nghiêm, lời nói mới cung thuận. Cho nên nói rằng lẽ đội mũ là mở đầu của lẽ, vì thế thánh vương thời cổ rất coi trọng lẽ đội mũ*”.

Cổ nhân cho rằng trang phục là một phần quan trọng, thậm chí là mở đầu của lẽ, cũng tức là văn minh, để con người đúng nghĩa là con người, khác với cầm thú.

Nước ta vốn xung là nước văn hiến, các chính thể quân chủ lịch triều đều có khát vọng muốn xây dựng ở cõi Nam một hệ thống điển chương chế độ “không kém” (vô tổn) Hoa Hạ (Trung Quốc), và hầu cũng tự hào đã từng là chốn “*lẽ nhạc y quan sở tuy, thanh danh văn vật sở đồ*” (nơi tụ hội mũ áo lẽ nhạc, văn vật thanh danh). Vật đổi sao dời, ngày nay nhìn lại, sinh sau nghìn năm mà muốn nói chuyện nghìn năm trước, cũng không phải dễ dàng. Giờ đây muốn khảo lại y quan của cổ nhân, ngõ hầu không hẹn như Tịch Đàm vong tổ, thì văn hiến không đủ, văn vật cũng thưa, chỉ biết trông vào những ghi chép của các bậc tiền nhân như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Phạm Đình Hổ v.v. hay chính sử, hội điển các vương triều, nhưng chữ nghĩa kỳ khu, danh vật xa cách, cũng thật khó mà hình dung tưởng tượng ra được.

Trần Quang Đức tiên sinh dành tâm huyết mấy năm để truy khảo mũ áo nghìn năm. Ông có nhã ý đưa tôi xem bản thảo. Là người có học chút ít chữ nho, thích truy tìm cổ điển, được cuốn sách của ông đưa vào

MỤC LỤC

thế giới y quan văn vật của cổ nhân, với tôi có sức hấp dẫn lạ thường. Với một tư duy mạch lạc, lập luận chặt chẽ, tư liệu phong phú, kết hợp thư tịch với đồ hình, ảnh tượng, sách vở với thực tế, tham chiếu cả trực thời gian, không gian, cuốn sách có thể xem là đã góp phần “minh trung” cho điển chương văn vật của nước Việt ta, và chắc hẳn sẽ là tư liệu cần thiết cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

Trần quân thông minh vốn săn tính trời, được đào tạo cẩn cơ, trong điều kiện mới có nhiều thuận lợi, kết hợp với tâm huyết của một người hiểu cổ nên đã làm được điều người trước muốn mà chưa làm được.

Đó là điều mà tôi thành tâm tán thán và chia vui cùng tác giả, còn nói là viết Tựa thì tôi đâu dám!

Hà Nội, tháng Mạnh xuân năm Quý Tỵ 2013
Đinh Thanh Hiếu

PHÀM LỆ	13
TƯ LUẬN	15



TỔNG QUAN.....19

I. TỔNG QUAN TRANG PHỤC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM	19
---	----

1. Những tư tưởng ảnh hưởng đến văn hóa trang phục cung đình Việt Nam....	19
1.1. Tư tưởng Đế vương.....	19

1.2. Quan niệm Hoa di	23
-----------------------------	----

2. Lược sử trang phục cung đình Việt Nam	34
---	----

II. TỔNG QUAN TRANG PHỤC DÂN GIAN VIỆT NAM	40
---	----

Phụ lục. Biện di luận	45
-----------------------------	----

CHÍNH VĂN.....49

Chương I. TRANG PHỤC THỜI LÝ.....49

I. Trang phục hoàng đế.....53

1. Lễ phục	53
------------------	----

2. Thường phục.....	60
---------------------	----

3. Tiện phục	66
--------------------	----

II. Trang phục bá quan.....71

1. Lễ phục	71
------------------	----

2. Triều phục	72
---------------------	----

3. Thường phục.....	75
---------------------	----

III. Trang phục quân đội	82
--------------------------------	----

IV. Trang phục dân gian.....	87
------------------------------	----

1. Y phục	87
-----------------	----

2. Kiểu tóc.....	91
------------------	----

Phụ lục 1. Một số ghi chép liên quan tới trang phục Chiêm Thành từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV.....	96
---	----

Phụ lục 2. Một số ghi chép và hình ảnh liên quan tới vũ nhạc Việt Nam thời Lý Trần.	99
--	----

Chương II. TRANG PHỤC THỜI TRẦN....

.....	101
-------	-----

I. Trang phục hoàng đế	106
------------------------------	-----

1. Triều phục	106
---------------------	-----

2. Thường phục	107
----------------------	-----

3. Tiện phục	110
--------------------	-----

II. Trang phục bá quan.....	112
-----------------------------	-----

1. Lễ phục	112
------------------	-----

2. Thường phục	118
----------------------	-----

*Đôi nét về bức họa <i>Trúc Lâm đại sĩ xuất son đỗ</i>	128
--	-----

III. Trang phục quân đội	133
--------------------------------	-----

IV. Trang phục dân gian.....	135
------------------------------	-----

1. Y phục	135
-----------------	-----

2. Kiểu tóc.....	137
------------------	-----

Phụ khảo. Cải cách quan phục năm 1396 và trang phục thời Hồ	141
--	-----

Phụ lục 1. Trang phục cư tang và quan	
---------------------------------------	--

MỤC LỤC

niệm về hai màu đen trắng 147
Phụ lục 2. Số lượng thớt lụa và quạt cống sang nhà Minh từ năm 1416 đến 1423 149

Phụ lục 3. Bản hiệu chính phần Chuong phục trong sách *An Nam chí lược* 150

Chương III. TRANG PHỤC THỜI LÊ..153

Trang phục thời Lê sơ.....160

I. Trang phục hoàng đế.....161

1. Lễ phục - Triều phục161

2. Thường phục165

II. Trang phục bá quan.....169

1. Công phục - Triều phục171

2. Thường phục.....175

3. Trang phục quân đội.....181

Phụ khảo. Trang phục nhà Mạc183

Trang phục thời Lê Trung Hưng.....187

I. Trang phục vua chúa188

1. Triều phục189

2. Tế phục192

3. Thường phục195

4. Tiện phục198

II. Trang phục bá quan.....200
1. Triều phục202
2. Thường phục - Thị phục211
3. Tiện phục224

III. Trang phục hậu cung228

1. Lễ phục229

2. Tiện phục232

IV. Trang phục quân đội234

V. Trang phục dân gian240

1. Y phục240

2. Kiểu tóc246

Phụ khảo 1. Cải cách y phục Đàng Trong năm 1744 – Sự ra đời và quá trình phổ cập của áo dài năm thân.....258



Chương IV. TRANG PHỤC THỜI TÂY SƠN.....267

I. Trang phục cung đình.....267

II. Trang phục dân gian.....272

Chương V. TRANG PHỤC THỜI NGUYỄN275

I. Trang phục hoàng đế278

1. Lễ phục278

2. Triều phục288

3. Thường phục293

MỤC LỤC

4. Quân phục295

II. Trang phục bá quan.....297

1. Lễ phục297

2. Triều phục307

3. Thường phục322

III. Trang phục hậu cung335

1. Triều phục335

2. Thường phục342

IV. Trang phục quân đội345

V. Trang phục dân gian.....348

1. Y phục348

2. Kiểu tóc351

LỜI KẾT355



PHỤ LỤC357

Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Lê

Trung Hưng năm 1661

Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Lê

Trung Hưng năm 1721

Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Lê

Trung Hưng năm 1725
Bảng quy chế Thị phục chầu chúa của bá quan triều Lê Trung Hưng năm 1721
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Nguyễn năm 1804
Bảng quy chế Triều phục của bá quan triều Nguyễn năm 1845
Bảng quy chế Triều phục của một số vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn năm 1845
Bảng quy chế Thường phục của bá quan triều Nguyễn năm 1804

TIỂU TÙ ĐIỂN TRANG PHỤC VIỆT NAM
THU MỤC SÁCH TRÍCH DẪN



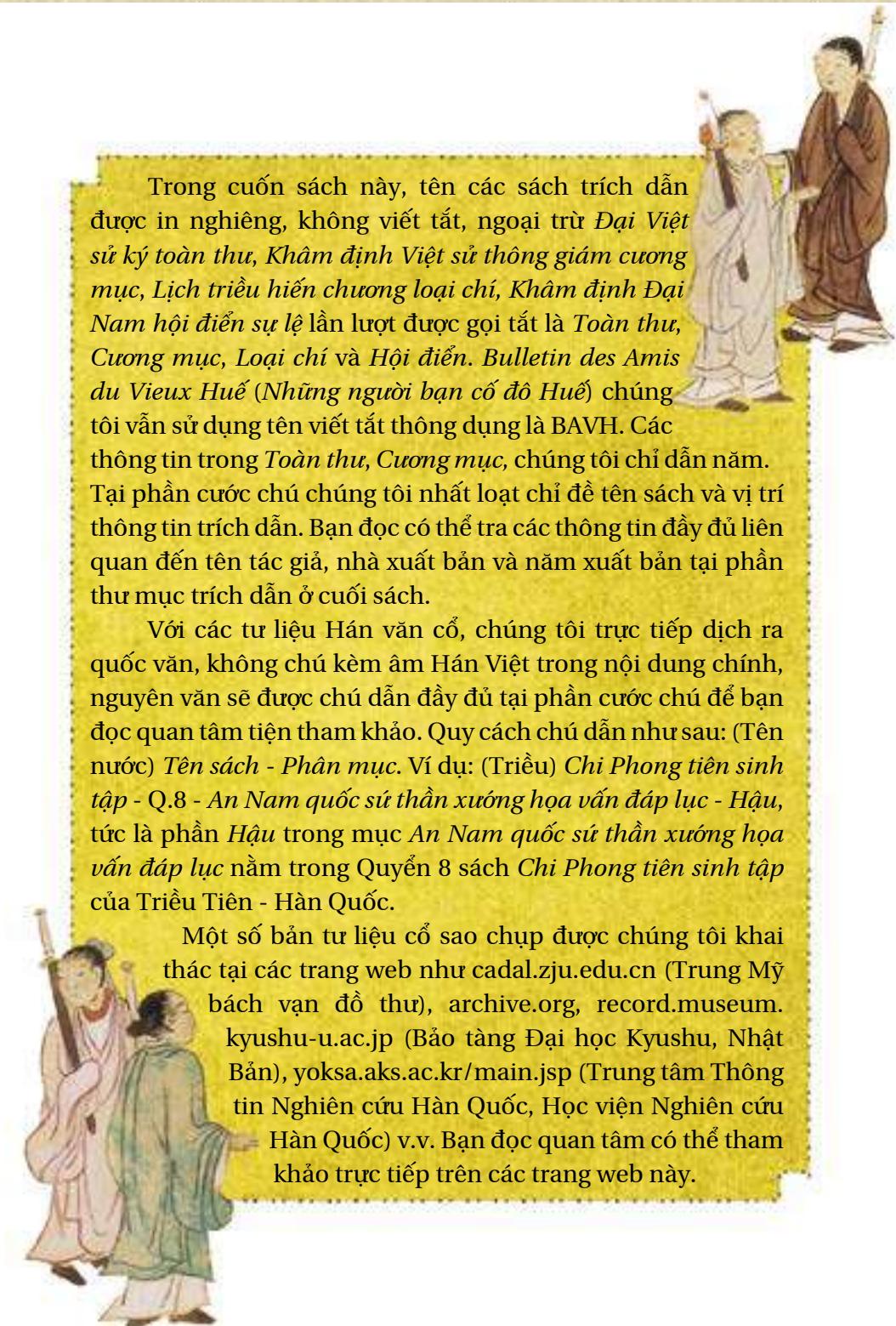
PHÀM LỆ

Trong cuốn sách này, tên các sách trích dẫn được in nghiêng, không viết tắt, ngoại trừ *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* lần lượt được gọi tắt là *Toàn thư*, *Cương mục*, *Loại chí* và *Hội điển*. *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (*Những người bạn cố đô Huế*) chúng tôi vẫn sử dụng tên viết tắt thông dụng là BAVH. Các thông tin trong *Toàn thư*, *Cương mục*, chúng tôi chỉ dẫn năm. Tại phần cuốc chú chúng tôi nhất loạt chỉ đề tên sách và vị trí thông tin trích dẫn. Bạn đọc có thể tra các thông tin đầy đủ liên quan đến tên tác giả, nhà xuất bản và năm xuất bản tại phần thư mục trích dẫn ở cuối sách.

Với các tư liệu Hán văn cổ, chúng tôi trực tiếp dịch ra quốc văn, không chú kèm âm Hán Việt trong nội dung chính, nguyên văn sẽ được chú dẫn đầy đủ tại phần cuốc chú để bạn đọc quan tâm tiện tham khảo. Quy cách chú dẫn như sau: (Tên nước) *Tên sách - Phân mục*. Ví dụ: (Triều) *Chi Phong tiên sinh tập* - Q.8 - *An Nam quốc sú thần xướng họa văn đáp lục* - *Hậu*, tức là phần *Hậu* trong mục *An Nam quốc sú thần xướng họa văn đáp lục* nằm trong Quyển 8 sách *Chi Phong tiên sinh tập* của Triều Tiên - Hàn Quốc.

Một số bản tư liệu cổ sao chụp được chúng tôi khai thác tại các trang web như cadal.zju.edu.cn (Trung Mỹ bách vạn đồ thư), archive.org, record.museum.

kyushu-u.ac.jp (Bảo tàng Đại học Kyushu, Nhật Bản), yoksa.aks.ac.kr/main.jsp (Trung tâm Thông tin Nghiên cứu Hàn Quốc, Học viện Nghiên cứu Hàn Quốc) v.v. Bạn đọc quan tâm có thể tham khảo trực tiếp trên các trang web này.





Sự thiếu khuyết sử liệu - hiện vật là một trong những trở ngại lớn, gây nhiều khó khăn cho các nhà nghiên cứu khi lần tìm diện mạo trang phục cổ của người Việt Nam. Ngay Phan Huy Chú (1782-1840) trong *Loại chí* cũng phải thừa nhận có nhiều kiểu mũ ông không thể khảo được. Tuy nhiên về khảo quy chế trang phục vua quan triều Hậu Lê, *Loại chí* vẫn được coi là tập chuyên khảo trang phục các triều đại đầu tiên tại Việt Nam.

Tham khảo *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, Trương Quốc Dụng (1797 - 1864) hoàn thành phần khảo quy chế áo mao cung đình từ triều Tiền Lê cho tới triều Nguyễn, ghi lại trong *Công hẠ kÝ văn*. Năm 1915, Phan Kế Bính với *Việt Nam phong tục*, năm 1938, Đào Duy Anh với *Việt Nam văn hóa sử cuong*, bước đầu vạch ra những nét phác họa chung cho trang phục dân gian Việt Nam. Năm 1970, Nhất Thanh với *Đất lề quê thói*, Toan Ánh với *Nếp cũ con người Việt Nam* tiếp tục đặt bút khắc tả lối ăn vận dân gian theo tập quán thời Nguyễn v.v. Hơn hai chục năm trở lại đây xuất hiện thêm một số nhà nghiên cứu trang phục như Đoàn Thị Tình (*Tìm hiểu trang phục Việt Nam* - 1988, *Trang phục Việt Nam* - 2006, *Trang phục Thăng Long Hà Nội* - 2010), Ngô Đức Thịnh (*Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam* - 1994), Trịnh Quang Vũ (*Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam* - 2005, *Trang phục triều Lê Trịnh* - 2008) v.v. với sự tiếp cận rộng hơn tới lịch sử trang phục Việt.

Thiết nghĩ, để hiểu được lịch sử tư tưởng, văn hóa và mỹ thuật Việt Nam, nghiên cứu trang phục cổ chính là một ngành vô cùng quan trọng, cần tới sự tiếp cận mang tính khoa học, liên ngành, gắn với những chứng lý đầy đủ, xác thực. Những cuốn sách khảo cứu gần đây tuy có những đóng góp nhất định, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế, như thường xuyên sử dụng cách dẫn chứng hàm hồ kiểu “*sử cũ ghi*”, “*sử xưa chép lại rằng*”, “*tương truyền rằng*” mà không chú rõ nguồn dẫn, xuất xứ; việc nghiên cứu nhiều khi chỉ dừng lại ở việc công bố một số tư liệu liên quan, thiếu thao tác khảo cứu, phân tích cụ thể; việc xác định, định danh các

dạng áo mũ hầu hết mang nặng tính tư biện, úc đoán. Mặt khác, tư liệu Hán Nôm được trích dẫn phần lớn là từ các bản dịch tiếng Việt sẵn có, trong khi chính những bản dịch này rất hạn chế về mặt số lượng, đồng thời tồn tại nhiều chỗ dịch không chuẩn xác, nhất là trong các phần đề cập tới trang phục.

Trong cuốn sách này, chúng tôi không đi sâu khảo cứu phuong thức chế tác vải vóc, thêu thùa mà chủ yếu làm rõ kiểu dáng, quy chế của các loại áo mũ từng được sử dụng phổ biến trong cung đình và dân gian Việt Nam từ thời Lý đến thời Nguyễn. Đối với văn hóa cung đình, sự phân chia giai tầng xã hội được quy định nghiêm ngặt, chế độ áo mũ do đó cũng có luật lệ riêng, như Phan Huy Chú khẳng định: “*Đạo trị nước không gì lớn bằng Lễ, Lễ là để làm rõ tôn ti [...] Quy chế áo mũ, nghi vệ là để phân biệt trên dưới.*” (*Loại chí – Lễ nghi chí*) Lâu nay, trong đại chúng và trong một bộ phận giới nghiên cứu tồn tại một cảm quan rằng triều đình Việt Nam đậm chất dân gian, tôn ti lỏng lẻo, khác với triều đình Trung Quốc. Dĩ nhiên, văn hóa cung đình Việt Nam không quá mức phức tạp, nhiêu khê, và ở từng triều đại khác nhau, tính tôn ti, bảo thủ cũng được thể hiện không đồng đều, song rõ ràng cung đình luôn là nơi duy trì một lề lối văn hóa nghiêm cẩn, không đại khái, linh hoạt như văn hóa dân gian. Nhận nhận rõ sự khu biệt giai cấp này, những quy chế phân biệt cao thấp, sang hèn trong trang phục thời phong kiến - quân chủ cũng sẽ được soi tỏ.

Cũng ở đây, đối với tư liệu tranh tượng, chúng tôi tiến hành khảo sát thận trọng dựa trên tính đồng đại của hiện vật, kết hợp hiện vật với những mô tả trong thư tịch tương quan. Lấy ví dụ, sau những biến động to lớn diễn ra vào cuối thời Trần - Hồ, đặc biệt là sau 20 năm thuộc Minh, tuyệt đại đa số tượng thờ vua quan thời Lý - Trần đều đã bị phá hủy. Các pho tượng có thể thấy hiện nay phần lớn được tạo dựng vào thế kỷ XVIII, XIX, với mô típ đội mũ Phốc Đầu hoặc mũ Xung Thiên, mặc áo cổ tròn đính Bổ Tử. Trong khi quy chế Bổ Tử lần đầu tiên được áp dụng vào triều đình Đại Việt vào năm 1471, thời vua Lê Thánh Tông; hơn nữa một trong những quy định tạc tượng thời Cảnh Hưng (1767) cũng được Lê Quý Đôn ghi rõ: “*Vị thần nào dự vào hạng tối linh thì vẫn để nhu cũ, còn bầy tôi các triều đại trước được dự phong phúc thần, đều theo lệ mới [...] Mũ các vị thần đội, đều dùng mũ Phốc Đầu [...] cầm dùng hình dạng mũ Xung Thiên chập cánh [...] Bổ tử, trung đẳng thần dùng hình kỳ lân,*

thượng đẳng thần dùng hình long mã.” (*Kiến văn tiểu lục*). Đại Nam thực lục còn cho biết vào thời Minh Mạng, Văn miếu tỉnh Ninh Bình có tượng Khổng Tử và bốn vị thánh của đạo Nho đều đội mũ Miện, mặc áo Cổn; vua Minh Mạng và các quan đều cho rằng Cổn Miện là trang phục của bậc vương giả, cách ăn mặc thể hiện trên tượng như vậy là thất lễ, nên hạ lệnh đem chôn. Những dẫn chứng này khiến chúng tôi muốn lưu ý rằng, không thể khinh suất dựa vào các pho tượng được tạc dựng vào triều đại sau này để úc đoán trang phục của triều đại trước đây, như trường hợp một số người nghiên cứu khi khảo trang phục của vua Lý Thái Tổ (974-1028) đã dựa vào pho tượng chùa Kiến Sơ mang đậm thủ pháp dân gian cuối thời Hậu Lê thế kỷ XVIII.

Các dữ liệu mô tả trang phục của vua quan Việt Nam thời phong kiến hầu hết là tư liệu Hán văn, nếu không có kiến thức nhất định trong lĩnh vực cổ trang, khi phiên dịch người dịch dễ để lại nhiều sai lạc. Không thể phủ nhận, bản dịch của tiền nhân cũng có những sai sót khiếu nhiều người nghiên cứu về sau bị sai theo. Như bản dịch *Toàn thư* lưu hành hiện nay dịch áo Xưởng Hạc là áo lông hạc, mũ Thất Lương Quan là mũ bảy cầu, mũ trụ đính cánh phượng bằng vàng (kim phượng xí) là cánh mũ *thêu* phượng vàng v.v. Bản dịch *An Nam chí lược* dịch phuong tâm khúc lĩnh là tim vuông tràng áo cong, mũ Đường Cân là khăn tàu v.v. Trên thực tế, Xưởng Hạc, Lương Quan, phuong tâm khúc lĩnh, phuong xí, Đường Cân đều là tên riêng của các loại áo, mũ, phục súc. Vậy nên khi khảo cứu, chúng tôi cố gắng truy nguyên về nguồn, tìm ra tư liệu gốc làm cơ sở, diễn dịch những tư liệu đó một cách chuẩn xác, nhằm đưa ra những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy.

Do tư liệu khan hiếm, trong cuốn sách này, chúng tôi chỉ có thể bước đầu khảo cứu trang phục cung đình Việt Nam từ triều Lý tới triều Nguyễn (1009 - 1945), những thông tin liên quan đến trang phục cung đình trước thời Lý sẽ được trình bày tại phần Tổng quan. Chúng tôi biết việc nghiên cứu chưa thể dừng lại ở đây, những hạn chế về mặt chuyên môn, về tư liệu luôn cần được bổ khuyết. Trong tương lai có thể có những ý kiến mới, những phát hiện mới giúp củng cố hoặc bác bỏ kết luận nào đó của chúng tôi, dù theo hướng nào chúng tôi vẫn trân trọng coi đó là sự đóng góp tích cực cho nghiên cứu này.



Đầu hò: 1. Đầu hò trong cung đình triều Nguyễn Việt Nam; 2. Minh Tuyên Tông hành lạc đồ - Trung Quốc; 3. Lâm hạ Đầu hò - Triều Tiên. 4. Ngày xuân chơi Đầu hò tại chùa Sensoji Nhật Bản.

cai trị bạo tàn, người Việt vùng đồng bằng sông Hồng có thể coi là một trong những cộng đồng “làm loạn” nhiều nhất trong thời còn nội thuộc

Để tiện khảo cứu và trình bày, chúng tôi phân trang phục thời phong kiến - quân chủ thành hai loại hình: cung đình và dân gian. Trong đó, trang phục cung đình, ở giai đoạn phong kiến - quân chủ, với tư cách là văn hiến áo mũ của một quốc gia độc lập, đã trải qua những vận động đặc thù, để mang một diện mạo vừa có nét tương đồng, vừa có điểm đặc biệt so với trang phục của triều đình các nước Trung Quốc, Triều Tiên⁽¹⁾, Nhật Bản.

I. TỔNG QUAN TRANG PHỤC CUNG ĐÌNH VIỆT NAM



Nghiên cứu văn hóa cung đình Việt Nam, không thể không xét đến hai luồng tư tưởng gây ảnh hưởng sâu đậm và mang tính quyết định, đó là *tư tưởng Đế vương* và *quan niệm Hoa di*. Diện mạo văn hóa trang phục của cung đình Việt Nam cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng này.

1. Những tư tưởng ảnh hưởng đến văn hóa trang phục cung đình Việt Nam

1.1. Tư tưởng Đế vương

Bắt nguồn từ ý thức độc lập, tự chủ, chống chịu đến cùng trước những chính sách

1. Chúng tôi dùng tên này để chỉ nước Triều Tiên thời kỳ phong kiến thống nhất từ năm 1910 trở về trước, khi chưa bị Nhật Bản chiếm đóng và chưa bị chia tách thành CHDCND Triều Tiên và Hàn Quốc như hiện nay.

ách thống trị của Trung Quốc⁽¹⁾. Bất kể quan niệm của người phuong Bắc cho rằng, trời chỉ có một thiên tử, thiên hạ chỉ có một hoàng đế, song không ít thủ lĩnh nước Việt mỗi khi giành được độc lập, giành quyền làm chủ cõi đất phuong Nam đều xung đế, dù khi chạm trán thiên triều vẫn nhún mình xung là bề tôi: Lý Bí xung đế năm 544, Mai Thúc Loan xung đế năm 713, và năm 968, Đinh Bộ Lĩnh tự xung Đại Thắng Minh hoàng đế... Phan Huy Chú sở dĩ coi nước Việt *từ thời Đinh Lê mở nước đổi chơi với Trung Hoa*⁽²⁾, bởi tính từ thời điểm này trở đi, vị thế của một đất nước độc lập đã được khẳng định, tư tưởng bá chủ trời Nam đã hết sức sáng rõ như chính lời chúc của Nam Việt Vương Đinh Liễn nhắn gửi trên cột kinh tràng: “*Chúc Đại Thắng Minh hoàng đế mãi làm bá chủ trời Nam, giữ yên ngôi báu*”, “*mãi trấn vững trời Nam, thú là khuông phù để nghiệp*.”⁽³⁾ Việc ấy cũng như lời nhận xét của quan Trung Quốc thời Minh là Lý Văn Phượng: “*Nhật Tôn tự làm đế nước ấy [...] lấy quốc hiệu Đại Việt. Từ ấy về sau, con cháu họ Lý cho tới họ Trần, Lê, Mạc đều giâm theo vết cũ, tiếm xung đế hiệu.*”⁽⁴⁾

Việc vua nước Việt xung đế, đồng nghĩa với việc ông vua Việt được hưởng mọi đặc quyền, nghi lễ dành cho thiên tử, không kém vua Trung Hoa. Thái độ của triều đình phuong Bắc đối với việc lấn vượt, “*không kiêng dè*”⁽⁵⁾ của triều đình Đại Việt là nhiều khi đành phải khuất mắt trông coi như ghi nhận



Ròng thời Lý khai quật tại hoàng thành Thăng Long.

1. Sự “làm loạn” này được không ít quan lại phuong Bắc “đưa tin” về thiên triều như Thái thú Giao Chi, Hợp Phố thời Ngô là Tiết Tông (?-243) dâng sớ viết: “(*Giao Chi*) núi rùng hiểm trớ, dẽ làm loạn, khó trị” (*An Nam chí lược*. Tr.118. Nguyên văn: 險阻山林，易以爲亂，難使從); Thủ sứ Giao Châu thời Tây Tân là Đào Hoàng cũng viết: “*Dân ở chau này thích gây hoa loạn.*” (*An Nam chí lược*. Tr.121. Nguyên văn: 此州之民好為禍亂); đến tận thời Ngũ Đại, vua Nam Hán là Lưu Nghiêm vẫn phàn nàn: “*Dân Giao Chi ưa làm loạn*”. (*An Nam chí lược*. Tr.279. Nguyên văn: 交趾民好亂)

2. (Việt) *Loại chí - Văn tịch chí - Tự*. Nguyên văn: 自丁黎肇國，抗衡中華

3. *Văn khắc Hán Nôm*. Tập 1. Tr.64, 66. Nguyên văn: 祝大勝明王皇帝永霸天南，恆安寶位 [...] 先祝大勝明王皇帝永鎮天南，次為匡佐帝圖

4. (Trung) *Việt kiệu thư - Tổng tự - Sứ* 162. Tr.666. Nguyên văn: 日尊自帝其國…自是以後，其子孫及陳、黎、莫氏皆踵其故事，僭帝號焉

5. Từ dùng của Chủ Nhân Hoạch, người thời Thanh. (Trung) *Kiên hô du tập - Q.1 - An Nam chí lược*. Nguyên văn: 安南國去中國數千里，雖名秉聲教，實自帝其國，建元制無忌也 (Nước An Nam cách Trung Quốc mấy ngàn dặm, mang tiếng giữ gìn thanh giáo, nhưng kỳ thực tự làm hoàng đế một nước. Đặt niên hiệu, định quy chế đều không kiêng dè)

của quan nhà Tống, Trịnh Túng: “*Họ Lý từ sau Công Uẩn truyền đến thời Hạo Sâm ngày nay, thảy tám đời. Tên các đời là Nhật, là Càn, là Dương, là Thiên, là Long đều có ý lấn vượt bê trên. Triều đình coi nước ấy xa noi góc bể, không thèm lần lữa so đo*”⁽¹⁾; cũng có khi lại trở thành một trong những cái cớ để san bằng nước Việt, mà đỉnh điểm là cuộc xâm lược của nhà Minh trong những năm đầu thế kỷ XV. Việc “*không tuân theo chính sóc của triều đình (lịch nhà Minh), tiếm vượt đổi quốc hiệu thành Đại Ngu, xưng láo tôn hiệu, đổi niên hiệu Nguyên Thành*”⁽²⁾, một trong hai mươi tội ác nhà Minh gán cho cha con họ Hồ, trên thực tế cũng chính là quán lệ của triều đình Đại Việt. Nhưng sau bao công sức đổ vào công cuộc giáo hóa hòng răn dạy An Nam phải ngoan ngoãn nghe lời, ý đồ của nhà Minh vẫn hoàn toàn sụp đổ, bởi với chiến thắng của Lê Lợi hai mươi năm sau, “*đất cát lại là đất cát An Nam, nhân dân lại là nhân dân An Nam, phong tục áo mũ lại được đúng nhu xưa, nền nếp mới giềng lại được sáng như cũ*”⁽³⁾, đặc biệt, theo Lý Văn Phượng, Lê Lợi đã “*không nghĩ đến việc thành thật hối lỗi, bè ngoài thần phục, nhưng bên trong lại rắp tâm lấn vượt, tiếm hiệu, cải nguyên để đổi chơi ngang hàng với Trung Quốc.*”⁽⁴⁾

Chính vì vậy, cũng dễ hiểu khi vua chúa Việt Nam luôn muốn mình ngang hàng, thậm chí vượt trội so với các vị vua tài đức của Trung Hoa, mà không phải vua chúa của một quốc gia nào khác. Sự so sánh này khi là sự so bì về tài năng như Lý Chiêu Hoàng khen chồng, Trần Cảnh: “*Văn chất đù vẻ, thực thể cách quân tử hiền nhân, uy nghi đường hoàng, có tư chất thánh thần văn võ, dù Hán Cao Tổ, Đường Thái Tông cũng*



Giá đỡ chậu rửa thời Nguyễn (BAVH).

1. (Trung) *Trịnh Khai Dương tạp trú - Q.6 - An Nam chí lược*. Tr.45. Nguyên văn: 李氏自公蘊而後歷傳至今吳昆凡八世，名字曰曰乾曰陽曰天曰龍皆有僭上之意。朝廷以其僻在海隅，不復與較也

2. (Trung) *Minh thực lục - Thái Tông thực lục - Q.60 - Mục ngày Ất Mùi tháng 10 năm Vĩnh Lạc thứ tư*. Nguyên văn: 不奉朝廷正朔，僭改國名大虞，妄稱尊號，紀元元聖，罪三也 Toàn thư chép niên hiệu thời Hồ Quý Ly là Thánh Nguyên

3. (Việt) *Lam Sơn thực lục - Phụ lục lời bình*. Nguyên văn: 土地復安南土地，人民復安南人民。凡俗衣冠得以復正，綱疇統紀得以復明矣

4. (Trung) *Việt kiệu thư - Tự*. Tr.664. Nguyên văn: 為利者不思輸誠悔罪，乃外臣服衷懷不軌，僭號改元以與中國抗衡

không hon được⁽¹⁾, hay sứ thần Vũ Quỳnh khen vua Lê Thánh Tông: “Quy mô xếp đặt, công nghiệp trung hưng, có thể sánh vai với Hạ Thiếu Khang, nối gót được Chu Tuyên Vương, mà khinh hán Hán Quang Vũ, Đường Hiển Tông là hạng dưới vậy”⁽²⁾; khi là sự so sánh về đức độ như vua Trần Dụ Tông khen vua Trần Thái Tông: “Sáng nghiệp Việt - Đường, hai Thái Tông/ Kia xung Trinh Quán, ta Nguyên Phong/ Kiến Thành bị giết An Sinh sống/ Miếu hiệu nhu nhau, đức chẳng đồng”⁽³⁾; cũng có khi chỉ đơn giản là sự so sánh về dáng vẻ của đôi tai, con mắt như trường hợp Thượng thư Nguyễn Công Bật ca ngợi vua Lý Nhân Tông: “Mắt trong mà đen trắng rõ ràng, khác con mắt hai người Thuần đế; tai đẹp mà vành tai dài rộng, chê cái tai ba lỗ Hạ vương”⁽⁴⁾ v.v. Việc so bì tài năng đức độ với vua chúa Trung Hoa trên thực tế đã không còn là việc “lưu hành nội bộ” trong triều đình Đại Việt. Triều Tiên vương triều thực lực cho biết, vào ngày mồng 1 tháng 5 năm Triều Tiên Thái Tông thứ 7 (năm 1407), quan Nội sứ nhà Minh là Trịnh Thăng, hành nhân Phùng Cẩn, mang tờ chiếu bình định An Nam đến Triều Tiên. Tại cung Kyeongbok, sứ thần tuyên chiếu, sai Jeong Gu (鄭矩) dùng tiếng địa phương, Jo Jeong (曹正)



Chuông. Chuông Trung Quốc thời Đường (618-907. Bảo tàng Giang Tây); Chuông Việt Nam thời Lý (1009-1225. BTLSVN); Chuông Hàn Quốc thời Cao Ly (918-1392. Chùa Đại Phúc Daeboksa). Chuông Nhật Bản thời Bình An (794-1192. Chùa Quán Thế Âm Kanzeonji).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 文質彬彬, 誠賢人君子之體; 威儀抑抑, 有聖神文武之資, 雖漢高唐太未能過. Những lời khen này vốn được viết bởi tay văn thần do Trần Thủ Độ sáp đặt.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 其規模之略, 中興之功, 可比肩夏少康, 蹤迹周宣王, 薄漢光、唐憲於下風矣

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 唐越開基兩太宗, 彼稱貞觀我元豐, 建成誅死安生在, 廟號雖同德不同

4. (Việt) *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.392. Nguyên văn: 眸澄而青白分明, 異重瞳於舜帝;耳壽而輪郭修廣, 噴三漏於夏王

dùng tiếng Hán đọc chiếu. Tờ chiếu có đoạn kể tội “*Tự cho thánh triết hon Tam hoàng, đức cao hon Ngũ đế; coi Văn vương, Võ vương không đủ làm phép tắc, khinh Chu công, Khổng tử không đủ làm bậc thầy; hủy báng Mạnh Tử là đạo nho (tay nhà nho ăn trộm - TQĐ chử), Trình – Chu thạo cớp nhặt. Dối thánh dối trời, không ngôi không thú. Tiếm quốc hiệu gọi là Đại Ngu, trộm kỷ nguyên gọi là Thiệu Thánh. Xung là Lưỡng cung hoàng đế, dám dùng nghi lễ triều đình. Chẳng phải chỉ ngang tàng ở cõi xa, mà kỳ thực muốn chống chọi ngang hàng cùng Trung Quốc.*”⁽¹⁾

Về mặt lễ nghi trang phục, bởi vậy, cũng không thể thua kém. Do có sự nhận đồng về điển chương, văn hiến của Trung Quốc, trong suốt một thời gian dài, cũng giống như Triều Tiên, triều đình Việt Nam đã coi thế chế, văn hiến Trung Hoa là nguồn tham khảo chính thống. Chế độ trang phục cung đình Việt Nam đã mô phỏng chế độ của Trung Quốc để có được sự uy nghiêm, chuẩn mực tương tự. Tuy nhiên, theo quy luật sáng tạo văn hóa, lại trên tinh thần tự chủ, chủ động xây dựng đất nước theo mô hình Trung Hoa, triều đình Việt Nam trong hơn một ngàn năm phong kiến - quân chủ dù nhiều lần mô phỏng chế độ áo mũ, lê nhạc, khoa cử của các triều đại Trung Quốc, vẫn luôn tạo nên những nét biến dị độc đáo, làm tôn thêm vẻ uy nghi, sang trọng của vua quan nước Việt.

1.2. Quan niệm Hoa di

Ngoài tư tưởng Đế vương, triều đình Việt Nam còn chịu ảnh hưởng từ một quan niệm, vốn tràn ngập trong các kinh điển của Trung Quốc, đó là quan niệm Hoa di. Trước thế kỷ XIX, khi chưa trở thành danh từ riêng đặc chỉ một chủng tộc hay một quốc gia cụ thể, các khái niệm “Hoa”, “Hà”, “Trung quốc”, “Trung Hạ”, “Trung châu” v.v. xuất hiện trong kinh điển thời Xuân Thu (770-476 tr.CN) **được dùng để chỉ vùng đất, cũng có khi chỉ những người văn minh ở trung tâm, có lẽ giáo, khu biệt với các sắc dân man, di, nhung, địch ở bốn phía xung quanh.** *Chiến quốc sách* giải thích: “*Trung quốc là noi bậc trí tuệ thông minh cư trú, noi vạn vật tài nguyên hội tụ, noi thánh hiền triển khai giáo hóa, noi nhân nghĩa được ban bố thi hành, noi thi thư, lê nhạc được sử dụng, noi tài nghệ kỵ*

1. (Triều) *Triều Tiên vương triều thực lực* – Thái Tông thực lực. Mục ngày 1 tháng 5 năm Thái Tông tứ 7. Nguyên văn: 甲寅朔, 内史鄭昇、行人馮謹, 齋平安南詔來, 結山棚, 陳百戲, 上率百官具朝服, 迎于盤松亭。前導至景福宮, 使臣宣詔, 命鄭矩以鄉音, 曹正以漢音讀之。詔曰[...]自以爲聖優於三皇, 德高於五帝; 以文、武爲不足法, 下周、孔爲不足師; 毀孟子爲盜儒, 謗程、朱爲剽竊。欺聖欺天, 無倫無理。僭國號曰大虞, 竊紀年曰紹聖。稱爲兩宮皇帝, 冒用朝廷禮儀。非惟恣橫於偏方, 實欲抗衡於中國 *Toàn thư* chép niên hiệu thời Hồ Hán Thương là Thiệu Thành.



Mạnh Tử (*Thánh miếu tự điện đồ khảo*).

(Việt) *Đại Nam Quốc âm tự vị dịch* cụm từ “*Dụng Hạ biến Di*” là: “*Dùng phép Ké Chợ mà đổi thói moi*” (Tr.230), đồng thời giải thích từ Hoa di nghĩa là “*Ké Chợ, mọi noi chung*”. (Việt) *Mạnh Tử Quốc văn giải thích* giải thích: “*Hạ là noi văn minh, có lẽ nghĩa giáo hóa*.” (Quyển hạ. Tr. 306).
Mạnh Tử sùng bái đọc sách Đường (phiếm chỉ sách vở Trung Quốc), đúng từ góc độ nhà Đường trông sang để soi chiếu Nhật Bản thì luôn xiểm nịnh nhà Đường và riêng dùng khái niệm *di rợ* để lý giải Nhật Bản, hoàn toàn *đi ngược lại* tôn chỉ Xuân Thu của Khổng Tử. Khổng Tử mà sinh ra ở Nhật Bản thì sẽ từ Nhật Bản lập ra tôn chỉ Xuân Thu. Hiểu như vậy mới là người giỏi học sách Xuân Thu. Nay đọc Xuân Thu mà gọi Nhật Bản là *di rợ* thì không phải do sách Xuân Thu hại đến đạo Nho, mà do kẻ không giỏi đọc Xuân Thu hại sách Xuân Thu vậy.”⁽²⁾ Như vậy, Keisai quan niệm

tuyệt được triển thi, noi phuong xa đến quan nguõng, noi man di phỏng noi theo.”⁽¹⁾

Từ quan niệm “trung tâm văn minh”, Á thánh của đạo Nho, Mạnh Tử chủ trương “dùng Hạ biến di”, đem văn minh tiên tiến của trung nguyên truyền bá ra xung quanh như một công cuộc khai hóa. Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận một phần văn hóa Hán, hấp thu tư tưởng Xuân Thu, vua tôi các nước Việt, Triều, Nhật đều tự nhận là Trung quốc, Trung Hạ, tức **chủ thể của một nền văn minh có đầy đủ lẽ giáo, văn hiến không thua kém các triều đại Hán Đường**. Asami Keisai (淺見炯齋), học giả Nhật Bản thời trung đại từng bàn luận về khái niệm Trung quốc cho biết:

“*Nước tôi (chỉ Nhật Bản) biết đạo Xuân Thu thì nước tôi là chủ thể. Nếu coi nước tôi là chủ thể thì thiên hạ đại nhất thống là đúng ở góc độ nước tôi nhìn sang các nước khác, đó cũng chính là tôn chỉ của Khổng Tử. Không nǎm được điều này mà đọc sách Đường thì thành* ra những kẻ sùng bái đọc sách Đường (phiếm chỉ sách vở Trung Quốc), đúng từ góc độ nhà Đường trông sang để soi chiếu Nhật Bản thì luôn xiểm nịnh

nhà Đường và riêng dùng khái niệm *di rợ* để lý giải Nhật Bản, hoàn toàn *đi ngược lại* tôn chỉ Xuân Thu của Khổng Tử. Khổng Tử mà sinh ra ở Nhật Bản thì sẽ từ Nhật Bản lập ra tôn chỉ Xuân Thu. Hiểu như vậy mới là người giỏi học sách Xuân Thu. Nay đọc Xuân Thu mà gọi Nhật Bản là *di rợ* thì không phải do sách Xuân Thu hại đến đạo Nho, mà do kẻ không giỏi đọc Xuân Thu hại sách Xuân Thu vậy.”⁽²⁾ Như vậy, Keisai quan niệm

1. (Trung) *Chiến quốc sách - Triệu sách*. Nguyên văn: 中國者，聰明叡智之所居也，萬物財用之所聚也，賢聖之所教也，仁義之所施也，詩書禮樂之所用也，異敏技藝之所試也，遠方之所觀赴也，蠻夷之所義行也

2. (Nhật) *Trung Quốc biện*. Dẫn theo *Đài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khan*. Q.3. Kỳ 2. Tr.96. Nguyên văn: 吾國知春秋之道，則吾國即主也。若以吾國為主，成天下大一統，由吾國見他國，則是孔子之旨也。不知此而讀唐書，成崇拜讀唐書者，此特由唐來眺望以映照日本，總是諂媚彼方，唯以夷狄理解之，全違背孔子春秋之旨也。孔子若亦生日本，從日本以立春秋之旨也，是則所謂善學春秋者也。今讀春秋而曰日本為夷狄，非春秋害儒者，係不能善讀春秋者害春秋也

những người đã học theo kinh điển của Trung Quốc thì không thể bị coi là man di, và bản thân những quốc gia có lẽ giáo tương tự các triều Hán Đường cũng đều có thể được coi là Hoa Hạ, là Trung quốc. Hay có thể hiểu một cách đơn giản hơn như học giả người Mỹ, Alexander Barton Woodside về chính khái niệm “Trung quốc” được sử dụng tại Việt Nam vào thời Nguyễn: “*Năm 1805, vua Gia Long coi Việt Nam là “vuong quốc trung tâm” hay Trung quốc. Thuật ngữ tiếng Hán thông thường được dùng để chỉ Trung Hoa, nhưng trong tay người Việt, nó lại trở thành một khái niệm trừu tượng không có sự tham khảo địa lý nào. Nó biến đổi thành một cụm từ có khả năng được dùng để chỉ bất kỳ vuong quốc nào được lập nên trên cơ sở những nguyên tắc kinh điển Trung Hoa, khi nhận thấy xung quanh mình bị bao bọc bởi những kẻ man di không được giáo hóa.*”⁽¹⁾

Lý giải quan niệm của vua tôi người Việt tự nhận đất Việt là quốc gia văn minh ở trung tâm mới có thể lý giải được việc vua tôi Việt Nam không ít lần sử dụng khái niệm *Trung quốc, Trung Hạ, Khu Hạ, Hoa Hạ* để chỉ nước mình. Tỉ như:

- *Toàn thư* viết: “*Truóc đây, Lý Giác trốn sang Chiêm Thành, nói tình hình hư thực của Trung quốc (1104); “Đối với những người hào kiệt Trung quốc, chúng (chỉ nhà Minh) phân nhiều vò trao cho quan tước rồi đem về an trí ở phương Bắc (1417)*; Tháng 8, năm 1426, vua Lê Thái Tổ ban dụ cho cả nước viết: “*Giặc còn ở Trung quốc, dân chúng còn chưa yên.*”⁽²⁾ v.v.

- *Thiền Tông khóa hu ngũ lục* của Trần Thái Tông khi bàn về sự quý báu của thân người có đoạn viết: “*Người nay chẳng biết, lại quý vật mà rẻ thân, chẳng hay thân mình có ba điều khó gấp [...] Một là, trong lục đạo chỉ có người là quý [...] có kẻ bị đọa xuống đạo Địa ngục, A tu la, Nga quỷ, Súc sinh, không được làm người [...] Hai là, đã được sinh ra làm người nhưng lại có kẻ sinh ra ở noi man di, tắm thì chung sông, nằm thì rợ chân, sang hèn ở lân, trai gái sống chung, chẳng đượm gió nhân, chẳng nhuần giáo hóa [...] Ba là, đã được sinh ra ở Trung quốc, nhưng sáu căn không đủ, bốn thể chẳng toàn, mù điếc ngọng câm [...] tuy ở trong Hoa*

1. *Vietnam and the Chinese model*. Tr.18-19.

2. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.135. Tờ 14b. Nguyên văn: 初覺亡占城，言中國虛實；Tr.289. Tờ 1b. Nguyên văn: 凡中國豪傑之士陽假以官，安挿于北；Tr.307. Tờ 37b. Nguyên văn: 賊在中國，民猶未定bản dịch Việt văn hiện nay chỉ dịch là nước ta, trong nước.



Hà cũng hệt nhu ở ngoài hoang dã. Nay đã làm người, được sinh ra ở Trung quốc, lại có đủ sáu căn, há chẳng quý lăm sao?"⁽¹⁾

- Đại Việt Lam son Dụ lăng bi (soạn năm 1504) đặt tại lăng vua Lê Hiển Tông (di tích Lam Kinh) có đoạn viết: "Trung quốc vũng mạnh, ngoại di kхиếp hãi."

- Tờ sớ Mạc Đăng Dung tâu lên vua Lê vào tháng 12 năm 1517 xin giết Lê Quảng Đô, đại ý nói: "Tam cương ngũ thường là ruồng cột chống đỡ trời đất, là trụ đá đặt yên sinh dân. Nước mà không có cương thường thì tuy là Trung Hà cũng có khác nào di địch. Người mà không có cương thường thì tuy mặc xiêm áo, cũng có khác nào cầm thú."⁽²⁾

- Bức thư chúa Trịnh Tráng gửi cho Toàn quyền Đông Án Hà Lan tại Batavia (nay là Jakarta) năm 1637, có đoạn viết: "Nay ta có ý mong quý quan tiết chế của quý quốc Ô Lan (tức Hà Lan - TQĐ

"Trung quốc thịnh cường, ngoại di chán diệp" (Đại Việt Lam son Dụ lăng bi – Di tích Lam Kinh. Ảnh: Trần Quang Đức).

chú) kết giao với ta. Trên danh nghĩa chân chính, hai nước đùm bọc thương yêu, mãi đến muôn đời. Vậy cát cứ hoặc hai ba tàu, hoặc hai trăm lính thiện xạ đến Trung quốc ta, lấy đó làm tin."⁽³⁾ v.v.

Phải công tâm nhìn nhận rằng, vua tôi nước Việt trong giai đoạn phong kiến tự chủ đã xây dựng đế chế theo mô thức Trung Hoa, lấy trật tự Hoa Di làm nền tảng. Mô thức này coi cõi đất hoàng đế ngự trị là trung tâm thiên hạ, tức Trung quốc, Trung Hạ, Hoa Hạ. Hoàng đế thi hành *on đúc*, đồng thời bảo ban, dạy dỗ bốn cõi xung quanh, gọi là vương hóa, hoàng hóa. Các vùng biên viễn, man di ngưỡng mộ *on đúc* của thiên triều phải thần phục và đến triều cống; những kẻ chống đối, ương ngạnh

1. (Việt) *Thiên Tông khỏa hư ngữ lục* - Quyền thượng - Phổ khuyến Bồ Đề tâm. Nguyên văn: 今者不識, 反貴其物而賤其身, 不知其身有難逢者三, 何者為三? 一者六道之中, 惟人為貴[...]或入地獄、阿修羅、餓鬼、畜生之道, 不得為人[...]二者既得為人, 或生蠻夷之處, 沿則同川, 臥則同儕, 尊卑混處, 男女雜居, 不被仁風, 不調聖教[...]三者既得生於中國, 六根不具, 四體非全, 盲聾喑啞[...]雖居華夏之中若處窮荒之外[...]今既為人得生中國, 又以六根全具, 岂為不貴乎!

2. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 三綱五常, 扶植天地之棟幹, 莫安生民之柱石, 國而無此則中夏而夷狄, 人而無此則衣裳而禽犧

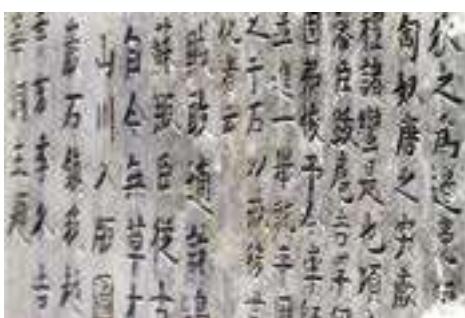
3. (Nhật) Iwao Seichi 岩生成一. "Về bức thư An Nam gửi cho Hà Lan xin Hải quân Hà Lan giúp đỡ". Dẫn theo 東方學 Dong phuong hoc. Kỳ 23. Tr.109-118. Nguyên văn: 茲我至意欲求烏蘭貴國節制貴官, 有欲結我。真正義名, 兩國悖憐, 永垂萬世。顧割或二三艦, 或善射放二百人, 到我中國, 以為手信

phải bị thảo phạt. Việt Nam vừa nằm trong hệ thống những nước triều cống của triều đình Trung Hoa, vừa thiết lập riêng một hệ thống tông chủ - phiến thuộc đối với các vùng đất và quốc gia phương Nam. Quan niệm này được thể hiện hết sức rõ rệt qua các tờ chiếu, hịch, văn khắc ghi công của vua tôi nước Việt trước hoặc sau khi thảo phạt các tộc người thiểu số và các nước phương Nam, như:

- Bài hịch đánh động Ma Sa của vua Lý Nhân Tông có đoạn viết: "Trẫm coi triệu họ trong bốn bể đều như con đẻ. Đến cõi xa cũng mến lòng nhân mà quy phụ, phương khác cũng mộ nghĩa mà lại chầu. Nay tên tù trưởng hèn nh่า người ngu xuẩn, phụ Ước Ông Cha, quên việc tuế cống."⁽¹⁾

- Thái úy Đỗ Anh Vũ nhà Lý nói: "Để bọn man di quấy Hà là tội của thần [...] Nay cấm chỉ thói moi, chắp tay mà chịu mặc hình; trộm cắp dân ven, mất mật mà theo hoàng hóa."⁽²⁾

- Văn khắc *Chinh Ai Lao kỷ công ma nhai* của Nguyễn Trung Ngạn trên sườn núi Trầm Hương (Nghệ An) năm 1335 có đoạn viết: "Vào thời



Thân chinh Phục Lễ châu Đèo Cát Hãn bi văn
Đình Nam Hương, Hà Nội.

hoàng đế thứ sáu triều Trần nước
Hoàng Việt, Thái thượng hoàng
đế Chuong Nghiêu Văn Triết được
trời ban mệnh, giữ đất Trung Hạ,
khắp trong bốn bể, đâu cũng thần
phục, Ai Lao cỏn con, dám chống
vương hóa. Năm Ất Hợi, mùa thu,
để thân chinh soái lính sáu quân,
đi tuần miền Tây, thế tử nước
Chiêm Thành, Chân Lạp, Xiêm

La cùng tù trưởng man di Đạo Thần, Quỳ Cầm [...] đều dâng phuong vật, tranh nhau nghênh đón. Mùa Đông, để đóng quân ở cánh đồng Cự Đồn

Mật châu, lệnh cho các tướng và quân lính man di tiến vào nước ấy."⁽³⁾

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 朕[...]視四海兆姓之民均如赤子。致異域懷仁而欵附, 殊方慕義以來賓。蠢爾庸首,忽負先臣之約, 忘其歲貢

2. (Việt) Cự Việt Quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự. Dẫn theo Thơ văn Lý Trần. Tập 1. Tr.464. Nguyên văn: 蠻夷猾夏, 臣之罪也[...]禁止夷俗, 拱手而受墨刑; 盜賊邊民, 襲膽而歸皇化

3. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2. Tr.287. Nguyên văn: 皇越陳朝第六帝、章堯文哲太上皇帝，受天眷命，奄有中夏，薄海内外，罔不臣服，蕞爾哀牢，猶梗王化。歲在乙亥，秋，帝親帥六師巡于西鄙，占城国世子，真腊国，暹国及蠻酋道臣、葵禽[...]各奉方物，爭先迎見。冬，帝駐蹕于密州巨屯之原，乃命諸將及蠻夷之兵入于其國

- Văn khắc trên vách đá vùng Tây Bắc *Thân chinh Phục Lễ châu Đèo Cát Hân* do vua Lê Thái Tổ ngự chế cũng có đoạn với đại ý tương tự: “*Bọn di địch là mối họa ở vùng biên cương, từ xưa đã có. Bọn Hung Nô thời Hán, bọn Đột Quyết thời Đường, bọn man moi Muòng Lễ ở phía Tây nước Việt ta cũng vậy. Vừa rồi chính trị Trần Hồ suy vi, bọn phiêu thản ngang nhiên cát cứ, Cát Hân giữ nguyên thói cũ, ý địa thế hiểm trở không chịu hối cải. Nay ta đem quân tiến đánh, hai quân thủy bộ cùng tiến, cất một trận là dẹp yên. Nhân viết một bài thơ Đường luật, khắc lên trên đá, để răn những tên tù trưởng man di chống lại vuong hóa đài sau.*”⁽¹⁾

- Tờ chiếu đi đánh Ai Lao của vua Lê Thánh Tông tháng 7 năm 1479 cũng viết: “*Bậc đế vuong đài xưa chế ngự di địch, phục tùng thì cưu mang bằng đức, phản lại thì sấm sét ra oai [...] Trẫm nay nổi công tổ tông, giũ cơ nghiệp lớn, ở đất Trung Hạ, vỗ yên ngoại di [...] Huống chi, đám dân chốn man rợ này, từ lâu nhiễm mùi hôi tanh của loài chó Lão Qua, muốn khôi phục cương thường cho tục moi [...]”*⁽²⁾. Trong tờ chiếu đánh Bồn Man, ông còn viết: “*Nước nhà ta tóm thâu bờ cõi, thống ngự Hoa di*”⁽³⁾.

Quan niệm Hoa di được đẩy lên cao độ tại Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản sau khi triều đình phong kiến Trung Hoa do người Hán trị vì bị thay thế bởi người Hồ phuơng Bắc, đặc biệt sau khi người Mân làm chủ Trung Quốc, lập nên nhà Thanh. Lúc này, ba nước đều tự nhận là quốc gia trung tâm, chủ thể lưu giữ nền văn minh cổ phác và miệt thị gốc gác du mục vốn không có lê giáo của tộc người Mân Mông. Đó cũng chính là tư tưởng ẩn chứa trong câu phản vấn của Hưng Đạo Vương trong *Dụ chư ty tướng hịch văn*, sau khi ông kể cho tướng lĩnh những câu chuyện đầy nghĩa khí thời Xuân Thu: “*Các người là tướng của Trung quốc, phụng sự tù trưởng di rợ mà không thấy căm phẫn?*”⁽⁴⁾ Về phía Triều Tiên, Tư giàn Jo Kyeong (趙絅) bày tỏ: “*Nước ta xưa nay nổi danh thiên hạ bởi có lê nghĩa, được gọi với tên Tiểu Trung Hoa, kế thừa liệt thánh, thò nước lớn một lòng, cung kính cẩn thận, nay phụng sự giặc Hồ, trộm yên tạm*

1. Nguyên văn: 夷狄之為邊患，自古有之。漢之匈奴、唐之突厥、我西越之忙禮諸蠻是也。頃由陳胡衰政，藩臣跋扈吉罕狃於舊習，負固弗悛。予今率師往征，水陸並進，一舉就平，因寫一律刻之于石，以戒後世蠻酋之梗化者。

2. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.425, tờ 20a, 21a. Nguyên văn: 古先帝王制禦夷狄，服則依之以德，叛則震之以威[...]朕丕繩祖武，光御洪圖，莅中夏撫外夷[...]矧此蠻方之生聚久汚穢狗之腥膻，欲還夷俗之綱常

3. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.424. Tờ 17b. Nguyên văn: 我國家混一區宇，統御華夷

4. (Việt) *Toàn thư*. Tập IV. Tr.206. Tờ 13a. Nguyên văn: 爾等為中國之將侍立夷酋而無忿心

bợ, kéo dài chốc lát, làm như vậy đối với tổ tiên thế nào, đối với thiên hạ thế nào, đối với hậu thế thế nào?”⁽¹⁾ Còn Matsumiya Kanzan (松宮觀山), binh pháp gia Nhật Bản thì nói: “*Trộm nghĩ, nước ta từ xưa vẫn hiến đã đủ đầy, tự xưng là Trung châu, gọi nước kia (chỉ Trung Quốc - TQĐ chư) là Tây phiên (phên giáp phía Tây - TQĐ chư). Sự phân biệt trong ngoài, thế chế rất là nghiêm ngặt.*”⁽²⁾ Đến thời Nguyễn, Đại Nam thực lục cũng như không ít sách vở triều Nguyễn gọi người Việt là “Hán nhân”, “Hán dân”⁽³⁾, gọi người Trung Quốc là “Thanh nhân”, mà “Thanh” như vua Minh Mạng từng nói, “*Tổ tiên là người Mân [...] Mân là di rợ.*”⁽⁴⁾ Thậm chí, những người phuơng Tây như người Pháp, người Anh cũng đều từng bị vua quan nhà Nguyễn gọi thẳng thừng là *Duong di*.

Quan niệm Hoa di, đúc kết lại có thể thấy rõ nhất qua sự việc Lang trung Lý Văn Phúc sang Thanh, thấy người Thanh viết bốn chữ lớn “*Việt di hội quán*” lên vách tường, ông đã rất tức giận, trách mắng quan Quán bạn, nét mặt và giọng nói đều rất dữ, không chịu vào quán, sau đó lệnh hành nhân xé nát chữ “di” đi rồi mới vào, đoạn viết *Biện di luận* để trần bầy. Đại lược nói: “*Việt Nam vốn hậu duệ của Thánh đế Thành Nông, là Hoa, chẳng phải di vây, đạo học noi theo Khổng Mạnh Trình Chu, pháp độ tuân theo Chu Hán Đường Tống, không vấn tết tóc, để vật trái như người di. Đến như vua Thuấn sinh ra ở Chu Phùng, Văn Vương sinh ra ở Kỳ Châu, người đời còn chẳng dám coi vua Thuấn, Văn Vương là di, huống hồ dám coi ta là di ư?*”⁽⁵⁾



Dụ chư ty tướng hịch văn (Toàn thư. Tập IV. Tr.206. Tờ 13a) “*Vì Trung quốc chi tướng, thị lập Di tù nhi vô phẫn tâm?*”

1. (Hàn) *Triều Tiên Nhân Tổ thực lục* - Q.32 - Mục Tháng 2 năm Bính Tý. Tr.8. Nguyên văn: 我國素以禮義聞天下，稱之以小中華，而列聖相承，事大一心，恪且勤矣。今乃服事胡虜，偷安僅存，縱延晷刻，其於祖宗何，其於天下何，其於後世何？

2. (Nhật) *Tùng Cung Quan Sơn tập*. Dẫn theo *Tòng chu biên khán Trung Quốc*. Tr.137. Nguyên văn: 竊為本邦之古，文獻大備，自稱中州，指彼西藩。內外之分，體制尤嚴矣。

3. Nội dung chi tiết của cách gọi này, ban đọc có thể tham khảo cuốn *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng* của GS.TS Choi Byung Wook. Tr.216-219.

4. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Tr.270. Nguyên văn: 大清，其先滿人[...]夫滿，夷也

5. (Việt) *Quốc sử di biên* – Tập hạ. Mục ngày 10 tháng 2 năm Thiệu Trị thứ 1 (1841). Nguyên văn: 越南



Áo Cỗn 12 chương, mũ Miện 12 lưu, ngọc khuê.
Vua Khai Định nhà Nguyễn; Vua Long Hi Đại Hân
đế quốc.

Đường thể hiện qua việc lấy màu sắc trang phục làm tiêu chí phân biệt phẩm trật của bá quan. Tiếp đến, thời Tiền Lê tới thời Lý đều lần lượt mô phỏng quy chế áo mao của nhà Tống, đánh dấu bởi các sự kiện áp dụng chế độ Triều phục năm 1006 và chế độ Công phục năm 1059. Riêng với triều đình nhà Hồ, từ sau cải cách thời Trần Thuận Tông năm 1396 mà thực chất do Hồ Quý Ly thao túng, triều phục của văn võ bá quan lại quay về mô phỏng theo chế độ trang phục của nhà Hán. Các triều Lê, Nguyễn về sau chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ trang phục của nhà Minh, bắt nguồn từ cải cách trang phục thời vua Lê Thái Tông năm 1437, được đẩy mạnh vào khoảng những năm 1471 thời vua Lê Thánh Tông, và hoàn bị vào năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông. Đối với với trang phục của các triều đại Nguyên, Thanh, vua quan nước Việt thường tỏ ra bài bác, khinh thị. Như với trang phục của nhà Nguyên, vua Trần Minh Tông từng nói rõ: “Ngôn ngữ (chỉ ngôn ngữ Hán quan phương) không khác nhau nhiều, nhưng áo mũ không thể giống nhau được.”⁽¹⁾ Nguyên Trãi nhận xét và khuyến cáo: “Người Ngô (chỉ người Minh) lâu ngày nhiễm thói tục của người Nguyên, tóc xõa, răng trắng, áo ngắn mà tay áo dài, mũ xiêm lòe loẹt, lóp lóp như lá vây [...] không nên noi theo để làm loạn quốc tục.”⁽²⁾ Còn trang phục của triều đình Mân Thanh, năm 1696, sứ thần nhà Lê cho biết “người Thanh

原聖帝神農氏之後，華也，非夷也。道學則師孔孟程朱，法度則遵周漢唐宋，未始編髮左衽為夷行者。且舜生於諸馮，文王生於岐周，世人不敢以夷視舜、文也。況敢以夷視我乎？Lý Văn Phúc làm chánh sứ đi sứ sang Yên Kinh năm 1841, toàn bộ bài Biên Di luận được chép trong Chu nguyên tạp vịnh thảo mang ký hiệu VHv.1146 Thư viện Hán Nôm, chúng tôi cung cấp tại phần phụ lục sau chương này.

1. (Việt) *Thơ văn Lý Trần*. Tập 2. Tr.740. Nguyên văn: 言語無多別，衣冠不可同

2. (Việt) *Úc Trai dì tập - Q.6 - Dư địa chí*. Nguyên văn: 吳人久淪元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳燦爛，如葉之重者 [...]皆不當因襲以亂風也

Xuất phát từ tư tưởng Hoa di, quy chế trang phục trong cung đình Việt Nam phần lớn được tham khảo từ điển chương, chế độ của triều đình Trung Quốc, một trong những thước đo văn minh đặt trong bối cảnh xã hội đương thời. Kể từ năm 939, Ngô Quyền sau khi xung vương đã lần đầu tiên cho mô phỏng quy chế áo mũ của nhà

làm chủ Trung Quốc, giộc tóc, mặc áo ngắn, noi theo thói cũ Mân Châu. Áo mũ lẽ tục Tống Minh vì vậy mất sạch.”⁽¹⁾ Bùi Văn Dị nhận định: “Triều Thanh hưởng thái bình lâu ngày [...] riêng chế độ áo mũ không đổi. Tục Mân suy cho cùng thiếu trang nhã [...] Từ khi triều Thanh làm chủ Trung Quốc, bốn phương phải cao tóc, đổi y phục. Hai trăm năm trở lại đây, tai mắt người ta đã quen cả [...] không còn nhận ra kiểu dáng Hoa Hạ ngày xưa nữa. Sú nước ta tới Yên Kinh, đội mặc phẩm phục, có kẻ nhận ra trộm nguogn mộ Hoa phong. Nhưng bọn không có trí tuệ, phần nhiều túm túm cười đùa, thấy mũ Phốc Đầu, Võng cân, đai áo bèn chỉ trả cho là kiểu cách tuồng chèo. Tục rợ Hồ thay đổi con người ta đến mức phải ta thán như vậy đấy”⁽²⁾.

Tác giả Nam sử tư ký đầu thời Nguyễn cũng chép: “Thanh Thế tổ lên ngôi, đặt niên hiệu Thuận Trị, thống nhất thiên hạ, thay đổi y phục Trung Quốc [...] Nước Nam ta y phục vẫn nhu xưa. Sau này sú nước ta đến Yên Kinh, phụ lão Trung Quốc thấy y phục của sú ta đều rơi nước mắt.”⁽³⁾ Năm 1830, chính vua Minh Mạng nói rõ: “Trẫm xem sách Hội điển của nước Thanh [...] áo mũ triều phục đều theo thói tục man di, không phải chế độ phục sức của cổ nhân, như thế lại càng sai trái, không thể làm khuôn phép.”⁽⁴⁾

Đối với trang phục dân gian, trong mắt sĩ phu người Việt, trang



Mao tiết, một trong những nghi trượng của vua quan phong kiến. 1. Mao tiết của nhà Minh (*Tam tài đồ hội*); 2. Mao tiết của Triều Tiên (*Triều Tiên ngũ lể đồ*); 3. Mao tiết của quan nhà Nguyễn Việt Nam (*Kỹ thuật người An Nam* “Cầm cờ tuyêt mao”); 4. Mao tiết trong cung đình triều Nguyễn (*Báu vật triều Nguyễn*).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 自清入帝中國雍髮短衣，一守滿洲故習。宋明衣冠禮俗為之蕩然

2. (Việt) *Du hiên tùng bút*. Nguyên văn:清朝承平日久 [...]唯衣服之製度不改，滿俗終乏雅觀[...]自清朝入帝中國，四方雍髮變服，二百年來，人已慣耳目[...]不曾又識初來華夏樣矣。我國使部來京，穿戴品服，識者亦有竊羨華風，然其不智者，多群然笑異，見襍頭綱巾衣帶，便皆指為倡優樣格，胡俗之移人，一至浩歎如此

3. (Việt) *Nam sử tư ký - Lê Trung Hưng - Chân Tông Thuận hoàng đế*. Nguyên văn: 世祖即位，紀元順治，天下一統，改易中國衣服[...]我南國衣服依舊。後我使至燕京，父老見其衣服皆流涕

4. (Việt) *Dại Nam thực lục - Q.70*. Nguyên văn: 衣冠遵循蠻夷之風，與古人相異，切勿貿然模仿



1. Nguyễn Trãi (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 2. Nguyễn Quý Kính (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

cách ăn vận như Trung Hoa thì được coi là không có gì lạ thường⁽¹⁾. Ngô Thì Nhậm từng có lời thơ thể hiện niềm tự hào là bậc kỳ lão đất Việt, vận áo mao chỉnh tề, thắt dây thao, đeo ngọc bội, rất văn minh, rất “Hoa”. Ông viết:

“Mở mang có trước sau,
Đâu riêng Trung Quốc có...
May sinh ở nước Nam,
Đường hoàng thân áo mao,
Chớ bảo ta chẳng Hoa,
Việt Thường có kỳ lão.”⁽²⁾

Đặc biệt, khác với các triều đại Lý - Trần coi Tam giáo đồng tôn mà trong đó đạo Phật có vị thế áp đảo, các triều đại Lê - Nguyễn về sau với các chính sách độc tôn Nho thuật đã có những cái nhìn khắt khe, khinh thị đối với phong tục của các sắc dân phương Nam. Quan niệm Hoa Di lúc này trở nên tiêu cực, và là một trong những nguyên nhân chính thúc đẩy triều đình Lê, Nguyễn thực thi các chính sách “dùng Hạ biến di”. Kể từ việc vua Lê Thánh Tông đánh Bồn Man, Chiêm Thành được mô tả: “Bồn Man buông nghe giáo hóa thì hạ lệnh cày xới gốc rễ của chúng, Son Man quay rối vùng biên thì cất quân quét sạch sào huyệt của chúng [...] bắt dân chúng mặc áo xiêm của ta, khiến đất chúng thành quận huyện

1. (Việt) Ô châu cận lục. Tr.252. Nguyên văn: 烏州人衣服較中華無異常[...]思榮或化語占裳，俗尤鄙俚

2. (Việt) Tuyển tập Ngô gia văn phái. Tập 1. Tr.614. Hoàn Nhĩ ngâm. Nguyên văn: 堂堂朱夫子，賢言甚推透，盛稱西南番，文字多高手，必有開其先，不獨中國有[...]幸哉生南邦，儼然佩紳綬，勿謂我不華，越裳有黃耆

phục của người dân các nước phương Nam và các sắc dân thiểu số đều bị coi là quê kệch, thô thiển. Như quan nhà Mạc là Dương Văn An (1514 - 1591) nhận xét vùng Tư Vinh (Huế): “Có người nói tiếng Huế, mặc váy Chàm, thói ấy rất quê và thô thiển”, trong khi dân vùng Ô châu có

của ta”⁽¹⁾; đến những sắc lệnh cải đổi thói tục của dân man theo thuần phong của người Việt diễn ra liên tiếp dưới thời vua Minh Mạng, mà một trong những nội dung quan trọng chính là việc hướng người man đổi mặc quần áo của người Kinh Việt. Như năm 1829, vua Minh Mạng xuống dụ ban tên họ cho các thủ lĩnh người man có đoạn viết: “Ôi sửa đổi phong tục át phải dần dần, mà đấng vương giả dạy bảo nào có phân biệt. Lần này bọn thổ ty ấy đã theo về phong hóa, mặc xiêm áo của ta, nhưng nếu cứ để cho có tên mà không có họ, há phải là ý của trẫm coi mọi người như nhau? [...] đòi đòi tuân phục, để phân rõ họ hàng, theo luân thường, đều di đến đạo lớn, khiến ngày càng nhuốm gội Hoa phong.”⁽²⁾. Năm 1834 người Thủy Xá sai sứ đến cống, vua Minh Mạng có lời dụ rằng: “Thánh nhân dùng Hạ biến di, nên lấy lẽ nghĩa dạy bảo, khiến dần dần đổi thành thói Hoa Hạ. Bèn thường cho sứ thần ấy cả bộ áo mũ trước kỳ hạn. Hôm trẫm ngự ở điện, đã chuẩn cho sứ thần ấy vào triều cống, tận mắt thấy bọn họ áo mũ chỉnh tề, quỳ lạy thung dung, đều hợp lẽ tiết, trẫm rất lấy làm khen ngợi [...] Lại thường cho chánh sứ lấy họ là Linh, vẫn dùng tên cũ là Duyên, phó sứ họ là Kiệu vẫn dùng tên cũ là Tài, ngõ hầu biết được họ tên, ngày một nhuốm gội Hoa phong.”⁽³⁾ Ông đồng thời còn nói: “Thánh nhân dùng Hạ biến di, có thể đem lẽ nghĩa ra dạy bảo thì loài có mai vảy cũng có thể thay đổi mà biết mặc xiêm áo.”⁽⁴⁾ Tháng 12 năm 1835, ông tiếp tục có lời dụ: “Đất man đã lệ thuộc bản đồ của ta từ lâu, dân man cũng là con đồ của ta, phải nên bảo ban dìu dắt, để ngày một nhuộm theo Hán phong [...] Phàm những thú cần dùng đều phải học tập Hán dân, chăm việc làm lụng. Đến nhu ngôn ngữ thì bảo họ dần dần tập nói Hán âm. Ăn uống và áo quần cũng dạy cho dần dần theo Hán tục. Ngoài ra, hẽ có điều gì phải đổi bỏ thói hủ lậu mà làm cho giản tiện dễ dàng thì cũng tùy cơ chỉ bảo. Thông cảm họ dẫu là man moi, nhưng cũng

1. (Việt) Đại Việt Lam Sơn Chiêu Lăng bi. Dẫn theo Các thể văn chữ Hán Việt Nam. Tr.305. Nguyên văn: 益蠻硬化則命將斬其根州，山蠻擾邊則興師掃其巢穴。占城豬犬之種，罪惡冠盈，則駕龍舟，統六師繫茶全之頸，夷荼盤之城，衣裳其人，郡縣其地

2. (Việt) Hội điền – Q.134 – Nhu viễn – Ban cấp sắc mệnh. Nguyên văn: 夫正俗必以其漸而王者有教無類。此次該土司等既經服我衣裳之化。若聽其有名無姓，豈朕一視同仁之意者乎[...]世世遵奉以辨族敦倫，偕之大道，俾知日染華風

3. (Việt) Hội điền – Q.133 – Nhu viễn – Tứ dữ thuộc quốc. Nguyên văn: 聖人以夏變夷，宜以禮義導之，使日漸華俗。爰先期賞給該使臣冠服全副。本日朕御殿準該使臣朝貢，親見伊等冠服齊整，跪拜從容，盡合禮節，朕心殊深嘉[...]賞正使姓嶺仍舊名緣，副使姓嶠仍舊名才，俾知姓名，日染華風

4. (Việt) Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhị kỷ - Q.132. Tr.36 (A.2772/ 27). Nguyên văn: 聖人用夏變夷能以禮儀導之則鱗介可變而衣裳矣



Long ý triều Nguyễn (Bảo tàng cổ vật cung đình Huế).

cung đình, triều đình Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản đều không còn khái niệm “vay mượn” hay “bắt chước”. Đối với các quốc gia này, văn minh Trung Hoa đã sớm trở thành một sản phẩm chung, một kho dữ liệu mà họ có quyền sử dụng, và có quyền từ đó tạo cho mình một nền văn hiến, điển chương không thua kém Trung Quốc⁽²⁾.

2. Lược sử trang phục cung đình Việt Nam

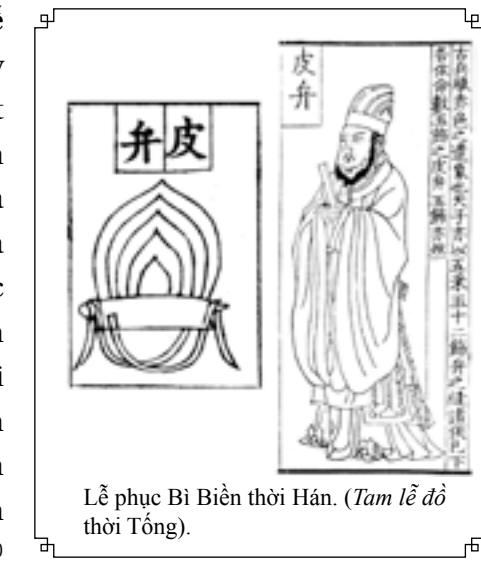
Trang phục quan phuơng của Việt Nam từ thời Đinh trở về trước hiện khó có thể truy khảo. Chỉ biết khoảng từ năm 86 “Uất Lâm, Nhật Nam, Liêu Đông, Lạc Lãng, thời Chu hoặc xõa tóc, hoặc búi tóc chuy kế, nay đội mũ Bì Biền.”⁽³⁾ Năm 808, An Nam đô hộ kinh lược sứ là Trương Châu trong khi cai trị ở An Nam đã “đổi Bì Biền thành Dai-Mũ”⁽⁴⁾ theo lối trang phục của nhà Đường; thông tin này nằm trong văn bia ca ngợi công tích của họ Trương, cho nên có thể lời người soạn có phần khoa trương. Song vào năm 939, Ngô Quyền xưng

có lương tri và lương năng [...] Hun đúc thám nhuần, dùng Hạt biến di, đây cũng là một đường lối thay đổi phong tục.”⁽¹⁾

Như vậy có thể thấy, tư tưởng Đế vương và quan niệm Hoa di đã có những ảnh hưởng mang tính quyết định đến việc lựa chọn trang phục cung đình Việt Nam. Sau khi văn hiến, phong tục Trung Hoa đã thâm nhập và hòa quyện với các yếu tố bản địa trở thành một phần của văn hóa bản địa thì từ việc sử dụng ngôn ngữ Hán trong quan phuơng đến việc áp dụng lề lối, lễ nghi cổ điển của Trung Quốc vào cuộc sống

vương, đặt ra bá quan và nghi lễ trong triều, đồng thời quy định lấy màu sắc trang phục để phân biệt phẩm trật của bá quan⁽¹⁾, đánh dấu sự áp dụng lần đầu tiên và chính thức quy chế phục sắc của nhà Đường vào cung đình nước Việt. Bởi trang phục của bá quan Trung Quốc đến thời Đường mới bắt đầu được phân biệt dựa trên màu sắc áo⁽²⁾. Sau khi xưng đế năm 968, năm 975, vua Đinh cũng định ra áo mũ cho văn võ bá quan.⁽³⁾

Những quy định cụ thể của trang phục cung đình thời Ngô - Đinh, hầu như không thể truy khảo, song qua ghi chép của sứ thần nhà Tống là Tống Cảo về cuộc sống của vua quan Đại Cồ Việt thời Tiền Lê “khi có yến hội, người vào dự tiệc đều phải cởi đai, mũ”⁽⁴⁾, và mô tả của người Nguyên về quan Đại Việt triều Trần “mặt trắng răng đen, thắt đai, đội mũ, mặc áo Đường”⁽⁵⁾, có thể thấy lối trang phục đai - mũ kiểu Đường nhiều khả năng được định hình từ thời Ngô vương và kéo dài đến thời Trần. Ngoài ra, vào thời vua Lê Hoàn, qua những ghi chép ngắn gọn của Tống Cảo, ta còn được biết trang phục của vua tôi Đại Cồ Việt thời kỳ này có vẻ khá “sặc sỡ”. Tống Cảo mô tả: “(Binh lính) mặc những chiếc áo tạp sắc... đều trổ lên trán ba chữ Thiên tử quân”, lại cho biết “Lê Hoàn hay mặc áo có hoa văn và màu đỏ, mũ lấy trán châu trang sức.”⁽⁶⁾ Cuối thời Tiền Lê, năm 1006, vua Lê Long Đĩnh đổi quan chế, Triều phục nhất nhất noi theo chế độ nhà Tống⁽⁷⁾. Triều phục (trang phục mặc trong các buổi lễ) của nhà Tống có ba loại mũ Lương Quan với ba kiểu: Tiến Hiền, Điêu Thiên, Giải Trãi, còn Công phục (trang phục dùng



Lễ phục Bì Biền thời Hán. (Tam lỗ đồ thời Tống).

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đệ nhị kỷ - Q.163. Tr.11 (A.2772/ 32). Nguyên văn: 蠻地久隸版章，蠻民亦吾赤字，必須開誘引掖，使日染漢風[...]凡一切常需均要學習漢民，勤於生理。以至言語則使之漸學習漢音。飲食衣服亦使之漸從漢俗。此外尚有應革其陋而簡便易行者亦隨宜開導。諒他雖蠻貊亦有知能[...]薰陶浸染，用夏變夷，此亦移風易俗之一道也

2. Dẫn lời Lê Quý Đôn. (Việt) *Toàn Việt thi lục* - Lệ ngôn. Nguyên văn: 文明無遜中國 (*Văn minh không kém Trung Quốc*); (Việt) *Đại Việt thông sử*- Tự. Nguyên văn: 文物章程之懿不遜中國 (*Văn vật điển chương rát đẹp, không kém Trung Quốc*).

3. (Trung) *Luận hằng* - Q.19 - Khôi quốc. Nguyên văn: 郁林、日南、遼東、樂浪，周時被髮椎髻今戴皮弁

4. (Trung) *Liêu Hà Đông tập* - Q.10. Nguyên văn: 易皮弁以冠帶

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春王始稱王，立楊氏為后，置百官，制朝儀，定服色

2. *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển*. Tr.193.

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 定文武冠服

4. (Trung) *Tống sử* - Giao Chỉ truyền. Nguyên văn: 凡有宴會，預坐之人悉令解帶冠以帽子

5. (Trung) *Đảo di chí lược*. Nguyên văn: 面白而黑齒，帶冠，穿唐衣

6. (Trung) *Tống sử* - Giao Chỉ truyền. Nguyên văn: 廣率其民，混為軍旅，衣以雜色之衣[...]悉黥其額曰天子軍[...]凡有宴會，預坐之人悉令解帶，冠以帽子。桓多衣花纊及紅色之衣，帽以真珠為飾

7. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 改文武臣僚僧道官制及朝服，一遵于宋



Dai - Mũ. Quan thời
Đường cầm hốt trong
Bộ liền đồ.

khi xử lý công vụ, thời này đồng nghĩa với Thường phục) duy có mũ Phốc Đầu⁽¹⁾. *Toàn thư* cũng ghi nhận sự tồn tại của loại mũ Lương Quan vào thời Lý, đồng thời cho biết năm 1059, nhà Lý “lệnh cho bá quan phải đội mũ Phốc Đầu, đi hia mới được vào triều, việc đội mũ Phốc Đầu, đi hia bắt đầu từ đó.”⁽²⁾ Như vậy, chế độ Triều phục và Công phục của bá quan nhà Tống lần lượt được áp dụng vào triều đình Đại Việt với mốc năm 1006 và năm 1059.

Chế độ trang phục của nhà Trần về cơ bản kế thừa chế độ của nhà Lý. Tuy nhiên, tính đến trước thời điểm năm 1396, nhà Trần có hai đợt cải cách trang phục Thường triều cho bá quan, lần thứ nhất diễn ra vào năm 1254, lần thứ hai sau đó 46 năm. Từ năm 1301, kiểu dáng áo mũ Thường triều của bá quan đều được chế mới. Lúc này, mũ Phốc Đầu của thời Lý bị phế bỏ, thay vào đó là mũ Đinh Tự. Riêng Tụng quan được quy định đội mũ Toàn Hoa màu xanh. Vương hầu hoặc đội mũ Triều Thiên, hoặc đội mũ Bao Cân tùy xem họ để tóc dài hay cắt ngắn. Ngoài ra, trong chế độ quan phục Lý Trần còn có sự xuất hiện của quy chế Ngư đại, thú trang sức có hình con cá, mắc vào đai để tỏ sự sang trọng, vinh hiển, phỏng theo chế độ quan phục nhà Tống, mà xa hơn là nhà Đường. Trang phục nhà Hồ kế thừa chế độ áo mũ nhà Trần sau cải cách năm 1396 với những chiếc mũ Khuốc Phi, Viễn Du, Thái Cổ, Cao Sơn v.v. vốn là các loại mũ mao của bá quan nhà Hán, thể hiện rõ tâm lý sùng cổ và muốn có sự khu biệt về văn vật của nhà Hồ. Với nhiều lý do, nhà Hồ chỉ giữ ngôi được 7 năm, để một lần nữa sau 1000 năm Bắc thuộc, đất nước lại rơi vào ách thống trị của Trung Hoa.

Lê Lợi phất cờ khởi nghĩa Lam Sơn, sau 10 năm thu lại được toàn vẹn lãnh thổ, tái thiết triều đình Đại Việt. Sau khi kỷ cương được lập lại, quan chế và trang phục triều đình Lê sơ đều tuân theo chế độ Trần - Hồ, thể hiện ở việc sử dụng rộng rãi mũ Cao Sơn cho văn võ bá quan.

1. Trung Quốc phục súc thông sử. Tr.110.

2. Những thông tin liên quan đến trang phục cung đình từ thời Lý tới thời Nguyễn trong phần tổng quan này chúng tôi không tiếp tục sử dụng cước chử.

Song đến tháng 5 năm 1437 thời vua Lê Thái Tông, một cuộc tranh cãi nảy lửa giữa phe bảo thủ muốn gìn giữ chế độ cổ Trần - Hồ và phe cấp tiến muốn du nhập chế độ áo mũ triều mới của nhà Minh đã diễn ra, mà đứng đầu hai phe là Nguyễn Trãi và Lương Đăng. Do sự thiếu khuyết sử liệu và sự chần chừ của Nguyễn Trãi, vua Lê Thái Tông đã chuẩn theo tấu nghị của Lương Đăng du nhập một phần chế độ phẩm phục của nhà Minh, theo đó “vào dịp đại lễ vua mặc áo Cổn, đội mũ Miện, Thường triều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào; mồng một, ngày rằm, bá quan mặc Công phục, đội Phốc Đầu; Thường triều đội mũ Ô Sa, áo cổ tròn.” Năm 1437, vua Lê Thái Tông đồng thuận việc du nhập dạng áo mũ Công phục và Thường phục mới của nhà Minh (lúc này khái niệm Công phục đã không còn đồng nhất với khái niệm Thường phục), làm tiền đề cho năm 1471, vua Lê Thánh Tông tiếp tục du nhập chế độ phẩm phục Bồ tử, và năm 1486 quy định bá quan vào triều phải đội mũ Ô Sa với hai cánh nhất loạt hướng về phía trước. Chế độ Ô Sa - Bồ phục là chế



Bồ tử (vuông vải thêu hình chim thú đỉnh trước ngực bá quan văn võ để phân biệt phẩm cấp). 1. Bồ tử Tiên hạc của nhà Minh (Chức tú trân phẩm); 2. Bồ tử Tiên hạc của Triều Tiên (BTCCQLSU); 3. Bồ tử Tiên hạc của nhà Nguyễn (A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam).

độ áo mũ có thể khu biệt khá kỹ chức tước, phẩm trật của bá quan, vậy nên nhà Thanh, nhà Triều Tiên, Lưu Cầu (nay là tỉnh Okinawa, Nhật Bản) và nhà Nguyễn sau này đều tham chước mô phỏng. Đến thời vua Lê Hiến Tông, năm 1500, triều đình Đại Việt đã thực hiện cải cách đổi với chiếc mũ Phốc Đầu, trong đó bao gồm việc sửa đổi kiểu dáng cánh chuồn và quy định trang sức vàng bạc trên mũ để tiếp tục phân biệt phẩm cấp một cách kỹ lưỡng hơn. Các triều vua Lê về sau cho đến thời nhà Mạc cũng có một số lần thay đổi quy chế mũ mao phẩm phục, song nhìn chung vẫn dựa trên chế độ cơ bản được xác lập từ thời vua Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông.



Bộ phục. Thường phục của quan Đại Việt thời Lê (mũ Ô Sa, áo cỗ tròn đinh Bồ tử) và quan Việt Nam thời Nguyễn (mũ Đông Pha, áo giao lĩnh đính Bồ tử) trong *Hoàng Thanh chúc cống đồ* (Q.1 và Q.9).

Sau những động loạn cuối thời Lê sơ, bước vào thời Lê Trung Hưng, vua Lê dần dần chỉ còn hưu vị, cán cân quyền lực ngả sang chúa Trịnh, khiến một phần quy chế áo mũ dành cho thiên tử nhà Lê bị lược bỏ. Trước đây, bá quan có Triều phục, Thường phục mặc vào chầu vua, thì nay còn có thêm bộ trang phục để mặc riêng vào vương phủ hầu chúa. Với những biến cố cung đình liên tiếp diễn ra trong giai đoạn này, cùng sự cồng kềnh của bộ máy quan liêu kể từ nửa cuối giai đoạn Lê Trung Hưng, quy chế trang phục của bá quan cũng hết sức hỗn loạn, buộc Tham tụng Nguyễn Công Hăng năm 1721 sau khi đi sứ sang nhà Thanh phải tìm kiếm điển chương cũ của nhà Minh về đặt định lại chế độ phẩm phục cho được đúng đắn. Trang phục cung đình nhà Lê lúc này tiếp tục thu nhận các kiểu dáng hoa văn, trang trí của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Cũng kể từ đây, trang phục bá quan vào hầu chúa tiếp tục được phân làm hai bộ: một bộ mặc khi chúa coi chính sự ở phủ và một bộ mặc khi chúa tiếp khách ở các.

Mặt khác, chúa Nguyễn từ khi vào phương Nam mở cõi dần dần có ý định độc lập với triều đình chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Đến thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, năm 1744, chúa tự ý xưng vương, quyết thay đổi nghi lễ, trang phục từ cung đình cho đến dân gian Đàng Trong đều nhất loạt theo phong khí mới. Từ việc kế thừa một phần trang phục của nhà Lê, tham khảo hình dạng áo mũ trong *Tam tài đồ hội* của nhà Minh, đặc biệt phổ biến kiểu áo cổ đứng cài khuy, vua chúa triều Nguyễn quả nhiên đã tạo nên “một cõi y quan văn hiến” khác hẳn với các triều đại trước đây. Những chiếc mũ Cửu Long Thông



Triều phục của quan triều Nguyễn: mũ Phốc Đầu, Măng bào Tú linh. (Ảnh: Alber Kahn).

Thiên, Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, mũ Phốc Đầu, Hổ Đầu, Xuân Thu của bá quan với không ít trang sức vàng bạc như Bác sơn, khóa giản, giao long cùng những tấm Long bào, Măng bào thêu dày đặc hoa văn rồng mây, sóng nước mang lại cảm giác “ngợp mắt” chính là đặc trưng của trang phục cung đình triều Nguyễn.

Như vậy có thể thấy chế độ áo mũ của triều đình nước Việt thường xuyên diễn ra các đợt cải cách, sửa đổi, xuất phát từ tâm lý muốn khẳng định sự tiến bộ và khác biệt về văn vật trong sự đối sánh giữa các vương triều nội bộ nước Việt và trong sự đối sánh giữa vương triều Việt Nam với vương triều Trung Quốc. Bên cạnh đó, hậu quả của những đợt phá hủy kinh thành, sách vở của quân Chiêm và quân Minh trong thế kỷ XIII, XIV cùng những động loạn của nội chính nhà Lê trong suốt những thế kỷ XVII, XVIII cũng là những nguyên nhân chính khiến việc tái thiết chế độ triều nghi, phẩm phục của triều đình trở nên bức thiết.



Biên khánh của nhà Nguyễn (*Báu vật triều Nguyễn*), nhà Tống (*Tam lê đồ*) và nhà Triều Tiên (Bảo tàng cổ cung quốc lập Seoul. Ảnh: TQĐ).

II. TRANG PHỤC DÂN GIAN VIỆT NAM

40



Bình đựng vôi đỏ và cơi trầu của người Thái. (Bảo tàng quốc gia Thái. Dẫn theo Triển lãm văn vật folklore Đông Nam Á Phi-Thái-Việt-Ấn).

Thời kỳ Bắc thuộc kéo dài suốt một thiên niên kỷ trên nước Việt, nhưng chưa lúc nào người Việt nguôi ngoai khát vọng độc lập, mà minh chứng là các cuộc khởi nghĩa của hai Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Khúc Thùa Dụ, Dương Đình Nghệ v.v. chống lại sự cai trị của triều đình phuong Bắc. Không thể phủ nhận, trong thời kỳ bị đô hộ kéo dài, người Việt đã tiếp nhận khá nhiều thành tố của văn minh Trung Hoa, nhưng các tập tục truyền thống trong

lối sống, trong sinh hoạt, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày vẫn được người Việt lưu giữ bền bỉ.

Sau khi nhà nước phong kiến - quân chủ của người Việt được tạo lập, mỗi triều đại mới dựng lên luôn quan tâm đến việc tái thiết triều nghi, phẩm phục, song riêng với trang phục dân gian, triều đình Việt Nam nhìn chung đều muốn dân chúng giữ nguyên phong tục vốn có. Ví như tháng 5 năm 1437, vua Lê Thái Tông đã chuẩn túu đê nghị của Lương Đăng, áp dụng một phần chế độ trang phục của nhà Minh vào trang phục cung đình, trong khi đó đến tháng 12 lại ra lệnh cho người Minh ở Đại Việt phải nhất loạt mặc áo và cắt tóc ngắn theo phong tục của người Kinh bản địa.⁽¹⁾ Điều này tiếp tục được minh chứng qua chính sách khoan hòa của vua Quang Trung trong chiếu lên ngôi, khi ông cho phép “y phục dân gian Nam Hà, Bắc Hà đều được theo tục cũ, chỉ có mũ áo trong triều thì nhất loạt tuân theo quy định mới” Nhìn chung, triều đình Việt Nam từ thời Lý đến thời Lê đều không có chính sách bắt ép thay đổi trang phục dân gian trong toàn quốc, ngoại trừ triều Nguyễn sau này. Dĩ nhiên, trang

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十二月，令明人著京人衣服，斷髮



TỤC NHUỘM RĂNG ĐEN

(Trung) Lĩnh ngoại đại đáp mô tả người thời Lý: “Người nước ấy áo thảm, răng đen.” (Trung) Đào di chí lược mô tả người thời Trần: “Nam nữ mặt trắng răng đen.” (Hàn) Triều Tiên vương triều thực lục (*Túc Tông*, Q.23. Năm 1691) mô tả sứ thần thời Lê: “Thường xuyên nhai trầu cau, gấp khách miêng vẫn nhai, răng đều đen như sơn.” (Việt) An Nam phong tục sách miêu tả tục nhuộm răng thời Nguyễn: “Trai gái hơn 10 tuổi, răng sữa đã thay hết, răng mới mọc đều thì ai nấy bắt đầu nhuộm răng. Cách làm là lấy cánh kiền tán nhỏ hòa với nước chua thành thuốc, quết lên lá cau, buổi đêm dán lên răng, làm hơi mướt làn nhuộm thành màu đỏ. Lại lấy phèn đen hòa lẫn với thuốc trên dán vào răng độ dăm ba lần thì nhuộm thành màu đen. Đàn ông nhuộm một lần, đàn bà nhuộm làm nhiều lần, răng phải đen nhánh mới cho là đẹp.”

phục dân gian Việt Nam không chỉ có vài kiểu dáng áo quần đơn nhất, song thường có một vài kiểu trang phục đặc biệt thịnh hành ở mỗi thời đoạn khác nhau.

Có thể nói, khác với tính chất phức tạp và sự vận động riêng biệt của trang phục cung đình, trang phục dân gian Việt Nam nhìn chung khá ổn định về kiểu dáng và hình thức, đặc biệt là trang phục của tầng lớp thường dân. Vào thời Lý Trần, áo cổ tròn là kiểu áo phổ biến của cả đàn ông và đàn bà. Riêng đàn ông còn quây Thường, một dạng váy quây bên ngoài quần lụa, dưới vạt áo Tứ Diên; đàn bà chuộng mặc áo giao lĩnh cổ lớn. Thời kỳ này, áo tứ thân

được may bằng bốn khổ vải, hai vạt song song buông dài xuống phía trước đã xuất hiện, đây cũng là một trong những kiểu áo phổ biến của phụ nữ Việt Nam được kế thừa qua suốt thời Trần, Lê. Bước sang thời Lê, kiểu áo chung của đàn ông và đàn bà là áo giao lĩnh (cổ áo vắt chéo, còn gọi là áo tràng vạt). Đàn ông lao động, lính tráng vẫn lưu giữ tục đóng khố như người thời Lý - Trần; đàn bà tiếp tục duy trì bộ trang phục yếm - váy, áo tứ thân. Từ khi chúa Nguyễn cát cứ phuong Nam, nước Việt phân làm vương quốc Đàng Trong và Đàng Ngoài, năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát hạ lệnh thay đổi toàn bộ trang phục dân gian Đàng Trong. Tại thời điểm này, kiểu dáng áo dài cổ đứng cài khuy được phổ biến, trong suốt thời Nguyễn về sau, loại áo này không ngừng thay đổi về độ dài rộng của ống tay, vạt áo, cổ áo, dần dần thay thế trang phục áo cổ tròn và áo giao lĩnh của các triều đại trước đây.

Một mặt khác, có thể nói sự chống đối “làm loạn” của người Gia Chi trong khoảng 1000 năm Bắc thuộc chắc hẳn đã dấy lên bởi chính sách tham tàn của các thái thú và những ràng buộc gò bó của lề lối Trung Hoa, nhưng đồng thời nó cũng phản náo thể hiện bản tính ưa tự do của người Việt. Có điều, về sau, tính thoái mái trong thói quen sinh hoạt

41



Áo vàng. Kỹ nữ thời Nguyễn, năm 1915, mặc áo nǎm thân màu vàng (Ảnh: Albert Kahn); Người Tonkin năm 1714, mệnh phụ mặc áo giao lĩnh màu vàng. (*Thế giới nhân vật đồ quýển*); Đàn ông thời Lê Trung Hưng xõa tóc đội nón, mặc áo giao lĩnh màu vàng (*Hoàng Thành chúc công đồ*).

nhiều khi lên tới độ “vô phép tắc” dẫn đến việc thời nào cũng có người dân “cả gan” vận quần áo màu vàng, sắc phục luôn được triều đình Việt Nam quy định dành riêng cho thiên tử. Sự “lấn vượt tài đình” này chẳng biết bắt đầu từ khi nào, chỉ biết năm 1182, vua Lý Cao Tông đã “*cấm thiên hạ không được mặc trang phục màu vàng*”⁽¹⁾, sau khi nhà Minh đô hộ nước ta cũng nhiều lần ra lệnh cấm dân gian mặc áo màu vàng⁽²⁾. Năm 1448, vua Lê Nhân Tông vẫn “*ra lệnh cho bộ Lễ tuyên bố lại lệnh cấm dân gian mặc màu vàng vì bấy giờ thói tục chuộng sự xa hoa, lấn vượt.*”⁽³⁾ Đến tận năm 1916, vua Khải Định cũng phải phê rằng: “*Ngày trước khi trẫm còn là hoàng tử luôn thấy dân chúng có nhiều người ăn mặc quần áo màu vàng, như thế là phạm luật. Nên đồng thời súc cho Phủ Thừa Thiên yết bảng nghiêm cấm từ nay trở đi nhân dân không được ăn mặc quần áo có màu vàng và những màu sắc gần với màu vàng để có sự phân biệt.*”⁽⁴⁾

Trong khi đó ở triều đình nề nếp vẫn nghiêm ngặt và gò bó hơn nhiều so với chốn dân gian, cho nên được lúc thế lực lấn át vua, tể thần Nguyễn Công Hân đề nghị chúa Trịnh Cương vận áo màu vàng tiếp kiến thần, nhưng ông vẫn một mực từ chối: “*Ta...lúc nào cũng coi sự tôn kính làm lòng. Màu vàng là sắc phục của thiên tử, ta đâu dám làm*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 禁天下不得着黃色服

2. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Tr.253. Nguyễn văn: 僱用玄黃紫色以為禁令

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 辰習尚奢僭，乃令禮部申禁民間毋得服黃色

4. (Việt) *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Tr.431.

như vậy?⁽¹⁾ Tuy thế, thi thoảng ta vẫn thấy một vài hành vi “thoái mái” của các quan chancellors cung đình, như việc các quan nhà Lê thoái mái nhổ nước cốt trầu, nhả bã ra cửa và sân Đan Trì dẫn đến lệnh cấm của triều đình vào tháng 11 năm 1473⁽²⁾ v.v.

Bản tính bảo thủ, giữ gìn bản sắc chỉ thực sự được đẩy mạnh và trở nên quyết liệt vào những thời kỳ người Việt nhận thấy có nguy cơ bị đồng hóa văn hóa, còn trong thời bình, họ lại tỏ ra khá linh hoạt trong việc tiếp thu các nền văn hóa xung quanh. Lúc này, chính những người trị vì đất nước lại ý thức về việc bảo tồn truyền thống. Không ít lần người dân phỏng theo lối ăn mặc, thậm chí nói pha tiếng người Minh, Thanh, Chiêm, Lào khiến triều đình phải ban lệnh cấm, như năm 1375, nhà Trần - Hồ “*cấm quân dân mặc kiểu áo của người phuong Bắc và phỏng tiếng nói của người Chiêm, Lào*” (*Toàn thư*). Nguyễn Trãi bình xét: “*Người trong nước không được bắt chước tiếng nói và trang phục của các nước Ngô, Chăm, Lào, Xiêm, Chân Lạp để làm loạn quốc tục.*

Lời cấm chỉ nói rằng: Tiếng Ngô toàn âm lưỡi, phải chuyển ngữ sau mới hiểu được. Tiếng Lào toàn âm họng. Tiếng Xiêm, Chăm, Chân Lạp toàn âm hâu, nghe như tiếng chim bồ lao. Người Ngô lâu ngày nhiễm thói tục của người Nguyễn, tóc xõa, răng trắng, áo ngắn mà tay áo dài, mũ xiêm lòe loẹt, lóp lóp nhu lá vây. Người Minh tuy khôi phục áo mũ Hán Đường xưa, nhưng thói tục không đổi. Người Lào dùng vải len quấn người trông như áo Thủy điền của nhà Phật. Người Chăm dùng khăn che vế đùi, để lộ hình thể. Xiêm La, Chân Lạp dùng vải bọc liền từ tay đến đầu gói như bọc xác chết, đều không nên noi theo để làm loạn quốc tục.”⁽³⁾ Ngoài ra, tháng



Khăn xếp, áo the, bộ trang phục điển hình của nam giới triều Nguyễn, là ấn tượng mặc định của nhiều người Việt về trang phục của ông cha. Tuy nhiên, dạng áo cổ đứng cài khuy định hình và phổ biến từ thế kỷ XVIII. Trước đó, nam giới người Việt phần lớn mặc áo giao lĩnh - tràng vạt. (Chân dung Chu Văn An, vẽ năm 1995).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyễn văn: 每以尊敬為心。黃天子服也，我何敢當

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 繼今百官進朝不得唾放芙蓉殘汁於丹墀門庭

3. (Việt) *Úc Trai di tập - Q.6 - Dư địa chí*. Nguyễn văn: 國人毋得效吳、占、牢、暹、真臘諸國語及服裝以亂國俗。毋者禁止之辭言：吳語從舌必譯而後知。牢語從咽，暹、占、真臘國語從喉如駛聲。然



1. Phụ nữ thời Lê mặc áo giao lĩnh (*Hoàng Thanh chúc cống đồ*); 2. Phụ nữ thời Lê mặc áo cổ tròn bốn vạt (*Văn quan vinh quy đồ*). Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); 3. Phụ nữ thời Nguyễn mặc áo tứ thân (*Việt Nam từ điển*); 4. Phụ nữ thời Nguyễn mặc áo dài cài khuy, ván khăn (Tranh Tô nữ).

thân được đặt định năm 1744 mà đến thời Nguyễn trở thành quốc phục - tiền thân của chiếc Áo dài như ta thấy ngày nay - các loại áo cổ tròn, tràng vạt, tứ thân còn hiện diện đến đầu thế kỷ XX đều là những dạng thức trang phục dân gian lưu hành phổ biến qua các thời kỳ trước đó.

皆不可效以亂國音者。吳人久淪元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳爛爛，如葉之重者。明人雖復漢唐衣冠之舊而其俗未變。宋人罽布纏身如伏家之水田。占人以巾蔽腿而露其形。暹羅、真臘以布連包手膝如屍之裹。皆不當因襲以亂風也。

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 八月初九日詔繼今上自親王下及百姓並不得娶占城人爲妻以厚風俗

2. (Việt) *Lịch triều tạp kỷ*. Tr.143-145.

8 năm 1499, vua Lê Hiến Tông xuống chiếu cấm “trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuận hậu”⁽¹⁾; năm 1696, 1717, 1727 nhà Lê liên tục cấm người trong nước không được mua phỏng trang phục, tiếng nói và đầu tóc của người Thanh; những người Thanh cư ngụ tại nước Việt đều phải nhất nhất tuân theo phong tục bản quốc, ai vi phạm sẽ bị trục xuất⁽²⁾.

Tóm lại, một phần do sự bảo thủ của người Việt, một phần do quy định của triều đình mà lối ăn vận trong dân gian qua các triều đại không biến đổi nhiều. Chỉ đến thời Nguyễn, đặc biệt dưới thời vua Minh Mạng, người dân Việt Nam mới lần đầu tiên bị ép phải thay đổi trang phục thường ngày, bị cấm sử dụng các loại áo tứ thân, váy đụp, khăn vuông, khố v.v. bắt kể nam nữ nhất nhất đều phải mặc áo dài năm thân cài khuy. Tuy nhiên, ngoài chiếc áo dài năm

PHỤ LỤC

BIỆN DI LUẬN

Khắc Trai Lý Văn Phúc

(Chép trong *Chu nguyên tạp vịnh thảo*)

Nguyên văn:

自古有中華，有夷狄，乃天地自然之限也，而華自為華，夷自為夷，亦聖賢辨別之嚴也。華之所以為華，無論已乃有華而不夷，不夷而乃夷之者，此則不容以不辨。夫夷之所以為夷，聖經人之，賢傳彼之，而周公之所必膺之也。何哉？或專於暴行而不知有道禮名分，如古之荆楚是已。又或舉其國而異端之而於吾人之綱常道義一棄而不顧，如今之東西洋黠夷是已，称之曰夷，因其所也。

我越若是班乎？我越非他。古中國聖人炎帝神農氏之後也，方其遐僻自畫，顓蒙未開，此辰而夷之，狄之可也。而於周為越裳則氏之，於歷代為交趾則郡之，未有稱為夷者。況自陳黎安南以還土地日闊，至今而倍蓰焉。北接中州廣東廣西雲南三省，西控諸蠻接於南掌緬甸諸國，東臨大海包諸島嶼，南亦抵于海，遼而西南隣于暹羅，其餘屬國附蠻不一而足，真裒然為天地間一大國矣。氏之且不可，郡之且不可，而可以夷之乎哉？然此姑淺言之耳。

以言乎治法則本之二帝三王，以言乎道統則本之六經四子，家孔孟而戶朱程。其學也源左國而流班馬。其文也詩賦則昭明文選而以李杜為依歸，字畫則周禮六書而以鍾王為楷式。賓賢取士，漢唐之科目也。博帶峩冠，宋明之衣服也。推而舉之，其大者如是。夫是而謂之夷則吾正不知其何以為華也。或為高論者曰：舜東夷之人也，文王西夷之人也，傳有之，於夷乎何損？不知此蓋就其所生之地言耳。舜文之所以為舜文，自載籍以來有稱舜為夷帝者乎？有稱文王為夷王者乎？或為卑論者曰：蓋因其異言異服而夷之耳。是尤不然。且就目前言之，如福建一省，考亭朱夫子之遺教也，而所屬泉州，人往往以巾代帽，此豈非異服，今將從而夷之乎？又如十八省言語各各不同而土語與官語又各不同，此豈非異言，亦將胥而夷之乎？其必不然也。



Quan nhà Nguyễn năm 1915 (Ảnh: Albert Kahn).

明甚通乎華夷之義，但當於文章禮義中求之，余之辨可無作也而余豈好辨哉，余不得已也。此辨既出逮入見孫總督當堂宣示云：貴使此來本督自以使臣之禮待之，不敢以外夷視也。既而中州士夫抄者相繼，其中亦多有評閱稱賞者有儒學訓導李振仁者為人極慷慨，睹我衣冠乃自擲其帽曰：我是夷而反夷人乎哉？

Dịch nghĩa:

Tù xưa, có Trung Hoa thì có di địch, ấy là sự ngăn cách tự nhiên của trời đất. Hoa là Hoa mà di là di, cũng là sự phân biệt nghiêm minh của thánh hiền. Hoa là Hoa, bất kể bản thân văn minh không man mọi, hay không man mọi nhưng lại bị coi là man mọi, đều không thể không biện luận cho rõ ràng được. Xét, di được gọi là di, kinh truyện thánh hiền coi là kẻ khác (không phải giống nòi ta - TQĐ chú) nên Chu công phải tháo phat. Có sao vậy? Có bọn chuyên làm việc bạo ngược không biết lẽ nghĩa danh phận, như Kinh Sở thời xưa; cũng lại có bọn đem cả nước ra làm trò dị họom, bất chấp cương thường đạo nghĩa của người ta, như bọn man di giảo quyết Đông Tây Dương thời nay vậy; gọi chúng là di là vì cách làm của chúng.



Tại Việt Nam, quy chế áo Côn mű Miện bị phế bỏ vào thời Lê Trung Hưng và được khôi phục vào thời Nguyễn. Tại Trung Quốc, quy chế này bị phế bỏ vào thời Thanh. Trong ảnh là quan nhà Nguyễn mặc Côn Miện dǎn theo BAVH.

Tây Nam sát vách Xiêm La, các thuộc quốc còn lại và tộc man di khác nhau nội phụ đều đủ cả, thật là một đại quốc sùng sũng giữa trời đất. (Lúc này) coi là thị tộc cũng không được, coi là quận huyện càng không được, huống hồ có thể coi là di sao? Song ở đây tạm có vài lời nông cạn như vậy đã.

Bàn về phép trị nước thì noi nhị đế tam vương, bàn về đạo thống thì noi lục kinh tú tú, coi Khổng Mạnh là nhà, coi Chu Trình là cửa. Về học vấn thì coi Tả, Quốc là nguồn, coi Ban, Mã là nhánh. Về văn chương thì thơ phú noi Chiêu Minh, Văn Tuyển, xem Lý, Đỗ là tấm gương; thư họa theo Chu lê, Lục thư, coi Chung, Vương là mô phạm. Chiêu hiền dã sĩ, ấy khoa cử Hán Đường vậy. Dai rộng mū cao, ấy y phục Tống Minh vậy. Cứ vậy mà suy, đại để nhu thế. Xét, đến vậy mà vẫn gọi là di thì ta cũng chẳng biết thế nào mới là Hoa vậy. Có kẻ nghị luận cao minh nói rằng: Thuấn là người Đông di, Văn vương là người Tây di, trong kinh truyện có nói đến, nhưng di ấy tổn hại gì? Há không biết đó chỉ là lời nói chỉ nói các ngài sinh ra thôi. Thuấn vẫn là Thuấn, Văn vương vẫn là Văn vương, từ khi có thư tịch đến giờ có thư tịch nào gọi Thuấn là di để chǎng, gọi Văn vương là di vương chǎng? Cũng có kẻ luận bàn thô thiển rằng: Chắc là do tiếng nói, trang phục khác lạ nên coi là di đó thôi. Như vậy càng không đúng. Cứ nói chuyện trước mắt, như một tỉnh Phúc Kiến, là nơi còn di giáo của thày Chu Khảo Đinh, riêng ở vùng Tuyền Chương, người ở đây thường đội khăn thay mū, vậy là trang phục khác lạ chǎng, có thể vì thế mà coi là di chǎng? Lại như mười tám tỉnh ngôn ngữ khác nhau, tiếng nhà quê và tiếng nhà quan cũng khác nhau, vậy là tiếng nói khác lạ chǎng, có thể vì thế mà coi là di chǎng?

Để thấu hiểu cái nghĩa Hoa di, nên tìm trong văn chương lẽ nghĩa, vậy thì lời luận biện của tôi cũng chẳng cần viết ra, tôi đâu có ua biện luận, là do tôi bất đắc dĩ mà thôi.

Lời bàn luận này sau khi viết ra, đến tay Tôn tổng đốc, ông tuyên bố tại chỗ: Quý sứ lần này đến đây, bản đốc tự dùng lẽ sứ thần để đối đãi, không dám coi là ngoại di nūa. Sau đó sĩ phu Trung châu nối nhau sao chép, có nhiều người viết thêm lời bình phẩm ngợi ca. Có ông Lý Chấn Nhân là Nho học Huấn đạo, tính cực khảng khái, sau khi thấy áo mū nước ta liền ném mū của mình xuống đất nói rằng: Ta là di rồi, sao lại coi người ta là di đây?





CHƯƠNG I. TRANG PHỤC THỜI LÝ



Năm 984 vua Lê Hoàn cho dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế có cột dát vàng dát bạc tại núi Hỏa Vân để làm nơi coi chầu, lại cho dựng điện Long Lộc lợp mái bằng ngói bạc⁽¹⁾. Các vật phẩm vua Lê Hoàn và vua Lê Long Đĩnh cống sang nhà Tống phần lớn là đồ khảm vàng bạc châu báu, như trong ba đợt triều cống năm 990, 997, 998 là những chiếc ghế rồng phượng khảm vàng bạc cùng bảy loại đá quý; năm 1001 lại cống thêm chiếc bình khảm vàng bạc thất bảo⁽²⁾. Với tính cách xa xỉ này, vua Lê Hoàn chuộng mặc áo màu đỏ có hoa văn sắc sỡ, mũ trang sức bằng ngọc châu. Bước sang thời Lý, phong khí vương giả của triều đình Đại Việt tiếp tục được mô tả gián tiếp qua những công vật “rất thịnh” đem biếu nhà Tống như năm 1156, “các chữ viết trong tấu biếu đưa lên đều bằng vàng, công phẩm quá bán là đồ trang sức bằng châu báu; công trân châu thì có 3 viên to như quả cà, 6 viên to cỡ hạt mít, 24 viên như hạt đào, 17 viên như hạt mận, 50 viên như hạt táo, cả thảy 100 viên, đều đựng trong bình vàng”⁽³⁾; năm 1173 tiến dâng một tráp biếu chươn g mừng vua Tống lên ngôi tương đương 330 lạng

1. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 造百寶千歲殿於火雲山，其柱裹以金銀[...]其側起龍祿殿，蓋以銀瓦

2. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo* - Phiên Di - Giao Chi và *Tống sử* - Giao Chi truyện đều ghi chép rõ các công phẩm này. Loại ghế chúng tôi đề cập, nguyên văn gọi là 七寶裝龍鳳椅子 *Thát bảo trang long phuong ý tú*, hoặc 金銀七寶椅 *Kim ngân thất bảo ý*, hoặc 以金銀七寶裝交椅 *Dĩ kim ngân thất bảo trang giao ý* (ghế Giao ý trang sức bằng vàng bạc thất bảo)

3. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.58. Nguyên văn: 所献方物甚盛，表章皆金字。貢金器凡一千二百余两，以珠宝饰之者居半。贡珍珠，大者三颗如茄子，次六颗如波罗蜜核，次二十四颗如桃核，次十七颗如李核，次五十颗如枣核，凡一百颗，以金瓶盛之。Khác với con số 1.200 lạng vàng trong sách *Lĩnh ngoại đại đáp*, sách *Tống hội yếu tập cáo* chép số vàng cống sang là 1.136 lạng. Số lượng trân châu đều chép giống nhau.



Đĩa vàng thời Lý xuất thô tại Kim Động, Hưng Yên. (BTLSVN).

tới đất An Nam đều có mỏ vàng, vàng ở những nơi này nhiều hơn các quận khác. Châu Vĩnh An ở Ung Quán chỉ cách Giao Chỉ một con sông thoi, vịt ngan boi đến bến nước Giao Chỉ tìm ăn rồi quay về, trong phân có lẩn vàng, ở bến nước trong địa phận nước ta thì không có. Vàng không ở trong mỏ mà ở ngoài tự nhiên, lẩn trong đất cát, nhỏ thì bằng hạt mạch, lớn thì như hạt đậu, lớn hơn to cỡ ngón tay, đều gọi là vàng sống [...] Cũng có hột to bằng quả trứng gà, gọi là kim mẫu. Có được vàng này, giàu có hẳn phải biết. Giao Chỉ có mối lợi là các mỏ vàng, mua dân ta về làm nô lệ.”⁽²⁾

Cũng chính tình hình buôn bán nô lệ diễn ra hết sức sôi động trong thời kỳ đầu tự chủ này đã gián tiếp minh chứng cho trữ lượng vàng dồi dào và cuộc sống cung đình xa hoa của Đại Việt⁽³⁾. Tuyên dụ Quảng Nam Minh Thác cũng tâu vua Tống về tình trạng này: “Vùng Ung Châu, phía Nam giáp Giao Chỉ, năm trấn trại, châu động quanh

1. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo*. Nguyên văn: 進呈稱賀登極綱運表章一函，金三百三十兩數，禦乘象羅我一副，金四十兩數，裝象牙鞘一副，金五十兩數，裝象額一副，金一百二十兩數，沙鑼二面，金銀裏象鉤連同心帶五副，金間銀裝象額一副，金銀裝纏象藤條一副，銀四百兩數

2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp - Q.7 - Kim thạch môn - Sinh kim*. Tr.269. Nguyên văn: 嵩州溪峒及安南境內皆有金坑，其所產多於諸郡。嵩管安州與交趾一水之隔爾，鵝鴨之屬至交趾水濱遊食而歸者，遺糞類得金，在吾境水濱則無矣。凡金不自礦出，自然融結於沙土之中，小者如麥粒，大者如豆，更大者如指面，皆謂之生金[...]亦有大如雞子者，謂之金母。得是者，富固可知。交趾金坑之利，遂買吾民為奴

3. Cao Hùng Trung cho biết, đến cuối thời Trần, theo báo cáo của các phủ huyện tại Việt Nam, phủ Thái Nguyên có 17 mỏ vàng, huyện Phú Lăng không có, phủ Lạng Sơn có 4 mỏ, châu Quảng Nguyên không có, châu Quảng Oai 59 mỏ, châu Gia Hưng 5 mỏ, châu Ninh Hóa 3 mỏ, châu Quỳ 1 mỏ, châu Ngọc Ma 6 mỏ, châu Trà Long 3 mỏ. (Trung) *An Nam chí nguyên - Q.1 - Thủ sản*. Nguyên văn: 黃金：今考各府縣所報，太原府屬絲金穴十七處，富良縣則無，諒山府金穴四處，廣源州則無，廣威州五十九處，嘉興州五，寧化州三，葵州一，玉麻州六，茶龍州三

vàng, một cỗ bàn voi tương đương 40 lạng vàng, một chiếc vỏ trang sức cho ngà voi tương đương 50 lạng vàng, một chiếc trang sức trán voi tương đương 120 lạng vàng, hai mặt sa la, năm chiếc móc voi nối với dải đồng tâm bọc vàng bạc, một chiếc trang sức trán voi bằng vàng bạc đan xen, một dây mây dắt voi trang sức bằng vàng bạc tương đương 402 lạng bạc⁽¹⁾. Ngoài ra, Chu Khứ Phi còn cho biết: “Khe động Ung Châu cho

vùng Tả Giang, Hữu Giang có nhiều mỏ vàng, lăm kẽ vô lại đã cướp bóc, buôn bán dân chúng vào Giao Chỉ.”⁽¹⁾ Triều Tán đại phu nhà Tống là Trịnh Tùng cho biết cụ thể: “Bọn du khách miền Nam thường dụ dỗ người ta làm tôi ở, phu cáng. Dua đến chầu động liền trói đem bán, cứ một người lấy hai lạng vàng, chầu động lại chuyển bán vào Giao Chỉ lấy ba lạng vàng. Một năm không dưới hàng trăm nghìn người. Ai có tài nghệ thì trả vàng gấp đôi, ai biết văn chương chữ nghĩa lại trả gấp đôi nữa.”⁽²⁾ Bấy giờ, trong quan lại địa phương vùng Ung Châu Trung Quốc có nhiều kẻ ăn hối lộ, để tình trạng bắt cóc người Tống bán vào Đại Việt thực sự trở thành một vấn nạn đối với triều đình phương Bắc. Quần thần nhà Tống chỉ rõ: “Quan lại Ung Châu ăn hối lộ, lưu giữ những kẻ buôn bán nô lệ, dụ dỗ lừa bịp lương dân, bán vào nơi khe động. Vùng Tả Giang và các châu Thất Nguyên gần Giao Chỉ. Những thú như vàng, tạp hương, chu sa xuất ở nước man di rất nhiều, dễ buôn bán. Dân thường một khi vào động mọi, đâu chỉ bị dùng làm nô lệ, mà còn bị giết để cúng ma. Trong việc buôn bán giao dịch ấy, mỗi nô lệ cũng phải được nặm bảy lạng vàng, vì vậy mà lương dân phải chết, thật là đáng xót thương.”⁽³⁾

Được hưởng nhiều nguồn lợi từ mỏ vàng săn có, tâm lý chuộng sự xa hoa, khôi vĩ được khuếch trương, khiến văn vật thời Lý hầu hết toát lên vẻ uy vũ, bê thế, song cũng hết sức tinh xảo, khác biệt với vẻ nhỏ gọn của văn vật triều Nguyễn sau này. Trang phục cung đình và dân gian thời Lý cũng có những tính chất tương tự như vậy.

Năm 1156, đoàn sứ thần nhà Lý do Lý Bang Chính làm Chánh sứ sang triều cống nhà Tống không ít vàng bạc châu báu và gấm vóc Đại Việt. Cùng năm, người Việt tìm mua loại đoạn xe sợi vàng (*Đoạn: một dạng lụa to tằm nhăn bóng*) của nhà Tống với số lượng lớn, việc trước đó

1. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo - Hình pháp nhị - Cám ước tú - Mục ngày 17 tháng 10 năm Thiệu Hưng thứ 3*. Nguyên văn: 嵩州之地，南鄰交趾，其左右江洲峒五鎮寨諸坑場多，有無賴之徒略賣人口，販入交趾

2. (Trung) *Văn hiến thông khảo - Q.330 - Giao Chỉ*. Tr.2594. Nguyên văn: 南州客旅誘人作婢僕擔夫，至州洞則縛而賣之，一人取黃金二兩，州洞轉賣入交趾取黃金三兩，歲不下數百千人。有藝能者金倍之。知文書者又倍之。 Phần này vốn được tham khảo từ cuốn *Trịnh Thiệu châu ký lược* của Trịnh Tùng thời Tống, phụ chép trong *Trịnh Khai Dương tạp trú*.

3. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo - Hình Pháp nhị - Cám ước tú - Mục ngày 6 tháng 12 năm Thiệu Hưng thứ 32*. Nguyên văn: 嵩州管下官吏受賄停留販口之人，誘略良口，賣入深溪洞。左江一帶，七元等州竊近交趾，諸夷國所產生金、雜香、朱砂等物繁多，易博買。平民一入蠻洞，非惟用為奴婢，又且殺以祭鬼。其販賣交易，每名致有得生金五七兩者，以是良民橫死，實可憐惻

đã tái diễn nhiều lần, khiến vua Tống phải ra lệnh nghiêm cấm bán loại đoạn xa xỉ này cho người An Nam. *Tống hội yếu tập cáo* cho biết: “Năm Thiệu Hưng thứ 26 (1156), bọn Thẩm Cai tâu: Người An Nam muốn mua đoạn xe sợi vàng. Loại trang phục này xa hoa, không phải thú đem trung cho bốn phương. Vua nói: Trang phục xa hoa như loại xe vàng không thể không cấm. Gần đây vàng cực khan hiếm, bọn tiểu nhân hám lợi nấu ra thành bùn, không thể dùng lại được, thật là tiếc [...] Tuy đã nhiều lần chỉ bảo, nhưng cái thói xa xỉ vẫn không dứt hẳn được, cần phải nói lại lệnh nghiêm cấm.”⁽¹⁾ Thói xa hoa này không chỉ phổ biến trong tầng lớp trung thượng lưu thời Lý, mà ngay dân thường cũng chuộng lấy chỉ vàng may vào quần áo, khiến vua Lý Cao Tông phải ra lệnh cấm năm 1182⁽²⁾.

Tuy nhiên, xét một cách tổng thể, trang phục dân gian thời Lý phần lớn tối màu tương tự trang phục dân gian thời Nguyễn như mô tả của Chu Khứ Phi “người nước ấy áo thảm rǎng đen”. Những loại trang phục sắc sỡ, xe sợi vàng hẳn là những loại trang phục trong cung, trang phục của quan lại và tầng lớp trung thượng lưu. Riêng với trang phục của bá quan, *Văn hiến thông khảo* cho biết mũ Phốc Đầu, ủng, hốt, hài đỗ, đai vàng, đai sừng tê của đoàn sứ thần nhà Lý, thứ nào cũng được dát vàng⁽³⁾; phục sức Ngự đại được sử dụng ở các nước đồng văn cùng thời, riêng Ngự đại vàng của Đại Việt được miêu tả là “rất dài và lớn”⁽⁴⁾. Bên cạnh vẻ hào hoa, diện mạo trang phục của bá quan triều Lý cũng trang nghiêm, nhã nhặn. Vậy nên năm 1163, các quan nhà Lý mang văn thư sang Tống “mặc áo bào tía, cầm hốt ngà, đi lại lê bái ung dung”⁽⁵⁾, vua Tống Hiếu Tông khi “thấy người nước Việt ôn hòa, áo mũ nhã nhặn, đã rất vui mừng khen ngợi”⁽⁶⁾.

1. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo - Hình pháp nhì - Cấm ước nhì* - Mục ngày 2 tháng 9 năm Thiệu Hưng thứ 26. Nguyên văn: 沈該等奏: 安南人慾買捻金綫緞。此服華奢，非所以示四方。上曰：華侈之服如銷金之類不可不禁。近時金絕少，由小人貪利銷而為泥，不復可用，甚可惜[...]雖屢降指揮，而奢侈之風終未能絕，須申嚴行之。

2. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Tr.158. Nguyên văn: 不得以黃線縫衣裳。 Cấm không được may sợi chỉ màu vàng vào quần áo. Tuy nhiên *Toàn thư* cho hay nội dung của lệnh cấm này là cấm mặc y phục màu vàng. Không loại trừ khả năng cả hai thông tin này đều nằm trong cùng một lệnh cấm của vua Lý Cao Tông.

3. (Trung) *Văn hiến thông khảo* - Q.330. Nguyên văn: 使者幞頭, 靴, 笏, 紅鞋, 金帶, 扈帶, 每夸以金箱之

4. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 金魚甚長大

5. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其來投文書也，紫袍象笏，趨拜雍容

6. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 宋帝[...]以其人物溫文，衣冠雍雅，甚嘉慰悅

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục

Kết hợp mô tả của Tống Cảo với những sự kiện *Toàn thư* ghi nhận về triều đình Đại Cồ Việt thời Đinh Lê, có thể thấy *Giao Chỉ di biên* có lý khi nhận xét: “An Nam lúc mới dựng nước, mọi việc còn giản lược, đến thời Lý [...] vẫn vật xem ra mới đủ đầy.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, dù vẫn vật của hai triều đại Đinh Lê chưa hoàn bị như triều Lý thì những quy chế về trang phục để vương hán vẫn là những quy chế ưu tiên hàng đầu khi thiết lập triều nghi. *Toàn thư* và *Đại Việt sử lược* cùng ghi nhận năm 980, Thái hậu Dương Văn Nga đã đem áo Long Cổn của vua Đinh Tiên Hoàng khoác lên mình tướng quân Lê Hoàn, mời ông lên ngôi hoàng đế⁽²⁾. *Đại Việt sử lược* chép năm 1213, Trần Tự Khanh xâm phạm cung khuyết, thả quân lính đi cướp tài vật trong cung vua, vua Lý Huệ Tông bấy giờ lánh lên Lạng Châu. Hơn một năm sau, năm 1215, trong kế hoạch đón vua trở về triều, Trần Tự Khanh mới trả lại cho vua chiếc mũ Bình Thiên⁽³⁾. *An Nam chí lược* ghi nhận vua nhà Trần trong dịp đại lễ đội mũ Bình Thiên, mặc áo Cổn⁽⁴⁾. Như vậy, có thể thấy trong các dịp đại lễ, các vị vua Đại Cồ Việt - Đại Việt đều mặc áo Cổn, đội mũ Bình Thiên tương tự các hoàng đế Trung Quốc.

Có điều, đến thời Nguyễn, Phan Huy Chú nhận xét: “Trang phục áo Cổn mũ Miện của các triều đại nước ta không còn dấu tích, đến thời vua Lê Thái Tông mới bắt đầu chế ra mũ Miện, về sau cũng không sử dụng.”⁽⁵⁾ Năm 1834, sau khi vua Minh Mạng đặt định quy chế Cổn Miện lại ban dụ cho bá quan nói rằng ông xem sử sách nước ta, không thấy có áo Cổn mũ Miện, đồng thời cho rằng nhà Nguyễn là triều đại đầu tiên đặt định



Lưu Bị đội mũ Miện 12 Lưu, mặc áo Cổn. (Bản vẽ thời Minh).

1. Dẫn theo (Việt) *Cương mục - Chính biên* - Q.3 - Mục tháng 8 mùa thu năm 1059. Nguyên văn: 初安南立國，凡事簡略，至李氏[...]文物蓋彬彬矣

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 秋七月，太后見眾心悅服，命以龍袞加桓身，請即帝位

3. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 建嘉五年，冬十一月，送還平天冠

4. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 國主之冠曰平天冠[...]服衰衣

5. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí* - Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 我國歷代冕服無徵，至太宗始制冕，其後竟不復行

ra quy chế Lễ phục này⁽¹⁾. Qua đây có thể thấy sách vở ghi chép điển chương của nước ta sau sự sụp đổ của mỗi triều đại lại đối diện với nguy cơ “xóa sổ”. Dù vậy, quy chế Lễ phục của các triều đại phong kiến luôn được tham khảo từ quy chế cổ điển của Trung Quốc, mà những quy chế này thường có những thành phần tương đối ổn định. Từ đó, các triều đại phong kiến Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản sao phỏng, chế biến với những phương thức khác nhau, tạo nên hiện tượng “đại đồng tiểu dị” về văn vật trong khối các nước “đồng văn”. Lễ phục Cổn Miện cũng không ngoại lệ. Do nhà Trần kế thừa phần lớn các quy chế triều nghi phẩm phục của nhà Lý, lại do sự khan hiếm về mặt tư liệu, cho nên ở đây chúng tôi khảo chung quy chế Cổn Miện của các vị hoàng đế triều Lý và triều Trần.

a. Mũ Bình Thiên 平天冠

Ngoại trừ giai đoạn 1816-1832, khái niệm mũ Bình Thiên được dùng để chỉ loại mũ Triệu phục của một số vị hoàng tử, vương thân triều Nguyễn, còn thông thường khái niệm này được hiểu là “thú mũ ở trên phẳng của vua đội lúc đi tế” như cách giải thích của Việt Nam tự điển (1931). Nói cách khác, mũ Bình Thiên là biệt danh của mũ Miện. Tuy nhiên, ngay ở thời Nguyễn, mũ Miện không chỉ là loại mũ tế của riêng vua, mà còn là mũ tế của hoàng tử, vương công và các quan nhất, nhị, tam phẩm.

Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển định nghĩa: “Mũ Bình Thiên còn được gọi là Bình Miện 平冕, Lưu Miện 旒冕, là tên nôm na của mũ Miện, loại mũ để vương, chư hầu và khanh đại phu dùng trong các dịp đại lễ [...] Phần đỉnh mũ úp một ván gỗ, gọi là diên, còn gọi miện bản. Hai đầu miện bản rủ các chuỗi ngọc châu, gọi là lưu. Số lưu được quy định dựa vào thân phận của người đội mũ. 12 lưu là cao quý, chuyên dùng cho đế vương. Hai bên thân mũ có hai lỗ, gọi là nuru, là nơi cài trâm ngọc xuyên qua để cố định búi tóc. Đầu trâm ngọc buộc dây mũ,



Mũ Bình Thiên (*Minh Hội diên*) và mũ Thông Thiên (*Trung Đông cung quan phục*).

gọi là hoàng, lúc dùng vòng qua cầm vắt lên trên, cố định ở đầu kia của trâm [...] Các triều đại Trung Quốc kế thừa, song hình dạng, quy chế đều có biến dị.”⁽²⁾

Phan Huy Chú viễn dẫn quy chế mũ Miện dành cho đế vương trong Chu Lễ cho biết, “trên mũ này có ván chụp, đằng trước tròn, đằng sau vuông, đằng trước sa xuống, đằng sau nghêch lên, dài 1 thước 6 tấc, rộng 8 tấc, đằng trước sa xuống 4 tấc, đằng sau sa xuống 3 tấc. Mũ Miện kết hợp với áo Cổn, phía trước và sau đều có 12 dây lưu, mỗi lưu có 12 viên ngọc, lấy dây tảo (dây tơ nhiều sắc) để xâu ngọc.”⁽³⁾

Vào thời Trần, Lê Tắc miêu tả “Miện lưu khá giống Trung châu”⁽⁴⁾, tức mũ Miện, dây lưu có quy chế đại để tương tự mũ Miện của Trung Quốc. Đồng thời ông cho biết, mũ Miện áp dụng cho các quan từ tước Đại liêu ban trở xuống có các đường viền làm bằng vàng bạc đan xen, Lệnh thư xá cho đến Hiệu thư lang đều đội mũ Miện bạc (tức viền bằng bạc).

Theo tư liệu của Trung Quốc ghi nhận, mũ Bình Thiên của các vị vua Đường - Tống là loại mũ Thông Thiên gắn thêm miện bản. “Đến thời Minh mới khôi phục quy chế cổ, dưới miện bản giữ lại ‘ống mũ’, bỏ mũ Thông Thiên.”⁽⁵⁾ Trong khi đó, đặc điểm nổi bật của mũ Thông Thiên chính là các viền lương được dát vàng. Qua vài nét miêu tả chấm phá của Lê Tắc, có thể thấy quy chế mũ Miện của vua quan Đại Việt thời Trần về đại thể được tham khảo từ quy chế mũ Miện của Trung Quốc thời Đường - Tống. Như vậy có thể đặt giả thiết, mũ Bình Thiên của các vị vua Lý - Trần cũng là loại mũ dạng Thông Thiên gắn miện bản,



Tượng chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang đội mũ Bình Thiên đính 4 dây thao, là mô típ mũ Lễ phục thể hiện trên các pho tượng Diêm Vương tại Việt Nam; Tượng Đế Thích chùa Vua, Hà Nội đội mũ Miện 9 lưu, mặc áo bào gắn Bồ tử, vốn là phẩm phục của bá quan thời Lê Nguyễn, trên thực tế không tồn tại cách kết hợp như vậy.

1. Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Tr.35

2. (Việt) Loại chí – Lễ nghi chí – Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 冕之制，其上有覆，前圆后方，前俯后仰。长尺六寸，广八寸，前垂四寸，后垂三寸。袞冕前後各十二旒，旒各十二玉，以藻穿玉，以玉飾藻。

3. (Trung) An Nam chí lược - Chương phục. Nguyên văn: 冕旒稍類中州。

4. Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Tr.35.

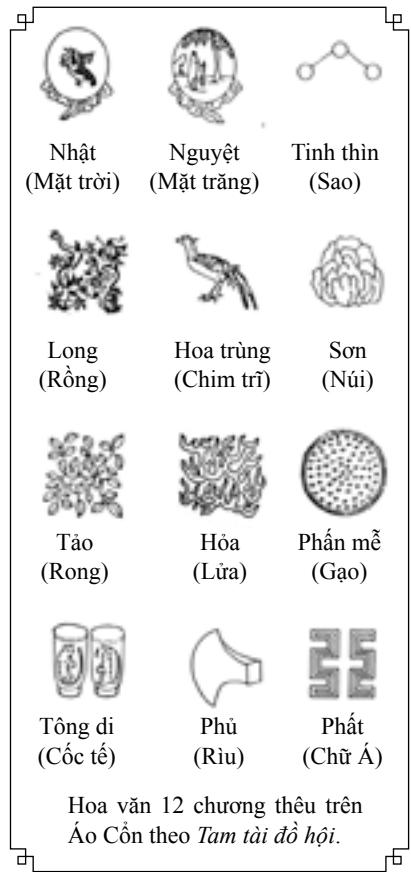
1. (Việt) Minh Mạng chính yếu. Tập III. Q.12. Tr.CCLXV. Nguyên văn: 袞冕肇自軒轅[...]朕今取法而損益之[...]朕歷觀前史不惟我國所無

được trang sức toàn bằng vàng. Loại mũ này có quy chế dây lưu tung tự Trung Quốc, riêng hình dáng và quy chế trang sức mũ có sự khác biệt.

Ở đây, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, mũ Miện của đế vương nước Việt luôn là loại mũ có dây lưu, không phải dạng mũ có bốn dải thao đính ở bốn góc mũ hay dạng mũ chỉ có miện bản mà không có dây lưu như một số pho tượng thời Lê - Nguyễn thể hiện. Nhận định của Lê Tắc chính là một thiết chứng. Ngoài ra, tấm bia *Dai Viet quoc Ly gia de tu de Sùng Thiện Diên Linh tháp bi* (niên đại 1106) với nội dung ca ngợi vua Lý Nhân Tông đã nhắc tới Miện lưu của vua Lý qua hình ảnh con ngao vàng nổi lên mặt nước “liếc mắt nhìn bờ, há miệng phun mưa; ngưỡng trông dải lưu trên mũ Miện”⁽¹⁾; hay bài thơ của Hồ Quý Ly tặng Tuyên phủ sứ Nguyễn Ngan Quang sau khi soán ngôi nhà Trần cũng nhắc tới dải mũ này: “Cần cù chó tưởng không ai biết/ Mắt này há bị Miện lưu che?”⁽²⁾ Tuy là những lời văn thơ mang tính ước lệ, song hình ảnh Miện lưu được nhắc đến ở đây đích thực tồn tại trên thực tế, đủ để ta hình dung về chiếc mũ Lễ phục tôn quý nhất của đế vương nước Việt với những dải ngọc rủ xuống trước mắt.

b. Áo Cỗn 衰服

Như chúng tôi đã trình bày, *Toàn thư* ghi nhận việc vua Lê Hoàn lên ngôi mặc áo Long Cỗn của vua Đinh, *An Nam chí lược* miêu tả vua Trần trong dịp đại lễ đội mũ Bình Thiên, mặc áo Cỗn. Ngoài ra, trong một bài thơ tặng Chu Văn An, Trần Nguyên Đán đã dùng hình tượng lòng nguội lạnh với áo Cỗn thêu hình Phủ, mũ Miện và ngọc khuê, để ví việc chán bỏ quan trường của vị danh nhân bậc nhất Việt Nam này⁽³⁾. Dữ liệu trên



1. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 1. Tr.141. Nguyên văn: 轉眸瞥岸, 呀口噴津, 向冕旒而仰觀

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 勤勞莫謂無知者, 四目原非蔽冕旒

3. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.161. 翫冕桓圭心已灰

cho thấy, nhiều khả năng trong những dịp đại lễ, hoàng đế và các vương công, đại thần nhà Đinh – Lê – Lý – Trần đều vận Lễ phục Cỗn Miện. *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển* cũng cho biết, các vua Trung Quốc khi cúng tế tiên vương, đón tiếp triều kiến, gặp gỡ quốc tân, cử hành hôn lễ, cũng đều mặc Cỗn Miện⁽¹⁾.

Long Cỗn, còn gọi là Cỗn phục, hoặc gọi tắt là Cỗn, là Lễ phục của đế vương và vương công đại thần. Như Phạm Đình Hổ ghi nhận, một bộ Cỗn Miện dành cho đế vương “Miện phải có 12 lưu, lưu có 12 ngọc, Cỗn phục thêu 12 chương.”⁽²⁾ Trong đó, chương là các hoa văn thêu trên Lễ phục, tượng trưng cho trời đất, vạn vật, gồm 12 loại:

Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh thìn (sao), Sơn (núi), Long (rồng), Hoa trùng (chim trĩ), Tông di (cốc ở tông miếu, có hình hổ và khỉ), Tảo (thủy tảo), Họa (lửa), Phấn mẽ (gạo), Phủ (riù), Phát (chữ Á 亞).

Theo *Tống sử*, một bộ Cỗn phục của vua Tống bao gồm: “Áo xanh thêu Nhật, Nguyệt, Tinh thìn, Sơn, Long, Hoa trùng, Họa, Tông di; Huân thường (thường màu đỏ phớt) có bốn chương, thêu hai con rồng bay lên. Áo Trung đơn (áo lót trong, cổ giao lĩnh) bằng lụa trắng. Viền áo màu đen, dải thắt bằng lụa đỏ; dây buộc tết bằng lụa xanh. Đại đới bằng lụa trắng; cách đới (đai da); hai dải bội bạch ngọc (dải ngọc bội đeo hai bên hông). Đại thụ sáu màu: đỏ, vàng, đen, trắng, xanh nhạt, lục. Tiểu thụ ba màu, như đại thụ, mắc ba miếng ngọc hoàn (Thụ, còn gọi là tổ thụ, là dải tết



Quy chế áo Cỗn thời Minh (*Tam tài đồ hội*): 1. Thụ: còn gọi là tổ thụ, là dải tết bằng các sợi tơ. Gồm: đại thụ, dải tết kín (hình chữ nhật) và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đại thụ, thắt ở sau lưng. 2. Bội: dải ngọc bội đeo hai bên hông. 3. Trung đơn: Áo lót trong; 4. Té tắt: thắt ở đai, che phía trước hạ thân; 5. Cách đới: đai da. 6. Đại đới: đai làm bằng lụa; 7. Tắt; 8. Giày Tích; 9. Áo đen 6 chương; 10. Huân thường: một dạng váy quây, mặc bên ngoài quần, màu đỏ. 11. Phương tâm khúc lĩnh: cổ cong, tâm vuông, đeo ở cổ.

1. *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển*. Tr.133.

2. (Việt) *Bí khảo*. Nguyên văn: 按天子衰裳自日月以下十二章, 冕十二旒, 旒十二玉

biết các chương Phủ, Phất, Phấn mẽ, Hoa trùng và các trang sức tổ thụ, ngọc bội, phuong tâm khúc lĩnh, Miện lưu đều khá giống Trung Quốc.⁽¹⁾

Diện mạo trang phục Cổn Miện thể hiện trên phù điêu Ngô gia thị bi



▲ Cổn Miện thời Hán, áo Cổn 6 chương, thường 6 chương. (5000 năm trang phục Trung Quốc) 1. Nguyệt; 2. Nhật; 3. Tinh thin; 4. Long; 5. Sơn; 6. Hoa trùng; 7. Tông di; 8. Tảo; 9. Hỏa; 10. Phấn mẽ; 11. Phù; 12. Phất. 13. Thường (còn gọi là xiêm, trang phục che phần hạ thể, quây bên ngoài quần). 14. Tế tất (tính chất như thường, thắt lên trên cách đón).



1.Thánh Võ thiên hoàng (701 – 756. Chùa Todaiji, Nhật Bản) đội mũ Miện 10 lưu; 2. Trang phục áo Cổn 12 chương kết hợp với mũ Miện 12 lưu theo quy chế nhà Hán (*Tam lê đồ*); 3. Vua Cao Ly (Sa saek ei hyang ki) đội mũ Miện 9 lưu, cổ đeo phuong tâm khúc lĩnh.

bằng các sợi to. Gồm: đại thụ, dải tết kín hình chữ nhật và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đại thụ, thắt ở sau lưng). Tất màu son, giày Tích đỏ, viền bằng lụa vàng.”⁽¹⁾

Chúng tôi cho rằng, Cổn Miện của các vị vua Lý - Trần về cơ bản khớp với những quy chế Cổn Miện của nhà Tống, bởi chính Lê Tắc cho

1. (Trung) *Tống sử - Dư phục chí* - Q.151. Nguyên văn: 衰服，青衣八章，繪日、月、星辰、山、龍、華蟲、火、宗彝；繡裳四章，繡藻、粉米、黼、黻。蔽膝隨裳色，繡升龍二。白羅中單，皂標襪，紅羅勒帛，青羅襪帶。緋白羅大帶，革帶，白玉雙佩。大綬六采，赤、黃、黑、白、縲、綠，小綬三色，如大綬，間施玉環三。朱襪，赤舄，緣以黃羅。

Lê Tắc nhận xét các chương trên bộ Cổn phục của vua Trần như “*Phủ, Phất, Phấn mẽ, Hoa trùng cho đến các trang sức thùy bội, tổ thụ, phuong tâm khúc lĩnh, Miện lưu đều khá giống Trung châu*”, đồng thời cho biết, vào đại lễ, vua Trần “đội mũ Bình Thiên [...] mặc áo Cổn, đeo dải Kim Long (tức dải đính các miếng vàng khảm hình rồng), cổ đeo phuong tâm khúc lĩnh bằng lụa trắng thêu bó gấm lên trên, đính vàng và ngọc châu, tay cầm ngọc khuê.”⁽²⁾

Qua khảo sát tấm bia *Ngo gia thi bi*, chúng tôi nhận thấy, người đàn ông trên tấm bia này ngồi trên ngai rồng, đầu đội mũ Miện với dải Thiên Hà đới vắt ngang miện bǎn, cổ đeo phuong tâm khúc lĩnh đính các hạt như ngọc châu ở xung quanh, tay cầm ngọc khuê, lưng thắt đai đới và tế tất, chân đi giày Tích. Trên áo Cổn có thể nhận ra hai chương Nhật, Nguyệt ở hai vai, chương Sơn ở hai ống tay áo phía sau, chương Hoa trùng ở hai bên gáu vạt áo. Đại đới có hai dải rủ xuống hai bên, tế tất nằm ở giữa. Trên tế tất còn có thể nhận ra chương Tảo và Phất 亞. Dải Thiên Hà đới vắt ngang miện bǎn là dải dây trang sức trên mũ Miện của đế vương, lần đầu tiên xuất hiện vào thời Đường, đến thời Tống chỉ còn thấy qua ghi chép⁽³⁾. Riêng phuong tâm khúc lĩnh đính vàng và ngọc châu có thể coi là nét đặc sắc của riêng bộ Cổn phục thời Lý - Trần.

Mặc dù, bộ trang phục Cổn Miện thể hiện trên phù điêu *Ngo gia thi bi* ở một mức độ nào đó khớp với mô tả của *An Nam chí lược*, song các cù

1. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 袞、黼、粉米、華蟲、組綏、垂佩、方心曲領、冕旒，稍類中州

2. (Trung) *An Nam chí lược - Chuong phục*. Nguyên văn: 袞、黼、粉米、華蟲、組綏、垂佩、方心曲領、冕旒、稍類中州。國主之冠曰平天冠[…]服衰衣，金龍帶、領掛白羅蹙錦嵌金珠方心曲領，手執圭。Cum từ ‘領掛白羅蹙錦嵌金珠方心曲領’ ở một số dí bản xuất nhập chữ ‘cân’ (khăn), khiến các bản dịch tiếng Việt đều dịch là cổ đeo khăn bông [...] rồi lại đeo cổ vuông tràng áo cong. Cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.

3. *Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển*. Tr.36-37.



Ngô gia thi bi (chùa Dầu, Hà Nam) “Bia không ghi niên đại, nhưng căn cứ vào ba loại chữ húy được khắc trên bia, có thể đoán định tấm bia được dựng từ thời Trần, khoảng từ năm 1366-1395. Mặt trước có hình người đàn ông đầu đội mũ Miện, ngồi trên ngai rồng, có thể là chân dung một người hưng công xây dựng ngôi chùa. Nội dung bia ghi lai việc một nhà sư họ Ngô tâu xin dâng đất vườn làm chùa, và những người công đức ruộng vào chùa.” (Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2. Tr.265).

liệu hiện có vẫn chưa cho phép chúng tôi khẳng định hình tượng người đàn ông trên tấm bia này cụ thể là vị vua nào của nhà Trần. Tuy nhiên, với sự trùng hợp không phải ngẫu nhiên kể trên, chúng tôi cho rằng, bộ trang phục Cổn Miện thể hiện trên bia phần nào được tham khảo từ nguyên mẫu Cổn Miện dành cho đế vương thời Trần.

2. Thường phục

Bên cạnh bộ Lễ phục được sử dụng trong các dịp lễ tiết quan trọng, còn có bộ Thường phục sử dụng trong những buổi thiết triều thông

thường. Tại Trung Quốc, bắt đầu từ thời Đường Thái Tông, Hoàng bào mới chính thức trở thành Thường phục của đế vương; phẩm cấp của bá quan được khu biệt dựa trên sắc áo⁽¹⁾. Lê Quý Đôn cũng cho biết: “Đầu thời Đường, các quan chuộng mặc ba màu đỏ, vàng và tía. Vua Thái Tông mới lần đầu định ra phẩm phục, lấy màu tía, đỏ, lục, xanh làm thứ tự. Từ buổi ấy không có ai mặc màu vàng nữa, vì kiêng bè trên vây”⁽²⁾. Tại Việt Nam, Toàn thư ghi nhận năm 939, Ngô Quyền xưng vương, thiết lập bá quan, quy định màu sắc quan phục. Bước sang thời Lý, ta được biết các chánh sứ Đại Việt sang triều cống nhà Tống được mô tả mặc áo bào tía. Phan Huy Chú nhận xét chế độ phục sắc của các quan Lý - Trần coi “màu tía là quý nhất, thứ đến là màu đỏ, màu lục, màu biếc, sau cùng là màu xanh”⁽³⁾, tức là không khác chế độ phục sắc của nhà Tống.

Chu Khứ Phi ghi nhận, trong những cống phẩm triều đình Đại Việt cống sang nhà Tống năm 1156 có 850 thót đoạn màu vàng sẫm thêu hình bàn long (tức hoa văn rồng ổ, cuộn tròn)⁽⁴⁾. Trước đó, năm 1040, vua Lý Thái Tông đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc⁽⁵⁾, ông muốn từ đây về



Áo bào. (Việt) Nhật dụng thường đầm: “Bào, áo dài cũng gọi là áo kép.” (Việt) Nam phuong danh vật bị khảo: “Bào, là áo dài, chấm đến chân.” (Việt) Chi Nam ngọc âm: “Đoàn linh (cổn tròn) áo châu đỉnh đang”. (Anh: Long bào của vua Liêu khai quật tại Giang Bắc may bằng đoạn màu vàng pha đỏ, thêu hình rồng ổ ở ngực áo, tới nay được coi là hiện vật long bào cổ nhất của Trung Quốc. (Trùng Khánh Bắc vật quán tàng văn vật đồ sách).

1. Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển. Tr.193.

2. (Việt) Văn Đài loại ngữ - Q.5 - Phẩm vật cữu. Nguyên văn: 唐初百官尚服赭、黃、紫三色。太尊始定品服，以紫、朱、綠、青為次第。日下遂無黃者，避上也。

3. (Việt) Loại chí - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi ché. Nguyên văn: 以紫色為貴，紅綠碧次之而青色反居其後

4. (Trung) Lĩnh ngoai đại đáp. Nguyên văn: 深黃盤龍段子八百五十. Tống hội yếu tập cáo cho biết năm 1156 nhà Lý còn cống 50 thót linh và lụa, khiến chúng tôi nghi ngờ về con số 850 thót đoạn Lĩnh ngoai đại đáp ghi nhận.

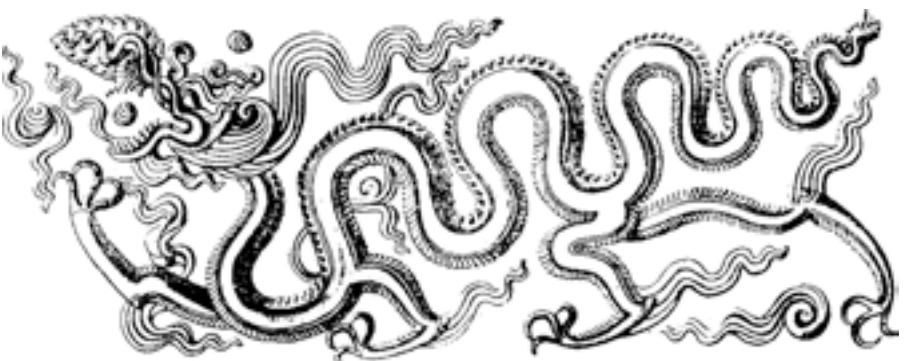
5. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 帝既教宮女職成錦綺



Phục dựng trang phục Côn Miện thời Lý Trần dựa theo phù điêu
Ngô thị gia bi. (Tranh: Lý Tiệp).



1. Phù thời Trần (*Mỹ thuật thời Trần*); 2. Phù thời Lê trung hưng (*Tranh cổ Việt Nam*); 3. Phù thời Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật cung đình Huế).



Đồ án rồng thời Lý vẽ theo gạch khai quật tại Hoàng thành Thăng Long.



Nam Đường Đôn Đan vương xuất hành đồ (Vẽ vào thời Ngũ đại 907- 960. Bảo tàng Nghệ thuật Boston Mỹ); Bích họa Đôn Hoàng - vua Tây Hạ (Trung Quốc Long bào); Chân dung vua Đường Cao Tông (Vẽ vào thời Minh. Cố cung đồ tượng tuyển tú). Vua Tây Hạ (1032-1227. Bảo tàng Hermitage Nga).



Đồ án Hoa bào thêu hoa ô dành cho các quan ngũ phẩm triều Nguyễn (BAVH) và tượng quan văn tú phẩm triều Nguyễn mặc Giao bào tại lăng Khai Định (Ảnh: TQĐ). Vào thời Nguyễn, kiểu thêu hoa văn ô ở hai vai, ngực áo được áp dụng vào Giao bào và Hoa bào của các quan tú, ngũ phẩm.

sau triều đình Đại Việt không tiếp tục dùng gấm vóc của nhà Tống, điều này chứng tỏ các thớt đoạn nầm trong số cổng phẩm nêu trên nhiều khả năng là do cung đình nhà Lý tự dệt được. Khảo xét tư liệu mô tả kiểu dáng áo bào Thường phục của vua Trung Quốc thời Đường-Tống có thể thấy, loại áo bào thời kỳ này đều được thêu hoa văn rồng ô, chủ yếu ở ngực áo và hai vai. Dạng áo bào này đương thời cũng là dạng áo bào chung của vua chúa Cao Ly, Tây Hạ, Đại Liêu v.v. Áo bào của các vị vua Lý Trần rất có thể được may từ loại đoạn vàng sẫm thêu rồng ô, với kiểu dáng tương tự áo bào của hoàng đế Trung Quốc cùng thời, song cũng có thể chỉ là loại áo bào trơn, không thêu hoa văn.

Đối với loại mũ Thường triều của các vua nhà Lý, hiện chưa có sử liệu trực tiếp đề cập. Tuy nhiên, *Toàn thư* cho biết năm 1035, vua Lý Thái Tông xuống chiếu chế ra “*Kim Bát Giác Tiêu Dao*”. *Đại Việt sử ký tiền biên* (bản in thời Tây Sơn) cho biết “mũ Tiêu Dao tên là *Kim Bát Giác*”, *Loại chí* thì cho rằng tên mũ là Kim Bát Giác Tiêu Dao, song quy chế không thể khảo được⁽¹⁾. Tuy nhiên gần đây có ý kiến cho rằng Bát Giác Tiêu Dao chép thiếu chữ *tọa*, vốn từ tên Tiêu Dao tọa, một loại ghế gấp chéo của người Hung Nô. Chúng tôi cho rằng, cách lý giải như vậy không thỏa đáng, bởi nếu vậy, cũng có thể đặt giả thiết nguyên tác vốn chép thiếu chữ *cân*, mà Tiêu Dao Cân là tên một loại mũ của văn nhân, đạo sĩ nhà Tống. Thực tế cho thấy, một số loại mũ có tên hình tượng như Phong Cân (gió), Tam Sơn Mạo (ba ngọn núi) v.v. là những chiếc mũ xuất hiện trong khối các nước sử dụng chữ Hán, song kiểu dáng hoàn toàn khác biệt. Trong trường hợp này, vì chưa đủ cứ liệu để có thể xác quyết Bát Giác Tiêu Dao là loại ghế tương tự ghế Tiêu Dao của người Hung Nô hay một kiểu mũ biến cách từ mũ Tiêu Dao của người Tống, cho nên thông tin dẫn trong *Toàn thư* nên để lại tồn nghi.



Long bào của vua Lê Dụ Tông, Long bào triều Nguyễn thế kỷ XIX và Măng bào của triều đình chúa Nguyễn thế kỷ XVIII, Kiểu dáng hoa văn rồng mây sóng nước triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn chịu ảnh hưởng từ dạng thức trang trí áo bào Trung Quốc thời cuối Minh đầu Thanh. Các triều đại Việt Nam và Trung Quốc trước đó chưa xuất hiện kiểu hoa văn và trang trí như vậy. Tuy nhiên, áo bào dùng khi thiết triều đều là dạng áo cổ tròn, thụng tay.

1. (Việt) *Đại Việt sử ký tiền biên*. BK2. Tr.29. Nguyên văn: 按逍遙冠名金八角, 其制不可考 (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi chế. Nguyên văn: 制金八角逍遙冠名, 其制今不可考



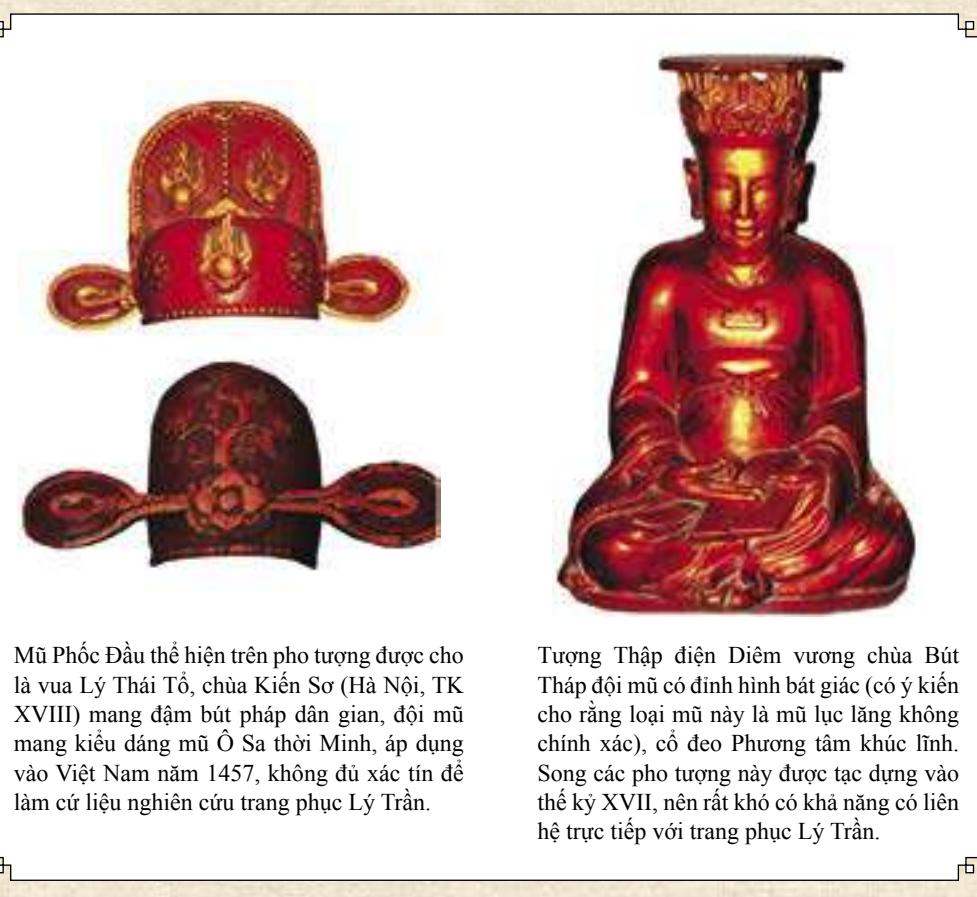
Áo Bối từ xé bốn vạt, ở giữa có thê
đính cúc hoặc dài buộc. (*Tam tài
đò hội*).

cài trâm vàng, trên mặc áo Sam vàng,
dưới mặc quần tía.”⁽¹⁾

a. Áo Sam 衫

Người Tống không miêu tả kiểu dáng áo Sam vàng của vua Lý, chỉ miêu tả loại áo Sam đen của *những người còn lại* như *Linh ngoại đại đáp* cho biết: “*Những người còn lại thường ngày phía trên mặc áo Sam đen cổ tròn bó sát, bốn vạt như áo Bối tử, gọi là áo Tú Diên 四顛*”⁽²⁾. Như vậy có thể thấy áo Sam đen thịnh hành vào triều Lý là loại áo cổ tròn, từ phần ngực trở xuống xẻ tà, tương tự kiểu áo Bối Tử, vốn cũng là một dạng áo Sam thịnh hành vào thời Tống ở Trung Quốc⁽³⁾. Vào thời Trần, Trần Cương Trung, sứ nhà Nguyên, khi sang Đại Việt cũng miêu tả: “*Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen bốn vạt, cổ tròn bằng lè*.”⁽⁴⁾

Dựa vào các dữ liệu trên mà suy, áo Sam vàng của vua Đại Việt cũng là loại áo xẻ vạt như áo Tú Diên, áo Bối Tử, cổ áo nhiều khả năng là dạng cổ tròn. Song cũng không loại trừ khả năng áo Sam dành riêng cho vua Đại Việt có dạng đối khâm tương tự áo của vua Tống Huy Tông trong bức vẽ *Thính cầm đồ* thời Nam Tống, tượng Phật chùa Phật Tích thời Lý và tượng quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ chùa Bút Tháp thời Lê Trung Hưng.



Mũ Phốc Đầu thể hiện trên pho tượng được cho là vua Lý Thái Tổ, chùa Kiến Sơ (Hà Nội, TK XVIII) mang đậm bút pháp dân gian, đội mũ mang kiểu dáng mũ Ô Sa thời Minh, áp dụng vào Việt Nam năm 1457, không đủ xác tín để làm cứ liệu nghiên cứu trang phục Lý Trần.

Tượng Thập điện Diêm vương chùa Bút Tháp đội mũ có đỉnh hình bát giác (có ý kiến cho rằng loại mũ này là mũ lục lăng không chính xác), cổ đeo Phương tâm khúc lịnh. Song các pho tượng này được tạo dựng vào thế kỷ XVII, nên rất khó có khả năng có liên hệ trực tiếp với trang phục Lý Trần.

3. Tiện phục

Các kiểu dáng trang phục từng lưu hành trong cung đình và dân gian Việt Nam đa phần đều là dạng áo xẻ tà ở hai bên sườn. Sự khác biệt của các dạng áo này chủ yếu nằm ở phần cổ áo, có loại cổ đan chéo (giao lĩnh, trực lĩnh), cổ tròn (đoàn lĩnh, viên lĩnh), cổ cong vuông (phuong lĩnh, khuc lĩnh) và cũng có loại cổ đứng cài khuy (thụ lĩnh). Trong số đó, áo cổ đứng cài khuy, tức áo dài được định hình vào thế kỷ XVIII, có niên đại muộn nhất.

Tiện phục là trang phục mặc vào ngày thường, những lúc nhàn cư không phải thiết triều. Các sách *Linh ngoại đại đáp* (Tống - Chu Khứ Phi), *An Nam kỷ lược* (Tống - Trịnh Tùng), *Văn hiến thông khảo* (Nguyên - Mã Đoan Lâm) đều chép: “*Người Giao không phân sang hèn, đều búi tóc chuy kẽ, đi chân đất, vua ngày thường cũng vậy, song*

1. (Trung) *Linh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其國人烏衣，黑齒，椎髻，徒跣，無貴賤皆然。其酋平居亦然，但珥金簪，上黃衫，下紫裙耳。 Xuất phát từ thái độ hiềm khích với người Đại Việt, các tác giả Trung Quốc thường dùng từ “*Tù*” (tù trưởng) để chỉ vua Việt, ở đây chúng tôi đều dịch là vua.

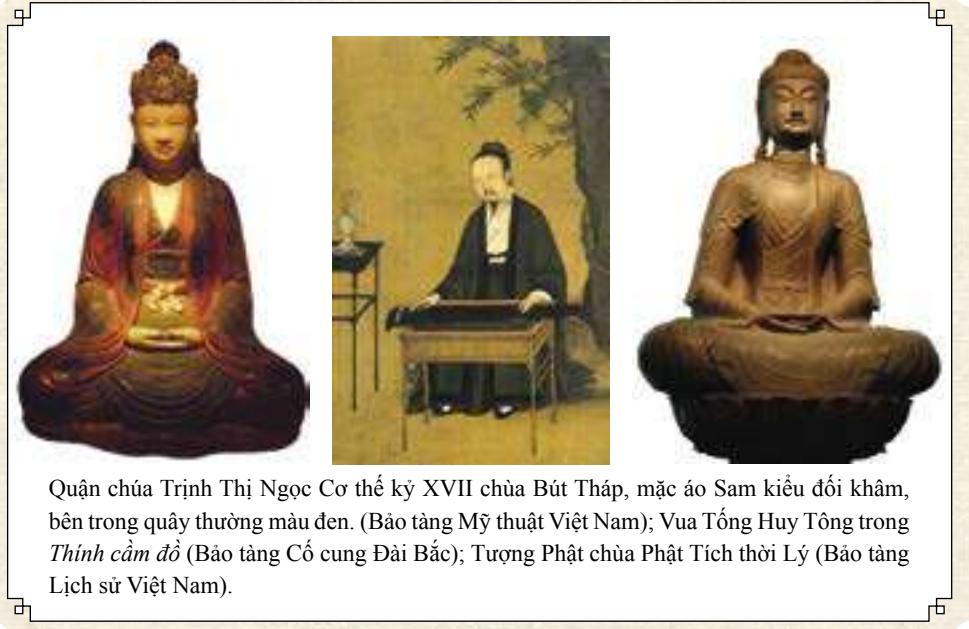
2. (Trung) *Linh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其餘平居，上衣則上緊蟠領頸皂衫，四裾如背子名曰四顛

3. Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển (Tr.206) định nghĩa: Áo Sam là loại áo đơn (may một lớp, phân biệt với áo kép, áo bào, loại áo may hai lớp), ống tay rộng, được làm bằng lụa mỏng nhẹ, may một lớp, không lót, thường được may thành dạng đối khâm (hai vạt dài song song), ở giữa có dài buộc, cũng có loại không cần dài buộc, hai vạt để mở. Ống tay áo chủ yếu là ống thụng, không có viền [...] Đây cũng là loại áo thời thượng, rất được ưa chuộng vào thời Tống.

4. (Trung) Nguyên thi kỷ sự - Q.9 - An Nam túc sự. Tr.178. Nguyên văn: 国皆衣黑，皂衫四裾，盤領以羅為之



Áo vàng thường tía. (Phục dựng.
Tranh: Lý Tiệp).



Quần chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ thế kỷ XVII chùa Bút Tháp, mặc áo Sam kiểu đồi khâm, bên trong quây thường màu đen. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Vua Tống Huy Tông trong *Thính cầm đồ* (Bảo tàng Cố cung Đài Bắc); Tượng Phật chùa Phật Tích thời Lý (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

b. Quần - thường, vây quây 裙——下裳

Khái niệm “quần” trong tiếng Hán không đồng nhất với khái niệm “đồ mặc từ thắt lưng trở xuống, có hai ống để xỏ chân” trong tiếng Việt hiện đại⁽¹⁾. Quần là đồ mặc phía dưới, thường được may ghép từ năm, sáu hoặc tám mảnh vải (lụa), vây quanh eo. Ở Trung Quốc, thời Hán Ngụy nam nữ đều mặc, kích cỡ ngắn dài khác biệt, quần ngắn thì chấm đến đầu gối, quần dài thì quét đất, mặc trùm ra bên ngoài chiếc quần hai ống. *Quần cũng chính là tên gọi nôm na của “thường”*⁽²⁾. Chính vì vậy loại váy đụp của đàn bà miền Bắc, trong tờ dụ bắt người Bắc Hà thay đổi y phục của vua Minh Mạng được gọi là “viên thường”⁽³⁾ (*thường tròn*), trong *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức được gọi là “vô triệp vi quần” (*vây quây không nếp*). Chính Lê Tắc cũng ghi nhận vào thời Trần: “Vương hầu và thú dân thường mặc áo cổ tròn, mặc thường màu đen, quần bằng lụa trắng”⁽⁴⁾. Loại thường - quần của nam giới người Việt thời Lý được *Lĩnh ngoại đại đáp* cho biết: “Vua ngày thường mặc quần tía, những người khác ngày thường mặc quần đen. Quần đen là phục

sức trùm bên ngoài của đàn ông.”⁽¹⁾ *Văn hiến thông khảo* chú thích, người Giao Chỉ mặc “áo Sam đen không thắt eo, dưới áo Sam thắt quần đen.”⁽²⁾

Như vậy vào thời Lý - Trần, đàn ông Đại Việt sử dụng một loại phục sức làm bằng vải hoặc lụa (thường là loại gấp nếp), quây ra ngoài chiếc quần hai ống, dưới lớp áo Sam, gọi là quần hoặc thường, vào thời Nguyễn còn được gọi là xiêm. Thường của vua màu tía, thường của vương hầu và thú dân đều màu đen. Vào thời Nguyễn, thường gắn với Kế y (áo cộc tay cổ tròn) được quy định là trang phục mặc lót của vua quan, hậu phi trong những buổi vào chầu hoặc tế lễ.



May áo Cừu (Kỹ thuật của người An Nam).

c. Áo Cừu 裳

Toàn thư cho biết, năm 1055, xót thương những tù nhân phải chịu đói rét, vua Lý Thánh Tông nói: “Ta ở trong thăm cung, suối than xương thú, mặc áo Hồ Cừu mà còn lạnh đến thế này, huống hồ những kẻ bị giam trong ngục”⁽³⁾, đoạn sai đem chăn chiếu ban cho tù nhân. Phạm Ngộ, Thị nội học sinh dưới triều vua Trần Minh Tông (1314-1329) cũng nhắc đến một loại áo Cừu được làm từ lông điêu thủ, qua câu thơ “mười năm lênh đênh trên sông nước với một chiếc thuyền nan, gió Tây đã thổi bạt đi áo Diêu Cừu màu đen”⁽⁴⁾. Trần Nguyên Dán (1325-1390) cũng có thơ viết “vóc

1. Từ điển tiếng Việt. Tr.1251.

2. Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển. Tr.278.

3. (Việt) Hội điển - Q.78. Nguyên văn: 婦人[...]下用圓裳

4. (Trung) An Nam chí lược. Nguyên văn: 其裝飾王侯及庶民常著團領玄裳、白羅紱綺

1. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其酋[...]下紫裙耳。其餘平居[...]下衣則皂裙也[...]皂裙，男子之蓋飾也

2. (Trung) *Văn hiến thông khảo - Giao Chỉ*. Nguyên văn: 皂衫不系腰，衫下系皂裙

3. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1055. Vua Lê Thánh Tông nói: 我居深宫之中，御獸炭，襲狐裘，冷氣猶且如是。

4. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 2. Quyển thượng. Tr.827. Nguyên văn: 十載江湖一葉舟，西風吹盡黑貂裘

người ốm yếu ẩn trong chiếc áo Cùu nhẹ”⁽¹⁾. Chúng tỏ vào thời Lý - Trần, vua quan Đại Việt đã có hai loại áo Cùu là Hồ Cùu (áo Cùu lông cáo) và Điêu Cùu (áo Cùu lông chồn) để mặc vào mùa đông. Phạm Đình Hổ khảo về áo Cùu của Trung Quốc và áo Cùu thời Lê cho biết: “*Cùu là áo da chống rét, sản sinh ở Trung Quốc, có hai loại, loại sang trọng là Hồ Cùu, Điêu Cùu, thứ đến là Dương Cùu (áo Cùu lông dê) [...] Áo Cùu có hai kiểu, kiểu bên trong là da bên ngoài là lông và kiểu bên trong là lông bên ngoài là da [...] Phía Nam vùng Giang Hoài không có tuyết, ít sương, loại áo Cùu thường mặc là loại bên trong là lông, bên ngoài là da. Nước ta cũng vậy. Chừng do thủy thổ phong tục khác nhau.”⁽²⁾ Chỉ nam ngọc âm cũng giải thích: “*Khinh Cùu (áo Cùu nhẹ) khéo thuộc áo da.*”⁽³⁾ Ngoài ra, qua hình vẽ người may áo Cùu trong cuốn *Kỹ thuật của người An Nam*, chúng ta vẫn thấy áo Cùu được sử dụng vào cuối thời Nguyễn. Chúng tỏ vào mùa đông giá rét, vua tôi Việt Nam ngoài áo bông, còn mặc áo Cùu. Áo Cùu của Việt Nam có loại Hồ Cùu và Điêu Cùu, bên trong là lông, bên ngoài là da, khác với áo Cùu ở miền Bắc Trung Quốc.*



Rồng Trung Quốc thời Tống trong tranh chân dung Tống Cao Tông (Bảo tàng Cố cung Đài Bắc) và trên tấm vải thêu thời Tống (*Cẩm tú văn chương Trung Quốc truyền thống chúc tú văn dặng*); Rồng Việt Nam thời Lý khai quật tại Hoàng thành Thăng Long; Naga Thái Lan (chụp tại Chiang Mai, Thái Lan); Naga Chăm (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

1. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.165. Nguyên văn: 冷汀病骨隱輕裘

2. (Việt) *Bị khảo - Quyền thượng*. Tr.39. Nguyên văn: 裳，禦寒之皮衣也，產于中國者，有二類，貴者狐裘、貉裘，次者曰羊裘[...]服裘有二類，裏皮表毛者[...]江淮以南無雪少霜，服裘者裏毛而表皮，本國亦然，蓋土俗不同也

3. (Việt) *Chi Nam ngọc âm giải nghĩa*. Tr.119.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Năm 1006, vua Lê Long Đĩnh, vị vua cuối cùng của triều Tiền Lê xuống lệnh thay đổi Triều phục, nhất nhì noi theo chế độ nhà Tống. Sau đó trong suốt 24 năm bao gồm trọn vẹn thời gian trị vì của vua Lý Thái Tổ (1009 - 1028), ta không thấy triều đình nhà Lý tái thiết triều nghi phẩm phục. Như đã nói từ trước, phải đến năm 1030, vua Lý Thái Tông mới lần đầu tiên đặt định lại quan phục. Năm 1059, vua Lý Thánh Tông chính thức áp dụng chế độ Công phục của nhà Tống, đánh dấu bởi quy định bá quan phải đội mũ Phốc Đầu, đi hia mới được vào triều. Như vậy, từ năm 1059 trở đi, bá quan triều Lý có ba loại trang phục, gồm Lễ phục (mặc trong dịp lễ lớn), Triều phục (mặc trong buổi Đại triều và dịp lễ nhỏ), và Thường phục (mặc trong buổi Thường triều).

1. Lễ phục

Như chúng tôi đã trình bày tại phần khảo về Lễ phục của hoàng đế, trang phục Cỗ Miện được coi là Lễ phục sang trọng bậc nhất của triều đình phong kiến. Tước vị phẩm trật của vương hầu bá quan chủ yếu được phân biệt dựa trên số dây lưu trên mũ Miện và số chuông thêu trên áo Cỗn. Quy chế Cỗn Miện của mỗi triều đại có sự gia giảm khác biệt.

Với tư liệu hiện nay, chúng tôi chưa thể khảo được quy chế Cỗn Miện cụ thể của triều Lý. Theo văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc dựng năm 1107 mô tả, vị quan cho xây chùa là Thái phó Hà Hưng Tông “*cầm ngọc khuê sùng sưng, mặc Phủ Phất ung dung*”⁽⁴⁾ Theo quy chế của nhà Trần, trang phục Cỗn Miện chỉ dành cho hoàng đế và các quan từ tước đại liêu ban trở xuống tới hiệu thư lang. Riêng các tước vương, hầu, minh tự được quy định sử dụng Lễ phục Củng Thần. Vào thời Lý, *Toàn thư* chép: năm 1206, vua Lý Cao Tông *thăng Đàm Dĩ Mông làm*



Trang phục Cỗn Miện dành cho vương công triều Nguyễn. (BAVH).

1. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.325. Nguyên văn: 奉圭璧以峨峨，賁黼黻而棣棣

Thái bảo, cho phép đội mũ Củng Thần⁽¹⁾. Chứng tỏ ngay từ thời Lý, bá quan đã có hai loại Lễ phục là Cổn Miện và Củng Thần tương tự như thời Trần. Có điều, quy chế Cổn Miện, Củng Thần ở thời Lý và thời Trần có đồng nhất hay không, chúng tôi chưa thể khẳng định được. Nội dung cụ thể của quy chế Cổn Miện và Củng Thần dành cho bá quan chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày tại phần khảo về Lễ phục của bá quan triều Trần.

2. Triều phục

Triều phục của bá quan nhà Lý kế thừa quy chế Triều phục được đặt định từ năm 1006 của nhà Tiền Lê, mà xa hơn là quy chế Triều phục của nhà Tống. Phan Huy Chú khảo *Tống chí* cho biết, Triều phục nhà Tống có ba thứ mũ: mũ Tiến Hiền, mũ Diêu Thiên và mũ Giải Trãi. Cả ba loại mũ này trên thực tế đều là mũ Tiến Hiền, do đính thêm đuôi con điêu thủ hoặc sừng con giải trãi mà có tên gọi khác nhau⁽²⁾. Khảo văn hiến Trung Quốc có thể thấy, mũ Tiến Hiền thời Tống và thời Minh có kiểu dáng tương tự, song hoàn toàn khu biệt với kiểu mũ Tiến Hiền thời Hán. Nhà Tiền Lê du nhập chế độ Triều phục của nhà Tống, nhà Lý lại tiếp tục kế thừa, do đó quy chế mũ Tiến Hiền của Đại Việt hẳn có những nét tương đồng về cơ bản so với kiểu dáng mũ của nhà Tống - Minh và Triều Tiên.

a. Lương Quan 梁冠

Mũ Tiến Hiền 進賢冠 thường được gọi là Lương Quan⁽³⁾, hoặc Kim Quan bởi có các viền lương bằng vàng trang sức chạy dọc trên thân mũ. Số viền lương được dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Từ thời Đông Hán tới thời Đường, chủ yếu có từ 3 lương xuống đến 1 lương. Như thời Đường quy định các quan từ tam phẩm trở lên đội mũ 3 lương, ngũ phẩm trở lên đội mũ 2 lương, cửu phẩm



Chân dung Phạm Trọng Yêm đội mũ Diêu Thiên, trên trán mũ đính hình con ve (thiên), phía sau cài đuôi con điêu thủ, bên ngoài chụp Lung cân. (Bảo tàng Nam Kinh Trung Quốc).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春二月，拜譚以蒙爲太保，戴拱辰冠。

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chí ché. Nguyên văn: 按宋志朝服之冠有三：一曰進賢冠、二曰貂蟬冠、三曰獬豸冠皆進賢冠也，加以貂蟬、獬豸角，因異其名耳。

3. *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển*. Tr.49.

trở lên đội mũ 1 lương. Đến thời Tống, mũ Triều phục của đại thần tăng số lương thành 5 lương. Mũ Tiến Hiền 5 lương tức Ngũ Lương Quan là loại mũ bồi tế ở từ đường hoặc trong dịp triều hội của các quan nhất, nhị phẩm. Đối với thân vương, khanh tướng và bậc tam công liệt vào đệ nhất đẳng, Khu mật sứ, thái tử, thái bảo liệt vào đệ nhị đẳng đều được đội Thất Lương Quan tức mũ Tiến Hiền 7 lương⁽¹⁾. Nhà Lý áp dụng chế độ Triều phục của nhà Tống sơ, cho nên sự xuất hiện của loại mũ 7 lương dành cho Khu mật sứ ghi nhận trong *Toàn thư* là điều có thể lý giải. *Toàn thư* cho biết: “Năm 1129, vua Lý Thần Tông cho Lý Tử Khắc làm Khu mật sứ, liệt vào trật minh tự, được đội mũ Thất Lương Quan.”⁽²⁾



Mũ Lương quan thời Minh (Khổng Phủ); Mũ Lễ quan (Rekan) của Nhật Bản thời Nara mô phỏng hình dạng Lương quan của nhà Đường (kariginu.jp); Lương quan của Hàn Quốc thời Triều Tiên (emuseum.go.kr).

Tống sử chép rằng: “*Chế độ thời kỳ đầu nhà Tống, mũ Tiến Hiền Ngũ Lương Quan, trán mũ trang sức hình hoa bằng vàng bạc, gài trâm bằng sừng tê hoặc đồi mồi [...] Nhất, nhị phẩm đội khi tế lễ, triều hội, trung thu môn hạ chụp thêm Lung cân, gài đuôi điêu thủ [...] Ngự sử đại phu, trung thừa gài sừng giải trãi.*”⁽³⁾ Trong đó, Lung cân được làm bằng mây, bên ngoài quết son, hình dạng vuông vắn, hai bên trái phải dùng loại mây mỏng mịn, tết thành hai tấm trang sức như hai cánh ve. Trước thời Nguyên Phong, người ta dùng đồi mồi chế thành hình dạng

1. (Trung) *Tống sử - Dụ phục chí - Dụ phục tú - Chu thân phục thượng*. Nguyên văn: 貂蟬籠巾七梁冠，天下樂量錦綬，為第一等。蟬，舊以玳瑁為蝴蝶，今請改為黃金附蟬，宰相、親王、使相、三師、三公服之。七梁冠，雜花量錦綬，為第二等，樞密使、知樞密院至太子太保服之。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 遷子克樞密使，列明字秩，冠七梁冠。Trong bản dịch của *Toàn thư* và *Loại chí*, “Lương” được dịch là cầu, Thất Lương Quan được dịch thành mũ bảy cầu.

3. (Trung) *Tống sử - Dụ phục chí - Dụ phục tú - Chu thân phục thượng*. Nguyên văn: 宋初之制，進賢五梁冠塗金銀花額，犀、玳瑁簪導[…]一品、二品侍祠朝會則服之。中書門下則冠加籠巾貂蟬[...]禦史大夫、中丞則冠有獬豸角

con bướm trang sức ở phía trước mũ, về sau thay bằng hình dạng con ve bằng vàng. Khi đội, Lung cân được chụp lên Lương Quan; đây là loại phục sức áp dụng riêng cho tể tướng, thân vương, tam sư và tam công⁽¹⁾. Hình thức trang sức trên Lương Quan và Lung cân của nhà Tống có thể đã ảnh hưởng tới hình thức trang sức trên mũ Củng Thần và mũ Dương Đường của nhà Trần. Bởi theo Lê Tắc, hai loại mũ Củng Thần và Dương Đường của Đại Việt cũng đều dùng hình con ong, con bướm bằng vàng trang sức lên mũ, dày thưa to nhỏ tùy theo cấp bậc⁽²⁾.

b. Chu y, Chu thường 朱衣, 朱裳

Theo quy chế Triều phục của nhà Tống, ba loại mũ Triều phục Tiến Hiền, Đài Thiên, Giải Trãi đều kết hợp với cùng một bộ trang phục Chu y, Chu thường (áo đỏ, thường đỏ)⁽³⁾. Quy chế của một bộ Chu y, Chu thường nhìn chung bao gồm: Áo bào và thường may bằng lụa đỏ, bên trong mặc lót áo Trung đơn lụa trắng, thắt Đại đói, rồi thắt Cách đói, quây Tế tất bằng lụa đỏ, đeo Phuong tâm khúc lĩnh, cầm hốt, đi tất may bằng lĩnh trắng, giày da đen⁽⁴⁾.



“Thần y” Heo Jun (Hứa Tuân; 1546 - 1615) mặc Triều phục Lương Quan (*Trang phục của nước ta thời kỳ Joseon qua tranh nhân vật*). Sách này cho biết: Triều phục cũng gọi là Kim quan. Triều phục là trang phục bồi té của bá quan khi vua cử hành tế lễ, còn mặc vào ngày khánh chúc, ngày Mồng Một tết Nguyên Đán, ngày Thánh tiết, ngày Đông chí, khi ban bố chiếu sắc và khi dâng biếu. Tr. 42); Quan nhà Minh mặc Triều phục Lương quan. (*Văn gian bang ngạn đồ sách*. Bảo tàng Nam Kinh Trung Quốc).

1. Trung Quốc lịch đại y quan phục sức chế. Tr.143.

2. (Trung) An Nam chí lược. Nguyên văn: 拱宸冠, 上綴金蜂蝶, 大小疎密有差; 揚榮冠, 緹金蜂蝶, 疏密不同

3. (Trung) Tống sử - Dư phục chí - Dư phục tú - Chu thần phục thường. Nguyên văn: 朝服, 一曰進賢冠, 二曰貂蟬冠、三曰獬豸冠, 皆朱衣朱裳

4. Trung Quốc phục trang sú. Tr.196; Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển. Tr.744-745.



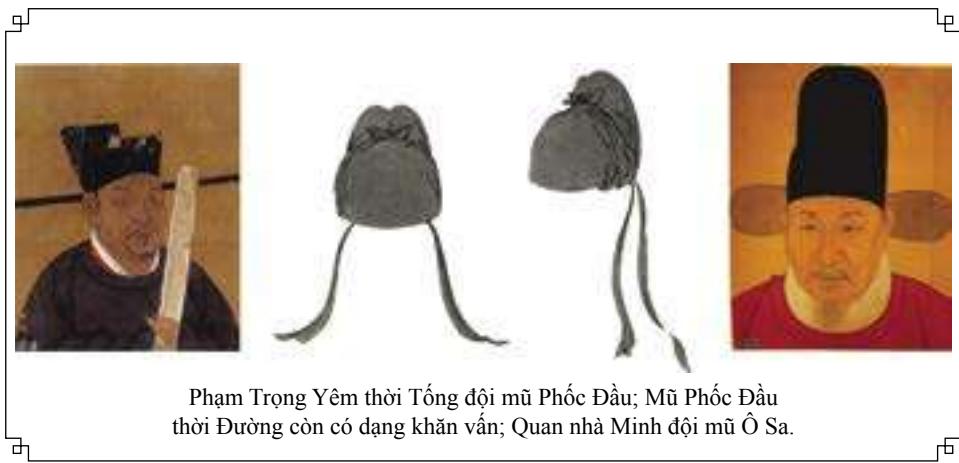
Mũ Đài Thiên chụp Lung cân trong tranh chân dung Tự Mã Quang thời Tống. (*Lịch đại danh thần tượng*).

Quy chế Lương Quan chỉ được áp dụng tại ba nước Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, không được áp dụng tại Nhật Bản. Tuy nhiên, Nhật Bản thời Nara (710-794) từng sử dụng loại mũ Lễ Quan (Rekan) có kiểu dáng sao phỏng từ mũ Lương Quan của nhà Đường. Tại Trung Quốc, quy chế Lương Quan bị gián đoạn vào thời Nguyên, được khôi phục vào thời Minh, sau khi người Mân Thanh làm chủ Trung Hoa thì vĩnh viễn bị loại bỏ. Triều đình Triều Tiên áp dụng chế độ trang phục của nhà Minh và là triều đại phong kiến cuối cùng ở Đông Á gìn giữ chế độ Triều phục Lương Quan đến tận đầu thế kỷ XX. Tại Việt Nam, từ cuối thời Tiền Lê đến hết thời Lý trong khoảng 231 năm (1006-1225), Lương Quan được triều đình Đại Việt áp dụng làm Triều phục, đến thời Trần - Hồ bị phế bỏ, được tái du nhập vào thời Lê sơ và thời Tây Sơn. Trang phục nhà Nguyễn sau này tuy cũng chịu ảnh hưởng sâu nặng từ chế độ trang phục của nhà Minh, song riêng Triều phục Lương Quan lại không tiếp tục áp dụng.

3. Thường phục

Thường phục của nhà Lý thời vua Thái Tổ, Thái Tông vẫn noi theo chế độ quan phục của nhà Tiền Lê. Từ năm 1059 trở đi, vua Lý Thánh Tông mới cho đổi quy chế Thường phục như nhà Tống. Mũ Phốc Đầu tại Trung Quốc đã trải qua một quá trình biến đổi lâu dài với nhiều tên gọi, nhiều kiểu dáng khác nhau. Sau khi du nhập vào Việt Nam, loại mũ này cũng được biến đổi về kiểu dáng, trang sức, đồng thời cũng trải qua nhiều cuộc thăng trầm, hưng phế.

a. Phốc Đầu 帽頭冠



Phạm Trọng Yêm thời Tống đội mũ Phốc Đầu; Mũ Phốc Đầu thời Đường còn có dạng khăn vấn; Quan nhà Minh đội mũ Ô Sa.



Mũ Ô sa thời Lê sơ (chân dung Nguyễn Trãi, Bảo tàng Lịch sử); Mũ Phốc Đầu của Thái giám Trịnh Đăng Đồng thế kỷ XVII; Mũ Phốc Đầu của quan Võ và quan Văn triều Nguyễn (BAVH). Mũ Ô sa thời Lê sơ (chân dung Nguyễn Trãi, Bảo tàng Lịch sử); Mũ Phốc Đầu của Thái giám Trịnh Đăng Đồng thế kỷ XVII; Mũ Phốc Đầu của quan Võ và quan Văn triều Nguyễn (BAVH). Mũ Ô sa thời Lê sơ (chân dung Nguyễn Trãi, Bảo tàng Lịch sử); Mũ Phốc Đầu của Thái giám Trịnh Đăng Đồng thế kỷ XVII; Mũ Phốc Đầu của quan Võ và quan Văn triều Nguyễn (BAVH).

Mũ Phốc Đầu được áp dụng nhất loạt dùng mũ Phốc Đầu với hai cánh chuồn dài, thẳng như thanh thước, ban đầu còn ngắn, càng về sau càng được kéo dài⁽³⁾.

Mũ Phốc Đầu được áp dụng làm mũ Thường triều của bá quan nhà Lý và nhà Trần cho đến tháng 10 năm 1300, sau cải cách thời vua Trần Anh Tông thì bị phế bỏ, nhường chỗ cho mũ Đinh Tụ. Trong những năm nhà Minh đô hộ nước ta, mũ Phốc Đầu tròn với hai cánh chuồn dài theo đúng quy chế Tống - Minh quay trở lại Việt Nam áp dụng làm Công phục cho quan lại và sinh viên địa phương⁽⁴⁾. Tuy nhiên, sau khi nhà Lê phục quốc, thời vua Lê Thái Tổ và nửa đầu thời vua Lê Thái Tông, bá quan chỉ đội mũ Cao Sơn theo quy chế quan phục nhà Hồ. Mười năm sau, mũ Phốc Đầu vuông và mũ Ô Sa, phiên bản dạng tròn do nhà Minh chế

1. (Trung) *Mộng Khê bút đậm* - Q.1 - Phốc Đầu. Tr.11. Nguyên văn: 唐制，唯人主得用硬脚

2. (Trung) *Tống sử - Chí đê 106 - Dư phục ngũ*. Nguyên văn: 藤織草巾子為裏，紗為表，而涂以漆，後惟以漆為堅，去其藤裏，前為一折，平施兩脚，以鐵為之

3. *Trung Quốc lịch đại y quan phục súc ché*. Tr.140.

4. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Tr.253. Nguyên văn: 官吏俱用展角頭巾 [...] 生員俱用展角頭巾. Nguyên văn sử dụng khái niệm *triển giác đầu cân*, cũng chính là mũ Phốc Đầu với hai cánh chuồn thuôn dài.

định được áp dụng vào quy chế quan phục của triều đình Đại Việt. Năm 1486, vua Lê Thánh Tông quy định hai cánh mũ Ô Sa phải nhắt烈 cong hướng về phía trước. Năm 1500, vua Lê Hiến Tông định ra quy chế trang sức vàng bạc lên mũ Phốc Đầu, quy chế chưa từng xuất hiện tại các triều đình Trung Quốc, Lưu Cầu, Triều Tiên. Lúc này, ngoài việc được đính thêm các trang sức vàng bạc để phân biệt phẩm cấp, mũ Phốc Đầu Đại Việt còn biến đổi kiểu dáng trở nên tròn trịa hơn tương tự như hình dạng mũ Ô Sa. Đến thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu kế thừa một phần quy chế thời Lê Trung Hưng, trong nhiều trường hợp cũng được gọi với cái tên mũ Ô Sa, đồng thời được chia làm hai kiểu: kiểu mũ Phốc Đầu vuông dành cho quan võ và kiểu mũ Phốc Đầu tròn dành cho quan văn.

Nhà Lý áp dụng quy chế Thường phục của nhà Tống, tức là mũ Phốc Đầu của nhà Lý về đại thể tương tự kiểu mũ vuông vúc, hai cánh chuồn thuôn dài của nhà Tống. Tuy nhiên, khác với loại mũ Phốc Đầu tròn không có trang sức của triều Tống - Minh, mũ Phốc Đầu triều Lý là loại mũ được dát vàng như ghi nhận của *Văn hiến thông khảo*. Việc dùng vàng dát hoặc đính lên mũ có thể coi là truyền thống súc mũ nhất quán của các triều đại Việt Nam.

b. Bào phục

Như chúng tôi đã đề cập, *Lĩnh ngoại đại đáp* miêu tả sứ thần nhà Lý đi sứ sang Tống mặc áo bào màu tía. Phan Huy Chú nhận định chế độ phục sắc của các quan Lý - Trần phỏng theo chế độ nhà Tống, tức coi màu tía là màu cao quý nhất, thứ đến là màu đỏ, màu lục, màu biếc và màu xanh. Chế độ phục sắc này về cơ bản vẫn được áp dụng ở thời Trần - Hồ - Lê sau này. Ngoài ra, cũng giống như quan phục của

Trung Quốc thời Tống - Minh, bào phục Thường triều của bá quan nhà Lý, Trần, Hồ, Lê sơ không có nhiều hoa văn thêu súc sặc sỡ như Mãng bào thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn. Bào phục Thường triều ở các triều đại này chỉ lấy màu sắc làm cơ sở phân biệt phẩm trật, hoa văn rồng mây thường chỉ được dệt chìm.



Đai ngọc nền đỏ của vua Triều Tiên và đai ngọc nền xanh của vương hậu Triều Tiên. (Bảo tàng Cố cung Quốc lập Seoul).

Về chất liệu may áo bào, *Toàn thư* cho biết năm 1040, vua Lý Thái Tông đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc, xuống chiếu ban phát hết gấm vóc của nhà Tống trong kho cho bá quan, các quan từ nhất phẩm đến ngũ phẩm được mặc áo bào gấm, từ lục phẩm đến cửu phẩm được mặc áo bào vóc⁽¹⁾; năm 1044, những vị quan có công trong cuộc thảo phạt Chiêm Thành, quan từ nhất phẩm tới lục phẩm được mặc áo bào gấm, từ thất phẩm đến cửu phẩm được mặc áo may bằng lì⁽²⁾. Qua hai đợt thưởng thưởng của vua Lý Thái Tông dành cho bá quan, có thể thấy các quan nhất phẩm đến ngũ phẩm luôn được mặc áo bào gấm, các quan lục phẩm trở xuống có thể sử dụng các loại áo bào may từ chất liệu vóc hoặc lì.

Đi đôi với áo bào còn có những phục sức như đai, hia và hốt. *Lĩnh ngoại đại đáp* mô tả sứ thần Đại Việt thắt đai sừng tê nền đỏ⁽³⁾, *Văn hiến thông khảo* cho biết các phục sức như ủng, hốt, đai vàng, đai sừng tê của đoàn sứ thần, thứ nào cũng được dát vàng. Riêng với các quan văn thời Lý - Trần, bên cạnh các phụ kiện đai, hia, hốt, những vị quan có công tích, đức cao trọng, các sủng thần còn được nhà vua ban tặng một thứ phục sức có hình con cá, gọi là Ngư đại. Loại phục sức này được giắt ở bên đai, đeo trong các buổi Thường triều để tỏ sự vinh hiển.

c. *Ngư đại* 魚袋



Ngư phù thời Đường.

Ngư đại là phục sức đeo trên đai của các quan văn. *Tống sử* cho biết: “Quy chế Ngư đại có từ thời Đường, bấy giờ chừng là một dạng phù hiệu quy ước, ban đầu gọi là Ngư phù, bên trái một chiếc, bên phải một chiếc, chiếc bên trái dùng khi vào nội, chiếc bên phải đeo tùy thân, khắc họ tên quan lại, ra vào khớp lại với nhau. Vì đụng Ngư phù trong túi, nên gọi là Ngư đại (ngư: cá; đại: túi).

Nhà Tống noi theo, nhưng quy chế khác biệt, dùng vàng bạc súc thành hình con cá, trong bộ Công phục thì đeo vào đai, rủ ra đằng sau, để phân biệt sang hèn, không còn là loại phù hiệu thời Đường nữa. Từ năm đầu niên hiệu Ung Hy đời vua Tống Thái Tông,

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 詔盡發內府宋國錦綺為衣服, 頒賜群臣, 五品以上錦袍, 九品以上綺袍

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十一月, 賦伐占城有功者, 六品以上錦袍, 七品以下羅衣

3. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.59. Nguyên văn: 使者之來, 文武官皆紫袍, 紅鞋通犀帶



Bích họa chân dung Quy Nghĩa quân tiết độ sứ Tào Diên Lộc tại hang Du Lâm, Đôn Hoàng.

sau lẽ Nam Giao, ra khỏi đại nội ban cho cận thần, bởi vậy khi vào châu bá quan vẫn vỗ nội ngoại đều đeo Ngư đại. Phàm các quan mặc áo tía, Ngư đại súc bằng vàng; các quan mặc áo đỏ, súc bằng bạc [...] Võ quan thân vương, nội chúc tướng hiệu đều không đeo.”⁽¹⁾ Như vậy, Ngư đại thời Đường vốn là dạng phù hiệu hình con cá, đựng trong túi, dùng để ra vào đại nội. Đến thời Tống, quy chế này đã thay đổi, Ngư đại không còn được đựng trong túi mà dùng vàng bạc trực tiếp chế thành hình con cá đeo ở đai, chỉ mang tính trang sức, tỏ sự vinh hiển.

Ngoài ra, các vua Đại Việt thời Lý - Trần cũng như các vua thời Đường - Tống đều có cùng một phong thức ban thưởng cho công thần gọi là “Tứ Tử Kim ngư đại”, “Tứ Phỉ Ngư đại”. Theo chế độ đương thời, Thường phục của các quan từ tam phẩm trở lên màu tía, từ

ngũ phẩm trở lên màu đỏ. Những chức quan kém bậc nhưng lại có công lớn, hoặc được vua sủng ái, nhiều khi được đặc ban cho mặc áo màu tía hoặc màu đỏ, kèm theo phục sức Ngư đại, vượt quy định phẩm cấp hiện thời. Sự đặc ban đó gọi là “Tứ Tử Kim Ngư đại” (*Ban cho mặc áo bào tía và Kim Ngư đại*), “Tứ Phỉ Ngư đại” (*Ban cho mặc áo bào đỏ và Ngư đại*) thể hiện sự tôn trọng, yêu mến của vua đối với bệ tôi. Lê Tắc cũng cho biết vào thời Trần trong dịp đại lễ, “*quan văn đeo Kim Ngư*”, võ quan không đeo.

Phan Huy Chú bình luận: “*Theo văn kim thạch còn lại, các quan triều Lý phần nhiều được ban áo đỏ - Ngư đại, Kim Ngư đại thì biết thời bấy giờ noi theo chế độ nhà Tống. Quy chế Ngư đại không biết đến thời nào không dùng nữa.*”⁽²⁾ Lần theo gợi ý của Phan Huy Chú, chúng tôi tra toàn bộ văn bia Lý - Trần trong hai tập *Văn khắc Hán Nôm*. Kết quả cho thấy, cụm

1. (Trung) *Tống sử* - Chí đệ 106 - Dư phục ngũ. Nguyên văn: 魚袋，其製自唐始，蓋以為符契也。其始曰魚符，左一，右一。左者進內，左者隨身，刻官姓名，出入合之。因盛以袋，故曰魚袋。宋因之，其製以金銀飾為魚形，公服則係於帶而垂於後，以明貴賤，非複如唐之符契也。太宗雍熙元年，南郊後，內出以賜近臣，由是內外升朝文武官皆佩魚。凡服紫者，飾以金；服緋者，飾以銀 [...] 親王武官、內職將校皆不佩

2. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí* – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 按諸金石遺聞，李朝官多有賜緋魚袋、金魚袋，則知當時章服遵用於宋，而魚袋之制又不知竟何時不用也

từ “Tứ Phỉ Ngư đại”, “Tứ Kim Ngư đại” xuất hiện sớm nhất trên văn khắc Chuông xã Thanh Mai với niên đại năm 798 (thời thuộc Đường), và muộn nhất là trên văn bia chùa Vĩnh Báo khắc năm 1391 (cuối thời Trần).

BẢNG THỐNG KÊ NGƯ ĐẠI Theo Văn khắc Hán Nôm

Năm	Tên bia	Họ tên	Chức tước	Được ban
798	Chuông xã Thanh Mai	Đỗ Bị	Phán quan thú Văn châu Âm Bình phủ biệt tướng	Phỉ - Ngư đại
		Quách Lập	Kinh châu Tứ môn phủ Chiết xung	Phỉ - Ngư đại
		Cao Thái Bình	Nha tiền tử tướng, thủ Hạ châu Hạ tập phủ biệt tướng	Phỉ - Ngư đại
		Hoàng Như Dao	Ngạn châu biệt tướng, Thượng trụ quốc	Tứ - Kim Ngư đại
		Lã Hoài Trung	Quý châu biệt tướng, Thượng trụ quốc	Tứ - Kim Ngư đại
		Đỗ Anh	Quận châu du dịch sứ, Thượng trụ quốc	Tứ - Kim Ngư đại
		Đỗ Hoài Bích	Quận châu thứ sứ, Sung bản châu du sứ, Thượng trụ quốc	Tứ - Kim Ngư đại
		Đỗ Quảng Du	Tây Bình châu thứ sứ, Thượng trụ quốc	Tứ - Kim Ngư đại
1107	Bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc	Lý Thừa Ân	Triều liệt đại phu, Đông thượng cấp môn sứ, Thượng thư viên ngoại lang	Tứ - Kim Ngư đại
1118	Bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh	Chu Nguyên Hạo	Phụng nghi lang, thủ Thái thường thừa, kiêm Quản ngự phủ tài hóa, Kiêu kỵ úy	Phỉ - Ngư đại
1121	Bia tháp Sùng Thiện Diên Linh	Lý Bảo Cung	Hữu thị lang, Thượng thư, Công bộ viên ngoại lang, Đông tri Thẩm hình Viện sự, Thượng khinh xa Đô úy	Tứ - Kim Ngư đại

1185 ~1214	Bia chùa Chúc Thánh Bảo Ân	Đỗ Thế Diên	Triều nghị đại phu	Tứ - Kim Ngư đại
1314 ~1324	Chuông Quán Thông Thánh ở Bạch Hạc	Trần Nhật Duật	Nội kiểm hiệu Thái úy Bình chương sự Thanh Hóa phủ lộ đô nguyên soái, Thượng trụ quốc, Khai quốc vương	Tứ - Kim Ngư đại
1367	Bia tháp Hiển Diệu	Trần Nguyên Trác	Thượng trụ quốc, Khai quốc Cung Tĩnh đại vương	Tứ - Kim Ngư đại
1382	Bia chùa Từ Ân	Hồ Tông Thốc	Vinh lộc đại phu, Thủ trung thư lệnh kiêm Hàn lâm học sĩ phụng chỉ, Tri thẩm hình viện sự, Thượng hộ quân	Tứ - Kim Ngư đại
1391	Bia chùa Vĩnh Báo	Trần [?] Củng (khuyết tên đệm)	Thái trung đại phu, Hàn lâm học sĩ, Thái Nguyên lộ An phủ sứ kiêm Chuyển vận sứ	Tứ - Kim Ngư đại

Tuy nhiên, trong khi Phan Huy Chú (1782 - 1840) nói rằng không biết đến thời nào không dùng quy chế Ngư đại, thì Lê Quý Đôn (1726 - 1784) tiếp tục ghi nhận sự tồn tại của Kim Ngư đại vào thời Lê sơ qua *Dai Việt thông sử*, theo đó, Kim Ngư đại vẫn được vua Lê Lợi ban thưởng cho các công thần khoảng từ năm 1426 đến năm 1460. Chính Nguyễn Trãi cũng là bậc khai quốc công thần được ban Kim Ngư đại và áo bào tía⁽¹⁾.

Tại Trung Quốc, Ngư đại được đặt định vào thời Đường và bị phế bỏ vào thời Minh⁽²⁾. Tại Việt Nam, một số tư liệu văn tự cho thấy Ngư đại xuất hiện từ rất sớm, có thể sớm hơn niên đại 798 của Chuông xã Thanh Mai, và được duy trì đến khoảng những năm 1460 mới bị phế bỏ. Đối với hình dạng Ngư đại của Việt Nam, chúng ta chỉ biết một thông tin duy nhất do Chu Khứ Phi cung cấp, đó là trong đoàn sứ giả Đại Việt sang Tống, “các

1. Tên phẩm tước đầy đủ của Nguyễn Trãi là Tuyên phụng đại phu Nhập nội Hành khiển Môn hạ Hữu giàn nghị đại phu đồng Trung thư lệnh sự Tứ Tứ Kim Ngư đại Thượng hộ quốc Quan phục hầu tú tính Lê Trãi. (Việt) Úc Trai di tập - Q.3. Tr.36. Nguyên văn: 宣奉大夫入內行遣門下右諫議大夫同中書令事賜紫金魚袋上護國官服侯賜姓黎虧

2. (Hàn) Nghiên Kinh Trai toàn tập - Q.47 - Phục súc khảo. Nguyên văn: 宋又以金銀飾爲魚形。公服則繫于帶而垂之後。以爲榮觀之美。至皇明時去之 “Nhà Tống lại dùng vàng bạc súc thành hình con cá. Trong bộ Công phục thì deo ở đai, rủ xuống phía sau, để cho mỳ quan, vinh hiển. Đến thời Minh thì phế bỏ”



1. Ngu đại. Hiện vật Ngu đại của Nhật Bản (Dài 13cm, rộng 3cm, dày 1,5cm. Cắt giữ tại Shōsōin).
2. Hình vẽ Ngu đại trong sách *Oa Hán Tam tài đồ hội*. 3. Hình Ngu đại trên bích họa chân dung Tào Diên Lộc (hang Du Lâm, Đôn Hoàng).

quan văn võ đều mặc áo bào tía, đeo đai sừng tê nền đỏ, không đeo Ngu đại. Từ sau khi cống voi, Lý Bang Chính tiếp tục đi sứ tới Khâm Châu, liền có thêm chiếc Kim Ngu đại rất dài và lớn.⁽¹⁾ Có khả năng trước năm 1059, Ngu đại của Việt Nam vẫn còn mang dạng thức Ngu phù thời Đường. Từ sau khi vua Lý Thánh Tông quy định chế độ Thường phục Phốc Đầu phỏng theo quy chế Tống, Ngu đại của Việt Nam có thể được đổi sang kiểu dáng mới, song kích cỡ to và dài hơn Ngu đại của nhà Tống.

III. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Có ý kiến cho rằng, Việt Nam là xứ nóng nên quân trang không thể có áo Giáp, mũ Trụ, và nếu có cũng không dày dặn, nhiều trang sức như Giáp Trụ của các nước Đông Á. Tuy nhiên, đây chỉ là ý kiến mang tính ức đoán, bởi lẽ trên quốc thổ thời Lý, Trần, Lê, thời tiết Việt Nam có bốn



1. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 使者之來，文武官皆紫袍，紅鞋通犀帶，無魚。自貢象之後，李邦正再使來欽，乃加金魚甚長大。

mùa rõ rệt. Mùa đông giá rét, mùa hạ nóng nực, bất kể trang phục của vua chúa, quan lại hay binh lính đều có sự phân biệt giữa trang phục mùa đông và trang phục mùa hè, thậm chí còn có trang phục mùa thu.

1. Giáp Trụ 甲冑

Tống sử cho biết, trận chiến giữa Tống và Đại Cồ Việt diễn ra vào mùa xuân năm 981, quân Tống đã chiến thắng và thu được hai trăm chiến thuyền cùng một vạn bộ Giáp Trụ của Đại Cồ Việt⁽¹⁾. Mùa xuân năm 1002, vua Lê Hoàn xuống chiếu chế tạo hàng nghìn mũ Đầu Mâu cho sáu quân⁽²⁾.

Đầu Mâu 頭鍪 là tên gọi khác của mũ Trụ, thứ mũ bảo vệ phần đầu của binh sĩ khỏi giáo mác, vì hình dạng giống chiếc mâu, một loại nồi thời cổ của Trung Quốc nên được gọi là Đầu Mâu⁽³⁾. Tại Việt Nam, sự xuất hiện của mũ Đầu Mâu trong cổ sử sớm nhất là vào năm 485, thứ sử Giao Châu Lý Thúc Hiến sai sứ sang nhà Tề xin bãibinh, dâng 20 cỗ mũ Đầu Mâu toàn bằng bạc cùng dải tua bằng lông công cắm lên chóp mũ⁽⁴⁾; năm 549, Triệu Việt Vương cầu khấn thần linh có được mũ Đầu Mâu chóp cắm móng rồng để đánh giặc⁽⁵⁾. Năm 571, Lý Phật Tử đem quân đánh Triệu Việt Vương, “Triệu Việt Vương thắng thoát đốc quân, đội mũ Đầu Mâu đứng chờ.”⁽⁶⁾ Đến thời Hồ sau này, khi Hồ Nguyên Trừng bị bắt sang Bắc Kinh, ông lần đầu tiên mở Khôi Giáp xưởng chế tạo áo Giáp và mũ Trụ cho Trung Quốc. Các sử liệu trên cho thấy bộ Giáp Trụ được áp dụng làm quân trang cho quân đội nước Việt xuất hiện từ rất sớm, đã từng được sử dụng trong nhiều



Tượng chùa Đại mặc Giáp Trụ, trong văn bia được gọi là Thiên nhân - Thần tướng, sau được đánh đồng thành Kim Cương bát bộ. Do là thần tướng, nên có thể về mặt trang phục, phần nào thể hiện trang phục của tướng võ thời Lý.

1. (Trung) *Tống sử* - Q.488 - *Liệt truyện* - Đề 247 - *Ngoại quốc tú* - *Giao Chi Đại Lý*. Nguyên văn: 太宗六年春，獲戰艦二百艘，甲冑萬計

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 詔造兜鍪數千頂頒賜六軍

3. *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển*. Tr.84-85.

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 遣使乞罷兵，獻二十隊純銀兜鍪及孔雀聯

5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 燃香祈禱懇告于天地神祇，於是得龍爪兜鍪之瑞，以擊賊

6. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝渝盟舉兵攻趙越王，越王初不覺其意，倉卒督兵，披兜鍪立以待



Tượng Kim Cương thời Lý.
1. (BTMTVN); 2. (Điêu khắc cổ Việt Nam); 3. (Hoa văn Việt Nam).

miếng trang sức hình đầu hổ gắn hai bên vai. Cân lưu ý thêm rằng, năm 1009⁽¹⁾ và năm 1014⁽²⁾, vua Lê Long Đĩnh và vua Lý Thái Tổ đã chủ động “xin” các bộ Giáp Trụ vàng của nhà Tống, và được vua Tống chấp thuận.

2. Tú Phương Bình Đính 四方平頂帽

Ngoài trang phục Giáp Trụ dành cho tướng lĩnh và một số đội quân đặc biệt, mùa xuân năm 974, vua Đinh Tiên Hoàng định ra Thập đạo quân, lệnh cho binh lính các đạo đều đội mũ Tú Phương Bình Đính⁽³⁾. Loại mũ này được *Toàn thư* mô tả là “làm bằng da, đinh mũ phẳng, bốn bên khâu giáp lại, trên hẹp dưới rộng, quy chế này đến đời bản triều (Hậu Lê) khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau cũng noi theo.”⁽⁴⁾ Như vậy chiếc mũ Tú Phương Bình Đính đã xuất hiện từ thời



Mũ Tú Phương Bình Đính của nho sinh thời Minh (Trung Quốc phục trang sử).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 求甲胄金裝, 宋帝從之. (Trung) *An Nam chí lược – Lê thi thế gia*. Nguyên văn: 表求甲胄金具裝, 從之. (Trung) *Tống sử - Q.488 – Liệt truyện – Đề 247 – Ngoại quốc tú - Giao Chỉ Đại Lý*. Nguyên văn: 表求甲胄金具裝, 詔從其請.

2. (Trung) *An Nam chí lược - Lý thi thế gia và Tống hội yếu tập cáo - Phiên di nhất - Giao Chỉ*. Mục ngày 17 tháng 7 năm thứ 7 Đại Trung Tường Phù (1015) đều chép: 公蘊仍求賜介胄及大藏經, 從之

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春二月定十道軍[...]各戴四方平頂帽

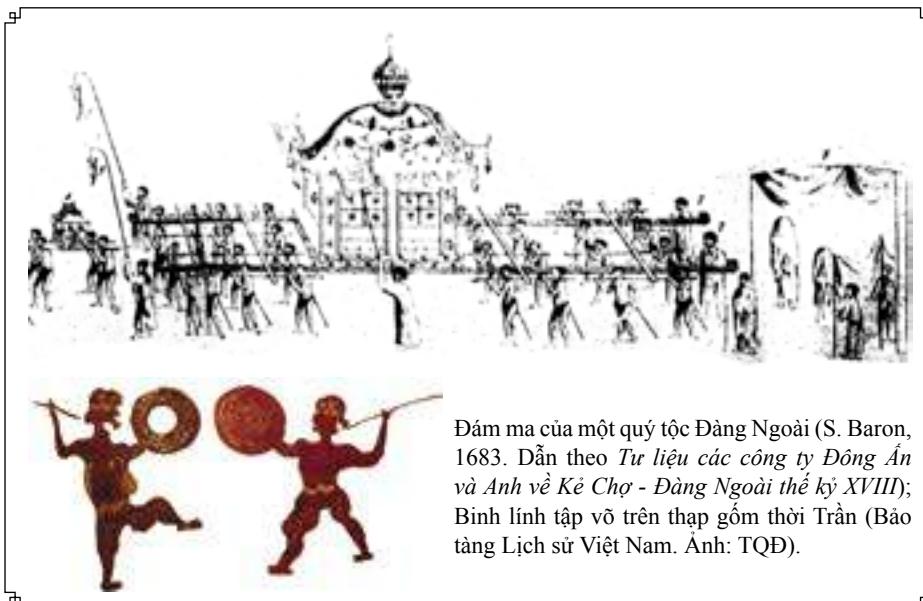
4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 其帽以皮為之, 平頂, 四邊夾縫, 上狹下寬, 其制至今朝起義猶存, 後代因之

triều đại phong kiến Việt Nam, ngoại trừ triều Nguyễn.

Diện mạo Giáp Trụ từ thời Đinh, Lê trở về trước không có hiện vật làm chứng. Giáp Trụ thời Lý - Trần, xét ở một chừng mực nhất định, có thể tham khảo từ pho tượng Kim Cương chùa Long Đọi và tượng tướng lĩnh khai quật tại di tích Bảo Tháp, xã Thắng Lợi, huyện Văn Đồn, Quảng Ninh. Bộ Giáp phục thể hiện trên hai pho tượng này tuy không hoàn toàn đồng nhất, song đều có sự kế thừa, mô phỏng từ bộ Giáp Minh Quang 明光鎧 甲 của nhà Đường với đặc trưng là hai tấm hộ tâm hình tròn trước ngực và hai

Đinh, được duy trì sử dụng đến cuối thời Hậu Lê với tư cách là một loại mũ quân trang.

Vào thời Lý, *Toàn thư* chỉ nhắc tới bộ trang phục Giáp Trụ, không đả động tới chiếc mũ Tú Phương Bình Đính. Song vì loại mũ này đến thời Lê Lợi khởi nghĩa vẫn được sử dụng làm quân trang, chứng tỏ trải qua các triều đại Lý, Trần, Hồ, Tú Phương Bình Đính vẫn được kế thừa, áp dụng cho một bộ phận binh lính của triều đình Đại Việt.



Đám ma của một quý tộc Đàng Ngoài (S. Baron, 1683. Dẫn theo *Tư liệu các công ty Đông Án và Anh về Ké Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVIII*); Binh lính tập võ trên thạp gốm thời Trần (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ).

3. Cởi trần đóng khố

Ngoài trang phục Giáp Trụ, Tú Phương Bình Đính, binh lính Đại Việt đến cuối thời Hậu Lê vẫn lưu giữ tục cởi trần đóng khố cổ xưa của đàn ông Giao Chỉ. Chúng ta có thể thấy lối trang phục giản tiện này qua hình ảnh người lính diễn tập võ nghệ thể hiện trên thạp gốm thời Trần, qua bức họa người An Nam trong *Tam tài đồ hội*⁽¹⁾ thời Minh, quân Giao Chỉ vẽ năm 1590 trong *Boxer Codex* v.v. Đặc biệt, bức họa *Đám ma của một quý tộc Đàng Ngoài và Đội rước kiệu vua Lê* do S. Baron vẽ khoảng những năm 1683 thể hiện những người đàn ông rước quan tài và phu

1. Vương Kỳ, tác giả của *Tam tài đồ hội*, có thiên kién không tốt đẹp về người Việt. Tuy nhiên, gạt đi những lời lẽ phỉ báng, có thể thấy những bức họa trong *Tam tài đồ hội* vẫn có giá trị tham khảo nhất định. *Đại Việt sử ký tục biên* cho biết chúa Trịnh Giang sai tể thần xét duyệt sách *Tam tài đồ hội* để bàn định ra lễ nhạc (Tr.135). *Phù biện tạp lục* cho biết chúa Nguyễn Phúc Khoát hạ lệnh tham khảo *Tam tài đồ hội* để đặt ra trang phục cho Đàng Trong (Tr.334).



Lính Giao Chỉ vẽ năm 1590 trong *Boxer Codex* và lính còng còng dắt ngựa thời Lê. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

hình rồng cuộn xăm trên đùi những người lính Đại Việt. *Toàn thư* chép: “Buổi đầu dựng nước, quân sĩ đều xăm hoa văn hình rồng ở bụng, ở lưng và hai vế đùi.”⁽¹⁾ Cũng có trường hợp hình rồng được xăm ở ngực, như chính *Toàn thư* ghi nhận: “Người Tống thấy trong bè đảng ấy có tên họ Dương, ngực hắn xăm hình rồng đen, và bọn thủ lĩnh ở châu Bồ năm người, biết là người nước Việt ta, đều trả về.”⁽²⁾ Chu Khú Phi miêu tả hình xăm trên người thời Lý như hình dạng trống đồng⁽³⁾, còn sứ thần nhà Nguyên Trần Cương Trung miêu tả hình xăm của quân dân thời Trần là “những hình móc câu nối liền gấp khúc, nhu hình dạng lư đĩnh bằng đồng thời xưa.”⁽⁴⁾ Như vậy, hình xăm mà Chu Khú Phi và Trần Cương Trung miêu tả nhiều khả năng chính là hoa văn rồng ồ cuộn tròn đặc trưng của thời kỳ này. Cần nói thêm rằng, vào thời Lý, việc xăm hình rồng lên cơ thể từng bị triều đình cấm áp dụng đối với thân phận nô lệ và đày tớ, như đạo lệnh cuối năm 1118 “cấm gia nô xăm hình rồng lên người”, đạo luật ban hành vào tháng 6 năm 1157 quy định “gia nô của các vương hầu không được xăm hình rồng ở ngực”⁽⁵⁾ v.v. Vào thời Trần,

khiêng kiệu vua vẫn cởi trần đóng khố, chứng tỏ theo quan niệm của người Việt xưa kia, cởi trần đóng khố được coi là việc hết sức bình thường, dung dị, được sử dụng ngay cả trong những trường hợp tưởng như cần phải lịch sự, trang nghiêm nhất. Chỉ riêng nhà Nguyễn về sau mới tỏ thái độ khinh bỉ, cho rằng lỗi y phục cố cựu của Bắc Hà quê kệch, đồng thời ra lệnh nghiêm cấm tục đóng khố.

Bên cạnh đó, qua những nét vẽ thô sơ trên thạp gốm hoa nâu thời Trần, chúng ta vẫn có thể nhận ra

Marco Polo ghi nhận, tại Giao Chỉ, “thông thường cả đàn ông lẫn phụ nữ đều vẽ trên người nhiều hình thù như sư tử, rồng, chim chóc, vân vân, và các hình đó được vẽ bằng kim để tránh bị phai mờ [...] họ cho rằng trên người càng nhiều hình xăm thì càng đẹp và ra dáng quý tộc”⁽¹⁾. Tuy nhiên, từ năm 1323 thời vua Trần Minh Tông trở đi, “triều đình tuyển quân lại lấy người béo tráng làm hàng trên, vậy nên từ đó quân sĩ không còn tiếp tục xăm mình nữa.”⁽²⁾

Ngoài những hình rồng cuộn xăm trên ngực, bụng và đùi, Trần Cương Trung còn miêu tả có kẻ trổ vào ngực mấy chữ 義以捐軀, 形于報國 (“Nghĩa dĩ quyên khu, hình vu báo quốc” tức “vì nghĩa quên mình, tẩy lòng báo quốc”). Ngay con em của vua nước này cũng nhu vậy. Riêng binh lính thời Lý, trên trán đều xăm ba chữ 天子軍 (Thiên tử quân)⁽³⁾ như binh lính thời Tiền Lê⁽⁴⁾. Theo ghi chép của *Lĩnh ngoại đại đáp* thì ba chữ này được xăm theo chiều ngang⁽⁵⁾.



Tượng đài Đô (tóc ngắn).

IV. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

Trở lại thời điểm cách nay 1000 năm, quốc thổ Đại Việt nói chung, kinh thành Thăng Long nói riêng là nơi cư trú của nhiều tộc người, cùng cơ man nô lệ, tù binh nước ngoài. Ngay từ năm 862, An Nam Kinh lược sứ Phàn Xước ghi nhận: “Bộ lạc Mang man [...] ở nhà lâu, không có thành quách, son răng, đều mặc quần vải xanh, dùng cật mây quấn quanh eo, vải son đeo quấn búi tóc, buông phần thừa ra phía sau làm trang sức. Đàn bà khoác áo sa la ngũ sắc. Chim công làm tổ trên cây nhà họ. Voi to nhu con trâu. Tục người thổi ruồi voi để cày ruộng, đốt cả phân của nó [...] Ngày 21 tháng 12 năm Hàm Thông thứ 3 (tức 862), cũng có tộc Mang man

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 國初軍士皆渾刺龍文於腹背及兩髀

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 宋人見其黨中有楊於者，胷刺黑龍，及蒲州首領五人，知是我越人，皆還之

3. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其文身如銅鼓款識。

4. (Trung) *Sử Giao thi tập*. Nguyên văn: 人皆文身為鈞連屈之文如古銅爐鼎款識，又有涅字于胸，曰義以捐軀，形于報國。雖酋子姪亦然

5. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 禁家奴不得身上刺龍；諸王侯家奴不得刺龍形於胷

1. Vạn dặm của Marco Polo. Dẫn theo *Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.20

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時蒐獮諸軍以肥哲哲白者為上。故軍士不復文刺自此始

3. (Việt) *Toàn thư*. Mục tháng 8 mùa Thu năm 1059. Nguyên văn: 定軍號曰御龍、武勝、龍翼、神電、俸聖、寶勝、雄畧、萬捷等號，皆分左右，額並黥天子軍三字

4. (Trung) *Tống Sử*. Giao Chỉ truyện. Tr.14061. Nguyên văn: 悉黥其額曰天子軍

5. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其軍人橫刺字於額曰天子兵。 “Quân nhân đều xăm ngang lên trán ba chữ Thiên tử binh.” Ở đây Chu Khú Phi đã chép làm chữ Bình.



Áo cổ tròn bốn vạt, bên trong quây Thường đen, trong cùng mặc quần là trắng. (Phục dựng); Dép quai ngang thời Nguyễn (Kỹ thuật của người An Nam).

này quần tụ ở bờ sông Tô Lịch An Nam đến hai ba nghìn đội”⁽¹⁾. Phong khí hồn hậu chất phác, tập tục mường mán đan xen ở đất kinh kỳ, đến cuối thời Hồ vẫn được Nguyễn Phi Khanh ghi lại bằng câu thơ: “Tràng An từ xưa đã là đất để vuông [...] Phong tục lân với Di Lào, nhân dân như thời thái cổ.”⁽²⁾ Cao Hùng Trung, tác giả *An Nam chí nguyên* cũng ghi nhận: “Những noi thành quách trọng yếu tấp nập ở gần dáng để chiêm ngưỡng, phần lớn phỏng theo kiểu cách Trung Hoa. Những noi biên phương làng xã thôn xóm ở xa vẫn noi theo thói cũ, chưa thay đổi hết được.”⁽³⁾

Như vậy, trang phục trong dân gian đương thời hẵn rất đa dạng.

Tuy nhiên, xét riêng diện trang phục người Việt sống trong đô thành, Chu Khứ Phi cho biết: “Người nước ấy áo thảm, rồng đen, búi tóc chuy kể, đi đất, sang hèn đều nhu vội.

Vua ngày thường cũng vậy, song cài trâm vàng, trên mặc áo Sam vàng, dưới mặc thường tía. Những người còn lại, ngày thường trên thì vận áo Sam đen cổ tròn bó sát, bốn vạt như áo Bối Tú, gọi là áo Tú Diên; dưới thì vận thường đen. Hoặc có kẻ cài trâm sắt, có kẻ đi dép da, tay cầm quạt lông hạc, đầu đội nón hình ốc [...] Đàn bà trắng trẻo, khác hẳn đàn ông. Thường đen là phục sức quây bên ngoài của đàn ông.”⁽⁴⁾ Mã Đoan Lâm tham khảo ghi chép của Chu Khứ Phi, đồng thời chú thích: “Những người còn lại đều mặc áo cổ tròn bốn vạt, áo Sam đen không thắt lưng, dưới áo Sam thắt thường

1. (Trung) *Man thu* - Q.4 - Danh loại đệ tứ. Nguyên văn: 茫蠻部落[...]樓居，無城郭。或漆齒。皆衣青布袴，藤蔑纏腰，紅縞布纏鬚，出其餘垂後為飾。婦人披五色娑羅籠。孔雀巢人家樹上。象大如水牛。土俗養象，以耕田，仍燒其糞[...]咸通三年（862）十二月二十一日，亦有此茫蠻，於安南蘇歷江岸聚二三千人隊。

2. *Tho văn Lý Trần*. Tập 3. *Tuyên chiêu bài biệt Vận phó Nguyễn Viêm*. Tr.447. Nguyên văn: 長安自昔帝王州[...]俗雜夷牢民太古

3. (Trung) *An Nam chí nguyên* - Quyển 2 - *Phong tục*. Nguyên văn: 附近城郭衝要湊集之地有所瞻仰者多效華風。其邊方鄉村里社遐遠之處尚循故態，未能盡革

4. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.59-60. Nguyên văn: 其國人烏衣，黑齒，椎髻，徒跣，無貴賤皆然[...]其餘平居，上衣則上緊蟠領皂衫，四裾如背子名曰四顛；下衣則皂裙也。或珥鐵簪，或曳皮履，手執鶴羽扇，頭戴螺笠[...]其婦人乃皙白，異於男子。皂裙，男子之蓋飾也

đen, cài trâm bạc hoặc sắt, đi dép da, cầm quạt lông hạc, đội nón ốc. Dép da, dùng da làm đế, gia thêm trụ nhỏ, lấy ngón chân kẹp lại mà đi. Quạt, tết từ lông chim hạc, để tránh rắn. Nón ốc, đan từ lạt trúc, hình dạng như con ốc, trông tinh xảo nhất. Phụ nữ nhiều người trắng trẻo, khác hẳn đàn ông, thích mặc áo trực lĩnh màu lục thung tay, đều thắt bằng thường đen.”⁽¹⁾

Như vậy, cách ăn mặc ngày thường của đàn ông thời Lý gồm hai chiếc áo cổ tròn mặc lồng ghép.

Chiếc áo ngoài cùng xẻ bốn vạt, dưới lớp áo này được quây một dạng xiêm màu đen, còn được gọi là thường, bên trong cùng là chiếc quần lụa trắng, tương tự lối ăn mặc của quan dân thời Trần theo lời mô tả của Lê Tắc. Chu Khứ Phi còn nhận xét, những người Việt “đi giày tất dạo chơi phố phường trông không khác người nước ta (tức người Tống)”⁽²⁾. Triệu Nhữ Thích, tác giả *Chu Phiên chí* (năm 1225) cũng có lời bình tương tự về người Đại Việt rằng trang phục và ẩm thực khá giống Trung Quốc, song khác biệt là nam nữ đều đi chân đất⁽³⁾. Ngoài ra, việc thường xuyên mang theo quạt có thể coi là một trong những đặc điểm nổi bật của người Việt trải từ thời Lý đến thời Nguyễn. Như năm 1621, Cristophoro Borri cũng miêu tả người Việt Đàng Trong: “Cả đàn ông đàn bà đều ua cầm quạt rất giống như ở châu Âu. Họ cầm là cầm lấy lệ thôi.”⁽⁴⁾

Đối với trang phục của nữ giới, qua miêu tả của Mã Đoan Lâm, phụ nữ Đại Việt đều thích mặc áo trực lĩnh màu lục, thung tay, đều thắt bằng vây đen. Khái niệm áo trực lĩnh thường được hiểu là áo giao lĩnh, sở dĩ gọi trực lĩnh (cổ thẳng) chủ yếu nhằm phân biệt với loại áo viên lĩnh (cổ tròn). *Thích danh* định nghĩa: “Trực lĩnh, cổ áo chéch thẳng xuồng, giao



Mệnh phụ Việt Nam thời Lê mặc áo trực lĩnh màu lục. (*Tạp chí Tự Cát Thành*); Phụ nữ thời Lê mặc áo cổ tròn, dùng váy quây lại bên ngoài. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

1. (Trung) *Văn hiến thông khảo*. Nguyên văn: 餘皆服盤領四裾，皂衫不繫腰，衫下繫皂裙，珥銀鐵簪，曳皮履，執鸕羽扇，戴螺笠。皮履，以皮為底，施小柱，以拇指夾之而行。扇編鸕羽以辟蛇。螺笠，竹絲縷織，狀如田螺，最為工緻。婦人多皙，與男子絕異，好著綠寬袖直領，皆以皂裙束之

2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 足加鞋襪，遊於衢路，與吾人無異

3. (Trung) *Chu phiên chí* - *Giao Chi quốc*. Nguyên văn: 服色飲食略與中國同，但男女皆跣足差異耳

4. *Xứ Đàng Trong* 1621. Tr.56.



Tượng thị nữ thời Bắc Tống trong điện Thánh Mẫu đền Tân Từ thành phố Thái Nguyên, Trung Quốc; Phụ nữ Hà Nội năm 1645 (*Vạn quốc nhân vật đồ*. Nhật Bản).

rộng hẹp cho được tùy tiện.”⁽²⁾ Có điều, sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, một trong những lệnh cấm y phục thời Minh Mạng cũng bao gồm điều cấm áo giao lĩnh đối với phụ nữ⁽³⁾.

Ngoài ra, chúng tôi tán đồng ý kiến của TS. Đoàn Thị Tình khi cho rằng dạng áo dài Tứ thân của phụ nữ Việt có nhiều nét tương đồng với áo Bối tử của phụ nữ nhà Tống⁽⁴⁾, đồng thời cho rằng dạng áo Tứ thân đã được lưu hành và phổ biến vào thời kỳ này. Xét về kiểu dáng, áo Bối Tử và áo tứ thân đều là loại áo xẻ tà hai bên sườn, có hai vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Áo Bối Tử thịnh hành vào thời Tống, trên từ hoàng hậu phi tần, dưới tới ca kỹ, tỳ thiếp trong các buổi lễ tiếp, yến hội đều mặc. Loại áo Tứ thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng. Bên cạnh đó, qua các hình vẽ người Giao Chỉ trong *Boxer Codex* (niên đại 1590), có thể thấy trang phục váy, yếm kết hợp với chiếc áo cộc tương tự như trang phục phụ nữ Mường thời nay cũng là dạng trang phục phổ biến của phụ nữ Việt thời Lê, thậm chí có thể truy根源到 thời Lý Trần.

1. (Trung) *Thích danh* – Thích y phục: 直領，領邪直而交下

2. (Việt) *Phù biến tạp lục - Phong tục*. Nguyễn văn: 本國衣服自有制度[...]諸見存常服客樣衣裙，應改從國俗体製[...]男婦直領短袖衣，其袖口或闊或狹隨意所便

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyễn văn: 婦人衣著交領，下用圓裳

4. *Trang phục Thăng Long Hà Nội*. Tr.55.

nhau ở phía dưới.”⁽¹⁾ Vào thời Lê, loại áo trực lĩnh hết sức phổ biến, áp dụng cho cả đàn ông và đàn bà. Năm 1744, nhà Lê sau khi đặt nha môn Trấn phủ ở Thuận Hóa liền xuống chỉ dụ buộc người xứ Đàng Trong phải thay đổi y phục, quay về tục lệ của miền Bắc; tờ dụ này viết: “Y phục bản quốc vốn có chế độ [...] Những loại quần áo kiểu người Khách thường mặc mà nay vẫn thấy nên đổi theo thể chế của nước nhà (chỉ tục nhà Lê, miền Bắc) [...]

Đàn ông đàn bà dùng áo trực lĩnh ngắn tay (tay áo chấm đến cổ tay), ống tay

rộng hẹp cho được tùy tiện.”⁽²⁾ Có điều, sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, một trong những lệnh cấm y phục thời Minh Mạng cũng bao gồm điều cấm áo giao lĩnh đối với phụ nữ⁽³⁾.



1. Diễn viên Chèo Thu Huyền trong vai Súy Vân. (Ảnh: TQD); 2. Phụ nữ Việt thời Lê (*Hoàng Thành chức cống đồ*); 3-4. Phụ nữ Đàng Ngoài và Đàng Trong năm 1590 trong *Boxer Codex*.

2. Kiểu tóc

Người Việt có câu tục ngữ “Cái răng cái tóc là góc con người” thể hiện sự coi trọng răng tóc như phần diện mạo trực tiếp biểu hiện nhân cách. Theo thẩm mỹ quan của người Việt xưa kia, mái tóc dài mượt, hàm răng đen nhánh mới được coi là đẹp. Tuy nhiên, khác với tính ổn định của tục nhuộm răng đen, kiểu tóc Việt trải qua nghìn năm đã có nhiều biến đổi, không phải thời nào cũng có mô típ đơn nhất “đàn ông búi tó, đàn bà vân khăn” như ấn tượng chung của người Việt hiện đại về tổ tiên trong quá khứ. Qua khảo sát tư liệu hình ảnh và văn tự tương quan, có thể thấy người Việt từ thời Lý đến thời Nguyễn đã từng để nhiều kiểu tóc khác nhau, song nhìn chung có bốn cách để tóc phổ biến, bao gồm: 1. búi tóc chuy kể; 2. cạo trọc; 3. cắt tóc ngắn; 4. xõa tóc dài. Trong đó, búi tóc chuy kể (búi tóc củ hành) là kiểu tóc thịnh hành vào thời Lý, và là kiểu tóc đơn nhất của nam giới Việt thời Nguyễn; tục cạo trọc đầu thường thấy ở thời Trần; mái tóc ngắn châm vai phổ biến vào thời Trần và Lê sơ; tóc xõa dài được ưa chuộng vào thời Lê - Trịnh. Tại phần này, chúng tôi đi sâu làm rõ búi tóc chuy kể. Tục cắt tóc ngắn và buông xõa tóc dài, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày tại phần khảo về kiểu tóc của người thời Trần và thời Lê.

Sử liệu sớm nhất đề cập tới việc người Việt búi tóc chuy kể là *Sử ký* của Tư Mã Thiên, với dòng miêu tả Triệu Đà nhiễm theo phong tục của người Việt “búi tóc chuy kể, ngồi dài theo Lục Giả”⁽¹⁾. Đến thế kỷ III

1. (Trung) *Sử ký - Lệ Sinh Lục Giả liệt truyện*. Nguyễn văn: 尉他魋結箕倨見陸生



Điêu Đài bộ nguyệt đồ (Nam Tông. BTCCBK).

sau Công nguyên, Thái thú Tiết Tông trong tờ sớ xin chọn Thủ sứ Giao châu đã miêu tả người Việt: “*Búi tóc chuy kế, đi đất, (mặc áo) chui đầu vạt trái*”⁽¹⁾. Thế kỷ XI, Chu Khứ Phi qua *Lĩnh ngoại* đại đáp cho biết, người Việt “*đều mặc áo thâm, rǎng đen, búi tóc chuy kế, đi đất, không phân sang hèn, đều như vậy. Vua ngày thường cũng vậy, song cài trâm vàng*.”⁽²⁾ Vào thế kỷ XV, Cao Hùng Trung dẫn *Nam Việt ngoại kỷ* miêu tả người Việt “*hoặc búi tóc chuy kế, hoặc cắt tóc ngắn, xăm mình, đi đất, miệng đỏ, rǎng đen, sang hèn đều ăn trầu cau*”⁽³⁾. Đầu thế kỷ XIX, Phạm Đình Hổ ghi nhận: “*Nay tục nước ta (tục thời Nguyễn) búi tóc chuy kế, vấn khăn vải thâm.*”⁽⁴⁾ Năm 1835, Thái Đinh Lan người Thanh mô tả phụ nữ Việt ở Trung Nam kỳ “*ra ngoài buôn bán, búi tóc chuy kế, đi chân đất, dùng lụa quấn đầu, đội nón lá cọ đinh phẳng*”⁽⁵⁾.

Tuy nhiên cần nhấn mạnh rằng, kiểu tóc chuy kế không phải kiểu tóc của riêng người Việt. Đây cũng là kiểu búi tóc chung của nhiều tộc người, trong đó có người Chân Lạp⁽⁶⁾, Chiêm Thành v.v. Xét danh xưng chuy kế⁽⁷⁾, “chuy” có nghĩa là cái vồ, phần lớn có đầu khá to hoặc hình tròn⁽⁸⁾, “kế” là



Người thời kèn trên cán muôi thời Đông Sơn (Bảo tàng Lịch sử Tp.HCM. Ảnh: TQĐ).

1. (Trung) *Tam quốc chí - Ngô thư - Tiết Tông truyện*. Nguyên văn: 椎結徒跣，貫頭左衽。

2. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Nguyên văn: 其國人烏衣黑齒，椎髻，徒跣，無貴賤皆然。其酋平居亦然，但珥金簪。

3. (Trung) *An Nam chí nguyên - Q.2 - Phong tục*. Nguyên văn: 《南越外紀》云其人或椎髻或剪髮，文身跣足，口赤齒黑，尊卑皆食檳榔

4. (Việt) *Vũ trung tùy búi – Quyền thượng – Quan lễ*. Nguyên văn: 今國俗椎髻、緇布巾

5. (Trung) *Hai Nam tạp trú*. Nguyên văn: 婦人出貿易，椎髻跣足，以綢綉纏頭，戴平頂箬笠

6. (Trung) *Chân Lạp phong thố ký*. Tr.17. Nguyên văn: 男女皆[...]椎髻跣足 “*trai gái đều búi tóc chuy kế, đi chân đất*”

7. Chuy kế có ba cách viết: 椎結, 椎髻, 雉結 Trong đó 椎結, 雉結 đều là cách dùng giả tá. Cách viết chuẩn là 椎髻

8. Hiện đại Hán ngữ từ điển. Tr.217.

búi tóc. Nhan Sư Cố giải thích chuy kế là “*búi tóc bằng một nắm tay, hình như cái vồ*”⁽¹⁾. Kiểu búi tóc này phần lớn được búi ở sau đầu, thậm chí dời xuống gáy. Trương Thăng trong *Doanh nhai thăng lâm tập* (thế kỷ XV) miêu tả kiểu tóc của người Chăm “*đàn ông đầu bùi tóc rối, đàn bà búi tóc chuy kế ở phía sau*”⁽²⁾. Sách *Cựu Đường thư* miêu tả bốn vương nước Cao Ly búi tóc chuy kế ở phía sau, dùng lụa đeo sâm thắt quanh trán, sức thêm nhạc bằng vàng⁽³⁾, đồng thời miêu tả người man ở vùng Tây Nam Trung Quốc “*trai gái đều búi tóc chuy kế, dùng lụa đeo thắt lại, ngả xuống phía sau*”⁽⁴⁾. Riêng búi tóc của nam giới thời Nguyễn, Mai Viên Đoàn Triển cho biết: “*Đàn ông búi tóc ở sau đỉnh đầu, sau đó vấn khăn.*”⁽⁵⁾

Kết hợp những ghi chép trên đây với hình ảnh người đàn ông thổi kèn trên cán muôi Đông Sơn, hình ảnh người phụ nữ trên trống đồng Động Xá, đầu tượng người men nâu sẫm thời Lý và hàng loạt tư liệu ảnh chụp người Việt Nam thời Nguyễn, có thể thấy búi tóc của người dân Việt hầu hết to cỡ nắm tay chéch sau đỉnh đầu, thậm chí dời xuống gần gáy, khác với búi tóc gọn nhỏ ở đỉnh đầu của nam giới Trung Quốc thời Tống - Minh và nam giới người Triều Tiên. Búi tóc chuy kế vào thời Nguyễn được gọi là búi tóc củ hành, củ kiệu, hay đơn giản là búi tó. Vào thời Lý, ngoài búi tóc củ hành, người Việt còn cắt tóc ngắn hoặc xõa tóc. Đến thời Trần, thời Lê, những ai để tóc xõa dài khi nào cần thuận tiện lại búi một búi tóc ở sau đầu, như chúng ta có thể thấy ở hai pho tượng lính hầu thế kỷ XVIII tại lăng Dinh Hương, tượng lính dông đình Thổ Hà, Bắc Giang v.v. Tuy nhiên, vào thời Lê sơ, búi tóc chuy kế từng được coi là biểu hiện của sự lạc hậu, là phong tục của những sắc dân biên viễn. Tờ chiếu ban ngày mồng 6 tháng 11 năm 1470 có đoạn



Tượng đầu người thời Lý (Cố vật Thang Long Hà Nội)

1. (Trung) *Hán thư - Lý Lăng truyện*. Nguyên văn: “兩人皆胡服椎結”顏師古注：“結讀曰髻，一撮之髻，其形如椎” “*Hai người đều mặc y phục của người Hồi, búi tóc chuy kế*”. Nhan Sư Cố chú thích: Kết (ở đây) đọc là Kế, búi tóc bằng một nắm tay, hình như cái vồ. Dẫn theo zdic.net mục từ chuy kế 椎髻

2. (Trung) *Ký lục vương biến - Q.63 - Doanh nhai thăng lâm tập - Chiêm Thành*. Nguyên văn: 男蓬頭，女椎髻于後

3. (Trung) *Cựu Đường thư - Chí đệ cửu - Âm nhạc nhị - Cao Ly nhạc*. Nguyên văn: 舞者四人，椎髻於後，以絳抹額，飾以金璫

4. (Trung) *Cựu Đường thư - Liệt truyện đệ nhất bách tú thập thát - Nam man - Tây Nam man*. Nguyên văn: 男女椎髻，以緋束之，後垂向下

5. (Việt) *An Nam phong tục sách*. Nguyên văn: 男子束髮於頂後，然後加巾



Chúc công đồ họa quyền (rộng 29.5 cm, dài 580 cm, hiện lưu giữ tại Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh) được vẽ bởi họa sĩ cung đình nhà Minh, Cửu Anh (1494? - 1552). Trong họa quyền này xuất hiện các đoàn công sứ của nước Tây Hạ, Đại Liêu, Tam Phat Tề... đều là các nước tồn tại vào thế kỷ XIII. Bức họa trên xuất hiện dòng chữ “An Nam hạ” (Nước An Nam mìng) trên lá cờ nên chúng tôi ngờ rằng, đoàn công sứ này có thể là đoàn công sứ của nhà Lý. Cửu Anh có lẽ đã chép lại một bức tranh cũ có từ trước đó. Cần lưu ý rằng, các nhân vật thể hiện trong bức họa này hầu hết đều vần khăn. (*China: The Three Emperors 1662 – 1795*).

viết: “*Thời Thái Tông Văn hoàng đế, bên trong sủa sang, bên ngoài đánh dẹp, những kẻ mặc xiêm cổ, búi tóc chuy kế cũng trèo núi vượt biển tới chầu, muôn noi mến đức, tám cõi phục uy*”⁽¹⁾. Chỉ đến thời Nguyễn, búi tóc chuy kế mới được thống nhất áp dụng cho nam giới trong toàn quốc.

Đối với kiểu tóc của vua quan nhà Lý, Chu Khứ Phi cho biết vua nhà Lý vào ngày thường không phải thiết triều cũng búi tóc chuy kế, chỉ khác là cài thêm trâm vàng. *Toàn thư* ghi nhận việc vua Lý Huệ Tông phát điên, có khi tự xưng là thiên tướng giáng trần, cắm cây cờ nhỏ lên búi tóc⁽²⁾. Dựa vào cách nói của Chu Khứ Phi, có lẽ trong những buổi thiết triều, đại lễ, vua quan nhà Lý không búi tóc chuy kế như ngày thường. Có thể họ búi một búi tóc ở đỉnh đầu như vua quan nhà Tống, cũng có thể buông xõa tóc như vua quan nhà Lê?

Ngoài ra, Chu Khứ Phi còn miêu tả người Việt “*lấy cao thom chuốt tóc nhu son, bọc khăn the đen, đỉnh tròn và nhỏ, từ trán trở lên, nếp gấp*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 太宗文皇帝內修外攘，裳卉髻椎梯山航海萬流仰德，八極傾風
2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春三月，帝漸發狂，或稱天將降，即持干櫛，挿小旗於髻上 (Năm 1217)

nhỏ nhu may lên đến tận chóp [...] Chân đi giày tất, dạo chơi phố phường, trông không khác người nước ta, song nhìn khăn của họ thì có thể nhận ra.⁽¹⁾ Qua miêu tả trên, có thể thấy khăn bọc tóc của người thời Lý là một dạng khăn vấn. Khăn này được vần kín đỉnh đầu, tạo nếp gấp ở trán dạng chữ Nhất 一, riêng phần chóp được xử lý thành dạng khum tròn. Đây không phải lối vần khăn to bản, cồng kềnh như người Đàng Trong sau năm 1744, cũng không hoàn toàn đồng nhất với kiểu vần để lộ đỉnh đầu, chỉ vần quanh trán và búi tóc phổ biến của nam giới thời Nguyễn.

Cần lưu ý rằng, chỉ từ sau năm 1744, người Việt Đàng Trong mới bắt đầu búi tóc, vần khăn để phân biệt với người nhà Lê miền Bắc, theo chính sách của chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục ghi nhận: “(*Năm 1744*) Chúa bèn thay y phục, đổi phong tục, cùng dân đổi mới, bắt đầu hạ lệnh cho nam nữ sĩ thú trong nước, đều mặc áo nhu bào, mặc quần, vần khăn.”⁽²⁾ Tuy nhiên đến năm 1792, chỉ có một số người Đàng Trong vần khăn, đặc biệt là lính đánh bộ. John Barrow trong *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* (1792 - 1793) cho biết: “Mái tóc đen dài của họ đôi khi được quấn thành búi cố định trên đỉnh đầu, đôi khi được buông lỏng thành những

lọn tóc rủ xuống sau lưng, thường là túi tận mặt đất. Một số người chít khăn quấn đầu, có hình dáng giống như chiếc khăn xếp của người Hồi giáo”⁽³⁾. Chúng tôi đặt giả thiết, có thể tục vần khăn của người Đàng Trong sau năm 1744, chịu ảnh hưởng từ phong tục của người Trung Đông giàn tiếp qua tục vần khăn của người Chăm hoặc người Thái. Riêng người Chăm, trước thế kỷ XV cũng chưa có tục vần khăn như ta thấy hiện nay.



Linh Đàng Trong năm 1793 dưới nét vẽ của William Alexander.

1. (Trung) *Lĩnh ngoại đại đáp*. Tr.59-60. Nguyên văn: 以香膏沐髮如漆，裹烏紗巾，頂圓而小，自額以上，細褶如縫，上徹於頂[...]足加韁鞬，遊於衢路，與吾人無異，但其巾可辨耳

2. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục*. Q.8. Tr.3. Nguyên văn: 乃改衣服易風俗，與民更。始下令國內士庶男女並著襦袍，穿裳，纏巾

3. *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà* (1792-1793). Tr.83

PHỤ LỤC 1

**MỘT SỐ GHI CHÉP LIÊN QUAN TÓI TRANG PHỤC CHIỀM THÀNH
TỪ THẾ KỶ VI ĐẾN THẾ KỶ XV**



Thần Siva, tượng Chăm, cõi deo anh lạc, quần ngắn lộ vú đùi. (BTLSVN)

Nam Tề thư (thế kỷ VI): *Vua đội mũ Thiên quan như mũ Phật, mình khoác dải anh lạc thon* (Tấn thư chép không có chữ ‘thon’. Anh lạc là chuỗi dây tết bằng các loại châu ngọc đeo ở cổ, vốn là trang sức đeo trên tượng Phật. Tiếng Pali: Keyūra)... *Phụ nữ khi cưới mặc áo già lam* (áo nhà chùa?) *khổ ngang may khép lại* như thành giếng, đầu đội hoa bảo (Tấn thư chép là bảo hoa) [...] Khi cù tang thì cắt tóc, coi đó là đạo hiếu⁽¹⁾.

Tùy thư (thế kỷ VII): *Vua đội mũ hoa vàng, hình dạng nhu mũ Chuong Phủ, mặc áo may bằng vái Triệu hà* (ráng mây sớm, có lè chỉ hoa văn?), *khoác dải anh lạc đính các loạt ngọc châu, chân đi dép da, cũng có khi lại mặc áo gấm...* Người nước ấy mắt sâu mũi cao, tóc quăn da đen, tục đều đi đất, dùng khổ vái quấn người, mùa đông mặc áo kép. *Phụ nữ búi tóc chuy kể [...] (Khi có tang) đàn ông đàn bà đều cắt tóc, theo đám ma đến bến nước, đau buồn tột bực rồi thôi, khi trở về thì không khóc nữa⁽²⁾.*

Nam sứ (thế kỷ VII): *Đàn ông đàn bà đều dùng khổ vái Cổ Bối* (cũng gọi là Cát Bối. Lê Quý Đôn dẫn sách Độn trai nhàn lâm cho biết: “*Từ Mân Linh trở về phía Nam có nhiều cây gạo. Người bán thổ đua nhau trồng bông, có đến mấy nghìn gốc, hoa của nó dùng làm vái, gọi là vái Cát Bối. Lại như các nước Lâm Ấp có cây*

1. (Trung) *Nam Tề thư* - Q.58 - Liệt truyện Đệ tam thập cửu - Man - Đông Nam di - Nam di - Lâm Ấp quốc. Nguyên văn: 王服天冠如佛冠，身被香纓絡[...]女嫁者，迦藍衣橫幅合縫如井闈，首戴花寶[...]居喪剪髮，謂之孝

2. (Trung) *Tùy thư* - Q.82 - Liệt truyện Đệ tứ thập thất - Nam man - Lâm Ấp. Nguyên văn: 王戴金花冠，形如章甫，衣朝霞布，珠璣瓔珞，足躡草履，時復錦袍[...]其人深目高鼻，髮拳色黑。俗皆徒跣，以幅布纏身。冬月衣袍。婦人椎髻[...]男女皆截髮，隨喪至水次，盡哀而止，歸則不哭

Cát Bối, hoa cây ấy khi đâm bông như lông ngỗng, rút sợi ra dệt làm vải thì không khác vải gai”⁽¹⁾. Tiếng Pali: kappāsa. Tiếng Kh'mer: Kupah) *quần ngang từ eo trở xuống*, gọi là Can Mạn, cũng gọi là Đô Mạn; *xỏ lỗ tai đeo khuyên nhỏ*. Người sang đi dày da, kẻ hèn đi đất. Từ Lâm Ấp, Phù Nam tới các nước phía Nam đều như vậy. Vua nước ấy mặc pháp phục, đeo thêm dải anh lạc, trang sức như tượng Phật [...] Quả phụ ở một mình thì xõa tóc đến già⁽²⁾.

Cựu Đường thư (thế kỷ X): *Vua mặc áo Diệp trắng* (diệp: vải len mịn; Lê Quý Đôn dẫn sách Thông giám cho biết “người man ở Nhật Nam dệt bông làm vải, trên có chữ nhỏ xen lẫn cổ hoa, rất khéo léo, gọi là vải Diệp trắng”⁽³⁾), *Cổ Bối, quần cheo vai, vòng quanh eo, bên trên đeo thêm hạt trân châu, khóa vàng, làm thành dải anh lạc, tóc quăn, đầu đội (mũ) hoa. Phu nhân mặc áo làm bằng vái Triệu hà, váy ngắn làm bằng vái Cổ Bối, đầu đội (mũ) hoa vàng, mình đeo dải anh lạc kết ngọc châu, khóa vàng. Thị vệ của nhà vua có năm ngàn tên lính, thao dùng nỏ và kích, dùng mây làm giáp, lấy tre làm cung, cưỡi voi chiến đấu [...] Cha mẹ mất, con cạo tóc mà khóc*⁽⁴⁾.

Đại Việt sử lược: (Năm 1069) *Vua (chỉ vua Lý Thánh Tông) từ Chiêm Thành về [...] ngài ngự trên xe báu, quần thần đều cưỡi ngựa dấn đường. Vua Chiêm Thành Đệ Cử (tức Chế Cử, Rudravarman III) đội mũ Ma Cốt (ma: vái gai; cốt: xương; Ma Cốt có lè là phiên âm tên gọi của người Chăm), mặc áo may bằng vái Diệp trắng, dùng lụa thắt lưng. Vua lệnh cho năm người thuộc Hung Võ đô dấn đi, lại trói bọn đảng thuộc đưa đi cùng*⁽⁵⁾.

Chư Phiên chí: *Vua Chăm [...] đội mũ vàng, mình đeo anh lạc [...] Người Chăm ua sạch sẽ, một ngày tắm bốn năm lần, lấy long não, xà hương bôi lên cơ thể, lại đốt các loại hương xông áo.*⁽⁶⁾

1. (Việt) *Vân dài loại ngữ* - Q.5 - *Phẩm vật cưu*. Tr.19. Nguyên văn: 遷齋閑覽云閩嶺以南多木棉，土人竟植之。有至千株，其花為布，号葛貝巾。又林邑等國出吉貝木，其花成時如鵝毛，抽其繒紗以為布，與綺不異

2. (Trung) *Nam sứ* - Q.78 - Liệt truyện Đệ lục thập bát - Di mạch thương - Lâm Ấp quốc. Nguyên văn: 男女皆以橫幅古貝繞腰以下，謂之干漫，亦曰都漫。穿耳貫小環。貴者著革屣，賤者跣行。自林邑、扶南以南諸國皆然也。其王者著法服，加瓔珞，如佛像之飾[...]其寡婦孤居，散髮至老

3. (Việt) *Vân dài loại ngữ* - Q.5 - *Phẩm vật cưu*. Tr.19. Nguyên văn: 日南蠻織為巾出細字雜花卉，尤工巧，即白疊巾

4. (Trung) *Cựu Đường thư* - Q.197 - Liệt truyện Đệ 147 - Tây Nam man - Lâm Ấp. Nguyên văn: 其王所居城，立木為柵。王著白氍毹古貝，斜絳膊，繞腰，上加真珠金鎖，以為瓔珞，卷髮而戴花。夫人服朝霞古貝以為短裙，首戴金花，身飾以金鎖真珠瓔珞。王之侍衛，有兵五千人，能用弩及鞬以藤為甲，以竹為弓，乘象而戰[...]父母死，子則剔髮而哭

5. (Việt) *Đại Việt sử lược*. Nguyên văn: 上御寶車，羣臣皆騎馬導引，占城王第矩戴麻骨冠，著白氍毹衣，以絹繫腰，令興武都五人牽之，繫其黨屬以從

6. (Trung) *Chư phiền chí* - Chiêm Thành quốc. Nguyên văn: 王出入乘象[...]頭戴金帽，身披瓔珞[...]國人好潔，日三五浴，以腦麝合香塗體，又以諸香和焚薰衣

Tống sứ: Người nước Chăm không có tơ tằm, dùng vải Điện trắng quấn ngực, buông xuống chân, mặc áo hẹp tay, túm tóc thành búi, buông lọn thừa ra sau [...] Vua nước ấy búi tóc tọa kẽ ở sau đầu (chỉ kiểu búi một lọn tóc ở phía sau, sau đó đẩy lên đỉnh đầu, dùng kẹp cố định lại, tóc thừa buông ra phía sau), khoác áo Cát Bối, đội mũ súc hoa bằng vàng, dùng dải anh lạc tết bảy loại đá quý làm trang sức, vể đùi đều lộ cả, đi dép da, không xổ tất. Phụ nữ cũng búi tóc sau đầu, không cài trâm, trang phục và cách chấp lạy như đàn ông [...] Tống Hy Ninh năm thứ 9 (tức 1076), vua Chăm 36 tuổi, mặc áo thụng lớn may bằng gấm Đại thực hoặc gấm Xuyên pháp, khoác bảy dải anh lạc bằng vàng, đội mũ vàng súc bảy loại đá quý, đi giày da đỏ. Vua xuất cung liền có năm trăm người theo hầu, mười phụ nữ bung tráp vàng đựng trâu cau đi trước làm vui.⁽¹⁾

Úc Trai di tập: Người Chiêm lấy khăn che vế đùi, để lộ hình thể.⁽²⁾

Doanh nhai thăng lâm tập: Vua Chiêm là người Tôa Lý (Tôa Lý vốn là vùng ven biển Coromandel, Ấn Độ. Tuy nhiên ở đây, cách nói người Tôa Lý phiếm chỉ người Ấn Độ nói chung), chuộng đạo Phật, đội mũ hình tam son đính hoa vàng lung linh, phía trên mặc áo vải hoa phiên nhu dạng lụa thô Miên trùm, phía dưới quấn khăn to màu sắc sờ mây vòng, đi chân đất cuỗi voi hoặc ngồi xe nhỏ có hai con nghé kéo. Các quan đội mũ lá cỏ (nguyên văn dùng từ “giao chuông diệp”. Khang Hy tự điển cho biết: giao là loại cỏ khô, chuông là cỏ), cũng giống mũ của vua, trang sức bằng vàng, (phía dưới quấn) khăn sắc sờ [...] (Chiêm Thành) cho phép được mặc màu tía, riêng vua mặc đồ trắng, cầm mặc các màu đen huyền, màu vàng, kẻ nào làm trái thì bị tội chết. Đàn ông tóc rối, đàn bà búi tóc chuy kể ở phía sau, da dẻ đều ngăm đen, phía trên mặc áo ngắn cộc tay, phía dưới cũng quấn vải sặc sỡ, đều là trang phục của đàn bà vậy [...] Họ nhai trâu cau luôn miệng như tục của người Mân, Việt⁽³⁾.

1. (Trung) Tống sứ - Q.489 - Liệt truyện 248 - Ngoại quốc ngũ - Chiêm Thành. Nguyên văn: 以白氍布纏其胸, 垂至於足, 衣衫窄袖。撮髮為髻, 散垂餘髻於其後[...]其王腦後髽髻, 散披吉貝衣, 戴金花冠, 七寶裝縷絡為飾, 脛股皆露, 蹤革履, 無襪。婦人亦腦後撮髻, 無笄梳, 其服及拜揖與男子同[...]王年三十六歲, 著大食錦或川法錦大衫、七條金瓔珞, 戴七寶裝成金冠, 蹤紅皮履, 出則從者五百人, 十婦人執金杵合貯檳榔, 導以樂。

2. (Việt) Úc Trai di tập - Q.6 - Dư địa chí. Tr.31. Nguyên văn: 占人以巾蔽腿而露其形。

3. (Trung) Ký lục vượng biến - Q.63 - Doanh nhai thăng lâm tập - Chiêm Thành. Nguyên văn: 王乃鎖里人也, 尚釋教, 頂三山金花玲瓏冠, 上衣花番布若棉紬狀, 下縈綵絲帨巾數匝, 跛足跨象或乘小車駕以二黃犢。其臣頂茭葦葉冠, 亦類王冠, 飾以金, 綵帨[...]許服紫, 唯王白服, 禁服玄黃, 違者死。男蓬頭, 女椎髻于後, 肌膚俱黑, 上禿袖短衫, 下亦縈綵布, 皆女裝也。男女俱跣行[...]啖檳榔不絕口如閩越俗。

PHỤ LỤC 2

MỘT SỐ GHI CHÉP VÀ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN TÓI VŨ NHẠC VIỆT NAM THỜI LÝ TRẦN



Một số hình tượng vũ công thời Lý Trần (Chùa Việt Nam, Diêu khắc cổ Việt Nam)

Toàn thư: Tháng 7, năm 1044, vua (Lý Thái Tông) đem quân vào thành Phật Thệ bắt vợ cả, vợ lẽ của Sạ Đầu và các cung nữ giỏi hát múa khúc điệu Tây Thiên. Năm 1046, (thời Lý Thái Tông) dựng cung riêng cho các cung nữ Chiêm Thành. Tháng 8, năm 1060, (thời Lý Thái Tông) phiên dịch nhạc khúc và điệu đánh trống của Chiêm Thành, sai nhạc công chế khúc nhạc gọi là nhạc Chiêm Thành, tiếng trong trẻo, ai oán buồn rầu, người nghe phải chảy nước mắt. Tháng 10, mùa đông, năm 1268, thượng hoàng (Trần Thái Tông) mặc áo bông trắng, Tĩnh Quốc múa điệu múa của người Hồ, thượng hoàng cởi áo ban cho.

An Nam tức sự: (khoảng 1288-1293) Tùng tổ chúc yến tiệc tại điện Tập Hiền, trai gái hát trò mõi bên mười người, đều ngồi xuống đất, có các loại đàn tỳ bà, tấu (thanh trúc nhỏ, có thể là sáo?), đàn tranh, nhất huyền (một dây, có

thể là đàn bầu?). Lời ca hòa với tiếng đàn, khi hát thì ngân “rí ron” trước (có thể là lối hát rí ren?), sau mới hát lời. Dưới điện có các trò diễn xiếc, leo cột, múa rối đầu gậy, lại có kẻ mặc quần gấm cởi trần vừa nhảy nhót vừa hò hét. Đàn bà đi chân đất, móng tay ở mười ngón cái dài cái ngắn [...] Hon mười người đàn ông đều cởi trần, khoác vai nhún chân, đi thành vòng tròn hát một hồi lâu. Ở mỗi hàng có một người gio tay thì hon mười người khác đều gio tay, khi buông tay cũng thế. Ca khúc thì có các bài Trang Chu mộng điệp, Bạch Lạc thiên mẫu biệt tử, Vi sinh ngọc tiêu, đạp ca, hạo ca. Riêng bài Thán thế thời thê thiết nhất, song nghe không thể hiểu được. Khi tấu đại nhạc trên điện trong buổi đại yến thì đàn nhạc được tấu ở sau hành lang, không nhìn thấy nhạc cụ và nhạc công. Mỗi khi chuốc rượu thì lớn tiếng hô tấu khúc nhạc nào đó, người dưới hành lang liền ứng tiếng tấu lên. Các khúc nhạc có khúc Giáng hoàng long, Nhập hoàng đô, Yến Dao trì, Nhất giang phong, âm điệu rất cổ, nhưng ngắn gặt⁽¹⁾.



Tượng vũ công thời Lý trên bệ đá chùa Hoa Long, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa (Ảnh: TQĐ).

1. (Trung) *Nguyễn thi ký sự - An Nam tức sự*. Tr.180. Nguyễn văn: 詞宴于其集賢殿，男優女倡各十人，皆地坐，有琵琶、箏、一絃之屬。其謳與絃索相和，歌則先哩喻而後詞。殿下有踢弄、上竿、杖頭傀儡，又有錦裯裸其上體，跳擲號呶。婦人赤腳，十指爪檻杼起舞[...]男子十餘人，皆裸上體，聯臂頓足，環繞而久歌之。各行一人舉手則十數人皆舉手，垂手亦然。其歌有莊周夢蝶、白樂天母別子、韋生玉簫、踏歌、浩歌等曲。惟歎時世最愴惋，然漫不可曉。大宴殿上大樂則奏于廡下之後，樂器及人皆不見。每酌酒則大呼曰樂奏某曲，廡下諾而奏之。其曲曰降黃龍、曰入皇都、曰宴瑤池、曰一江風，音調亦近古，但短促耳。



CHƯƠNG II. TRANG PHỤC THỜI TRẦN



Năm 1225, Trần Thủ Độ ép nhà Lý chuyển giao quyền làm chủ xã tắc sang tay họ Trần thông qua cuộc hôn phối giữa Lý Chiêu Hoàng và Trần Cảnh. Hơn 50 năm sau ở phương Bắc, triều đình nhà Tống bị quân Nguyên Mông tiêu diệt, để quyền làm chủ Trung Hoa rơi vào tay tộc người được coi là ngoại di. Ngay từ khi thành lập, với dục vọng bành trướng lanh thổ, đế quốc Nguyên Mông đã lăm le bờ cõi của các nước lân bang, nhiều lần sử dụng thủ đoạn với triều đình Đại Việt. Song điều này chỉ khiến chính sách ngoại giao của nhà Trần đối với nhà Nguyên thêm cứng rắn và nhiều khi tỏ ra bất hợp tác.



Voi chở kinh sách của vua Trần Nhân Tông.
(Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ. Cục bộ).

vua Trần Thái Tông vẫn thoái thác nói: “*Loại thú này thân mình rất lớn, đi lại chậm chạp, không bằng ngựa của thương quốc.*”⁽³⁾ Năm 1270, vua

Đơn cử việc cống voi, trong khi nhà Lý chủ động cống cho nhà Tống 9 con voi thuần vào năm 1156⁽¹⁾, sau đó cống 5 voi thuần với 5 quản tượng đi theo, rồi 10 voi đực ngà lớn với 10 quản tượng đi theo trong hai đợt cống liên tiếp năm 1173⁽²⁾, thì năm 1269, mặc cho sứ thần Hốt Lung Hải Nha truyền đạt ý của vua Nguyên muốn tìm mua con voi lớn,

1. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo* - Phiên di nhất - Giao Chi. Mục ngày 21 tháng 8 năm 26 niên hiệu Thiệu Hưng (1156). Nguyên văn: 交趾國王李天祚遣太平州刺史李國以、右武大夫李義、武翼郎郭應五，進貢[...]綾絹五十四、馬十、馴象九

2. (Trung) *Tống hội yếu tập cáo* - Phiên di nhất - Giao Chi. Mục ngày 4 tháng 7 năm thứ 9 niên hiệu Càn Đạo (1173). Nguyên văn: 馴熟大象五頭[...]五人象公; 雄大牙象一十頭[...]十人象公

3. (Trung) *Nguyên sử*. Q.209. *An Nam truyện*. Nguyên văn: 此獸軀體甚大，步行甚遲，不如上國之馬

Nguyên xuống lệnh đòi voi và yêu cầu triều cống hàng năm, vua Trần Thánh Tông gửi thư sang giải thích: “*Về lời dụ tìm voi, trước sợ trái ý chỉ, nên loanh quanh chưa dám nói thẳng. Thực ra, duyên do là vì quản tượng không nỡ xa nhà, khó sai họ khỏi hành.*”⁽¹⁾ Và phải 7 năm sau, năm 1278, sau khi nhà Tống hoàn toàn bị tiêu diệt, nhà Trần mới lần đầu cống cho nhà Nguyên 2 con voi⁽²⁾.



Quai vông băng đồng thời Trần.
(Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Bắc Nam trở nên ách tắc. Năm 1242, “*vua Trần Thái Tông sai tướng sang đánh chiếm biên giới để thông hiểu với nước Tống.*”⁽³⁾ Trước nghĩa cử này, năm 1243 vua Tống đã xuống chiếu, đặc biệt gia tặng vua Trần là “Thủ nghĩa công thần” (Công thần giữ nghĩa)⁽⁴⁾. Tiếp đó năm 1257, nhà Nguyên lấy được Vân Nam, nhưng một năm sau, nhà Trần lại tiếp tục sai sứ sang thông hiểu với Tống⁽⁵⁾. Đến khi nhà Nguyên đã chính thức lập quốc vào năm 1271, đặt kinh đô tại Yên Kinh, thì năm 1273, nhà Trần vẫn tiếp tục sai sứ sang Tống biếu tặng phuơng vật⁽⁶⁾. Thậm chí, đến năm 1276, vua Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt đánh Giang Nam, sai Hợp Tân Nhi Hải Nha sang Đại Việt dụ sáu việc nhu điều dân, giúp quân để đánh Tống, nhưng vua Trần Thánh Tông đều không nghe⁽⁷⁾. Dù rằng, một trong những lý do của việc thường xuyên thông hiểu là nhằm thăm dò tình hình quân Nguyên và ý tứ chống Nguyên của nhà Tống, song mối quan hệ Việt - Tống dẫu nói thế nào, đặt trong bối cảnh đương thời vẫn có thể coi là mối quan hệ hòa hiếu vô tiền lệ. Chính vì bén duyên từ mối quan hệ tốt

1. (Trung) *Nguyên sử*. Q.209. *An Nam truyện*. Nguyên văn: 論索象，前恐忤旨，故依違未敢直對。實緣象奴不忍去家，難於差發

2. Phạm Văn Ánh. *Văn thư ngoại giao thời Trần - Nội dung và Nghệ thuật*. Trong *Thông báo Hán Nôm học* 2009. Tr.99-127.

3. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.19.

4. (Trung) *Tống sử - Bản kỷ* - Q.46 - Đô Tông - Mục tháng 2, năm đầu tiên niên hiệu Hàm Thuần.

5. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.28-29.

6. (Trung) *Tống sử - Bản kỷ* - Q.46 - Đô Tông - Mục tháng 3, năm thứ 9 niên hiệu Hàm Thuần.

7. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.40.

Sự xuất hiện của quân Nguyên
Mông tại Trung Quốc vô hình trung thúc đẩy mối quan hệ Việt - Tống thêm hữu hảo. Sau khi quân Nguyên xâm chiếm vô số đất đai của nhà Tống, vua tôi nhà Tống bị buộc phải dời xuống Giang Nam bó gối trong phần đất chật hẹp, khiến giao thông

đẹp này, trong quá trình nước Tống đi đến diệt vong, vô số binh tướng, quan dân người Tống đều lần lượt sang xin quy phụ Đại Việt (*diều này lặp lại ở cuối thời Minh*)⁽¹⁾. Xuất phát từ tâm lý ghét Nguyên mến Tống, trong việc phát triển văn hóa Đại Việt sau khi kết thúc chiến tranh, vua quan nhà Trần đã vừa kế thừa, phát huy điển chương văn hiến vốn có của nhà Lý, vừa tiếp tục áp dụng một phần quy chế của nhà Tống, kiên quyết bài xích chế độ của nhà Nguyên.

Ý thức được sự bất đồng về văn hóa, phong tục, trong lời dụ vua tôi Đại Việt vào tháng 12 năm 1260, vua Nguyên chấp nhận: “*Quan lại dân chúng, phàm áo mũ, điển chương, lễ nghi, phong tục cứ tuân theo chế độ trước kia của nước mình.*”⁽²⁾ Tuy nhiên, dẫu vua Nguyên nói ngon ngọt, Hung Đạo Vương vẫn thẳng thừng gọi ông ta là Di tù (*tù trưởng di rợ*) và tỏ rõ ý chí phản kháng đến cùng trước sự đe dọa của quân Mông Thát; vua Trần Minh Tông, sau khi nghe sứ giả báo tin vua Nguyên Anh Tông lên ngôi, đã viết bài thơ có ý chúc mừng rằng: “*Châu Tú Minh tiếp giáp với biên giới nước Việt, cách nhau chẳng bao xa. Ngôn ngữ không khác nhau nhiều (chỉ ngôn ngữ Hán dùng trong quan phuơng), nhưng chế độ áo mũ không giống nhau được [...] Đành không phân biệt Hoa Di, (mong rằng) đều cùng nhau bước lên cõi thi.*”⁽³⁾ Thái độ “bài xích” y phục nhà Nguyên còn được Phạm Sư Mạnh thể hiện qua bài thơ xướng họa với sứ thần nhà Minh là Dư Quý: “*Triều đình mới (nhà Minh) đã thay đổi hết phong tục của người Hồ (người Nguyên), áo mũ lê nhạc lại trở về với quy chế nhà Hán.*”⁽⁴⁾ Lý Tử Tấn, quan văn thư thời Lê sơ bàn luận: “*Từ sau khi người Nguyên vào Trung Quốc,*



1. Vua Nguyên Anh Tông; 2. Vua Nguyên Thế Tổ; 3. Hoàng hậu của vua Nguyên Thuận Tông; 4. Hoàng hậu của vua Nguyên Thế Tổ. (Cố cung).

1. Như năm 1263, quan phủ Tứ Minh nước Tống là Hoành Bính đem 1200 bộ thuộc xin quy phụ (*Toàn thư*. Tập 2. Tr.33); năm 1274, 30 thuyền trở người Tống kéo sang xin quy phụ (*Toàn thư*. Tập 2. Tr.39); năm 1279, khi nhà Tống mất hẳn, nhiều binh sĩ người Tống sang xin quy phụ, được Trần Nhật Duật thu nạp, sau này họ cũng đã có những đóng góp không nhỏ trong việc đánh bại giặc Tắc Ta (*Toàn thư*. Tập 2. Tr.55)

2. (Trung) *Nguyên sử* - Q.209 - *An Nam*. Nguyên văn: 官僚士庶, 凡衣冠典禮風俗一依本國舊制

3. *Tho văn Lý Trần*. Tập 2. Tr.740. Nguyên văn: 四明相接界，只隔馬牛風，言語無多別，衣冠不可同，月生蛟室冷，日落鱣潭空，肯限華夷外，齊登壽域中

4. *Tho văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.124. Nguyên văn: 新朝一革胡風俗，禮樂衣冠復漢儀



Áo Biện Tuyển (Bảo tàng Nội Mông Trung Quốc). Tượng vũ công thời Nguyên (Bảo tàng Hà Nam Trung Quốc). Biện Tuyển là kiểu áo giao lĩnh, hẹp tay, chít eo, dài quá gối, thịnh hành vào thời Nguyên.

Toàn thư: Năm 1300, sau khi cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ 3 kết thúc, vua Trần Anh Tông ra lệnh cho bá quan văn võ không được dùng loại áo có ống tay nhỏ hơn 8 tấc (khoảng dưới 30cm), phải sử dụng loại áo tay thụng, rộng từ 9 tấc đến 1 thước 2 (khoảng từ 36cm đến 48cm).

như vua tôi nhà Tống'. Rồi tặng cho bốn chữ 'Văn hiến chi bang'.⁽¹⁾

Như vậy có thể thấy, chế độ áo mũ Đại Việt dưới thời vua Trần Dụ Tông mang đậm sắc thái của lè lói Trung Hoa cổ đại mà vua Minh phiếm chỉ chế độ của nhà Chu, nhà Tống. Theo *Toàn thư*, vào những năm Đại Trị (1358-1369), pháp độ, y phục, nhạc chương của triều đình Đại Việt liên tiếp được sửa đổi mà kết quả của những cuộc sửa đổi này khiến “phép cũ của tổ tông hướng hết theo tục phuong Bắc” (chỉ tục nhà Tống). Nhưng trên thực tế, trước những năm Đại Trị, nhà Trần đã nhiều lần áp dụng Tống chế như năm 1237, phỏng Tống tổ chức lễ điếu Khuất Nguyên và các bậc hiền nhân thời cổ như Giới Tử Thôi vào dịp Tết Đoan Ngọ, hàng năm cứ đến tháng này thì tổ chức (lễ điếu)⁽²⁾; năm 1250 vua Trần Thái Tông lại xuống chiếu cho thiên hạ gọi vua là Quan gia, vốn là cách gọi hoàng đế thịnh hành vào thời Tống⁽³⁾ v.v. Tuy nhiên dẫu nói

1. (Việt) *Úc Trai di tập - Q.6 - Du địa chí*. Tr.30. Nguyên văn: 李氏曰自元人入中國之後，天下變而胡語胡服矣。獨不變者惟我邦與金陵之朱氏、金山之趙氏而已。及明太祖即位，使易濟民來通好，裕宗使尹舜臣聘于明。明帝勞問國使，嘉其服俗依然中華文明，賜御詩曰“安南際有陳，風俗不元人，衣冠周制度，禮樂宋君臣”因賜文獻之邦四字

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 天應正平六年夏五月端午節，吊屈原及古賢人如介子推者，每年是月皆舉行之

3. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.22. Về cách gọi vua nhà Tống là “Quan gia”, tham khảo Vương Dục Té, “Quan

thiên hạ đổi ra nói tiếng Hồi, mặc áo Hồi cả. Không thay đổi thì chỉ có nước ta cùng họ Chu ở Kim Lăng, họ Triệu ở Kim Sơn mà thôi. Đến khi Thái tổ nhà Minh lên ngôi, sai Dịch Tế Dân sang thông hiếu, vua Dụ Tông sai Doãn Thuấn Thành sang thăm nhà Minh. Vua Minh úy lạo hỏi quốc sự, khen phong tục và y phục vẫn là văn minh Trung Hoa, ban cho bài thơ ngự chế rằng: ‘Đất An Nam có họ Trần, phong tục không theo người Nguyên, áo mũ theo chế độ nhà Chu, lễ nhạc như vua tôi nhà Tống’. Rồi tặng cho bốn chữ ‘Văn hiến chi bang’.⁽¹⁾

thế nào, sự ảnh hưởng của văn hóa cung đình nhà Tống tới Đại Việt thời Trần đã suy yếu đi nhiều so với ảnh hưởng vào thời Tiền Lê và thời Lý, khi nhà Tống thịnh trị.

Vào thời Trần, hào khí Đông Á trào dâng sôi sục. Lúc này sau những cải cách y phục thời vua Anh Tông, trang phục của triều đình Đại Việt nhìn chung đã có những nét đặc sắc riêng, không còn nhất nhất theo quy chế quan phục của nhà Tống như trước kia. Có điều từ thời vua Dụ Tông trở về sau, triều đình bắt đầu có những dấu hiệu rối ren, lục đục. Xét riêng ở phương diện văn hóa, ngay từ những năm Đại Trị, điển chương chế độ của nhà Trần được “thay đổi lại, đã gây ra lắm chuyện phiền nhiễu”⁽¹⁾. Đặc biệt, trong thời gian này, chế độ nhà Trần đã mô phỏng chế độ của nhà Tống quá mức, khiến vua Nghệ Tông ngay sau khi lên ngôi đã bức bối phủ định sạch sẽ ảnh hưởng của Tống chế tới các triều đại trước đây. Ông nói: “Tiên triều mở nước, tự có pháp độ, không tuân theo chế độ nhà Tống, ý chàng Nam Bắc tự làm để nước ấy, không bắt chước nhau. Nhưng năm Đại Trị, bọn học trò mặt trắng hành sự, không hiểu thấu được ý tứ tinh túy của việc lập pháp, bèn đem phép cũ của tổ tông hướng hết theo tục phuong Bắc. Những thú bè trên đặt ra như y phục, nhạc chương không thể kể hết được”⁽²⁾, đồng thời ra lệnh “phải trừ bỏ tệ chính, phàm mọi việc đều tuân hết theo điều lệ thời Khai Thái (1324-1329)”, cũng tức là quy chế thời vua Minh Tông. “Học trò mặt trắng” bị chỉ trích ở đây chính là triều thần Lê

Bá Quát, Phạm Sư Mạnh, những môn sinh ưu tú của đại Nho thần Chu



Tượng Hưng Đạo Vương (khoảng thế kỷ XVII) thờ tại miếu Tiên Công, xã Liên Hoa, huyện Yên Hưng, Quảng Ninh. (Ảnh: Nguyễn Thị Dung).

Gia dù Tống đại đích lý tinh định vị : Dĩ Tống Thái tổ triều vi lệ, *Tạp chí Văn Sử Triết*, kỳ 5 - 2006, Tr.75-81.

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 大治年間變而更之，馴致煩擾。今當革除弊政。凡事一遵開泰條例。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝嘗曰“先朝立國，自有法度，不遵宋制。蓋以南北各帝其國，不相襲也。大治間，白面書生用事，不違立法微意，乃舉祖宗舊法恰向北俗，上安排若衣服、樂章之類不可枚舉

Văn An mà ngay từ thời vua Minh Tông đã muôn sửa sang chế độ, nhưng phải đợi đến thời vua Dụ Tông mới thực hiện được ý tưởng này.

Kết hợp ghi chép của *Toàn thư*, văn bia Lý Trần và *An Nam chí lược*, có thể nhận định sơ bộ rằng: chế độ áo mũ của nhà Trần kế thừa một phần chế độ y phục của nhà Lý, tiếp tục tham khảo quy chế trang phục của nhà Tống, thực hiện cải cách một số kiểu áo mũ cho vương hầu bá quan và hầu như không chịu ảnh hưởng nào từ chế độ y phục của nhà Nguyên.

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

Theo ghi nhận của Lê Tắc, vua nhà Trần có tất cả bốn loại mũ, theo thứ tự đề cập lần lượt là mũ Bình Thiên, mũ Quyển Vân, mũ Phù Dung và mũ Đường Cân. Ông cũng đồng thời cho biết, trang phục Cổn Miện của vua quan nhà Trần được sử dụng trong các dịp đại lễ, còn Đường Cân là mũ vua đội vào ngày thường khi không phải thiết triều, cũng tức là Tiện phục.

Quy chế quan phục của nhà Tống quy định, ngoài trang phục mặc khi duyệt binh và mặc vào ngày thường, vua Tống có ba loại mũ chính: Lễ phục mũ Miện, Triều phục mũ Thông Thiên và Thường phục mũ Phốc Đầu⁽¹⁾. Vào thời Tống, mũ Thông Thiên của hoàng đế còn có tên gọi là mũ Quyển Vân. Như vậy, nhiều khả năng mũ Quyển Vân và mũ Phù Dung của vua nhà Trần lần lượt là hai loại mũ được sử dụng phân biệt trong các buổi Đại triều và Thường triều.

1. Triều phục Quyển Vân 卷雲冠

Mũ Quyển Vân là tên gọi khác của mũ Thông Thiên 通天冠. Ngô Tự Mục thời Tống cho biết: “Mũ Thông Thiên của vua Tống đều dùng hạt Bắc châu uốn kết lại, còn gọi là mũ Quyển Vân.” Mạnh Nguyên Lão thời Tống cũng mô tả: “Hoàng đế đội mũ Thông Thiên, còn gọi là mũ Quyển Vân, mặc áo bào đỏ, cầm ngọc khuê.” Chính vì dáng mũ Thông Thiên cao, chỏp mũ uốn cong ngả về phía sau, trông như áng mây cuộn lại nên được gọi với cái tên hình tượng là mũ Quyển Vân⁽²⁾.

1. (Trung) *Tống sử* - Chí đệ 104 - *Dụ phục tam*. Nguyên văn: 天子之服，一曰大裘冕，二曰袞冕，三曰通天冠，絳紗袍，四曰履袍，五曰窄袍，六曰窄袍，天子祀享、朝會、親耕及親事、燕居之服也。Vua Tống có sáu loại trang phục, bao gồm: áo Đại Cửu mũ Miện; áo Cổn mũ Miện; mũ Thông Thiên - Giáng sa bào; Lý bào; Sam bào, Trách bào. Các loại Lý bào, Sam bào, Trách bào đều kết hợp với mũ Phốc Đầu.

2. Dẫn theo *Trung Quốc phục sức đại từ điển*. Tr.45.

Triều phục của hoàng đế theo quy chế của nhà Tống là loại trang phục sử dụng trong các dịp: Tế tự và trai giới, ngày triều hội mồng một Tết Nguyên Đán và mồng một tháng Năm, ngày sách mệnh và khi đích thân cày ruộng Tịch điền. Bộ Triều phục này bao gồm mũ Quyển Vân kết hợp với Giáng sa bào, tức áo bào làm bằng the đỏ, phuong tâm khúc lĩnh bằng lụa trắng, đại đới, tế tất và thường màu đỏ. Bộ trang phục Quyển Vân của vua Đại Việt không được Lê Tắc miêu tả cụ thể, tương tự trường hợp mũ Phù Dung.

2. Thường phục Phù Dung 芙蓉冠

Sách *Thái Bình ngự lâm* thời Tống cho biết: “Chân nhân núi Đồng Bách là Vương Tử Kiểu, tuổi rất trẻ, doan chính vô cùng, đội mũ Phù Dung, mặc áo đỏ.” Vở *Mẫu Đơn đình* của Thang Hiển Tổ thời Minh có đoạn viết: “Đạo cô già nói rằng: Mũ Phù Dung, tóc ngắn khó cài trâm.”⁽¹⁾ Sách *Tam tài đồ hội* thời Minh chép: “Mũ Phù Dung là loại mũ tro, xung quanh không có thân riêm bằng vải. Song cũng có hai loại, có loại tên Tỳ Lô, Nhất Trần Đăng. Mũ này được gọi là Phù Dung, bởi hình dạng tương tự (hoa sen).”⁽²⁾



Mũ Quyển Vân – Thông Thiên trong các bức họa thời Tống (Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh).

Như vậy, mũ Phù Dung, loại mũ thứ ba của vua nhà Trần theo ghi nhận của Lê Tắc, thường được biết đến là một dạng mũ của Đạo giáo. Loại mũ này hiện nay tại Trung Quốc vẫn được các pháp sư chấp sự sử dụng trong các khóa lễ hoặc diễn pháp⁽³⁾.

1. Dẫn theo *Trung Quốc phục sức đại từ điển*. Tr.60.

2. (Trung) *Tam tài đồ hội - Y phục* - Q.1. Nguyên văn: 芙蓉帽，禿輩，不巾幘。然亦有二三種，有毬盧、一蓋燈之名。此云芙蓉者以其狀之相似也。

3. *Đạo giáo phục sức giản giới* (<http://www.qztao.org/taoism-3.html>)



Chân dung Tống Tuyên Tông (Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh); Giáng Sa bào kết hợp với Phương tâm khúc lĩnh, Đại đới, Tế tất, thường, giày Tích đen.



Áo Xưởng Hạc của đạo sĩ Trung Quốc (taoism.com).



Thái Thượng Lão Quân và Nguyên Thủy Thiên Tôn, hai trong ba vị Tam Thanh của Đạo Giáo, cùng các vị tiên theo hầu đều đội mũ Phù Dung. (*Đạo Giáo chúng thần thánh tượng*).

Vào thời Trần, Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo đều được triều đình Đại Việt coi trọng, tạo nên cục diện *tam giáo đồng tôn*. Phần lớn các học giả đều nhất trí cho rằng, dưới vương triều Lý - Trần, đạo Phật chiếm ưu thế hơn cả, song trên thực tế, vương triều Trần đã từng rất hâm mộ Đạo giáo⁽¹⁾. Xét riêng cách ăn mặc, qua một số miêu tả của sứ thần nhà Nguyên, ta thấy các vị vua nhà Trần thường xuất hiện với dáng dấp của một vị chân nhân hoặc một vị thần tiên thoát tục. Tỉ như lụa bọc tóc màu trắng của vua Trần Nhân Tông được sứ thần Trần Cương Trung miêu tả “trông xa như Luân cân của đạo sĩ”⁽²⁾. Vua Trần Minh Tông mặc áo giao lĩnh màu vàng, đội mũ, thắt dây thao dự yến tiệc được sứ giả nhà Nguyên khen “thanh thoát tựa như thần tiên, đến khi về nước cứ nói mãi về phong thái thanh tú của vua”⁽³⁾. Ngoài ra, *Toàn thư* còn cho biết Trần Nhật Duật từng mặc áo Xưởng Hạc, đội mũ như đạo sĩ để làm bùa phép, trấn cho vua Trần Minh Tông khỏi ốm⁽⁴⁾ v.v.

Quay trở lại Thường phục của vua nhà Trần, ngoài Lê Tắc đề cập tới mũ Phù Dung trong *An Nam chí lược*, khoảng năm 1329 thời vua Trần Hiến Tông, Lý Tế Xuyên viết *Việt điện u linh tập* cũng nhắc đến loại mũ này qua câu chuyện về hai Bà Trưng với tiêu đề “Trung Thánh Vương”. Ông kể rằng, hai bà sau khi mất hóa thành tiên, một lần vua Lý Anh Tông nằm mơ, thấy “hai người con gái đội mũ Phù Dung, mặc áo màu lục, thắt đai, cưỡi ngựa sắt, đuổi gió vờn mây bay qua trước mặt”⁽⁵⁾.

Việc hai Bà Trưng đội mũ Phù Dung hẳn chỉ là sản phẩm tưởng tượng của Lý Tế Xuyên, song đối chiếu với *An Nam chí lược*, chúng tôi nhận thấy trong lời kể của ông ít nhất có một chi tiết sát với thực tế, đó là vào thời Trần mũ Phù Dung là một trong những loại mũ của đế vương. Mặt khác, có thể thấy hình tượng hai Bà Trưng xuất hiện như hai vị tiên nữ,



Mũ Phù Dung (*Tam tài đồ hội*); Mũ Phù Dung bằng ngọc thời Tống (Bảo tàng Nam Kinh).

1. Võ Phương Lan. *Vương triều Trần và Tam giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*. Số 4. 2006. Tr.35, 40.
2. (Trung) *Sử Giao thi tập*. Nguyên văn: 惟國主髻以帛羅包束, 遠望如道家綸巾
3. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1314. Nguyên văn: 次日賜宴。帝服黃羅交領衣，御巾條。使者美之曰：飄飄若神僊中人。及回國具道帝神采清秀
4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 上皇方幼孺，在閣有疾，常命行安鎮符法，其被鼈加冠如道士狀
5. (Việt) *Việt điện u linh tập - Lịch đại nhân quân - Trung Thánh Vương*. Nguyên văn: 二女戴芙蓉冠，著綠衣束帶，駕鉄騎，追風隨雨而過

mà trang phục của hai bà cũng mang dáng dấp của Đạo gia. Các văn bản *Lĩnh Nam chí lược* sau này cũng chép lại nội dung tương tự, song bộ trang phục kết hợp với loại mũ này có đôi chỗ khác biệt. Cụ thể:

- *Việt điện u linh tập*, KH: A.1919 chép: 緑衣束帶 (Áo màu lục, thắt đai).

- *Lĩnh Nam chí lược*, KH: VHv.1473 chép: 緑袍束帶 (Áo bào màu lục, thắt đai).

- *Lĩnh Nam chí lược*, KH: A.33 chép: 緑衣朱帶 (Áo màu lục, đai màu son).

- *Mã Lân dật sử*, KH: A.1516 chép: 緑衣朱裳 (Áo màu lục, thường màu son).

Tuy nhiên, Lê Tắc lại cho biết vào thời Trần, đối với trang phục của đế vương, “*Thường phục coi màu trắng là cao quý, người trong nước mà mặc màu trắng thì bị coi là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm*”⁽¹⁾. Như vậy, trang phục Thường triều của vua nhà Trần phần nhiều là áo bào màu trắng. Màu trắng cũng là phục sắc ưa chuộng của vua Chiêm Thành.

3. Tiện phục

Chu Khí Phi miêu tả vua Lý ngày thường búi tóc cài trâm vàng, mặc áo Sam vàng, thường màu tía. Trần Cương Trung miêu tả vua Trần “*riêng búi tóc của vua bọc lại bằng lụa trắng, trông xa như Luân cân của đạo sĩ*”. Lê Tắc còn cho biết “*Vua ngày thường đội mũ Đường Cân*.”⁽²⁾

Đường Cân vốn là loại mũ vua Đường đội vào ngày thường, được làm bằng the đen, tương tự kiểu dáng mũ Phốc Đầu thời Đường, riêng hai cánh chuồn có cốt làm bằng cật mây, buông ra sau, choãi sang hai bên thành hình chữ Bát 八⁽³⁾. Bức tranh sơn mài thể hiện hình tượng vua Lý Nam Đế đã khắc họa ông đội kiểu mũ này. Tuy nhiên, vì bức tranh là sản phẩm của trí tưởng tượng dân gian thời Hậu Lê, trang phục của



Vua Trần Anh Tông trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*.

quan lại binh lính trong tranh cũng mang những nét đặc trưng của thời Lê Trung Hưng, cho nên kiểu mũ Đường Cân trong bức tranh chỉ mang tính chất tham khảo, không thể được coi là cứ liệu phục dựng kiểu mũ thời Trần. Bên cạnh đó, vào thời Nguyễn, Đường Cân được quy định là mũ Thường phục của hoàng đế và là mũ Triều phục của hoàng thái tử, song kiểu dáng đã hoàn toàn thoát ly khỏi loại mũ cùng tên thời Đường - Tống - Minh. Có điều, đối với loại mũ Đường Cân được vua nhà Trần đội vào ngày thường, chúng tôi cho rằng, đây vẫn là loại mũ Tiện phục có kiểu dáng tương tự loại mũ Đường Cân thời Đường - Tống, không có sự biến cách lớn như loại mũ cùng tên thời Nguyễn.



Vua Đường Thái Tông (trái) và vua Đường Cao Tông (phải) (*Cố Cung đồ tượng tuyển túy*). Vua Lý Nam Đế (ở giữa) (Tranh sơn mài thế kỷ XVIII, Bảo tàng Thái Bình).

Như trên đã đề cập, *Toàn thư* mô tả trang phục dự tiệc của vua Trần Minh Tông cho biết “*vua mặc áo giao lĩnh màu vàng bằng lò, đội mũ, thắt dây thao*”⁽¹⁾. Cũng trong dịp này, sứ thần nhà Nguyên làm bài thơ tán tụng vẻ đẹp của vua Trần Minh Tông, miêu tả ngài “*ung dung trong*

1. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1314. Nguyên văn: 次日賜宴，帝服黃羅交領衣，御巾條。Ở đây cần nói thêm, cụm 御巾條 (ngự cản thao) trong các bản dịch hiện nay, được dịch là “đội mũ có thao”. Kết cấu Cân - Thao là kết cấu đằng lập, không phải kết cấu chính phụ, cho nên cách hiểu và dịch như vậy không chính xác. Tuy nhiên cách dịch này tiếp tục ảnh hưởng tới bản dịch *Lê triều hội điển* (2009), từ thao (條) nhất loạt được dịch thành đội mũ dây thao (Tr.193, 196). Ở đây, “ngự cản thao” nên hiểu là “đội mũ, thắt thao”. Từ “ngự” được dùng để phiem chỉ việc vua làm. Năm 1437, hoàng đế nhà Lê mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, nguyên văn *Toàn thư* cũng viết: “*Hoàng đế ngự Hoàng bào, Xung Thiên quan.*” (皇帝御皇袍衝天冠)

1.(Trung) *An Nam chí lược - Chương phục*. Nguyên văn: 常服貴白，國人著白者為僭制，惟婦女不禁

2. (Trung) *An Nam chí lược - Chương phục*. Nguyên văn: 國主平居戴唐巾 Các bản dịch tiếng Việt đều dịch là “ở nhà đội khăn tàu”, cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.

3. *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển*. Tr.109



Áo giao lĩnh vàng kết hợp với Đường Cân, thao và Đại đới (Phục dựng. Tranh: TQĐ); Tượng quan hầu triều Trần tại lăng vua Trần Hiến Tông thắt dây thao. (Đông Triều, Quảng Ninh. Ảnh: TQĐ); Nho sĩ Triều Tiên thắt thao và Đại đới; Nho sĩ thời Minh, thắt thao và Đại đới (mingyiguan).

bộ áo mũ với dải ngọc bội cổ và dải thân”⁽¹⁾. Thân cung túc là đại đới, là dải đai thắt lưng, được làm bằng lụa, hai đuôi đai dài buông thõng, có thể thấy ở phù điêu *Ngô gia thị bi* thời Trần. Dây thao được *Toàn thư* nhắc đến cũng được dùng để thắt lưng, chúng ta còn có thể thấy ở tượng quan hầu thời Trần tại lăng Trần Hiến Tông. Thao là loại phục sức phổ biến ở Trung Quốc và Triều Tiên. Tại Việt Nam, dây thao thắt lưng được sử dụng phổ biến vào thời Lê và còn được sử dụng đến đầu thời Nguyễn.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Phân tích những ghi chép trong phần *Chương phục* của *An Nam chí lược*, có thể thấy đối tượng và dạng trang phục chính được Lê Tắc mô tả bao gồm: Lễ phục và Thường phục của vua, Lễ phục và Thường phục của vương hầu cùng các quan văn võ, Lễ phục và Thường phục của Tụng quan (còn gọi là Nội quan, tức ngạch quan hầu). Tại phần này, chúng tôi khảo trang phục bá quan nhà Trần tính từ thời điểm năm 1254, sau khi vua Trần Thái Tông định ra quy chế y phục cho bá quan, tới trước thời điểm năm 1396, đánh dấu bằng cải cách y phục thời Trần Thuận Tông. Toàn bộ cải cách y phục năm 1396, chúng tôi sẽ dời sang phần phụ khảo về trang phục nhà Hồ ở phần cuối chương này.

1. Lễ phục

Vào dịp đại lễ, trang phục của bá quan nhà Trần được quy định: “Mũ của tước vương ba bậc, mũ của tước hầu hai bậc, mũ tước minh tự một bậc, tên là mũ Củng Thần, phía trên đính hình ong buồm bằng

1. (Trung) *An Nam chí lược* - Q.17 - “Tặng Thέ tử Thái Hu Tử”. Nguyên văn: 冠服雍容古佩紳

vàng, to nhỏ dày thưa khác biệt. Thân vương mặc áo bào tía dát vàng, tước hầu và tước minh tự mặc áo bào thêu hình phượng cá, từ Đại liêu ban trở xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc. Ban văn đeo thêm Kim Ngưu đai. Viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có các viền vàng bạc đan xen; từ lệnh thu xá tới hiệu thư lang thương chế thị cấm đều đội mũ Miện bạc. Mũ Miện dùng trong các dịp đại lễ [...] Nội quan, thương phẩm đội mũ Dương Đường, đính hình ong buồm bằng vàng, dày thưa khác biệt. Về trang phục, trung phẩm màu sắc áo mũ giảm xuống một chút, hạ phẩm đội mũ Dương Đường không trang sức, áo bào tía, đều chắp tay lạy, không có hốt.”⁽¹⁾

Qua ghi chép trên có thể thấy Lễ phục của bá quan nhà Trần gồm ba loại: trang phục Củng Thần dành cho các tước vương, hầu, minh tự; trang phục Cổn Miện dành cho các quan tước từ đại liêu ban xuống tới hiệu thư lang thương chế thị cấm; trang phục Dương Đường dành cho các quan trong ngạch Tụng quan (Nội quan).

a. Củng Thần 拱宸冠

Theo *An Nam chí lược*, quy chế Lễ phục dành cho vương, hầu, minh tự thời Trần⁽²⁾ được quy định:

Tước trật	Số bậc trên mũ Củng Thần	Loại áo bào
Vương	Ba bậc	Màu tía dát vàng (Tiêu kim tử phục)



Phản Chuong Phục (Quyển 14) trong sách *An Nam chí lược*. (Khâm định Tư khố Toàn thư - Văn Uyên các).

1. (Trung) *An Nam chí lược* - *Chương phục*. Tại phần này, những cứ liệu chép trong *An Nam chí lược* được viện dẫn, chúng tôi sẽ không chú kèm nguyên văn, toàn bộ nguyên văn sẽ được chú rõ tại phần phụ lục.

2. Một trong những quy định về tước vương, hầu, minh tự được *Toàn thư* cho biết: Tháng 3 năm 1267, nhà Trần “định ngọc diệp phái chính dòng họ vua của vương hầu, công chúa để phong ám, gọi là kim chi ngọc diệp. Cháu 3 đời được phong tước hầu hay quân vương, cháu 4 đời được ban tước minh tự, cháu 5 đời được ban tước thương phẩm. Tước phong theo Ngũ phục đồ. Nguyên văn: 三月定皇宗王侯、公主正派玉牒封蔭，號金枝玉葉。三世孫得封侯郡王，四世孫賜爵明字，五世孫上品，爵依五服圖”

Hầu	Hai bậc	Thêu hình Phượng cá (Phượng ngư tú phục)
Minh tự	Một bậc	Thêu hình Phượng cá (Phượng ngư tú phục)

Xét tên gọi mũ Củng Thần, *Toàn thư* chép là 拱辰 với nghĩa *bao bọc, bảo vệ sao Bắc Đẩu*, vốn lấy điển từ *Luận ngũ*, sau được dùng để ví với việc bốn phuong quy phụ⁽¹⁾, *An Nam chí lược* chép 拱宸, vốn là tên một trong năm cấm quân thời Đường - Ngũ Đại⁽²⁾. So sánh hai ý nghĩa này, chúng tôi cho rằng tự dạng chép trong *Toàn thư* hợp lý hơn.

Mũ Củng Thần là loại mũ Triều phục dành riêng cho các vị vương công, thái sư, thái bảo của nhà Trần, nhưng trên thực tế đã được đặt định từ thời Lý. *Toàn thư* cho biết “năm 1206, vua Lý Cao Tông thăng Đàm Dĩ Mông làm Thái bảo, cho phép đội mũ Củng Thần.” Loại mũ này dựa vào số bậc và số trang sức ong bướm trên mũ để phân biệt chức tước phẩm trật của các vương hầu, chứng tỏ đã chịu sự ảnh hưởng từ quy chế mũ Luong Quan.

Ngoài ra, bia chùa Thiệu Long dựng năm 1226 mô tả Lễ phục của Tiết cấp nhập nội thái tử Đỗ Năng Tế thời Trần cho biết: “Sức lên mũ cao có vàng trang cõi tròn tria, khoác lên mệnh phục (tức Lễ phục) có chim phượng xoay tròn rực rõ.”⁽³⁾ Hình ảnh chim phượng xoay tròn được nhắc đến trong bia chắc hẳn là hoa văn phượng ố thêu trên tấm áo Phượng ngư tú phục của tước hầu, minh tự thời Trần. Và trên mũ Củng Thần,



Mũ Củng Thần ba bậc, hai bậc và một bậc. (Phục dựng. Tranh: TQĐ).

1. Cố đại Hán ngũ tú diển. Tr.475. Luận ngũ - Vị chính - Đệ nhị. Nguyên văn: 為政以德，譬如北辰，居其所，而眾星共（拱）之。Dùng đức để làm chính trị thì ví như sao Bắc Thần (tức Bắc Đẩu) được muôn sao ôm bọc.

2. (Trung) Cựu Ngũ đại sứ - Đường thư. Nguyên văn: 梁有龍驤、神威、拱宸等軍，皆武勇之士也。“Nhà Lương có các quân như Long Nhương, Thần Uy, Củng Thần, đều là binh sĩ vũ dũng vậy”. Dẫn theo Zdic.net (Hán diễn).

3. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2. Tr.10. Nguyên văn: 飾峨冠孤月圓，披命服鳳旋燦爛

ngoài trang sức ong bướm, có thể còn có một trang sức dạng tròn đính ở trán mũ.

b. Cổn Miện 哀冕

Theo *An Nam chí lược*, các quan “tù đại liêu ban trở xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc. Ban vân đeo thêm Kim Ngư đại. Viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có viền vàng bạc đan xen; lệnh thư xá tối hiệu thư lang thượng chế thị cấm đều đội mũ Miện bạc. Mũ Miện dùng trong các dịp đại lễ.”



Hoa văn chim phượng cuộn tròn thời Lý khai quật tại Hoàng thành Thăng Long.

		Chức tước	Quy chế mũ Miện
Tù đại liêu ban trở xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc. Ban vân đeo thêm Kim Ngư đại.			
Văn	Nội đại liêu ban, đại liêu ban, đại liêu		?
	Thân vương ban		?
	Nội ký ban, ký ban		?
	Nội chư vệ, chư vệ		?
Võ	Nội viên ngoại lang, viên ngoại lang		Mũ Miện có viền vàng bạc đan xen (Kim ngân gián đạo Miện)
Võ	Nội lang tướng, lang tướng		Mũ Miện có viền vàng bạc đan xen (Kim ngân gián đạo Miện)
Văn	Nội lệnh thư xá, lệnh thư xá		Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Võ	Nội thượng ban, thượng ban		Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Võ	Nội thượng chế, thượng chế		Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Võ	Nội cung phụng, cung phụng		Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Võ	Nội thi cấm, thi cấm		Mũ Miện bạc (Ngân Miện)
Văn	Hiệu thư lang quyền miện cung hầu thư xá		Mũ Miện bạc (Ngân Miện)

Đối chiếu quy chế mũ Miện với quan chế nhà Trần (bảng biểu trên), có thể thấy quy chế mũ Miện dành riêng cho các tước từ đại liêu ban xuống tới chư vệ không rõ ràng. Sắp theo thứ bậc, các tước từ đại liêu ban tới chư vệ còn đứng trên viên ngoại lang, trong khi đó viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có viền vàng bạc đan xen, lệnh thư xá, hiệu thư lang đội mũ Miện viền bạc thì phải chăng mũ Miện của các quan đại liêu ban, thân vương ban, ký ban, chư vệ là mũ Miện viền vàng?

Mặt khác, *Việt điện u linh* bản chép tay A.1919 cho biết người biên tập sách này là Thủ Đại Tạng kinh Trung phẩm Phụng ngự Lý Tế Xuyên, đồng thời cho biết người chép sách đương thời là Môn hạ tinh sự Nội lệnh sứ thư tự Kim Miện Mạt Án⁽¹⁾. Vào thời Lý Trần, nhiều khi tên áo mũ được viết kèm theo tên chức quan để làm rõ thêm chức phận. Ở đây, Nội lệnh sứ là chức quan dành cho người thi đỗ kỳ thi Lại viên với hai nội dung viết chữ và làm tính. Chiếu theo quy chế của *An Nam chí lược*, Mạt Án chỉ được đội Ngân Miện (*Miện bạc*), *Việt điện u linh* chép là Kim Miện (*mũ Miện vàng*) liệu có sự lầm lẫn nào chăng?

Ngoài ra, căn cứ theo nhận xét của Lê Tác về sự tương đồng giữa Cổn Miện của nhà Trần và Trung Quốc thì chúng tỏ quy định về chất liệu ngọc, số dây lưu dành cho bá quan về đại thể giống như quy chế của Đường - Tống.

c. Dương Đường 楊棠冠

An Nam chí lược cho biết: “*Nội quan, thượng phẩm đội mũ Dương Đường, đính hình ong bướm bằng vàng, dày thua khác biệt. Về trang phục, trung phẩm màu sắc áo mũ giảm xuống một chút, hạ phẩm đội mũ Dương Đường không trang sức, áo bào tía, đều chấp tay lạy, không có hốt.*”

Bia chùa Diên Thánh Báo Ân có niên đại năm 1333 ghi nhận: “*Thượng Liên Tam hỏa Chính chuồng phụng ngự Trung phẩm đội mũ*



An Nam chí lược, bản Văn Uyên các. Ba chữ Dương Đường quan được đóng trong khung màu đỏ.

1. (Việt) *Việt điện u linh*. Nguyên văn: 守大藏經中品奉御李濟川編集門下省事內令史書字金冕棘按錄



Mũ thờ trong đèn Sĩ Nhiếp (Bắc Ninh) (Ảnh: TQĐ).

Dương Đường, họ Nguyễn, húy mõ, hiệu là Hướng Phúc cù sī.”⁽¹⁾

Xét về danh xưng, các dị bản *An Nam chí lược* như Lạc bản, Nội bản, Tĩnh bản, Anh bản nhất loạt chép là 揚棠 Dương Thường. Bản Văn Uyên các chép là 揚棠 Dương Đường, khớp với tự dạng trên chuông chùa Diên Thánh Báo Ân thời Trần. Các sách *Toàn thư*, *Loại chí*, *Cuong mục* đều nhất loạt chép là 揚棠 Dương Đường (chữ Dương ở đây có bộ Mộc khác với bộ Thủ ở bản Văn Uyên các). Chúng tôi cho rằng cách đọc Dương Đường là chuẩn xác.

Xét về nội hàm của khái niệm Dương Đường, *Toàn thư* ghi rằng, “*năm 1401, nhà Hồ quy định tất cả nô lệ phải được ghi dấu lên trán. Nô lệ của các quan trổ hình quả cầu lửa, nô lệ của công chúa trổ hình Dương Đường.*”⁽²⁾ Năm 1499, vua Lê Hiến Tông quy định, “*các tước công, hầu, bá, phò mã và quan văn võ tam phẩm trổ lên mặc Công phục mũ Phốc Đầu [...] không được dùng trang sức Dương Đường.*”⁽³⁾ Như vậy khái niệm Dương Đường từ thời Hồ tới thời Lê đều chỉ một dạng hoa văn trang sức.

Năm 1661 thời vua Lê Thần Tông, Triều phục của hoàng tử, vương tử được phong tước quốc công được quy định là mũ Dương Đường và áo bào màu tía⁽⁴⁾. Loại mũ này được Phan Huy Chú miêu tả: “*Kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, duy phía sau cao hơn, hai cánh chuồn nạm vàng.*”⁽⁵⁾ Như vậy, mũ Dương Đường



Mảnh đá thời Trần (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ).

1. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 2 - Thời Trần (1226- 1400) Tập thượng. Tr.252. Nguyên văn: 尚輦三火正掌奉御中品戴揚棠姓阮諱某，號向福居士也

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 皆有題額樣為記。官奴火珠樣[...]公主楊棠樣

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 公侯伯駙馬文武三品以上公服幞頭[...]不得用楊棠樣飾

4. (Việt) Lê triều thiện chính điển lệ. Dẫn theo *Cuong mục*. Nguyên văn: 皇子王子封國公朝冠用楊棠、衣紫

5. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi ché. Nguyên văn: 楊棠冠，體樣與幞頭同，惟其後稍高，兩翅鑲金

thời Lê Trung Hưng là mũ Triệu phục của hoàng tử và vương tử được phong tước quốc công, còn mũ Dương Đường thời Trần là mũ Lễ phục của Nội quan. Qua miêu tả của Lê Tắc, mũ Dương Đường thời Trần được súc hình ong bướm bằng vàng tương tự mũ Củng Thần, cũng có trường hợp mũ Dương Đường để tron không có trang sức. Còn theo miêu tả của Phan Huy Chú, mũ Dương Đường thời Lê Trung Hưng có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn được nạm vàng và phần hậu son nhô cao. Chiếu theo những ghi chép này, rõ ràng trang sức Dương Đường không có mối liên hệ trực tiếp tới loại mũ Dương Đường. Song chúng tôi mạnh dạn đặt giả thiết, trên loại mũ có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu với phần hậu son nhô cao, hai cánh chuồn nạm vàng, ngoài trang sức ong bướm bằng vàng còn có một dạng hoa văn trang sức cố định mang tên Dương Đường.

2. Thường phục

Buổi đầu thời Trần có hai lần sửa đổi trang phục Thường triều diễn ra vào năm 1254 và năm 1300. Một số loại mũ mao được định vào năm 1300 và 1301, song không được đề cập trong *An Nam chí lược*. Như vậy chế độ Thường phục theo ghi nhận của Lê Tắc là trước năm 1287, tức năm Lê Tắc chạy sang Trung Quốc. Song quy chế Lễ phục và Triệu phục theo ghi nhận của Lê Tắc có lẽ vẫn được áp dụng ở các triều đại sau. Bởi như mũ Dương Đường ít nhất đến năm 1333 vẫn được sử dụng làm mũ Triệu phục (theo văn bia chùa Diên Thánh Báo Ân với niên đại 1333 thì vị Hướng Phúc cư sĩ họ Nguyễn có chức tước là Thượng Liễn Tam hỏa Chính chuồng phụng ngự Trung phẩm đội mũ Dương Đường).

Xét về tổng thể, Thường phục của vương hầu và bá quan vẫn vỗ nhà Trần thời kỳ đầu vẫn kế thừa quy chế Thường phục **mũ Phốc Đầu - bào phục** của bá quan nhà Lý. Năm 1300, “chế ra kiểu áo mũ mới cho quan vỗ đội, quan văn đội mũ Đinh Tự màu đen và Tụng quan đội mũ Toàn Hoa màu xanh nhu quy chế cũ”⁽¹⁾. Tuy nhiên, sau khi áo mũ Thường triều kiểu mới của quan vỗ được ban hành ba tháng, tháng Giêng năm 1301, vua lại xuống chiếu lệnh cho các quan văn vỗ đều thống nhất đội mũ Đinh Tự. Đến tháng 10 năm 1301, nhà Trần tiếp tục quy định kiểu mũ cho vương, hầu, “ai tóc dài đội mũ Triệu Thiên, ai tóc ngắn đội Bao

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十月，制武官戴巾衣新樣。文官戴皂丁字巾，從官戴青攢花巾，如舊制。

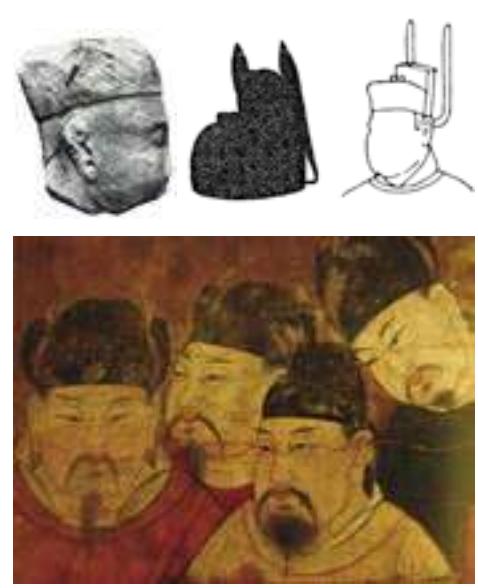
Cân⁽²⁾. Mũ Thường phục của Tụng quan trước đây là mũ **Toàn Hoa**, song năm 1374, vua Trần Duệ Tông quy định lại chế độ Tụng quan, ra lệnh cho 800 thị vệ nhân trong ngạch Tụng quan đều đội mũ **Bồn Hoa**⁽³⁾.

a. Triều Thiên, Bao Cân 朝天巾, 包巾

Thời Trần, dân chúng phần nhiều cắt tóc ngắn, hoặc cạo trọc, các quan trong triều có người để tóc dài, có người cắt tóc ngắn, vua là người duy nhất búi tóc bọc lại bằng lụa trắng. Năm 1300, quy chế Thường phục của nhà Trần quy định, “vương hầu tóc dài đội mũ Triệu Thiên, tóc ngắn đội Bao Cân”.

Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes giải thích: “Mũ Triệu Thiên: vương miện”, “mũ Triệu Thiên: mũ của vua”⁽⁴⁾. Điều này cho thấy tại Việt Nam vào thời Lê, khái niệm “mũ Triệu Thiên” cũng được dùng để chỉ mũ Xung Thiên của hoàng đế, có kiểu dáng mũ Phốc Đầu với hai cánh chuồn hơi cong hướng lên trời. Riêng mũ Triệu Thiên của Trung Quốc được định nghĩa “mũ Phốc Đầu [...] hai cánh chuồn hơi gấp lại chia lên trên, nên gọi là mũ Triệu Thiên (hướng lên trời).⁽⁴⁾

Mũ Triệu Thiên là dạng mũ hai tầng, phần hậu son phía sau là noi chúa búi tóc, tương tự mũ Phốc Đầu. Từ đó loại suy, mũ Bao Cân áp dụng cho vương hầu tóc ngắn có lẽ là loại mũ chỉ có một tầng, tương tự loại mũ thể hiện trên đầu pho tượng quan triều Trần phát hiện tại lăng



Đầu tượng thời Trần (tóc ngắn) tại lăng vua Trần Hiến Tông (*Mỹ thuật thời Trần*); Mũ Triều Thiên (*Trung Đông cung quan phục*; bích họa thời Tống tại chùa Khai Hóa dẫn theo *Trung Quốc phục trang sử*).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 春正月詔文武全戴丁字巾加紫須間碧。冬十月制王侯巾，長髮戴朝天巾，短髮戴包巾

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 定從官，置近侍祇候六局[...]祇候內八百作侍衛人，屬判首掌者，並戴盆花巾

3. Từ điển Việt - Bồ - La. Tr.153, Tr.237

4. (Trung) *Trần sú - Quyền thượng*. Dẫn theo *Trung Quốc phục súc đại từ điển*. Nguyên văn: 僕頭[...]其所垂兩腳稍屈而上，曰朝天巾

vua Trần Hiển Tông. Tuy nhiên, hai loại mũ dành cho vương hầu này có lẽ không chỉ là những chiếc mũ tròn không có trang sức.



Thượng thư Trần Đình Bá mặc Triều phục, cầm hốt. (Ảnh: Bùi Trung Sơn).

Hốt: Thích Danh viết: “Hốt, vua có lời bảo ban, mệnh lệnh hoặc bè tôi có lời muốn tâu thì viết lên hốt cho khỏi quên.” Loại chí - Lễ nghi chí viết: “Xét trong Kinh Lễ có nói: Quan đại phu sắp đến công sở, sứ quan đưa cho cái hốt, viết ba chữ Tu Đổi Mệnh (Nhớ làm tròn bốn phần để đắp lại mệnh vua). Như thế để khỏi lâng quên và phải kính cẩn. Đó là ý tứ sâu sắc của cõi nhân.” Về sau, hốt chỉ mang tính trang sức, biểu thị cấp bậc.

Vương được ban tước Thượng vị hầu mặc áo đen, Nguyễn Trung Ngạn so suất, khi ghi sổ sách thì xếp lầm vào hàng áo tía. Vua thường ông có tài, và lại cũng do lầm lỡ, không bắt tội.”⁽¹⁾ Cương mục chú thích: “Chế độ phục sắc của nhà Trần coi màu tía là trên hết, việc tước bỏ hay ban cho mặc màu tía đều do Thượng hoàng quy định.”⁽²⁾ Những điều An Nam chí lược

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 時保武王賜皂衣上位侯阮忠彥疎略銓注反在紫衣之列。帝憐其才且以事出過誤

2. (Việt) Cương mục. Nguyên văn: 陳制服色以紫為上，其除授多出于上皇。

ghi chép là điển chương chế độ nhà Trần trước năm 1287, trong thời gian nhà Trần vừa trải qua hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ nhất và thứ hai. Phải chăng trong giai đoạn này, vua Trần Nhân Tông đã áp dụng phuong thức tuổng thuong “Tú Tú Kim Ngư đại”, đặc ban cho một bộ phận lớn bá quan được mặc áo bào tía, riêng ban văn đeo thêm Kim Ngư đại, như một đặc ân đối với các công thần? Tuy nhiên, cũng không loại trừ khả năng trong quá trình sao chép, do chữ 素 Tố (trắng tròn) có tự dạng gần giống chữ 紫 Tử (màu tía), nên Tố phục (trang phục tròn, không có hoa văn) đã bị chép nhầm thành Tử phục (áo màu tía).

Về các phụ kiện đi kèm theo bộ Công phục như đai, hốt, An Nam chí lược cho biết: “Đai hoặc bằng sừng tê, hoặc bằng vàng, tùy theo phẩm trật. Hốt ngà cũng như vậy. Các chức quan và tá chúc đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, đai sừng tê, không mang hốt, chấp tay lạy.” Ghi chép cho thấy vào thời Trần, đai của bá quan đều là loại đai đính sừng tê hoặc đai vàng, không dùng loại đai đính đồi mồi như triều Lê - Nguyễn. Hốt ngà thời Trần nhiều khi còn được khắc lên bài minh, như năm 1298 vua Trần Anh Tông ban hốt cho Trần Thời Kiến, khắc bài minh do vua ngự chế: Thái Son trinh cao/ Tượng hốt trinh liệt/ Linh trãi tiến giác/ Vi hốt nan chiết⁽¹⁾.

Ngoài ra, sứ thần Trần Cương Trung khi đi sứ Đại Việt còn miêu tả: “Dân đều đi chân đất, thi thoảng có người đi giày da, đến điện liền cởi bỏ. Nhưng khi ra ngoài ô tiếp đón (sứ giả), trăm người mặc áo bào, cầm hốt, đều chỉ đi đất mà thôi.”⁽²⁾ Trước đó năm 1059, vua Lý Thánh Tông quy định bá quan phải đi hia mới được vào triều; còn theo ghi nhận của cha Marini ở Đà Nẵng Ngoài từ năm 1646 - 1658, tất cả các quan, kể cả hoàng tử, hễ vào cung chầu vua đều phải đi chân đất, nếu đi giày dép sẽ bị coi là có tội, chỉ có vua mới đi hài⁽³⁾. Chúng ta, vào thời Lý trước năm 1059 và từ thời Trần trở về sau đến hết thời Lê, khi vào chầu, các quan đều đi chân trần.

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 以陳時見為入內行遣右諫議大夫，賜之笏，有御製銘曰：泰山貞高，象笏貞烈，靈豸鷹角，為笏難折。Nghĩa là: Thái Son vứng cao/ Hốt ngà cứng chắc/ Linh trãi dâng sừng/ Làm hốt khó gãy.

2. (Trung) Nguyên thi ký sự - Q.9 - Sứ Giao thi tập. Tr.178. Nguyên văn: 郊迎之際袍笏百人皆跣而已. Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn cũng chép nội dung tương tự, duy chép sai chữ Tiên (đi đất) thành chữ Quy (quỷ), nên bản dịch của Phạm Trọng Điềm (Tr.69) dịch là “Dân đều đi chân không, giàn hoặc có người đi giày da, khi đến cung điện thì trút giày ra. Trong lúc đón tiếp ở ngoài đồ áp, hàng trăm người mặc áo bào, cầm hốt, đều quỷ.”

3. Dẫn theo Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Tr. 61 -62.

c. Đinh Tự 丁字巾

Xét về danh xưng, Đinh Tự nghĩa là “chữ Đinh”. *Toàn thư, Cương mục* chép là “Đinh Tự cân”; *Nhật dụng thường đàm* chép “Đinh Tự mạo”; *Hoàng Lê nhất thống chí, Loại chí*, *Vũ trung tùy bút* xuất hiện cả hai trường hợp Đinh Tự cân và Đinh Tự mạo. Như vậy, có thể thấy khái niệm “cân” và “mạo” không phân biệt, như chính *Nhật dụng thường đàm* giải thích, “Cân là khăn lại cũng là mũ.”⁽¹⁾ Bên cạnh đó, *Loại chí* chú thích: “Đinh Tự cân, tục gọi là mũ Nhục 肉帽.”⁽²⁾ *Nhật dụng thường đàm* cũng ghi nhận: “Đinh Tự cân là mũ Nhục 辱”⁽³⁾, chứng tỏ mũ Đinh Tự còn có tên nôm, gọi là mũ Nhục.



Tranh sơn mài vua Lý Nam Đế và hoàng hậu, thế kỷ XVIII (Cục bộ, Bảo tàng Thái Bình). Tiêu lại, quân lính đội mũ Đinh Tự làm từ chất liệu đa la (gai); *Võ quan vinh quy đỗ*, thế kỷ XVIII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam). (Ảnh: TQĐ).

Vào thời Trần, mũ Đinh Tự được sử dụng làm mũ Thường triều của bá quan văn võ. Đến cuối thời Lê Trung Hưng, Ngô Thì Sĩ nhận xét: “Kiểu mũ chữ Đinh đến nay vẫn còn... nha lại, quân lính đều đội, bấy giờ (tức thời Trần) là mũ thông dụng cho bá quan văn võ, không đủ tôn nghiêm để khiến người ta chiêm ngưỡng.”⁽⁴⁾ *Tù điền Việt - Bồ - La* của



Tượng quan hầu tại đền Sĩ Nhiếp, Bắc Ninh.
(Ảnh: TQĐ).

Alexandre de Rhodes chú thích: “Mũ nhục: mũ thường của lính.” Mục từ “nhục” lại chú thích: “Thú mũ thông thường lính quen dùng khi phải vào chốn cung đình.”⁽¹⁾ Phạm Đình Hổ cho biết: “Mũ Đinh Tự phân làm ba loại [...] Loại thứ ba thân tròn may bó, làm bằng vải Thanh Cát, là mũ thông dụng của sĩ thú, nha lại và binh lính”⁽²⁾. Như vậy, đối tượng sử dụng mũ Đinh Tự vào thời Lê Trung Hưng phần lớn là binh lính, nha lại, cũng có khi có cả dân thường.

Xét về hình dạng của mũ Đinh Tự, *Cương mục* bình luận: “Mũ Đinh Tự, kiểu dáng rất thô bỉ, vì hình dạng như chữ Đinh nên đặt tên như vậy. Cuối thời Lê vẫn có nhiều người đội.”⁽³⁾ Ngô Thì Sĩ có chung quan điểm với các tác giả sách *Cương mục*, ông nhận xét: “Kiểu mũ Đinh Tự [...] kiểu dáng rất ti tiện.”⁽⁴⁾ Theo quan điểm của Phạm Đình Hổ: “Đinh Tiên Hoàng thoát chế ra mũ Tú Phương Bình Dính, kiểu dáng mũ vuông, đinh bằng, làm bằng da, ấy là quân trang. Dời sau [...] lại biến dáng vuông thành dáng tròn, bẻ dáng thẳng thành dáng cong, làm mũ thông dụng khi chầu hâu, gọi là mũ Đinh Tự”⁽⁵⁾. Ông đồng thời cho biết, mũ Đinh Tự được phân làm ba loại, trong đó loại mũ thứ ba “thân tròn may bó, làm bằng vải Thanh Cát”⁽⁶⁾. Chúng tôi cho rằng loại mũ có dáng cong tròn này chính là loại mũ của các quan nhà Trần trong miêu tả của sứ



Tráng sĩ trong lễ hội Đèn Đô đội mũ Đinh Tự có dải dai màu đỏ đính ở gáy mũ; tráng sĩ trong hội Gióng đèn Phù Đổng đội mũ Đinh Tự có dải dai màu vàng đính ở gáy mũ.

1. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.62.

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 丁字巾俗云肉帽 Một số di bản chép chữ Nhục theo lối dị thể, trông tựa chữ Minh, nên bản dịch của Nxb. KHXH mới dịch “tục gọi là mũ nhà Minh”. Cách đọc và hiểu như vậy không chính xác.

3. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.63. Nguyên văn: 丁字巾羅某辱

4. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 丁字巾樣, 至今尚存[...]胥

吏軍人同頂, 是時通用為文武巾, 非所以肅觀瞻

1. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr.153, Tr.170.

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 丁字帽分而為三[...]體圓縮縫, 製用青吉布者, 為士庶吏軍通用

3. (Việt) *Cương mục*. Mục tháng Giêng năm 1301 thời vua Trần Anh Tông. Nguyên văn: 丁字巾, 制甚鄙, 以狀如丁字, 故名. 黎末猶多用者

4. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 丁字巾樣[...]制甚卑賤.

5. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 丁先皇始製四方平定巾, 其制方而平定頂, 以皮為之, 盖軍裝也。後世[...]又頑方為圓、折直為曲, 為朝侍通用之冠, 曰丁字帽

6. Cách phân chia của Phạm Đình Hổ không hoàn toàn chính xác. Tại phần khảo về trang phục thời Lê Trung Hưng, chúng tôi sẽ làm rõ sự nhầm lẫn của ông.

thần Trần Cương Trung năm 1293: “*Sắc mũ màu xanh sẫm, làm bằng lụa quết son, quây quanh trán bằng một sợi sắt, phần trước cao một thuớc, uốn cong ra sau chạm tới gáy, dùng dải đai thắt ngược lại ra sau, chép mũ có móc sắt, người có chức quyền gia thêm dải vải vào móc.*”⁽¹⁾ Riêng dải vải đính vào mũ, *Toàn thư* cho biết năm 1301, mũ Đinh Tự dành cho bá quan văn võ đều nhất loạt được gắn dải tua màu tía pha biếc, tên chữ là *Tử tu gián bích*⁽²⁾. Dải vải này, theo Lê Tắc, được gắn vào đai ngang sau mũ Thường phục của Nội quan nhà Trần “*loại mũ thượng phẩm đội khi Thường triều dùng vải nhung màu tía pha biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang sau mũ*”. Có khả năng trong quá trình sao chép, *Sú Giao thi tập* của Trần Cương Trung đã chép nhầm một số chữ do hình thể văn tự gần giống nhau, cụ thể chữ 項 Hạng (gáy) đã bị chép nhầm thành chữ 頂 Đỉnh (chóp), câu “*chép mũ có móc sắt, người có chức quyền gia thêm dải vải vào móc*” nên được cải chính thành “*gáy mũ có móc sắt*”. Ngoài ra, *Toàn thư* cho biết, năm 1300, “*chế ra kiểu áo mũ mới cho quan võ đội, quan văn đội mũ Đinh Tự màu đen và Tụng quan đội mũ Toàn Hoa màu xanh nhu quy chế cũ*”, chứng tỏ quy chế mũ Đinh Tự đã được đặt định vào trước năm 1300, cho nên năm 1293, Trần Cương Trung sang Đại Việt mới thấy được loại mũ này.



Tượng chùa Dâu, xõa tóc, đội mũ Đinh Tự. (Ảnh: TQĐ).

Kết hợp sử liệu với các tư liệu tranh tượng thời Lê Trung Hưng, có thể thấy tuyệt đại đa số hình tượng binh lính, quan võ cấp



Chữ Đinh 丁 nằm ngang;
Tráng sĩ Đền Đô, Bắc Ninh.



thấp cho đến dân thường triều Lê đều đội loại mũ có dáng cong tròn, vươn ra sau gáy. Ở một số pho tượng như tượng quan hầu tại đền Sĩ Nhiếp (Bắc Ninh) còn xuất hiện dải vải đính ở gáy mũ, buông ra sau lưng. Chúng tôi cho rằng, mũ Đinh Tự nguyên thủy là loại mũ phỏng theo hình dạng chữ Đinh, nét ngang của chữ Đinh tượng hình trán mũ, nét số móc tượng hình thân mũ cong tròn hướng ra phía sau. Chính hình dạng “kỳ dị” này đã khiến loại mũ Đinh Tự bị nho thần triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn chê là “thô bỉ” và “ti tiện”.

d. *Toàn Hoa, Bồn Hoa* 攢花

巾, 盆花巾

Theo *An Nam chí lược*, ngạch Tụng quan trong quan chế nhà Trần bao gồm “*Nhập nội Phán thủ hầu cai quản ngạch quan Cận thị, thượng phẩm hầu, thượng phẩm minh tự, thượng phẩm đại liêu ban, thượng phẩm phụng ngự, trung phẩm phụng ngự, hạ phẩm phụng ngự, thị vệ nhân hóa đầu* (*Toàn thư: hóa đầu*), *thị vệ nhân dũng giả, thị vệ nhân, phân quyền quan, thái sư thái úy vệ đô quan, vương hầu nha hành khiển quyết vệ nội thị, vương hầu nha quản giáp.*”

Toàn thư đồng thời cho biết: tháng 10 năm 1374, nhà Trần định lại ngạch Tụng quan, đặt sáu cục Cận thị Chi hâu, lấy vương hầu làm chánh chưởng, 800 người làm “Thị vệ nhân” trong Chi hâu, do phán thủ cai quản, đều đội mũ Bồn Hoa⁽¹⁾. Thông tin trên cho thấy Tụng quan được cấu thành bởi các Chi hâu nhỏ, gồm chung ngạch Cận thị quan và Nội quan. Đứng đầu ngạch là chánh chưởng, đứng đầu Chi hâu là phán thủ, phân thượng, trung, hạ ba phẩm, cai quản thuộc quan như thái giám, thị vệ, thị nữ v.v.

Quy định quan phục năm 1300 cho biết toàn bộ ngạch Tụng quan đều đội mũ Toàn Hoa màu xanh nhu quy chế trước đây. Trong đó, mũ



Tụng quan thời Trần trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*.

1. (Trung) *Nguyên thi ký sự - Q.9 - Sú Giao thi tập*. Tr.178. Nguyên văn: 斜鉤青緝帽[...]巾色深青, 髩繒為之, 貫額以鐵線, 前高二尺而屈之及頸, 以帶束反結其後, 頂有鐵鉤, 有職掌則加帶于鉤

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 辛丑九年春正月, 詔文武全戴丁字巾加紫須間碧

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 冬十月, 定從官, 置近侍祇候六局, 以土侯宗室為正掌, 祇候內八百作侍衛人, 屬判首掌者並戴盆花巾



Cân hoàn. Cân hoàn thời Nam Tống khai quật tại huyện An Nghĩa, Giang Tây, Trung Quốc (Tạp chí *Thu tàng gia*); Hóa Lang đồ thời Bắc Tống (Bảo tàng Cố cung Đài Bắc).

Đối với kiểu dáng mũ Toàn Hoa của Tụng quan thời Trần, chúng ta không biết gì hơn ngoài mô tả của *Toàn thư* về loại trang sức Cân hoàn đính hai bên mũ. Lê Tắc miêu tả mũ Thường triều của Nội quan, cũng chỉ đề cập đến Cân hoàn và dải nhung sáu tua. Qua bức tranh *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* có niên đại tương đương với thời Trần, có thể thấy các quan tùy tòng, thị vệ và thái giám đi nghênh đón Phật hoàng Trần Nhân Tông hầu hết đội chung một dạng mũ. Dạng mũ này có trán mũ tựa một nửa hình lục lăng, hai cánh mũ vuông ngắn, có cánh cuộn tròn về phía sau, có cánh cuộn về phía trước, có cánh đuôi thẳng, hai bên thái dương đa số đính Cân hoàn. Bên cạnh đó, một bộ phận thị vệ còn đội một loại mũ (khăn) mà ở giữa hai cánh mũ nằm ngang còn được đính một phụ kiện có sáu khía, khớp với mô tả của *An Nam chí lược*. Cần lưu ý rằng, mũ Thường phục Toàn Hoa được áp dụng cho toàn bộ ngạch Tụng quan

Toàn Hoa được mô tả “có hai kim hoàn đính ở hai bên”⁽¹⁾. Mũ Thường triều của Nội quan trước năm 1287 được Lê Tắc ghi nhận: “Loại mũ thượng phẩm đeo khi Thường triều dùng vải nhung màu tía pha biếc làm thành sáu tua, đính vào dai ngang ở sau mũ, tó ý cao quý vây; trung phẩm dùng tua tía; hạ phẩm dùng tua đen; hoàn làm bằng vàng thượng phẩm và đồi mồi là khác biệt.” Hai ghi chép trên cùng đề cập đến một loại trang sức hình vòng khuyên được đính ở hai bên mũ. Loại khuyên này vốn có tên là Cân hoàn. Việc dùng Cân hoàn đính mũ thịnh hành vào thời Tống, từ thời Tống trở về trước không có kiểu trang sức này. Cân hoàn của nhà Tống chủ yếu được làm từ vàng, bạc, ngọc và sắt nạm sợi bạc⁽²⁾. Cân hoàn của nhà Trần được miêu tả là làm bằng vàng thượng đẳng và đồi mồi là khác biệt so với Trung Quốc.

từ trước năm 1301, từ năm 1396 đến hết thời Hồ, lại được áp dụng cho các quan văn võ Tòng Thất phẩm. Do các chi tiết thể hiện trong bức tranh có nhiều điểm trùng khớp với thực tế Việt Nam thời Trần, chúng tôi cho rằng, các dạng áo mũ thể hiện trong tranh một phần nào đó được tả thực.

Tuy nhiên, liên hệ mũ Thường phục Toàn Hoa, Bồn Hoa với mũ Triệu phục Dương Đường của Tụng quan, có thể thấy các tên Toàn Hoa, Bồn Hoa (*Toàn: tụ tập, họp lại; Bồn: chậu*), Dương Đường đều có cùng một trường nghĩa. Xét theo danh xưng, mũ Toàn Hoa, Bồn Hoa hẳn phải được đính nhiều trang sức hoa lá, song chúng ta không thấy các trang sức này trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ*. Chúng tôi đặt ra hai khả năng: một là, loại mũ thể hiện trong tranh là mũ Toàn Hoa, song họa sĩ không đặc tả các chi tiết trang sức cụ thể trên mũ, chỉ bắt lấy đặc điểm nổi bật, hoặc cũng có thể danh xưng của mũ không có mối liên hệ trực tiếp với trang sức mũ; hai là, loại mũ thể hiện trong tranh không phải mũ Toàn Hoa, song vẫn là loại mũ Thường phục (chưa rõ tên) của ngạch Tụng quan thời Trần.



Mũ của Tụng quan nhà Trần (mặt trước và mặt sau) thể hiện trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ*.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 從官戴青攢花巾, 如舊制[...]青攢花巾有兩金環貼在兩邊

2. Dương Chi Thủy, Hồ Đan. *Khảo về đồ vàng bạc thời Tống Nguyên ở Bảo tàng tỉnh Giang Tây*, Tạp chí *Thu tàng gia*, kỳ 8, 2009.

Trúc Lâm Đại Sĩ xuất son đồ là họa phẩm được vẽ vào cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, miêu tả sự kiện Phật hoàng Trần Nhân Tông tu hành đắc đạo, rời khỏi động Vũ Lâm trở về, vua Trần Anh Tông cùng đoàn Tụng quan nhà Trần tới nghênh đón. Trong tranh có tổng cộng 82 nhân vật, có đủ tăng sĩ, đạo sĩ và nho sĩ thể hiện rõ tư tưởng Tam giáo đồng tôn thời Trần, đồng thời toát lên một cảm hứng tự hào, sùng kính. Từ các vật dụng hết sức quen thuộc với người Việt như chiếc võng, hộp đựng trầu, ống nhô v.v. cho tới hình tượng voi chở kinh, tập tục cắt tóc ngắn, đi đất của người thời Trần đều hết sức sống động, chân thực.

Muộn nhất vào năm 1420, họa phẩm này đã trở thành vật sở hữu của Trần Quang Chỉ, một vị thố quan Việt Nam thời thuộc Minh. Tự hào xen lẫn cảm khái, Trần Quang Chỉ viết lời bạt ghép vào sau tranh, kể về hành trạng của vua Trần Nhân Tông cùng niềm hoan hỷ khi được xem bức họa. Sau đó ông tiếp tục mang tranh tới xin lời ký, lời bạt của Hàn lâm Thị giảng Dư Đỉnh, Hàn lâm Thị độc

Học sĩ Tăng Khải, hai vị quan văn ở Hàn lâm viện, được vua Minh coi trọng đương thời⁽¹⁾. Ngoài ra, dòng chữ triện *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ* được viết bởi Hàn lâm viện Trung thư xá nhân Trần Đăng.

Về lai lịch của Trần Quang Chỉ, người viết lời bạt tự xưng là người học đạo Phật ở sông Lô, Hàn lâm thị giảng Dư Đỉnh trong bài ký viết kèm sau bức *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ* đã gọi ông là người học Phật Giao Chỉ Trần Quang Chỉ. *Minh Thực lục* cho biết vào ngày Mậu Dần tháng 11 năm 1407, “sáu mươi bảy người Giao Chỉ bản thổ là Trần Trữ, Trần Quang Chỉ, Trần Sầm đến cống đồ vàng bạc và phuong vật, ban cho tiền bạc và quần áo.”⁽²⁾Như vậy, có thể bước đầu xác định, Trần Quang Chỉ là người Việt hâm mộ đạo Phật, làm quan tại Việt Nam vào thời thuộc

Minh. Nơi ở hoặc quê quán của ông gắn liền với dòng sông Lô, Việt Nam. Ngoài ra, dựa vào những lời bạt đính kèm bên trái bức *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ*, ta biết rằng năm Vĩnh Lạc thứ 18 (năm 1420), Trần Quang Chỉ đã sở hữu họa phẩm này. Ông hoan hỷ viết lời bạt: “[...] Sự tích của đại sỹ đã có Truyền đăng lục ghi chép đầy đủ, người Giao Chỉ vẫn có thể kể lại được. Ta nhân thấy bức vẽ này, dám thuật lại đôi lời đại khái chép vào bên trái, ngõ hâu dâng các bậc tuệ nhân quan chiêm, khiến công hạnh của đại sỹ không mai một vậy.”⁽¹⁾ Dư Đỉnh cho biết “Người học Phật Giao Chỉ Trần Quang Chỉ cầm bức *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ* đến cho ta xem để viết lời ký [...] người Nam Giao vẽ lại sự việc nhất thời, hoan hỷ truyền xem, hẳn đạo hạnh của đại sỹ đã được xung tụng ở Nam Giao từ lâu rồi”⁽²⁾. Tăng Khải

cũng cho biết: “Người học Phật sông Lô Trần Quang Chỉ đã cầm bức vẽ này đến gấp ta để xin vài lời.”⁽³⁾ Chúng tôi đương thời, Trần Quang Chỉ đã hết sức trân trọng, và từng nhạc lòng cho việc quảng bá bức tranh.

Về lai lịch của Trần Đăng (1362 - 1428), người viết bảy chữ triện *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ* ở đầu bức họa, Dương Sĩ Kỳ (1364 - 1444) thời Minh chép lại mộ chí của Trần Đăng cho biết, Trần Đăng là người Trường Lạc, Phúc Kiến, tổ tiên là người huyện Cố Thủ - Quang Châu (Hà Nam), giỏi thư pháp, đặc biệt là thể chữ Triện, được tuyển vào Hàn lâm viện làm Trung thư xá nhân vào năm Vĩnh Lạc thứ 2 (năm 1404). Các biến ngạch chữ lớn của triều đình đều do ông viết, người tú xú đến xin chữ ông không ngày nào không có, nhưng ông chưa từng có vẻ chán nản⁽⁴⁾. Có thể chính Trần Quang Chỉ đã nhờ Trần Đăng đề

1. (Trung) *Minh thực lục* - Thái Tông thực lục - Q.268. Mục ngày Nhâm Tí tháng 2 năm Vĩnh Lạc thứ 22. Nguyên văn: 禮部會試天下舉人，奏請考試官，命翰林院侍讀學士曾榮、侍講余鼎考試，賜宴於禮部
2. (Trung) *Minh thực lục* - Thái Tông thực lục - Q.73. Mục ngày Mậu Dần tháng 11 năm Vĩnh Lạc thứ 5. Nguyên văn: 戊寅交趾土人陳紹、陳光祉、陳濬等六十七人來朝貢金銀器及方物，賜之鈔幣、襲衣

1. Lời bạt trong *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ*. Nguyên văn: 大士事蹟已有傳燈錄備載，交趾之人尚能傳述。予因見是圖，敢述一一大槩書于其左，庶具眼者觀之，使大士之功行不泯也。
2. Lời bạt trong *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ*. Nguyên văn: 交趾學佛者陳光祉氏持竹林大士出山圖徵予為記[...]南交之人圖繪其一時之事，樂為傳觀，蓋大士之禪行為南交所稱述久矣

3. Lời bạt trong *Trúc Lâm đại sỹ xuất son đồ*. Nguyên văn: 瀘江學佛者陳光祉嘗以此圖謁予請言
4. (Trung) *Đóng lý văn tập* - Q.19 - Trần Tư Hiếu mō chí minh. Nguyên văn: 大題扁率出其手而四方求者無虛日，未嘗有厭倦意

chữ vào năm 1420, cùng dịp nhờ Dư Đỉnh và Tăng Khải, những vị quan văn hay chữ tốt trong viện Hàn lâm thời Vĩnh Lạc.

Về tác giả của Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ, dòng lạc khoán cuối bức tranh cho biết, đây là họa phẩm do họa sĩ Trần Giám Như vẽ vào mùa xuân năm Chí Chính thứ 23, tức năm 1363. Cho đến nay, lai lịch của họa sĩ Trần Giám Như thường chỉ được biết đến qua dòng ghi chép ngắn gọn của Hạ Văn Ngạn (khoảng 1312 - 1370): “*Trần Giám Như sống ở Hàng Châu, tinh thông vẽ truyền thần, là cao thủ số một của quốc triều (nhà Nguyên). Con ông là Chi Diên có thể kế nghiệp ông.*”⁽¹⁾ Qua khảo sát một số tư liệu niên đại cuối Nguyên đầu Minh đề cập tới Trần Giám Như, chúng tôi nhận định Trần Giám Như là người huyện Nhân Hòa, sống ở Tiền Đường, cả hai huyện đều thuộc Hàng Châu, Trung Quốc. Ông từng thọ giáo Triệu Mạnh Phủ và trở thành bậc danh họa, giỏi vẽ tranh truyền thần

ngay từ năm 1319. Có thể điểm qua một số ghi chép như sau:

- Dương Vũ (1285 - 1361, người Hàng Châu) cho biết: “*Tôi hồi nhỏ ngồi hầu ở chiếu nhà học sĩ Triệu Tử Ngang (tức Triệu Mạnh Phủ), gặp lúc Trần Giám Như vẽ tranh truyền thần mang bản phác thảo chân dung ông Triệu đến dâng lên. Ông Triệu cầm bút sửa cho ông ấy, đồng thời nói nguyên do những chỗ chưa được.*”⁽²⁾

- Lý Tề Hiền (1287 - 1367) quan Cao Ly cho biết: “*Năm Kỷ Mùi niên hiệu Diên Hựu (1319), tôi đi theo Trung Tuyên vương xuống Bảo Đà Quật ở Giang Nam, vương cho gọi Trần Giám Như ở Hàng Châu, bảo vẽ chân dung xấu xí của tôi.*”⁽³⁾

- Hứa Hữu Nhậm (1286 - 1364) cho biết: “*Người vẽ chân dung xung là cha con Trần Giám Như ở Tiền Đường đã đạt đến chỗ tinh diệu. Tôi không quen biết Giám Như, chỉ biết*

người con Chi Diên.”⁽¹⁾

- Đào Tông Nghi (1329 - 1410) cho biết: “*Tiền Đường Trần Giám Như được suy tôn một thời bởi tài vẽ truyền thần.*”⁽²⁾

- Diên Nhữ Thành (1503 - 1557) người Tiền Đường, Hàng Châu) cho biết: “*Trần Giám Như, người huyện Nhân Hòa (Hàng Châu), tinh thông việc vẽ truyền thần, đến nay con cháu ông vẫn còn kế thừa gia học.*”⁽³⁾ v.v.

Tuy nhiên, theo giám định của Bảo tàng Liêu Ninh Trung Quốc, tác giả của Trúc lâm đại sĩ xuất sơn đồ không phải Trần Giám Như. Liêu Ninh tinh bác vật quán tàng – Thư họa trước lục – Hội họa quyển do Nxb. Mỹ thuật Liêu Ninh xuất bản năm 1999 nhận định: “*Sách Bí điện chu lâm thời Thanh nhận định Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ là do Trần Giám Như vẽ, thực ra đã làm. Bởi vết tích cắt xén ở phần cuối tranh vẫn*

có thể thấy rõ, và lại dòng lạc khoán ‘*Chí Chính chấp tam niên xuân Trần Giám Như tả*’ sau này mới điền vào cũng hết sức rõ rệt. Theo Quyển 5 sách Đồ hội bảo giám của Hạ Văn Ngạn thời Nguyên cho biết ‘*Trần Giám Như sống ở Hàng Châu, tinh thông vẽ truyền thần, là cao thủ số một của quốc triều*'. Song trước mắt chúng ta chưa thấy tác phẩm nào của ông, nên không có cách nào so sánh với bức tranh này được, riêng dòng lạc khoán sau này mới điền đã đủ chứng minh đây không phải họa phẩm được vẽ ra từ tay bút Trần Giám Như. Dựa vào bốn nửa con dấu giáp lai như Ký Ngao, Tây Sở Vương Tôn của Hạng Nguyên Biện ở phần cách thủy sau tranh, có thể thấy rõ ràng việc này phát sinh trong lúc người ta cắt xén tranh khi bồi biếu. Từ đó có thể đoán rằng, thời gian điền lạc khoán phải rơi vào quãng sau khi họ Hạng đóng ấn và trước khi được đưa vào cung nhà Thanh. Bức tranh tuy không phải tác phẩm của họ Trần, song xét từ phong cách hội họa, trang phục của nhân vật và các lời đề ký, đồ tám của nhiều danh nhân đầu thời Minh, về đại thể có thể xác định được niên

1. (Trung) Đồ hội bảo giám - Q.5. Nguyên văn: Nguyên văn: 陳鑑如居杭州，精於寫神，國朝第一手也。其子芝田能世其業

2. (Trung) Sơn Cư Tân ngữ - Q.2. Nguyên văn: 余幼侍坐於趙子昂學士席間，適寫神陳鑑如持趙公影草來呈。公援筆與之自改，且言所以未然之故

3. (Triều Tiên) Ích trai loạn cáo - Q.4. Nguyên văn: 延祐己未，予從於忠宣王降香江南之寶陁窟。王召古杭陳鑑如，令寫陋容

1. (Trung) Chí Chính tập - Q.31 - Tụ - Tặng tá chân Trần Chi Diên tự. Nguyên văn: 寫真者稱錢塘陳鑑如父子獨臻其妙。余不識鑑如，識其子芝田

2. (Trung) Chuyết canh lục - Nhân trung. Nguyên văn: 錢塘陳鑑如，以寫神見推一時

3. (Trung) Tây Hồ du lâm chí dư - Q.17 - Nghệ văn thường giám. Nguyên văn: 陳鑑如，仁和人，精於寫神，至今其子孫猶傳家學也

đại của tranh. Trong lời bạt ghi rõ năm Vĩnh Lạc thứ 18 (1420), và có ba người ghi rõ niên đại tại phần lạc khoán; Trần Đăng, người viết chữ triện dân thủ, lại là huyện lệnh La Diên giữa thời Hồng Võ, điều này xác quyết rằng, bức tranh không thể muộn hơn thời Minh sơ, có thể truy lên đến cuối thời Nguyên [...] Bức tranh này vào cuối thời Minh được Hạng Nguyên Biện thu giữ, sau khi được đưa vào nội phủ nhà Thanh, trước khi Phổ Nghi nhường ngôi, với danh nghĩa là vật thường cho Phổ Kiệt, đã được vận chuyển cùng một số bức thư họa khác qua Thiên Tân tới ngự cung Trường Xuân. Sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc, Phổ Nghi mang các họa phẩm này chạy tới thành phố Lâm Giang tỉnh Cát Lâm, bị quân ta bắt được, giao lại cho Ngân hàng nhân dân Đông Bắc chuyển cho Ủy ban quản lý văn vật Đông Bắc, sau đó đưa về Bảo tàng Đông Bắc tức Bảo tàng Liêu Ninh ngày nay cất giữ”⁽¹⁾.

Cần lưu ý thêm rằng, vị quan người Việt Trần Quang Chỉ và

1. Liêu Ninh tinh báu vật quản tàng - Thư họa trước lục - Hội họa quyển. Tr.248

những người viết lời bạt sau tranh đều không một lời nhắc đến danh họa Trần Giám Nhu. Trong khi đó, Dư Đỉnh sau khi nghe Trần Quang Chỉ thuật lại sự tích của vua Trần, liền nói “Tù triều trước đến nay, tên tuổi ngài không được biết đến ở Trung châu [...] Nay may gặp thánh triều, khôi phục cương thổ thời Hán Đường, thu hết đất ấy, nhập vào bản đồ, khiến phong tục đồng văn đồng quỹ, nên tranh này mới được truyền bá ở kinh sư. Bằng không, tên tuổi của đại sĩ cũng chỉ lưu truyền ở một vùng Nam Giao mà thôi [...] Người Nam Giao vẽ lại sự việc nhất thời, hoan hỷ truyền xem”⁽²⁾. Phó Hiệp viết lời bạt cuối tranh cũng nói “Người trong nước hâm mộ, làm ra tranh này”⁽³⁾. Như vậy, với những chứng cứ hiện có, chúng tôi cho rằng tác giả của Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ không phải Trần Giám Nhu, mà rất có thể là một họa sĩ Việt Nam.

2. Lời bạt sau tranh. Nguyên văn: 然自勝國以來，而其名不聞於中州。蓋自五季以後，南交之地，列為外夷，與中國風氣不通。今而幸際聖朝，恢復漢唐之故疆，盡收其地，歸於職方，而為同軌同文之俗，而茲圖乃得流播於京師。不然，則大士之名，亦僅傳於南交之一區而已耳 [...] 南交之人圖繪其一時之事，樂為傳觀。

3. Như trên. Nguyên văn: 邦人歌謡，作為是圖

III. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Toàn thư chép: “(Năm 1285) Quan quân giao chiến với quân Nguyên ở Hàm Tử Quan, các quân đều có mặt, riêng quân của Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật có người Tống, mặc áo kiểu Tống, cầm cung tên chiến đấu. Thượng hoàng sợ các quân có thể không phân biệt được, sai người dụ rằng: Ấy là quân Thát của Chiêu Văn Vương, phải nhận cho kỹ! Chừng vì người Tống và người Thát, tiếng nói và trang phục tương tự.”⁽¹⁾ Từ đây có thể suy, đương thời diện mạo quân trang của binh tướng Đại Việt có sự phân biệt khá lớn với quân trang của người Tống và người Nguyên.



Quân đội triều Tống và triều Nguyên do Lưu Vĩnh Hoa phục dựng (Trung Quốc cổ đại quân nhung phục súc); Bình linh triều Trần (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

Như chúng tôi đã đề cập tại phần khảo về trang phục quân đội thời Lý, quân trang của Đại Việt chủ yếu gồm: trang phục Giáp Trụ dành cho tướng lĩnh, trang phục Tú Phương Bình Đính và khinh trang “mình trần đóng khố” dành cho quân binh. Diện mạo quân trang này vẫn tiếp tục được kế thừa vào thời Trần.

Đối chiếu pho tượng Kim Cương thời Lý, pho tượng tướng canh cửa khai quật tại di tích Bảo Tháp thời Trần, có thể thấy bộ Giáp Trụ Minh Quang được du nhập và Việt hóa từ thời Tiền Lê và thời Lý vẫn được kế thừa vào thời Trần. Riêng pho tượng khai quật tại di tích Bảo Tháp đã có đôi chút biến dị so với tượng Kim Cương thời Lý, trong đó tấm giáp che

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 官軍與元人文戰于鹹子關，諸軍咸在，惟昭文王日燭軍有宋人衣宋衣，執弓矢以戰。上皇恐諸軍或不能辨，使人諭之曰：此昭文韁也，當審識之。蓋宋與韁，聲音衣服相似



Tượng tướng lĩnh mặc giáp Minh Quang, cầm phủ việt thời Trần, khai quật tại di tích Bảo Tháp, xã Thắng Lợi, huyện Văn Đồn, Quảng Ninh. ("Thế giới di sản").

Cũng như chế độ Đường - Tống, vào thời Trần phục súc Ngư đại chỉ dành riêng cho quan văn. Đối với quan vō, *Toàn thư* chép: Phạm Ngũ Lão vào năm 1279 được ban Vân phù 雲符, năm 1294 được ban Kim phù 金符, năm 1301 được phong làm Thân vệ đại tướng quân, được ban Quy phù 龜符, năm 1302 được phong làm Điện súy, được ban Hổ phù 虎符; năm 1390, Phạm Mạnh được ban cho làm Dực vệ quân, rồi thăng làm Uy Minh tướng quân, chỉ huy quân Thánh Dực, đeo Kim Vân phù 金雲符; năm 1395, Hồ Quý Ly được thăng làm Nhập nội phụ chính Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự Tuyên trung vệ quốc đại vương, đeo Kim Lân phù 金麟符; năm 1351, vua Trần Dụ Tông ban



Tượng vō sĩ thời Đường, đội mũ Hổ Quan, khai quật tại mộ Uất Trì Kính Đức năm 1972, Trung Quốc; Tượng vō sĩ thời Trần đội Hổ Quan (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

1. (Trung) Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Tr.85.

hạ bộ được thiết kế theo kiểu vảy cá, đã có sự呼应 với các dạng giáp trụ thời Lê sau này.

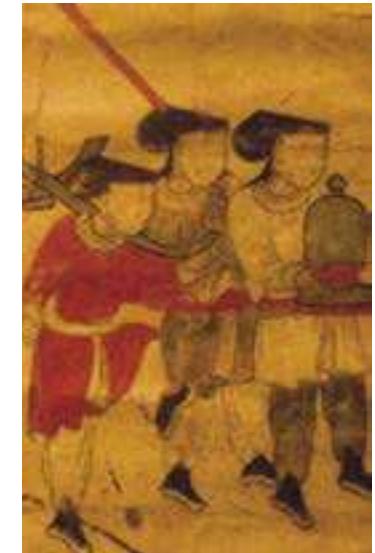
Bản thân Hồ Nguyên Trừng là người thông thạo binh khí, sau khi bị bắt về Trung Quốc, đã từng mở xưởng chế tác áo giáp mũ trụ cho nhà Minh. Như vậy Giáp Trụ của Đại Việt đương thời hẳn là loại Giáp Trụ cứng chắc, có tính thực dụng cao, nếu không nhà Minh đã không để Hồ Nguyên Trừng coi giữ công việc này. Ngoài ra, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam hiện lưu giữ một tấm ngói có hình tượng vō sĩ đội mũ đầu hổ được xác định có niên đại thời Trần. Điều này khiến chúng tôi ngờ rằng một đội quân nào đó thời Trần, có thể là đội quân Hổ Dực hoặc Hổ Bôn sử dụng loại mũ có hình đầu hổ. Tại Trung Quốc, mũ đầu hổ được gọi là Hổ Quan, làm bằng sắt, xuất hiện vào thời Tùy Đường - Ngũ Đại, từ thời Tống trở về sau không thấy nữa⁽¹⁾.

cho Nguyễn Trung Ngạn mặc chiến bào, đội mũ vō, đeo Lăng 棂 (miếng gỗ vuông bốn góc) và nghiên vàng để duyệt cấm quân⁽¹⁾. *Dai Viet thong su* cho biết: năm 1425, Lê Lợi tự xưng Kiếm hiệu Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự Đại thiền hành hóa, tú Kim Ngư đại, song Kim Hổ phù, Trang vō vê quốc công; năm 1427, từ các vị đại thần tối chúc thái úy, ai có công lớn được thưởng Kim phù; năm 1429, Trịnh Khả được ban Ngân phù v.v. Như vậy, có thể thấy các loại phù hiệu bằng vàng bạc chạm khắc hình hổ (Hổ phù), hình mây (Vân phù), hình rùa (Quy phù), hình kỳ lân (Lân phù) của các quan vō rất phong phú đa dạng, được dùng để thể hiện phẩm cấp của các quan.

IV. TRANG PHỤC DÂN GIAN

1. Y phục

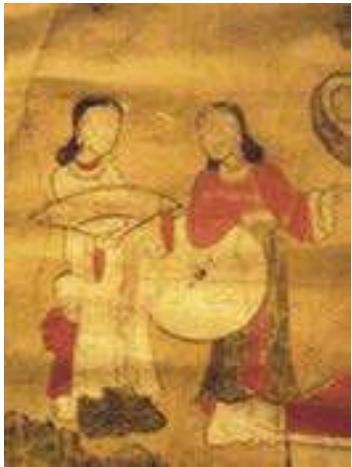
Trang phục dân gian thời Trần vẫn tiếp tục kế thừa trang phục thời Lý với áo Sam cổ tròn bốn vạt, thường màu đen, quần lụa trắng. *An Nam chí lược* cho biết: "Vương hầu và thú dân thường mặc áo cổ tròn, thường màu đen huyền, quần bằng lụa trắng, hài chuộng loại bằng da". Sứ thần nhà Nguyên Trần Cương Trung cũng miêu tả: "Người trong nước đều mặc màu đen, áo đen bốn vạt, cổ tròn làm bằng lụa. Phụ nữ cũng mặc áo đen, song áo trắng bên trong lộ rõ ra ngoài, ôm lấy cổ, rộng bốn tấc là khác biệt. Các màu xanh, đỏ, vàng, tía tuyệt nhiên không có."⁽²⁾ Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa rằng toàn bộ người Đại Việt, ai nấy đều mặc cùng một kiểu áo. Ngoài loại áo cổ tròn, chắc chắn vẫn còn có các loại áo tứ thân, giao lĩnh mà qua bức tranh *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* chúng ta vẫn bắt gặp. Riêng loại áo cổ tròn xẻ vạt đến thời Lê Trung Hưng vẫn còn xuất hiện trong một số tranh vẽ



Võ quan vinh quy đở. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 賦阮忠彥服戰袍, 戴武巾, 佩榜四方木也、金硯, 閱諸禁軍

2. (Trung) *Nguyễn thi ký sự* - Q.9 - *Sử Giao thi tập*. Tr.178. Nguyễn văn: 国皆衣黑, 皂衫四裾, 盤領以羅為之。婦人亦黑衣, 但白裏廣出, 就以緣其領, 博四寸, 以此為異, 青紅黃紫諸色絕無



núi Văn quan vinh quy đồ, Võ quan vinh quy đồ, Giảng học đồ.

Đối với một số chất liệu vải vóc thời Trần - Hồ, Cao Hùng Trung nhận xét: “Vải vóc nước ấy thì có các loại the Cát Liêu, the hoa tim táo sợi thẳng, the hợp, lụa bóng, bông, ý (the lụa có hoa bóng chằng chịt không dùng sợi thẳng, đều gọi là ý), lĩnh, là, hài to khá lạ mà tốt. Hai thứ gai, to chuối thì được chắp lại làm vải, mịn như lụa nõn, rất hợp mặc vào mùa hè.”⁽¹⁾

Ngoài ra, Uông Đại Uyên, người nhà Nguyên trong Đảo di chí lược còn mô tả người Việt thời Trần “mặt trắng răng đen, thắt đai, đội mũ, mặc áo Đường, áo trùm bên ngoài màu đen, tất to, giày vuông.”⁽²⁾ Tuy nhiên, những người Việt trong miêu tả của Uông Đại Uyên có lẽ đều là quý tộc.

Bởi thứ nhất, người thời Trần chỉ đội mũ khi có việc công cán cần ra ngoài. Đối với các quan, “khi ở nhà họ để đầu trần, thấy khách thì đội mũ, đi đâu xa thì một người bưng mũ mang theo”⁽³⁾, còn thứ dân “ở nhà ngày thường không đội mũ.”⁽⁴⁾ Thứ hai, đối với thường dân, việc đi giày tất có lẽ không mấy dễ chịu, đặc biệt trong những ngày nóng bức. Qua những ghi chép của sứ thần Trần Cương Trung năm 1292, ta thấy quan dân thời Trần đa số đều ưa đi đất: “Dân đều đi chân đất [...] Da chân họ rất dày, leo núi như bay, gai góc cũng không sợ.”⁽⁵⁾ An Nam chí nguyên dẫn sách Giao Chỉ thông chí cho biết: “Dân đều đi đất, chỉ có người cao sang mới đi giày da.”⁽⁶⁾ Nguyên do của việc đi đất để đầu trần được Lê Quý Đôn giải thích: “Vì nước ta là nơi nóng nực, ẩm thấp, nhân dân lúc

1. (Trung) An Nam chí nguyên - Q.1 - Thủ sán. Nguyên văn: 其布帛則有吉了紗、平文棗心花紗、合紗、光絹、綿、綺、綾、羅、絲鞋等物頗為奇好。麻、蕉二物則可織而為布，細如羅紱，尤宜暑服。

2. (Trung) Đảo di chí lược - An Nam: 男女面白而黑齒，帶冠，穿唐衣，皂褶，絲襪方履。

3. (Trung) Nguyên thi kỵ sự - Q.9 - Sứ Giao thi tập. Tr.178. Nguyên văn: 家居囚首，見客乃巾，遠行則一人捧近巾以從。

4. (Trung) An Nam chí lược - Phong tục. Nguyên văn: 平居不冠。

5. (Trung) Nguyên thi kỵ sự - Q.9 - Sứ Giao thi tập. Tr.178. Nguyên văn: 民皆徒跣[...]足皮甚厚，登山如飛，荒刺亦無所惧。

6. (Trung) An Nam chí nguyên - Q.2 - Phong tục. Nguyên văn: 交趾通志云民皆跣足，惟貴者行有革履。

thường không đội khăn (mũ), không đi giày, động tác mới được thuận tiện, việc này đã thành thói quen, không thay đổi được.”⁽¹⁾ Thứ ba, theo hình vẽ người Việt trong Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ và Tam tài đồ hội, có thể thấy nam giới người Việt thế kỷ XIV, XV không mặc quần dài, để lộ bắp chân trần. Cách ăn vận giản tiện này từng được Cristoforo Borri mô tả (khoảng 1615): “Đàn ông thay vì mặc quần dài thì dùng cả một tấm vải để quấn lại, phía trên mặc thêm năm hoặc sáu mảnh áo dài và rộng”⁽²⁾ Như vậy, cách ăn vận kết hợp giữa áo, mũ, quần, xiêm hǎn được ưa chuộng vào những ngày mát lạnh, thường có đối tượng là tầng lớp trung thượng lưu. Nam giới bình dân thường chỉ đóng khố, mặc chùm ra ngoài chiếc áo dài.

2. Kiểu tóc

Vào thời Lý, theo mô tả của Chu Khú Phi, người Việt phần lớn búi tóc chuy kể. Tuy nhiên, bước sang thời Trần, sứ thần nhà Nguyên là Trần Cương Trung lại miêu tả đàn ông người Việt hầu hết đều cạo trọc. Lê Quý Đôn diễn giải ghi nhận của Trần Cương Trung: “Thời Trần, người trong nước đều cạo tóc, cho nên ‘Sứ Giao thi tập’ của Trần Cương Trung thời Nguyên mới chú rằng: Đàn ông đều trọc, người có quan chức thì dùng khăn xanh phủ đầu, dân đều như sư cả. Đến thời thuộc Minh, Hoàng Phúc mới bắt đầu cấm cạo tóc, đến nay dân vùng Giao Thủy, Kiên Lao, Trà Lũ vẫn còn giữ tục này.”⁽³⁾ Lệnh cấm của Giao Chỉ bố chính ty Hoàng Phúc mà Lê Quý Đôn nhắc tới ở đây chính là những sắc lệnh nêu trong Thành minh giáo hóa bảng văn được ban hành tại Việt Nam năm 1414: “Kẻ nào còn dám noi theo thói tệ, cạo trọc



Người Giao Chỉ trong Tam tài đồ hội (thế kỷ XV).

1. (Việt) Kiến văn tiểu lục. Nguyên văn: 炎方暑熱旱濕，人民平居不巾履，始便食作，習俗已成，不可改也。

2. Dẫn theo Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Tr. 41

3. (Việt) Kiến văn tiểu lục. Nguyên văn: 陳時國中皆剃髮，故元陳剛中《使交詩集》註云“男子悉髡，有官職則以青巾幕之，民悉僧也”至明黃福始禁髡髮，今膠水堅牢、茶縷之民猶存舊俗。



Tượng Thái sư Trần Thủ Độ, chùa Cầu Đông, Hà Nội. (Ảnh: TQĐ).

đi đắt [...] Hữu Ty sở tại sê nghiêm khắc trùng trị”⁽¹⁾. Như vậy việc nam giới người Việt thời Trần thường cạo trọc đầu là việc hoàn toàn có thực. thói quen này tiếp tục được duy trì đến thời Lê sơ. Phải đến năm 1470 vua Lê Thánh Tông mới ra lệnh cấm “những người không phải sư sai không được cạo trọc đầu”⁽²⁾. Kể từ đây, tục cạo trọc trong dân gian Việt Nam mới dần dần biến mất, và khoảng 200 năm sau đó, năm 1642, quan niệm của người Việt về tục cạo trọc đã hoàn toàn thay đổi. Lúc này thương gia người

Pháp Jean Baptiste cho biết người Việt “cho rằng để đầu trọc là một hành động xúc phạm đến danh dự, và chỉ có những kẻ phạm tội hình sự, khi bị bắt mới bị cạo trọc đầu.”⁽³⁾

Tuy nhiên vào thời Trần, ngoài những người cạo trọc vẫn có những người búi tóc chuy kế hoặc cắt tóc ngắn như ghi nhận của Nghiêm Tòng Giản và Cao Hùng Trung “có người búi tóc chuy kế, có người cắt tóc, xăm mình, đi đắt, miệng đỏ rắng đen”⁽⁴⁾. Như vậy cách nói “người trong nước đều cạo tóc” của Trần Cương Trung là cách nói có phần khoa trương. Ở đây, Nghiêm Tòng Giản và Cao Hùng Trung đều viện dẫn cổ tịch, ghi nhận người Việt có tục cắt tóc ngắn và búi tóc chuy kế. Riêng tục cắt tóc ngắn có thể coi là một trong những tục để tóc có lịch sử lâu đời nhất, từng được triều đình Lê sơ hết sức cấm kỵ sau khi phục quốc.

Ngay từ năm 137 trước Công nguyên, Hoài Nam Vương Lưu An gửi sớ cho vua Hán Vũ Đế đã nói: “Việt là vùng đất biên viễn, là dân cắt tóc xăm mình. Người Việt cắt tóc thì không thể dùng pháp độ của một nước đại mǔ để trị được”⁽⁵⁾. Tư Mã Thiên cho biết: “Cắt tóc xăm mình, trổ cánh

tay, áo vạt trái, ấy là dân Âu Việt”⁽¹⁾, đồng thời mô tả Việt vương Câu Tiễn trước đó 300 năm “được phong ở Cối Kê để phụng thờ Hạ Vũ. Câu Tiễn xăm mình, cắt tóc, phạt cỏ hoang mà lập ra thôn ấp.”⁽²⁾ Thậm chí, Trang Tử (365 – 290 tr.CN) cũng từng đề cập tới việc người Việt phía Nam sông Dương Tử có tập tục chung là cắt tóc xăm mình⁽³⁾. Như vậy có thể thấy, tục cắt tóc xăm mình của cư dân Bách Việt nói chung, người Việt vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng nói riêng là tập tục xuất hiện từ rất sớm. Tác giả của cuốn *Lĩnh Nam chích quái* thời Trần, qua truyện về họ Hồng Bàng đã lý giải nguồn gốc của tập tục này rằng, buổi quốc sơ người Việt “cắt tóc ngắn để tiện vào rừng núi”⁽⁴⁾.



Người dân Việt cắt tóc ngắn, đi chân đất, khiêng vồng chờ Phật hoàng Trần Nhân Tông. (*Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ*).

Vào thời Trần, năm 1300, triều đình Đại Việt từng có quy định mũ mao dành riêng cho các vương hầu, ai tóc dài đội mũ Triều Tiên, ai tóc ngắn đội mũ Bao Cân. Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn được *Toàn thu* mô tả là đã cắt tóc trước khi đến sứ quán gặp Sài Thung⁽⁵⁾. Người dân Việt thể hiện trong bức tranh *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* và bức

1. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Nguyên văn: 敢有因循弊風，及髡鉗跣踝[...]所在有司严加惩治。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 禁非僧類不得剃髮

3. *Tập du ký mới và kỷ thu về vương quốc Dàng Ngoài* (1681). Tr.50.

4. (Trung) *Thù vực chu tư lục* - Q.5 - *An Nam*. Nguyên văn: 推髻剪髮，紋身跣足，口赤齒黑，好食檳榔 (Trung) *An Nam chí nguyên* - Q.2 - *Phong tục*. Nguyên văn: 南越外紀云其人或椎髻或剪髮，文身跣足，口赤齒黑，尊卑皆食檳榔

5. (Trung) *An Nam chí lược* - Q.5 - *Tiền triều thư sớ* - *Mân Việt kích Nam Việt Hán Vũ để hưng binh chu Mân Việt, Hoài Nam vương An thường thư giàn*. Nguyên văn: 越，方外之地，割髮文身之人也，越人割髮不可以冠帶之國法度理也

1. (Trung) *Sử ký - Triệu thế gia*. Nguyên văn: 蒉髮文身，錯臂左衽，顛越之民也

2. (Trung) *Sử ký - Việt Vương Câu Tiễn thế gia*. Nguyên văn: 封于會稽，以奉守禹之祀。文身斷髮，披草萊而邑焉

3. (Trung) *Trang tử - Nội thiên - Tiêu Diêu du*. Nguyên văn: 宋人資章甫而適諸越，越人斷髮紋身，無所用之

4. (Việt) *Lĩnh nam chích quái - Hồng Bàng thi truyện*. Bản A.2107, VHv.1473, nguyên văn: 剪短其髮以便山林之入。Bản A.33: 剪短其髮以便山川之入 *cắt tóc ngắn để tiện vào rừng núi*.

5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時國峻已剪髮服布衣矣

Giao Chỉ quốc trong Tam tài đồ hội (thời Minh) cũng đều cắt tóc ngắn. Kiểu tóc thể hiện trong hai bức tranh này hoàn toàn khớp với những mô tả của sứ thần nhà Minh là Phan Hy Tăng khi đi sứ Đại Việt năm 1513: “Cắt tóc không phân nam nữ, đội mũ khu biệt văn thân”, kèm theo chú thích: “Tóc hơi che trán, phủ xuống gáy, riêng người đi sứ Trung Quốc thì tóc dài”⁽¹⁾.

Cũng như tục cạo trọc, năm 1414 sau khi sáp nhập nước Việt vào bản đồ Trung Quốc, triều đình nhà Minh đã ra lệnh “cấm trai gái (người Việt) cắt tóc [...] đồng hóa theo phong tục phương Bắc”⁽²⁾. Chính vì những cấm lệnh mang tính hủy diệt văn hóa này mà sứ thần Ngô Sĩ Liên mới than xiết: “Hon hai mươi năm, đổi phong tục thành tóc dài rắng trắng, thành người phương Bắc! Ôi thôi! Làm loạn đến thế là cùng vây!”⁽³⁾ Song sau khi giành lại được độc lập từ tay nhà Minh, triều đình nhà Lê sơ đã cổ xúy cho tập tục cắt tóc ngắn cổ truyền, thể hiện qua việc vua Lê Thái Tông năm 1437 ra lệnh cho những người Minh ở Đại Việt phải cắt tóc ngắn như người Kinh⁽⁴⁾; vua Lê Uy Mục năm 1509 bắt đạo sĩ Đại Việt vốn giữ nếp cổ, búi tóc ở đỉnh đầu, cài trâm như đạo sĩ Trung Hoa, đều phải cắt tóc ngắn, không được để tóc dài⁽⁵⁾.

Riêng kiểu tóc của phụ nữ Việt thời Trần, ngoài búi tóc chuy kể, theo Trần Cương Trung, phụ nữ Đại Việt thời này còn “cắt tóc ngắn, lưu lại ba tấc, buộc ở đỉnh đầu, uốn ngọn tóc rồi thắt lại như bút, không có tóc mai và tóc thừa ở đằng sau.”⁽⁶⁾ Qua mô tả trên, chúng tôi hình dung mái tóc ngắn của phụ nữ thời Trần bấy giờ nếu buông xõa cũng dài quá vai, dài hơn mái tóc ngắn của đàn ông quang mười xen ti mét (ba tấc), sau đó được buộc lại ở đỉnh đầu, hơi gập lại uốn ra phía sau, thắt lại như ngọn bút lông, không để tóc thừa ở gáy và hai bên mai.

1. (Trung) Trúc Giản tập - Nam Giao kỵ sự. Nguyên văn: 祝髮無男女，加冠別縉紳 髮稍覆額被頸惟使中國者乃長髮

2. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 明禁男女不許剪髮[...]化成北俗

3. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 二十餘年變風俗於長髮白齒，胥為北人矣！嗚呼，為亂之極，一至是哉

4. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 十二月，令明人著京人衣服，斷髮

5. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 道士奉道剪髮，不得長髮。Trong Thập giới cõi hòn quốc ngữ văn, Lê Thánh Tông miêu tả đạo sĩ tại Đại Việt “Đội hoàng quan (mũ màu vàng), cài nhặt nhặt trâm ngà”.

6. (Trung) Nguyên thi kỵ sự - Q.9 - An Nam túc sự. Tr.178. Nguyên văn: 婦人斷髮，留三寸，束于頂上，屈其杪，再束如筆，無後鬢鬟，亦無膏沐

PHỤ KHẢO

CẢI CÁCH QUAN PHỤC NĂM 1396 VÀ TRANG PHỤC THỜI HỒ

Năm 1395, vua Trần Nghệ Tông mất, Hồ Quý Ly được phong làm Phụ chính Thái sư nhiếp chính. Các cải cách của nhà Trần diễn ra từ năm 1395 cho đến khi họ Hồ chính thức soán vị trên thực tế đều do Hồ Quý Ly sắp đặt.

Hồ Quý Ly tự nhận “là dòng dõi xa của Hồ Công Mân, tế Ngu Thuấn làm thủy tổ”⁽¹⁾, chính vì vậy ông đặt quốc hiệu nước Việt là Đại Ngu. Xuất phát từ tư tưởng này, Hồ Quý Ly hết sức tự tôn về học vấn và hàm thụ văn hóa của mình. Đối với những nhà nho nổi tiếng của Trung Quốc, trên thực tế có ảnh hưởng sâu sắc tới tư tưởng Nho giáo của ba nước Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, bản thân Hồ Quý Ly thẳng thừng nhận xét: “Hàn Dũ là tay nho ăn trộm; Chu Mậu Thúc, Trình Hạo, Trình Di, Dương Thi, La Trọng Tố, Lý Diên Bình, Chu Tử, tuy học rộng nhưng tài mọn, không sát với sự việc, chỉ chuyên cób nhặt.”⁽²⁾ Vậy nên cũng không mấy khó hiểu khi ông tự biên chép thiên “Vô dật” trong Kinh Thư,



“*Tự cho là thánh triết hơn Tam hoàng, đức cao hơn Ngũ đế; coi Văn vương, Võ vương không đủ làm phép tắc, khinh Chu công, Không tử không đủ làm bậc thầy; hủy báng Mạnh Tử là đạo nho (tay nhà nho ăn trộm), Trình – Chu thạo cób nhặt. Đối thánh đối trời, không ngôi không thứ. Tiếm quốc hiệu gọi là Đại Ngu, trộm ký nguyên gọi là Thiệu Thánh. Xưng là Lưỡng cung hoàng đế, dám dùng nghi lễ triều đình. Chẳng phải chỉ ngang tàng ở cõi xa, mà ký thực muốn chống chơi ngang hàng cùng Trung Quốc.*” (Nguyên văn chép trong Triều Tiên vương triều thực lục).

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 季犖乃遠引胡公滿之後，禘虞舜之所自出

2. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 以韓愈為盜儒，謂周戊叔、程顥、程頤、楊詩、羅仲素、李延平、朱子之徒，學博而才疎，不切事情而務為剽竊



Chim phượng thời Lý Trần (Hoàng thành Thăng Long) và chim phượng thời Hồ (Trung tâm bảo tồn di sản thành nhà Hồ). Dù trang phục bá quan thời Lý, Trần, Hồ mỗi thời một vẻ, song phong cách kiến trúc, nghệ thuật Lý Trần vẫn tiếp tục được kế thừa đến đầu thời Lê.

hoàn toàn khác với các kiểu mũ thời Lý - Trần vốn chịu ảnh hưởng bởi quy chế nhà Tống. Bên cạnh việc đặt ra một số kiểu áo mũ Thường triều, nhà Hồ còn quy định toàn bộ những binh lại không phẩm cấp, hạng hoành nô mặc áo màu trắng, đi ngược lại tập quán của nhà Trần vốn coi màu trắng là màu sang trọng, chỉ dành cho vua. Ngoài ra, năm 1395, Hồ Quý Ly còn ra lệnh cho bá quan không được mặc áo thụng tay, đổi hết thành áo hẹp tay⁽⁵⁾; năm 1396 quy định cho văn võ bá quan từ lục phẩm trở lên đều được đi giày Tích trong các buổi Thường triều. Giày Tích vốn là loại giày thời Hán, đến thời Tống chỉ còn được sử dụng vào những dịp

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 季彝因編無逸篇, 譯為國語, 以教官家

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 季彝作國語詩義并序, 令女師教后妃及宮人學習, 序中多出己意, 不從朱子集傳

3. (Trung) *Ký lục vựng bién - Q.47 - Bình định Nam Giao lục*. Nguyên văn: 季彝稱太上皇, 毀中國儒教, 謂孟子為盜儒, 程朱為剽竊

4. (Trung) *An Nam chí lược*. Nguyên văn: 欲問安南事, 安南風俗淳。衣冠唐制度, 禮樂漢君臣

5. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 六月禁百官不得用大袖衣, 許用小袖

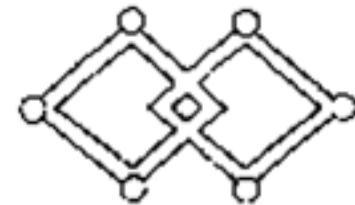
dịch ra quốc ngữ để dạy vua⁽¹⁾, rồi làm sách *Quốc ngữ thi nghĩa* và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân, trong đó “*bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo tập truyện của Chu Tử*”⁽²⁾ Chính những động thái này của Hồ Quý Ly khiến một bộ phận nho sĩ nhà Minh đương thời coi ông là kẻ hủy báng Nho giáo Trung Quốc, như tác giả của *Bình định Nam Giao lục*, Khưu Tuấn nói: “*Quý Ly xưng Thái thượng hoàng, hủy báng Nho giáo Trung Quốc, gọi Mạnh Tử là tay nho ăn trộm, Trình Hao, Trình Di, Chu Tử là kẻ cắp nhặt*.”⁽³⁾

Trong bài thơ đáp lời hỏi của người Minh về phong tục của người nước Việt, Hồ Quý Ly nói: “*Muốn hỏi chuyện nước An Nam/ Nước An Nam phong tục thuận hậu/ Áo mũ như chế độ nhà Đường/ Lẽ nhạc tựa vua quan nhà Hán.*”⁽⁴⁾ Đây cũng chính là tư tưởng chủ đạo của đợt cải cách y phục Thường triều năm 1396, mà quá bán các dạng mũ mao tân chế có nguyên mẫu là những loại mũ thịnh hành vào thời Hán - Đường ở Trung Hoa như mũ Cao Sơn, Viễn Du, Thái Cổ, Khuốc Phi v.v.

đại lễ. Tuy nhiên năm 1404, sau khi Hồ Hán Thương chính thức lên ngôi hoàng đế, lại lệnh cho bá quan không được đi giày Tích, chỉ cho đi hài gai sống⁽¹⁾. Điều này càng thể hiện tâm lý sùng cổ của nhà Hồ, nhất quán với việc đặt tên nước là Đại Ngu, đồng thời thể hiện tâm lý muốn khác biệt hẳn về y quan phẩm phục so với nhà Trần trước kia và khu biệt với nhà Minh do người Hán vừa lập ra ở phương Bắc.

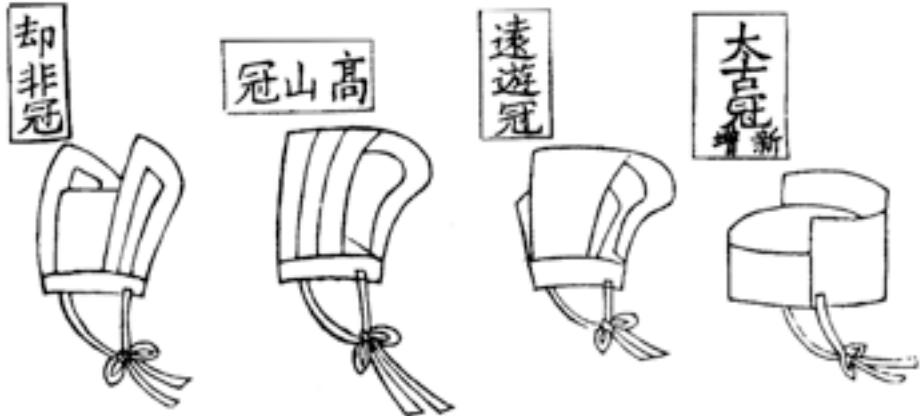
Đối với trang phục của các vua nhà Hồ, *Toàn thư* chỉ cho biết năm 1399, Hồ Quý Ly tự xưng là Quốc tổ Chương hoàng, mặc áo màu bồ hoàng⁽²⁾. Trong bài thơ tặng Nguyễn Ngạn Quang, Hồ Quý Ly viết: “*Mắt này đâu bị Miện lưu che*”, chứng tỏ trong dịp đại lễ lên ngôi, tế trời đất (Hồ Hán Thương cho dựng đàn tế Giao vào năm 1402), cha con họ Hồ cũng đội mũ Bình Thiên, sử dụng nghi lễ của thiên triều.

Đối với trang phục của bá quan nhà Trần và nhà Hồ từ tháng 6 năm 1396 cho đến khi nhà Hồ diệt vong, *Toàn thư* cho biết: “*Quan nhất phẩm áo màu tía; nhị phẩm màu đỏ thẫm; tam phẩm màu hồng; tứ phẩm màu lục; ngũ phẩm, lục phẩm, thất phẩm màu biếc; bát phẩm, cửu phẩm màu xanh. Riêng nội thị mặc váy mỏ. Đều không được mặc thường. Người không có phẩm hàm và hạng hoành nô dùng màu trắng. Lại theo chúc tước bá quan, từ lục phẩm trở lên dùng mũ Cao Sơn, Chánh lục phẩm được thắt đai, đi giày Tích. Về sắc mũ, chánh thì sắc đen, tòng thì sắc xanh. Người tôn thất đội mũ Phuong Thắng màu đen. Võ quan tước lục phẩm đội mũ Chiết Xung. Tước cao mà không có chức thắt đai, đội mũ Giác Dính. Từ thất phẩm trở xuống đội mũ Thái Cổ; Tòng thất phẩm đội mũ Toàn Hoa. Vương hầu đội mũ Viễn Du; Ngự sử đài đội mũ Khuốc Phi*”⁽³⁾ Ngoài ra, *Toàn thư* còn ghi nhận năm 1437 vua Lê Thái Tông quy định cho bá quan văn võ đều đội mũ Cao Sơn, đồng thời chú



Trang sức hình phượng thăng (*Trung Quốc phục súc đại từ điển*).

thích “trước đây quan võ đội mũ Chiết Xung.”⁽¹⁾ Bởi vậy câu “Võ quan trước lục phẩm đội mũ Chiết Xung” nên được hiểu rằng các quan võ từ lục phẩm trở lên thì đội mũ Chiết Xung. Dựa theo sách *Tam lỗ đồ* thời Tống có thể biết được kiểu dáng cơ bản của các loại mũ Cao Sơn, Khuốc Phi, Viễn Du, Thái Cổ của triều đình Trần - Hồ. Mũ Toàn Hoa dành cho các quan văn võ Tòng thất phẩm hǎn là loại mũ được áp dụng cho ngạch Tụng quan của nhà Trần trước đây. Đối với những loại mũ Giác Đính, Phương Thắng, xét theo danh xưng, có lẽ mũ Giác Đính (*giác*: góc, sừng; *đính*: đỉnh) là mũ đỉnh nhọn hoặc có sừng tương tự như mũ Giác Cân của ẩn sĩ Trung Quốc; mũ Phương Thắng hǎn được đính trang sức hình Phương Thắng (hình bình hành đan xen). Riêng mũ Chiết Xung dành cho võ quan, chúng tôi cho rằng không thể dựa vào tên mũ mà đoán đây là loại mũ có cánh chuồn gập (chiết) rồi hướng thẳng lên trời (xung) như mũ Triều Thiên, loại mũ dành cho vương hầu nhà Trần. Ở đây, Chiết Xung là tên một đội quân của nhà Đường đã nhiều lần xuất hiện trong văn khắc cổ của Việt Nam⁽²⁾, có khả năng mũ Chiết Xung là loại mũ được “tái chế” từ một kiểu mũ của quân đội nhà Đường?



Mũ Khuốc Phi, mũ Cao Sơn, mũ Viễn Du, mũ Thái Cổ. Trên đây là các loại mũ theo quy chế thời Hán Đường do Nhiếp Sùng Nghĩa, người thời Tống khảo, viết trong sách *Tam lỗ đồ*. Nhà Hồ tái chế các loại mũ cổ thời Hán Đường, nhiều khả năng dựa vào cuốn sách này. Dĩ nhiên, những chiếc mũ khi được áp dụng vào triều đình Đại Ngu hǎn có sự biến dị.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 賦武官戴高山巾。初武官戴折衝巾，至是許戴高山巾，與文官同。
2. Bài minh khắc trên chiếc chuông xã Thanh Mai được đúc vào ngày 30 tháng 3 năm Trinh Nguyên 14 nhà Đường, tức ngày 20 tháng 4 năm 798. Nội dung kê khai họ tên chức tước của những thành viên Hội Tùy Hi và những người tham gia đúc chuông. Trong đó có những vị như: Tảm châu An Lạc phủ *Chiết Xung* đô úy Quách Tử Cường; Diêm châu Diêm xuân phủ *Chiết Xung* Cao Tháo; Tảm châu an lạc phủ *Chiết Xung* Quách du lý; Kinh châu Tứ môn phủ *Chiết Xung*, thượng phỉ Ngự đại Quách Lập; Chiêu Võ hiệu úy Hồng châu giới hưu *Chiết Xung*, thượng trụ quốc Đỗ Thiếu Ngh. v.v. (Dẫn theo *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*. Tập 1. Tr.19). Tham khảo thêm định nghĩa của Hán Điển (Zdic.net).

BẢNG SO SÁNH ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG MŨ VIỄN DU, KHUỐC PHI, CAO SƠN, THÁI CỔ CỦA NHÀ HỒ VIỆT NAM VÀ NHÀ HÁN TRUNG QUỐC
(theo *Toàn thư* và *Tam lỗ đồ*)

Các loại mũ	Đối tượng sử dụng	
	Nhà Hồ Việt Nam	Nhà Hán Trung Quốc
Mũ Viễn Du	Vương hầu	Vương hầu
Mũ Khuốc Phi	Ngự sử đài	Cung điện môn lại, Bộc xạ
Mũ Cao Sơn	Quan văn Lục phẩm trở lên	Trung quan, ngoại quan, cận thần, yết giả
Mũ Thái Cổ	Quan văn, võ Lục phẩm trở xuống	Công khanh, đại phu

**QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ TRẦN TỪ NĂM 1396 VÀ NHÀ HỒ**
(theo *Toàn thư*)

	Tôn thất đội mũ Phương Thắng màu đen, vương hầu đội mũ Viễn Du, tước cao mà không có chức đội mũ Giác Đính, ngự sử đài đội mũ Khuốc Phi				
	Ban văn		Ban võ		
	Mũ	Phục sắc	Mũ	Phục sắc	
Về sắc mũ, chánh sắc đen, tòng sắc xanh					
Nhất phẩm	Cao Sơn	Tía	Chiết Xung	Tía	
Nhị phẩm	Cao Sơn	Đỏ sẫm	Chiết Xung	Đỏ sẫm	
Tam phẩm	Cao Sơn	Hồng	Chiết Xung	Hồng	
Tứ phẩm	Cao Sơn	Lục	Chiết Xung	Lục	
Ngũ phẩm	Cao Sơn	Biếc	Chiết Xung	Biếc	
Lục phẩm	Cao Sơn	Biếc	Chiết Xung	Biếc	
Chính thất phẩm	Thái Cổ	Biếc	Thái Cổ	Biếc	
Tòng thất phẩm	Toàn Hoa	Biếc	Toàn Hoa	Biếc	
Bát phẩm	Thái Cổ	Xanh	Thái Cổ	Xanh	
Cửu phẩm	Thái Cổ	Xanh	Thái Cổ	Xanh	

Đối với trang phục quân đội thời Hồ, chúng tôi cho rằng giáp phục của tướng lĩnh thời Hồ vẫn kế thừa giáp phục thời Lý - Trần. Ngoài ra, bản thân các loại áo giáp không chỉ được làm bằng kim loại, lớp lót trong cùng của áo phần lớn được làm bằng da. Vậy nên năm 1401 trên đường đi đánh Chiêm Thành, gặp phải nước lũ, cạn kiệt lương thực trong ba ngày, tướng sĩ phải nướng giáp da để ăn⁽¹⁾. Bên cạnh đó, Lý Hủ người thời Minh cho biết, sau khi bị bắt về Bắc Kinh, “*Thượng thư bộ Công (nhà Minh) ông Lê Trùng (tức Hồ Nguyên Trùng) lần đầu tiên mở Thần Cơ doanh (doanh trại tạo súng thần cơ), xây Khôi Giáp xuống (xưởng chế tạo áo Giáp mū Trụ), chế tạo thần thương thần súng, bắn lui giặc Thát dưới chân núi Cửu Long*”⁽²⁾, chứng tỏ bản thân Hồ Nguyên Trùng rất thạo việc chế tạo Giáp Trụ.

Đối với trang phục dân gian dưới triều Hồ, ta cũng chỉ biết rằng năm 1404, “*Hồ Hán Thương cấm mọi người trong thiên hạ dùng loại lụa phiếu kỹ làm áo, chỉ cho phiếu sơ qua,*”⁽³⁾ tức chỉ cho phép dân gian được dùng loại lụa thô may quần áo, không được dùng lụa mịn. Một số lệnh cấm của nhà Minh đối với đầu tóc quần áo của người Việt, cũng hé lộ cho chúng ta được biết diện mạo trang phục dân gian thời kỳ này. *Toàn thư* chép: “(Năm 1414) Nhà Minh cấm nam nữ không được cắt tóc. Phụ nữ mặc áo dài, váy dài, đổi theo phong tục phương Bắc.”⁽⁴⁾ An Nam chí nguyên cũng ghi lệnh cấm rằng: “*Kẻ nào dám noi theo thói tệ trước đây, cao trọc đi đất [...] Hữu ty sở tại phải gia nghiêm trùng tri*”⁽⁵⁾; và “*Từ nay việc ăn mặc không được noi theo thói tục man di, đi đất hở ngực, lấn vượt sử dụng các sắc huyền, vàng, tía đều coi là lệnh cấm, để nhuốm gội phong tục Trung Hoa, kẻ nào vi phạm thì bắt tội. Quan lại đều dùng mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn thuôn dài, áo dài cổ tròn vạt phải, vạt cổ áo dệt bằng tơ, lung thắt dây thao, chân đi hài. Sinh viên đều dùng mũ Phốc Đầu cánh chuồn thuôn dài, áo cổ tròn màu xanh lam, có vạt, thắt thao, đi hài. Các chức dịch cai quản dân chúng như thủ lĩnh, quan lang, xã chính, lại giam, khai sao đều dùng áo dài cổ tròn vạt phải, đội khăn mũ, đi giày hia. Phụ nữ nếu có*

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 遭時水潦，將士路居絕糧三日，灸皮甲以食

2. (Trung) *Giới am lão nhân mạn bút* - Q.6 - *An Nam Đặng thương thư*. Tr.220. Nguyên văn: 工部尚书黎公澄創神机營，建盔甲廠，製神槍神鏡，退鞬虜于九龙山下

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 漢蒼禁天下諸人不得用熟搗絹為衣，止許畧搗

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 明禁男女不許剪髮。婦女長衣穿裙，化成北俗

5. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Nguyên văn: 敢有因循弊風，及髡鉗跣踝[...]所在有司严加惩治

chồng làm quan theo quy chế trong bảng văn, người không có chồng làm quan phải búi tóc, dùng lụa đen bọc đầu, khuyên tai, lược cho được tùy nghi sử dụng. Áo đều phải dùng áo Sam, váy dài, hài dùng hài vải hoặc da, nhất loạt không được cắt tóc đi đất, không được dùng các màu sắc huyền, vàng, tía.”⁽¹⁾

PHỤ LỤC 1

TRANG PHỤC CỦ TANG VÀ QUAN NIỆM VỀ MÀU ĐEN TRẮNG

- (Trung) *An Nam chí lược* (Trần): “*Quốc chủ ngày thường đội mũ Đường Cân, thường phục coi màu trắng là màu sang quý. Người trong nước ai mặc màu trắng tức là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm*”. Năm 1291, khi vua Trần Thánh Tông mất, vua Trần Anh Tông nói với sứ thần nhà Nguyên: “*Ta để tang cha, mặc áo đen, ăn rau cỏ, trai giới trong năm năm.*”⁽²⁾ Phần *Phong tục* lại viết: “*Quy chế tang lễ và đồ dùng trong cung thất khá giống Trung Quốc.*”⁽³⁾

- (Việt) *Toàn thư* (Trần): Năm 1377, dù bè tôi nhiều lần can ngăn, vua Trần Duệ Tông vẫn quyết chí thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Để mô tả cho việc xuất quân bất lợi và dự đoán về một kết cục tang tóc, *Toàn Thu* miêu tả: khi vua dẫn mười hai vạn quân đến bến sông xã Bát, có người làng làm đám ma, vua đã bắt vạ 30 quan tiền. Đến tháng 5 năm sau, trước khi ra trận, vua quyết định mặc quân phục màu đen, để cho Ngự Câu Vương Húc mặc màu trắng, cưỡi ngựa trắng. Kết quả: “*Vua bị hâm trong trận mà chết. Bọn đại tướng Đỗ Lễ, Nguyễn Nạp Hòa, hành khiến Phạm Huyền Linh đều chết cả. Giặc bắt sống được Ngự Câu Vương, đem con gái gả cho.*”⁽⁴⁾

1. (Trung) *An Nam chí nguyên*. Nguyên văn: 今閏制服用不許因循夷俗，裸跣露袒，僭用玄黃紫色以為禁令，以玷華風，違者罪之。官吏俱用展角頭巾，盤領有衽長衫絲襪條鞋。生員俱用展角頭巾，藍青盤領有衽爛襪條鞋。首領，官郎，社正，吏監，開抄等役俱係管民者皆用盤右領長衫頭巾履靴。婦女若夫有官者照依體制榜文適用，無官者但要束髮皂絹包頭，耳環梳隨宜置用。衣並用衫襖長裙，鞋用布皮並不許剪髮跣足及用玄黃紫色

2. (Trung) *An nam chí lược* - Q.3 - *Đại Nguyên phung sú - Truong thương thư hành lục*. Nguyên văn: 世子造館時，自謂：居父喪，服縉緝，食蔬菜，戒以五年

3. (Trung) *An Nam chí lược - Phong tục*. Nguyên văn: 壓制，宮室器用與中國略同

4. (Việt) *Toàn thư*. Tập 2. Tr.160-161.



Cụ bà tại làng cổ Đường Lâm
vẫn khăn trắng. Lê Quý Đôn
cho biết: "Tục nước ta, người ta
không kiêng màu trắng, đàn bà
đều đội khăn trắng".

- (Trung) *Doanh nhai thang lam tap*:
(Chiêm Thành) cho phép được mặc màu tía,
riêng vua mặc đồ trắng, cấm mặc các màu
đen huyền, màu vàng, kẻ nào làm trái thì bị
tội chết.⁽¹⁾

- (Trung) *Minh thực lục* (Trần - Hồ):
Năm 1419, Lư Văn Chính, Giao Chỉ bố chính
ty tâu lên vua Minh: "Người Giao Chỉ...khi
cha mẹ mất chỉ mặc áo đen... Xin đem tang lễ
do quốc triều đặt định ban bố khắp dân gian,
để họ biết mà tuân theo."⁽²⁾

- (Việt) *Đại Việt thông sử* (Lê): Năm
1433, vua Lê Lợi mất. "Ngày 24 tháng 8 Hoàng
Thái tử ban lệnh chỉ cho các quan trong ngoài
đều vận áo sổ gấu để tang, sau khi làm lễ tốt
khóc (100 ngày), đều vận áo trắng làm việc;
quân dân khắp thiên hạ đều vận áo trắng ba tháng."⁽³⁾

- (Việt) *Lịch triều hiến chương loại chí* (Lê): trong 100 ngày các
quan đều phải mặc áo trắng, ngoài 100 ngày dùng áo xanh hoặc đen,
không được dùng màu hồng, lục⁽⁴⁾.

- (Việt) *Văn Đài loại ngũ* (Lê) cho biết: "Tục nước ta không kiêng
màu trắng, đàn bà đều đội khăn trắng. Thấy người đội khăn đỏ, mọi
người đều cười vẻ quái dị của họ."⁽⁵⁾

- (Việt) *Gia Định thành thông chí* (Nguyễn sơ) cho biết: "Cư tang có
ké mặc quần áo lụa màu xanh đen, đúng như lời ông Đông Pha nói: Áo
mù khó phân biệt được người có việc hiếu hay việc hỷ."⁽⁶⁾

1. (Trung) Ký lục vương biến - Q.63 - *Doanh nhai thang lam tap* - Chiêm Thành. Nguyên văn: 許服紫，唯王
白服，禁服玄黃，違者死

2. (Trung) *Minh thực lục* - Thái Tông thực lục - Q.214. Mục tháng 7 năm 1419. Nguyên văn: 交址布政司
副理問盧文政言：交址之人 [...] 父母死止服黔衣

3. (Việt) Lê Quý Đôn toàn tập - Tập III - *Đại Việt thông sử*. Tr.96.

4. (Việt) *Loại chí* - Lê nghi chí - Tang nghi và tang phục. Tr.75.

5. (Việt) *Văn Đài loại ngũ* - Q.5 - *Phẩm vật cừu*. Tr.21. 本國俗不忌白，婦人皆冠白巾。見紅巾者眾皆
笑其怪脫

6. (Việt) *Gia Định thành thông chí* - Q.4 - *Phong tục*. Nguyên văn: 居喪或服青黑綵絹，正東坡所 [...] 衣
冠難辨吉凶人

PHỤ LỤC 2

SỐ LƯỢNG THÓT LỤA VÀ QUẠT CỐNG SANG NHÀ MINH TỪ 1416 ĐẾN 1423

Tờ chiếu vua Lê Thái Tổ ban ngày 17 tháng 10 năm 1430 cho biết:
"Sau khi người Ngô đã lấy được nước ta [...] cấm mắng muối khiến dân
khốn về đường ăn, đòi vải vóc để dân khổ về đường mặc."⁽¹⁾

Nguồn dẫn	Niên đại	Số lượng thót lụa	Số lượng quạt giấy
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.183	Tháng 12 năm 1416	1.668 thót	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.195	Tháng 12 năm 1417	1.252 thót	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.207	Tháng 12 năm 1418	1.288 thót	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.219	Tháng 12 năm 1419	1.325 thót	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.232	Tháng 12 năm 1420	2.265 thót	10.000 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.244	Tháng 12 năm 1421	1.535 thót	7.535 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.254	Tháng 12 năm 1422	1.390 thót	8.430 chiếc
<i>Minh thực lục</i> - Thái Tông thực lục. Q.254	Tháng 12 năm 1423	1.747 thót	10.000 chiếc

1. (Việt) *Đại Việt thông sử*. Tr.87.

PHỤ LỤC 3

PHẦN CHƯƠNG PHỤC TRONG AN NAM CHÍ LUỢC



Bản Hán văn *An Nam chí lược* hiệu bản do Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam thuộc Đại học Huế thực hiện, in trong bản dịch *An Nam chí lược* xuất bản năm 1961, có một số điểm chưa hợp lý về mặt cú đập dẫn đến việc phiên dịch thiếu chính xác. Đặc biệt phần *Chuong phục* mô tả trang phục của vua quan thời Trần do người dịch không nắm được các kiến thức về phục trang nên cách hiểu và phiên dịch có nhiều sai sót. Ngoài ra, hiệu bản này dựa vào bốn dị bản lưu hành hiện nay là Lạc bản, Nội bản, Tĩnh bản, Anh bản, song so với bản Văn Uyên các vẫn có đôi chỗ xuất nhập. Nay chúng tôi đối chiếu Hiệu bản của Đại học Huế với bản Văn Uyên các, lập ra bản hiệu chính này, đồng thời cú đập và phiên dịch lại như sau:

Nguyên văn:

國主之冠曰平天冠、卷雲冠、芙蓉冠，服袞衣，金龍帶，領掛白羅疋錦（《校本》作“綿巾”。《文版》作“錦”，無巾字）嵌金珠方心曲領，手執圭，凡節禮受臣拜賀。王冠三級，侯冠二級，明字冠一級，名拱宸冠，上綴金蜂蝶，大小踈密有差。親王著銷金紫服。侯、明字著鳳魚綉服，大僚班而下袞冕各有級等。文班加金魚。員外郎、郎將戴金銀間道冕，令書舍至校書郎上制侍禁皆戴銀冕。冕大禮則用之。常禮止幞頭紫服，如恭侯書舍翁類也。帶或犀或金，各依品等，象牙笏同。職官、借職等幞頭紫服，角帶，無笏，叉手拜。國主平居戴唐巾，常服貴白。國人著白者為僭制，惟婦女不禁。其裝飾，王侯及庶民常著團領玄裳，白羅紈綺，鞋尚革。王侯私謁國主不巾，示其親貴，庶民並不得。侍近內官上品戴揚棠冠（《文版》所載同。《校本》作“揚裳”），綴金蜂蝶，踈密不同。著服，中品冠服製色稍減，下品素（《文版》同。《校本》作“紫”）揚棠冠紫服，皆叉手拜，無笏。上品常戴之巾以紫絨間碧為六鬚，綴巾後橫帶，示其貴也，中品紫鬚，下品皂鬚，環以紫磨金玳瑁為之，異矣。

Dịch nghĩa:

Quốc chủ có mũ Bình Thiên, mũ Quyển Vân, mũ Phù Dung, mặc áo Cổn, đeo đai Kim Long, cổ khoác phuong tâm khúc lĩnh bằng lìa trắng thêu bó gấm đính vàng, trân châu, tay cầm ngọc khuê, phàm tết lê nhận quần thần lạy mừng. Mũ của tước vương ba bậc, mũ của tước hầu hai

bậc, mũ của tước minh tự một bậc, tên là mũ Củng Thần, phía trên đính hình ong bướm bằng vàng, to nhỏ dày thưa khác biệt. Thân vương mặc áo bào tía dát vàng. Tước hầu và tước minh tự mặc áo bào thêu hình phượng cá. Từ đại liêu ban trả xuống mặc Cổn Miện tùy theo cấp bậc, ban vân đeo thêm Kim Ngư đại. Viên ngoại lang, lang tướng đội mũ Miện có các viên vàng bạc đan xen; từ lệnh thu xá tối hiệu thu lang thượng chế thi cấm đều đội mũ Miện bạc. Mũ Miện dùng trong các dịp đại lễ.

Lễ thường chỉ đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, như cung hầu, thư xá ông. Dai hoặc bằng sừng tê, hoặc bằng vàng, tùy theo phẩm trật, hốt ngà cũng như vậy. Các chức quan và tá chức đội mũ Phốc Đầu, áo bào tía, dai sừng tê, không mang hốt, chắp tay lạy.

Quốc chủ ngày thường đội mũ Đường Cân, thường phục coi màu trắng là màu sang quý. Người trong nước ai mặc màu trắng tức là tiếm chế, riêng phụ nữ không cấm. Về phục sức, vương hầu và thú dân thường mặc áo cổ tròn, mặc thường màu đen, quần bằng lìa trắng, chuộng loại hài bằng da. Vương hầu gấp riêng quốc chủ không đội mũ, tỏ ý thân thiết quý mến, thú dân không được nhu vậy.

Thị cận nội quan, thường phẩm đội mũ Dương Đường, đính hình ong bướm bằng vàng, dày thưa khác biệt. Về trang phục, trung phẩm màu sắc áo mũ giảm xuống một chút, hạ phẩm đội mũ Dương Đường không trang sức, áo bào tía, đều chắp tay lạy (vua), đều không có hốt. Loại mũ thường phẩm đội khi Thường triều dùng vải nhung màu tía pha biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ, tỏ ý cao quý vậy; trung phẩm dùng tua tía; hạ phẩm dùng tua đen; Cân hoàn làm bằng vàng thường phẩm và đồi mồi là khác biệt.





CHƯƠNG III. TRANG PHỤC THỜI LÊ



Đặt trong bối cảnh sau khi Chu Nguyên Chương đánh đổ chính quyền Mông Thát, lập nên triều đình Đại Minh với khao khát khôi phục chính quyền của người Hán, lập lại trật tự Hoa di thì những động thái của triều đình Đại Việt đã khiến ông vua Thái Tổ nhà Minh chuyển từ thái độ tin tưởng sang chán ghét, tạo cơ cho cuộc Nam xâm của Minh Thái Tông. Trong khi Triều Tiên, quốc gia có văn hiến lẽ nhạc ngoài Trung Quốc thường được nhắc đến cùng nước Việt đương thời, đã hoàn toàn quy thuận, chỉ xưng vương, coi mối quan hệ Minh - Triều vừa là nghĩa quân thần, vừa là đạo cha con⁽¹⁾, thì riêng vua quan người Việt vẫn mang tâm thái làm chủ phương Nam. Vua Việt vẫn nghiêm nhiên tự xưng là hoàng đế.

Chu Nguyên Chương quan niệm: “Từ xưa để vương ngự trị thiên hạ, Trung quốc ở trong để chế ngự di địch, di địch ở ngoài để phụng sự Trung quốc, chưa nghe nói việc di địch ở Trung quốc để trị thiên hạ bao giờ⁽²⁾ [...] Phàm noi nhặt nguyệt chiếu tối, bất kể xa gần, đều coi như nhau,

1. (Hàn) Sau khi nhà Minh sụp đổ, vương triều Triều Tiên vẫn tiếp tục sử dụng niên hiệu Sùng Trinh (vị vua cuối cùng của nhà Minh) cho tới tận đầu thế kỷ XIX. Triều Tiên thực lực không ít lần ca ngợi công ơn như “trời bể” của nhà Minh dành cho Triều Tiên, như “*Ôn tái tạo của Thần Tông hoàng đế* (chỉ Minh Thần Tông), *từ khi mở cõi đến giờ, chưa từng thấy chép vào điển tịch*. Thú gọi là Nhân, chẳng gì lớn bằng đạo cha con, Nghĩa chẳng gì lớn bằng đạo vua tôi là vậy. Mà trong đạo vua tôi, chịu ơn vô cùng, chưa từng có mối quan hệ nào như triều ta với Hoàng Minh vậy.” (*Hiếu Tông thực lục*. Mục ngày Bính Tuất tháng 10 năm thứ 8. Nguyên văn: 神宗皇帝再造之恩，自開闢以來，亦未聞於載籍者。所謂仁莫大於父子，義莫大於君臣是也。而君臣之中，受恩罔極，又未有若本朝之於皇明也) ; “*Triều ta đối với Đại Minh, là vua tôi mà cũng là cha con vậy.*” (*Hiếu Tông thực lục*. Mục ngày Bính Tuất tháng 7 năm thứ 16. Nguyên văn: 本朝之於大明，君臣而父子也) v. v.

2. (Trung) *Minh Thái tổ thực lục* - Q.26 - Mục ngày Bính Dần, tháng 10 mùa Đông, Hồng Võ nguyên niên. Nguyên văn: 自古帝王臨御天下，中國居內以制夷狄，夷狄居外以奉中國，未聞以夷狄居中國治天下者也

vậy nên Trung Quốc đặt vững thì bốn phương yên bình.”⁽¹⁾ Chính vì vậy ngay sau khi lên ngôi, ông liền thực hiện kế hoạch tái thiết trật tự Hoa Di, yêu cầu các “thuộc quốc” nối lại quan hệ triều cống, trong đó Triều Tiên và An Nam là hai lân quốc được nhà Minh “ưu ái” hàng đầu. Quả thực, ngay sau khi nhà Minh thành lập, năm 1368 vua Trần Dụ Tông đã cử Doãn Thuấn Thần sang sứ nhà Minh. Tại thời điểm này, vua Minh Thái tổ khen văn hiến nước Nam vẫn gìn giữ được chế độ cổ, không thay đổi theo phong tục Nguyên Mông, đồng thời tặng bốn chữ “Văn hiến chi bang”, sáp chô đúng của sứ thần An Nam lên trên sứ thần Triều Tiên ba bậc⁽²⁾, một sự ưu đãi hết sức hy hữu. Chính vua Minh Thái Tổ tuyên bố: “Trẫm làm vua thiên hạ, đã thành chính thống, từ nay cứ ba năm, các nước ở hải ngoại vào triều cống thì An Nam đứng đầu, sau đó tới Cao Ly, sau nữa tới Chiêm Thành, các nước đều dâng biểu xưng thần, hợp với quy chế cổ, trẫm hết sức khen ngợi.”⁽³⁾ Đại học sĩ triều Minh là Vương Ngao còn cho biết: “Khắp trong bốn bể, những nơi uy đức của nước nhà trãi đến... không nơi nào không vào triều cống hàng năm, Triều Tiên và An Nam đã gần lại thân, là các nước có văn hiến có lẽ giáo, vậy nên lễ tiết của triều đình đối với hai nước ấy là ưu ái nhất.”⁽⁴⁾



Án chương. 1. Hoàng Hậu chi bảo (Nhà Nguyễn); 2. Hoàng Hậu chi bảo (Nhà Thanh); 3. Chiêu Hiến vương hậu chi bảo (Nhà Triều Tiên).

1. (Trung) Minh Thái tổ thực lục - Q.37 - Mục ngày Nhâm Thìn, tháng 12, Hồng Võ nguyên niên. Nguyên văn: 凡日月所照，無有遠近，一視同仁，故中國奠安，四方得所。

2. (Việt) Úc Trai di tập - Q.6 - Dư phục chí. Tr.31. Nguyên văn: 又進我使位朝鮮三級之上，及使回牛諒賚龍章金印皆來褒寵焉

3. (Trung) Minh Thái tổ thực lục - Q.47 - Mục ngày Nhâm Tuất, mồng 1, tháng 12, năm thứ 2 niên hiệu Hồng Võ. Nguyên văn: 君臨天下，已成正統，于今三年，海外諸國入貢者，安南最先，高麗次，占城又次之，皆能奉表稱臣，合於古制，朕甚嘉焉

4. (Trung) Chán trạch tập - Quyển 11 - Tống tẩy Mã Lương quân sứ An Nam tự. Nguyên văn: 國家威德所及，薄海内外[...]莫不歲時入貢，而朝鮮、安南獨近且親，號文而有禮，故朝廷禮數視他國獨優

Tuy nhiên, quan hệ Việt - Minh chỉ trải qua một giai đoạn mật ngọt ngắn ngủi, bởi triều đình Đại Việt dù sao vẫn mang tâm thái của một quốc gia tự chủ, không muốn chịu sự chi phối của triều đình Trung Hoa. Bất kể những biến cố liên tiếp diễn ra trong nội bộ cung đình, hay sự xô xát thường xuyên với Chiêm Thành ở phương Nam, mọi việc đều do triều đình Đại Việt tự giải quyết, không cáp báo và cũng không nghe theo “lời dạy bảo” của thiên triều. Điều này được cho là sự “thiếu chân thành” trong việc thờ nước lớn, và cũng là nguyên nhân chính gây rạn nứt trong mối quan hệ Việt - Minh. Trong những chiếu sắc vua Minh Thái Tổ ban cho vua nhà Trần về sau, thường xuyên có lời nhắc nhở: “các đồ cống phẩm chỉ là bày tỏ tấm lòng thỏi, nếu lòng thờ nước lớn mãi mãi bền chắc, thì đâu cần cống vật thịnh soạn⁽¹⁾ [...] Vật không cần nhiều, cốt ở lòng thành.”⁽²⁾ Tuy nhiên, vì việc tự ý hành xử và thường xuyên thác có chối tội của nhà Trần khiến vua Minh Thái Tổ hoàn toàn đánh mất “niềm tin” ở một phiên bang vốn được đánh giá ngang hàng với Triều Tiên ở lòng thành thần phục. Năm 1372, vua Minh Thái tổ tức khí nói: “Gian manh lão xưa, sinh sự gây hiềm khích, lừa dối Trung Quốc [...] Từ nay An Nam triều cống, chó có nhận.”⁽³⁾ Thậm chí vua Minh còn “định nghĩa”: “An Nam [...] bên trong lấy sự dối trá làm đầu, không có lòng thành của một nước nhỏ thờ nước lớn, là nước sinh sự.”⁽⁴⁾

Dù rằng vua Minh Thái Tổ đã liệt tên nước Việt vào trong mười lăm nước “bất chinh chi quốc”, dặn con cháu muôn đời không được động đao binh, song mối nguy ngai về một cuộc chiến tàn khốc vẫn khiến Tư đồ Chuong Túc hầu Trần Nguyên Đán phải khuyên vua Trần Nghệ Tông “kính nước Minh như cha, yêu Chiêm Thành như



Vua Minh Thái tổ và Minh Thành tổ.

1. (Trung) Minh Thái tổ văn tập - Q.2 - Dụ An Nam quốc vương chiếu: 所貢表意而已。若事大之心永堅，何在物之盛

2. (Trung) Minh Thái tổ văn tập - Q.8 - Mệnh Trung thư hồi An Nam công văn: 物不在多，惟誠而已

3. (Trung) Minh thực lục - Thái tổ thực lục - Q.47 - Mục ngày Bính Thìn, tháng 6, năm thứ 4 niên hiệu Hồng Võ. Nguyên văn: 作奸肆侮，生隙構患，欺誑中國[...]自今安南入貢並毋納

4. (Trung) Minh Thái tổ văn tập - Q.6 - Mệnh Trung thư dụ chỉ An Nam hành nhân sắc. Nguyên văn: 安南人情禮意其彼中動以侮詐為先非以小事大之誠乃生事之國

con, nhu vậy thì nước nhà vô sự.”⁽¹⁾ Song dẫu xét ở khía cạnh tâm lý hay diễn biến thời cuộc bấy giờ, việc kính nhà Minh như kính cha, yêu Chiêm Thành như yêu con là việc hoàn toàn không thể. Cuối cùng, năm 1406,vin có “phù Trần diệt Hồ”, Minh Thành Tổ Chu Đệ cử quân xâm lược Việt Nam, song ngay sau khi đánh bại cha con họ Hồ, ông ta lại nhanh chóng sáp nhập nước Việt vào bản đồ Trung Quốc, phỏng danh xưng cũ đặt quận Giao Chỉ, đồng thời ra lệnh “binh lính vào nước ấy, ngoại trừ sách kinh và ván in của đạo Phật, đạo Lão không thiêu hủy; tất cả thư tịch, ván in cho đến những loại vở trẻ con quê mùa tập viết như “Thượng đại nhân, Khuu át dĩ”⁽²⁾, một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước ấy phàm những nơi di tích có bia do Trung Quốc dựng thì giữ lại, còn các bia do An Nam dựng thì phá hủy hết, một chữ chó để còn.”⁽³⁾

Năm 1407, Minh Thành tổ lại ra chỉ dụ nhắc lại việc trên: “Nhiều lần đã ra chỉ dụ các ngươi rằng: phàm ở An Nam, tất cả các ván khắc thư tịch cho đến từng mảnh từng chữ của loại vở trẻ con quê mùa tập viết như “Thượng đại nhân, Khuu át dĩ”, cùng những tấm bia xú ấy tự dựng lên, hễ trông thấy là hủy ngay lập tức, chớ để sót lại. Nay nghe nói sách vở thu được trong quân doanh, không ra lệnh cho binh lính đốt ngay, lại để xem xét rồi mới đốt. Trong khi quân lính phần đông không biết chữ, nếu thử nào cũng làm như vậy, khi vận chuyển át sẽ mất mát nhiều. Từ nay, các ngươi phải làm đúng như lời sắc trước, lệnh cho quân lính hễ thấy mọi thứ sách vở văn tự ở xú ấy là đốt ngay, chớ lưu lại.”⁽⁴⁾ Như vậy, sau 20 năm

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 願陛下敬明國如父，愛占城如子則國家無事，臣雖死且不朽

2. (Việt) *Son cự tạp thuật – Thượng đại nhân* cho biết: Trẻ con mới tập viết chữ, át viết “Thượng đại nhân, Khuu át dĩ, hóa tam thiên, thát thập sỹ, nhĩ tiểu sinh, bát cừu tử, gai tác nhân, khà tri lê dã” (Bậc đại nhân thời thượng cổ, chí có ngài Khổng Khuu mà thôi, ngài giáo hóa ba nghìn đồ đệ, có bảy mươi học trò giỏi, nay học trò nhỏ các ngươi, tám chín đứa, làm điều nhân, biết lễ nghĩa), thiên hạ đều như vậy, không biết bắt đầu từ khi nào. Nguyên văn: 小兒習字必且曰:上大人, 丘乙巳, 化三千, 七十士, 尔小生, 八九子, 皆作仁, 可知禮也。天下皆然不知始何時

3. (Trung) *Việt Kiêu Thư - Q.2*. Dẫn theo *Thơ văn Lý Trần*. Tập 1. Tr.58. Nguyên văn: 兵入除釋道經板經文不毀外, 一切書板文字以至俚俗童蒙所習如上大人丘乙巳之類片紙隻字悉皆毀之, 其境內凡有古跡中國所立碑刻則存之, 但是安南所立者悉坏之, 一字不存 Bản dịch trong sách *Thơ văn Lý Trần* có chỗ chưa được xác đáng, tí như câu “俚俗童蒙所習如上大人丘乙巳之類” dịch là “những loại (sách ghi chép) ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ, như loại sách có câu “Thượng đại nhân, Khuu át dĩ”. Từ “Lý tục” (lý: nhà quê; tục: thói tục) không phải “loại sách ghi chép ca lý dân gian”, có thể người dịch hiểu nhầm sang từ “lý ngữ”, “lý ca”. (Bản *Việt kiêu thư* in trong *Tú khố toàn thư* tồn mục tòng thư - Sứ bộ - Q.162 - Tr.695 chép là “lỗi tục”).

4. Như trên. Nguyên văn: 屢嘗諭爾凡安南所有一切書板文字以至俚俗童蒙所習如上大人丘乙巳之類片紙隻字及彼處自立碑刻見者即便毀壞勿存。今聞軍中所得文字不即令軍人焚毀, 必檢視然後焚之。且軍人多不識字, 若一一令其如此必致傳遞遺失者多。爾今宜一如前敕號令軍中但遇彼處所有一應文字即便焚毀, 勿得留存

thuộc Minh, cộng với kiếp nạn năm 1371 “giặc Chiêm ùa vào thành [...] đốt trụi cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vây sạch không”⁽¹⁾, đến thời Lê sơ, những bộ sách quan trọng ghi chép điển chương chế độ cụ thể của các triều đại trước đây hầu như đã mất tích⁽²⁾.

Cũng chính bởi sự mất mát thư tịch này, ngay từ thời Lê sơ, điển chương chế độ của các triều đại Lý, Trần đã khó có thể kê khéo tường tận. Vào thời vua Lê Thái Tổ và nửa đầu thời vua Lê Thái Tông, văn hóa thời Lê sơ vẫn có sự tiếp nối phong cách Lý - Trần. Riêng quy chế Thường phục của bá quan nhà Lê vẫn phỏng theo chế độ trang phục cũ của thời Trần - Hồ sau cải cách năm 1396. Tuy nhiên, quy chế này ngày càng thể hiện rõ tính chất “đại khái”, thiếu sự rạch ròi trong việc phân biệt phẩm trật của văn võ bá quan. Như năm 1434, “tháng 8, ban cho học trò trong Quốc Tử giám và học trò các lộ huyện đều được mặc quan phục, đồng thời lại cho giáo thụ Quốc Tử giám, giáo chức ở các lộ huyện được đội mũ Cao Sơn”⁽³⁾; đến năm 1437, vua Thái Tông lại “cho các quan võ cũng được đội mũ Cao Son giống như quan văn”. Theo chế độ của nhà Hồ trước kia, quan văn từ lục phẩm trở lên đội mũ Cao Son, quan võ từ lục phẩm trở lên đội mũ Chiết Xung, đến đây, bất kể văn võ bá quan hay giáo thụ Quốc Tử giám, thậm chí giáo viên ở các lộ, huyện đều được đội cùng một loại mũ. Sự đại khái trong cách ăn mặc của bá quan chứng tỏ chế độ quan phục đương thời có nhiều khiếm khuyết, cần có một cuộc tái thiết trên diện rộng.



用仁八十己上
心可九士化大
午知子尔三人
仿礼佳小千孔
式也作生七乙

Trẻ em Việt Nam thời Nguyễn tập viết “Thượng đại nhân...” (*Kỹ thuật người An Nam*); Giấy tập viết của trẻ em thời Thanh (BTDTDL). “Thượng đại nhân, Khổng át dĩ, hóa tam thiên, thát thập sỹ, nhĩ tiểu sinh, bát cừu tử, gai tác nhân, khà tri lê dã”.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 閏三月, 占城入寇[...]二十七日賊亂入城, 焚毀宮殿, 虜掠女子、玉帛以歸[...]賊燒焚宮室, 圖籍爲之掃空, 國家自此多事矣

2. Sau những đợt thiêu hủy thư tịch của Đại Việt, 12 năm sau, năm 1418, vua Minh lại sai Hạ Thanh, Hạ Thị sang “lấy các sách vở ghi chép sự tích xưa nay của nước ta” (*Toàn thư*). Các sách Đại Việt thông sử (Tr.101), Loại chí - Văn tịch chí (Tr.63), Cương mục (Q.13) đều nhận định: “Tướng nhà Minh, Trương Phụ lấy hết sách vở ghi lại sự tích của nước ta từ thời Trần trả về trước đưa về Kim Lăng.” Song trên thực tế, biên mục sách Việt Nam thời Minh không xuất hiện những cuốn sách mà Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn đã nêu. Nhiều khả năng phần lớn số sách Trương Phụ thu gom đã bị thiêu hủy.

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 八月, 賦國子監生及路縣生徒著冠服, 幷與國子監教授及路縣教職著高山巾



Thường phục mũ Ô Sa áo bào đính Bồ tử. 1. Quan Triều Tiên;
2. Quan Đại Việt triều Lê; 3. Quan nhà Minh.

Song vẫn do sự mất mát sỉ liệu, ngay cả vị nho thần uyên bác như Nguyễn Trãi cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đặt định phẩm phục triều nghi. Vốn dĩ từ thời vua Thái Tổ đã lệnh cho Nguyễn Trãi đặt định chế độ quan phục, có lẽ việc chưa hoàn tất nên đến khi vua Thái Tông lên ngôi, sau một loạt các quy định áp dụng mũ Cao Sơn thời Hồ cho văn võ bá quan, cuối cùng vua vẫn một lần nữa lệnh cho Nguyễn Trãi cùng Thái giám Lương Đăng đặt lại chế độ quan phục. Song đến tháng 5 năm 1437, Nguyễn Trãi xin trả lại mệnh lệnh, không muốn tiếp tục hợp tác cùng Lương Đăng, nguyên nhân chính là do những điều Nguyễn Trãi “thấy đều khác với Lương Đăng”⁽¹⁾ Sau khi vua Thái Tông chấp thuận lời kiến nghị của Lương Đăng áp dụng chế độ lễ nhạc mới mà quá bán là chế độ áo mũ của nhà Minh, Nguyễn Trãi cùng một số vị triều thần như Nguyễn Truyền, Đào Công Soạn, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Liêu dâng sớ nói: “Việc chế tác lễ nhạc át phải đợi có người đã rồi sau mới tiến hành, được như Chu Công về sau không có lời chê trách. Nay lại sai tay hoạn quan Lương Đăng chuyên trách việc đặt lễ nhạc, chẳng là làm nhục nước sao? Vả lại việc y làm dối trên lừa dưới, chẳng dựa vào đâu cả.”⁽²⁾ Lương Đăng thanh minh: “Thần không có học thức, không biết chế độ cổ, nay những việc đặt định đều dựa vào những điều thấy mà thôi.”⁽³⁾

Xét từ góc độ của Nguyễn Trãi, với nhãn quan của một nho thần,

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 五月行遣阮虜奏曰：此者臣等與梁登同校定雅樂而臣所見與梁登不同，願回所命。初太祖命阮虜定冠服制，未及施行

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 制禮作樂必待人後行，如周公而後無間言。今使小堅梁簪專定禮樂，國得不辱乎？且彼所為欺君罔下，無所憑據

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 臣無學術，不知古制，今之所為尽其所見而已

áo mũ lỗ nhac được coi là văn hiến của một quốc gia phải được đặt định thận trọng, và phải cố gắng tối đa gìn giữ được chế độ cổ theo đúng truyền thống Nho gia. Nguyễn Trãi và các triều thần đồng tâm tôn sùng Chu Công, bậc vĩ nhân được Khổng Tử hết lời ca ngợi vì công lao tái thiết, duy trì chế độ lễ nhac cổ của nhà Chu. Tuy nhiên, sau khi du nhập và được đặt định nhiều lần qua các triều đại Lý - Trần - Hồ, văn hiến Nho giáo đã có những nét đặc sắc riêng biệt tại triều đình Việt Nam. Đặc biệt, từ sau cải cách của Hồ Quý Ly, áo mũ Đại Việt phần lớn được mô phỏng từ quan phục Hán - Đường. Đến thời vua Lê Thái Tổ, Nguyễn Trãi được giao nhiệm vụ tái thiết áo mũ lỗ nhac, song thành quả khảo cứu của ông thể hiện ở việc áp dụng mũ Cao Sơn cho bá quan ngày một tỏ rõ sự khiếm khuyết, khiến cuối cùng ông và các Nho thần phải tự nhận rằng: việc đặt định lễ nhac phải đợi có nhiều người đọc thông biết rộng, nắm rõ quy chế cổ mới có thể hoàn thành. Đối với trang phục của nhà Minh



Áo thời Nguyên, áo thời Minh sơ kỳ (thời Hồng Vũ), áo thời Minh hậu kỳ. (*mingyiguan*).

đương thời, Nguyễn Trãi nhận định “Người Ngô lâu ngày nhiễm thói tục của người Nguyên, tóc xõa, răng trắng, áo ngắn mà tay áo dài, mũ xiêm lõe loet, lóp lóp như lá. Người Minh tuy khôi phục áo mũ Hán Đường xưa, nhưng thói tục vẫn không đổi”⁽¹⁾, ngũ ý không nên noi theo.

Trong khi đó, Lương Đăng là một viên hoạn quan phục vụ trong cung đình, chắc hẳn đã trông thấy nhiều dạng áo mũ lỗ nhac nơi cấm cung, được cho là người có hiểu biết chút ít, nên được giao nhiệm vụ hợp tác cùng Nguyễn Trãi để đặt định lễ nhac. Nếu đánh giá Lương Đăng chỉ đơn thuần là tay hoạn quan không có học thức, gây ra mối hại to

1. (Việt) *Úc Trai di tập - Q.6 - Dư địa chí*. Nguyễn văn: 吳人久淪元俗，被髮白齒，短衣長袖，冠裳燦爛，如葉之重者。明人雖復漢唐衣冠之舊而其俗未變

lớn cho văn hóa Đại Việt thì không thỏa đáng. Đặt trong bối cảnh triều đình Đại Việt vừa phục hồi, sách vở thư tịch nhất thời gần như trống tron, điển chương chế độ khiếm khuyết, các Nho thần loay hoay chờ đợi thêm người, trong khi chế độ lễ nhạc của nhà Minh đã có sự kế thừa và phát triển từ văn hóa truyền thống, riêng trang phục cung đình được coi là đỉnh cao của nghệ thuật trang phục cổ đại Trung Hoa, có sức ảnh hưởng mạnh mẽ tới Triều Tiên và Lưu Cầu, thì việc vua Lê Thái Tông chấp thuận kiến nghị của Lương Đăng, sao phỏng một phần quy chế áo mũ lễ nhạc của nhà Minh áp dụng vào triều đình Đại Việt là một xu thế tất yếu. Một khác, chế độ áo mũ mới được đặt định, dẫu nói thế nào vẫn là sản phẩm chung của Lương Đăng và Nguyễn Trãi, bởi nhiều loại áo mũ thời Trần - Hồ vẫn được duy trì sử dụng đến tận thời Lê Trung Hưng mà không bị thay thế toàn bộ bằng áo mũ kiểu Minh. Chính vì vậy, trong bài thơ chúc mừng Gián nghị đại phu Nguyễn Úc Trai, Phan Phu Tiên vẫn khẳng định công lao chế tác ra quy chế lễ nhạc mới của Nguyễn Trãi⁽¹⁾. Quy chế lễ nhạc mới này kể từ tháng 11 năm 1437 được chính thức áp dụng trong các dịp Thánh tiết, Chính đán, Sóc vọng, Thường triều và Đại yến⁽²⁾.

TRANG PHỤC THỜI LÊ SƠ (1428-1527)

Trang phục thời Lê sơ có thể phân thành ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, từ năm 1428 đến năm 1437, triều đình Lê sơ bảo lưu một phần chế độ trang phục của nhà Trần - Hồ, thể hiện ở việc lần lượt quy định bá quan văn võ đội mũ Cao Sơn và duy trì các loại mũ Đinh Tự, Tứ Phương Bình Đính trong quân đội. Giai đoạn thứ hai, từ năm 1437 đến năm 1499, vua Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông lần lượt cho sao phỏng chế độ áo mũ của nhà Minh thể hiện ở các quy chế Công phục - Phốc Đầu và Thường phục - Ô Sa, đặc biệt là quy chế Bổ tử. Giai đoạn thứ ba, từ năm 1499 đến hết thời vua Lê Chiêu Tông, triều đình nhà Lê thực hiện các cải cách trang phục thông qua quy định về chất liệu áo mũ, hình dạng Bổ tử và quy chế trang sức trên mũ Phốc Đầu.

1. (Việt) Úc Trai di tập - Q.1 - Hạ Gián nghị đại phu Nguyễn Úc Trai. Nguyên văn: 禮樂規模製作新。

2. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 頒新定聖節、正旦、朔望、常朝、大宴等禮儀

Xét về kiểu dáng và trường hợp sử dụng, trang phục thời Lê sơ có ba điểm khu biệt với trang phục thời Lê Trung Hưng. Thứ nhất, vào dịp đại lễ, các vua Lê sơ mặc Lễ phục Cổn Miện, các vua Lê Trung Hưng chỉ mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, vốn là Thường phục của các vua thời Lê sơ. Thứ hai, trang phục bá quan thời Lê sơ được phân làm ba loại trang phục: Triều phục, Công phục và Thường phục, còn trang phục Lê Trung Hưng hợp nhất quy chế Công phục và Triều phục, đồng thời phân chia rõ quy chế trang phục chầu vua và trang phục hầu chúa. Thứ ba, thời Lê Trung Hưng triều đình thường xuyên lục đục, nên khác với tính ổn định của trang phục thời Lê sơ, trang phục Thường triều của bá quan lúc này thường “không theo quy định” khiến triều đình nhiều lần phải quy định lại phẩm phục triều nghi. Vậy nên tại chương này, chúng tôi phân trang phục thời Lê làm hai phần: trang phục thời Lê sơ (1428-1527) và trang phục thời Lê Trung Hưng (1533-1789), chủ yếu phân biệt ở trang phục của vua chúa, quan lại và quân đội. Trang phục hậu cung và trang phục dân gian chúng tôi kết hợp viết chung tại phần khảo về trang phục Lê Trung Hưng.

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục - Triều phục

Sau khi vua Lê Thái Tông chuẩn y tấu nghị của Lương Đăng, từ tháng 11 năm 1437 triều đình quy định, “ngày Mậu Thân là Kế Thiên Thánh tiết, từ buổi sớm, vua yết Thái Miếu, hành lễ tú bái (bốn lạy), khi về cung, Lỗ bộ ty bày đặt nghi trượng, lỗ bộ ở sân Dan Trì, vua mặc Triều phục Cổn Miện, ngự ở điện Hội Anh, Đại đô đốc Lê Ngân cùng bá quan mặc Triều phục, làm lễ đăng biểu chúc mừng. Vua mặc Cổn Miện, bá quan mặc Triều phục bắt đầu từ đây.”⁽¹⁾ Theo Phan Huy Chú, “Miện phục của thiên tử từ thời Lý Trần trở về trước không thể khảo được [...] Miện phục



Mũ Miện 12 lưu của thiên tử nhà Chu, dây hoành buộc cổ màu son.

1. (Việt) Toàn thư. Nguyên văn: 戊申，繼天聖節。是日早，帝謁太廟，行賜拜禮，還宮鹵簿司盛設鹵簿儀仗於丹墀，帝御裘冕朝服，御會英殿，大都督黎銀出百官著朝服，行進慶下表禮。帝御裘冕，百官著朝服自此始。



Cổn Miện của vua Triều Tiên Thuân Tông. (Trang phục của chúng ta).

của các triều đại ở nước ta không có dấu tích, đến thời vua Lê Thái Tông mới chế ra mũ Miện, đời sau lại không sử dụng nữa. Từ thời Lê Trung Hưng về sau, vào các dịp đại lễ, hoàng đế chỉ đội mũ Xung Thiên.”⁽¹⁾ Như vậy, quy chế Cổn Miện dành cho thiên tử nhà Lê từ thời Trung Hưng về sau bị phế bỏ. Tuy nhiên, các đời vua Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông thời Lê sơ vẫn vẫn duy trì loại Lễ phục sang trọng bậc nhất này, dù cách nói của Phan Huy Chú có phần mập mờ, không minh xác.

Trên thực tế, nhà Hồ đã định ra quy chế Cổn Miện, song theo ghi chép của *Loại chí* thì nhà Lê sơ không kế thừa được quy chế Lễ phục này của nhà Hồ. Vậy nên việc vua Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông trong đại lễ lên ngôi mặc loại Lễ phục nào, hiện chưa thể khảo được. Sau khi phục quốc, Lê Lợi đã lên ngôi vua, có điều do vấn đề thời gian và tư liệu nên phải đến thời vua Lê Thái Tông, quy chế Cổn Miện dành cho thiên tử phương Nam mới được đặt định. *Toàn thư* ghi nhận, ngày 12 tháng 11 năm 1483, vua Lê Thánh Tông đã đề vào bản thảo bài tựa cuốn *Thiên Nam dư hạ tập* của Đại học sĩ Thân Nhân Trung rằng: “Vải dệt lông chuột lửa/ To ngũ sắc tằm băng/ Lại tìm tay vô địch/ Cắt may áo Cổn long”⁽²⁾. Tấm bia *Đại Việt Lam Sơn Dụ lăng bi* lại cho biết trong lễ cày ruộng Tịch điền, vua Lê Hiến Tông mặc áo Cổn, đội mũ Miện có dây hoàng màu đỏ son (*Để tại Tịch điền/ Chu hoàng Cổn Miện*). Vậy thì ít nhất đến thời vua Hiến Tông, trang phục Cổn Miện vẫn được duy trì làm Lễ phục – Triều phục của đế vương.

Ngoài ra, trong thời gian trị vì của vua Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông, chúng ta đều thấy các vị vua Đại Việt này lần lượt phái sứ thần sang nhà Minh xin ban Cổn Miện, trên thực tế nhằm “hợp pháp hóa” quy chế Cổn Miện và đòi hỏi sự công nhận của vua Minh với tư cách

1. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Quan gia quan phục chi chế. Nguyễn văn: 按李陳以前，天子冕服不可復考，見於史者，惟此二條[...]我國歷代冕服無徵，至黎太宗始制冕，其後竟不復行。中興以來，皇上御大禮，惟服衝天冠。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 帝題大學士申仁忠天南餘暇集序藁云“火鼠千端布，冰蠶五色絲，更求無敵手，裁作袞龍衣”

là vua nước Nam. Song trái với mong chờ của vua quan triều Lê, vua Minh từ đầu chí cuối đều không bằng lòng để vua nước Việt mặc Cổn Miện. Bởi theo quan niệm của nhà Minh, trước sự “thần phục thiếu chân thành” của vua tôi nước Việt, vua Việt trên danh nghĩa là vương, nhưng thực chất là bět tōi của Trung Quốc, bị coi ngang hàng với quan nhất, nhị phẩm của nhà Minh. Cách đối đãi như vậy khác hẳn tình cảm đặc biệt của vua Minh dành cho vua Triều Tiên, khi năm 1403 vua Minh ban cho vua Triều Tiên Cổn Miện 9 lưu 9 chương, năm 1450 tiếp tục ban cho Thế tử Triều Tiên Cổn Miện 8 lưu 7 chương⁽¹⁾. Tại Triều Tiên, Cổn Miện chỉ được áp dụng làm lễ phục vua mặc khi lên ngôi, ngày mồng một Tết và khi đón sứ Trung Quốc. Trước khi trở thành Đại Hàn đế quốc vào năm 1897, Triều Tiên không tách rời một cách độc lập như Việt Nam.

Đối chiếu ghi chép của *Toàn thư* với *Minh thực lục*, *Minh sử*, ta được biết: tháng 10 năm 1441, vua Lê Nhân Tông sai sứ thần sang nhà Minh tuế cống, đại thần Lê Thận phụ trách việc “xin áo mũ”⁽²⁾; năm 1442, khi sứ thần nước An Nam Lê Thận từ biệt vua Minh, vua Minh lệnh cấp trang phục Bì Biền, áo dệt vàng về ban cho quốc vương⁽³⁾. Năm 1456, vua Lê Nhân Tông tiếp tục phái sứ thần sang nhà Minh tuế cống đồng thời “cảm ơn (xin) ban Cổn Miện”⁽⁴⁾. *Minh thực lục* ghi lại sự việc



Đại Việt Lam sơn Dụ lăng bi (Lăng vua Lê Hiến Tông, Lam Kinh, Thanh Hóa).

“Mục mục Hiến Tông, tư tập tiền công [...] Để tại Tịch điền, chu hoằng Cổn Miện”.

1. (Hàn) Quốc triều ngũ lỗ nghi - Tự lệ nhất. Tr.112, 116.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 冬十月，遣使如明，內密院副使阮日僉、知內密院副使阮有光、僉知密刑院陶孟珙歲貢，黎春求冠服

3. (Trung) *Minh thực lục* - Anh Tông thực lục - Q.90. Mục tháng 3 năm Chính Thông thứ 7. Nguyễn văn: 安南國使臣黎春陞辭，命賚敕并皮弁冠服、金織襲衣等物歸賜其國王黎麟

4. (Việt) *Toàn thư*. Nguyễn văn: 冬十月二十五日遣陪臣黎文老阮建美阮居道鄧惠連如明歲貢並謝賜袞冕。 Các bản dịch Việt văn đều dịch thiếu từ “Cổn Miện”. Tuy nhiên, cách nói “cảm ơn ban Cổn Miện” của sứ quan nhà Lê đã khiến sứ thần nhà Nguyễn hiểu lầm, cho rằng “bấy giờ sứ Minh đến ban Cổn Miện, (vua) bèn sai bọn Trung thư lang Nguyễn Đình Mỹ sang Minh tuế cống, bái tạ việc ban y phục.” (Cương mục. Q.18. Nguyễn văn: 冬十月遣使如明，辰明使來給袞冕，遂遣中書侍郎阮廷美等如明歲貢，拜謝賜服)

này cho biết: “*Quốc vương An Nam Lê Tuân* (chỉ vua Lê Nhân Tông) tâu: ‘Đại on triều đình phong cho tước vương, thần vâng mệnh của triều đình đã hon mười năm. Cúi mong ban cho thần Cổn Miện, giống như lệ của quốc vương Triều Tiên’. Vua không cho.”⁽¹⁾ Việc sai sứ sang Minh xin Cổn Miện vẫn tiếp tục được thực hiện vào thời vua Thánh Tông và vua Hiến Tông. Tháng 12 năm 1462, vua Lê Thánh Tông sai sứ thần sang nhà Minh tuế cống đồng thời xin ban cho áo mũ⁽²⁾, lần này, vua Minh “*ban cho Quốc vương An Nam Lê Hạo một bộ trang phục Bì Biền, một bộ thường phục bằng là đỏ, mũ Ô Sa, đai sừng tê* (trang phục quan văn nhị phẩm theo như quy chế của nhà Minh - TQĐ chú) *mỗi thứ một chiếc. Bởi Hạo sai bồi thần xin trang phục Cổn Miện, vua không cho nên ban nhu vậy.*”⁽³⁾ Minh sử ghi nhận: “*Hạo sai sứ sang cống, nhân tiện xin trang phục Cổn Miện, vua không cho, chỉ ban trang phục Bì Biền, mũ Ô Sa, đai sừng tê [...] Năm Hoằng Trị thứ 10, Hạo chết [...] con là Huy kế vị [...] sai sứ sang cáo phó [...] Vua ban cho Huy trang phục Bì Biền, đai sừng tê dát vàng. Sứ thần An Nam nói, quốc chủ được phong vương, trang phục được ban tặng không khác gì trang phục của bề tôi, xin ban cho trang phục khác. Quan bộ Lễ nói: ‘An Nam trên danh nghĩa là vương, thực chất là bê tôi của Trung Quốc. Vua kế vị mới lập, ắt phải ban cho trang phục Bì Biền, để khiến cho không mất sự tôn nghiêm làm chúa tể một nước; lại ban cho Thường phục nhất phẩm, để không quên cái nghĩa bê tôi thờ Trung Quốc. Nay xin như vậy là làm loạn quy chế của triều đình, không thể chấp thuận được. Song những lời này không phải là tội của sứ thần, mà là lời tấu láo leu của kẻ thông sự, phải trùng trị’.* Song vua đặc biệt tha cho.”⁽⁴⁾

Như vậy, sau nhiều lần xin trang phục Cổn Miện, nhà Minh chỉ ban tặng vua Lê trang phục Bì Biền, một loại Lễ phục của vua, hoàng tử, thân vương nhà Minh sử dụng trong những dịp lễ nhỏ. Đương thời, vua Lưu

1. (Trung) *Minh thực lục* - Anh Tông thực lục - Q.279. Mục tháng 6 năm Thiên Thuận nguyên niên. Nguyên văn: 安南國王黎浚奏：“欽蒙朝廷封以王爵，臣祇承朝命已十餘年。伏望賜臣袞冕，依朝鮮國王例”，上不從

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十二月遣陪臣黎文顯、黃文午、謝子顥等如明歲貢并求賜冠服

3. (Trung) *Minh thực lục* - Hiển Tông thực lục - Q.3. Mục năm Thiên Thuận thứ 6. Nguyên văn: 賦安南國王黎灝皮弁冠服一襲、紅羅常服一襲、紗帽、犀帶各一。因灝遣陪臣請冕服，上不允，而有是賜

4. (Trung) *Minh sử* - Q.321 - An Nam truyện. Nguyên văn: 灝謹使來貢，因請冕服，不從，但賜皮弁冠服及紗帽犀帶[…]（弘治）十年，灝卒[…]子暉繼[…]謹使告訃[…]錄賜暉皮弁服、金犀帶。其使臣言，國主受王封，賜服與臣下無別，乞改賜。禮官言：“安南名為王，實中國臣也。嗣王新立，必賜皮弁冠服，使不失主宰一國之尊；又賜一品常服，俾不忘臣事中國之義。今所請，紊亂朝制，不可許。然此非使臣罪，乃通事者導之妄奏，宜懲”。帝特宥之

Cầu và vua Triều Tiên cũng đều được nhà Minh ban tặng loại Lễ phục Bì Biền, riêng vua Lưu Cầu còn sử dụng Bì Biền làm Triều phục. Tuy nhiên, qua tư liệu văn tự và tranh tượng thời Lê hiện còn, chúng ta không thấy các vị vua thời Lê sơ sử dụng loại Lễ phục do vua Minh ban tặng. Kết hợp những thông tin trên với ghi chép của *Toàn thư* và *Đại Việt Lam Son Dụ lǎng bi*, nhiều khả năng các vua Nhân Tông, Thánh Tông, Hiến Tông vẫn sử dụng trang phục Cổn Miện, kế thừa quy chế của vua Lê Thái Tông. Có điều xuất phát từ tâm lý không thua Trung Quốc, các vua Lê sơ vẫn luôn quan tâm đến điển chương chế độ của nhà Minh. Như năm 1502, Ngự sử Quách Hữu Nghiêm đã lén mua một chiếc áo Long Cổn, là hàng cấm của nhà Minh, nhân khi đi sứ.⁽¹⁾ Việc làm “tày trời” này không thể nào xuất phát từ bản ý của Quách Hữu Nghiêm mà chắc chắn có sự sai khiến ngầm của vua Lê Hiến Tông. Ở đây cần nói thêm rằng, thời kỳ đầu nhà Minh chỉ có một loại áo Long Cổn, xét từ kiểu dáng đến trang sức, phần lớn tuân theo chế độ cổ thời Hán - Đường; tuy nhiên sau này, nhà Minh đã hợp nhất Long Cổn với Long Bảo, chế ra loại áo Cổn hoàn toàn mới. Chúng tôi ngờ rằng, chiếc áo Long Cổn mà Ngự sử Quách Hữu Nghiêm lén mua về Đại Việt chính là loại Long Cổn “tân chế” của vua Minh.



1. Triều Tiên Thé Tông mặc Long bào; 2. Cung Hiển vương Lý Trinh nhà Minh mặc Cổn Miện theo quy chế cổ; 3. Hưng Hiển đế triều Minh mặc Long Cổn kiêu mới; 4. Lưu Cầu Thượng Trinh vương mặc trang phục Bì Biền

2. Thường phục

a. Xung Thiên 衝天冠

Theo sự đ訂 định của Lỗ bộ ty đồng giám Lương Đăng, từ năm 1437,

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 時明國皇后見我國使至，差官收取函箱，領入內殿，討取異香。郭有嚴原有所買龍袞禁物，貯在箱內，恐明國檢得責之，乃作戒本部榜文收取異香上進

"mồng một, ngày rằm vua mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, ngồi lên Bảo tọa, bá quan đều mặc Công phục Phốc Đầu. Vào các buổi Thường triều, hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên ngồi lên Kim đài, bá quan mặc Thường phục áo cổ tròn, mũ Ô Sa."⁽¹⁾. Vào thời kỳ này, khái niệm Công phục đã có sự phân biệt với khái niệm Thường phục. Đối với các vị vua thời Lê sơ, bất kể ngày rằm, mồng một hay các buổi Thường triều, các ông đều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào.



Mũ Dực Thiện của vua Triều Tiên; Mũ Xung Thiên Việt Nam (thờ tại đình Nhật Lê, Hà Nội. Cố vật Thăng Long Hà Nội); Mũ Dực Thiện của vua Minh (Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh).

Phan Huy Chú định nghĩa mũ Xung Thiên tức mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trên, nên gọi là Xung Thiên.⁽²⁾ Theo quy chế của nhà Minh và Triều Tiên, loại mũ Thường triều của vua là mũ Dực Thiện, cũng có hai cánh chuồn hướng lên trời, song hầu hết là những chiếc mũ tròn, không có trang sức. Riêng vua Minh ngoài mũ tròn còn có loại mũ được súc trang sức hình rồng vàng, hoa vàng, bắc son vàng. Qua khảo sát một số pho tượng và mũ thờ có kiểu dáng Xung Thiên, chủ yếu là sản phẩm thế kỷ XVIII, XIX, có thể nhận thấy tuyệt đại đa số các loại mũ này đều được đính vô số trang sức và có dạng thức tương tự như nhau. Mũ thờ thường có xu hướng phúc hóa, khoa trương nên không thể coi là loại mũ tả thực. Song chúng tôi cho rằng việc súc trang sức vàng bạc lên mũ dường như đã trở thành truyền thống của các triều đại Việt nam, nên nhiều khả năng loại mũ Xung Thiên của các vị vua thời Lê sơ cũng được đính một số trang sức bằng vàng nhất định.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 初一日、十五日則皇帝御皇袍衝天冠升寶座，百官具公服幞頭，常朝皇帝御黃袍衝天冠升金臺，百官著常服圓領烏紗帽。

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Quan gia quan phục chi ché. Nguyên văn: 衝天即幞頭也，惟兩翊向上，謂之衝天



1. Mũ thờ tại đình Nội Xá, Ứng Hòa; 2. Mũ Xung Thiên (*Kỹ thuật của người An Nam*); 3. Mũ thờ tại đình Đan Phượng, Hà Nội; 4. Mũ thờ thời Lê Trịnh (*Trang phục triều Lê Trịnh*); 5. Mũ thờ thời Nguyễn (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 6. Vua Lê Thánh Tông (chùa Huy Văn, Hà Nội); 7. Vua Triều Tiên Thái Tổ; 8. Vua Minh Nhân Tông; 9. Vua Lê Thần Tông (Chùa Mật. *Điêu khắc cổ Việt Nam*); 10. Vua Triều Tiên Anh Tông; 11. Vua Minh Thần Tông.

b. Hoàng bào

Chi Nam ngọc âm định nghĩa: "Hoàng bào Tống tổ mặt phong ma vàng. Đoàn lĩnh, áo chầu đỉnh đang."⁽¹⁾ Áo bào dùng khi thiết triều đại

1. (Việt) *Chi Nam ngọc âm* giải nghĩa. Tr.118.



Hoa văn rồng ô thời Lê sơ (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam)

Toàn thư và *Loại chí* đều ghi nhận vào thời Lê sơ, khác với bá quan, trang phục của vua không phân biệt Công phục hay Thường phục, vào các buổi Thường triều ngày mồng 5, 10, 20, 25 cho đến ngày rằm và mồng một, vua Lê đều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào. Cho đến nay, ngành khảo cổ mới chỉ phát hiện được hiện vật Long bào (Hoàng bào) của vua Lê Dụ Tông, tuy nhiên dạng thức và bố cục hoa văn thêu trên những tấm Long bào này mang nặng ảnh hưởng kiểu cách Bào phục của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh, có lẽ được định sau khi Tham tụng Nguyễn Công Hῆn đi sứ nhà Thanh năm 1720. Vì vậy không thể coi Long bào của vua Lê Dụ Tông là loại Long bào tiêu biểu của triều Lê. Chúng tôi cho rằng, vào thời Lê sơ, Long bào của vua Lê vẫn là dạng Long bào thêu hoa văn rồng ô ở hai vai và vùng bụng. Kiểu cách này chúng ta vẫn có thể thấy qua tượng Yên Quận công chùa Sổ, tranh chân dung Tả Thái tử Trịnh Đinh Kiên (nhà thờ họ Trịnh tại Thành Công, Hà Nội).



Tượng Yên quận công chùa Sổ (*Cố vật Thăng Long Hà Nội*); Tả Thái tử Trịnh Đinh Kiên (nhà thờ họ Trịnh tại Thành Công, Hà Nội).

đa số là loại áo đoàn lĩnh, (còn có tên viên lĩnh, cổ kiêng⁽¹⁾), thung tay, bên trong mặc lót áo giao lĩnh. Trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê, Nguyễn, dạng áo này hầu như không bị thay đổi về kiểu cách. Bào phục của các triều đại chủ yếu được phân biệt ở kiểu dáng hoa văn và bố cục hoa văn súc trên áo.

bào, Giao bào Triều phục của các quan tú, ngũ phẩm triều Nguyễn. Đối chiếu hoa văn rồng thời Lê sơ, rồng thời Lý - Trần và hoa văn rồng Trung Quốc đầu thời Minh, có thể thấy rồng Việt Nam thời Lê sơ vẫn kế thừa và phát triển từ kiểu dáng rồng Lý - Trần, đồng thời cũng chịu sự ảnh hưởng nhất định từ kiểu dáng rồng của Trung Quốc đầu thời Minh.



Phục dựng mũ Xung Thiên và Hoàng bào thời Lê sơ (Tranh: TQĐ).

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Năm 1429, sau khi thống nhất đất nước, vua Lê Thái Tổ đặc ban cho “các chúc quan võ từ thượng tướng túc trí tự trở lên, quan văn từ nhập nội đại hành khiển túc quan phục hầu trở lên đều được mặc áo bào đỏ.”⁽¹⁾ Đây cũng chính là phong thức ban thưởng “Tứ Phủ” các vua Lý - Trần vẫn thường áp dụng để khen thưởng công thần. Tuy nhiên, theo quy chế thời Trần - Hồ, chỉ có các quan nhị phẩm mới được mặc áo bào đỏ, vậy nên năm 1437, vua Lê Thái Tông cho rằng “các quan tam

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 五月，旨揮係：文武職官，武自上將爵智字著服侯以上並聽服紺，文自入內大行遣冠服侯以上亦聽服紺



1. Rồng thời Lý (Hoàng thành); 2. Rồng thời Tông (Cẩm tú văn chương); 3. Rồng thời Lê sơ (Bản rập họa tiết mỹ thuật cổ Việt Nam); 4. Rồng thời Minh sơ trên Long bào của vua Minh Thành Tổ; 5. Rồng thời Lê sơ (Bảo tàng Lịch sử); 6. Rồng thời Minh sơ trên Măng bào của Vua Ngao.

Cáo miếu, Thánh tiết, mồng một Tết Nguyên Đán thì áp dụng lễ Đại triều, hoàng đế mặc Cổn Miện, lên ngôi ngai báu, bá quan đều mặc Triều phục; còn như mồng một và ngày rằm thì hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, lên ngôi Bảo tọa, bá quan đều mặc Công phục Phốc Đầu. Thường triều hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Xung Thiên, lên ngôi Kim đài, bá quan đều mặc Thường phục áo cổ tròn, mũ Ô Sa [...]”⁽²⁾

Theo quy chế này, Triều phục được quy định là loại trang phục mặc trong lễ tế Giao, Cáo miếu, Thánh tiết, mồng một Tết Nguyên Đán, chỉ trang phục Lương Quan kết hợp với Chu phục, vốn là quy chế có từ thời Tống, bị phế bỏ vào thời Nguyên. Công phục là trang phục mặc vào ngày

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 帝以三品官著紅色衣不合古制，欲命以青衣易之。大司徒黎察曰：先帝開基創業，意欲別其尊卑以表功臣，其制既定，豈宜更改？從之

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 夫禮有大朝、常朝，如郊天、告廟、聖節、正旦則行大朝禮，皇帝服袞冕，升寶座，百官具朝服朝冠。如初一日、十五日則皇帝御皇袍衝天冠升寶座，百官具公服幞頭，常朝皇帝御黃袍衝天冠升金臺，百官著常服圓領烏紗帽[...]書奏，帝又命登定之[...]帝從登議，卒行之

phẩm mặc áo màu đỏ không hợp với chế độ cổ, muốn hạ lệnh đổi thành áo màu xanh. Đại tư mã Lê Sát nói: ‘Tiên Đế gây nền dựng nghiệp, ý muốn phân biệt tôn ti để biểu dương công thần, chế độ ấy đã định, há nên thay đổi?’” Vua Lê Thái Tông đành nghe theo.⁽¹⁾ Trong những năm 1434 đến 1437, triều đình Lê sơ lần lượt quy định bá quan vẫn võ nhất loạt đội mũ Cao Sơn. Đến giữa năm 1437, vua Lê Thái Tông lệnh cho Nguyễn Trãi và Lương Đăng đặt định lại chế độ quan phục. Kể từ đây, một phần quy chế áo mũ của nhà Minh được áp dụng vào triều đình Đại Việt, làm tiền đề cho những đợt sao phỏng Minh chế diễn ra dưới thời vua Lê Thánh Tông và các triều vua Lê, Nguyễn về sau.

Theo quy chế mới: “*Lễ có Đại triều và Thường triều. Như lễ tế Giao,*

mồng một và ngày rằm, chỉ trang phục mũ Phốc Đầu kết hợp với Bào phục (phẩm cấp được phân biệt bởi màu sắc áo bào). Thường phục là trang phục mặc vào những buổi Thường triều ngày 5, 10, 20, 25, chỉ trang phục mũ Ô Sa kết hợp với áo bào cổ tròn đính Bố tử (phẩm cấp được phân biệt ở hình thù trên viuang vải đính ở trước ngực và sau lưng). Tuy nhiên, từ năm 1500 trở về sau, khái niệm Công phục lại được hợp nhất với khái niệm Triều phục.

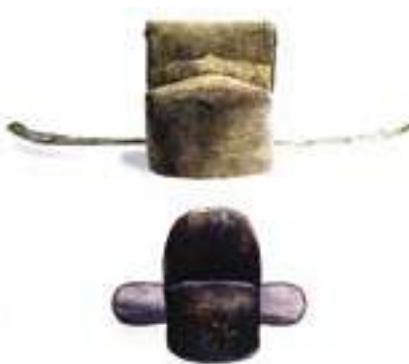
Tuy *Toàn thư* nhiều lần đề cập đến Triều phục dành cho bá quan nhà Lê sơ sau khi áp dụng chế độ quan phục của nhà Minh, song không hề đả động tới quy chế cụ thể của Lương quan Chu phục. Có điều, trong *Thập giới cõi hồn quốc ngũ vân*, vua Lê Thánh Tông đã nhắc đến mũ Diêu Thiền qua câu thơ: “*Có kẻ đội Diêu Thiền nhẫn mặt, có người vận Giải Trãi ngang ngang*” và trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ cũng đề cập tới chiếc mũ Giải Trãi của thân phụ mình, đồng thời hé lộ cho chúng ta biết vào thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng mũ Giải Trãi khác với mũ Phốc Đầu (*mũ Giải Trãi triều Nguyễn là mũ Phốc Đầu đính thêm hai chiếc sừng nhỏ trên trang sức Bác son*). Cứ liệu này khiến chúng tôi ngờ rằng, có thể vào triều Lê sơ, quy chế Lương quan (với ba loại mũ Tiến Hiền, Diêu Thiền, Giải Trãi) được tái du nhập làm Triều phục của bá quan nhà Lê, trước cải cách năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông. Riêng mũ Giải Trãi với kiểu dáng Lương quan vẫn được duy trì đến cuối thời Lê Trung Hưng.

1. Công phục - Triều phục

a. Phốc Đầu 槛頭冠

Như chúng tôi đã đề cập tại phần khảo về trang phục bá quan nhà Lý, năm 1059 là thời điểm mũ Phốc Đầu được chính thức áp dụng làm Thường phục cho bá quan Đại Việt. Quy chế này tiếp tục được áp dụng vào đầu thời Trần, bị phế bỏ vào năm 1300 sau cải cách trang phục Thường triều của vua Trần Anh Tông. Vào thời thuộc Minh, nhà Minh quy định quan lại và sinh viên Việt Nam nhất loạt sử dụng mũ Phốc Đầu có cánh chuồn dài phẳng. Sau khi phục quốc, triều đình Đại Việt dưới thời vua Lê Thái Tổ và nửa đầu thời vua Lê Thái Tông đã áp dụng mũ Cao Sơn của nhà Trần – Hồ làm trang phục Thường triều, phải đến năm 1437, sau tấu nghị của Thái giám Lương Đăng, mũ Phốc Đầu mới quay trở lại làm Công phục của bá quan.

Năm 1499, quy chế mũ Phốc Đầu của bá quan nhà Lê được quy định: “*Công phục Phốc Đầu của các tướng công, hầu, bá, phò mã và quan văn võ từ tam phẩm trở lên dùng cánh chuồn bằng sa đen, hơi dài và*



Mũ Phốc Đầu dáng vuông và mũ Ô Sa dáng tròn của nhà Minh (Không phủ).

Mũ Phốc Đầu và mũ Ô Sa

Từ nguyên mẫu mũ Phốc Đầu dáng vuông với hai cánh chuồn thuôn dài, nhà Minh chế ra loại mũ Ô Sa dáng tròn với hai cánh chuồn tròn ngắn. Mũ Ô Sa được dùng làm Thường phục, sử dụng trong những buổi Thường triều; mũ Phốc Đầu được dùng làm Công phục, sử dụng vào ngày rằm và mồng một.

mũ mới cho bá quan⁽²⁾. Lúc này, mũ Phốc Đầu được sử dụng làm Công phục kiêm Triều phục, đồng thời được quy định: “Các vị hoàng thân và các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, mũ Triều phục dùng mũ Phốc Đầu, hoàng thân trang sức vàng, văn võ trang sức bạc, phục sắc màu tía. Bổ tử thì hoàng thân và các vương công dùng Kỳ lân, quan văn nhất, nhị phẩm dùng Tiên hạc, quan võ dùng Sư tử, quan văn tam phẩm dùng Cẩm kê, quan võ tam phẩm dùng Bạch trạch. Dai thì dùng đai sừng tê, hoàng thân súc vàng, văn võ nhất, nhị phẩm súc bạc, tam phẩm súc đồi mồi bọc là đỏ. Tú phẩm đến ngũ phẩm, quan võ dùng nón bạc, quan văn dùng Phốc Đầu không trang sức, phục sắc màu lục. Bổ tử thì quan võ tú phẩm dùng Hổ, quan văn dùng Khổng tước, quan võ ngũ phẩm dùng Báo, quan văn dùng Văn nhạn. Dai thì quan văn võ đều dùng đai đồi mồi súc thau bọc là đỏ. Từ lục phẩm trở xuống, quan võ đội nón son, quan văn đội Phốc Đầu không trang sức, phục sắc màu xanh. Bổ tử thì quan võ dùng Tượng, quan văn dùng Bạch nhàn. Dai thì quan văn võ

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 詔自今，公侯伯駙馬文武三品以上公服幞頭，用黑紗翅，稍長大於文武官，不得用楊榮樣飾合翅。若百官仍舊樣。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十月，定冠帽制。令禮部備榜諸王公侯伯駙馬內外文武百官儒吏軍色民人等照所用冠服制樣遵行。

to hơn mũ của các quan văn võ khác, không được dùng trang sức Dương Dương, không được chập hai cánh lại. Bá quan (tù tam phẩm trở xuống) vẫn theo kiểu cũ.”⁽¹⁾ Nghĩa là từ năm 1437 đến năm 1499, bá quan nhà Lê đều đội mũ Phốc Đầu có cánh chuồn thuôn nhỏ, từ năm 1499 trở đi, cánh chuồn trên mũ Phốc Đầu của các tước công, hầu, bá, phò mã và các quan nhất, nhị, tam phẩm mới được điều chỉnh cho dài và to bản hơn. Bên cạnh đó, trong triều đã xuất hiện nhiều trường hợp tự ý dùng trang sức Dương Đường đính lên mũ.

Năm 1500, thời vua Lê Hiến Tông, triều đình định ra quy chế áo mũ mới cho bá quan⁽²⁾. Lúc này, mũ Phốc Đầu được sử dụng làm Công phục kiêm Triều phục, đồng thời được quy định: “Các vị hoàng thân và các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, mũ Triều phục dùng mũ Phốc Đầu, hoàng thân trang sức vàng, văn võ trang sức bạc, phục sắc màu tía. Bổ tử thì hoàng thân và các vương công dùng Kỳ lân, quan văn nhất, nhị phẩm dùng Tiên hạc, quan võ dùng Sư tử, quan văn tam phẩm dùng Cẩm kê, quan võ tam phẩm dùng Bạch trạch. Dai thì dùng đai sừng tê, hoàng thân súc vàng, văn võ nhất, nhị phẩm súc bạc, tam phẩm súc đồi mồi bọc là đỏ. Tú phẩm đến ngũ phẩm, quan võ dùng nón bạc, quan văn dùng Phốc Đầu không trang sức, phục sắc màu lục. Bổ tử thì quan võ tú phẩm dùng Hổ, quan văn dùng Khổng tước, quan võ ngũ phẩm dùng Báo, quan văn dùng Văn nhạn. Dai thì quan văn võ đều dùng đai đồi mồi súc thau bọc là đỏ. Từ lục phẩm trở xuống, quan võ đội nón son, quan văn đội Phốc Đầu không trang sức, phục sắc màu xanh. Bổ tử thì quan võ dùng Tượng, quan văn dùng Bạch nhàn. Dai thì quan văn võ

đều dùng đai tóc hương viền thau bọc đoạn thâm.”⁽¹⁾

Kết hợp sử liệu với tư liệu ảnh tượng thời Lê Trung Hưng, có thể suy đoán rằng, sau cải cách quan phục năm 1500, mũ Phốc Đầu đã chịu ảnh hưởng kiểu dáng của mũ Ô Sa. Cánh chuồn ở mũ Phốc Đầu lúc này trở nên tròn trịa và ngắn hơn trước. Tuy nhiên, hai dạng mũ Triều phục và Thường phục này vẫn có sự phân biệt rõ ràng, chủ yếu nằm ở hai điểm: 1. mũ Phốc Đầu làm bằng sa đen đính trang sức, mũ Ô Sa cũng làm bằng sa đen song chỉ là mũ tròn; 2. cánh chuồn ở mũ Phốc Đầu thuôn nhỏ, cánh chuồn ở mũ Ô Sa to ngắn.

b. Bào phục 袍服

Trước năm 1500, mũ Phốc Đầu được áp dụng làm Công phục, kết hợp với áo bào tròn. Phẩm trật của bá quan được phân biệt dựa trên sắc áo tương tự quy chế thời Lý, Trần, Hồ. Năm 1437, vua Lê Thánh Tông cho du nhập chế độ Bổ tử của nhà Minh, áp dụng làm trang phục Thường triều cho bá quan. Đến tháng 6 năm 1466, vua quy định phục sắc cho văn võ bá quan, lúc này các quan từ nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu đỏ, tú phẩm - ngũ phẩm mặc áo màu lục, còn lại đều mặc áo màu xanh⁽²⁾. Từ năm 1500 trở đi, mũ Phốc Đầu được quy định làm Triều phục, kết hợp với áo bào cổ tròn đính Bổ tử, thường gọi là Bào phục.

1. (Việt) *Lê triều hội điển*. Dẫn theo sách *Cương mục*. Nguyên văn: 皇親諸公及文武三品以上，朝官用幞頭，皇親金飾，文武銀飾，服用紫色；補子：皇親諸公用麒麟，一二品文用仙鶴、武用獅子，三品文用錦鷄、武用白澤；帶：用花犀角，皇親金飾，文武一二品銀飾，三品玳瑁銀飾包紅羅。四品至五品，冠：武用銀笠，文用幞頭無飾，服用綠色；補子：四品武用虎、文用孔雀，五品武用豹、文用雲鴈；帶：文武並用玳瑁銀飾包紅羅。六品以下，冠：武用朱笠、文用幞頭無飾，服用青色；補子：武用象、文用白鶲；帶：文武並用速香繞銀飾包烏緞。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 六月，定文武服色，自一品至三品著紅衣，四五品著綠衣，餘著青衣。





Quan văn và quan võ An Nam vẽ trong *Yên hành lục*
của sứ thần Triệu Tiên.

**BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ PHỤC SẮC CỦA BÁ QUAN
NHÀ MINH, TRIỀU TIÊN VÀ NHÀ LÊ**
(Theo *Minh sử*, *Triều Tiên vương triều thực lục* và
Toàn thư)

	Nhà Minh	Nhà Triều Tiên	Nhà Lê	
			Từ 1429 - 1466	Từ 1466 về sau
Nhất phẩm	Đỏ	Đỏ	Tía	Đỏ
Nhị phẩm	Đỏ	Đỏ	Đỏ	Đỏ
Tam phẩm	Đỏ	Xanh	Đỏ	Đỏ
Tú phẩm	Đỏ	Xanh	Lục	Lục
Ngũ phẩm	Xanh	Xanh	Biếc	Lục
Lục phẩm	Xanh	Xanh	Biếc	Xanh
Thất phẩm	Xanh	Lục	Biếc	Xanh
Bát phẩm	Lục	Lục	Xanh	Xanh
Cửu phẩm	Lục	Lục	Xanh	Xanh

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN ĐẠI VIỆT NĂM 1500

(theo *Cương mục*)

*"Hoàng thân đội mũ Phốc Đầu súc vàng, đai sùng tê súc vàng, Bổ tử Kỳ
lân, phục sắc màu tía."*

Phẩm cấp	Quan Văn				Quan Võ			
	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc
Nhất phẩm	Phốc Đầu súc bạc	Đai sùng tê súc bạc	Tiên hạc	ĐỎ	Phốc Đầu súc bạc	Đai sùng tê súc bạc	Sư tử	ĐỎ
Nhị phẩm	Phốc Đầu súc bạc	Đai sùng tê súc bạc	Tiên hạc	ĐỎ	Phốc Đầu súc bạc	Đai sùng tê súc bạc	Sư tử	ĐỎ
Tam phẩm	Phốc Đầu súc bạc	Đai đôi mồi súc bọc là đỏ	Cẩm kê	ĐỎ	Phốc Đầu súc bạc	Đai đôi mồi súc bọc là đỏ	Bạch trạch	ĐỎ
Tú phẩm	Phốc Đầu tron	Đai đôi mồi súc thau bọc là đỏ	Khổng tước	LỤC	Nón bạc	Đai đôi mồi súc thau bọc là đỏ	HỒ	LỤC
Ngũ phẩm	Phốc Đầu tron	Đai đôi mồi súc thau bọc là đỏ	Vân nhạn	LỤC	Nón bạc	Đai đôi mồi súc thau bọc là đỏ	BÁO	LỤC
Lục phẩm trở xuống	Phốc Đầu tron	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	Bạch nhàn	XANH	Nón son	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	TƯỢNG	XANH

2. Thường phục

a. Ô Sa 烏紗帽

Mũ Ô Sa là phiên bản dạng tròn của mũ Phốc Đầu, nhà Lê áp dụng làm trang phục Thường triều cho bá quan kể từ năm 1437. Bức họa chân dung Nguyễn Trãi hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, bức họa

quan An Nam thời Lê trong *Hoàng Thanh chúc cống đồ* và bức tranh quan Nghè vẽ trong *Những khu truyền giáo của cha Marini* đều thể hiện rõ loại mũ Ô Sa tròn theo quy chế của nhà Minh.



1. Quan Lưu Cầu (*Tranh Ogoe thời xa xưa*); 2. Chân dung Nguyễn Trãi, quan thời Lê sơ Việt Nam (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 3. Chân dung Từ Quang Khải, quan nhà Minh Trung Quốc; 4. Chân dung Trương Mật Tôn (Jang Mal Son) quan Triều Tiên (*mingyiguan*). Trong bài thơ *Tặng sứ thần Lưu Cầu*, Phùng Khắc Khoan viết: “Núi sông phong vực tuy khác biệt, áo mũ lẽ nhạc lại giống nhau” (山川封域雖云異, 禮樂衣冠是則同). Câu thơ không hẳn là sáo ngữ, mà phản ánh khá chân thực cục diện lễ nhạc áo mũ tương đồng giữa các nước Việt - Minh - Triều Tiên - Lưu Cầu khoảng thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII.

Ngày 26 tháng 5 năm 1486, vua Lê Thánh Tông quy định, “*kể từ nay, văn võ bá quan vào châu đội mũ Ô Sa, hai cánh nên nhất loạt hơi hướng về phía trước, không được tự ý để cánh chuồn phẳng hoặc lệch.*”⁽¹⁾ Loại mũ Ô Sa có hai cánh uốn cong về phía trước cũng chính là quy chế mũ Thường phục của bá quan Triều Tiên cùng thời.

b. Bổ phục 補服

Từ năm 1437 đến năm 1471, Thường phục của bá quan nhà Lê là mũ Ô Sa tròn kết hợp với áo bào đoàn lĩnh tron tương tự bá quan Triều Tiên trước năm 1454 tính từ thời điểm áp dụng quy chế Bổ tử (sớm hơn Việt Nam mười bảy năm). Quy định về phục sắc Thường phục Ô Sa tương tự phục sắc Công phục Phốc Đầu: nhất phẩm đến tam phẩm mặc áo màu đỏ, tứ phẩm - ngũ phẩm mặc áo màu lục, còn lại đều mặc áo màu xanh.



Mũ Ô Sa của quan Triều Tiên (Bảo tàng Folklore Seoul. Ảnh: TQĐ).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 定朝冠: 繼今文武百官進朝戴烏紗帽, 兩翅宜一體稍仄向前, 不得任意或平或仄

Tháng 9 nhuận năm 1471, vua Lê Thánh Tông chính thức áp dụng quy chế Thường phục Bổ tử của nhà Minh. Tháng 10 năm 1488, vua tiếp tục đặt ra quy định về kích cỡ áo bào Thường phục và Triều phục dành cho bá quan, theo quy chế mới, “*áo dài cách đất 2 tấc (khoảng 8cm), ống tay áo rộng 1 thước 3 tấc (khoảng 50cm).*”⁽¹⁾



Quan lại An Nam mặc Thường phục (năm 1751) qua 3 dị bản của *Hoàng Thanh chúc cống đồ*. 1. Bản dẫn theo *Yên Hành lục* (Hàn Quốc). 2. Bản dẫn theo *Hoàng Thanh chúc cống đồ*, ký hiệu 二 16. 22421 thư viện trường đại học Waseda (Nhật Bản). 3. Bản dẫn theo Tạp chí *Tứ Cẩm Thành* kỳ 131 tháng 4.2005 (Trung Quốc).

Bổ tử 補子 (Bổ: vá; Bổ tử: miếng vá): chỉ vuông vải thêu hình chim muông kết hợp với cổ cây, hoa lá, mây nước v.v. đính ở trước ngực và sau lưng áo bào, dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Quy chế này manh nha từ thời Nguyên và hoàn bị vào thời vua Minh Thái Tổ. Bổ tử của quan văn thêu hình chim, Bổ tử của quan võ thêu hình thú. Vì là vuông vải đính ở trước ngực và sau lưng, Bổ tử vốn có tên *Hung bối* 胸背 hoặc *Hoa dạng* 花樣. Thuật ngữ Hung bối được sử dụng phổ biến tại Triều Tiên và Trung Quốc trước thời Gia Tinh. Từ cuối thời Minh, thuật ngữ này bị thay thế bởi cách gọi Bổ tử. Qua lời dụ vào tháng 9 năm 1471, ta thấy vua Lê Thánh Tông cũng từng dùng từ Hung bối để chỉ Bổ tử. Chúng tôi tên gọi Hung bối là tên gọi sớm nhất, được sử dụng cả ở Việt Nam lẫn Trung Quốc và Triều Tiên.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 十月九日, 定進朝儀新樣衣服, 其製衣長去地二寸, 袖寬一尺三寸

Toàn Thư cho biết: Tháng 9 nhuận năm 1471, vua Lê Thánh Tông đặt định quy chế y phục Bổ tử. Vua ra chỉ dụ nói: “Triều đình là noi lê nhạc, y phục là vẻ điểm tô... Nước ta vỗ yên Khu Hạ⁽¹⁾, theo lê văn xưa, quan phục trên dưới, văn thêu chim, vỗ vẽ thú, từ xưa đã có chế độ... Nay quan viên bá tánh các ngươi, hãy nghe lời trãm, Hung bối trên quan phục của văn vỗ bá quan nhất nhất phải noi theo quy chế đã định. Nội trong trãm ngày, ai không theo quy định, sẽ giáng cấp trị tội!” Mùa đông tháng 10, vua ban các kiểu Hoa dạng Bổ tử, đều là các hình cầm thú màu sắc. Các tước công, hầu, bá, phò mã đều thêu một con; Các chức quan văn vỗ, chính phẩm thêu một con, tòng phẩm thêu hai con; ngự sử và đường thượng quan thêu một con, phân ty thêu hai con. Các hình mây nước, sông núi, cây hoa, nhiều hay ít, thưa hay rậm đều cho tùy ý chế tác, không câu nệ. Các kiểu màu sắc vàng, đỏ, trắng, biếc, lục đều cho được tùy nghi. Khi thêu cũng không bắt buộc tất cả đều dùng kim tuyến; như hoa văn mây nước, sông núi, cầm thú thêu kim tuyến cũng được.”⁽²⁾



Bổ tử Báo của quan võ Tam phẩm nước Triều Tiên, Hàn Quốc (Bảo tàng Cố Cung Quốc lập Seoul. Ảnh: TQĐ).

Sau lời dụ của vua Lê Thánh Tông, triều đình chắc hẳn đã ban bố một quy chế Bổ tử, quy định cụ thể hình chim muông ứng với từng cấp

1. Khu Hạ tức Hoa Hạ, Trung Hạ. Vua Lê Thánh Tông dùng từ này để chỉ Việt Nam.

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 朝廷乃禮樂之地，衣服為章彩之文[...]我國撫安區夏，稽古禮文，上下章服，文禽武獸，古有制矣[...]爾官員百姓等，其聽朕言，文武職官章服，胥背一循定制。百日之內，不依制者，降級治罪[...]冬十月，頒花樣補子畫圖，九禽獸色物。公、侯、伯、駙馬並畫一；文武正品畫一；從品畫二；風憲、堂上官畫一；分司畫二；雲河、山水、花木等件，繁夥多少，隨意制作，不拘泥。青、黃、赤、白、金、碧、綠等彩色官樣從宜。繡造亦不必一槧金線；如雲河，如山水、禽獸，用金線亦許。

bậc quan lại. Tuy nhiên, do sự thiếu khuyết sử liệu, hiện chúng ta chưa thể biết quy chế Bổ tử năm 1471 quy định cụ thể thế nào. Đối chiếu quy chế Bổ tử của nhà Minh và quy chế Bổ tử năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, có thể thấy sự phân biệt Hoa dạng Bổ tử của nhà Lê không kỹ lưỡng như quy chế của nhà Minh. Song, chiếu theo quy chế Triều phục năm 1500, có thể thấy triều đình vua Lê Hiến Tông đã **cho dùng hình tượng voi làm Bổ tử cho các quan võ từ lục phẩm trở xuống**. Đây chính là một sự “Việt hóa” trong quy chế Bổ tử, chỉ có ở Đại Việt triều Lê.

Về chất liệu áo bào, *Cương mục* cho biết, “các quan từ nhất, nhì phẩm trở lên dùng các hàng gấm vóc thêu hoa; từ tam phẩm đến ngũ phẩm dùng gấm vóc; từ lục phẩm trở xuống dùng gai, lĩnh. Mệnh phụ theo phẩm trật của chồng. Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển, con cháu quan viên đều dùng lĩnh, là. Dân gian đều dùng lĩnh, là, vải, lụa.”⁽¹⁾ Có điều, trang phục của bá quan vào mỗi mùa khác nhau lại được quy định khác nhau, như “từ tháng 10 trở đi, mặc áo là to gai, từ tháng 2 về sau, mới mặc áo the, nếu gặp ngày mưa gió, mặc áo bông the để hợp thời tiết.”⁽²⁾

Ngoài ra, bên cạnh một số quy chế áo mũ phỏng theo chế độ nhà Minh, các quy chế còn lại của nhà Lê vẫn noi theo chế độ cũ của thời Trần - Hồ. Trong khi nhà Minh phế bỏ quy chế Ngư đại vào thời vua Minh Thái Tổ, *Đại Việt thông sử* cho biết năm 1460, Lê Niệm vẫn được ban Kim Ngư đại. Từ năm 1460 trở về sau, chúng tôi không thấy sử liệu nào tiếp tục đề cập đến loại phục sức này. Như vậy có khả năng quy chế Ngư đại tới thời



Thẻ bài ngà của Thị Giang viện Triều Tiên. (Bảo tàng Cố cung Quốc lập Seoul).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 常服：一二品以上用錦繡花綵各色；三品至五品用錦繡各色；六品以下用綺綾各色。命婦各從夫品。監生、儒生、學生、生徒、吏典、官員子孫並用綾羅各色。民庶並用綾羅布帛各色。

2. (Việt) *Toàn thư*. Mục tháng 9 năm 1499. Nguyên văn: 公侯伯駙馬文武護衛等，繼今常朝衣服自十月以後著紵絲羅衣，二月以後方著紗衣，如遇風雨日著紗綿布衣，以順時候。

vua Lê Thánh Tông mới bị phế bỏ tại triều đình Đại Việt. Thay vào đó, năm 1467, vua Lê Thánh Tông quy định “các quan vào triều tham đều đeo the bài.”⁽¹⁾ Đây cũng là quy chế chung của nhà Minh và Triều Tiên.



Bố tú Kỳ lân. 1. Họa tiết Kỳ lân thời Lê Trung Hưng (*Bản ráp họa tiết Mỹ thuật cổ Việt Nam*); 2. Bố tú Việt Nam (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*); 3. Bố tú thời Minh (*Cẩm tú văn chương*); 4. Bố tú Triều Tiên (Bảo tàng Cố cung quốc lập Seoul. Ảnh: TQĐ); 5. Bố tú thời Thanh (*Thanh sử thông điển đồ lục*).

SO SÁNH QUY CHẾ BỐ TÚ CỦA NHÀ MINH NĂM 1391 VÀ QUY CHẾ BỐ TÚ CỦA NHÀ LÊ NĂM 1500 (theo *Minh sử* và *Cương mục*)

	Nhà Minh		Nhà Lê	
	Các tước công, hầu, bá, phò mã thêu hình Kỳ lân, Bạch trạch	Bố tú của hoàng thân và vương công thêu hình Kỳ lân	Quan văn	Quan võ
Nhất phẩm	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử
Nhị phẩm	Cẩm kê	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử
Tam phẩm	Khổng tước	Hổ báo	Cẩm kê	Bạch trạch
Tứ phẩm	Vân nhạn	Hổ báo	Khổng tước	Hổ
Ngũ phẩm	Bạch nhàn	Hùng bi	Vân nhạn	Báo
Lục phẩm	Lộ tư	Bưu	Tiên hạc	Tượng

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 勅旨朝參官帶牌

Thất phẩm	Khê xích	Bưu	Tiên hạc	Tượng
Bát phẩm	Hoàng ly	Tê nguu	Tiên hạc	Tượng
Cửu phẩm	Am thuần	Hải mā	Tiên hạc	Tượng
Vị nhập lưu	Luyện thước			



Nguyễn Trai đi giày Tích. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

và giày Tích trăng⁽²⁾ v.v. Giày Tích tại Trung Quốc thường dùng trong tế lễ và triều hội, cũng tức là Lễ phục. Loại giày này có hai lớp đế, lớp trên làm bằng gai hoặc da, lớp dưới làm bằng gỗ, để khi tế lễ nếu gặp trời mưa cũng không bị ướt⁽³⁾. Loại giày thể hiện trong bức phù điêu *Ngô thị gia bi* và bức tranh chân dung Nguyễn Trai chính là giày Tích.

1. Lê Quý Đôn toàn tập. Tập 3. *Đại Việt thông sử*. Tr.170.

2. Lê Quý Đôn toàn tập. Tập 3. *Đại Việt thông sử*. Tr.150.

3. Trung Quốc y quan phục sức đại từ điển. Tr.288.

III. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Sử gia thời Lê Trung Hưng cho biết, loại mũ Tú Phương Bình Đính đến đời bản triều khởi nghĩa vẫn còn dùng, đời sau cũng noi theo, chúng tổ trang phục quân đội thời Lê sơ vẫn kế thừa quân trang thời Trần - Hồ.

Giày Tích 鳥: Một trong những nội dung cải cách Thường phục năm 1396 của nhà Trần - Hồ là việc quy định bá quan từ lục phẩm trở lên nhất loạt đi giày Tích. Mặc dù tám năm sau, năm 1404, Hồ Hán Thương lại hạ lệnh phế bỏ loại giày này, song giày Tích vẫn tồn tại và được duy trì vào thời Lê sơ. *Đại Việt thông sử* mô tả Đinh Liệt “ung dung đi giày Tích đở.”⁽¹⁾ Phúc Vương Tranh (con thứ sáu của vua Thánh Tông) từng được vua Hiến Tông ban cho vải vóc

Từ sau năm 1437, cùng với cải cách trang phục của hoàng đế và bá quan, trang phục quân đội triều Lê cũng xuất hiện một số quy chế áo mũ, Giáp Trụ mới.

Năm 1469 và năm 1470, vua Lê Thánh Tông hạ lệnh cấm dân gian chế tạo và buôn bán các loại nón dùng trong quân đội như nón màu trắng ngà (phấn bạch sắc lạp), nón da (bì lạp), **nón Thủy ma**, **nón son son** (chu tất lạp), trong đó **nón Thủy ma**, **nón son son** là của thân quân túc trực bảo vệ cấm cung (túc vệ)⁽¹⁾. Như vậy vào thời Lê sơ, nón là loại quân trang được sử dụng khá rộng rãi, tương tự diện mạo quân trang thời Nguyễn về sau.

Theo quy chế năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, quan võ tú, ngũ phẩm đội **nón bạc**, quan võ lục phẩm trở xuống đội **nón son**. Năm 1509, vua Uy Mục “lấy Nguyễn Tông làm Phi vō ty Đô phi Võ lực sĩ nội sú túc trực ở cung Đoan Khang đội mũ bạc, cánh phượng bằng vàng, đuôi hồng mao như Đô lực sĩ túc trực ở điện Kim Quang; lấy Nguyễn Công Luận làm

Phi vō ty Phi vō lực sĩ nội sú, đội mũ Thủy ngân, đuôi hồng mao. Đặt chức ngự tượng giám và ngự mã giám. Ngự tượng đói đao nội sú đội mũ Thủy ngân, hoa quỳ vàng. Ngự mã đội mũ Thủy ngân, hoa quỳ đỏ.”⁽²⁾ Năm 1510, vua Tương Dực lên ngôi, “hạ chiếu đặt hai vệ quân Thiên Võ và Thánh Uy, chức ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô, kiểu mũ dùng mũ son có cánh phượng đỏ bằng vàng.”⁽³⁾ Theo ghi chép trên, vệ sĩ, võ sĩ, đô lực sĩ ở các vệ cấm quân đều đội mũ bạc, có thể có những trang sức như ngù lông đỏ, hoa quỳ vàng, hoa quỳ đỏ gắn trên trán và tai mũ. Riêng kiểu mũ của Đô lực sĩ và Phi vō ty Phi vō



Tượng thời Lê sơ mặc Giáp Trụ (Bảo tàng Mỹ thuật).

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 四月初九，禁造賣粉白色笠。又十二月，禁市肆民間賣水磨笠、朱漆笠。上諭天下官員百姓等：甲冑之屬，所以壯軍容。如水磨笠、朱漆笠，乃親軍所戴以宿衛。今市肆民間多有鬻賣，宜禁止之。又1470年春正月禁假造皮笠。

2. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 是時，新置內臣，有飛武司力士內使，以阮鏗為飛武司飛武力士內使直端康宮如都力士直金光殿，著銀帽，金鳳翅，有紅毛尾。以阮公論為飛武司飛武力士內使，著水銀帽，有紅尾，設御象監、御馬監，御象帶刀內使著水銀帽畫金葵花，御馬著水銀帽紅葵花。

3. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 四月，詔置天武、聖威二衛，在錦衣、金吾之上，其制帽樣用朱帽，有金紅鳳翅。Kim phượng xí, kim hồng phượng xí được dịch là “cánh mũ thêu phượng vàng”, “cánh nạm vàng, thêu phượng đỏ”, đều không chính xác.

lực sĩ, vệ quân Thiên Võ, Thánh Uy đều gắn “cánh phượng bằng vàng”, một vật trang sức tựa cánh chim gắn ở hai bên tai mũ, phỏng theo loại mũ Phượng Xí (cánh phượng) có từ thời Đường và thịnh hành vào thời Minh tại Trung Quốc. Vào thời vua Tương Dực, từng xảy ra vụ việc Đô lực sĩ Hồ Bá phải chịu tội chết vì đã bẻ hai cánh phượng vàng giấu đi dù trước đó ông đã giết giặc lập công⁽¹⁾. Ngoài ra, loại cánh phượng bằng vàng dành riêng cho vệ quân Thiên Võ và Thánh Uy còn được quết ra ngoài một lớp son đỏ, gọi là “kim hồng phượng xí”, chúng ta hiện còn có thể thấy sự hiện diện của loại cánh phượng này qua tranh Kim Cương có niên đại thế kỷ XVIII.



Tranh Kim Cương thời Lê Trung Hưng (*Tranh cő Việt Nam*); Mũ Phượng xí (*Tam tài đồ hội*); Phù diêu tại mộ Phùng Huy cuối thời Đường (*mingyiguan*).

PHỤ KHẢO

TRANG PHỤC NHÀ MẠC (1527-1592)

Với sự cai trị của các ông “vua quý” Lê Uy Mục và “vua lợn” Lê Tương Dực, nhà Lê sơ sụp đổ sau 100 năm trị vì. Tháng 6 năm 1527,

1. (Việt) *Toàn thư*. Năm 1511. Nguyên văn: 斬胡把於延興坊，先是都力士胡把擊賊去回，折金鳳翅藏之及賊平斬之

quyền thần Mạc Đăng Dung phế truất vị vua cuối cùng của triều Lê sơ, tự xưng hoàng đế. Triều đình nhà Mạc chính thức trải năm đời vua, tổng cộng 66 năm. Trong đó, quang thời gian trị vì của vua Thái Tổ Mạc Đăng Dung, Thái Tông Mạc Đăng Doanh có thể coi là thời kỳ đỉnh thịnh của nhà Mạc. Điển chương, chế độ của nhà Mạc về cơ bản được thiết lập trong giai đoạn này.

Ngay sau khi lên ngôi, Mạc Đăng Dung còn sory lòng người tướng nhớ nhà Lê xưa mà sinh biến, nên phàm việc gì cũng tuân thủ theo chế độ triều Lê.⁽¹⁾ Song khi đã thừa hưởng thái bình, ông cho rằng “chế độ nước nhà hoang phế, lỏng lẻo, muốn sửa sang chấn chỉnh lại, nên mệnh cho bọn Nguyễn Quốc Hiến khảo xét và đặt định chế độ quân binh, chế độ ruộng đất, chế độ bổng lộc [...] đại khái đều phỏng theo



Sứ thần nhà Minh đứng tại chính điện, người đứng đối diện được chú cột chữ Ngụy vương Mạc Đăng Dung. (*An Nam Lai uy đồ sách*).



Tượng hoàng thân nhà Mạc thờ tại chùa Diêm, Vạn An, Bắc Ninh (Ảnh: TQD); Tượng vua Mạc Đăng Dung thờ tại chùa Trà Phương (Hải Phòng); Tượng vua Mạc thờ tại chùa Ngo (Phúc Thọ). (Ảnh: Nguyễn Thị Dung).

1. (Việt) Cương mục - Q.27. Tr.16. Nguyên văn: 登庸恐人心懷舊生變，凡事遵守黎朝制度。

diễn lệ thời Hồng Đức.”⁽¹⁾ Dựa vào tư liệu tranh tượng hiện còn, đối chiếu với ghi nhận của Toàn thư, có thể thấy chế độ áo mũ của bá quan nhà Mạc về cơ bản vẫn noi theo chế độ quan phục được xác lập từ thời Lê Thánh Tông. Riêng trang phục của vua Mạc thể hiện trên các pho tượng thờ có khá nhiều điểm đặc biệt cần lưu ý.

Qua khảo sát một số pho tượng thờ vua Mạc tại chùa Trà Phương, chùa Phúc Hải, chùa Trung Hành, chùa Hoa Niêu, chùa Nhân Trai, chùa An Hưng tại Hải Phòng⁽²⁾, chùa Ngo tại Phúc Thọ - Hà Nội, chùa Võ Cường tại Bắc Ninh, có thể thấy các pho tượng vua Mạc nhìn chung mang hai kiểu mũ áo phổ biến sau:

1. Mũ hình trụ, đỉnh bằng, mặt trước mũ chạm nổi chữ Vương 王, riêng tượng chùa Phúc Hải, chùa Phúc Linh và chùa Võ Cường, phía trên mũ còn có miện bǎn. Các pho tượng này đều mặc áo đoàn lĩnh cổ tròn, phía trong mặc lót áo giao lĩnh, từ úc trở xuống thắt một dải phục súc tương tự như tết chồng lên ba lớp, buông dài xuống chân. Đây có thể là Lễ phục của vua nhà Mạc.

2. Mũ dạng ống, tương tự mũ Thông Thiên với những nếp gấp thẳng, được đính các hạt ngọc châu, tại vị trí trán mũ có trang sức hình chim đang cánh trong tư thế bay chúc đầu thay vì trang sức Bác sơn (Tam sơn) như ở tượng chùa Trịnh Sâm chùa Kim Liên, Hà Nội. Loại mũ dạng ống đính trang sức chữ Vương và hình chim bay chúc đầu đều là các loại mũ đặc trưng của tượng thời Mạc. Riêng trang sức chim đang cánh chúc đầu đính trên trán mũ hết sức gần gũi với loại mũ Hạt Quan của quan võ nhà Hán - Đường (*Khang Hy tự điển* cho biết:

“Hạt là loài chim giống chim trĩ [...] nếu bị xâm phạm, sẽ lao thẳng vào chiến đấu,



Hình tượng Mạc Đăng Dung khi đón và khi tiễn sứ Minh. (*An Nam Lai uy đồ sách*).

1. (Việt) Cương mục - Q.27. Tr.18-19. Nguyên văn: 登庸以承平之後制度廢弛，欲張振作之，乃命阮國憲等考定兵制、田制、祿制[...]大槩均倣依洪德典例。

2. Xin xem *Tượng cổ Việt Nam với truyền thống diệu khắc dân tộc*. Tr.258.

*dẫu chết chẳng từ. Hậu Hán – Dư phục chí viết: Quân Hổ Bôn đều đội Hạt quan”⁽¹⁾ , dù tính tới thời điểm hiện nay chúng tôi vẫn chưa thể khẳng định được mối quan hệ này⁽²⁾. Ngoài ra, các pho tượng chùa Trà Phương, chùa Ngo, chùa Võ Cường đều mặc áo bào cổ tròn với Bổ tử hình rồng. Riêng hình tượng Mạc Đăng Dung thể hiện trong *An Nam lai uy đồ sách* lại mặc áo giao lĩnh tương tự trang phục của chúa Trịnh Sâm thờ tại chùa Kim Liên. Có khả năng, đây lần lượt là Triều phục và Thường phục của các vị vua Mạc.*

Do sự hạn chế về mặt tư liệu, tại phần này chúng tôi chỉ có thể khảo trang phục của các vị vua Mạc. Trang phục hậu phi do có những đặc điểm tương tự trang phục thời Lê Trung Hưng nên chúng tôi khảo chung tại phần khảo trang phục Lê Trung Hưng.



Các pho tượng quan võ đội mũ Hạt Quan thời Đường. 1. Tượng ở Định Lăng, lăng mộ của Đường Trung Tông Lý Hiển (Năm 710); 2-3. Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh.

1. (Trung) Khang Hy tự điển. Mục chữ 鶻 Hạt. Nguyên văn: 鶻，鳥似雉[...]性愛儕黨，有被侵者，直往赴鬪，雖死不置[...]虎賁皆鶻冠

2. Cần lưu ý thêm rằng, Mạc Đăng Dung vốn xuất thân từ Đô lục sĩ, được sung vào quân túc vệ dời vua Lê Uy Mạc. Có lẽ đây là sợi dây liên hệ duy nhất hiện có nối kết giữa chiếc mũ của các vua nhà Mạc với mũ Hạt Quan của võ quan nhà Hán - Đường.

PHỤ LỤC

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA Bá QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1661
 (theo *Lê triều thiện chính điển lê* và
Lê triều chiếu lệnh thiện chính, ký hiệu A.257)

Chức tước		Chầu vua			
		Mũ	Áo	Bố tử	Đai, Thao
Hoàng tử, vương tử	<i>Hoàng tử, vương tử được phong quốc công</i>	Dương Đường	Tía	Kỳ lân	Đai kỳ thạch (đá quý) bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong chức tam thái, tam thiếu gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch	Đai bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong tá hữu đô đốc gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô đốc đồng tri, đô đốc kiêm sự gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, đê lĩnh gia phong quận công</i>	Nón sơn bạc, đính hồng mao	Đỏ	Sư tử	Dây thao kép, xâu ngọc, cầm kiếm
	<i>Hoàng tử, vương tử phong quận công</i>	Ô Sa	Đỏ	Hổ	Dây thao kép, xâu ngọc
	<i>Hoàng tử, vương tử chưa được phong</i>	Lương Cân đen	Áo the đen		



Quan võ	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Tòng nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai đồi mồi
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong tước hâu</i>	Nón bạc đính hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đon, đeo kiếm
	<i>Tam phẩm, tú phẩm gia phong tước hâu</i>	Nón son son đính hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đon, đeo kiếm
	<i>Ngũ, lục, thất phẩm</i>	Nón son son đính hồng mao	Đỏ		Dây thao đon, đeo kiếm
Quan văn	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Nhị phẩm; quan đô ngự sứ hàm chính tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Tiên hạc Đô Ngự sứ: Giải trai	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Cẩm kê	Đai đồi mồi
	<i>Tú phẩm; quan thị độc kiêm đô ngự sứ hàm ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đô Ngự sứ: Giải trai	Đai đồi mồi
	<i>Ngũ phẩm; quan thị thu, thị chế hàm lục phẩm; quan đê hình, ngự sứ hàm thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đê hình, Ngự sứ: Giải trai	Đai đồi mồi
	<i>Lục phẩm và lục khoa đô cấp sự trung hàm chính thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Vân nhạn	Đai kỳ lam hương
	<i>Thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Bạch hạc	Đai tốc hương

	<i>Bát phẩm và các chức đồng tri phủ hàm thất phẩm; tri huyện, tri châu hàm tòng thất phẩm, tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đai sừng trâu bọc thau
	<i>Cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đai sừng trâu bọc thau

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1721**
(theo *Loại chí*)

Chầu vua					
	Chức tước	Mũ	Áo	Bố tử	Dai, Thao
Hoàng tử, vuong tử, quan võ	<i>Hoàng tử, vuong tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch. Thêu bằng kim tuyến	-Đai đính kỳ thạch bít vàng -Hia, bít tất
	<i>Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	-Tam thái: Bạch trạch; Tam thiếu: Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vuong tử làm các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vuong tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất



	<i>Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đô	Sư tử	-Dai đính đồi mồi bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiếm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đính hồng mao	Áo trực linh, lót toàn thân, màu đỏ	Sư tử	-Dây thao kép xâu hạt ngọc -Deo gurom
	<i>đô hiệu kiếm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đính hồng mao	Áo trực linh, lót toàn thân, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép - Deo gurom
	<i>Hoàng tử, vương tử có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo trực linh, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép xâu hạt ngọc -Deo gurom
	<i>Các chức cai quản, cai đội có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo trực linh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao kép - Deo gurom
	<i>Các chức đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thụ vê, tả hữu hiệu điểm mà có tước hầu</i>	Nón chóp bạc, đính hồng mao	Áo trực linh, lót toàn thân, màu đỏ	Tượng Thêu bằng tơ	-Dây thao đơn. - Deo gurom
	<i>Các chức đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thiêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thiêm tổng tri mà có tước hầu</i>	Nón son son	Áo trực linh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao đơn. Deo gurom

	<i>Các chức đô lê, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lanh, phó đô lê, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lanh, bách hộ, đê hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quản lanh, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đê hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy</i>	Nón son son, chóp đính hồng mao	Áo trực linh, màu đỏ		-Dây thao đơn. -Chức trấn điện cầm kiếm và dùi đồng. -Còn lại cầm roi và kiếm
	<i>Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đâ dự trọng coi quản lính mà chưa có chức tước</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát không lót		-Cầm gurom
	<i>Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, tổng binh thiêm sự</i>				Khi có lễ Biểu (trước khi dâng lễ mừng lên vua chúa, chọn ngày làm lễ dâng biểu), lễ Bài (những ngày lễ chính đán, lễ sinh nhật của vua chúa, các nha môn có làm lễ bái vọng)
	Phốc Đầu	Có tước: áo đỏ; chưa có tước: áo xanh, lục	Tượng	-Đai đính gỗ kỳ lam hương bít thau. -Hia, bít tất bằng là	
Quan văn	<i>Tam thái, tam thiếu</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	-Đai đính sừng tê bít bạc. Hia, bít tất
	<i>Thượng thư, ngự sử</i>	Giải Trãi	Đô	-Thượng thư: Tiên hạc. Ngự sử: Giải trãi	- Đai đính sừng tê bít bạc. Hia, bít tất
	<i>Tả hữu thị lang</i>	Phốc Đầu	Đô	Sa kê	- Đai đính đồi mồi bít bạc. Hia, bít tất

	<i>Các chức thừa chí, phó đô ngự sử, thừa chính sứ, đại học sĩ, tế tửu, thị độc, thiêm đô</i>	Phốc Đầu. -Ngự sử: Giải Trái	-Có tước: đỗ. -Chưa có tước: xanh, lục.	Khổng tước. -Ngự sử: Giải trai	-Đai đính đồi mồi bít bạc. Hia, bít tất
	<i>Các chức tự khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thu, hiệu thu, đô khoa, thị chế, đề hình</i>	Phốc Đầu. -Đề hình: Giải Trái	Nhu trên	Khổng tước. -Đề hình: Giải trai	-Đai đính gỗ kỳ lam hương bít thau. Hia, bít tất
	<i>Các chức cấp sự, hiến sứ</i>	-Cấp sự: Phốc Đầu. -Hiến sứ: Giải Trái	Nhu trên	-Cấp sự: Vân nhạn. -Hiến sứ: Giải trai	Đai đính gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
	<i>Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngự sử các đạo</i>	-Hàn lâm: Phốc Đầu. -Cai đạo: Giải Trái	Nhu trên	Hàn lâm: Bạch nhàn. Cai đạo: Giải Trái	Đai đính gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
	<i>Các chức thông chính sứ, thiêm sứ, kinh lịch</i>	<i>-Thường thì y phục cũng như Hàn lâm hiệu lý. Nếu thông chính sứ có dự bảng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa</i>			
	<i>Các chức thông chính sứ, tham nghị, lang trung, thiếu thiêm sứ, hiến phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tư thiên lệnh, phó doãn sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những đặc tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài</i>	Phốc Đầu. -Riêng hiến phó: Giải Trái	Dùng màu xanh, màu lục	Anh vú (vẹt)	-Đai đính sừng trâu bít thau. -Hia, bít tất

	<i>Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cáp môn sứ, đồng tri phủ, tư vụ, chiếu giám, diển thu, trị trung, thông phán, lục sự, diển thu, dài chiếu, giám ba, tu thiên giám thừa, tả mặc hữu mạc, cáp môn phó sứ, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tự, đồng tri châu, đô quan, diển ba, tu ban, huấn đạo</i>	Phốc Đầu	Dùng màu xanh màu đen	Thuần am. (Liêu thuần)	Đai đính sừng trâu bít thau. Hia, bít tất
	<i>Các thái y viện đại sứ, viện sứ, ngự y, nghiêm biện, lương y chánh, khán chẩn, lương y phó, thái quan thụ chánh, đồng văn nhã nhạc thụ chánh, thừa du cục cục chánh, giáo phuòng ty chánh, tu thân lang</i>	Phốc Đầu	-Áo màu xanh, màu đen	Thuần am (Liêu thuần)	Đai đính sừng trâu bít thau. -Hia, bít tất
	<i>Các chức trưởng sứ, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri ba, đô sự, tri sứ, diển sứ, chủ ba, xã mục, ngục thừa, các hàng thuộc viên tạp lưu</i>	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót		
	<i>Những người tôn thất thực thụ các chức lang chánh, lang phó, lang thừa</i>	Phốc Đầu	-Có tước: màu đỏ; chưa tước màu xanh, lục	Vân nhạn	Đai đính đồi mồi bít bạc. -Hia, bít tất

Nội quan	Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chuồng giám mà có tước quận công	Phốc Đầu	Màu đỏ	Hổ báo	Đai đính đồi mồi bít bạc. -Hia, bít tất
	Các chức thái giám, thiêm thái giám, tham chuồng giám, tham tri giám, đồng tri giám	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu lục	Vân nhạn	-Đai đính đồi mồi bít thau. -Hia, bít tất
	Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đề điểm	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu xanh, lục, đen	Bạch nhàn	-Đai đính gỗ kỳ lam hương bít thau. -Hia, bít tất
	Các chức phụng ngự, giám bạ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không phú hậu		

Nhi phẩm	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ
Tam phẩm	Phốc Đầu sức bạc	Đai đồi mồi sức bạc	Cẩm kê	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai đồi mồi sức bạc	Sư tử	Đỏ
Tú phẩm	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đồi mồi sức thau bọc đoạn thâm	Khổng tước	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Hổ	Lục
Ngũ phẩm	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đồi mồi sức thau bọc đoạn thâm	Vân nhạn	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Báo	Lục
Lục phẩm trở xuống	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	Bạch nhàn	Xanh	Nón son	Thắt dải đai màu xanh	Tượng	Xanh

Pháp quan đội mũ Giải Trại, Bổ tử Giải trại

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1725

(theo *Cuong mục*)

Phẩm cấp	Quan văn				Quan võ			
	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc
Nhất phẩm	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ

QUY CHẾ THỊ PHỤC CHÂU CHÚA CỦA BÁ QUAN

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1721

(theo *Loại chí*)

Châu chúa			
Chức tước		Mũ	Áo
	Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công	Ô Sa, có chỉ đèn đột nổi	Áo Thanh Cát, có phú hậu



Hoàng tử, vương tử, quan võ	Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công Hoàng tử, vương tử làm các chức tá hưu đô đốc mà có tước quận công Các chức tá hưu đô đốc mà có tước quận công Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiêm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công Các chức đô hiệu kiêm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công Hoàng tử, vương tử có tước quận công Các chức cai quản, cai đội có tước quận công Các chức đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thụ vệ, tá hưu hiệu điểm mà có tước hầu. Các chức đô chỉ huy sú, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thiêm sự, chỉ huy sú, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thiêm tổng tri mà có tước hầu	Ô Sa Ô Sa, có chỉ đèn đột nỗi Ô Sa Ô Sa Ô Sa, có chỉ đèn đột nỗi Ô Sa Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu Áo Thanh Cát có lót	Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc Dây thao đơn. Dây thao đơn.
------------------------------------	---	--	---	--

Quan văn	Các chức đô lê, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lãnh, phó đô lê, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lãnh, bách hộ, đê hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quản lãnh, tá hưu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đê hạt, tá hưu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trọng coi quân lính mà chưa có chức tước Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sú, tổng binh đồng tri, tổng binh thiêm sự	Mũ Thanh Cát Mũ Thanh Cát Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót Áo Thanh Cát không lót Áo Thanh Cát có phú hậu	Cầm gurom Cầm gurom Dây thao kép
	Tam thái, tam thiếu	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc
	Thuượng thư, ngự sử	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc
	Tá hưu thị lang	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	Các chức thừa chỉ, phó đô ngự sử, thừa chính sú, đại học sĩ, tế túu, thị độc, thiêm đô	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	Các chức tụ khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thu, hiệu thư, đô khoa, thị chế, đê hình	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	Các chức cấp sự, hiến sứ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép





<i>Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngũ sự các đạo</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
<i>Các chức thông chính sú, thiêm sự, kinh lịch</i>	<p>-Thường thì y phục cũng như hàn lâm hiệu lý.</p> <p>-Nếu thông chính sú có dự bảng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa</p>		
<i>Các chức thông chính sú, tham nghị, lang trung, thiếu thiêm sự, hiến phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tu thiên lệnh, phó doán sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những chắc tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
<i>Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cấp môn sú, đồng tri phủ, tu vu, chiếu giám, diễn thu, tri trung, thông phán, lục sự, diễn thu, dài chiếu, giám bạ, tu thiên giám thừa, tả mạc hữu mạc, cấp môn phó sú, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tu, đồng tri châu, đô quan, diễn bạ, tự ban, huấn đạo</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	Dây thao đơn
<i>Các thái y vien đại sứ, vien sứ, ngũ y, nghiêm biện, luong y chánh, khán chẩn, luong y phó, thái quan thư chánh, đồng văn nhã nhạc thư chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phuòng ty chánh, tu thân lang</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	

	<i>Các chức trưởng sứ, bình sứ, thông sứ, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri ba, đô sứ, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngực thừa, và các hàng thuộc viên tạp lưu</i>	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót	
Nội quan	<i>Những người tôn thất thực thụ các chức lang chánh, lang phó, lang thừa</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chuồng giám mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức thái giám, thiêm thái giám, tham chuồng giám, tham tri giám, đồng tri giám</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	<i>Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đế điểm</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
	<i>Các chức phụng ngũ, giám bạ</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	
	Chức túc	Áo mũ		
	<i>Các chức xá nhân, án lại, tướng thần lại, lệnh sứ, nội thư tả thì từ cai ty, cai hợp, thủ hợp trở lên, thị nội văn chức thì từ nho sinh trúng thức, giám sinh trở lên</i>	<p>Khi chầu hầu làm việc thì dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu</p>		
	<i>Ở Trung thư sảnh, các chức hoa văn học sinh, án lại, xá nhân, tướng thần lại, lệnh sứ, thư tả, nội thư tả; ở các văn nha môn thì các chức đô lại, đế lại, diễn lại, thông lại</i>	<p>Khi chầu hầu làm việc thì dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót</p>		
	<i>Những nho sinh trúng thức, giám sinh, nho sinh, xã chánh, xã sứ, xã tu, sinh đồ, quan viên tử tôn, nhiều nam</i>	<p>Ở trong làng thì cho dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, dây thao đơn; áo mặc thường cho dùng các thứ the, là, vải, lụa</p>		
		<p>Dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát với áo ngắn lót, không có phú hậu, dây thao đơn</p>		



<i>Hoàng tử, vương tử chưa có chức tước</i>	-Khi vào hầu ở nội cung thì dùng mũ Lương Cân, áo sa đen -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức tá hữu đô đốc, có tước quận công trở lên</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và không lót. -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu.
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức đô đốc đồng tri có tước quận công trở xuống</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và có lót
<i>Con cháu các quan văn võ, được phong ám trở lên</i>	-Khi vào hầu làm việc thì con cháu quan văn dùng mũ Ô Sa đơn dạng, con cháu quan võ dùng mũ Thanh Cát, đều dùng áo Thanh Cát có lót
<i>Dân gian thì từ các chức sắc trở xuống</i>	-Y phục đều dùng các thứ gai, the, vải, lụa, không có lót

Chính tòng nhất phẩm	Phốc Đầu tròn, mũ của quan chính nhất phẩm như trên. mũ của quan tòng nhất phẩm 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân, còn lại như trên	-Măng bào cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	Nhu trên	Phốc Đầu vuông	-Nhu ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Nhu ban văn; dai trổ Kỳ lân
-----------------------------	---	--	----------	----------------	----------------------------------	------------------------------

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN NĂM 1804
(theo Hội điển)

Phẩm trật	Ban văn			Ban võ		
	Mũ	Y, thường, Bố tử	Đai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bố tử	Đai, hia
Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng	-Măng bào cổ tròn, màu tía -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	-Đai: súc toàn vàng, mặt trước và sau đều trổ một hình rồng bốn móng; còn lại trổ Tiên hạc, nền đỏ -Hia đầu vuông màu đen -Bít tất viền gấm	Phốc Đầu vuông 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân; còn lại như quan văn	-Nhu ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Nhu ban văn; dai trổ Kỳ lân

Chính tòng nhị phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng	Nhu trên	-Đai: súc toàn vàng, mặt trước và sau đai đều trổ hình Tiên hạc; còn lại, trổ hình hoa, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Nhu ban văn; thường thêu Bạch trạch	-Nhu ban văn; dai trổ Bạch trạch
Chính tòng tam phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau; hai cánh chuồn viền bọc vàng	Nhu trên	Đai: súc toàn vàng, bề mặt vàng không cham trổ, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Nhu ban văn; thường thêu Sư tử	Nhu ban văn

Chính Tòng tú phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng	-Hoa bào cổ tròn (thêu hoa), các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường: làm bằng sa, đoạn; màu xanh, lục tùy nghi; nền hoa tròn, màu đỏ, thêu Khổng tước viền gấm	Dai: mặt đồi mồi, hai viền dài của ba miếng đồi mồi phía trước bọc vàng, còn lại đều bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Chính tú phẩm: áo Giao bào (thêu giao long) cổ tròn -Tòng tú phẩm: áo Hoa bào (thêu hoa) cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Như ban văn
Chính tòng ngũ phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	-Áo bào cổ tròn làm bằng sa, đoạn, đính Bồ tử thêu Vân nhạn, nền đỏ; các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Dai: mặt đồi mồi bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn ngũ phẩm, Bồ tử thêu Báo -Thường thêu Báo	Như ban văn
Chính tòng lục phẩm	Phốc Đầu tròn, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	Như trên, Bồ tử thêu Bạch nhàn	Dai: ba miếng phía trước mặt đồi mồi, còn lại là sừng đen, đều bọc bạc, nền đai đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn lục phẩm, Bồ tử thêu Hùng -Thường thêu Hùng	Như ban văn

Chính tòng thất phẩm	Phroc Đầu tròn, hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viền tròn	Như trên, Bồ tử thêu Lộ tur; tòng thất phẩm Bồ tử thêu Lộ tur nền xanh -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn.	-Đai: mặt sừng đen bọc bạc, nền đỏ - Bít tất: màu thái lục	
----------------------	--	---	--	--

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN VĂN VÔ
TRIỀU NGUYỄN NĂM 1845**
(theo *Hội điển*)

Ban văn			Ban võ		
Quan văn đội mũ Phốc Đầu tròn, quan võ đội mũ Phốc Đầu vuông, thàn dai đều dùng tre thuộc (thực sa trúc) bọc đoạn màu xích vū.					
Mũ	Y, thường, Bồ tử	Dai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bồ tử	Dai, hia

Phốc Đầu tròn, 1 bắc sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trổ hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long bốn ngọc bàng vàng, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cổ đồng, may bằng đoạn Bát ti thêu hình Tú linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu hoa xích ngũ sắc gia vàng, thêu hình Tiên hạc	-Đai: tổng cộng 18 miếng đai phía trước sau, phải trái, vuông dài, dẹt; 2 mộc bạc; miếng chính giữa phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều khảm vàng, trổ hình hoa, các miếng còn lại bề mặt khảm đồi mồi, đều bọc bạc	Phroc Đầu vuông (Tuy Hội điển không ghi chép cụ thể, song tranh ảnh thế kỉ XX cho thấy, quy chế mũ Phroc Đầu năm 1845 của quan võ tướng tự như quan văn, song sự gia giảm như quy chế năm 1804)	Nhu quan văn nhất phẩm; thường thêu hình Kỳ lân
Phroc Đầu tròn, trang súc như chính chất phẩm, riêng ngạch tường cao 3 phân, trổ hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không súc vàng	-Áo bào màu thiên thanh dùng đoạn Bát ti thêu hình Tú linh, tơ ngũ sắc gia vàng -Thường như quan chính nhất phẩm	Đai: 13 miếng phía trước và hai bên phải trái đều bọc tử kim; 5 miếng phía sau bọc bạc; mặt đai khảm đồi mồi	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tòng nhất phẩm	
Phroc Đầu tròn, 1 bắc sơn vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cam bích, dùng đoạn Bát ti thêu Tú linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường như quan chính nhất phẩm	-Đai: trong 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng nằm trong bọc tử kim, 6 miếng bọc bạc, so le; 5 miếng phía sau bọc bạc; tất cả đều khảm đồi mồi lên bề mặt	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan chính nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	-Nhu quan văn chính nhị phẩm -Thường thêu hình Kỳ lân

Phroc Đầu tròn, trang súc như chính nhị phẩm, riêng dùng màu quan lục -Thường như quan chính nhị phẩm	-Áo bào như chính nhị phẩm, riêng dùng màu quan lục -Đai: Miếng vuông phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều bọc tử kim, 14 miếng còn lại bọc bạc, bề mặt khảm đồi mồi	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tòng nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	-Nhu quan văn nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	Nhu quan văn tòng nhị phẩm
Phroc Đầu tròn, 1 bắc sơn vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước phia sau đều có 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào như quan nhị phẩm. Riêng dùng màu bao lam -Thường như quan nhị phẩm, riêng dùng màu xích mộc, thêu hình Cẩm kê	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn chính tam phẩm -Đai: 18 miếng đều bọc bạc, mặt khảm đồi mồi	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn chính tam phẩm -Thường thêu hình Sư tử	Nhu quan văn chính tam phẩm
Phroc Đầu tròn, trang súc như chính tam phẩm, riêng bóc 2 giao long vàng	-Áo bào như chính tam phẩm, riêng dùng màu ngọc lam -Thường như quan chính tam phẩm	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn chính tam phẩm -Đai: Như quan chính tam phẩm, riêng bóc 2 giao long vàng	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tòng tam phẩm; Thường thêu Sư tử	Nhu quan văn tòng tam phẩm
Phroc Đầu tròn, 1 bắc sơn bạc, 2 khóa giản vàng, phía trước và sau đều 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bọc vàng, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trầu thêu giao long màu quan lục, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu bảo lam ngũ sắc gia vàng, thêu hình Khổng tước	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tứ phẩm; Thường thêu hình Hồ	Nhu quan văn tứ phẩm	Nhu quan văn tứ phẩm

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA MỘT SỐ VỊ HOÀNG TỬ, HOÀNG THÂN,
TÔN THẤT NHÀ NGUYỄN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Phốc Đầu tròn, trang sức như quan tú phẩm, nhưng các trang sức toàn bằng bạc	-Áo bào dùng trùu thêu hoa màu bảo lam, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu quan lục ngũ sắc gia vàng -Bổ tử dùng đoạn màu xích vú, thêu Vân nhạn	-Dai: 9 miếng phía trước và hai bên trái phải bọc bạc và đồng xen kẽ; 3 miếng phía sau bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa	Phroc Đầu vuông, trang sức như quan vân tú phẩm	-Như quan vân tú phẩm -Bổ tử thêu hình Báo	Nhu quan vân tú phẩm		
Phốc Đầu tròn, phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 nhuý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trùu bóng màu ngọc lam -Thường dùng sa Tố màu quan lục. -Bổ tử dùng đoạn màu xích vú, thêu hình Bạch nhàn	-Dai: miếng chính giữa phía trước bọc bạc, 9 miếng còn lại bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa					
Đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chưởng án vốn cấp cho mũ Giải Trại có hai sừng bạc thì (nay) đổi 2 khóa giản vàng thành 2 giao long bằng vàng và bạc							

376

	Mũ	Y, thường, Bổ tử	Dai
Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương	Phroc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trổ hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng. Hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng vòn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều súc vàng, 2 nhuý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tú linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Dai miếng chính giữa ở phía trước và 2 miếng hình dẹt ở hai bên phải trái, bề mặt đều trổ hình hoa khảm vàng, còn lại bề mặt khảm mai đồi mồi, đều bọc vàng tử kim
Tôn thất được phong tước thân công, quốc công	Phroc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 3 phân trổ hình hoa, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, 2 giao long vàng, 2 nhuý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tú linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Dai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc vàng tử kim, 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đồi mồi
Tôn thất được phong tước quận công, huyện công	Phroc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng, 2 nhuý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tú linh màu tử đan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu Bạch trạch	Đai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng bọc vàng tử kim, 6 miếng bọc bạc, xen kẽ. 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đồi mồi

377

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN
 (theo *Hội điển*)

Tôn thất được phong hương công, huyện hầu, hương hầu	Phốc Đầu vuông, so với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vuông lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang sức giao long vàng	-Áo bào Tứ linh màu đà xích -Thường làm bằng sa mát màu mộc xích thêu Sư tử	Đai 18 miếng đều bọc bạc
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, định hầu, đinh hầu, trợ quốc khanh	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Giao bào màu giáng chu làm bằng trùu ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu quan lục thêu Hổ.	Đai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc bạc. 5 miếng phía sau bọc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Hoa bào màu tương làm bằng trùu ngũ sắc gia kim -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục -Bổ tử làm bằng to vũ ti đỗ, thêu Báo	Đai 9 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc bạc và đồng xen kẽ, 3 miếng phía sau bọc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang	Phốc Đầu vuông, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào màu tương đậm thêu 2 hoa ổ, làm bằng đoạn Bát ti -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục. -Bổ tử làm bằng to vũ ty đỗ, thêu gấu	Đai 1 miếng chính giữa phía trước bọc bạc, 9 miếng còn lại bọc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác

	Quan văn		Quan võ		Ý, thường
	Mū	Bổ tử	Mū	Bổ tử	
Trên nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng, hai dải thùy anh trang sức kim hoa khảm ngọc châu	Tiên hạc, hoa	Hổ Đầu: sức toàn bằng vàng	Kỳ lân	-Áo giao lĩnh cổ trắng, làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường nền đát vàng
Nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng	Tiên hạc	Hổ Đầu	Kỳ lân	Nhu trên
Nhi phẩm	Văn Công	Tiên hạc	Hổ Đầu	Bach trạch	Nhu trên
Tam phẩm	Văn Công	Cẩm kê	Hổ Đầu	Sư tử	Nhu trên
Tú phẩm	Đông Pha: hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như phu như hoa, giao long đều dùng bạc	Khổng tước	Xuân Thu	Hổ	-Áo giao lĩnh, màu cổ áo như màu áo, làm bằng sa, đoạn; các màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi -Thường nền đỏ
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Vân nhạn	Xuân Thu	Báo	Nhu trên
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Bạch nhàn	Xuân Thu (Quan võ tù thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính)	Hùng	Nhu trên

TIỂU TÙ ĐIỂN
TRANG PHỤC VIỆT NAM



Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Lộ tư (chính: nền đỏ, tòng: nền xanh)	Tòng thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm	Buru tòng: nền xanh	-Áo như trên -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Khê xích	Tòng bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm	Hải mā	-Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi. -Thường: Như trên
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Liêu thuần nền xanh	Tòng bửu phẩm đội Văn Tú Tài như chính cửu phẩm	Tē ngiru	Như trên
Chưa nhập lưu	Phong Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc		Tuy Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc		Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi

Anh Cân: mũ của quan võ chưa nhập lưu triều Nguyễn.

Áo bà ba: loại áo vạt ngắn không bâu, xé giữa, cài bằng cúc, phổ biến ở Nam Bộ.

Áo chít: Xem Áo (dài) nǎm thân.

Áo Cùu: một trong những loại áo tránh rét của giới trung lưu, quý tộc. Ở Việt Nam, áo Cùu bên ngoài là da, bên trong là lông, được làm bằng lông cáo (Hồ Cùu) hoặc lông chồn (Điêu Cùu).

Áo (dài) nǎm thân: chỉ loại áo may bằng nǎm khố vải (vật trước hai khố, vật sau hai khố, thân bên phải dôi ra một khố ngắn nữa), phân biệt với các dạng áo được may bằng bốn khố vải như áo tú thân, áo giao lĩnh.

Bàn long: chỉ hoa văn rồng tròn (rồng ống) thêu trên áo bào.

Bao Cân: mũ Thường triều của vương, hầu để tóc ngắn thời Trần.

Bao Đính: mũ Tiện phục của các vị vua nhân, quan lại quý tộc thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng tròn, đỉnh phẳng, cao khoảng một thước, làm bằng lông đuôi ngựa, nên còn gọi là Mã vī Bao Đính.

Bào phục: hay áo bào, chỉ loại trang phục mặc khi thiết triều của vua quan phong kiến.

Bát bảo: tám dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Bát Tiên: loại mũ trang trọng của vua

nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời

Lê Trung Hưng, làm bằng đoạn màu huyền hoặc sa the, đỉnh phẳng, trên may cánh hoa cúc mẩy lớp đùm lên nhau, quanh mũ gấp nếp, dải dây buộc ngang trán, buông phần thừa ra sau gáy và hai tai có diềm rủ, gần tương tự mũ Bao Đính.

Bình Đính: loại mũ đỉnh phẳng nói chung. Vào thời Lê Trung Hưng, danh xưng Bình Đính đặc chỉ loại mũ tế của vua chúa và các quan. Đến thời Nguyễn, từ năm 1816, danh xưng này chỉ loại mũ Đại triều của các hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công.

Bình Thiên: 1. tên gọi khác của mũ Miện. 2. tên gọi khác của loại mũ Triều phục Bình Đính của hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công triều Nguyễn. Xem: Miện, Bình Đính.

Bổ phục: chỉ Bào phục gắn Bổ tử.

Bổ tử: còn gọi là Hung bối, chỉ vuông vải thêu hình chim thú gắn ở trước ngực và sau lưng áo bào, dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Quy chế trang phục Thường triều Hung bối - Bổ tử định hình vào thời vua Minh Thái Tổ - Trung Quốc, được áp dụng vào triều đình Việt Nam từ năm 1471.

Bội: còn gọi là thùy bội, chỉ dải ngọc đeo hai bên hông, được gắn kết bằng các loại ngọc có hình thù khác nhau.

Bồn Hoa: loại mũ Thường phục áp dụng cho thị vệ nhân thuộc ngạch Tụng quan của nhà Trần.

Bức Cân: loại mũ trang trọng của văn nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ ni, song hai bên mang tai có hai dải thắt, thắt lại ở sau đầu.

Cách đới: đai da nói chung, hình tròn, trên đai được gắn các miếng trang sức hình vuông, hình tròn hoặc hình quả trám. Đai thường to rộng, chỉ mang tính trang sức.

Cao Son: mũ Thường phục của các quan văn từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396, mũ Thường phục của văn võ bá quan, giáo thụ Quốc Tử Giám và giáo viên ở các lô, huyện thời Lê sơ từ năm 1434 đến năm 1437.

Cân hoàn: loại trang sức hình tròn được đính vào hai bên mũ Toàn Hoa thời Trần.

Chiết Xung: mũ Thường phục của các quan võ từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Chuong: các hoa văn thêu trên Lễ phục Cổn Miện, tượng trưng cho trời đất vạn vật, gồm Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh thần (sao), Sơn (núi), Long (rồng), Hoa trùng (chim trĩ), Tông di (cốc ở tông miếu, có hình hổ và khỉ), Tảo (rong), Hỏa (lửa), Phấn mè (gạo), Phủ (riù), Phật (chữ Á 亞).

Cổ đồ: tên gọi của một số dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Cổ kiềng: Xem: Đoàn linh.

Cổn: còn gọi là Long Cổn, hoặc Cổn Long y, loại áo trong Lễ phục Cổn Miện, thường có màu xanh sẫm hoặc màu huyền,

cổ áo giao lĩnh, thêu các hoa văn Phủ, Phật, Sơn, Hỏa... Riêng áo Cổn của vua được thêu hoa văn Nhật, Nguyệt ở hai vai, Long ở hai ống tay áo.

Cổn Miện: tên gọi tắt của bộ Lễ phục áo Cổn, mũ Miện, là trang phục dành riêng cho đế vương và vương công đại thần sử dụng trong các dịp đại lễ như tế trời đất, lễ lên ngôi v.v., vào thời vua Lê Hiến Tông còn được sử dụng làm Lễ phục khi vua cày Tịch điền. Bộ Lễ phục này bị phế bỏ vào thời Lê Trung Hưng và được khôi phục vào thời vua Minh Mạng triều Nguyễn. Vào thời Nguyễn, Cổn Miện chỉ được sử dụng trong dịp tế Nam Giao.

Cổn phục: tên gọi chung của áo Cổn và tất cả phục sức đi kèm như thường, tế tất, đại đới, cách đới, bội, thụ v.v.

Công phục: 1. vốn đồng nghĩa với khái niệm Thường phục, tức trang phục mặc vào những buổi thường triều ngày 5, 10, 20, 25, từ thế kỷ XV trở về sau chỉ loại trang phục vua quan mặc vào những buổi chầu mồng một và ngày rằm. 2. chỉ loại trang phục trang trọng của nho sĩ và dân thường.

Củng Thần: loại mũ Triều phục dành cho các vị vương, hầu, minh tự thời Lý - Trần, phẩm trật được phân biệt bởi số bậc và số trang sức ong bướm trên mũ.

Cửu Long: Xem Cửu Long Thông Thiên.

Cửu Long Đường Cân: còn gọi là Đường Cân, loại mũ Thường phục của hoàng đế triều Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chỏm khum tròn chùm về phía trước, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Xem: Đường Cân.

Cửu Long Thông Thiên: còn được gọi là mũ Cửu Long, hoặc mũ Xung Thiên, mũ Triều phục của hoàng đế triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Xung Thiên triều Lê, riêng quy chế trang sức trên mũ có sự khác biệt.

Đường Đường: 1. một trong những dạng hoa văn hình hoa thời Trần, Lê. 2. mũ Triều phục của Nội quan thời Trần, phẩm trật của các quan được phân biệt dựa vào số hình ong bướm sức trên mũ. 3. mũ Triều phục của hoàng tử, vương tử được phong tước quốc công triều Lê Trung Hưng, kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, duy phía sau cao hơn, hai cánh chuồn có khi được nạm vàng.

Đa La: còn gọi là Da La Ni, hay La Đà Ni, đều chỉ cùng một loại vải gai, phần lớn có màu xanh và đỏ. Vào thời Lê Trung Hưng, loại mũ Đinh Tự được làm từ chất liệu vải gai này được gọi là mũ Đa La.

Dai: thú phục sức đeo ngang lưng bên ngoài áo bào, được gắn các miếng trang sức hình tròn, hình quả trám làm bằng kim loại hoặc đồi mồi..., được xỏ qua hai dây thắt dôi ra từ nách áo, ôm lấy người, thường chỉ mang tính trang sức

Dai đới: 1. đai thắt lưng, có hai dải to bắn buông xuống dưới chân, còn gọi là thân. 2. dải lụa màu xanh trong Cổn phục của vua quan triều Nguyễn; một đầu dải lụa được thắt ở đai da phía trước, sau đó vòng qua vai, cố định lại ở phần đai sau lưng. Xem: Thân.

Đâu Mâu: còn gọi là mũ Trụ, bảo vệ phần đầu của binh sĩ khỏi giáo mác, vì hình dạng giống chiếc mâu, một loại nón thời cổ

của Trung Quốc nên gọi là Đâu Mâu.

Đinh Tự: còn gọi là mũ Nhục, loại mũ có kiểu dáng chữ Đinh T tự nằm ngang, trán mũ thẳng, cong tròn dần khi tới đỉnh, vươn ra sau gáy. Đây là loại mũ Thường phục của các quan văn võ nhà Trần kể từ năm 1301, và là dạng mũ được sử dụng rộng rãi trong quân đội và dân gian thời Lê Trung Hưng.

Đoàn linh: cũng gọi là viên linh, nôm na gọi là áo cổ kiềng, chỉ loại áo cổ tròn, gài cúc bên vai phải. Vào thời Lê, Nguyễn, áo đoàn linh chỉ được dùng trong những buổi Đại triều.

Đông Pha: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn tú, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn, lá phủ phía sau mũ được lượn theo hình sóng, gáy mũ đính hai dải anh rủ xuống lưng.

Đường Cân: 1. loại mũ Tiện phục được làm bằng the đen, tương tự kiểu dáng mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn có cốt làm bằng cát mây, buông ra sau, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八. 2. loại mũ Thường phục của vua và là mũ Triều phục của hoàng thái tử nhà Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chỏm khum tròn chùm về phía trước, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八.

Giác Đính: mũ Thường phục của các vị có tước cao mà không có chức trong triều đình Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Giải Trãi: mũ của pháp quan các triều Lý, Lê, Nguyễn. Giải trãi tương truyền là linh thú một sừng, bắn tính ngay thẳng, thường được tạo hình tương tự kỳ lân. Ngay từ thời Hán, triều đình Trung Quốc

đã mô phỏng sừng giải trai chế ra loại mũ áp dụng cho các quan thực thi pháp luật, nhằm nhấn gữ ý niệm về lương tri và sự công bằng. Triều đình nhà Lý, Lê, Nguyễn Việt Nam đều áp dụng mũ Giải Trai cho các vị pháp quan, tuy nhiên kiểu dáng mũ mao mỗi thời mỗi khác biệt, thời Lý mũ này có kiểu dáng Lương Quan, còn thời Nguyễn có kiểu dáng Phốc Đầu.

Giao bào: tên loại áo bào được thêu các hình giao long dạng tròn thời Nguyễn.

Giao lĩnh: cũng gọi là trực lĩnh, trường lĩnh, nôm na gọi là áo tràng vạt, chỉ loại áo cổ bắt chéo trước ngực, như loại áo tràng của các nhà sư chúng ta vẫn thấy hiện nay.

Giáp Minh Quang: loại áo giáp hoàn bị vào thời Đường với đặc trưng là hai tấm hộ tâm hình tròn trước ngực và hai miếng trang sức hình đầu hổ gắn hai bên vai.

Giáp Trụ: tên gọi chung của áo Giáp và mũ Trụ. Xem: Đâu Mâu.

Giày Tích: loại giày có hai lớp đế, lớp trên làm bằng gai hoặc da, lớp dưới làm bằng gỗ. Giày Tích vốn là loại giày thời Hán, về sau chỉ còn được sử dụng vào những dịp đại lễ. Từ năm 1396 đến 1404, triều đình Trần - Hồ quy định văn võ bá quan từ lục phẩm trở lên đều được đi giày Tích trong các buổi Thường triều. Vào thời Lê sơ, triều đình nhà Lê vẫn thường thường giày Tích cho công thần.

Hổ Đầu: mũ Thường phục áp dụng cho quan võ nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn.

Hổ Quan: loại mũ làm bằng sắt, có hình đầu hổ, xuất hiện tại Trung Quốc vào thời Tùy Đường - Ngũ Đại, từ thời Tống trở về

sau không thấy nữa, tại Việt Nam hiện chỉ thấy qua tấm ngói có niêm đại thời Trần.

Hoa bào: tên loại áo bào được thêu các hình hoa tròn thời Nguyễn.

Hoành: tên gọi của một loại dây trên mũ Miện giữ mũ cố định trên đầu, một đầu dây buộc trâm ngọc cài trên mũ, sau đó vòng qua cầm vát lên đầu kia của trâm. Trâm dùng để cố định búi tóc. Vào thời Nguyễn, dây hoành được thay thế bằng dây thùy anh. Xem: Thùy anh.

Hốt: miếng ngà (hoặc gỗ, tre) hình chữ nhật, các quan cầm ở tay trong các buổi đại lễ, thiết triều, tính chất tương tự ngọc khuê. Xem: Ngọc khuê.

Hung bối. Xem: Bối tử.

Kế y: loại áo tráng cổ tròn cộc tay, kết hợp với thường, được mặc lót bên trong Lễ phục, Triều phục và Thường phục của vua quan, quý tộc triều Nguyễn.

Khăn xếp: khăn vấn tóc của đàn ông được quấn xếp nếp đều đặn, chí theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn khâu dán liền những vành nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện, gọi là khăn xếp.

Khố: đồ mặc phía dưới của đàn ông, có khi chỉ chiếc quần hai ống, cũng có khi chỉ dạng khăn quấn quanh eo và đùi che hạ bộ.

Khuốc Phi: mũ Thường phục của quan ngự sử đài thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Kim Quan: loại mũ Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện

hầu và hương hầu triều Nguyễn, thường kết hợp với áo bào Tú linh màu đỏ.

Lê phục: chỉ loại trang phục vua quan mặc vào các buổi cúng tế, lễ tiết, cũng có khi được gọi là Tế phục.

Long bào: loại áo bào thêu hình rồng của vua chúa nói chung.

Lương Cân: 1. loại mũ thời vua Lê Thánh Tông, được làm bằng lông đuôi ngựa, tên mũ có nghĩa là "mũ mát" vì thường được sử dụng vào mùa hè. 2. loại mũ đội khi vào chầu của hoàng tử, vương tử chưa được phong tước theo quy chế năm 1661. 3. loại mũ Thị phục chầu chúa của các quan văn theo quy chế năm 1721.

Lương Quan: còn gọi là mũ Tiến Hiền, có các viền lương trang sức chạy dọc trên thân mũ, số viền lương được dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan.

Lưu: 1. tên gọi của các chuỗi ngọc chầu đính ở hai đầu Miện bắn trên mũ Miện. Số lưu được quy định dựa vào thân phận của người đội mũ, như mũ của hoàng đế có 12 lưu, mũ của vương công có 9 lưu. 2. tên của loại dải thắt Bào phục của vua và hoàng hậu triều Nguyễn.

Mã quái: loại áo cổ tròn cộc tay, mở ngực, cài bằng cúc, mặc lót bên trong.

Măng bào. Xem: Tú linh bào.

Măng lan: dạng áo hẹp tay, có lối thêu súc tương tự như Măng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Măng bào, được áp dụng cho một số vị quan võ triều Nguyễn.

Miện: còn gọi là mũ Lưu Miện, mũ Bình Thiện, có ván úp hình chữ nhật, đính các

dây ngọc rủ ở phía trước và phía sau, gọi là lưu. Xem: Lưu.

Miện bản: còn gọi là diên, ván úp hình vuông (hoặc chữ nhật) trên mũ Miện.

Mũ Nhục. Xem: Định Tự.

Mũ Trụ. Xem: Đâu Mâu.

Ngọc khuê: miếng ngọc hình chữ nhật, nhọn đầu, vua và đại thần cầm ở tay trong các buổi đại lễ, tính chất tương tự hốt. Xem: Hốt.

Ngư đại: loại phục sức đeo trên đai của các quan văn. Ở Trung Quốc vào thời Đường, Ngư đại có dạng phù hiệu mang hình con cá, đựng trong túi, dùng như thẻ bài để ra vào đại nội. Đến thời Tống, Ngư đại không còn được đựng trong túi mà dùng vàng bạc trực tiếp chế thành hình con cá đeo ở đai, chỉ mang tính trang sức, tỏ sự cao sang vinh hiển. Ngư đại xuất hiện tại Việt Nam muộn nhất là vào năm 798, bị phế bỏ vào thời Lê sơ.

Nhật Bình: áo Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tú giai và là Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn. Đây là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới úc có dải vải buộc hai vạt áo.

Ô Sa: mũ dành cho quan văn, có hai tầng, thân tròn, hai cánh chuồn tròn và to bản. Mũ này vốn được chế ra dựa trên kiểu dáng mũ Phốc Đầu. Xem: Phốc Đầu.

Phong Cân: còn gọi là mũ Tú Tài, loại mũ áp dụng cho quan văn chưa nhập lưu và là mũ Lê phục của dân gian, kiểu dáng tương tự mũ Văn Tú Tài, song không có

trang sức, không thêu hoa, màu đen tuyền. Xem: Đông Pha, Văn Tú Tài.

Phốc Đầu: loại mũ hai tầng, tầng sau nhô cao hơn tầng trước, là nơi chứa búi tóc, gáy mũ đính hai cánh chuồn nằm ngang. Mũ Phốc Đầu thời Tống có dáng vuông vức. Nhà Minh về sau dựa theo kiểu dáng mũ Phốc Đầu thời Tống chế ra một dạng mũ tròn, hai cánh chuồn tròn, to bản, gọi là mũ Ô Sa. Mũ Phốc Đầu được du nhập vào Việt Nam từ năm 1059, áp dụng làm mũ Thường phục của bá quan, đến thời Trần bị phế bỏ, tái du nhập vào triều Lê sơ. Đến thời Nguyễn, nhà Nguyễn quy định mũ Phốc Đầu vuông là loại mũ dành cho quan võ, mũ Phốc Đầu tròn (Ô Sa) dành cho quan văn. Mũ Phốc Đầu của Việt Nam hầu hết đều được gắn các trang sức bằng kim loại.

Phù Dung: một loại mũ của vua nhà Trần theo ghi nhận của Lê Tắc, nhiều khả năng là mũ Thường triều, thường được biết đến là mũ của Đạo giáo, có hình dạng bông sen, chụp vào búi tóc.

Phú hậu: hai cánh dôi ra từ hai bên sườn áo bào theo quy chế của nhà Minh, được áp dụng vào triều đình Lê Trung Hưng và triều Nguyễn.

Phuong tâm khúc linh: dạng phục sức làm bằng lụa trắng, hình tròn để đeo vào cổ, chính giữa có một đoạn lụa dôi xuống hình vuông, thường được phối với Lễ phục của vua và các quan đại thần, ít nhất còn được sử dụng đến thời Trần. Nhà Nguyễn không sử dụng loại phục sức này.

Phuong Thang: mũ Thường phục của tôn thất thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Phuong bao: áo bào thêu hình chim phượng của hậu phi triều Nguyễn nói chung.

Phuong ngu tu phuc: dạng áo bào Triều phục của tước hầu, minh tự thời Trần, trên áo thêu hoa văn phượng cá.

Phuong Quan: mũ Triều phục của hậu phi triều Nguyễn, ngôi thứ được phân biệt bởi số lượng trang sức phượng múa rồng bay trên mũ. Mũ có chín hình phượng múa rồng bay được gọi là Cửu Phượng Quan, có bảy hình gọi là Thất Phượng Quan...

Quần: từ chỉ chung các loại váy, bao gồm cả thường. Tuy nhiên, từ cuối thời Nguyễn, khái niệm quần được dùng để chỉ loại đồ mặc phía dưới, có hai ống chân. Xem: Khố, Quần chân.

Quần chan: chỉ loại quần có hai ống chân phân biệt với loại quần không đáy, là chiếc váy cổ cựu của phụ nữ Việt xưa kia.

Quyển Vân: tên gọi khác của mũ Thông Thiên, loại mũ có chóp uốn cong ngả về phía sau, trông như áng mây cuộn, thân mũ có các viền lương được đính các hạt ngọc châu. Đây là loại mũ Triều phục của vua Tống. Qua ghi chép của Lê Tắc, các vua nhà Trần cũng sử dụng mũ Quyển Vân, có lẽ khi áp dụng vào Việt Nam, loại mũ này cũng được sử dụng trong các buổi Đại triều.

Song khai: loại áo xẻ vạt trước, vạt sau, trang phục thông dụng của binh lính triều Nguyễn.

Tam Son: loại mũ có những múi hình mây uốn cong ở chóp mũ, có ngọc châu đính dọc các viền lương tương tự mũ Quyển Vân Thông Thiên, có trang sức hình

tam son (ba ngọn núi) đính ở giữa trán mũ.

Té tất: vuông vải hình chữ nhật che phía trước hạ thể, một trong những phụ kiện của Lễ phục Cổn Miện.

Thái bào: tên gọi chung của các loại áo bào được thêu hoa văn sắc sỡ.

Thái Cổ: mũ Thường phục của các quan văn võ chính thất phẩm, bát phẩm, cửu phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Thanh Cát: 1. loại vải Cát thường có màu xanh đen, ngoài ra còn được nhuộm thành các màu hỏa minh, vi minh và màu quỳ. 2. loại áo Tế phục của vua chúa, Thường phục của quan lại, đồng thời cũng là Tiện phục của quan dân triều Lê Trung Hưng, sự khu biệt dựa trên màu sắc áo. 3. loại mũ của một số hạng binh lính cấp thấp, của thường dân triều Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ Định Tự, cũng là loại mũ các quan đội khi nước có quốc tang.

Thao: 1. loại dây tết dùng để treo vào nón (nón quai thao). 2. loại dây tết dùng để thắt lưng, được sử dụng rộng rãi vào thời Lê Trung Hưng.

Thân: tên gọi khác của đại đói, một dạng đai thắt lưng, có hai dải to bản buông xuống dưới chân.

Thất Long Đường Cân: loại mũ Triều phục của hoàng thái tử triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự giảm. Xem: Đường Cân.

Thien Ha doi: dải lụa trang sức vắt ngang miện bắn trên mũ Miện của đế vương.

Thị phục: trang phục bá quan sử dụng khi vào chầu chúa Trịnh.

Thông Thiên: tên gọi khác của mũ Quyển Vân vào thời Trần, mũ Triều Thiên vào thời Lê, và mũ Xung Thiên vào thời Nguyễn. Xem: Quyển Vân, Triều Thiên, Xung Thiên.

Thu: còn gọi tổ thụ, dải tết bằng các sợi to thắt ở sau lưng, gồm đại thụ, dải tết kín hình chữ nhật, và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đại thụ.

Thường: một dạng váy quây, quây ra ngoài chiếc quần hai ống, loại trang phục này phổ biến trong dân gian Việt Nam vào thời Lý - Trần. Đến thời Nguyễn, thường còn được gọi là xiêm, trang phục được quy định sử dụng trong những buổi lễ, thiết triều, áp dụng đối với vua quan và hoàng tộc, những người có danh vị và phẩm trật. Xem: Xiêm.

Thường phục: trang phục mặc vào những buổi Thường triều, các ngày mồng 5, 10, 20, 25.

Thùy anh: tên gọi khác của dây hoành trên mũ Miện dành cho hoàng đế triều Nguyễn, được làm bằng tơ vàng, thắt ở cằm, có tua hình hạt bột rủ xuống. Xem: Hoành.

Thủy ba: hoa văn sóng nước trên áo bào triều Lê - Nguyễn.

Tiện phục: trang phục vua quan mặc vào ngày thường, những lúc không phải thiết triều.

Tiêu kim tử phục: dạng áo bào Triều phục màu tía nạm vàng của tước vương thời Trần.

Toàn Hoa: loại mũ áp dụng cho ngạch Tụng quan của nhà Trần, có hai kim hoàn đính ở hai bên mũ, vải nhung màu tía pha

biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ. Từ năm 1396 đến hết triều Hồ, mũ Toàn Hoa được áp dụng làm mũ Thường phục của các quan văn võ tòng thất phẩm.

Tràng vạt. Xem: Giao lĩnh.

Triều phục: loại trang phục vua quan mặc vào các buổi lễ nhỏ, song vào thời Nguyễn, được đồng nhất với Công phục, chỉ loại trang phục mặc vào buổi Đại triều ngày rằm và mồng một.

Triều Thiên: 1. mũ Thường triều của các vương, hầu để tóc dài thời Trần; 2. tên gọi khác của mũ Xung Thiên thời Lê, loại mũ có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn hơi gập, hướng lên trời.

Trục lĩnh: 1. tên gọi khác của áo giao lĩnh; 2. chỉ loại áo cổ thẳng nói chung, bao gồm cả áo giao lĩnh, tú thân, Nhật Bình. Xem: Giao lĩnh.

Trung đơn: áo lót trong màu trắng, kiểu giao lĩnh, cổ áo thường được thêu các hoa văn Phủ.

Trung Tĩnh: loại mũ Tiện phục của các chức quan đội khi nhàn hạ, không phải vào triều theo quy chế của nhà Minh, Trung Quốc. Tại Việt Nam, hiện chỉ thấy loại mũ này được thể hiện trên pho tượng hoàng tử Lê Đinh Tứ chùa Bút Tháp, Bắc Ninh.

Trường lĩnh. Xem: Giao lĩnh.

Tú thân: loại áo xẻ tà hai bên sườn, có hai vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Loại áo tú thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng.

Tú Diên: loại áo cổ tròn, từ phần úc trỏ xuống xẻ tà, được may bằng bốn khổ vải, thường có màu đen, được sử dụng phổ biến trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Lý - Trần.

Tú linh bào: còn gọi là Măng bào, áo bào Triều phục của các quan nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trên áo được thêu bốn loài linh thú long, ly, quy, phượng.

Tú Phương Bình Định: mũ của nho sinh, tú tài thời Minh Trung Quốc và của các tôn sinh quý tộc của nhà Nguyễn Việt Nam. Loại mũ này làm bằng the, bốn bên vuông vức, trên rộng dưới hẹp.

Tú Phương Bình Định: loại mũ quân trang áp dụng cho Thập đạo quân thời vua Đinh Tiên Hoàng, được duy trì đến thời Lê Trung Hưng. Loại mũ này làm bằng da, đinh phẳng, bốn bên vuông vức được khâu ráp lại, trên hẹp dưới rộng.

Tử tu gián bích: dải vải nhung màu tía pha biếc được gắn ở sau mũ Thường phục của các quan nhà Trần. Ở mũ của Tụng quan, dải vải này được phân làm sáu tua, gắn ở đai ngang sau mũ.

Văn Công: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trang sức toàn bằng vàng, có hai dải anh súc hoa vàng khảm ngọc châu.

Văn Tú Tài: mũ Thường phục áp dụng cho các quan văn võ thất, bát, cửu phẩm triều Nguyễn, kiểu dáng tương tự mũ Đông Pha, riêng lá phủ phía sau mũ phẳng là khác biệt. Xem: Đông Pha.

Vĩ Địch: Lễ phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương

với trang phục Cổn Miện của hoàng đế, màu đen huyền hoặc xanh sẫm, thêu hoa văn chim trĩ.

Viên linh. Xem: Đoàn linh.

Viễn Du: mũ Thường phục của các vị vương hầu thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Võ Đại Long: loại mũ quân phục của các vị vua đầu triều Nguyễn, được kết hợp với Long bào hép tay.

Võng cản: dạng lưới bọc quanh đầu để cố định tóc được áp dụng vào triều đình Đàng Trong từ năm 1744 và tiếp tục sử dụng trong cung đình triều Nguyễn.

Xiêm: vốn chỉ tế tất, vuông vải hình chữ nhật che trước hạ thể, vào thời Nguyễn được dùng để chỉ thường. Xem: Thường, Tế tất.

Xuân Thu: 1. loại mũ Lê phục của hoàng đế triều Nguyễn sử dụng khi tế lễ tại tông miếu; 2. loại mũ Thường phục của các quan võ tú, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn.

Xung Thiên: dạng mũ có kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trời. Đây là loại mũ Thường phục của các vua thời Lê sơ, và là mũ Triều phục của vua Lê, chúa Trịnh, cũng như vua chúa nhà Nguyễn. Quy chế trang sức trên mũ ở mỗi thời mỗi khác.

Yến Vī: mũ Tiện phục của các quan võ triều Lê Trung Hưng, thân hình lục lăng, sau mũ có một lá phủ tương tự hình đuôi én nên còn được gọi là mũ Đơn Diệp (lá đơn), hoặc mũ đuôi én.

THU MỤC SÁCH TRÍCH DẪN



A. Tư liệu Việt Nam:

An Nam phong tục sách (安南風俗冊).

Mai Viên Đoàn Triển. Nxb Hà Nội. 2008.

Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Tập 1. Thái Công Nguyên chủ biên. Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. 1997

Bị khảo (備攷). Phạm Đình Hổ. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.956.

Bản rập họa tiết mỹ thuật cổ Việt Nam. Viện Mỹ thuật. Nxb Mỹ Thuật. 2000

Các thể văn chữ Hán Việt Nam. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nxb KHXH. 2010

Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa (指南玉音)

解義). Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải. Nxb KHXH. 1985.

Chu nguyên tạp vịnh thảo (周原雜詠草).

Lý Văn Phúc. Viện nghiên cứu Hán Nôm.

KH: VHv.1146

Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. Viện Sử học. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009

Cổ vật Thăng Long Hà Nội. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Hà Nội. 2010.

Công du tiếp ký (公餘捷記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.44

Công hạ ký văn (公暇記聞). Trương

Quốc Dụng. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1499

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục (埜史略編大越國阮朝實錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1676.

Du hiên tùng bút (輶軒叢筆). Bùi Văn Đị. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.801

Dại Nam điển lệ toát yếu (大南典例撮要). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 1993.

Dại Nam thực lục (大南實錄). Viện sử học. Nxb Giáo Dục. 2007; Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2772/32; A.2772/27.

Dại Nam quốc âm tự vị (大南國音詞彙). Huỳnh Tịnh Của. Nxb Trẻ. 1998.

Dại Việt thông sử (大越通史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1389.

Dại Việt sử ký tiền biên (大越史記前編). Thư viện Viện Sử học. KH: BK2.

Dại Việt sử ký tục biên (大越史記續編). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Nxb Văn Hóa Thông Tin. 2011.

Dại Việt sử ký toàn thư (大越史記全書). Viện KHXH Việt Nam. Nxb KHXH. 1998.

Dất lè quê thói (Phong tục Việt Nam). Nhất Thanh. Cơ sở Án loát Đường Sáng. 1970.

Đồng Khánh Khải Định chính yếu (同慶啓定政要). Nguyễn Văn Nguyên dịch. NXB Thời đại. 2010.

Gia Định thành thông chí (嘉定城通志). Trịnh Hoài Đức. Nxb Giáo Dục. 1999.

Hình ảnh Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nxb Hà Nội. 2010.

Hoàng Lê nhất thống chí (皇黎一統志). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.883

Hồn Việt. Số 3. Tháng 6 năm 2006.

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (欽定大南會典事例). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1681/13

Khâm định Việt sử thông giám cương mục (欽定越史通鑑綱目). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.591.

Kim ngọc bảo tẩy. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. 2010.

Lão song thô lục (老窗粗錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2818

Lịch đại danh thần sự trạng (歷代名臣事狀). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.246

Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009

Lê quý dật sử (黎季逸史). Bùi Dương Lịch. Nxb KHXH. 1987.

Lê Quý Đôn toàn tập (Tập I. Phủ biên tạp lục 撫邊雜錄; Tập II. Kiến văn tiểu lục 見聞小錄; Tập III. *Dại Việt thông sử* 大越通史). Nxb KHXH. 1977 – 1978.

Lê triều chiếu lệnh thiện chính (黎朝詔令善政). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.257.

Lê triều hội điển (黎朝會典). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.52.

Một số văn bản Diển ché và Pháp luật Việt Nam. Tập II. Từ thế kỷ XV đến XVIII. Nxb KHXH. 2009.

Lịch triều hiến chương loại chí (歷朝憲章類誌). Phan Huy Chú. Nxb KHXH. 1992. (Viện nghiên cứu Hán Nôm, KH: A.1551/4)

Lịch triều tạp kỷ (歷朝雜記). Ngô Cao Lãng. Nxb KHXH. 1975.

Lược sử mỹ thuật Việt Nam. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009.

Mạnh Tử quốc văn giải thích (孟子國文

解釋). Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Tùng Văn Nguyễn Đôn Phục dịch. Trung Bắc Tân Văn. 1932.

Minh Mạng chính yếu (明命政要). Nxb Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên. 1974.

Mỹ thuật thời Trần. Nguyễn Đức Nùng chủ biên. Nxb Văn hóa. 1977.

Nam phương danh vật bị khảo (南方名物備考). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.43

Nam sử tư ký (南史私記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2207

Nhật dụng thường đàm (日用常談). Phạm Đình Hổ. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1726.

Những khám phá về hoàng đế Quang Trung. Đỗ Bảng. Nxb Thuận Hóa. 1994.

Nghiên cứu lịch sử. Số 66. 1964.

Nghiên cứu tôn giáo. Số 4. 2006.

Ngô Thì Nhậm toàn tập. Trung tâm

Nghiên cứu Quốc học. Nxb Văn Học. 2001.

Ô châu cận lục (烏州近錄). Dương Văn An. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009.

Quân lục Việt Nam dưới các triều đại phong kiến (Từ Thượng cổ đến Cận kim). Phạm Văn Sơn. Bộ Tổng Tham mưu QL/VNCH. 1971

Quốc sử di biên 國史遺編. Phan Thúc Trực. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1045.

Quốc văn trích diêm. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2004

Son cư tạp thuật (山居雜述). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.822

Tang thương ngẫu lục (桑滄偶錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.89.

Tập mĩ thi văn (集美詩文). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2987

Thế giới di sản. Hội Di sản Văn hóa Việt Nam. Số 7. Năm 2009.

Thiền Tông khóa hư ngữ lục (禪宗課虛語錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Bản AB.268.

Thông báo Hán Nôm học. Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2009.

Thơ chữ Hán của vua Lê Thánh Tông. Nxb Văn Học. 2003.

Thơ văn Lý Trần. Tập 1 - 1977. Tập 2 - 1988. Tập 3 - 1978. Nxb KHXH

Toàn Việt thi lục (全越詩錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1262.

Tuyển tập Ngô gia văn phái. Trần Thị Băng Thanh, Lại Văn Hùng chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.

Từ điển tiếng Việt. Hoàng Phê. Trung tâm từ điển Vietlex. 2007

Từ điển Văn học (bộ mới). Đỗ Đức Huệ, Nguyễn Huệ Chi chủ biên. Nxb Thế Giới. 2004.

Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc. Chu Quang Trú. Nxb Mỹ Thuật. 2001.

Trang phục Thăng Long Hà Nội. Đoàn Thị Tình. Nxb Hà Nội. 2010.

Trang phục triều Lê Trịnh. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ Điển Bách Khoa. 2008.

Trang phục Việt Nam. Đoàn Thị Tình. Nxb Mỹ Thuật. 2006.

Úc Trai di tập (抑齋遺集). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1772/2-3

Văn hoá Phùng Nguyên. GS.TS Hán Văn Khẩn. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2005.

Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 1. Từ Bắc thuộc đến thời Lý. École française d'Extrême-Orient & Viện nghiên cứu Hán

Nôm. 1998; Tập 2. Thời Trần (1226-1400) Tập thượng. National Chung Cheng University và Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2002. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: Vt 00349.

Vân Dài loại ngữ (雲臺類語). Lê Quý Đôn. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.118.

Vân Nang tiểu sử (雲囊小史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.872

Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính. Nxb Văn Học. 2006.

Việt Nam sử lược. Trần Trọng Kim. Nxb Văn Học. 2008.

Việt Nam thi văn hợp tuyển. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2005.

Việt Nam tự điển. Hội Khai Trí Tiến Đức. 1954.

Việt Nam văn hóa sử cuồng. Đào Duy Anh. Quan Hải Tùng Thư. 1938.

Việt sử (越史). Tập Hiền viện. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.279

Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777 (tái bản). Phan Khoang. Nxb Văn Học. 2001.

Việt sử lược (越史略). Trần Quốc Vượng dịch. Nxb Thuận Hóa. Huế. 2005

Vũ trung tùy bút (雨中隨筆). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1297

B. Tư liệu Trung Quốc:

An Nam chí lược (安南志略). (Nguyên) Lê Tắc 黎剏. Viện Đại học Huế - Ủy ban Phiên dịch Sứ liệu Việt Nam. Huế. 1961; Trung Hoa thư cục. 2000; Internet Archive (archive.org).

An Nam chí nguyên (安南志原). (Minh) Cao Hùng Trung 高雄徵. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

An Nam lai uy đồ sách (安南來威圖冊). (Minh) Lương Thiên Tích 梁天錫. *Duệ Thừa*. Quyển hạ. Quốc lập Trung ương Đồ thư quán. 1981. (裔乘. 卷下. 國立中央圖書館)

An Nam truyện – An Nam tạp ký – An nam ký du (安南傳, 安南雜記, 安南紀游). Vương Văn Ngũ chủ biên. Thương Vụ Án thư quán. 1937. (王雲五主編. 商務印書館)

Cẩm tú văn chương. Cao Xuân Minh. Thượng Hải Thư họa Xuất bản xã. 2005. (锦绣文章. 高春明. 上海书画出版社)

Chân Lạp phong thổ ký (真臘風土記). (Nguyên) Châu Đạt Quan 周達觀. Nxb Văn Nghệ. HCM. 2007

Chấn trạch tập (震澤集). (Minh) Vương Ngao 王鏊. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Chí Chính tập (至正集). (Nguyên) Hứa Hữu Nhậm 許有壬. Internet Archive (archive.org)

Chiến quốc sách (戰國策). Trung Hoa Thư cục. 2009.

Chuyết canh lục (輟耕錄). (Minh) Đào Tông Nghi 陶宗儀. Internet Archive (archive.org)

Chư Phiên chí (諸番志). (Tống) Triệu Nhữ Thích 趙汝适. Trung Hoa Thư cục. 1996.

Chức tú trân phẩm. Triệu Phong. Hương Cảng Nghệ Sa Đường. 1994. (织绣珍品. 赵丰. 香港艺纱堂)

Cố cung đồ tượng tuyển túy. Quốc lập Cố cung Bác vật viện. 1971. (故宮圖像選粹. 國立故宮博物館)

Cổ đại Hán ngữ từ điển. Trần Phục Hoa chủ biên. Thương Vụ Án Thư quán. 2002. (古代汉语词典. 陈复华主编. 商务印书馆)

Cựu Đường thư (舊唐書). (Hậu Tấn) Lưu Hú 劉昫. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Dài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khan. Quyển 3. Kỳ 2. Tháng 12 năm 2006. (臺灣東亞文明研究學刊. 第3卷. 第2期)

Dại Minh y quan phục nguyên nghiên cứu hệ liệt. Minh triều Lương Quan phục nguyên suy trắc. (大明衣冠复原研究系列. 明朝梁冠复原推测. 撷芳主人) (mingyiguan.org)

Đảo Di chí lược (島夷志略). (Nguyên) Uông Đại Uyên 汪大淵. Trung Hoa thư cục. 1981.

Đồ hội bảo giám (圖繪寶鑑). (Nguyên) Hạ Văn Ngan 夏文彥. Internet Archive (archive.org)

Đông lý văn tập (東里文集). (Minh) Dương Sĩ Kỳ 楊士奇. Internet Archive (archive.org)

Giới Am lão nhân mạn bút (戒庵老人漫筆). (Minh) Lý Hủ 李翹. Trung Hoa Thư cục. 1997.

Hải ngoại kỷ sự (海外紀事). (Thanh) Đại Sán 大汕. Trung Hoa thư cục. 2000.

Hán Đường phương chí tập dật. Lưu Vĩ Nghị. Bắc Kinh Đồ thư quán Xuất bản xã. 1997. (汉唐方志辑佚. 刘纬毅. 北京图书馆出版社).

Hiện đại Hán ngữ từ điển. Bản thứ 5. Thương Vụ Án Thư quán. 2005. (现代汉语词典. 第五版. 商务印书馆).

Hoàng Thanh chúc cống đồ (皇清職貢圖). Internet Archive (archive.org).

Kiên hồ tập. (堅瓠集) Internet Archive (archive.org).

Ký lục vựng biên (記錄彙編). (Minh). Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Khang Hy tự điển. (zdic.net). *Lễ ký*. Bắc Kinh đại học Xuất bản xã. 1999. (十三经注疏礼记正义. 北京大学出版社)

Liêu Ninh tinh báu vật quán tàng – Thu họa trước lục – Hội họa quyển. Dương Nhân Khải chủ biên. Liêu Ninh Mỹ thuật Xuất bản xã. 1999. (辽宁省博物馆藏•书画著录•绘画卷. 杨仁恺 主编. 辽宁美术出版社)

Liêu Hà Đông tập (柳河東集). (Đường Liêu Tông Nguyên 柳宗元. Internet Archive (archive.org).

Lĩnh biểu lục dị (嶺表錄異). (Đường Lưu Tuân 劉恂. Vương Văn Ngũ chủ biên. Thương Vụ Án Thư quán. 1936. (王雲五主編. 商務印書館).

Lĩnh ngoại đại đáp (嶺外代答). (Tống Chu Khú Phi 周去非. Trung Hoa Thư cục. 1999

Long chi nguyên. Dương Tịnh Vinh, Lưu Chí Hùng. Trung Quốc Thư điếm. 2008. (龍之原. 杨静荣, 刘志雄. 中国书店. 2008).

Luận Hành (論衡). (Hán) Vương Sung 王充. (guoxue.com)

Man thư (蠻書). (Đường) Phàn Xước 樊綽. (archive.org)

Minh sử (明史). Quốc Học vōng (guoxue.com)

Minh thực lục loại soạn. Thiệp ngoại sử liệu quyển (明實錄類纂. 涉外史料卷). Vũ Hán Xuất bản xã. 1991. (武漢出版社)

Minh thực lục (明實錄). Trung ương Nghiên cứu viện. Lịch sử ngôn ngữ nghiên cứu sở hiệu ấn. 1962. (中央研究院歷史語言

研究所校印 - 1962年版) (ishare.iask.sina.com.cn)

Minh Thái tổ văn tập (明太祖文集). (Minh) Diêu Sĩ Quán 姚士觀. Internet Archive (archive.org)

Mộng Khê bút đàm (夢溪筆談). (Tống) Thẩm Quát 沈括. Trung Hoa Thư cục. 2009.

Nam Tề thu (南齊書). (Lương) Tiêu Tử Hiển 蕭子顯. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nam sử (南史). (Đường) Lý Diên Thọ 李延壽 (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nguyên sử (元史). (Minh) Tống Liêm 宋濂. Tập 15 (quyển 194 đến quyển 210). Trung Hoa Thư cục. 1975.

Nguyên thi kỷ sự (元詩紀事). (Thanh) Trần Diễn 陳衍. Thương Hải cổ tịch Xuất bản xã. 1987.

Tòng chu biên khán Trung Quốc. Phúc Dán đại học Văn sử Nghiên cứu viện biên. Trung hoa Thư cục. 2009. (从周边看中国. 复旦大学文史研究院编. 中华书局)

Son cù tân ngữ (山居新語). (Nguyên) Dương Vũ 楊瑀. Internet Archive (archive.org).

Sử ký (史記). (Hán) Tư Mã Thiên 司馬遷. Trung Hoa Thư cục. 2006.

Sử học nguyệt san. Kỳ 10. 2005 (史学月刊. 第十期)

Tam lẽ đồ (三禮圖). (Tống) Nhiếp Sùng Nghĩa 翟崇義. Internet Archive (archive.org).

Tam quốc chí (三國志). (Tấn) Trần Thọ 陳壽. Quốc Học vōng (guoxue.com)

Tam tài đồ hội (三才圖會). (Minh)

Vương Kỳ 王圻. Thương Hải Cổ tịch Xuất bản xã. 1988. (上海古籍出版社)

Tạp chí Tứ Cẩm Thành. Kỳ 131. Tháng 4 năm 2005. (紫禁城. 第131期)

Tạp chí Thu Tàng Gia, kỳ 8, 2009. (收藏家. 第8期)

Tạp chí Văn Sử Triết. Kỳ 5. 2006. (文史哲. 第5期)

Tây Hồ du lâm chí dư (西湖遊覽志餘). (Minh) Điền Nhữ Thành 田汝成. Internet Archive (archive.org)

Tè dân yểu thuật trực tự sách dân. Lưu Diện Tước, Trần Phương Chính, Hà Chí Hoa chủ biên. Trung văn đại học Xuất bản xã. 2001. (齐民要术逐字索引. 刘殿爵, 陈方正, 何志华主编. 中文大学出版社)

Tế Ninh văn vật trân phẩm. Tế Ninh thị Văn Vật cục biên soạn. Văn Vật Xuất bản xã. 2010. (济宁文物珍品. 济宁市文物局编. 文物出版社)

Thanh sử đồ điển. Cố cung Bác vật viện biên soạn. Tứ Cẩm Thành Xuất bản xã. 2002. (清史图典. 故宫博物院编. 紫禁城出版社)

Thanh triều văn hiến thông khảo (清朝文献通考). Trung Hoa Thư cục. 1936.

Thích Danh (釋名). (Hán) Lưu Hy 劉熙. (china-culture.jlmpc.cn)

Thù vực chu tư lục (殊域周咨錄). (Minh) Nghiêm Tông Giản 嚴從簡. Trung Hoa Thư cục. 1993.

Toàn cầu hóa hạ Minh sử nghiên cứu chi tân thị dã luận văn tập. Đài Bắc Đông Ngô đại học Lịch sử học hệ. 2007 (全球化下明史研究之新視野論文集(三). 臺北東吳大學歷史系)

Tống hội yểu tập cáo (宋會要輯稿).

Thượng Hải Đại Đông Thư cục. 1935. (上海大東書局)

Tống Sử (宋史). (Nguyên) Thoát Thoát 脱脱. Trung Hoa Thư cục. Tập 40. 1975.

Tùy thư (隋書). (Đường) Ngụy Trung 魏徵. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Trang Tử (莊子). (Xuân Thu) Trang Chu 莊周. Tôn Thông Hải 孫通海 dịch chú. Trung Hoa thư cục. 2008.

Triển lãm văn vật folklore Đông Nam Á Phi - Việt - Thái - Ảnh. Quốc lập lịch sử bác vật quán. 2007 (菲越泰印:東南亞民俗文物展. 國立歷史博物館)

Trịnh Khai Duong tạp trú (鄭開陽雜著). (Minh) Trịnh Nhuọc Tăng 鄭若曾. Internet Archive (archive.org)

Trúc Giản tập (竹澗集). (Minh) Phan Hy Tăng 潘希曾. Internet Archive (archive.org)

Trung Quốc cổ du phục luận tòng (唐訂本). Lục Cơ. Văn Vật Xuất bản xã. 2001. (中国古舆服论丛 (增订本). 孙机. 文物出版社)

Trung Quốc cổ đại quân nhung phục súc. Lưu Vĩnh Hoa. Thương Hải cổ tịch Xuất bản xã. 2003. (中国古代军戎服饰. 刘永华. 上海古籍出版社)

Trung Quốc lịch đại y quan phục súc chế. Trần Mậu Đồng. Bách Hoa Văn Nghệ Xuất bản xã. 2005. (中国历代衣冠服饰制. 陈茂同. 百花文艺出版社)

Trung Quốc lịch đại phục súc sử. Viên Kiệt Anh. Cao Đẳng Giáo Dục Xuất bản xã. 1994. (中国历代服饰史. 袁杰英. 高等教育出版社)

Trung Quốc long bào. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Ly Giang Xuất

bản xã. 2006. (中國龍袍. 黃能馥, 陈娟娟. 漓江出版社)

Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Chu Tấn, Cao Xuân Minh. Thương Hải Từ thư Xuất bản xã. 1996. (中国衣冠服饰大辞典. 周汛, 高春明编著. 上海辞书出版社)

Trung Quốc phục súc thông sử. Hoàng Năng Phúc. Trung Quốc Phuồng chúc Xuất bản xã. 2007. (中国服饰通史. 黄能馥. 中国纺织出版社)

Trung Quốc phục trang sử. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Trung Quốc Lữ du Xuất bản xã. 1995. (中国服装史. 黄能馥, 陈娟娟. 中国旅游出版社)

Trùng Khánh Bác vật quán quán tàng văn vật đồ sách. Vương Xuyên Bình chủ biên. Văn Vật Xuất bản xã. 2011. (重庆中国三峡博物馆—重庆博物馆馆藏文物图册. 王川平主编. 文物出版社)

Văn hiến thông khảo (文献通考). (Nguyên) Mã Đoan Lâm 馬端臨. Trung Hoa Thư cục. 1986.

Việt kiệu thư (越嶠書). (Minh) Lý Văn Phượng 李文鳳. *Tú khố toàn thư tồn mục* (四庫全書存目叢書. 齊魯書社)

C. Tư liệu Hàn Quốc:

Chi Phong tiên sinh tập (芝峯先生集) 지봉선생집. Lý Toái Quang (李睟光 이수광).

DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)

Phục súc. Yehwa yeoja daehak chulbanbo. 1995. (服飾. 梨花女子大學 博物館 特別展圖錄 (23). 梨花女子大學出版部. 1995)

Hàn Quốc phục súc sử. An Myeong

- Suk, Kim Yong Seo. Ye Hak sa. 2006. (한국 복식사. 안명숙, 김용서. 예학사) *Ích trai loạn cảo* (益齋亂稿 익재란고). Lý Tề Hiên (李齊賢 이제현). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)
- Nghiên Kinh Trai toàn tập* (研經齋全集 연경재전집). Thành Hải Úng (成海應 성해응). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr).
- Quốc triều ngũ lỗ nghi* (國朝五禮儀 국조오례의). Thân Thúc Chu (申叔舟 신숙주). Viện nghiên cứu Hàn Quốc học Khuê Chương Các Đại học Seoul. KH: 奎 1136-v.1-6. (서울대학교 규장각 한국학 연구원. 청구기호:奎 1136-v.1-6.)
- Trang phục của nước ta thời Joseon qua tranh nhân vật*. Kwon O Chang. Hyeon Am sa. 1998. (인물화로 보는 조선시대 우리 옷. 권오창. 현암사)
- Triều Tiên vương triều thực lục* (朝鮮王朝實錄 조선왕조실록). (sillok.history.go.kr/main/main.jsp)
- Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu*. Choe Kye Sun. Đông Hoa đại học xuất bản xã. 2007. (中国历代帝王冕服研究. 崔圭顺. 东华大学出版社)
- D. Tư liệu Nhật Bản:**
- Cầu dương ký sự* (球陽記事). Trịnh Bình Triết (郑秉哲). Thư viện Đại học Tsukuba (筑波大学図書館). (ishare.iask.sina.com.cn)
- Chu án thuyền hội quyển*. Bảo tàng quốc lập Kyushu. 2009. (朱印船絵巻—海のむこうのずっとむこう. 九州国立博物館)
- Đông phuong học*. Kỳ 23. (東方学. 第23期)
- Hải ngoai chư đảo đồ thuyết* (海外諸島圖說). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Hòa Hán tam tài đồ hội* (和漢三才圖會). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Hoàng Thanh chức cống đồ* (皇清職貢圖). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Lịch sử quan hệ Việt Nam Trung Quốc*. Yamamoto Tatsuro. Yamakawa Xuất bản xã. 1975. (山本達郎. ベトナム中国関係史. 山川出版社)
- Mỹ thuật Nhật Bản*. Số 26. Shibundo. 1968. (日本の美術. 第26号. 至文堂)
- Tăng bổ Hoa Di thông thương khảo* (増補華夷通商考). Nishikawa Joken (西川如見). (ishare.iask.sina.com.cn)
- Thế Giới nhân vật đồ quyển* (世界人物図巻). Thư viện Văn nghệ Đại học Kyushu Nhật Bản. KH: 国史17-123. (九州大学文系合同図書室蔵. 番号国史17-123) The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Tranh Ogeo thời xa xưa - Hội họa Lưu Cầu sống lại*. Satou Fumihiko. Sakuhinsha. 2003. (遙かなる御後絵—甦る琉球絵画. 佐藤文彦. 作品社)
- Vạn quốc nhân vật đồ* (万国人物図). Thư viện Nagasaki thuộc huyện Nagasaki. (長崎県立長崎図書館). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Vạn quốc nhân vật đồ thuyết* (万国人物図説). Nishikawa Jyoken 西川如見. The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Bulletin des Amis du Vieux Hué (Những người bạn cố đô Huế)*. 1916
- China: The Three Emperors (Ba hoàng đế Trung Hoa) 1662 – 1795*. Evelyn Rawski, Jessica Rawson. Royal Academy Books. 2006.
- Des Photographes en Indochine Tonkin, Annam, Cochinchine, Cambodge et Laos Au XIX Siècle (Các nhiếp ảnh gia ở Đông Dương: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Campuchia và Lào, thế kỷ XIX)*. Musée national des Arts Asiatiques Guimet. 2001.
- Kỹ thuật của người An Nam*. Henri Oger. Nxb Thế Giới. 2009.
- Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. Alexandre de Rhodes. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp HCM. 1994.
- Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*. William Dampier. Nxb Thế Giới. 2007.
- Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793*. John Barrow. Nxb Thế Giới. 2008.
- Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Mario Sica. Nxb Thế Giới. 2013.
- Silken Threads: A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam* (chỉ tor: Lịch sử nghề thêu ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam). Young Yang Chung. Harry N. Abrams. 2005.
- Tập du ký mới và kỲ THÚ VỀ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI* (1681). Jean-Baptiste Tavernier. Nxb Thế Giới. 2007.
- Tu liệu các công ty Đông Án Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII*. Hoàng Anh Tuấn biên soạn. Nxb Hà Nội. 2010.
- Tu liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phuong Tây*. PGS.TS. Nguyễn Thùa Hỷ chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.
- Từ điển Việt - Bồ - La*. Alexandre de Rhodes. Nxb KHXH. 1991.
- Vietnam and the Chinese model (Việt Nam và mô hình Trung Hoa)*. Alexander Barton Woodside. Harvard University Press. 1971.
- Việt Nam trong quá khứ qua tranh khắc Pháp*. Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn Ngọc Diệp. Nxb Văn hóa Dân tộc. 1997.
- Villages et villageois au Tonkin: 1915-1920 (Làng và cư dân ở làng tại Bắc Kỳ: 1915-1920)*. Léon Busy. Collections Albert Kahn, 1986.
- Xứ Đàng Trong năm 1621*. Cristophoro Borri. Nxb thành phố HCM. 1998.



E. Tư liệu phương Tây:

NGÀN NĂM ÁO MŨ
LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 1009-1945

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập	Dông Vinh
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Mai Mai
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
46 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Tel: 04 38253841 | Fax: 04 38269578
E-mail: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM
59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 1.000 cuốn, khổ 17x25cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 226-2013/CXB/01-05/ThG và quyết định xuất bản số 40/2013/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 16.04.2013. In xong và nộp lưu chiểu năm 2013.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lầm. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.





CHƯƠNG V. TRANG PHỤC THỜI NGUYỄN



Vai trò của nhà nước và hệ tư tưởng chính trị luôn có những tác động trực tiếp, mang tính chi phối tới toàn bộ đời sống văn hóa, xã hội. Vận động trong các hình thái xã hội khác nhau, thực thể văn hóa luôn có sự kế thừa và biến dị. Triều Nguyễn, triều đại phong kiến quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự thay đổi lớn về mặt nhận thức của người Việt sau khi tiếp xúc văn hóa Pháp. Song trước khi văn hóa, tư tưởng Pháp được dịp gây ảnh hưởng mạnh mẽ lên đời sống của người Việt, dưới sự trị vì của các vị vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Việt Nam vẫn là quốc gia Nho giáo kiên quyết gìn giữ truyền thống đến tận cùng. Lúc này do văn hóa Đông Tây xung đột, bản thân nhà Thanh lại có nguồn gốc Mãn, cho nên nhà Nguyễn đã tự nhận là triều đại kế thừa tính chính thống của văn minh Trung Hoa. Bởi vậy như nhà sử học Nhật Bản, Yamamoto Tatsuro nhận xét: “*Người Việt Nam vẫn hết sức tự tin cho rằng họ đã lưu giữ được trọn vẹn truyền thống cổ của Trung Quốc, đồng thời là người bảo vệ cho tư tưởng Hoa di không kém gì Trung Quốc.*”⁽¹⁾

Xuất phát từ sự *tự tin* và *tự tôn* về văn hiến, vua Minh Mạng từng



Cửu đỉnh đặt ở trước sân Thê miếu trong Hoàng thành Huế. (Ảnh: TQD)

1. Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Tr.543.



Đại Nam nhất thống toàn đồ

"Phía Bắc giáp ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam của Trung châu; phía Tây không chế các tộc man di, tiếp với các nước Nam Chưởng, Miền Điện; phía Đông trông ra bể lớn, ôm bọc các đảo; phía Nam cũng chạm tới biển, vòng qua phía Tây Nam sát vách Xiêm La, các thuộc quốc còn lại và tộc man di khác nhau nội phụ đều đủ cả, thật là một đại quốc sùng sững giữa trời đất" (Lý Văn Phúc. Biện di luận).

dùng, điển lễ của người Thanh đã mất, chắc sẽ bắt chước ta mà sửa lại cho đúng. So với Bắc triều, ta càng vẻ vang vậy. Nhưng lòng trãm cũng chưa dám cho là điều hay nhất, vì thò tròi cốt ở thực tâm chứ không phải ở văn vẻ."⁽²⁾

Tuy nhiên, đặt trong nhãn quan Nho giáo đương thời, mặc dù hết sức tự tin về tính chính thống, song vua quan triều Nguyễn vẫn phải công nhận văn hóa nhà Thanh đạt được nhiều thành tựu và có nhiều điều đáng học hỏi. Nếu như quan chế thời Gia Long còn gìn giữ một phần quan chế nhà Lê Trung Hưng thì đến thời Minh Mạng lại được phỏng theo quan chế của nhà Thanh. Ngay bộ *Hoàng Việt luật lệ* phần lớn được tham khảo từ sách luật của nhà Thanh, như chính lời vua Gia Long nói: "Các đời Hán, Đường, Tống, Minh của Bắc triều, sách luật lệnh đời nào cũng có sửa đổi và hoàn bị nhất là đời Thanh. Trãm bèn sai các quan trong triều chuẩn theo pháp điển luật lệ của các triều, tham khảo thêm luật lệnh đời Hồng Đức và của nhà Thanh [...] rồi biên tập lại thành

chê thơ chữ Hán của vua Càn Long thô thiển, quê kệch, thơ ông làm cũng không đến nỗi như thế⁽¹⁾, đồng thời còn nói: Thanh là man di, áo mũ vào châu đều theo thói tục man di, không được bắt chước. Năm 1830, sau khi khôi phục trang phục Cổn Miện theo quy chế

Tống - Minh, vua Minh Mạng xuống dụ: "Cổn Miện được đặt định từ đời Hiên Viên, đời Tam đại trở xuống ít dùng [...] Ngay như Bắc triều từ khi nhà Thanh dựng nước đến nay cũng bỏ đã lâu. Nay ta chế

sách."⁽¹⁾ Vì vậy, chúng ta khó có thể phủ nhận một số ảnh hưởng của các dạng áo mũ cùng họa tiết trang trí có nguồn gốc Mân Thanh trong trang phục của vua tôi triều Nguyễn. Chỉ riêng áo mũ Lễ phục mới được châm chước từ nguồn tham khảo chính là trang phục Tống - Minh.

Bên cạnh đó, do quan niệm văn hóa, tín ngưỡng của phương Tây hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt, các vị vua đầu triều Nguyễn đều một mục bài xích, thậm chí coi người phương Tây là man di, cần phải thận trọng đề phòng. Như tháng 6 năm 1804, vua Gia Long nói: "Tiên vương kinh dinh việc nước, không để Hạ lấn với di, đó thực là cái ý để phòng từ lúc việc còn nhỏ. Người Hồng mao gian giảo trí trú, không phải nói giống ta, lòng át dị biệt, chó có để cho ở lại, nên ban thưởng hậu hĩnh rồi xua đi"⁽²⁾ Vua Minh Mạng cũng có nhận định tương tự: "Người Tây dương bản tính giảo trú kiêu ngạo, phải chăng nay được on cùu tuất nên bỗng chốc cải hóa được cái tục di rợ của họ?"⁽³⁾

Trước bối cảnh như vậy, khi đặt định chế độ áo mũ phẩm phục,



Long bào của nhà Nguyễn, nhà Thanh, nhà Minh và Triều Tiên.

1. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đệ nhị kí. Q.159. (Tập 4). Càn Long nhà Thanh làm thơ rất nhiều, ta xem ra, đều là những bài dì thảng vào tình cảnh, chẳng cần những lời phù phiếm gợn giữa, song có nhiều chữ còn thô [...] Các bài ta làm chỉ tả tình, tả cảnh mà dùng chữ chẳng đến nỗi quê kệch như thế.

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a. Nguyễn văn:衰冕肇自軒轅，而三代鮮有行者 [...] 北朝自清以來亦已久廢。今舉行之，清人典禮既失，亦將於我取正。視之北朝，更有光焉。然朕心未敢以爲盡善。蓋事天以寔不以文

1. *Cố luật Việt Nam. Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Tr.173-174.

2. (Việt) *Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhất kí* - Q.24. Nguyễn văn: 帝曰：先王經理天下，夏不雜夷，此誠防微杜漸之意。紅毛人狡而詐，非我族類，其心必異，不可聽其居留，厚賜而遣之

3. *Minh Mạng chính yếu*. Tập VI. *Phụ lục Hán văn*. Tr.CCCXIV.31b. Nguyễn văn: 赤毛嘗聞其與諸國往來辭多驕蹇，惟與我國交際則一於敬信而已；Tr.CCCXXV.37a. Nguyễn văn: 洋人素性黠傲，不謂今蒙恩恤，亦能頓化夷俗

ngoài việc kế thừa một phần quy chế thời Lê Trung Hưng và thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, triều đình nhà Nguyễn vẫn tiếp tục tham khảo chế độ trang phục của các triều đại Trung Hoa là nhà Tống, nhà Minh và nhà Thanh, trong đó, trang phục Tống - Minh là nguồn tham khảo chính thống. Từ thời vua Đồng Khánh, Khải Định về sau, trang phục trong triều đã không còn được tuân thủ nghiêm ngặt như trước; quân phục của nhà vua dần dần cũng chịu ảnh hưởng kiểu cách quân phục phương Tây, việc đi giày Tây trong triều cũng ngày một thịnh hành. Đặc biệt dưới triều vua Bảo Đại, lần đầu tiên vua cho phép bá quan không cần mặc các bộ Triều phục, thường phục khi vào chầu, chỉ cần mặc bộ lễ phục giản tiện là áo theo, khăn xếp.

Đặt trong nhân quan phong kiến đương thời, triều đình nhà Nguyễn bất luận thế nào cũng đã sở hữu một nền văn hiến áo mao có bề dày truyền thống và những cách tân đặc sắc, tự tin sánh ngang với các quốc gia Nho giáo như Trung Quốc, Triều Tiên, khiến Khâm sứ nhà Thanh là Lao Sùng Quang phải công nhận: “*Gần gũi Trung Hạ, tôn sùng Nho giáo, yêu chuộng thi thu, cùng được coi là đất thanh danh văn vật, ắt phải nói đến hai nước Triều Tiên và Việt Nam.*”⁽¹⁾

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục

Tương tự như các vị hoàng đế Đại Việt trước đây, các vua nhà Nguyễn cũng có tư tưởng Đế vương, làm bá chủ toàn cõi phương Nam. Đặc biệt sau khi sở hữu một quốc thổ rộng lớn chưa từng có trong lịch sử mà như lời triều thần Lý Văn Phúc, Việt Nam lúc này là “*một đại quốc sùng sùng giữa vòm trời đất*”, vua Minh Mạng đã cho khôi phục quy chế áo Cổn mũ Miện, vốn bị phế bỏ từ thời Lê Trung Hưng, để đánh dấu vị thế của thiên tử phương Nam có quyền độc lập tế trời.

Theo *Hội điển*, các vua nhà Nguyễn có hai loại Lễ phục, gồm Lễ phục Cổn Miện sử dụng trong lễ tế Giao và Lễ phục Xuân Thu sử dụng trong các dịp tế lễ tại Tông Miếu.

1. (Việt) *Tập mĩ thi văn - Nam quốc phong nhã thông biên tự*. Nguyễn văn: 密邇中夏, 崇儒術好詩書, 共推為聲名文物之邦, 必稱朝鮮、越南二國

a. Cổn Miện 衰冕

Thời các chúa Nguyễn cát cứ Đà Nẵng Trong, vào dịp tế lễ, chúa đội “*mũ Xung Thiên làm bằng sa, mặc đạo bào (giao lĩnh) màu huyền, đi giày mát, không xỏ tất.*”⁽¹⁾ Sau khi vua Gia Long thống nhất lãnh thổ, tháng 2 năm 1807, vua mới bắt đầu định đại lễ Nam Giao, “*vào ngày té, vua đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc, xiêm vàng, lén đàn làm lễ.*”⁽²⁾ Minh Mạng chính yếu cũng cho biết từ năm 1830 trở về trước, khi tế Giao, vua chỉ đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc như khi làm lễ tế Huỷ ở Tông miếu⁽³⁾.

Mũ Cửu Long được nhắc đến ở đây là mũ Cửu Long Thông Thiên, tên gọi khác của mũ Xung Thiên triều Nguyễn. Như vậy Lễ phục tế Giao thời vua Gia Long vẫn tuân theo quy chế thời Lê Trung Hưng. Năm 1830 là thời điểm triều đình vua Minh Mạng khôi phục quy chế Cổn Miện. Theo đó quy chế Lễ phục tế trời dành cho hoàng đế được quy định là mũ Miện 12 lưu và áo Cổn 12 chương, cụ thể được *Hội điển* cho biết:

“Mũ Miện té Giao trên vuông dưới tròn, đính hai chữ Vạn Thọ bằng vàng hoặc hai chữ Thiên Địa bằng vàng, 12 hình rồng mây, 6 hình ngọn lửa, 2 thùy văn, 4 nhiêu tường, 1 hoa sen, 1 đóa mây, 1 liên đằng chạy viền quanh thành mũ, 256 hạt vàng, 2 cúc, 2 khuyên. Mặt trước và sau có 24 dải lưu, hai bên phải trái mỗi bên 1 dải lưu, đều xâu chuỗi bằng san hô, trân châu, pha lê và các hạt vàng, tổng cộng 300 hạt. Xung quanh có mạng kim tuyến đính kết với 400 hạt vàng ngọc. Trâm khâm trân châu nối với dây thùy anh làm bằng tơ vàng. Phàm là mắt rồng



Vua Khải Định mặc Cổn Miện. Đàn tế Nam Giao tại Huế.

1. (Trung) *Hải ngoại ký sự* - Q.2. Nguyên văn: 王戴冲天翅纱帽, 玄道袍, 剪绒凉鞋, 不袜

2. (Việt) *Đại Nam thực lục - Chính biên* - Đệ nhất kỷ. Tập 1. Tr.692.

3. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr. CCLXIV-3b. Nguyên văn: 向用九龍冠、黃袍、玉帶如廟饗禮



Mũ Miện của hoàng đế nhà Nguyễn trong BAVH (1915) và mũ Miện phục chế (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam; mũ phục chế thiếu dây thùy anh).

Kết hợp với loại mũ Miện 12 lưu là bộ Cỗn phục 12 chuông, phối với các phục sức như ngọc khuê, ngọc bội, Đại thụ, Tế tất, Cách đói, Đại đói v.v. Cụ thể:

Ao Cỗn may bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu thiên thanh, thêu 6 chuông: Nhật, Nguyệt, Tinh thìn, Sơn, Long, Hoa trùng. Dải thùy lưu (chỉ dải vải buộc áo của áo giao lĩnh, tính chất như cúc) **thêu hình rồng mây, hoặc may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu tuyết bạch. Ống tay áo thêu hình rồng mây. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu quan lục. Áo lót trong may bằng lụa màu trắng thêu hoa văn chữ Á** (tức chuông Phất), **dải thùy lưu thêu hình rồng mây, sóng nước.**

Thường may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu các chuông: Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Phù, Phát, Tông di (Thường 6 chuông kết hợp với áo Cỗn 6 chuông, tổng cộng 12 chuông) **và các hình cổ đồ, bát bảo, liên**

đều khảm các hạt trân châu nhỏ. Võng cân súc 4 khuyên vàng.”⁽¹⁾

Theo ghi nhận của *Hội điển*, *Đại Nam thực lục* và hình vẽ trong BAVH, mũ Miện dành cho Hoàng đế triều Nguyễn là loại mũ Miện 12 lưu (*phía trước 12 lưu, phía sau 12 lưu*), khớp với các nguyên tắc của mũ Miện dành cho thiên tử theo Chu lễ. Tuy nhiên, như chính lời vua Minh Mạng nói “*Cỗn Miện có từ thời Hiên Viên [...] trâm nay noi theo phép xưa mà thêm bớt*”⁽²⁾, dây sung nhĩ gắn ở hai bên thái dương mũ được đổi thành hai dải lưu, dây hoàng màu đỏ son được đổi thành dây thùy anh làm bằng tơ vàng, cùng lối trang trí trên đỉnh miện bản và quanh thân mũ đều có thể coi là những nét đặc sắc chỉ xuất hiện ở mũ Miện của triều Nguyễn.

đằng, hồi văn, sóng nước vân vân. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, lót sa Nam mát bóng màu vàng chính sắc. Kế y (áo lót cổ tròn gắn với thường) **may bằng lụa trắng.**

Tế tất một chiếc, làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót lụa màu đỏ, thêu chuông Son, Long, hình mây và các hình hỏa lựu. 4 đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam xen với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích (đỗ hoa). Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng, 4 móc vàng, 4 cúc vàng.

Đại thụ một chiếc, làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, lót lụa màu vàng, thêu hình rồng mây, sóng nước và các hình cổ đồ. Bên trên may liền một miếng (ngọc tráng) **hình bán nguyệt** với

đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, thêu các hình rồng mây xen với hình lan can kim tuyến. Đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam kết với dây nhung xâu ngọc các màu. 1 dải thùy anh, 2 dải thùy lưu xen dùng trùu bóng màu vàng, trắng, đỏ. Phía dưới kết luoi, thùy anh và móc bạc 4 chiếc, cúc vàng 7 hạt.

Ngọc bội hai dải. Mỗi dải có 1 ngọc tráng hình con doi, 1 ngọc tráng hình vuông, 1 ngọc tráng hình tròn, 2 ngọc tráng hình bán nguyệt, 1 ngọc tráng hình khánh, xâu chuỗi với các hạt vân mẫu, san hô, hổ phách màu đen, mỗi loại hơn 200 hạt, 1 móc câu vàng.

Cách đói một chiếc, bọc tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, kết với 1 miếng ngọc tráng hình vuông, 6 miếng ngọc tráng hình chiếc mộc, bên ngoài



1. Áo lót thêu hoa văn chữ Á của vua Triều Tiên (còn gọi áo Trung đơn); 2. Thường và Kế y của vua quan triều Nguyễn (BAVH).



Ngọc bội kết hợp với Cỗn phục của vua triều Nguyễn (BAVH); 2. Tạp bội đeo (Tam tài đồ hội).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.5,6. Nguyên văn: 郊祀冕冠製用上方下圓，釘萬壽金字二，或天地字二，金龍雲形十二，火焰六，垂文二，邊牆四，蓮花、雲朵、邊圈邊、連藤各一，金粒二百五十六粒，

、圈各二。前後面冕旒二十四，左右垂旒各一並串結珊瑚、珍珠、玻璃、金粒該三百粒。四面金綫網文結金玉四百粒。玉簪嵌以珍珠，結黃絲垂纓。凡龍眼嵌細小珍珠粒。網巾飾金圈四

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a.



Hia áp dụng cho Côn phục, Triều phục và Thường phục của vua triều Nguyễn. (Báu vật triều Nguyễn).

đều bọc vàng, 6 chân cúc, 2 hình lá vàng tía, 2 khuy kép bạc.

Đại đói làm bằng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam, bên trong lót trùm bóng màu hoa xích, hai đầu xâu chuỗi với các hạng châu ngọc, cả thảy 392 hạt, 10 dải thùy anh kim tuyến.

Bít tất giống như Triều phục

(thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn với hộ tất).

Hia thân làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu rồng mây, liên đằng, ngon lửa và hồi văn kim tuyến, xen kẽ gắn kết với gương tây; phía dưới làm bằng tơ lông vũ màu vàng, thêu đính các loại hạt trân châu, san hô nhỏ, hình rồng, mỗi loại 2 thứ và các hình cổ đồ, xen kẽ gắn với gương tây, đính 3 chiếc kim bồn, mỗi chiếc khảm 1 hạt hỏa tề, 2 hạt kim cang lót đoạn Bát ti màu đỏ.”⁽¹⁾

Đối chiếu tư liệu văn tự và tư liệu hình ảnh tương quan, có thể thấy trang phục Côn



Một trong những chiếc tất của vua Khải Định (Ảnh: Trịnh Bách).

1. (Việt) *Hội điển - Quyền* 78. Tr.6-8. Nguyễn văn: 袞衣製用天青純綫光素涼紗，繡日、月、星辰、山、龍、花蟲，垂旒繡龍雲樣，或製用雪白純綫光素涼紗。袖口繡龍雲。領子官綠光素八絲緞。繡亞字裏白色帛。垂旒繡龍雲、水波。裳製用正黃純綫光素涼紗，繡藻、火、粉米、黼、黻、尊彝立古圖、八寶、連藤、迴文、水波等樣。緣寶藍純金蓮花一項錦，裏正黃南素涼紗。繼衣白色帛。玉佩二，結白玉蝙蝠形各一，方樣各一，圓樣各一，半月樣各二，磬形各一，串結雲母、珊瑚、玄琥珀各二百餘粒，金鈎各一。革帶一，包正黃光素八絲，結白玉方樣一片，盾樣六片，外各包黃金腳六，紫金葉形二，銀夾版二。蔽膝一，正黃光素八絲，裏赤色帛，繡山龍雲竝火榴等樣，四邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞間花赤光素八絲緞，緣純金蓮花一項錦，金鈎、金鉤各四。大綬一，天青光素八絲緞，裏黃色帛，繡龍雲、水波竝古圖等樣，上鑲花赤光素八絲緞半月樣一片繡龍雲樣上間金線欄杆，邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞，緣寶藍純金蓮花一項錦結各色玉，綫絨垂纓一。左右垂旒二間用黃赤白各色素緞。下結網文垂纓，銀鉤四，金鉤七粒。大帶寶藍光素八絲緞，裏花赤素緞，兩端串結各項珠玉三百九十二粒竝金線垂纓十條。襪與大朝同。靴身烏八絲繡龍雲、連藤、火焰竝金線迴文間結洋鏡子，下黃羽絲繡小珍珠、珊瑚各項粒龍形各二竝古圖等樣間結洋鏡子，釘金盆各三嵌火齊各一，金剛粒各二，裏赤色八絲緞。

Miện của Hoàng đế triều Nguyễn tuy phần lớn tham khảo từ quy chế Tống - Minh, song đã xuất hiện rất nhiều biến dị, đặc biệt là việc sử dụng đại đói vắt ngang vai và sự kết hợp giữa thường và Kế y cổ tròn. Riêng đại đói, theo quy chế Tống Minh, là dải đai bằng lụa trắng dùng để thắt lưng, kết hợp với đai da - cách đói. Song như BAVH mô tả, vào thời Nguyễn, “*Đại đói là dải khăn mảnh vắt qua vai, vượt qua ngực, mỗi đai đều có diềm bắn rộng bằng lụa nạm ngọc nhiều màu và rủ xuống thật thấp.*”⁽¹⁾



1. Vua Khải Định mặc trang phục Côn Miện, song thay vì thắt Té tất ở phía trước, ông lại thắt Đại Thụ vốn là phục sức che phía sau. Cách phối hợp như vậy không hợp quy chế. Phải chăng đây là một trong những kiểu “*ăn vận không phải lối*” của vua Khải Định như lời công kích của Phan Chu Trinh. (Thất điệu tràn. Tập chí Nghiên cứu lịch sử, số 66); 2. Trang phục Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (Phục dựng).



Trang phục Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (BAVH) 1.2.3.4. Mũ Miện 12 lưu. (1. Miện bân nhín từ trên xuống; 2 - 3. Mũ Miện nhin trực diện và trắc diện; 4. Dây thùy anh màu vàng gắn trâm ngọc); 5. Khuê (còn gọi là Trần khuê, hốt). 6. Hia. 7. Đại đới. 8. Cách đới. 9. Bội. 10. Tạp bội. 11. Tiêu thụ. 12. Côn phục 12 chuông (mặt trước và mặt sau): A. Áo xanh đen 6 chuông (a. Nguyệt; b. Nhật; c. Tinh thìn; d. Sơn; e. Long; f. Hoa trùng). B. Thường 6 chuông. C. Té tắt (thêu 2 chuông Sơn và Long, 1 hình rồng bay lên và 1 hình rồng bay xuống). D. Đại thụ.



Một số phục súc trong bộ Côn phục của hoàng đế nhà Minh (*Tam tài đồ hội*). 1. Áo Côn màu huyền; 2. Áo lót Trung đơn; 3. Thường màu đỏ nhạt; 4. Té tắt; 5. Cách đới; 6. Đại đới; 7. Thụ; 8. Tạp bội. Quy chế Côn Miện của nhà Minh được sửa đổi nhiều lần. Quy chế Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn nhiều khả năng được tham khảo trực tiếp từ quy chế trong *Tam tài đồ hội*.



Hiện vật áo Côn của vua Khai Định triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách), Hiếu Minh thiên hoàng Nhật Bản (*Mỹ thuật Nhật Bản*) và Thuần Tông hoàng đế thời Đại Hàn đế quốc (*Phục súc*).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 12 LƯU 12
CHƯƠNG CỦA HOÀNG ĐẾ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ TỔNG
VÀ NHÀ MINH TRUNG QUỐC
 (theo *Đại Nam hội điển sự lục*, *Tống sử* và *Minh hội điển*)

Quy chế của nhà Nguyễn	Quy chế của nhà Tống	Quy chế của nhà Minh
-Mũ Miện 12 lưu, sung nhĩ được thay bằng 2 dải lưu, dây hoàng được thay bằng dây thùy anh làm bằng tơ vàng	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ Thông Thiên gia miện bản, dây hoàng màu đỏ son	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ dạng ống gia miện bán, dây hoàng màu đỏ son
-Áo Cổn màu xanh, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng	-Áo Cổn màu xanh, thêu 7 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Trĩ (Hoa trùng), Hổ dữ (Tông di)	-Áo Cổn màu huyền, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng
-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Phấn mề, Tông di, Phủ, Phật và các hình cổ đồ, bát bảo...	-Thường màu đỏ, thêu 5 chương Tảo, Hỏa, Phấn mề, Phủ, Phật	-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Tông di, Phấn mề, Phủ, Phật
-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng, thêu 12 chương Phật	-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo thêu 13 chương Phật
-Tế tất màu vàng viền lam, thêu Sơn, Long, 1 rồng bay lên, 1 rồng bay xuống, hình mây và các hình hỏa lựu	-Tế tất màu đỏ, thêu 1 con rồng bay lên, 1 con rồng bay xuống, giữa là mây, súc ngọc quý	-Tế tất màu đỏ, thêu 4 chương Tảo, Phấn mề, Phủ, Phật
-Đại thụ thêu hình rồng mây sóng nước, xâu các loại ngọc	-Đại thụ 6 màu đính 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn	Đại thụ 6 màu đính 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn
-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cự, xung nha, hoàng...	-Ngọc bội 2 dải, làm bằng ngọc trắng trổ rồng	-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cự, vũ, xung nha, hoàng...
-Cách đới đính ngọc trắng, bọc vàng	-Cách đới trổ rồng phượng bằng vàng	-Cách đới đính ngọc
-Tất phía trên gắn hộ tất, thân màu lam, phía dưới màu trắng, dát vàng, hia màu thâm thêu rồng mây	-Tất đỏ, giày Tích đỏ	-Tất đỏ, giày Tích đỏ

b. Xuân Thu 春秋冠

Tế Tông miêu cũng là một trong những lễ tiết quan trọng trong văn hóa cung đình.

Vào dịp tế lễ này, vua nhà Trần sử dụng Lễ phục Quyển Vân, vua nhà Lê sử dụng Lễ phục Bình Đính, các vua nhà Nguyễn muộn nhất vào thời vua Gia Long đã có Lễ phục Xuân Thu. *Đại Nam thực lục* cho biết: “Buổi hôm trước ngày hết tang một năm, vua (chỉ vua Gia Long) bỏ áo tang, nội giám đem cất đi. Đến ngày đó, bàn thờ bày đặt như nghi thức tế điện lớn. Vua mặc đồ trắng, đội mũ Xuân Thu bằng sa trắng, áo giao lĩnh bằng sa trắng, thường bằng lụa trắng, giày và bít tất trắng, đến trước bàn thờ làm lễ [...] Tế điện lớn, tế cửu ngũ, tế tốt khốc đồ mặc cũng theo nhu thế [...] Còn tế Luyện, tế Tường và tế Đàm thì sau ngày tốt khốc mới cử hành. Tế Luyện vua mặc Lễ phục, đội mũ Xuân Thu bằng sa thâm, áo giao lĩnh bằng sa thâm, thường bằng lụa màu biếc lót lụa trắng, giày và bít tất đen. Tế Tường và tế Đàm vua mặc đồ màu, mũ Xuân Thu bằng nhiều thâm, áo giao lĩnh bằng sa đoạn màu bảo lam, thường bằng sa biếc lót trắng, bít tất lam, giày đen.”¹. Vào thời Gia Long, quy chế Lễ phục Xuân Thu có sự phân biệt tùy theo quy mô của buổi tế. Ít nhất có ba dạng Lễ phục Xuân Thu áp dụng cho thiên tử trong các dịp tế Đại Điện, tế Cửu Ngu, tế tốt khốc, tế Luyện, tế Tường, tế Đàm. Vào thời vua Minh Mạng, quy chế Lễ phục Xuân Thu được giản hóa, thống nhất là mũ Xuân Thu màu đen kết hợp với áo giao lĩnh màu thiên thanh (màu huyền).

Năm 1821, vua Minh Mạng nói với Thượng thư Bộ Lễ Phạm Đăng Hưng: “Trong ngày kỵ liệt thánh, hoàng kháo ta đội mũ Xuân Thu, mặc



Mũ Xuân Thu của quan võ Tú phẩm (BAVH); Vua Gia Long đội mũ Xuân Thu dưới nét vẽ của người Pháp. (Ảnh phục chế).

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đệ nhất kỷ. Tập 1. Tr.896.

áo giao lĩnh, tự có điểm tắc. Trâm nên theo lẽ của hoàng khảo thờ liệt thánh để thờ hoàng khảo.”⁽¹⁾ Đồng thời quy định:

“Mũ Lễ phục là mũ Xuân Thu, làm bằng sa trùm màu đen, đính 1 bông hoa bạc, khảm một hạt pha lê lấp lánh. Võng cân một chiếc, súc bốn khuyên bạc. Áo giao lĩnh làm bằng sa mát thuần chỉ, màu thiên thanh, áo lót làm bằng sa mát thuần chỉ màu tuyêt bạch, đều thêu hoa văn rồng mây, sóng nước. Hoặc áo làm bằng đoạn Bát ti bóng thuần chỉ lai lộ, màu thiên thanh, thêu rồng mây, bên trong lót lĩnh 12 hoa mẫu đơn chéo màu ngọc lam. Cổ áo và hai dài thùy lưu đều dùng màu sắc gốc (của áo). Thường làm bằng sa mát thêu hoa nhô, màu ngọc lam, viền làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh. Kế y làm bằng lụa sống.

Bít tất có thân làm bằng to Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là to Bát ti bóng màu tuyêt bạch, phía dưới là vải tây màu tuyêt bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, bên trong lót lụa màu đỏ. Hia có thân hia làm bằng to Bát ti màu thảm, bên trong lót lĩnh bóng màu bảo lam.”⁽²⁾

2. Triều phục

Từ tháng 5 năm 1806 thời vua Gia Long, các buổi chầu Đại triều, Thường triều được quy định: “Mỗi tháng lấy ngày mồng một và ngày rằm đặt Đại triều ở điện Thái Hòa, quan từ lục phẩm trở lên mặc áo mũ Đại triều vào lạy chầu; những ngày mồng 5, 10, 20, 25 đặt Thường triều ở điện Càn Chánh, quan từ tú phẩm trở lên mặc áo mũ Thường triều vào lạy chầu. Các thành và dinh trấn đến ngày mồng một và ngày rằm đều bái vọng ở Hành cung.”⁽³⁾ Minh Mạng chính yếu cũng có ghi chép tương tự, đồng thời cho biết, “phàm gặp tháng nhuận đều miễn cả Đại triều



Vua Đồng Khánh thắt Võng Cân, đội mũ Cửu Long Thông Thiên.

1. (Việt) Minh Mạng chính yếu. Tập 3. Q.11. Tr.CCX -15b.

2. (Việt) Hội điển - Quyển 78. Tr.4-5. Nguyễn văn: 禮服春秋冠製用黑色綢紗, 鈕銀花一嵌晶光玻璃一粒。網巾一, 飾銀圈四。交領衣製用天青純綫涼紗, 裏衣雪白純綫涼紗竝織龍雲、水波。或製天青來路純綫光素八絲緞織龍雲樣, 裏玉藍十二斜牡丹綾。領子、垂旒用本色。裳用玉藍細花涼紗, 綠(謬文, 該為緣)天青光素八絲緞。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲, 中間雪白光素八絲, 下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金線欄杆。裏白色帛, 上結護膝官綠光素八絲, 緣純金蓮花一項錦, 裏藍帛。靴身烏八絲, 裏寶藍光素綾。

3. (Việt) Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhất kí. Tập 1. Tr.666

và Thường triều.”⁽¹⁾ Như vậy, vào thời Nguyễn, Triều phục hay còn gọi là trang phục Đại triều chỉ trang phục mặc vào ngày rằm, mồng một và một số dịp lễ tết nhất định; Thường phục là trang phục mặc vào các ngày chầu thường mồng 5, 10, 20, 25.

a. Mũ Cửu Long Thông Thiên 九龍通天冠

Hội điển, Hội điển tục biên, Đại Nam điển lệ toát yếu, Đại Nam thực lục đều ghi nhận, vào các buổi Đại triều, hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Cửu Long Thông Thiên. Loại mũ Triều phục này ở một số sách như Minh Mạng chính yếu, Đại Nam thực lục còn được gọi tắt là mũ Cửu Long, trong dân gian quen gọi là mũ Xung Thiên. Nam phương danh vật bị khảo thời Nguyễn giải thích:

“Mũ Xung Thiên, mũ Đại triều của thiên tử ngày nay, như mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn chia lên trời.”⁽²⁾ Riêng từ “Thông Thiên”, Chỉ Nam ngọc âm giải thích “Thông Thiên quan hiệu (gọi là) Triều Thiên.”⁽³⁾ Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes định nghĩa: “Mũ Triều Thiên là vuong miện (mũ của vua).” Các cứ liệu trên chứng tỏ vào thời Lê - Nguyễn, loại mũ tương tự mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn hướng lên trời, ngoài tên gọi mũ Xung Thiên, còn được gọi là mũ Triều Thiên và Thông Thiên. Riêng loại mũ Thông Thiên có những búi mây cuộn tròn ở đỉnh mũ, nhà Trần gọi là mũ Quyển Vân, nhà Lê Trung Hưng gọi là mũ Tam Sơn.

Đối với quy chế mũ Cửu Long Thông Thiên, Hội điển cho biết, “mũ Đại triều Cửu Long Thông Thiên đính 31 hình rồng vàng, 30 hình ngọn lửa; phía trước và sau đều có 1 bắc son, 1 hoành long, hốt bọc pha lê lấp lánh và hốt thông thiên mỗi thứ 2 chiếc; 1 liên đằng, 1 nhiễu tường, 1 đóa hoa hình tròn, 30 đóa mây đều kết bằng chỉ; các hạng ngọc dùng để khảm súc nhu hóa tề, kim cang, trân châu gồm 140 hạt, mát mỗi con rồng đều khảm 1 hạt trân châu nhỏ.”⁽⁴⁾ Trước khi đội mũ, vua còn thắt

1. (Việt) Minh Mạng chính yếu. Tập 3. Q.11. Tr.CCXVIII-19b.

2. (Việt) Nam phương danh vật bị khảo - Thường - Q.31 - Phục dụng môn. Nguyễn văn: 衡天冠: 今天子大朝冠, 如幞頭, 兩翅衝天

3. (Việt) Chỉ Nam ngọc âm. Tr.120

4. (Việt) Hội điển - Q.78. Tr.1-2. Nguyễn văn: 大朝冠九龍通天釘黃金龍形三十一, 火焰三十, 前後博山各一, 橫龍一, 包晶光玻璃笏竝通天笏各二, 連藤、遶牆各一, 圓樣花朵一, 雲朵三十竝線結嵌



Mũ Cửu Long Thông Thiên thể hiện trên tượng kim thân của vua Khải Định (Lăng Khải Định. Ảnh: TQĐ).



Mũ Cửu Long Thông Thiên của các vua nhà Nguyễn. (Phục chế. Bảo tàng Lịch sử). *Bác son*: trang sức hình bán nguyệt chạy vòng trên trán mũ. *Hốt bạc pha lê lấp lánh*: trang sức đính chéo 2 bên Bác Sơn. *Nhiều Tường*: trang sức đính giữa trán mũ. *Hoành long*: hốc cắm cánh chuồn hình đầu rồng nằm ngang ở gáy mũ. *Hốt Thông Thiên*: hai cánh chuồn vươn ra từ Hoành Long, lẽ ra hơi cong gấp.

nhưng trên thực tế vẫn có sự gia giảm, đặc biệt là áo mao của nhà vua.

b. Bào phục

Kết hợp với mũ Cửu Long Thông Thiên là bộ Bào phục bao gồm Hoàng bào, đai ngọc, xiêm y, hộ tất, bít tất và hia.

Trong đó, *áo bào làm bằng sa đoạn màu vàng chính sắc, thêu các hình rồng mây, sóng nước lớn nhỏ và 4 chữ Phúc Thọ, áo sa dày thêu hoa Tú hưu (mai, lan, cúc, trúc) hoặc loại trùm màu hoa xích thêu hoa Tú hưu; hai cánh (tức hai cánh phủ hậu ở lưng áo) dùng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam*.

飾火齊、金剛、珍珠各項玉一百四十粒，龍眼各嵌細小珍珠粒。網巾飾金圈四

"Võng cân súc 4 khuyên vàng." Như vậy có thể thấy, loại mũ Triều phục của Hoàng đế nhà Nguyễn có nguồn gốc là mũ Xung Thiên của vua Lê chúa Trịnh, song được súc lên vô số trang sức bằng vàng và đá quý, đồng thời được đặt tên mới, gọi là mũ Cửu Long Thông Thiên. Qua một số ảnh chụp các vị vua Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại, có thể thấy lối trang sức trên mũ Cửu Long của các vị vua này không hoàn toàn đồng nhất. Đặc biệt, hai cánh mũ Xung Thiên thể hiện trên pho tượng kim thân của vua Khải Định có dạng cong tròn hơi hướng về phía trước, trùng khớp với hình dạng cánh mũ Xung Thiên của vua Quang Trung giả thể hiện trong bức tranh *Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ*. Dạng cánh mũ này nên được coi là quy chế chung nhất của dạng mũ Xung Thiên triều Lê Nguyễn hay chỉ là vài trường hợp đặc biệt? Với cứ liệu hiện có chúng tôi thiêん về khả năng thứ nhất, song chúng tôi cho rằng, dạng cánh mũ Xung Thiên này có lẽ chỉ được sử dụng từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát trở về sau. Ngoài ra, áo mao của vua quan nhà Nguyễn về cơ bản bám sát quy chế của *Hội điển*,

Mặt trước và sau đều có hai chữ Vạn Thọ, ba hình rồng. Hai ống tay áo và hai cánh đều có một hình rồng. Các hoa văn san hô, hỏa lựu đều xâu chuỗi bằng các hạt ngọc châu nhỏ. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu tuyêt bạch. Thùy lưu hai dải (chỉ hai dải thắt nhỏ ở nách áo, có chức năng như cúc) đều thêu hình rồng mây.

Thường làm bằng sa mát bóng màu hoa xích, thêu hình các hình rồng ổi, sóng nước, cổ đồ, bát bảo; phía dưới nối với hình hồi văn, liên đăng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuận vàng màu lục lam. Kế y làm bằng lụa sống.

Đai làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc may xen với to màu xích vũ, đính 18 miếng sừng tê hình mộc dài, bên ngoài bọc vàng, khâm 92 hạt trân châu.

Bít tất có thân làm bằng to Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là to Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuận vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn hộ tất.



Chân dung vua Đồng Khánh (1864 - 1889) mặc Triều phục. Ngực áo bao thêu 2 chữ Vạn Thọ theo lối chữ Triện. (Báu vật triều Nguyễn).



Vua Thành Thái, vua Bảo Đại và vua Khải Định mặc Triều phục.



Đầu thắt Võng Cân, chân “buộc hộ tất”. (Kỹ thuật của người An Nam).

nà nhà Nguyễn lúc này được đính thêm một lớp lót bằng lụa trắng dôi ra phía ngoài, để mô phỏng cổ áo giao lĩnh trước đây.

1. (Việt) Hội điển - Q.78. Tr.2-3. Nguyên văn: 黃袍製用正黃色紗緞，繡大小龍雲、水波竝福壽四字樣。裏四友辰花密紗或四友花赤紬。兩翼寶藍光素八絲緞，前後面萬壽字各二，龍形各三。兩袖兩翼龍形各一竝珊瑚、火榴均串結以細小珠玉粒。領子雪白光素八絲緞，垂旒二竝繡龍雲。裳製用花赤純綫光素涼紗，織圓龍、水波、古圖、八寶樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤色帛，緣藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。帶用金正黃光素八絲緞，間縫赤羽絲，釘犀角長方盾樣該十八片，外包黃金嵌珍珠九十二粒。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金線欄杆。上結護膝正黃光素八絲繡龍雲、水波竝金線迴文，緣寶藍純金一項錦。裏赤素紬。靴身烏八絲繡金線龍雲、水波、花樣。裏赤八絲

Hộ tất làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu hình rồng mây, sóng nước, tất cả đều dùng kim tuyến theo kiểu hồi văn, viền gấm hạng nhất thuần vàng màu bảo lam, bên trong lót trùu đỏ bóng. Hia có thân hia làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu các hình rồng mây, sóng nước, hoa bằng kim tuyến, bên trong lót tơ Bát ti màu đỏ⁽¹⁾.

Qua mô tả của *Hội điển*, kết hợp với tư liệu ảnh triều Nguyễn, có thể thấy Long bào của các vị vua triều Nguyễn kế thừa kiểu dáng trang trí Long bào thời Lê Trung Hưng. Đặc trưng của lối bào phục này là hoa văn Long vân đại hội và hai cánh áo phú hậu ở lưng áo. Sự biến cách lớn nhất của Long bào, Mäng bào triều Nguyễn nằm ở hoa văn trang trí rồng, mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, san hô, hỏa lựu và lan can, mang lại cảm giác cầu kỳ và ngợp mắt.

Ngoài ra, từ thời Lê - Trịnh trở về trước, áo giao lĩnh là dạng áo phổ biến, sử dụng trong cung đình và dân gian, cho nên một bộ Bảo phục thông thường bao gồm áo Trung Đơn cổ giao lĩnh mặc lót bên trong, áo đoàn lĩnh cổ tròn mặc ra bên ngoài. Vào thời Nguyễn, triều đình đã phế bỏ kiểu áo giao lĩnh sử dụng trong ngày thường, thay vào đó là loại áo dài năm thân cổ đứng cài khuy. Cổ áo bào của vua quan

3. Thường phục

Hội điển cho biết mũ Thường triều của các vị vua nhà Nguyễn là Cửu Long Đường Cân, song không đề cập quy chế cụ thể. Riêng mũ Triều phục Thất Long Đường Cân của hoàng thái tử được mô tả “trang sức bằng vàng và ngọc châu.” Sau khi khảo sát một số ảnh chân dung các vị vua triều Nguyễn, chúng tôi phát hiện thấy ngoài mũ Cửu Long Thông Thiên, các vua nhà Nguyễn còn đội một loại mũ có phần gáy nhô cao, chỏm khum tròn chùm về phía trước, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Chúng tôi cho rằng, loại mũ xuất hiện trong các ảnh chân dung vua Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái là mũ Cửu Long Đường Cân, loại mũ xuất hiện trong ảnh chân dung Thái tử Bảo Đại và Thái tử Bảo Long là mũ Thất Long Đường Cân. Ngoài ra, theo tờ châubản số 163 – 165 Khải Định quyển số 1, có thể thấy mũ Cửu Long Đường Cân còn được gọi tắt là Đường Cân. Tờ châubê này cho

biết: “*Chiểu theo lệ của quốc triều hàng năm gấp các tết Đoan Dương, Đông chí thì đặt nghi lễ Thường triều tại điện Cần Chánh, xin hoàng thượng đội Đường Cân, mặc Long bào, cầm ngọc khuê.*”⁽¹⁾



Vua Thành Thái, Đồng Khánh mặc Thường phục.

Kết hợp với Đường Cân là Long bào, song cần lưu ý rằng Long bào Thường triều có bố cục hoa văn trang trí khác với Long bào Đại triều. Quy chế cụ thể được *Hội điển* mô tả: “*Áo bào làm bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu vàng chính sắc, bên trong lót cùng màu, thêu rồng ổ lớn và các hình cổ đồ, bát bảo, sóng nước; mắt rồng đều khảm hạt hổ phách màu huyền, còn lại đều xâu chuỗi các hạt châu*

1. Nguyên văn: 炙國朝遞年恭遇端陽、冬至諸令節例有設常朝儀于勤政殿，奉皇上御唐巾、龍袍，執玉圭



ngọc nhỏ. Hai mặt áo và hai ống tay áo đều xâu chuỗi các hạt châu ngọc làm thành hình mỹ túc (chỉ các chữ có nghĩa đẹp như Phúc, Thọ v.v). Cổ áo lót đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu hình rồng mây. Hai dài thùy lưu đều thêu hình rồng mây. Thường dùng sa mát bóng thuần chỉ màu hoa xích, thêu hình rồng ổi, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, cành hoa v.v. phía dưới nối với hình hồi văn, liên đằng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuần vàng màu bảo lam. Kế y làm bằng lụa sống. Bít tất có thân làm bằng tor Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tor Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, lót sa, trùm bóng màu đỏ. Hia giống hia Đại triều⁽¹⁾.



Vua Thành Thái mặc lễ phục Tịch điền và vua Duy Tân mặc Thường phục.

phục các vua nhà Nguyễn sử dụng trong ngày lễ Tịch điền. Trang phục sử dụng khi cày ruộng Tịch điền của vua chúa Đại Việt trước đây hầu



Vua Khải Định đội mũ Triều phục, song lại mặc áo bào Thường phục.

như không có sử liệu đề cập, ngoại trừ thông tin ghi lại trong tấm bia *Đại Việt Lam son Dụ lăng bi* cho biết vua Lê Hiển Tông mặc áo Cổn, đội mũ Miện có dây hoàng màu đỏ son. Cổn Miện cũng là Lễ phục Tịch điền của các vua triều Hán – Đường, khác với quy chế Lễ phục Tịch điền thời Tống – Minh là mũ Thông Thiên kết hợp với áo bào đỏ.

4. Quân phục

Vào thời vua Minh Mạng, quân phục hay trang phục nhà vua sử dụng khi duyệt binh được quy định là mũ võ Đại Long kết hợp với Hoàng bào hép tay có Vân kiên liền cổ màu xanh thẫm. Song với mô tả của *Hội điển*, chúng ta cũng chỉ biết “Mũ võ Đại Long được làm bằng tor lông vũ màu đen, lót đoạn Bát ti bóng

màu vàng chính sắc, lan can kim tuyến của Tây dương, đính 4 hình rồng vàng, 1 hình ngọn lửa, 2 hình rồng mây, 1 hình mây, mât rồng khâm trân châu, còn lại đều súc châu ngọc. Thùy anh dùng lan can kim tuyến của Tây dương.”⁽¹⁾ Còn như hình dáng cụ thể của loại mũ này ra sao, hiện chúng tôi chưa có tư liệu tranh ảnh để có thể xác thực. Riêng bào phục kết hợp với mũ võ Đại Long, hiện vẫn còn hiện vật đối chiếu, về cơ bản khớp với mô tả của *Hội điển*:

“Áo bào hép tay làm bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, lót trùm màu hoa xích thêu mẫu đơn, buom bướm. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, đều xâu chuỗi các hạt trân châu, san hô nhỏ. Vân kiên liền cổ áo làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo. Áo ngắn Mã quái hai chiếc, làm bằng tor Bát ti màu thâm, thêu hình rồng mây, sóng nước, hình con doi, ngọn lửa. Thường



Quân phục của vua triều Nguyễn hép tay, vân kiên liền cổ. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: Philippe Truong).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.3-4. Nguyên văn: 常朝冠用九龍唐巾。袍用正黃色純綫光素涼紗，裏本色，繡大圓龍竝古圖、八寶、水波。龍眼各嵌玄珀，餘均串結細小珠玉粒。兩面兩袖申結珠玉作美字。領子裏正黃光素八絲緞，繡龍雲樣，垂旒二竝繡龍雲。裳用花赤純綫光素涼紗織圓龍、水波竝古圖、八寶、花枝等樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤帛，緣寶藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲金蓮花一項錦間金線欄杆。裏赤素綢紗。靴與大朝同。

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.10. Nguyên văn: 耕耤奉御九龍唐巾黃色狹袖龍袍。其帶靴與閱兵同

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.8. Nguyên văn: 閱兵奉御大龍武冠，製用黑色羽絲，裏正黃光素八絲緞，西洋金線欄杆，釘金龍形四、火焰一、龍雲二、雲樣一、龍眼嵌珍珠，餘竝飾珠玉，垂纓用西洋金線欄杆。

kép may bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu đôi phượng và các hình liên đăng, hồi văn. Dưới gấu làm bằng tơ Bát ti bóng màu hoa xích, thêu rồng mây, sóng nước, liên đăng, hồi văn, lót trùm màu hoa xích thêu hình mẫu đơn, buom bướm. Bốn bên may liền to Bát ti bóng màu ngọc lam. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam gắn trùm màu đỏ thêu mẫu đơn, buom bướm. Thùy anh, long bài vàng ba mặt đều làm bằng vàng, hình chiếc mộc rồng mây, xung quanh sợi nhiễu tuyến khảm các loại ngọc hỏa tề, trân châu, kim cang, san hô hơn 300 hạt, hơn 50 dải thùy anh kim tuyến. **Đai loan** một chiếc, lan can kim tuyến Tây dương khảm 1 hạt kim cang hình phuong đình. Xung quanh khảm hạt kim cang, bên ngoài bọc vàng, khuy kép, chân cúc xâu chuỗi trân châu, san hô, thanh liễu hình hoa 9 đóa. **Hia** có thân làm bằng tơ Bát ti màu thảm may xen với tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót tơ Bát ti bóng màu hoa xích.”⁽¹⁾



Vua Minh Mạng Nhật Bản (1852-1912), vua Khải Định Việt Nam (1885 - 1925), vua Phổ Nghi Trung Quốc (1906-1967), vua Cao Tông Triều Tiên (1852-1919) mặc Quân phục.

1. (Việt) *Hội điện* - Q.78. Tr.8-10. Nguyên văn: 狹袖跑製用正黃純綫光素涼紗，繡龍雲、水波、古圖、八寶，裏牡丹蝶赤花紬，緣寶藍純金蓮花一項錦，均串結細小珍珠、珊瑚粒。雲肩連領子用天青光素八絲緞，繡龍雲、水波、古圖、八寶。馬掛（謬文，該為褂）二用烏八絲，繡龍雲、水波、蝙蝠、火焰。夾裳用正黃光素八絲，繡雙鳳立連藤、迴文等樣。下花赤光素八絲，繡龍雲、水波立連藤、迴文。裏牡丹蝶赤花紬。四邊鑲玉藍光素八絲。緣寶藍純金蓮花一項錦，結牡丹蝶赤色紬。垂纓金龍牌三，面各金製。龍雲盾形，周圍邊綫，嵌火齊、珍珠、金剛、珊瑚各項玉三百餘粒，金線垂纓五十餘條。鸞帶一，西洋金綫欄杆嵌金剛粒，方亭樣一，四圍嵌金剛粒，外包黃金竝夾版 腳串結珍珠、珊瑚、青柳花樣該九朵。靴身烏八絲間縫正黃光素八絲，裏花赤光素八絲。



Quân phục của vua Khải Định và Thái tử Bảo Long (1936-2007).

Ngoài ra, vào thời vua Khải Định, phần lớn các loại trang phục của vua đều do vua tự vẽ kiểu, thiết kế, ngay trang phục Cỗ Miện tế trời cũng “bị phá cách” bằng cách mặc đại thụ ở phía sau lên phía trước thay cho tế tất. Đặc biệt phải kể đến việc vua kết hợp áo bào hẹp tay, xé 4 vật sử dụng trong dịp cày ruộng Tịch điền với bộ quân phục châu Âu, đồng thời phối với nón hoặc khăn xếp, tạo ra một trong những loại quân trang “vô tiền khoáng hậu”. Đặt trong bối cảnh đương thời, khi vua nhà Thanh, Triều Tiên, Nhật Bản đều du nhập và rập khuôn theo mẫu quân phục phương Tây thì chính phong cách “pha trộn”, phá vỡ truyền thống thể hiện trên quân trang của vua Khải Định lại là nét đặc sắc của riêng ông và riêng triều đại ông trị vì. Tuy nhiên, ngoài bộ quân phục phá cách, vua Khải Định vẫn có bộ quân trang chuẩn mực theo đúng dạng thức của phương Tây. Đến thời vua Bảo Đại, chúng ta không còn thấy sự phá cách, “pha trộn” này thêm nữa.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Quy chế Triều phục và Thường phục của bá quan triều Nguyễn được đặt định vào năm 1804 thời vua Gia Long. Năm 1831, vua Minh Mạng định ra quy chế Tế phục Cỗ Miện dành cho hoàng tử, vương công và các quan nhất, nhị, tam phẩm. Năm 1845 thời vua Thiệu Trị, quy chế Triều phục được sửa đổi, chủ yếu ở quy chế trang sức trên mũ Phốc Đầu.

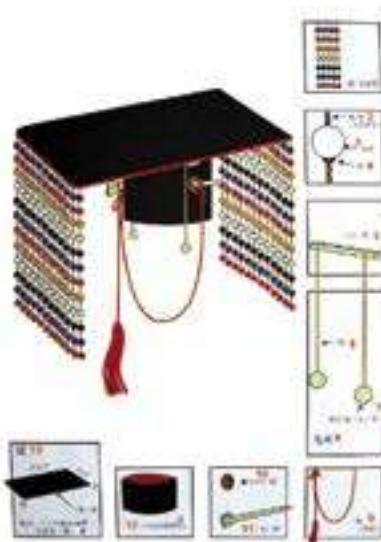
1. Lễ phục

1.1. Lễ phục tế Giao

Ngay từ thời Xuân Thu tại Trung Quốc, Cỗ Miện đã được quy định là trang phục đại lễ dành cho thiên tử nhà Chu, vua chư hầu và một số vị đại thần. Chế độ Cỗ Miện của nước ta muôn nhất được đặt định vào triều Đinh, được kế thừa qua các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và tuyệt tích vào thời thuộc Minh. Đến thời vua Lê Thái Tông, quy chế Cỗ



Ngũ 故, nhạc khí sử dụng khi tế Giao áp dụng theo Chu lễ. Ngũ của nhà Thanh (Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh), Ngũ của nhà Nguyễn (BAVH) và Ngũ của Hàn Quốc (Bảo tàng Cố cung quốc lập Seoul). (Ảnh: TQĐ).



Quy chế mũ Miện 12 lưu của thiên tử nhà Chu (Choe Kye Sun. *Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu*) 1. Lưu (còn gọi là Ngọc Tảo); 2. Tảo (dây tơ ngũ sắc); 3. Ngọc châu; 4. Tưu; 5. (Ngọc) Hành; 6. Đầm; 7. Thủ khoáng hoặc (Ngọc) Trân; 8. Sung Nhĩ; 9. Hoàn (Chu tôt: dây son); 10. Nữu; 11. Kê (Trâm ngọc); 12. Võ (cùng chất liệu, cùng màu với Diên); 13. Diên (còn gọi Miện Bản). 1 thước 6 tấc x 8 tấc. Một đầu tròn, một đầu vuông, viền màu son).

Tiên, khi đặt định điển chương chế độ đều tham khảo những quy chế cổ điển, cơ bản của Trung Quốc, trên cơ sở đó tự tạo ra một nền văn hiến riêng biệt. Đơn cử như trang phục Cổn Miện, một bộ Cổn phục dành cho thiên tử phải thêu đủ 12 chương, một chiếc mũ Miện dành cho thiên tử phải có đủ 12 lưu. Bộ Cổn Miện của vua nhà Nguyễn có thể thấy qua các tư liệu tranh ảnh đều khớp với những quy chế cổ điển này, song các hoa văn, trang sức hay sự kết hợp các dạng phục sức đều có nhiều nét đặc sắc riêng biệt, không lẫn với bất kỳ vương triều nào của Trung Quốc hay Nhật Bản, Triều Tiên. Quy chế Cổn Miện dành cho hoàng tử, vương công và bá quan nhà Nguyễn cũng tương tự như vậy.

1. (Việt) *Cuong mục*. Nguyễn văn: 十二月，初製文廟袞冕服。政府阮輝潤上言：聖人萬世帝王之師，向來文廟循用司寇冕服，非所以示崇重。乃命改用袞冕之服。文廟用王者服自此始。 “Bắt đầu chế trang phục Cổn Miện thờ ở Văn Miếu. Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ dâng lời nói: ‘Đảng thánh nhân là thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng Miện phục của quan tư khấu, như thế không phải tố lòng tôn sùng’. Bèn hạ lệnh đổi dùng trang phục Cổn Miện. Dùng trang phục của đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây.”

Miện mới được khôi phục, đồng thời được duy trì qua các đời vua Nhân Tông, Thánh Tông và Hiến Tông. Kể từ sau những chinh biến, động loạn cuối thời Lê sơ, và việc vua Lê Trung Hưng mất đi thực quyền, quy chế Cổn Miện dành cho đế vương cũng dần bị phế bỏ. Đến tháng 12 năm 1755 thời vua Lê Hiển Tông, triều đình mới chế ra áo Cổn mũ Miện làm loại áo mao thờ Khổng Tử trong Văn Miếu⁽¹⁾. Sau khi nhà Nguyễn thành lập, năm 1831 vua Minh Mạng lại tham khảo quy chế Tống - Minh đặt ra trang phục Cổn Miện dành cho vua quan triều Nguyễn, đánh dấu sự hoàn bị về văn hiến áo mao của đế quốc Đại Nam.

Mỗi một triều đại phong kiến quân chủ, bất kể triều Lý, Trần, Lê, Nguyễn tại Việt Nam, triều Tống, Minh tại Trung Quốc hay triều Cao Ly, Triều

a. Cổn Miện 9 lưu 9 chương

九旒九章袞冕

Theo quy chế Lê phục tế Giao năm 1830, trang phục Cổn Miện áp dụng cho hoàng tử và vương công triều Nguyễn là mũ Miện 9 lưu, Cổn phục 9 chương. Quy chế mũ Miện 9 lưu được quy định: *Mũ làm bằng loại lông đuôi ngựa tết vòng ngoài, phía trên chụp ván gỗ (mộc bản) làm cốt, phía trước tròn, phía sau vuông, bên ngoài bọc bằng đoạn tor lót lĩnh màu đỏ. Trước sau đều có 9 dây lưu, mỗi lưu làm bằng dây tảo ngũ sắc, 9 tassel, xâu 9 ngọc. Trâm ngà dẫn dây hoàng màu huyền, rủ xuống dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng, tua ở dây hoàng màu son. Xung quanh miện bắn viền vàng, trổ hoa văn mây rủ. Mũ súc 1 bắc son vàng, 2 hoa vàng, 4 giao long vàng, 4 sợi kim tuyến, ở lỗ cài trâm (núu) cũng súc bằng vàng.*⁽¹⁾ Trên thực tế, thân mũ Miện của hoàng tử, vương công và các quan triều Nguyễn rất gần gũi với dáng mũ Phốc Đầu. Cũng chính vì có hình dạng mũ Phốc Đầu cho nên ở phần đỉnh mũ giao với miện bản vẫn có thể đính thêm trang sức bắc son.

Kết hợp với mũ Miện 9 lưu là Cổn phục 9 chương. Trong đó:

“Áo 5 chương may bằng đoạn màu xanh đen, thêu chương Long ở vai, chương Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở hai ống tay áo. Cổ áo màu nhu màu áo (màu gốc).

Thường 4 chương làm bằng đoạn màu đỏ nhạt (Huân thường), thêu các



Cổn Miện 9 lưu 9 chương của Vương công triều Nguyễn (BAVH); 1. Mũ Miện 9 lưu; 2. Bác son vàng; 3. Hột ngà; 4. Áo Cổn; 5. Té tất màu đỏ mặc lên trên thường màu đỏ nhạt; 6. Đại thụ màu đỏ nhạt, phía dưới nối với các tua ngũ sắc. 7. Ngọc bội. 8. Chương Phú thêu trên thường. 9. Chương Phát hình chữ Á thêu trên thường.

1. (Việt) Hội điển - Q.78. Tr.19. Nguyễn văn: 南郊大禮，皇子諸公冕服，冠用馬尾輪結，上覆木版為質，前圓後方，表用絲緞，裏赤綾，前後各九旒。每旒五彩繡，九就，貫玉九。牙簪導玄紵，垂青纊。充耳承以玉瑱用白色，朱紱纓。其覆版周圍繞金，刻垂雲文。冠飾金博山一，金花二，金蛟四，金線四，貫簪處亦飾以金

chuong Tảo, Phấn mẽ, Phủ, Phật, mỗi chuong hai hình, phía trước 3 bức, phía sau 4 bức, các hình xen kẽ nhau.

Cỗ áo Trung đơn sa tráng thêu 9 hoa văn chuong Phật.

Tế tất làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chuong Hỏa và Sơn, bên trên có 2 chiếc móc bằng thau mạ vàng.

Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành (hình chiếc khánh), 2 ngọc cự (hình chữ nhật), các loại ngọc hoàng (hình bán nguyệt), xung nha (hình răng) trở lên đều dùng đồng mạ vàng, từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trân châu chất liệu ngọc (ngọc liệu châu), phía trên có móc thau mạ vàng.



Côn Miện 9 lưu 9 chuông. Tế tất và đại thụ đều thêu hai chuong Hỏa và Sơn. (BAVH).



Gia Hung vương mặc Côn Miện 9 lưu 9 chuông. (Ảnh: Trịnh Bách cung cấp).

Đại thụ phía trên làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chuong Hỏa, Sơn; phía dưới nối với các tua ngũ sắc.

Đại đới phía trong màu son phía ngoài màu lục, nối với cách đới màu đỏ nhạt, 6 miếng đai hình vuông, quả trám súc phía trước, bè mặt đều khâm đồi mồi, viền vàng.

Võng cân, hia, bít tất đều nhu Triều phục.”⁽¹⁾



Vương công triều Nguyễn bồi té mặc Côn Miện 9 lưu 9 chuông. (BAVH).



1. (Việt) *Hội điển - Quyển 78. Tr.20-21. Nguyên văn: 衣五章, 用青色緞, 繡龍在肩, 山在背, 火、花蟲、尊彝在兩袖各三, 本色領。裳四章, 用纏色緞, 繡藻、粉米、黼、黻各二, 前三幅, 後四幅, 各相屬。白沙中草 (謬文。該為白紗中單) 青領, 繡黻文九。蔽膝纏色緞, 繡火、山二章, 上有鍍金鑰鈎二。佩玉二, 各珩一, 琔二。璜、衝牙以上均用銅質鍍金, 自珩而下, 繫組五貫以玉料珠, 上有鍍金鑰鈎。大綬上用纏色緞繡火、山二章, 其下繼以彩色垂纓。大帶裏表朱綠, 緣革帶纏色, 前飾方扁六, 均面璫瑁繞金。網巾竝鞚鞬均依朝服*

Côn phục 9 chuông của vua Triều Tiên. Long ở 2 vai, Sơn ở lưng, các chuong Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chuông 3 hình ở ống tay áo. (Hàn Quốc phục chế).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 9 LƯU 9 CHƯƠNG CỦA
HOÀNG TỬ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ MINH TRUNG QUỐC
(theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Minh hội điển*)

	Quy chế của nhà Nguyễn Việt Nam	Quy chế của nhà Minh Trung Quốc
Hoàng tử, vương công	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tassel, xâu 9 ngọc; trâm ngà, dây hoàng màu huyền đính tua màu đỏ; dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tassel, xâu 9 ngọc ngũ sắc xen kẽ; trâm ngọc, ngọc hành, dây đầm màu huyền, dây khoáng màu xanh, sung nhĩ dùng ngọc xanh, dây hoàng màu đỏ, ngọc trấn màu trắng
	-Cỗn phục màu xanh, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở 2 vai, Son ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo	-Cỗn phục đen huyền, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở hai vai, Son ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo
	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mě, Phủ, Phật, mỗi chương 2 hình	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mě, Phủ, Phật, mỗi chương 2 hình
	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, thêu 9 chương Phật	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo màu xanh, thêu 11 chương Phật
	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 2 chương Hỏa và Sơn	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 4 chương Tảo, Phấn mě, Phủ, Phật
	-Đại thụ phía trên thêu hai chương Hỏa, Sơn, phía dưới nối với tua ngũ sắc	-Đại thụ 4 màu đính tiểu thụ 3 màu kết 2 ngọc hoàn ở giữa
	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 2 ngọc cự; các loại ngọc hoàng, xung nha trở lên đều dùng đồng mạ vàng; từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trân châu chất liệu ngọc, phía trên có móc thau mạ vàng	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 1 ngọc vũ, 1 ngọc cự, 1 xung nha, 2 ngọc hoàng, dưới ngọc vũ rủ 1 ngọc hoa, 2 ngọc đích; từ ngọc hành trở xuống, thắt với 5 tua, xâu ngọc châu; phía trên có móc vàng
	-Cách đói màu đỏ nhạt, viền vàng	-Cách đói có móc vàng
	-Tất phía trên gắn hộ tất, may bằng gấm, hia đầu vuông màu đen	-Tất trắng, giày Tích đỏ

b. Cốn Miện 6 lưu 5 chương, 4 lưu 3 chương

六旒五章及四旒三章袞冕

Theo quy chế Cốn Miện của nhà Minh, Hoàng đế mặc Cốn Miện 12 lưu 12 chương, hoàng tử, vương công mặc Cốn Miện 9 lưu 9 chương, quận vương mặc Cốn Miện 7 lưu 7 chương, bá quan văn võ từ nhất phẩm trở xuống đều mặc Triều phục Lương Quan làm lễ, không được mặc Cốn Miện.



Cốn Miện 6 Lưu 5 Chương và 4 Lưu 3 Chương của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

Tuy nhiên, theo quy chế của nhà Nguyễn, các quan từ chính nhị phẩm trở lên được mặc Cốn Miện 6 lưu 5 chương, các quan văn tòng nhị phẩm và chính tam phẩm được mặc Cốn Miện 4 lưu 3 chương⁽¹⁾. Đây lại là quy chế Thuế Miện và Hy Miện áp dụng cho các quan nhà Tống. *Tống sử* ghi nhận: “Thuế Miện 6 lưu, áo 3 chương, thêu Hổ dũng di (tức Tông di), Tảo, Phấn mě. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phật [...] các chức thị lang của sáu bộ được mặc; Hy Miện 4 lưu, áo 1 chương, thêu Phấn mě. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phật [...] Các chức quang lộc khanh, giám sát ngự sử, độc sách quan, cử sách quan, phân hiến quan trở lên được mặc.”⁽²⁾

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48-50. Nguyên văn: 郊壇執事冕服正二品以上冕冠前後各六旒，每旒五彩繡，六就，貫用玉料珠六。其覆版周圍繞銅，刻垂雲文鍍金。冠飾金博山，上金蛟各二，金綫一，貫簪處亦飾以金，餘均依皇子諸公冕制。青衣三章，繡粉米二在肩、一在背，藻、尊彝在兩袖各三，本色領。纏裳二章，繡黼黻各二。白沙中草青領繡黻文七。蔽膝竝大綬均繡山一章。玉佩貫以三彩草珠，餘均依皇子諸公佩綬體制。大綬表裏白羅在腰無緣，其垂處緣綠。帶纏色，前飾方扁六，均面嵌瓊瑣，繞銅鍍金。文班從二品、正三品，冕冠前後各四旒。每旒五彩繡，四就，貫二彩草珠四，均依正二品制，惟省金蛟二。青衣一章，繡粉米二在肩、一在背，又在兩袖各二，本色領。纏裳二章，繡黼黻各二。中草竝蔽膝、玉佩、大綬、大帶均依正二品之制。

2. (Trung) *Tống sử*. Q.152 Chí. Đệ nhất bách ngũ. *Dụ phục Tứ*. Nguyên văn: 翩冕：六玉，三采，衣三章，繪虎鷩彝、藻、粉米；裳二章，繡黼、黻[...]六部侍郎以上服之；緼冕：四玉，二采，朱、

Như vậy, một cách tổng quan có thể thấy quy chế Cổn Miện của nhà Nguyễn đã tham khảo từ hai nguồn chính là quy chế nhà Tống và nhà Minh, khớp với lời nhận định có phần khoa trương của triều thần Lý Văn Phúc “*Dai rộng mũ cao, ấy y phục Tống Minh vậy.*” Trong đó, Cổn Miện 9 lưu 9 chương được tham khảo từ quy chế Minh, còn Cổn Miện 6 lưu 5 chương và 4 lưu 3 chương được tham khảo từ quy chế Tống. Dĩ nhiên, như chúng tôi đã đề cập, toàn bộ kiểu dáng hoa văn, trang sức, cũng như sự kết hợp giữa các phục sức (Thường, Kế y, đại thụ, tế tất, đại đới v.v.) trong bộ Cổn phục của Việt Nam không rập khuôn theo tỉ lệ 1:1 so với quy chế cổ của Trung Quốc. Tình hình này cũng xảy ra tương tự ở Triều Tiên. So sánh sự bố trí hoa văn Hỏa, Hoa trùng, Tông di trên áo Cổn 9 chương của vua Triều Tiên với áo Cổn 9 chương của vương công triều Nguyễn, có thể thấy được sự đại đồng tiểu dị này.



Cổn Miện 4 lưu 3 chương của Quan Văn Tòng Nhị phẩm và Chính Tam phẩm. (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

绿。衣一章繪粉米，裳二章，綉黼、黻[...]光祿卿、監察御史、讀冊官、舉冊官、分獻官以上服之



Trang phục Hoàng đế và Hoàng thân triều Nguyễn mặc khi tế Giao do Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902 (*Hoàng phái sắc phục tự thiền tử chí tôn thất*) chỉ là dạng trang phục vẽ theo trí tưởng tượng của họa sĩ. Có lẽ do Nguyễn Văn Nhân chưa được chứng kiến lễ tế Nam Giao để tận mắt thấy Cổn Miện.

QUY CHẾ CỔN MIỆN CỦA CÁC QUAN NHÀ NGUYỄN

(theo *Hội điển*)

Cổn Miện 6 lưu 5 chương <i>Các quan chính nhị phẩm trở lên</i>	Cổn Miện 4 lưu 3 chương <i>Quan văn tòng nhị phẩm và Chính tam phẩm</i>
Mũ Miện trước và sau đều có 6 lưu, mỗi lưu 5 dây thái thảo, 6 tựu, xâu bởi 6 hạt châu chất liêu ngọc; xung quanh miện bắn quấn đồng khắc hoa văn mây rủ; mũ mạ vàng súc bắc son vàng, 2 giao long vàng, 1 kim tuyến, ở chõ cài trâm cũng súc bằng vàng, còn lại đều theo quy chế Miện phục của hoàng tử và vương công	Mũ Miện phía trước và sau đều 4 lưu, mỗi lưu 5 thái thảo, 4 tựu, xâu 4 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế của quan chính nhị phẩm; riêng lược bồ đi 2 hình giao long vàng
Áo xanh 3 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai 1 hình ở lưng; Tảo, Tông di ở hai tay áo, mỗi chương 3 hình; cổ áo như màu áo	Áo xanh 1 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai, 1 hình ở lưng, ở hai ống tay áo cũng lại thêu mỗi bên 2 hình;
Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu Phủ, Phất mỗi chương 2 hình; cổ áo Trung Đơn làm bằng sa trắng thêu 7 hình Phất	Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu 2 hình Phủ và 2 hình Phất
Tế tất và đại thụ đều thêu chương Sơn. Đại thụ trong và ngoài đều làm bằng lụa trắng, ở phần eo không có viền, ở chõ rủ xuống viền màu lục. Ngọc bội xâu bởi 3 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế bội, thụ của hoàng tử và các vương công. Đại màu đỏ nhạt, mặt trước súc 6 miếng gồm hình vuông lẩn hình quả trám, bề mặt đều khảm đồi mồi, viền đồng mạ vàng	

1.2. Lễ phục Tịch điền

Tịch điền là một trong những buổi lễ quan trọng của các nước nông nghiệp. Ít nhất từ năm 987, vua Lê Đại Hành đã “lần đầu cày ruộng Tịch điền”. Tuy nhiên, do sự khuất lấp của sử liệu, chúng ta hiện không thể biết được loại trang phục sử dụng vào dịp lễ Tịch điền của vua quan các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê. Song chúng tôi nghe rằng, Lễ phục Tịch điền của các triều đại trước đây có lẽ không nằm ngoài các bộ Triều phục và Thường phục, có chăng xuất hiện một vài biến cách nhỏ tương tự như quy chế của triều Nguyễn.

Đối với quy chế Lễ phục Tịch điền của vua quan triều Nguyễn, *Hội điển* ghi nhận, Lễ phục của hoàng đế là mũ Cửu Long Đường Cân kết hợp với Long bào hẹp tay màu vàng. Năm 1827, Lễ phục Tịch điền của các quan văn võ chấp sự được quy định là “áo Thái bào hẹp tay màu lam. Quan võ đội mũ Hổ Đầu, quan văn đội mũ Văn Công, mũ Xuân Thu. Bát, cửu phẩm đội Anh Cân, áo Thái y hẹp tay. Dai lung lụa màu lam”⁽¹⁾; năm 1849, Lễ phục Tịch điền của hoàng tử và các vương công được quy định là “mũ Kim Quan, áo Thái bào hẹp tay màu đỏ.”⁽²⁾ Trong đó, mũ Cửu Long Đường Cân, mũ Hổ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân là mũ Thường phục của vua và văn võ bá quan; mũ Kim Quan là mũ Triều phục của hoàng tử và thân vương. Có điều, khác với quy chế Thường phục Bố tử, Lễ phục Tịch điền của vua quan nhà Nguyễn là sự kết hợp giữa mũ Thường phục và các loại áo Thái bào, Thái y hẹp tay, tức loại áo được thêu hoa văn sặc sỡ, tương tự như áo bào Triều phục.

Quy chế cụ thể của các loại mũ Hổ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân, Kim Quan chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày ở phần sau.



Thường phục và Triều phục của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

2. Triều phục

Theo quy chế Triều phục năm 1500 thời vua Lê Hiển Tông, bá quan nhât loạt đội mũ Phốc Đầu kết hợp với Bố phục. Vào thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu vẫn được áp dụng làm mũ Triều phục cho văn võ bá quan, song được phân làm ba loại: mũ Phốc Đầu dáng tròn dành cho quan văn, mũ Phốc Đầu dáng vuông dành cho quan võ và mũ Phốc Đầu đính thêm 2 sừng bạc gọi là mũ Giải Trãi áp dụng cho Pháp quan (các quan thực thi pháp luật và ngự sử). Mũ Triều phục của hoàng thân, thân vương nhà Nguyễn chủ yếu có ba loại: mũ Bình Đính, mũ Kim Quan và mũ Phốc Đầu vuông.

Ngoài ra, vào thời Nguyễn, quy chế Bố tử Triều phục thời Lê Trung Hung được thay đổi, quay trở lại làm Thường phục như quy chế triều Lê sơ và triều Minh. Song đối với các chức quan lục phẩm, thất phẩm, áo bào Triều phục vẫn sử dụng Bố phục kết hợp với mũ Phốc Đầu. Riêng áo bào Triều phục của các quan từ nhất phẩm đến ngũ phẩm lần lượt được phân biệt là các loại Mãng bào (*còn gọi là áo bào Tú linh, thêu hình long, lân, quy, phượng*), Giao bào (*áo bào giao long*) và Hoa bào (*áo bào hoa*).

a. Thất Long Đường Cân 七龍唐巾

Năm 1811, Triều phục của hoàng thái tử được quy định, “mũ dùng Thất Long Đường Cân súc vàng và ngọc châu. Áo bào rồng ố màu đỏ sẫm. Thường thêu rồng 5 móng. Dai súc vàng trổ rồng.”⁽¹⁾ Loại mũ Triều phục Thất Long Đường Cân của hoàng thái tử có kiểu dáng tương tự mũ Thường triều Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự giảm. Bức ảnh vua Bảo Đại



Vua Bảo Đại khi còn là Hoàng thái tử và Hoàng thái tử Bảo Long mặc Triều phục.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48. Nguyên văn: 明命八年議準文武官充耤田從耕執事藍色狹袖彩袍。武官虎頭帽, 文文公、春秋帽。八九品英巾狹袖彩衣, 藍帛腰帶

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 耒田從耕皇子諸公品服, 冠用金冠, 袍用赤色狹袖彩袍

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.17. Nguyên văn: 皇太子大朝品服冠用唐巾七龍金珠飾。袍用盤龍袍大赤色。裳繡五爪龍。帶金飾雕龍



Long bào cổ tròn, màu đỏ sẫm (Đại Xích) của vua Đồng Khánh khi còn làm Hoàng Thái tử.

khi còn là Hoàng thái tử và bức ảnh Hoàng thái tử Bảo Long trong lễ tấn phong đều thể hiện bộ Triều phục này.

b. Bình Dinh (Bình Thiên) 平頂冠

Năm 1816, Triều phục của các vị hoàng tử, hoàng tôn, công tử được quy định, “*mũ dùng mũ Bình Thiên súc vàng và ngọc châu. Áo bào dùng Măng bào cổ tròn, màu đỏ sẫm. Thuồng thêu rồng 4 móng. Dai súc vàng rồng 4 móng.*”⁽¹⁾ Tuy nhiên 16 năm sau, vua Minh Mạng ra lời dụ, quy định đổi tên mũ Bình Thiên thành mũ Bình Dinh vì cho rằng tên Bình Thiên là tên nôm na không được điển nhã, vả lại hai chữ Bình Thiên cũng không phải từ dành cho phận bè tôi⁽²⁾, đồng thời quy định, mũ Bình Dinh là mũ Triều phục áp dụng cho hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quân công.



Tuy Lý vương Miên Trinh và Hoàng Hóa Quận vương Miên Triệu đội mũ Bình Dinh (BAVH).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇子大朝冠用平天冠金珠飾。袍用盤領蟒袍大赤色。裳繡四爪龍。帶金飾四爪龍。Tr.36. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇孫、公子大朝冠用平頂冠金珠飾。

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.21. Nguyên văn: 諭向來皇子諸公所戴之冠俗稱為平天冠，頗平天二字非臣子之所應有，殊覺未雅。茲著名為平頂冠。

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC BÌNH ĐÍNH NĂM 1845

(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân công, quốc công
Mũ Bình Dinh	6 hoa vàng, 6 rồng, (?) giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiễu tuyến, 4 hình cổ đồ và 4 thùy văn, đỉnh mũ trổ 2 hình long văn, bao đỉnh trổ 4 hình long văn, 28 biên bao	4 hoa vàng, 4 rồng, 2 giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiễu tuyến, 2 hình cổ đồ và 2 thùy văn, đỉnh mũ trổ 2 hình long văn, bao đỉnh trổ 4 hình long văn, 28 biên bao
Áo bào	Áo bào Đại vân màu đỏ sẫm làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	Áo bào Tú linh màu đại xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim
Đai	Trước sau có 18 miếng, bề mặt trổ hình mäng khảm vàng, các miếng đai đều bọc vàng	Phải trái trước sau 18 miếng; đai của thân công bề mặt trổ hình kỳ lân khảm vàng, đều bọc vàng; đai của quốc công miếng chính giữa ở phía trước trổ hình kỳ lân khảm vàng, 4 miếng hình dẹt ở bên phải và trái bề mặt trổ hình hoa khảm vàng, 13 miếng còn lại bề mặt khảm gương, các miếng đai xen kẽ nhau, đều bọc vàng
Thuồng	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	



Mũ Kim quan. 1. Mũ trong chân dung Tùng thiện vương Miên Thẩm (mũi tên đỏ: Bác Sơn vàng); 2, 4. Mũ lưu giữ tại Bảo tàng Quân sự Pháp (Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Mũ lưu giữ tại BTLSVN (Ảnh: TQĐ). Đồ giải: 1. Hậu xí; 2. Hỗn kỳ; 3. Hỗ Nhĩ; 4. Giao long; 5. Vân khí; 6. Hoa; 7. Thùy văn.

c. Kim Quan 金冠

Theo *Hội điển*, mũ Kim Quan kết hợp với áo bào Tứ linh màu đỏ là Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện hầu và hương hầu.



Tùng Thiện vương Miên Thẩm (1819 - 1870), đội mũ Kim Quan; Quốc cữu triều Nguyễn làm chủ hôn trong đám cưới của công chúa, đội mũ Kim quan. (BAVH).

QUY CHẾ MŨ KIM QUAN NĂM 1845

(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công	Hoàng tử, hoàng thân được phong hương công, huyện hầu, hương hầu
Mũ Kim Quan	Sức 2 bá son vàng, phía trước và sau 3 hoa vàng, phía trước 4 giao long vàng, trên đỉnh 2 hình mây, 1 hậu xí (cánh sau), 1 hổ kỳ (bờm hổ), 2 hổ nhĩ (tai hổ), 6 vân khí, đỉnh mũ trổ 1 thùy văn, 4 ngọn lửa, đều kết chuỗi hạt giả chu	Sức 2 bá son vàng, trước và sau 2 hoa vàng, còn lại giống hoàng tử, thân vương được phong huyện công
Áo bào	Áo bào Tứ linh màu hoa xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	
Dai	Miếng chính giữa ở phía trước trổ hình kỳ lân khảm vàng, 17 miếng còn lại bề mặt khảm guong, đeo bọc vàng	
Thường	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	

d. Phốc Đầu 帽頭冠

Mũ Phốc Đầu được áp dụng rộng rãi làm mũ Triều phục cho bá quan văn võ và một số vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn. Trong đó, mũ Phốc Đầu tròn được quy định là mũ Triều phục của quan văn, mũ Phốc Đầu vuông là mũ Triều phục của quan võ (ngoại trừ quan bát, cửu phẩm)⁽¹⁾, đồng thời cũng là mũ Triều phục của các vị tôn thất được phong tước *thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công, huyện công, hương công, huyện hầu, hương hầu, các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất* được phong tước *kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy, phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang*⁽²⁾. Ngoài ra, loại mũ Phốc Đầu được đính hai sừng bạc ở trang sức bá son, gọi là mũ Giải Trãi, là mũ Triều phục của đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chưởng ấn⁽³⁾.

Quy chế Triều phục Phốc Đầu của bá quan triều Nguyễn được đặt định lần đầu tiên vào năm 1804 thời vua Gia Long, được chỉnh sửa vào năm 1845 thời vua Thiệu Trị. Quy chế năm 1845, về cơ bản tương tự quy chế



Mũ Phốc Đầu tròn, mũ Phốc Đầu vuông, mũ Giải Trãi. (BAVH).



Hiện vật mũ Phốc Đầu vuông của quan võ Nhất phẩm triều Nguyễn (bộ sưu tập cá nhân).

Trang sức: 1. Bác sơn (còn gọi là khóa kiều); 2. Hoa; 3. Giao long; 4. Ngạch tường; 5. Khóa giản (còn gọi là hốt); 6. Như ý; 7. Nhiễu tuyến.



Trang sức mũ Phốc Đầu. 1. Bác sơn vàng – khóa kiều vàng; 2. Cánh chuồn viền bọc vàng, đầu súc vàng, bề mặt đính giao long vàng; 3. Giao long vàng; 4. Khóa giản vàng – Hốt vàng.

1. (Việt) *Đại Nam điển lệ toát yếu*. Nguyên văn: 文大朝冠自一品至七品均用圓幞頭，武用方幞

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.25-31.

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.56-57.

năm 1804, song tên gọi của một số loại trang sức và số lượng trang sức trên mũ có sự thay đổi. Như thời Gia Long, trang sức bắc son được gọi là khóa kiều, hốt (trang sức trên mũ) được gọi là khóa giản v.v. Ngoài ra, từ năm 1845 trở về sau, chỉ có các quan từ lục phẩm trở lên mới được mặc Triều phục.

**BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ TRANG SỨC MŨ PHỐC ĐẦU
NĂM 1804 VÀ NĂM 1845**
(theo Hội điển)

Bá quan	Quy chế năm 1804	Quy chế năm 1845
Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)	<p>-Phốc Đầu tròn: 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng</p> <p>-Phốc Đầu vuông: 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng 5 phân; còn lại như trên</p>	<p>Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương</p> <p>1 bắc son vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trổ hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng vờn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p>
		<p>Tôn thất được phong tước thân công, quốc công</p> <p>Như trên, riêng ngạch tường cao 3 phân trổ hình hoa; hai cánh chuồn súc giao long vàng, đầu cánh chuồn không súc vàng là khác biệt</p>
	<p>Tôn thất được phong tước quận công, huyện công</p>	<p>Như tôn thất được phong tước thân công, quốc công, nhưng không có ngạch tường</p>
	<p>Tôn thất được phong hương công, huyện hầu, hương hầu</p>	<p>So với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vuông lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang súc giao long vàng</p>

		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	1 bắc son bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 nhu ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phung quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	1 bắc son bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 nhu ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phung quốc lang</i>	Trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 nhu ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc.
Chính tòng nhất phẩm		<p>-Chính nhất phẩm: như quan trên nhất phẩm (1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long bờn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-Tòng nhất phẩm: như chính nhất phẩm; riêng ngạch tường cao 3 phân, trổ hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không súc vàng</p>	<p>-Chính nhất phẩm: 1 bắc son vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trổ hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long bờn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-Tòng nhất phẩm: như chính nhất phẩm; riêng ngạch tường cao 3 phân, trổ hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không súc vàng</p>
Chính tòng nhị phẩm		<p>1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng</p>	<p>-Chính nhị phẩm: 1 bắc son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-Tòng nhị phẩm: như chính nhị phẩm; riêng bỏ trang súc giao long ở mặt mũ</p>
Chính tòng tam phẩm		<p>1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và mặt sau; hai cánh chuồn viền bọc vàng</p>	<p>-Chính tam phẩm: 1 bắc son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng; 2 giao long vàng; 2 cánh chuồn viền bọc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-Tòng tam phẩm: như chính tam phẩm; riêng bỏ 2 giao long vàng</p>

<i>Chính tòng tú phẩm</i>	1 khóa kiều bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng	1 bắc son bạc; 2 khóa giản vàng; phía trước và sau đều 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng; 2 như ý bạc; 2 nhiêu tuyến bạc
<i>Chính tòng ngũ phẩm</i>	1 khóa kiều bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	1 bắc son bạc; 2 khóa giản bạc; phía trước và sau đều 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 như ý bạc; 2 nhiêu tuyến bạc
<i>Chính tòng lục phẩm</i>	Hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	Phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiêu tuyến bạc
<i>Chính tòng thất phẩm</i>	Hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viền tròn	

e. Bào phục

Quy chế Triều phục mǔ Phố Đầu kết hợp với Bổ phục thời Lê Trung Hưng vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các chức quan ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Bên cạnh đó, quy chế triều Nguyễn quy định: các quan nhất, nhị, tam phẩm mặc Māng bào; quan tú phẩm theo quy chế năm 1804 mặc Hoa bào, từ năm 1845 trở về sau đổi sang mặc Giao bào.

Về sắc phục của áo bào Đại Triều, theo *Hội điển*, quy chế năm 1804 quy định, áo bào Triều phục dành cho các quan trên nhất phẩm là Māng bào cổ tròn màu tía, từ nhất phẩm trở xuống, các màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy nghi. Quy chế này được sửa đổi vào năm 1845, lúc này các quan từ Tam phẩm trở lên đều mặc Māng bào, trong đó quan trên nhất phẩm mặc màu tía, quan chính nhất phẩm mặc màu cổ đồng, tòng nhất phẩm mặc màu thiên thanh, chính nhị phẩm mặc màu cam bích, tòng nhị phẩm mặc màu quan lục, chính tam phẩm mặc màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Quan tú phẩm mặc Giao



Quan ngũ phẩm triều Nguyễn mặc Triều phục. (Ảnh: Nguyễn Giang).



Võng cân, lưới bọc tóc, đai, hót, Hia. (BAVH).

bào màu quan lục. Quan ngũ phẩm mặc Bổ phục Vân nhạn màu bảo lam, áo bào làm bằng trùu thêu hoa. Quan lục phẩm mặc Bổ phục Bạch nhàn màu ngọc lam, áo làm bằng trùu bóng không thêu hoa.

Nam phuong danh vật bị khảo chép:

“Māng bào là áo Đại triều của các quan từ tam phẩm trở lên, thêu hình māng. Quan chính nhất phẩm màu đồng hồng, tòng nhất phẩm màu xanh, chính nhị phẩm màu biếc, tòng nhị phẩm màu lục, chính tam phẩm màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Giao bào là áo Đại triều của quan tú phẩm, thêu hình giao long. Lam bào là áo Đại triều của quan ngũ phẩm và lục phẩm, áo của quan ngũ phẩm thêu thêm hoa. Hoa bào là áo vua ban cho các vị tam khôi. Lục bào là áo vua ban cho tiến sĩ.”⁽¹⁾

bào là áo Đại triều của quan ngũ phẩm và lục phẩm, áo của quan ngũ phẩm thêu thêm hoa. Hoa bào là áo vua ban cho các vị tam khôi. Lục bào là áo vua ban cho tiến sĩ.”⁽¹⁾

Tại Trung Quốc, Māng bào xuất hiện từ thời Minh, được gọi là Māng y hoặc Māng phục, nếu không được vua đặc ban, bá quan không được sử dụng. Vào thời Thanh, Māng bào được sử dụng làm Lễ phục cho hoàng tử, thân vương và văn võ bá quan, phần nhiều được dùng trong các dịp lễ tết lớn như lễ Vạn Thọ, Tết Thuận Nguyên và Tết Nguyên Đán v.v.

Khâm định Đại Thanh hội điển cho biết: “Māng bào, màu lam và màu thạch thanh cho được tùy nghi sử dụng, viền vàng. Thân vương, quận vương thường dùng áo bào thêu 9 hình māng.



Māng bào rồng mây sóng nước dành cho Hoàng tử triều Thanh (*Thanh Hội Diển*).

1. (Việt) *Nam phuong danh vật bị khảo - Thượng - Phục dung mòn*. Nguyên văn: 蟒袍：今三品以上大朝衣繡蟒。正一銅紅，從一青，正二碧，從二綠，正三寶藍，從三玉藍。蛟袍：今四品以上朝衣繡蛟。藍袍：今大品以上朝衣，五品加花。花袍：今三魁賜衣。綠袍：今進士賜衣。



Mặt trước và mặt sau của Māng bào và Hoa bào triều Nguyễn. (BAVH).

móng. Quan văn võ thất, bát, cửu phẩm, quan vị nhập lưu dùng áo bào thêu 5 hình māng bốn móng. Vạt áo, tôn thất, thân vương trỏ xuống đều xé bốn vạt, bá quan văn võ chỉ xé hai vạt trước sau.”⁽¹⁾ Tại Việt Nam, quy chế Māng bào được áp dụng làm Triều phục cho bá quan văn võ Đàng Trong kể từ năm 1744 sau cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát. *Đại Nam thực lục* ghi: “Chúa [...] châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ. Văn từ quản bộ đến chiêm hâu, huấn đạo, võ từ chưởng dinh đến cai đội, mũ súc vàng bạc, áo dùng Māng bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc.”⁽²⁾ Lê Quý Đôn cũng ghi nhận sau cải cách này, các quan Đàng Trong “dùng Māng bào thủy ba (hoa văn sóng nước), mũ mao dùng vàng bạc trang súc”⁽³⁾.

Māng bào triều Nguyễn nhìn chung



1. Māng bào (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: TQĐ); 2. Māng bào màu tía của quan Chính nhất phẩm và Bổ phục Vân nhạn của quan ngũ phẩm (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền).

1. (Trung) *Khâm định Đại Thanh hội điển* - Q.47. Nguyên văn: 蟒袍，藍及石青諸色隨所用，片金緣。親王、郡王，通繡九蟒。貝勒以下至文武三品官、郡君額駙、奉國將軍、一等侍衛，皆九蟒四爪。文武四五六品官、奉恩將軍、縣君額駙、二等侍衛以下，八蟒四爪。文武七八九品、未入流官，五蟒四爪。裾，宗室親王以下皆四開，文武官前後開。

2. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập I. Tr.153.

3. (Việt) *Phù biện tạp lục*. Nguyên văn: 賀者用蟒袍水波，其帽飾以金銀

Bối lặc trỏ xuống tới các quan văn võ tam phẩm, quận quân ngạch phò, phụng quốc tướng quân, nhất đẳng thị vệ đều dùng áo bào thêu 9 hình māng bốn móng. Quan văn võ tú, ngũ, lục phẩm, phụng ân tướng quân, huyện quân ngạch phò, nhị đẳng thị vệ trỏ xuống dùng áo bào thêu 8 hình māng bốn móng. Quan văn võ thất, bát, cửu phẩm, quan vị nhập lưu dùng áo bào thêu 5 hình māng bốn móng. Vạt áo, tôn thất, thân vương trỏ xuống đều xé bốn vạt, bá quan văn võ chỉ xé hai vạt trước sau.”⁽¹⁾ Tại Việt Nam, quy chế Māng bào được áp dụng làm Triều phục cho bá quan văn võ Đàng Trong kể từ năm 1744 sau cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát. *Đại Nam thực lục* ghi: “Chúa [...] châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ. Văn từ quản bộ đến chiêm hâu, huấn đạo, võ từ chưởng dinh đến cai đội, mũ súc vàng bạc, áo dùng Māng bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc.”⁽²⁾ Lê Quý Đôn cũng ghi nhận sau cải cách này, các quan Đàng Trong “dùng Māng bào thủy ba (hoa văn sóng nước), mũ mao dùng vàng bạc trang súc”⁽³⁾.

đã tham khảo bối cục rồng mây, sóng nước của Māng bào Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Tuy nhiên, Māng bào của bá quan triều Nguyễn còn được thêu hình phượng, kỳ lân và rùa, đồng thời có tên gọi là áo bào Tú linh. Năm 1832 vua Minh Mạng ra chỉ dụ, “xưa nay áo bào của quan tam phẩm trỏ lên, tục gọi là áo bào Tú linh, có hình rồng nằm trong số đó [...] cách gọi như vậy đều không phù hợp, bởi hình phượng, lân, rùa chỉ là hình phụ họa mà thôi, chỉ cần gọi Māng bào là được.”⁽¹⁾ Mặt khác, trên lưng áo bào triều Nguyễn còn bảo lưu hai cánh lá phú hậu thời Minh (nhà Lê Trung Hưng cũng mô phỏng dạng thức

này), phụ kiện này không xuất hiện trên áo bào của các quan nhà Thanh Trung Quốc.

Ngoài ra, khác với quy chế áo mao thời Lê Trung Hưng, bất kể Cổn phục, Lễ phục, Triều phục hay Thường phục của vua quan triều Nguyễn đều phối với thường - Kế y, một dạng xiêm áo mặc lót bên trong



Các quan võ mặc Triều phục; Một trong ba vị Tam khôi triều Nguyễn mặc áo Hoa bào, cài hoa bạc trên mũ. Quan nhị phẩm mặc Māng bào và quan tứ phẩm mặc Giao bào. (Ảnh: Albert Kahn).



Xiêm - thường của quan triều Nguyễn.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 論向來三品以上袍俗呼四靈袍則龍在其中[...]均屬不合。鳳、麟、龜係是附和，只須名為蟒袍



Hiện vật Mäng bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hiện vật Mäng bào (Ảnh: Philippe Trương), Giao bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thát (Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902). Ảnh 1: Hoàng đế, thái giám, hiếp lịnh thị vệ mặc Triều phục. Ảnh 2: Quan văn Chính nhất phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Mãng bào.

Ảnh 3: Hoàng thân mặc Triều phục mũ Kim Quan - Mãng bào. Ảnh 4: Quan văn Chính, Tòng Ngũ phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Hoa bào (Theo *Hội điển* và tư liệu ảnh chụp chúng tôi có, quan Ngũ phẩm không mặc Hoa bào mà mặc Bồ phục. Hoa bào chỉ dành cho các vị đồ Tam khôi).

áo bào. Tuy nhiên, thường của vua quan nhà Nguyễn khác với loại thường Tiện phục được sử dụng phổ biến thời Lý - Trần. Thường thời Lý - Trần là loại váy quây màu đen gấp nếp, còn thường thời Nguyễn gắn với áo cộc tay cổ tròn, đồng thời được thêu lênh vô số hoa văn mây nước, cổ đồ, bát bảo và linh thú. Đây có thể coi là quy chế trang phục mặc lót độc đáo của riêng triều Nguyễn.



Bá quan nhà Nguyễn trong buổi chầu Thường triều.

3. Thường phục

Quy chế Triều phục của bá quan nhà Nguyễn được đặt định dựa trên hai nguồn tham khảo chính là quy chế Bổ phục của triều Lê Trung Hưng và kiểu dáng Mäng bào của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu

Thanh. Còn trong quy chế Thường phục, triều đình nhà Nguyễn tiếp tục kết hợp quy chế Bổ phục của triều Lê Trung Hưng với quy chế Bổ phục của nhà Minh, song song với việc đặt định một số dạng mũ mao độc đáo như mũ Văn Công, Hổ Đầu, Đông Pha, Xuân Thu v.v. Đặc biệt, Bổ phục của nhà Lê và nhà Minh là dạng áo bào đoàn lĩnh cổ tròn gắn Bổ tử, nhà Nguyễn đã kế thừa một phần quy chế này áp dụng làm Triều phục cho các quan ngũ, lục, thất phẩm. Quy chế Thường phục lại quy định Bổ Tử đính lên áo giao lĩnh.

3.1. Quy chế mũ mao

a. Mũ Văn Công 文公冠



Mũ Văn Công (BAVH); Quan văn mặc Thường phục Văn Công. (Việt Nam qua tranh khắc).

1. (Việt) Đại Nam điển lệ toát yếu. Nguyên văn: 文以下至三品同常朝冠，文用文公，絕金飭。兩縷飭金



Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài (BAVH). Quan văn Lục phẩm đội mũ Đông Pha.

chính là loại mũ được các quan triều Tây Sơn sử dụng từ thế kỷ XVIII qua lời ghi nhận của văn thần Triều Tiên Kim Chính Trung.

Kết hợp với mũ Văn Công là Bổ phục giao lĩnh. Trong đó, áo giao lĩnh được làm bằng sa, đoạn, các màu xanh, lục, lam, đen được tùy nghi, riêng cổ áo trắng⁽¹⁾. Bổ tử dành cho quan nhất, nhị phẩm là Tiên hạc, Bổ tử của quan tam phẩm là Cẩm kê. Thường, hia và tất tương tự quy chế Đại triều.

b. Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cân 東坡巾、文秀才巾、風巾

Nam phuong danh vật bị khảo chỉ rõ: "Mũ Đông Pha là mũ Thường triều của quan văn lục phẩm trở lên, mũ Văn Tú Tài là mũ Thường triều của quan văn cửu phẩm trở lên."⁽²⁾ Theo Hội điển, mũ Văn Tú Tài còn được áp dụng làm mũ Thường phục cho quan võ tòng thất phẩm, tòng bát phẩm và tòng cửu phẩm (quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính).

Quan văn chưa nhập lưu được quy định đội mũ Phong Cân. Đây cũng chính là mũ Lê phục của dân gian, áp dụng cho thú dân sau khi tròn 20 tuổi, có tính chất tương tự như loại mũ Ô Sa đơn dạng của triều Lê Trung Hưng. Quốc sử di biên ghi nhận, "văn giai chưa nhập lưu, sĩ tử thi đỗ, hoặc mãn đại nhiêu học, hoặc sáu năm nhiêu học, mũ dùng Phong Cân, trước sau mũ thêu hoa bạc đều một cái, mặc theo 'thân phận' mình, áo giao lĩnh, sa đoạn các sắc xanh, lục, lam, đen, không Bổ tử. Thú dân chưa làm



"Làm mũ Tú Tài" (Kỹ thuật của người An Nam).

花, 嵌珠. (Việt) Nam phuong danh vật bị khảo. Nguyên văn: 文公帽: 今文三品以上常朝冠

1. (Việt) Hội điển - Q.78 - Văn võ quan phục. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞, 青綠藍黑隨用

2. (Việt) Nam phuong danh vật bị khảo. Nguyên văn: 東坡巾今文六品以上常朝冠。文秀才巾今文九品以上常朝冠



Các chức sắc trong làng mặc Lễ phục Phong Cân, Quan văn Ngũ phẩm mặc Thường triều phục Đông Pha. (Ảnh: Albert Kahn).

quan: phàm có việc nghi lễ gia quan, mũ dùng Phong Cân sắc đen, không thêu hoa, áo dùng áo giao lĩnh màu thâm, giày, tất đều màu đen.⁽¹⁾ Loại mũ Phong Cân trong dân gian vẫn được gọi là mũ Tú Tài. *Đại Nam quắc âm tự vị* định nghĩa mũ Tú tài cũng là mao gia lẽ.



Các sĩ tử tại trường thi Nam Định đội mũ Phong Cân, mặc áo giao lĩnh. *Hội diễn* cho biết Lễ phục của dân gian là mũ Phong Cân kết hợp với áo giao lĩnh, giày tất đều màu thâm đen. *Quốc Sử di biên* còn ghi nhận mũ Phong Cân, áo giao lĩnh là trang phục dùng trong lễ Gia Quan dành cho nam giới khi tròn 20 tuổi.

Đối chiếu mô tả của sử liệu với tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX, đặc biệt là hình vẽ mũ Đông Pha, Văn Tú Tài của Tôn Thất Sa trong *BAVH*, có thể thấy trên thực tế mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cân đều có kiểu dáng tương tự, được phân biệt bởi quy chế trang sức và một số chi tiết nhỏ ở kết cấu mũ. Do mũ Phong Cân, mũ Tú Tài được quy định là mũ Lễ phục của dân gian, nên vẫn được duy trì đến ngày hôm nay, với tư cách là mũ tế sử dụng trong các dịp tế lễ hè của người Việt. Có điều, mũ tế

1. (Việt) *Quốc sử di biên*. 1821. Tập trung 16a. Nguyên văn: 未入流士子試中或滿代饒學或六年饒學，冠用風巾，前後飾銀線花各一，衣用本色，交領紗綵青綠藍黑諸色，無補子。庶民未入仕，凡有加冠儀禮事務，冠用風巾烏色，無紋飾，衣用交領黑色，鞋襪全用黑色。

hiện nay có chiều hướng khoa trương sắc sỡ, thiếu những nét tinh tế và vẻ điển nhã của Phong Cân ngày xưa.

QUY CHẾ MŨ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN NHÀ NGUYỄN (1804) (theo *Hội diễn*)

	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>
Trên nhất phẩm	Văn Công: súc toàn vàng, hai dải thùy anh trang súc kim hoa khảm ngọc châu	Hổ Đầu: súc toàn vàng
Nhất phẩm	Văn Công: súc toàn vàng	Hổ Đầu
Nhị phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tam phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tứ phẩm	Đông Pha: Hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như hoa, giao long đều dùng bạc	Xuân Thu
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Xuân Thu
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Xuân Thu (Quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính)
Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Tòng thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Tòng bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Tòng cửu phẩm đội Văn Tú Tài như chính cửu phẩm
Chưa nhập lưu	Phong Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc	Anh Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc

c. Mũ Hổ Đầu 虎頭冠

Vào tháng 2 năm 2011, một pho tượng võ tướng làm bằng đất nung, đội mũ hình đầu hổ, mặc áo giáp đã được phát hiện tại xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi⁽¹⁾. Loại mũ thể hiện trên pho tượng

1. "Quảng Ngãi: Tìm thấy một pho tượng quý". Báo Sài Gòn Giải phóng Online. Bài đăng ngày 17/03/2011.



Các võ quan triều Nguyễn đội mũ Hổ Đầu, mặc áo Măng lan.

này về cơ bản khớp với loại mũ trên tượng ngói thời Trần. Cần lưu ý rằng, vào năm 1756, chúa Nguyễn Phúc Khoát lần đầu tiên lệnh cho ba quân tướng sĩ Đàng Trong đội Hổ Thủ Đầu mạo, hay còn gọi là Hổ Đầu mạo⁽¹⁾. Giữa hai loại mũ thể hiện trên hai pho tượng không đồng đại này chưa chắc đã có mối quan hệ kế thừa trực tiếp, song có thể đều được mô phỏng theo quy chế Hổ quan thời Đường. Tuy nhiên, có thể khẳng định, mũ Hổ quan thời Đường không có mối liên hệ về mặt tạo hình với mũ Hổ Đầu (Hổ Đầu quan) của các võ quan triều Nguyễn.

Vào thời Nguyễn, từ năm 1804, mũ Hổ Đầu kết hợp với Bố phục Kỳ lân, Bạch trạch, Sư tử được quy định là Thường phục của quan võ nhất, nhì, tam phẩm. Năm 1845, vua Thiệu Trị phê chuẩn cho các quan võ giữ các chức thống quản, cai quản các quân doanh cho đến chưởng phủ đô thống, thống chế, chưởng vệ, vệ úy, phó vệ úy đều được đội mũ Hổ Đầu kết hợp với áo Măng lan⁽²⁾.

Áo Măng lan là dạng áo hẹp tay, có lối thêu súc tương tự như Măng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Măng bào. *Hội điển* cho biết: “Trước đây áo hẹp tay của quan viên thị vệ được gọi là áo Long Chấn, như vậy không phù hợp [...] nay gọi áo hẹp tay là Măng lan mới phải. Từ rày không được gọi theo cách gọi trước kia để làm rõ danh phận.”⁽³⁾

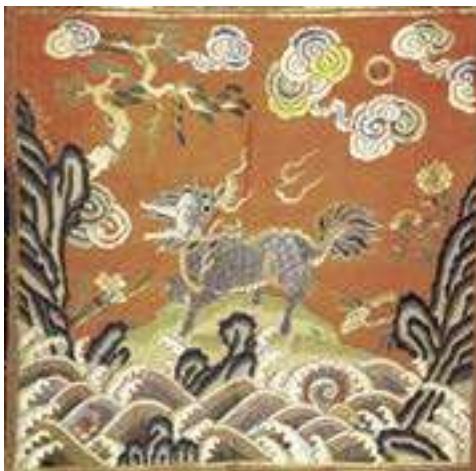
1. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.8. Tr.14. Nguyên văn: (阮世宗福闢) 戊寅二十年（1756）初令三軍著虎首頭帽虎頭帽

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.57. Nguyên văn: 議準各軍營衛統管、該管等員奉有官給虎頭冠、蟒襯衣以備扈侍

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 侍衛官員窄袖衣呼為龍震衣均屬不合[...]其窄袖衣名為蟒襯方是。嗣後不得仍前稱呼以召名分



1. Quan võ tam phẩm đội mũ Hổ Đầu, mặc Bố phục;
2. Mũ Hổ Đầu (BAVH).



Bố tử Kỳ lân của triều Nguyễn (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).



Thường phục mũ Hổ Đầu, Bố phục Kỳ lân, áo giao lĩnh cổ trắng của quan võ nhất phẩm triều Nguyễn (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

**QUY CHẾ MŨ HỔ ĐẦU, ÁO MÃNG LAN
DÀNH CHO CÁC CHỨC QUAN CAI QUẢN,
THỐNG QUẢN QUÂN DOANH VỆ NĂM 1845**
(theo *Hội điển*)

	Mũ Hổ Đầu	Áo Măng Lan	Đai
<i>Thống quản</i>	Bác sơn vàng, mặt trước và sau 3 hoa vàng, 2 giao long, 1 hổ kỵ, 2 cổ đô, 2 thùy văn, biên bao, nhiều tuyến	Màu tử đào, may bằng đoạn ngũ sắc gia kim, áo song khai, thường kép	Dai của các quan võ miếng chính giữa phía trước súc vàng, trổ hoa; các miếng ống phải trái dùng mai đài mồi bọc vàng xen kẽ bọc bạc, không cần mạ
<i>Cai quản</i>	1 hoa vàng phía trước, còn lại như thống quản	Màu tương sẫm	
<i>Chuồng phủ đô thống</i>	Thêm 2 hình ngọn lửa vàng	Màu tử đào	
<i>Thống chế, chuồng vệ</i>	Mũ súc vàng	Màu mộc xích	
<i>Vệ úy</i>	Lược bót 2 giao long vàng ở mặt trước mũ	Màu tương sẫm	
<i>Phó vệ úy</i>	Lược bót 2 giao long vàng và 1 hoa vàng	Màu bảo lam và màu thiên thanh	

d. Mũ Xuân Thu 春秋冠

Mũ Xuân Thu vừa là mũ Lễ phục của Hoàng đế, vừa là mũ Thường phục của các quan võ tú, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Theo *Hội điển*, mũ Xuân Thu kết hợp với Bố phục còn là Thường phục của các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quốc công, kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh v.v.

Tuy nhiên, dựa trên một số tư liệu ảnh chụp cung đình triều Nguyễn đầu thế kỷ XX, chúng tôi nhận thấy đối tượng sử dụng mũ Xuân Thu còn có một số ngạch quan thị vệ, thậm chí là đội trưởng đội nhạc công (?). Do thiếu tư liệu văn tự đối chiếu nên



Mũ Xuân Thu (BAVH); Người đứng đầu đội Nhạc công đội mũ Xuân Thu.

chúng tôi hiện chưa thể làm rõ được thân phận của những người đội mũ Xuân Thu trong một số bức ảnh này. Song dù sao, mũ Xuân Thu cũng là một loại mũ hết sức đặc biệt bởi tính phổ dụng của nó trong cung đình nhà Nguyễn, khi vừa là mũ Lễ phục của vua, đồng thời cũng là mũ Thường phục của một số hoàng thân và các chức quan nhỏ.

**QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC XUÂN THU
CỦA HOÀNG THÂN VÀ CÁC QUAN VÕ TÚ, NGŨ,
LỤC PHẨM TRIỀU NGUYỄN**
(theo *Hội điển*)

	Mũ Xuân Thu	Áo giao lĩnh	Bố tử	Thường
<i>Hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương - quận vương - thân công - quốc công; quận công - huyện công; hương công - huyện hầu - hương hầu</i>	Sức toàn vàng	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Kỳ lân Bạch trạch Sư tử	Nền vàng
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	Sức vàng bạc đan xen, phía trước và sau đều có 1 hoa vàng, các trang sức hoa, giao long đều dùng chất liệu bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Nền đỏ

<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	Phía trước 2 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa, 2 giao long đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phung quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang</i>	Phía trước 1 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ
<i>Công tử được tú phong tuộc đình hầu, quan võ tú phẩm</i>	Phía trước và sau đều 1 hoa vàng, trang sức hoa, giao long còn lại đều dùng bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Công tử: lục Quan: đỏ
<i>Quan võ ngũ phẩm</i>	Phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Quan võ lục phẩm</i>	Phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ

3.2. Quy chế Bố phục

Qua so sánh quy chế Bố tử của nhà Minh, nhà Lê Trung Hưng và nhà Nguyễn, có thể thấy quy chế của nhà Nguyễn về cơ bản kế thừa quy chế của nhà Lê Trung Hưng, đồng thời tham khảo thêm một phần quy chế của nhà Minh. Tuy nhiên dạng áo đoàn lĩnh cổ tròn trong quy chế Bố phục của nhà Minh và nhà Lê đã được nhà Nguyễn thay thế bởi dạng

áo giao lĩnh. Phẩm cấp của bá quan ngoài việc được phân biệt ở hình dạng Bố tử còn được phân biệt ở màu sắc của cổ áo. Trong đó, cổ áo giao lĩnh của các quan nhất, nhị, tam phẩm màu trắng; cổ áo của các chức quan còn lại có màu sắc giống màu áo gốc. Áo màu xanh, lục, lam, đen được sử dụng tùy nghi⁽¹⁾.



Lễ bộ đường (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).



Một số hiện vật Bố tử của Việt Nam: 1. Bạch nhàn (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam); 2. Vân nhạn (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Khê xích (Ảnh: Trịnh Bách); 4.Tiên hạc (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).

1. (Việt) *Hội điển - Q.78*. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞青綠藍黑隨用 [...] 正從四品 [...] 衣本色領交領紗緞青綠藍黑隨用 [...] 正從八品 [...] 衣本色交領紗緞青綠藍黑隨用.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỔ TỬ
CỦA NHÀ MINH, NHÀ LÊ TRUNG HUNG VÀ NHÀ NGUYỄN
(theo *Minh thực lục*, *Toàn thư* và *Hội điển*)

	Minh		Lê Trung Hưng		Nguyễn	
	<i>Hoàng tử, vương công: Kỳ lân, Bạch trạch</i>		<i>Hoàng tử, hoàng thân: Kỳ lân</i>		<i>Hoàng thái tử: Rồng 5 móng Hoàng tử: Rồng 4 móng</i>	
	Quan văn	Quan vō	Quan văn	Quan vō	Quan văn	Quan vō
Nhất phẩm	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Kỳ lân
Nhị phẩm	Cẩm kê	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Bạch trạch
Tam phẩm	Khổng tước	Hổ báo	Cẩm kê	Bạch trạch	Cẩm kê	Sư tử
Tứ phẩm	Vân nhạn	Hổ báo	Khổng tước	Hổ	Khổng tước	Hổ
Ngũ phẩm	Bạch nhàn	Hùng bi	Vân nhạn	Báo	Vân nhạn	Báo
Lục phẩm	Lộ tư	Buru	Bạch nhàn	Tượng	Bạch nhàn	Hùng (gấu)
Thất phẩm	Khê xích	Buru	Bạch nhàn	Tượng	Lộ tư	Buru
Bát phẩm	Hoàng ly	Tê ngưu	Bạch nhàn	Tượng	Khê xích	Hải mã
Cửu phẩm	Am thuần	Hải mã	Bạch nhàn	Tượng	Liêu thuần	Tê ngưu
Pháp quan	Giải trại					
Chưa nhập lưu	Luyện tước				Không dùng Bổ Tử	

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỔ TỬ
CỦA NHÀ THANH, NHÀ TRIỀU TIỀN VÀ LUU CẦU
(theo *Thanh sử cảo*, *Triều Tiên Doan Tông thực lục*, *Cầu dương kỷ sự*)

	NHÀ THANH		NHÀ TRIỀU TIỀN		LUU CẦU
	Quan văn	Quan vō	Quan văn	Quan vō	Quan văn
Nhất phẩm	Tiên hạc	Kỳ lân	Khổng tước	Hổ báo	Cẩm kê
Nhị phẩm	Cẩm kê	Sư tử	Vân nhạn	Hổ báo	Cẩm kê
Tam phẩm	Khổng tước	Báo	Bạch nhàn	Hùng báo	Khổng tước
Tứ phẩm	Vân nhạn	Hổ	Sau năm 1609, quan chế của Lưu Cầu không đặt các chức quan vō, quan đội cũng bị giải thể		Vân nhạn
Ngũ phẩm	Bạch nhàn	Hùng			
Lục phẩm	Lộ tư	Buru			
Thất phẩm	Khê xích	Tê ngưu			
Bát phẩm	Am thuần	Tê ngưu			
Cửu phẩm	Luyện tước	Hải mã	Pháp quan: Giải trại		

Năm		Tiến sĩ			
		Dệ nhất giáp, đệ nhất danh	Dệ nhất giáp, đệ nhị danh, đệ tam danh	Dệ nhị giáp	Dệ tam giáp
1822	Mū	Áo mũ như quan lục phẩm	Văn Tú Tài		
	Yphục		1 áo giao lĩnh may bằng sa Nam, 1 thường may bằng sa Nam, 1 võng cân, 1 hia		
1838	Mū	Áo mũ như quan lục phẩm	Ô Sa (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)		
	Yphục		Áo bào làm bằng sa, đoạn tron (không vân súc) màu lam, lục; Bổ tử thêu hình mây; thường làm bằng sa Nam, miếng Bổ tử thêu 2 bên cùng thêu hình mây; đai bọc đồng; võng cân, hia.		
1840	Mū	Ô Sa (1 hoa vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau; bạc sơn bạc, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (1 hoa bạc mạ vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh không viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh không viền bạc)

	Y phục	-Áo bào màu lục may bằng đoạn Bát ti Đại Hoa, đai bọc đoạn Xích vũ, 1 miếng phía trước bọc bạc mạ vàng, 2 miếng bọc bạc, đều mặt đồi mồi, 7 miếng còn lại bọc đồng, mặt sừng đen; thường may bằng sa, đoạn tản hoa màu lam; Bổ tử nền đỏ thêu Bạch nhàn; võng cân, hia, hốt gỗ -Riêng đệ tam giáp: Bổ tử nền đỏ thêu Lộ tư; đai súc sừng đen, 3 miếng bọc bạc, 7 miếng bọc đồng; còn lại như trên		
1847	Bổ tử	Vân nhạn	Bạch nhàn	Lộ tư

Quan phục của cử nhân (1807)
và võ cử nhân (1846)

	Cử nhân văn	Cử nhân võ
Mū	Văn Tú Tài (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)	Viên Đỉnh (đỉnh tròn, màu đen, làm bằng lĩnh Nam tron, trước súc hoa bạc, trên đỉnh mũ 1 hồ lô bạc)
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng vải màu; Võng cân, hia. (năm 1825 đổi chất liệu may áo thành sa Nam lót lụa trắng, thêm 1 thường, còn lại như năm 1807)	Áo Mã Đề làm bằng trùm Nam Đại Hoa màu bảo lam lót vải đỏ; Bổ tử tròn màu xích trú; mặt trước và sau áo thêu chữ Võ Cử

Quan phục của học trò Quốc Tử Giám (1823) và tôn sinh (1827)

	Học trò Quốc Tử Giám	Tôn sinh
Mū	Văn Tú Tài (làm bằng la sa, mặt trước đính 1 hoa bạc)	Tú Phương Bình Định
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng sa Nam lót lụa trắng; thường lụa, quần màu xanh; Võng cân, hia	Áo giao lĩnh may bằng sa Hoa thật màu bảo lam lót lụa trắng; thường may bằng trùm; Võng cân, hia

III. TRANG PHỤC HẬU PHI



Hoa văn loan ô thêu trên áo của hậu phi triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Ảnh: TQĐ).

Trước thời Nguyễn, chim phượng không chỉ là hình tượng ngầm ví với hậu phi, mệnh phụ mà còn được áp dụng làm trang sức trên vật dụng của vua chúa, vương hầu, nhằm định rõ trật tự tôn ti, như năm 1254 thời vua Trần Thái Tông, quy chế xe kiệu được quy định: “*Tù tông thất đến các quan ngũ phẩm đều được ngồi kiệu, ngựa, võng. Tông thất thì dùng kiệu đầu chim phượng, son son. Tướng quốc dùng kiệu đầu chim anh vũ, lọng tía son đen. Tam phẩm trở lên dùng kiệu đầu mây, lọng xanh. Tú phẩm đến lục phẩm kiệu đầu bằng*”⁽¹⁾ Quy chế Lê phục của bá quan triều Trần quy định chỉ có tước hầu, minh tự mới được mặc áo thêu hình Phượng cá. Vào cuối thời Lê sơ, *Toàn thư* cho biết Mạc Đăng Dung sử dụng lọng phượng dát vàng. Vào thời Nguyễn, hình tượng chim Phượng còn được thêu lên Triều phục của các quan trên Tú phẩm.

Riêng với quy chế Lê phục hậu cung, triều Nguyễn quy định: hoàng thái hậu và hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng, trưởng công chúa đội mũ Thất Phượng, công chúa đội mũ Ngũ Phượng. Cung tần thuộc nhất, nhị, tam giai, tùy theo cấp bậc được dùng các trang sức Kim ướt phát (bó tóc bằng vàng) bát phượng, thất phượng, ngũ phượng, tam phượng và nhất phượng. Việc hoàng thái hậu, hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng tương tự việc hoàng đế đội mũ Cửu Long. Bởi Cửu, số 9, được coi là số dương lớn nhất, tượng trưng cho ngôi vị chí tôn, vĩnh cửu.

1. Triều phục

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 夏五月，定宗室文武百官輿服驕從有差。自宗室至五品官皆得轎、馬、紙鵝。宗室則鳳頭轎朱漆，相國則鸚鵡轎黑漆紫蓋，三品以上雲頭青蓋，四品至六品平頭轎…

1.1. Cửu Phượng 九鳳冠

Mũ Cửu Phượng và Phượng bào là Triều phục dành riêng cho hoàng thái hậu và hoàng hậu triều Nguyễn. Trong đó, mũ Cửu Phượng của hoàng hậu có *thân mũ làm bằng lông mā vī, trùm búi tóc, súc 9 hình phượng múa rồng bay, khắm 9 chiếc lạp bồn, 1 miếng vân hoa bó tóc, 1 miếng bắc son, 12 cành hoa bướm, 4 đóa hoa súc tràm,*



Hoàng hậu Nam Phượng và Hoàng Thái hậu Đoan Huy.

2 cành hốt phía trước, 1 vòng liên đằng bọc tóc, 4 đóa hoa mai, 2 đoạn hoa liên đằng trang sức chân tóc, 1 miếng khóa (kiều) phía sau, phô hình phượng vàng nạm một đoạn chỉ, 4 thân tràm bạch kim đều xâu chuỗi thùy anh, 198 hạt trân châu cỡ nhỏ, khắm 235 hạt pha lê các loại. Ngạch cản làm bằng đoạn Bát ti màu thiên thanh lót lĩnh Đại tào màu vàng chính sắc súc 4 khuyên vàng, 1 dải thao to. Mũ Cửu Phượng dành cho hoàng thái hậu tương tự mũ của hoàng hậu, song việc xâu ngọc châu, khắm gương được tùy ý⁽¹⁾.

Đối chiếu tư liệu hình ảnh xuất hiện hình tượng mũ Phượng thể hiện trong các bức ảnh hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn, có thể thấy đỉnh mũ trùm búi tóc ở mũ Cửu Phượng trong *Kỹ thuật của người An Nam* có phần khoa trương, song kiểu dáng tương đối thống nhất. Tuy nhiên chúng tôi chưa thể xác định được các khái niệm lạp bồn, vân hoa bó tóc v.v. cụ thể chỉ những chi



"Mũ Thái hậu và Hoàng hậu dùng trang sức chín phượng ngâm sách, vàng ngọc đan xen", "Hải của Thái Hậu, Hoàng hậu là hải thêu Phượng" (*Kỹ thuật của người An Nam*).

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.11 – 13. Nguyễn văn: 皇后冠服:九鳳冠身用馬尾毛披鬢頂，並飾黃金搖龍翔鳳各九形，嵌粒盆九口，雲花約髮一片，博山一片，蝴蝶辰花十二枝，飾簪花四朵，前笏二枝包髮連藤一周，梅花四朵，飾髮際連藤花二段，後邊跨一片，鋪金鳳形鑲綫一段，白金簪莖四粒串結垂纓，小項珍珠一百九十八粒，嵌各項玻璃二百三十五粒。額巾天青素八絲緞，裏正黃大曹綾並飾黃金圈四件，絲條一條[...]皇太后冠服：九鳳冠一頂。黃金帶一圍與黃后冠帶同，惟串珠，嵌鏡隨用

tiết trang sức nào. Riêng với miêu tả của *Hội điển* về ngạch cản, có thể thấy đây là khăn cố định búi tóc của hoàng hậu, tương tự võng cản của vua quan triều Nguyễn.

Kết hợp với mũ Cửu Phượng là Phượng bào. Phượng bào của hoàng hậu được *làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu phượng hoa tròn, sóng nước, lót trùu phượng hoa màu hoa xích. Cổ áo làm bằng lĩnh bóng Lai lộ màu tuyêt bạch*.

Thường làm bằng đoạn Bát ti màu tuyêt bạch, thêu Phượng hoa tròn xen vàng, lót dải lụa Cao bộ màu tuyêt bạch. Dai vàng, thân đai dùng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc, đều súc vàng, 18 miếng vuông dẹt đều lót mặt gương, khắm hoa vàng trổ rồng, 2 chiếc móc vàng. Hải làm bằng to lông vũ màu đỏ, viền thêu phượng. Bít tất làm bằng lĩnh Nam bóng màu tuyêt bạch.



Trâm Phượng bằng vàng thời chúa Nguyễn (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

bóng màu hoa xích, viền cổ bít tất có hai dây thao làm bằng trùu bóng màu hoa xích. Hải làm bằng to lông vũ màu vàng chính sắc thêu phượng xen kẽ kết san hô, trân châu, gương của Tây dương.⁽¹⁾



Bác sơn vàng trên mũ của mệnh phụ. (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

Phượng bào của hoàng thái hậu được *làm bằng sa mát màu vàng chính sắc, thêu chữ Thọ ngũ sắc gia kim, hoa, sóng nước xen kẽ kết san hô, gương, lót trùu màu hoa xích và sa mát thêu Hoa. Thường làm bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu phượng ổ, hoa, sóng nước, xen kẽ kết gương Tây. Viền đoạn gấm nền vàng liên đằng, lót sa Hoàng quế, nối liền với áo lụa trắng. Bít tất làm bằng lĩnh bóng màu tuyêt bạch, lót trùu*

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.11-13. Nguyễn văn: 皇后冠服:黃袍正黃素八絲緞，繡團鳳花水波，裏花



Lễ phục của Phò Mã, Công chúa và Hậu phi triều Nguyễn
(Hoàng phái sắc phục tự thiêng từ chí tôn thất).



Tiên cung Hoàng Thái hậu, thân mẫu của vua Khải Định
(Ảnh: Trịnh Bách).



Phượng bào phục ché (*Báu vật triều Nguyễn*); Hài thêu rồng phượng triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

1.2. *Thát Phượng, Ngũ Phượng* 七鳳冠、五鳳冠

Theo quy chế Triều phục năm 1808, các công chúa đều được đội mũ Thát Phượng, mặc Phượng bào màu đỏ sẫm. Từ năm 1845 trở về sau, chỉ có trưởng công chúa tiếp tục sử dụng mũ Thát Phượng, các vị công chúa còn lại chỉ được đội mũ Ngũ Phượng, mặc Phượng bào màu hoa xích. Các loại Phượng bào dành cho công chúa đều được may bằng đoạn Bát ti, thêu hoa văn phượng ő, kết hợp với thường màu tuyết bạch, đi hài thêu phượng⁽¹⁾.

赤四則鳳花紬。領雪白來路光素綾。裳雪白間金團鳳花八絲緞，裏并腰帶雪白高步帛金。帶身熟沙竹包正黃素八絲緞，均飾黃金方扁各樣十八片，並裏鏡面，嵌金花鏤空金鈎二件。鞋用赤羽絲緣繡鳳。襪用雪白南素綾[...]皇太后冠服：袍用正黃涼紗織五彩加金壽字、辰花、水波間結珊瑚、洋鏡子，裏花赤紬花涼紗。裳用花赤素八絲緞，繡團鳳、辰花、水波間結洋鏡子。綠（謬文，該為綠）連藤金地錦緞，裏黃桂紗連白絹片衣。襪雪白光素綾，裏花赤素紬，襲纏綻並花赤素紬二條。鞋正黃羽絲，繡鳳間結珊瑚、珍珠、洋鏡子。

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.33-34. Nguyên văn: (嘉隆)七年議準公主冠服七鳳冠[...]明命五年奏準製給長公主冠服七鳳冠[...]紹治五年議準製給公主冠服五鳳冠



Phượng ő trên áo bào của quý phi triều Nguyễn (Nguyễn mẫu). Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế.

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA CÔNG CHÚA TRIỀU NGUYỄN NĂM 1808, 1824, 1833 VÀ 1845 (theo *Hội điển*)

Năm	Nội dung	Trưởng công chúa	Công chúa
1808	Mũ	Mũ Thát Phượng , khỏa kiều vàng nặng 4 lạng vàng	
	Y phục	Áo bào nữ màu đỏ thêu hình loan phượng; 1 chiếc đai; 1 chiếc váy đại triều màu trắng dệt hình phượng ő; 1 đôi hia, 1 đôi tất	
1824	Mũ	Mũ Thát Phượng , thân mũ làm bằng lông mã vĩ trùm búi tóc, súc vàng 85 tuổi, 2 chiếc khỏa kiều vàng, 1 chiếc súc chân tóc, 7 hình phượng bay, 4 miếng cổ đồ, 2 đóa hoa mai, 4 đóa hoa cúc, 7 đóa hoa mận, 4 trâm hoa, 1 vòng súc quanh đỉnh đầu, 1 vòng súc quanh viền mũ, đều đính với một miếng tuyến khỏa trổ hình phượng, 2 miếng khỏa bản, 1 bộ trâm bạch kim xâu 120 hạt giả châu khâm 230 hạt pha lê	
	Y phục	Áo bào may bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu hình phượng ő; thường may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ő ngũ sắc xen kim tuyến; đai: thân đai làm bằng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, súc 18 miếng các hình vuông dệt bằng vàng, bề mặt trổ cổ đồ, ván phượng lót mặt kính; 1 đôi Kim ước phát; 1 đôi tất may bằng linh Bát ti màu tuyết bạch; 1 đôi hài làm bằng tơ Xích vũ thêu phượng	

1833	Mũ		Mũ Thất Phượng Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ố ngũ sắc gia kim; 1 thường nữ may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ố ngũ sắc xen kim tuyến; 1 đai vàng, 1 đôi hia, tất
	Y phục		
1845	Mũ		Mũ Ngũ Phượng , 1 chiếc mạt ngạch súc vàng, bạch kim, trân châu, san hô
	Y phục		Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ố ngũ sắc xen kim tuyến; đai súc vàng và bạch kim

2. Thường phục

Theo *Hội điển*, áo Nhật Bình là Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tứ giai và là Thường phục của hoàng hậu, công chúa. Áo Nhật Bình có nguyên mẫu là dạng áo Phi Phong thời Minh, là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới úc có dải vải buộc hai vạt áo. Thường phục Nhật Bình được đặt định vào năm 1807 thời vua Gia Long và được duy trì cho đến cuối thời Nguyễn. Song quy chế mũ mao kết hợp với loại trang phục này không ổn định. Như quy chế năm 1807 quy định từ hoàng hậu đến cung tần tứ giai nhất loạt sử dụng Kim ước phát phối với áo Nhật Bình, đến năm 1846 thời vua Thiệu Trị, Kim ước phát được thay thế bằng một loại thủ súc có tên Kim phượng. Cung tần tam giai, tứ giai và ngũ giai còn được phân biệt bởi số lượng trâm cài.

Kiểu dáng cụ thể của Kim ước phát và Kim phượng, chúng tôi chưa thể khảo được. Song tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX cho thấy bất kể



Công chúa triều Nguyễn.

hoàng hậu, công chúa hay cung tần đều vấn khăn vành, mặc áo Nhật Bình, chứng tỏ quy chế trang phục của hậu phi triều Nguyễn đến thời vua Đồng Khánh, Khải Định vẫn được sửa đổi.

Khăn vành, còn gọi khăn vành dây, là một khổ vải dài hơn chục mét, khổ rộng 30cm, được vấn gấp nếp thành hình chữ Nhân 人 ở giữa trán, sau đó quấn nhiều vòng quanh đầu, có khi lên tới 20, 30 vòng. Loại khăn này vào cuối thời Nguyễn được kết hợp với áo Nhật Bình, áp dụng làm Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu và Triều phục của mệnh phụ, cung tần, phần lớn có màu xanh lam. Sau này, khăn vành dần được phổ biến trong dân gian, được phụ nữ Việt Nam sử dụng trong các dịp lễ nghi trang trọng.



Hoàng Thái hậu Đoan Huy, Trường công chúa con vua Đồng Khánh, Hoàng hậu Nam Phương.



Phục dụng lối trang điểm của hậu phi triều Nguyễn trong dịp đại lễ; Trường công chúa con vua Dục Đức.
(Ảnh: Trịnh Bách).



Áo Nhât Bình thêu Phượng ô, Loan ô (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

QUY CHẾ LỄ PHỤC CỦA HẬU PHI NĂM 1807 (theo *Hội điển*)

Nội dung	Hoàng hậu	Công chúa	Cung tần nhị giai	Cung tần tam giai	Cung tần tứ giai
Mũ	2 chiếc Cửu long Kim ước phát, 1 chiếc Cửu phượng Kim ước phát, 8 trâm phượng	1 chiếc Thất phượng Kim ước phát, 12 trâm hoa	1 chiếc Ngũ phượng Kim ước phát, 10 trâm hoa	1 chiếc Tam phượng Kim ước phát, 8 trâm hoa	1 chiếc Nhất phượng Kim ước phát, 8 trâm hoa
Y phục	1 áo bào làm bằng sa sợi vàng thêu 20 hình rồng phượng, loan, trĩ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti màu trắng thêu rồng phượng	1 áo Nhật Bình may bằng sa sợi đỏ, thêu hình phượng ô	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu xích đào thêu loan ô, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ô	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím chính sắc thêu phượng ô, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ô	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím nhạt, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ô

(Thiệu Trị 6-1846) Cung tần nhất nhị giai: mũ Kim phượng đều có 3 bắc son, riêng nhất giai 8 phượng, nhị giai 7 phượng; tam giai trên búi tóc cài trâm phượng; tứ giai, ngũ giai trên búi tóc không cài trâm để tỏ sự phân biệt

IV. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Từ thời chúa

Nguyễn, trang phục quân đội và dân gian Đàng Trong đã trải qua một cuộc biến cách lớn. Đến thời Nguyễn, chúng ta không còn thấy sự xuất hiện của bộ quân trang Giáp trụ, thay vào đó, quan viên ban võ phần đông đội mũ Hổ Đầu, mặc Măng Lan. Binh lính cũng không còn cởi trần đóng khố như thời Lê Trung Hưng.



Binh lính thời Minh Mạng
(Việt Nam qua tranh khắc Pháp).



1. Nón Kê Mao, lính kinh kỳ đội; 2. Nón Kỳ binh;
3. Nón lính Tập; 4. Đội Bin; 5. Áo lính An Nam; 6.
Lính Tập khố xanh. (*Kỹ thuật của người An Nam*).

Năm 1835, Thái Đinh Lan mô tả: “Lính cấp dịch ở tỉnh gọi là tinh binh, đội nón nứa, nón nhỏ chỉ đủ che đầu, quết son màu vàng, chỏm cắm lông gà, áo dùng loại dệt len màu đỏ, viền màu lục, ống tay màu lục. Lính ở phủ, huyện gọi là phủ binh, huyện binh, đội nón quết son màu lục, màu đen, cắm lông gà, áo dùng vải đen, viền đỏ, ống tay màu đỏ.”⁽¹⁾ Những dòng mô tả của Thái Đinh Lan hoàn toàn khớp với những bức vẽ binh lính Việt Nam do một số người phương Tây khắc họa. Ngoài ra, qua tranh ảnh đầu thế kỷ XX với những hình vẽ mô tả

1. (Trung) Hải Nam tạp trú - Việt Nam kỹ lược. Nguyên văn: 紿役在省者曰省兵，戴竹笠笠小僅可蔽首，塗金色，上插雞羽，衣用紅色嘒咆，綠緣綠袖；在府、縣者曰府兵、縣兵，笠塗綠色、黑色，插雞羽，衣用黑布，紅緣紅袖

khá chi tiết trang phục của một số hạng quân binh như lính cẩm vê, lính kỵ binh hoàng gia, lính thị vệ, lính thủy quân, lính pháo thủ, lính bắn súng thần công, lính hầu trong cung, lính hầu đèn v.v. do Viện Viễn Đông Bác



Áo thi vê (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế), áo lính, áo của đội nghi vê (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*). do Viện Viễn Đông Bác

Cổ (EFEO) thực hiện, có thể thấy binh lính triều Nguyễn tuyệt đại đa số đều đội nón, đi đất. Sự phân biệt giữa các hạng binh lính chủ yếu nằm ở kiểu dáng nón mao. Riêng áo mặc phần nhiều là loại áo song khai⁽¹⁾, cài khuy, xé vạt trước và sau, vai áo có viền mây bao quanh, gọi là vân kiên.

Ngoài ra, từ sau khi chiếm đóng Nam kỳ, Bắc kỳ, người Pháp thành lập đơn vị quân bản xứ để phụ trợ cho quân chính quy của Pháp, gọi là lính Tập. Lính Tập còn được gọi là lính khổ đỏ, lính khổ xanh, bởi bộ quân trang đặc trưng của hạng lính này là nón dẹp, quần áo chẽn, đặc biệt là dải thắt lưng buộc ở bụng có một đầu buông xuống che phần hạ bộ, trông tương tự như chiếc khổ.



Châu bản triều Nguyễn (Thành Thái quyển số 43, tờ số 8 – 9)

Niên đại: Ngày 16 tháng 3 nhuận năm Thành Thái thứ 10 (1898)

Nội dung: Thị vê xúi tấu xin may quần áo cho binh lính hộ giá. Vua Thành Thái đích thân thiết kế kiểu áo nón mới và chuẩn cho may mặc.

Châu phê: 1. “Loại nón quân trang này trông chưa được nhã, áo quân trang thì không tiện cưỡi ngựa. Nay chuẩn cho làm theo kiểu mới”; 2. “Sóng nón dùng sắt nạm bạc. Nón dùng màu đen”; 3. “Áo quân trang dài một thước hai tấc năm phân, màu lục, viền đỏ. Bên trong mặc áo vải trắng. Đai lưng dùng màu lục”; 4. “Nón của võ lai cũng chiếu theo kiểu này. Tùy theo chức tước mà đính (tên chức) vào trước nón. Hình tròn trước ngực áo quân trang (của võ lai) chiếu theo hình Bồ tử mà thêu vào.”

1. Đại Nam quốc âm tự vị định nghĩa: Áo song khai là áo xé vạt trước, vạt sau.

TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI TRIỀU NGUYỄN

(theo *Quân lực Việt Nam dưới các triều đại phong kiến*, bản sao của EFEO)



1. Y phục

Triều Nguyễn là triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam, triều đại lưu lại nhiều ấn tượng mặc định và những ảnh hưởng lâu dài trong quan niệm của người Việt hiện đại về phong tục tập quán của ông cha, trong đó có quan niệm về trang phục. Tuy nhiên, vẫn hiển áo mũ của mỗi một triều đại đều có sự kế thừa, biến dị so với quy chế áo mũ của triều đại liền kề. Khoảng cách giữa các triều đại càng xa, sự biến dị theo đó càng lớn. Ngay trang phục trong dân gian, mặc dù có tính bảo thủ và ít biến cách như trang phục cung đình, song so với thời Lý, Trần, trang phục dân gian thời Lê, Nguyễn cũng đã có nhiều thay đổi. Đặc biệt phải kể đến việc phổ biến áo dài cổ đứng cài khuy, phế bỏ áo giao lĩnh trong dân gian mang tính cưỡng ép dưới thời vua Minh Mạng.

Loại trang phục phổ biến nhất trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Nguyễn hiển nhiên là bộ quần chân áo chít. Song theo ghi nhận của Thái Đinh Lan thì vào năm 1835 thời vua Minh Mạng, nam giới người Việt ở Trung, Nam kỳ thường mặc áo chít màu đen cài khuy hẹp tay kết hợp với quần nhiều đố. Ông cho biết “(họ) đều dùng lụa đen ván đầu, mặc áo đen ống tay hẹp, quần may bằng lĩnh đố, đi chân đất. Quan viên Việt Nam ra ngoài cũng đều đi đất, áo không phân mùa nóng mùa lạnh, mùa đông vẫn mặc áo lụa mỏng. Người sang hay dùng hai màu lam, đen, ván khăn quanh đầu cũng nhu vậy, quần đều màu đố.”⁽¹⁾ Riêng loại quần chân áo chít của nữ giới, theo Phan Kế Bính, trong khoảng những năm 1910-1915, quần thì phần nhiều mặc quần sòi, quần lĩnh thâm, đôi khi cũng có người mặc quần nhiều đố.⁽²⁾ Nhất Thanh ghi lại “khoảng từ 1910 trở đi có những me Tây bạo dạn bắt đầu



Cụ ông đội khăn xếp, áo the.
(Hình ảnh Hà Nội).

mặc quần trắng. Những con nhà tử tế gia giáo không bao giờ lấy Tây, dù Tây có giàu, sang trọng đến mấy. Cho nên bộn quần trắng là tự tố cáo làm nghề lấy Tây. Trái lại, từ giữa thế kỷ XIX, đàn bà xứ Huế khá giả đôi chút đều mặc quần trắng, họ là vợ con những công chức các sở thuộc tòa khâm sứ, các cơ quan thuộc sáu bộ của triều đình [...] Nếp sống rảnh rỗi cảnh vẻ, cho nên y phục sang trọng quý phái. Còn dân lao động ăn mặc lem luốc thì không mặc quần trắng. Tuy nhiên sau đó quần trắng đã dần dần đặc dụng với nữ giới, ban đầu còn rụt rè, sau đó khéo noi đều ua chuộng.”⁽¹⁾ Như vậy sự kết hợp giữa áo dài năm thân và quần màu trắng hắn chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX trở về sau, trước đó người Việt hầu hết đều mặc quần màu thâm hoặc màu đố.

Có điều, sau những phong trào cải lương nêu cao tinh thần đoạn tuyệt lục hậu, hướng tới văn minh từ cuối thế kỷ XIX, song song với việc cắt bỏ búi tóc, để rắng trắng, không ít nam nữ người Việt, đặc biệt là giới trí thức Tây học đã dần đổi sang mặc trang phục châu Âu. Trang phục của nữ giới lúc này cũng trải qua những đợt biến cách về kiểu dáng nhằm lược bỏ sự lụng thùng của loại áo truyền thống trước đây. Những cải cách kiểu dáng áo dài nữ tiêu biểu phải kể đến áo dài Le Mur của họa sĩ Cát Tường năm 1930 và áo dài Lê Phổ



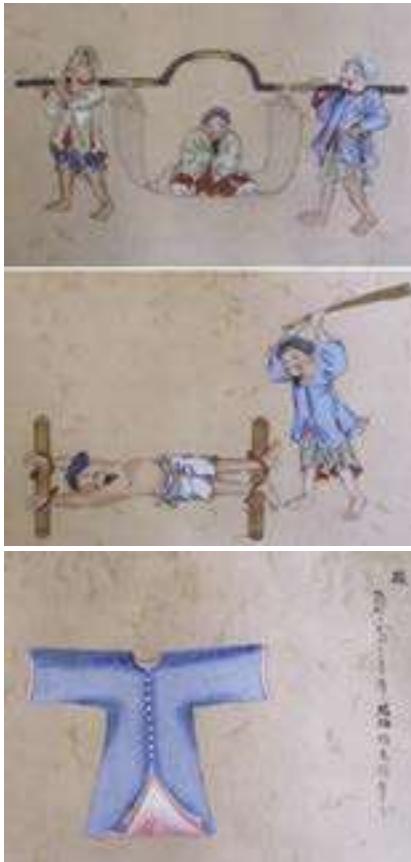
Thầy khóa mặc Âu phục (Hình ảnh Hà Nội); Thiếu nữ mặc áo dài sau khi đã cách tân.



1. Vợ chồng nông dân – áotoi, váy đụp;
2. Ông cháu ăn xin; 3. Ông già mặc áo cộc (loại áo có vạt trước khép chèm lên già nửa vạt bên phải, năm khuy cài khuyết tết vai với hai dài bơi chèo buộc phía dưới, khoảng năm 1970 còn ít người Thuận Quảng ưa mặc. *Đất lè quê thói*. Tr. 218); 4. Người đàn bà quay gánh, chít khăn vuông đội nón ba tàm.

1. (Trung) *Hai Nam tạp trước*. Nguyễn văn: 皆烏縹綢纏頭, 穿窄袖黑衣, 紅綾褲, 赤兩腳。越南官員出入皆赤腳, 衣不分寒暑。冬月猶著輕羅。貴者多用藍黑二色, 纏頭亦然, 褲俱紅色

2. *Việt Nam phong tục*. Tr. 324.



Người Đàng Trong năm 1794 được vẽ trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ*. (Tô Lan cung cấp).

tên tuổi nhưng cũng góp phần cải sửa, giúp cho cái áo dài mang hình dáng hiện nay”, cùng nhận định “ông Cát Tường chê áo Việt Nam lòe xòe, lụng thụng, không “mỹ thuật”, nhưng tôi lại thấy áo tú thân, áo giao lĩnh cũng như áo dài đều đẹp cả, mỗi cái một vẻ. Nhân tâm tùy thích, khó mà tranh cãi.”⁽¹⁾

Đối với tầng lớp dân nghèo, sử gia Trần Trọng Kim cho biết: “Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu, hoặc để trắng”⁽²⁾. Phụ nữ Bắc kỳ vẫn mặc áo tú thân, váy đúp, vẫn sử

của họa sĩ Lê Phổ năm 1934. Ông Cát Tường phát biểu trên tờ *Phong hóa* về chiếc áo dài nữ kiểu cũ cho biết: “Y phục của các bạn gái, tôi xem thấy có nhiều điều bất tiện mà lại không có vẻ chi là mỹ thuật. Tuy rằng vài năm gần đây cũng có một vài phần sửa đổi [...] chẳng qua chỉ ở mấy cái màu sắc sặc sỡ, mấy thứ hàng lụa nước ngoài [...] còn thì vẫn kiểu áo lòe xòe ấy, vẫn cái quần lụng thụng đen ngòm ấy. Hoặc giả cũng có người ua mặc quần trắng song tiếc rằng số đó vẫn rất ít [...] Cần sửa đổi dần: trước hết phải hợp với khí hậu xú ta, với thời tiết các mùa, với công việc, với khuôn khổ, mục thuở của thân hình mỗi bạn. Sau nữa phải gọn gàng, giản dị, mạnh mẽ và có vẻ mỹ thuật và lịch sự.”

Chúng tôi đồng tình với quan điểm của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh khi cho rằng ông Cát Tường “chỉ là một mắt xích trong chuỗi dài những người không để lại



“Phụ nữ Gia Định búi tóc”; “Trẻ con vấn khăn”; “Soi gương đội khăn”; “Búi tóc”. (Kỹ thuật của người An Nam).

dụng các loại thắt lưng lớn nhỏ, thắt lại ở trước bụng, thoát khỏi những cấm lệnh khắt khe dưới triều vua Minh Mạng.

Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng vào đầu thế kỷ XIX, trong giới phong lưu nho nhã đã sử dụng loại áo bà ba, loại áo có nguồn gốc từ đảo Penang ở Malaysia, nơi có tộc người Bà Ba sinh sống⁽¹⁾. Dựa vào một số bức họa trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ* do người Nhật Bản vẽ vào năm 1794 tại vùng Đàng Trong, có thể thấy ngay từ cuối thế kỷ XVIII, loại áo vạt ngắn không bâu, xẻ giữa, cài bằng cúc đã xuất hiện tại vùng Đàng Trong Việt Nam. Nhiều khả năng đây chính là tiền thân của loại áo bà ba. Tuy nhiên, nguồn gốc của loại áo này có phải xuất phát từ đảo Pengnang Malaysia hay không, hiện chưa có tư liệu nào có thể khẳng định được.

2. Kiểu tóc

Sau một loạt sắc lệnh cấm sử dụng các loại mũ Tiện phục triều Lê ban bố vào thời vua Minh Mạng trong khoảng từ năm 1828 đến năm 1842, nam giới người Việt trong toàn quốc hầu hết đều búi tóc vấn khăn theo phong tục Đàng Trong. Ban đầu, các loại khăn lụa, khăn nhiều, khăn thâm của đàn ông được quấn rối,



Cụ già đội khăn xếp khoảng năm 1945. (Hình ảnh Hà Nội).

1. Áo dài xưa nay. (http://chimviet.free.fr/quehuong/chquynh/chqyn_aodaixuanay.htm).

2. Việt Nam sử lược. Tr.537.

1. Diện áo bà ba đón khách Tây. Dẫn theo Tạp chí *Hòn Việt*. Tr.31.



Mũ Ni. (Việt Nam qua tranh khắc Pháp; Kỹ thuật của người An Nam).

Trong khi đó, phụ nữ Đàng Ngoài vẫn vấn khăn thâm, lượt, nhiều, đội thêm khăn vuông mỏ quạ bằng vải nâu hoặc xuyến, bất chấp lệnh cấm “đàn bà không được dùng vải, lụa ngắn quấn đầu”, “không được đội khăn vuông”. Khác với phụ nữ Đàng Ngoài, “tại Trung kỳ, Nam kỳ, đàn bà búi tóc bịt khăn vuông, không vấn khăn như người Bắc”⁽²⁾, “đàn bà Đàng Trong ua để đầu trần với búi tóc, hoặc bịt đầu bằng một khăn vuông gấp chéo đôi, buộc nút xuống dưới cằm”⁽³⁾.

Ngoài ra, người cao tuổi thời Lê Nguyễn còn đội một loại mũ, gọi là mũ Ni, vốn là đồ đội của giới tăng lữ. Việt Nam tự điển năm 1954 định nghĩa: “Mũ Ni, mũ của ông già đội, phía sau có diêm che kín cả tai và gáy.” Loại mũ này ngay từ thời Lê Trung Hưng đã được Alexandre de Rhodes ghi nhận: “Mũ Ni, mũ của các vị sư [...] Mũ che tai dài tới vai. Những người khác cũng dùng mũ này trong trời lạnh.”⁽⁴⁾

Về nón đội, Phan Kế Bính cho biết đàn ông thường đội nón dứa, nón sơn, nón lông; đàn bà thường đội nón bẻ, nón lòng chảo⁽⁵⁾. Nhất Thanh giải thích: “Nón đan

về sau được quấn xếp nếp đều đặn, chít theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn xếp, khâu dán liền những vòng nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện.”⁽¹⁾



Phụ nữ thời Nguyễn vấn tóc đuôi gà bằng lụa trắng, đội nón Nghệ, mặc yếm trắng, áo nǎm thân cổ đứng cài khuy.

bằng nan giang, quét son dầu trên mặt cho khỏi thấm nước mưa gọi là nón sơn. Nón lợp bằng lá dứa rất mỏng, nhẹ, quai lụa bạch, đội trông ra vẻ hào hoa phong nhã. Quan liêu ua đội nón lông, lông cánh chim lợp hai đợt,

trên đỉnh có chóp bằng bạc chạm trổ, hay bằng đồi mồi vành vàng vành bạc.”⁽¹⁾ Loại nón bẻ của đàn bà mà Phan Kế Bính nhắc tới chỉ các loại nón ba tầm, nón Nghệ, nón quai thao v.v. được sử dụng thường xuyên vào đầu thế kỷ XX.



Một gia đình thượng lưu ở Huế. (BAVH).

1. *Đất lè quê thói*. Tr.223.

2. *Việt Nam phong tục*. Tr.324.

3. *Đất lè quê thói*. Tr.223.

4. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr. 171.

5. *Việt Nam phong tục*. Tr.324.



Xe sợi. (Ảnh: Albert Kahn).

1. *Đất lè quê thói*. Tr.224.

LỜI KẾT

Trước khi có sự phân định nghiêm ngặt về địa chính trị, các cộng đồng dân cư chung sống trên cùng khu vực địa lý thường có sự giao lưu, chia sẻ, ảnh hưởng lẫn nhau về ngôn ngữ, phong tục v.v., một cách tự nhiên. Với tính chất hỗn dung, việc xác định phần lõi “thuần chủng” của bất kỳ nền văn hóa nào cũng cần nhiều thời gian và những chứng lý khoa học liên ngành.

Văn minh Trung Quốc không tự nhiên có sẵn; dung nạp trong đó chắc chắn có không ít thành tố văn hóa mang nguồn gốc Đông Di, Bách Việt. Song kể từ khi bộ máy chính quyền phong kiến Trung Quốc hình thành, đi kèm với chính sách đồng hóa “dùng Hạ biến di”, văn minh Trung Quốc từng bước thâm nhập và gây ảnh hưởng sâu rộng tới các vùng đất, quốc gia xung quanh nó, trong đó có Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Trong khi Nhật Bản với vị trí địa lý quốc đảo, nhiều lần phái các đoàn *khiển Đường sú* chủ động học tập, du nhập văn minh Đường, Việt Nam và Triều Tiên lại có quốc thổ gắn liền với đại lục Trung Quốc, đều từng hứng chịu những chính sách đồng hóa văn hóa. Sau khi giành được độc lập, với quan niệm văn minh Trung Quốc là thước đo tiến bộ, Việt Nam và Triều Tiên lại nhiều lần chủ động mô phỏng điển chương văn hiến của triều đình Trung Quốc. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp, những nét văn hóa tưởng như chỉ có ở Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản lại thường tìm thấy sự tương đồng hoặc tương cận của nó tại Trung Quốc.

Khoảng 100 năm trở lại đây, sau khi chủ nghĩa quốc gia, tư tưởng dân tộc được dịp lớn mạnh, Nhật Bản thừa nhận và tự hào cho rằng, họ học tập văn minh Trung Hoa, đồng thời đẩy lên một tầm cao mới, còn Hàn Quốc và Việt Nam lại diễn ra các cuộc tranh cãi về vấn đề “bản quyền” của các thành tố văn hóa vốn được coi là có nguồn gốc Trung Hoa. Có thể điểm qua việc ông Kim Định, Hà Văn Thùy chứng minh

Nho giáo mang nguồn gốc Việt, chân núi Thái Sơn từng là địa bàn cư trú của dân tộc Việt, Kinh Dịch là phát minh của người Lạc Việt v.v., tương tự trường hợp ông Ban Mun Ki, Kang Sang Won chứng minh chữ Hán là phát minh của người Hàn Quốc, sau đó dấy lên một loạt các bài viết tuyên bố người Hàn là chủ thể sáng tạo ra Đông y, Kinh Dịch, la bàn, thậm chí Khổng Tử, Tôn Trung Sơn là người Hàn Quốc v.v. Những nghiên cứu cổ sử dạng này, đều chịu sự chi phối của tinh thần dân tộc, còn nặng tính tư biện, suy diễn, thiếu chứng cứ khoa học xác tín. Bên cạnh đó, đứng ở góc độ “trung tâm” để soi chiếu các nước xung quanh, không ít học giả Trung Quốc lại có tâm thái, giọng điệu của nước lớn, coi văn hóa Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản chỉ đơn giản là sự khúc xạ của văn minh Trung Hoa, thiếu cái nhìn tôn trọng, khách quan đối với văn hóa, lịch sử của các quốc gia này. Đây là hai thái độ cực đoan trong việc nghiên cứu, đối sánh văn hóa, cần được nhìn nhận và phê bình một cách nghiêm túc.

Được xác định giới hạn nghiên cứu nằm trong giai đoạn 1009 - 1945, giai đoạn ít nhiều còn sử liệu, hiện vật ấn chứng, *Ngàn năm áo mũ* thể hiện một góc nhìn lịch sử, tư tưởng, mỹ thuật Việt Nam thông qua dòng chảy biến thiên của văn hóa trang phục; đồng thời làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa trang phục Việt Nam so với trang phục của các nước đồng văn, đặc biệt là Trung Quốc. Từ kết quả nghiên cứu này, cách ăn mặc, lối sống của người Việt trong khoảng 1000 năm trở lại đây đã bước đầu sáng tỏ. Đây sẽ là tiền đề cho việc nghiên cứu phong tục, lối sống của người Việt trong quá khứ xa xưa hơn, nhằm từng bước tìm ra cái lõi “bản sắc” trong văn hóa Việt Nam.

Mỗi thời đều có giá trị quan, thẩm mỹ quan riêng. Mọi lời khen chê, đánh giá chỉ mang tính nhất thời. Cuốn sách bạn đọc cầm trên tay được viết nên bằng sự tôn trọng sự thật của ngàn năm áo mũ người Việt, không có đánh giá đúng sai, hay dở. Với tư cách là tác giả, tôi hy vọng bạn đọc có cái nhìn công tâm, bình tĩnh đối với văn hóa trang phục Việt Nam nói riêng, văn hóa cung đình Việt Nam nói chung, đặc biệt đối với những thành tố văn hóa Trung Hoa dung chứa trong văn hóa Việt.

Hà Nội, cuối xuân năm Quý Tị 2013.

Trần Quang Đức



Rồng và Kỳ lân thời Lê Trung Hưng (Chùa Bút Tháp, Bắc Ninh; BTLSVN; điện Kính Thiên, Hà Nội).

Năm 1527, nhà Lê sơ sụp đổ sau sự kiện Mạc Đăng Dung phế truất ngôi vua, tự xưng hoàng đế. Sáu năm sau, năm 1533, tướng Nguyễn Kim đưa con cháu nhà Lê lên ngôi, tức vua Lê Trang Tông, mở đầu triều đại Lê Trung Hưng, cát cứ tại Thanh Hóa. Cuộc chiến Lê - Mạc diễn ra trong ngót 60 năm, đến năm 1592, với sự phò tá đắc lực của các tướng Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, vua Lê cuối cùng cũng trở về thành Thăng Long, nối lại cơ nghiệp đế vương. Song thế lực của tập đoàn chúa Trịnh ngày càng lớn mạnh. Bình An Vương Trịnh Tùng hạ sát và bức tử các vị vua chống đối như Lê Anh Tông, Lê Kính Tông, thao túng triều đình, khiến các vua Lê từ năm 1619 trở về sau chỉ còn lại hư vị, mở ra thời kỳ vua Lê - chúa Trịnh kéo dài hơn 200 năm trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

Từ nửa cuối thời Trung Hưng, chúa Trịnh lần lượt đặt ra các cơ quan quyền lực dành riêng cho phủ chúa, trên thực tế có chức năng nhiệm vụ tương đương với các ban bộ có sẵn của triều đình vua Lê. Việc làm này thực chất nhằm tập trung quyền lực vào tay chúa, song lại khiến bộ máy quan lại của triều đình Lê - Trịnh thêm rắc rối và cồng kềnh. Theo đó, quy chế nghi lễ dành cho chúa ngày càng có xu hướng lấn vượt, còn quy chế dành cho vua lại bị loại bỏ dần dần. Phan Huy Chú cho biết, “*Lỗ bộ ở phủ chúa tuy chua dám ngang hàng với nhà vua, nhưng quân lính khí giới trên thực tế quá nhà vua [...] Buổi quốc so (đầu thời Lê) đại giá của nhà vua có năm loại xe, về sau dần dần phế bỏ.*”⁽¹⁾ Cũng chính vì vậy, quy chế nghi lễ, phẩm phục dành cho bá quan khi vào chầu vua và hầu chúa được quy định hết sức phiền phức.

Thời Lê Trung Hưng có hai mốc thời gian quan trọng xác lập chế độ

1. (Việt) *Loại chí* - Lê nghi chí - Dé vương dư vệ chi ché - Vương phủ lỗ bộ. Nguyên văn: 至於王府鹵薄，雖未敢並天子而兵衛軍械之嚴實則過之[...]國初大駕有五輶輿輦，其後制漸墮廢

y quan phẩm phục là năm 1661 và năm 1721 diễn ra vào thời vua Lê Thần Tông và vua Lê Dụ Tông. Trong đó, quy chế năm 1661 phần lớn kế thừa quy chế năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông. Năm 1718, tham tụng Nguyễn Công Hằng sang nhà Thanh tìm điển chương cũ của nhà Minh về định lại chế độ y phục. Kể từ năm 1721, áo mũ của triều đình nước Việt nói chung, triều đình nhà Lê nói riêng, chịu ảnh hưởng khá lớn từ quy chế áo mũ của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh.



1. Hoa văn rồng thêu trên ngực Long bào của vua Minh Vạn Lịch, khai quật tại Định Lăng, Bắc Kinh; 2. Khăn phủ mặt vua Lê Dụ Tông (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam); 3. Khăn phủ mặt của vua Minh (The Metropolitan Museum of Art, New York).

I. TRANG PHỤC VUA, CHÚA

1. Triều phục

Thời Trung Hưng, vua Lê chỉ được coi là biểu tượng vương quyền của dòng dõi đế vương, chỉ có huy vị, không có thực quyền. Không ít quy chế lễ nghi dành cho thiên tử thời Lê sơ dần bị loại bỏ. Trong đó, các vua Lê Trung Hưng áp dụng Thường phục của vua Lê sơ làm Lễ phục và Triều phục, phế bỏ quy chế Cổn Miện trong dịp tế Giao. Điều này tuy bề ngoài chỉ là sự thay đổi về áo mũ, song thực chất là sự thay đổi về tư tưởng cũng như tư thái của đế vương. Chính Phan Huy Chú nhận định: “Tù thời Trung Hưng về sau, vào các dịp đại lễ, hoàng thượng chỉ đội mũ Xung Thiên. Trộm nghĩ [...] kiểu dáng mũ Xung Thiên so với mũ Phốc Đầu không quá khác biệt. Văn súc không đầy đủ thì thể cách không tôn nghiêm. Bậc vương giả đặt định lễ nghi thì phải khôi phục quy chế Cổn Miện. Khổng Tử nói mặc Cổn Miện của nhà Chu. Thực là phép thức cho muôn đời vậy.”⁽¹⁾ Mặc dù Triều phục Xung Thiên không đủ tôn nghiêm

1. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi ché*. Nguyên văn: 中興以來，皇上御大禮惟服衝天冠。窃以 [...]衝天冠之樣與幞頭無甚相別。文飾莫備，体格不尊。王者講定禮儀，正當首復冕



Vua Lê (S. Baron, 1683. Tư liệu các công ty Đông Án).

bằng Cổn Miện, và mặc dù ngày thường thế lực của chúa Trịnh có lấn át vua Lê, song vào lễ tế Giao, lễ tế thiêng liêng bậc nhất đối với các triều đại phong kiến - quân chủ, uy quyền của vua Lê vẫn là lớn nhất. Hay nói như *Cuong mục*: “Nhà Lê từ thời Trung Hưng về sau, kiềm Thái A nắm ngược, kẻ dưới lấn quyền, người trên thát thế, từ đây về sau, lễ nghĩa vua tôi mất sạch. Duy có lễ Nam Giao tế trời là danh phận tôn ti vẫn còn [...] Đây là lễ tôn nghiêm nhất, long trọng nhất.”⁽¹⁾

Đối với Lễ phục tế Giao của vua Lê chúa Trịnh, *Loại chí* ghi nhận: “Tù thời Trung Hưng về sau, vào các buổi đại lễ nhu lên ngôi, tiến tôn, ban chiếu, hoàng thượng đều đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào, đeo dai ngọc. Lễ tế Giao mặc áo mũ màu huyền (đen huyền), đến nhà Đại Thủ thay áo, lại đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào đúng nhu nghi lễ [...] Chúa thượng vào các dịp đại lễ nhu tế Giao, tiến tôn, mặc áo bào tía (tử bào), đội mũ Xung Thiên, đeo dai ngọc.”⁽²⁾ *Cuong mục* cũng ghi nhận: “Vua mặc Huyền bào, cùng với đoàn Lỗ bộ, Pháp giá, Nhã nhạc từ cửa Đại Hưng (cửa Nam thành) đi ra, đến điện Canh Phục ở ngoài đền tế thì đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào, thắt dai ngọc, đến điện Chiêu Sư hành lễ. Chúa Trịnh và bá quan văn võ theo hầu lễ bái theo nghi thức”⁽³⁾.

Qua nhận định của *Loại chí* và *Cuong mục*, có thể thấy vua Lê, chúa Trịnh vào các dịp đại lễ nhu lễ tế Giao,



Tượng quốc công Trịnh Tùng (trinhtocgiapha.com).

制。子曰服周之冕。真萬世之法式也

1. (Việt) *Cuong mục* - Q.32. Nguyên văn: 夫黎自中興以後，太阿倒持，下陵上替，厥有自來，君臣之禮蕩然矣。惟南郊祀天，尊卑之分尚在 [...]至尊至重之禮也

2. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi ché*. Nguyên văn: 中興以後，皇上即位進尊頒詔諸大禮，並御衝天冠，黃袍玉帶。郊天禮御玄色冠袍，至更服大次，御衝天冠，黃袍玉帶如儀 [...]王上謁郊、進尊諸大禮服紫袍、衝天冠、玉帶

3. (Việt) *Cuong mục* - Q.32. Nguyên văn: 遲年或初一或初二 [...]至日帝御玄袍，備鹵簿、法駕、雅樂由大興門都城南門出，至壇外，更服殿御衝天冠、黃袍、玉帶，詣昭事殿庭行禮。鄭王及文武百官扈從，陪拜如儀



Tranh chân dung tướng Phạm Tu, Đinh Ngoại xã Thanh Liệt, Hà Nội và tượng vua Lê Thân Tông chùa Mật Sơn, Thanh Hóa. Ảnh: TQĐ.

thể nhận thấy kiểu cách trang trí rồng mây, sóng nước trên tấm Long bào của vua Lê Dụ Tông hết sức gần gũi với những tấm Long bào, Mãng bào của Trung Quốc có niên đại cuối Minh đầu Thanh. Điều này thực ra không khó lý giải, bởi lẽ triều Lê Trung Hưng tương đương với thời Minh mạt Thanh sơ. Cuộc thay triều đổi đai giữa nhà Minh và nhà Thanh diễn ra năm 1644, trong khi năm 1718, tham tụng Nguyễn Công Hằng đi sứ Trung Quốc, “phỏng tìm điển hiến cũ của nhà Minh, về nước đặt định ra phẩm phục.”⁽¹⁾ Còn bào phục của chúa Trịnh, sớm nhất là năm 1777 mới chuẩn theo tấu nghị của đình thần sử dụng loại áo thêu kiểu Long vân đại hội tương tự như áo bào của vua Lê. Chúng ta biết được điều này qua lời khai bẩm của đình thần với

lễ đăng cơ, tiến tôn, ban chiếu sắc v.v. đều đội mũ Xung Thiên kết hợp với áo bào. Lễ phục của chúa Trịnh nhìn chung tương tự vua Lê, chỉ lấy phục sắc màu tía để phân biệt với vua. Ngoài ra, riêng trang phục tế Giao, trước khi tới nhà Đại Thủ thay Hoàng bào, vua Lê mặc áo mũ màu huyền trên dọc đường đi từ cửa Đại Hưng ra. Màu huyền chính là màu áo tế trời, tương tự màu áo Cổn theo quy chế cổ.

Những tấm Hoàng bào của vua Lê Dụ Tông (1679-1731) được khai quật vào năm 1958 là những hiện vật hy hữu, đem lại cái nhìn chân thực về diện mạo trang phục của vua Lê, chúa Trịnh thời kỳ này. Qua so sánh đối chiếu một số hiện vật, có



An Nam quốc vương chí Tị thử son trang in trong Thập toàn phu tảo đồ sách, vẽ cảnh vua Thanh ban áo mũ cho vua Lê Chiêu Thống cùng một số cận thần. Vua Lê Chiêu Thống trong tranh đội mũ Xung Thiên, mặc Hoàng bào.

1. (Việt) Vũ trung tùy bút - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 康熙二十一年，阮相公汎北使訪求故明典憲，回國典定章服。Vũ trung tùy bút chép là năm Khang Hy thứ 21 tức 1682 lúc này ông Nguyễn Công Hằng mới 2 tuổi, chúng tôi dựa theo Cương mục (Q.35) đổi thành năm Khang Hy thứ 57 tức năm 1718.

chúa Trịnh Sâm năm 1777: “Vâng xét theo Chu Lễ, khi tế trời mặc Cổn Miện, các đời Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh khi tế Giao và Thái Miếu đều dùng Cổn Miện, chỉ có ngày kị thì hôm ấy đổi áo để tỏ lòng hiếu mộ. Nay xin tham khảo phỏng theo, cứ hàng năm đến lễ Trừ tịch yết điện Kính Thiên và các lễ kính cáo ngày thường thì dùng sa đoạn Bắc, màu thiên thanh (màu huyền), thêu kiểu Long vân đại hội. Lễ sinh nhật các tiên vương ở Thái Miếu thì dùng sa đoạn Bắc, màu nguyên thanh (màu xanh đen), thêu kim tuyển; lễ kị nhật dùng sa đoạn Bắc, màu thiên thanh, thêu kim tuyển; chỉ có lỗ kỵ nhật của Hy tổ (Trịnh Cường) dùng vải Thanh Cát màu quỳ, lễ sinh nhật tiên thánh vương Nghị tổ (Trịnh Doanh) thì dùng vải Thanh Cát màu vi minh (hoi sáng), còn lỗ kỵ nhật vẫn dùng vải thâm để hợp sự nghi.”⁽¹⁾



Phục dung Triều phục của vua Lê Dụ Tông.

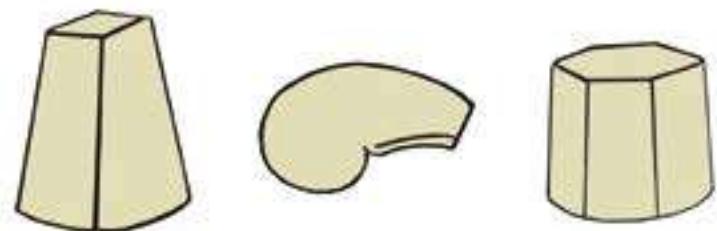


1. Long bào của vua Lê Dụ Tông (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: Trịnh Bách); 2. Tang bào thời Thanh (Chức Tú Trần Phẩm); 3. Mãng bào của Tàn Luong Ngọc (1574-1648) (Bảo tàng Trùng Khánh); 4. Mãng bào cuối thời Minh (Bảo tàng Tơ lụa Hàng Châu).

1. (Việt) Loại chí - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi ché. Nguyên văn: 奉按周禮，祀昊天服袞冕。漢唐宋明清有事郊廟並用袞冕，惟忌辰在禮，是日變服以申孝慕。茲奉參酌，倣遜年除夕御謁敬天殿及常時敬告禮用北紗緞，天青色，摹手龍雲大會。奉太廟列先生辰禮用北紗緞，元青色，金線。忌辰禮用北紗緞，天青色即玄色，金線。惟奉僖祖忌辰禮用青吉布葵色，奉先聖王毅祖生辰禮用青吉布稍明色。忌禮仍用緼布以合事宜。Nhà Thanh phê bỏ Cổn Miện, đình thần tâu lời này đã làm.

2. Tế phục

a. Mũ Bình Dính 平頂帽



Mũ Tú Phương Bình Dính, mũ Đinh Tự, mũ tế Bình Dính lục lăng theo mô tả của Phạm Đình Hổ. (Phục dựng).

Phan Huy Chú cho biết: “*Hoàng thượng [...] vào ngày giỗ ở Thái Miếu đội mũ Bình Dính, mặc áo Thanh Cát... Chúa thượng khi yết kiến ở lâu Kính Thiên và lê sinh nhật ở Thái Miếu thì đội mũ Bình Dính, mặc áo Thanh Cát màu hỏa minh, ngày giỗ ở Thái Miếu thì mặc áo Thanh Cát màu quỳ; ngày giỗ các vị đời gần thì dùng mũ Bình Dính, áo vải thâm.*”⁽¹⁾ Như vậy vào thời Lê Trung Hưng, mũ Bình Dính được quy định là loại mũ sử dụng trong các dịp tế giỗ tiên đế, tiên vương của vua Lê, chúa Trịnh, có tính chất tương tự mũ Thông Thiên của vua Trần và mũ Xuân Thu của vua Nguyễn.

Khảo về quy chế mũ Bình Dính, Phạm Đình Hổ cho biết: “*Đinh Tiên Hoàng chế ra mũ Tú Phương Bình Dính, quy chế của mũ ấy vuông mà đỉnh mũ phẳng [...] đời sau đổi thành kiểu lục lăng, hạ phần trên xuống, làm bằng theo quết son, ấy là mũ tế, gọi là mũ Bình Dính; lại biến dáng vuông thành dáng tròn, bẻ dáng thẳng thành dáng cong, làm mũ thông dụng khi chầu hầu, gọi là mũ Đinh Tự.*”⁽²⁾ Chúng tôi không tán đồng quan điểm của Phạm Đình Hổ khi ông cho rằng loại mũ Thường phục Đinh Tự của bá quan thời Trần, mũ Tế phục Bình Dính của vua Lê chúa Trịnh đều có nguồn gốc từ mũ Tú Phương Bình Dính của quân đội triều Đinh. Tuy nhiên cách lý giải của ông giúp người đời sau dễ hình dung về kiểu dáng của các loại mũ này, theo đó, mũ Bình Dính áp dụng

1. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí* - Quan gia quan phục chi ché. Nguyên văn: 皇上[...]太廟忌時御平頂帽、青吉衣[...]王上[...]謁敬天樓與太廟生辰，用平頂帽、青吉衣火明色；太廟忌辰，用青吉衣葵色；近位忌辰，用平頂帽、緇布衣

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút - Quyền thượng - Quan lễ*. Nguyên văn: 丁先皇始製四方平定巾，其制方而平定頂，以皮為之，蓋軍裝也。後世變為六稜而殺其上，製用紗漆，是為祭服，曰平頂帽；又頑方為圓、折直為曲，為朝侍通用之冠，曰丁字帽

làm Tế phục của vua chúa triều Lê Trung Hưng là loại mũ làm bằng the quết son, thân mũ và đỉnh mũ hình lục lăng, dáng mũ không quá cao. Phạm Đình Hổ cũng ghi nhận thêm rằng, “*những năm Chính Hòa, Bảo Thái (1680-1705; 1720-1729), Tể tướng Nguyễn Công Hằng tiếp tục khu biệt các hạng mũ, mũ Bình Dính từ hàng vương công xuống tới lai sỉ, lấy chiều cao của mũ để phân thứ bậc, mũ của vua chúa dùng kim tuyến phân biệt.*”⁽¹⁾ Với dữ liệu khan hiếm, chúng ta không biết mũ Bình Dính có được đính các trang sức vàng bạc hay không, chỉ biết riêng mũ Bình Dính của vua chúa được phân biệt với mũ Bình Dính của vương công, lai sỉ bởi các sợi kim tuyến. Ngoài ra, trong bộ Tế phục này, mũ Bình Dính được kết hợp với áo Thanh Cát, loại áo kiểu tràng vạt.

b. Áo Thanh Cát 青吉衣

Theo ghi nhận của Phan Huy Chú, vào các ngày tế giỗ tiên đế, tiên vương, vua Lê chúa Trịnh đều đội mũ Bình Dính. Chúa Trịnh mặc áo Thanh Cát với hai màu cơ bản là màu hỏa minh và màu quỳ, có khi mặc phối với áo vải thâm tùy theo tính chất của buổi lễ. Vua Lê vào ngày giỗ tại Thái Miếu cũng mặc áo Thanh Cát.

Khái niệm Thanh Cát trong *Loại chí*, *Cuong mục*, *Lê triều hội điển*, *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, *Vũ trung tùy bút*, *Tang thương ngẫu lục* được chép là 青吉; trong *Nhật dụng thường đàm* được chép là 青葛. Riêng *Nhật dụng thường đàm*, mục “Cát bố” (vải cát) được viết theo cả hai cách 葛布 và 吉布. Chúng tôi cho rằng chữ “cát” 吉 chép trong *Loại chí*, *Cuong mục v.v.* là chữ giả tá, viết thay cho chữ “cát” 葛 là tên một loại vải. Vào thời Lê Trung Hưng, Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đều ghi nhận: “*Tục nước Nam dùng vải nhuộm chàm, sau đó lại nhuộm nâu, cho thêm ít keo, lấy chày đập rồi phơi khô, gọi là áo Thanh Cát. Bất cứ quan dân, sang hèn đều mặc, riêng dùng dài*



Dai xe chỉ gốm. Văn hóa Đồng Đậu (năm 3500-3000 tr.CN). (Bảo tàng Hà Nội). GS.TS Hán Văn Khảm cho biết: “*Dai xe chỉ tìm thấy khá phổ biến trong văn hóa Phùng Nguyên (năm 2000-1500 tr.CN) [...] Như vậy nghề dệt vải đã phổ biến trong văn hóa Phùng Nguyên. Cư dân văn hóa này ít nhất cũng có hai loại vải mặc, đó là vải vỏ cây và vải dệt từ sợi*” (Văn hóa Phùng Nguyên).

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút - Quyền thượng - Quan lễ*. Nguyên văn: 正和保泰間阮相公沆再加區別，平頂帽自公相下至吏士，各以制之高低為等級。而御服則以金線別之



Tám long bào thứ ba của vua Lê Dụ Tông có kiểu giao lĩnh là loại áo vua mặc vào ngày thường.

kém hon, người thấp kém dùng màu quỳ, tục gọi là áo màu sừng. Nếu gặp quốc tang thì vuong công khanh sĩ đều mặc màu quỳ. Bay giờ không cứ người sang người hèn đều mặc màu quỳ cả, còn màu hỏa minh và màu vi minh thì cho là quê kệch, không dùng nữa.”⁽²⁾ Có điều dường như chính Phạm Đình Hổ cũng mâu thuẫn với cách hiểu của mình, bởi trong *Nhật dụng thường đàm*, ông giải thích Thanh Cát là áo đen⁽³⁾.

Thứ nhất, phải khẳng định rằng, vải cát đã được người Việt chế tạo và sử dụng từ rất sớm. Ngay từ thời Đông Hán (25-220), sách *Dị vật chí* của Dương Phu đã cho biết: “Cây chuối, lá to như chiếu, thân như khoai, đem đun lên thì như to, có thể xe sợi dệt vải, phụ nữ dệt thành loại vải hy (vải mịn, sợi nhỏ), khích (vải thô, sợi to), nay là vải cát của Giao Chỉ.”⁽⁴⁾ Sách *Nam Việt Chí* của Thẩm Hoài Viễn (~285) cho biết: “Vải chuối có ba loại là vải chuối, vải trúc và vải cát, tuy thô mịn khác nhau, nhưng đều cùng một nguồn mà tên gọi khác biệt.”⁽⁵⁾ Vào thế kỷ XV, *An Nam chí nguyên* cũng cho biết: “Hai thứ gai và tơ chuối, có thể chắp lại làm vải, mịn như lụa nôn, rất hợp mặc vào mùa hè.”⁽⁶⁾ Thứ hai, trong tiếng Hán cổ, chữ “thanh”

1. (Việt) *Văn Đài loại ngũ - Q.5 - Phẩm vật*. Tr.21. Nguyên văn: 南國俗以布染藍靛，次染禹，餘糧加膠少許，杵搗晒乾，謂之青吉衣。有火明色、微明色、葵色三次。無問官民貴賤皆通服，惟以長短為別。(Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi ché*. Nguyên văn: 舊俗用布染藍靛，次染禹，餘糧少加膠，杵搗晒乾，謂之青吉衣。

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút - Quyền thượng - Y phục*. Nguyên văn: 舊例青吉衣以火明為上，微明次之，賤者用葵色。名襖味角麥。又次之。倘遇國恤則王公卿士皆服葵色。近來不拘貴賤皆以葵色為尚，而火明、微明委為樸魯而不用矣。

3. (Việt) *Nhật dụng thường đàm*. Tr.63.

4. (Trung) *Dị vật chí*. Dẫn theo *Tè dân yếu thuật trực tư sách dẫn*. Tr.179. Nguyên văn: 芭蕉，葉如大筵席。其莖如芋，取浸而煮之則如絲，可紡績，女工以爲織綢，則今交趾葛也。

5. (Trung) *Nam Việt chí*. Nguyên văn: 蕉布之品有三，有蕉布，有竹子布，又有葛焉。雖精粗之殊，皆同出而異名。Vải chuối cũng được dùng làm kimono của người Nhật.

6. (Trung) *An Nam chí nguyên - Q.2 - Thủ sán*. Nguyên văn: 麻蕉二物則可緝而為布細如羅紝，尤宜暑服。

ngắn để phân biệt.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, áo Thanh Cát không chỉ có một màu đơn nhất, chính Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn và cả Phạm Đình Hổ đều nhất trí nhận định loại áo này có ba màu là màu hỏa minh, màu vi minh và màu quỳ. Riêng Phạm Đình Hổ còn nói rõ, “theo lệ cũ, áo Thanh Cát coi màu hỏa minh là hơn cả, màu vi minh

ngoài nghĩa màu xanh còn có nghĩa màu đen⁽¹⁾. Tại phần Tang biện trong Vũ trung tùy bút, Phạm Đình Hổ ghi: “Áo Thanh Cát, hơi giảm sắc hỏa minh, gọi là màu sừng, cũng tức là màu quỳ, nhưng hơi khác một chút.”⁽²⁾ Như vậy, với tư liệu hiện có, chúng tôi cho rằng Thanh Cát vốn là

một loại vải cát, sau khi trải qua các công đoạn nhuộm màu, gia keo, đập nén, phơi khô thì có màu xanh đen. Ngoài ra, loại vải này còn được nhuộm thành các màu hỏa minh, vi minh và màu quỳ. Trong đó, màu quỳ còn được gọi là màu sừng, màu hỏa minh và màu vi minh cũng tương tự màu sừng, song màu sắc sáng hơn. Phan Huy Chú chỉ cho biết màu áo tế của chúa Trịnh, không cho biết màu áo của vua Lê. Dựa vào tính chất tế lễ, có thể đoán rằng, áo tế của vua Lê phải là loại áo sẫm màu, gần với màu xanh đen, tương tự như bộ Huyền bào ông sử dụng khi tế Giao. Riêng kiểu áo Thanh Cát, chúng tôi cho rằng loại áo này có kiểu giao lĩnh, bởi như Lê Quý Đôn cho biết, đây là loại áo quan lại và dân thường thời Lê đều mặc, đồng thời còn nói: “Lẽ phục dùng áo trực lĩnh (là tên gọi khác của áo giao lĩnh) ống tay dài, hoặc may bằng vải Thanh Cát, hoặc vải thảm, hoặc vải trắng tùy nghi.”⁽³⁾

3. Thường phục

Phan Huy Chú cho biết: “Tù thời Trung Hưng về sau, hoàng thượng [...] Thường phục đội mũ Tam Son, mặc áo có các màu xanh, màu huyền [...] Chúa thượng [...] thị chính, triều hội, tiếp kiến quan thần đều đội mũ Tam Son, áo màu tía.”⁽⁴⁾

1. Cỗ đại Hán ngũ tú diển. Tr.1251. Các từ thanh tì, tơ xanh, tóc xanh, thực chất chi mái tóc đen; thanh lai, thanh nhân với nghĩa mắt xanh, thực chất là mắt đen; thanh sam, thanh y là áo xanh, trên thực tế là áo màu đen v.v. Vào thời Lý, Nguyễn Công Bật từng ca ngợi vua Lý Nhân Tông “Mâu trừng nhi thanh bạch phân minh” (mắt trong mà “xanh” trắng rõ ràng), từ ‘thanh bạch’ (xanh - trắng) ở đây phải được hiểu là ‘đen trắng’.

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút - Quyền hạ - Tang biện*. Nguyên văn: 惟服青吉衣，略減火明色，稱爲角色，蓋即葵色之制而稍異之也。

3. (Việt) *Phủ biên tạp lục - Phong tục*. Nguyên văn: 礼服用直領長袖衣，或青吉布，或緹布，或白布隨宜。

4. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí - Quan gia quan phục chi ché*. Nguyên văn: 中興以後，皇上 [...] 常朝服三山帽，青玄各色服 [...] 王上 [...] 視政、朝會、燕見，並用三山帽、紫色服。



Chân dung chúa Trịnh Giang, Trịnh Sâm và Trịnh Bồng (*Gia phả họ Trịnh*).



Mũ ba bậc thể hiện trên tượng chùa Hòe Nhai, Hà Nội; Lễ quan của Nhật Bản: “Lớp mũ nền giống như chiếc bánh mì hình ngọn núi, gắn vào lớp mũ ngoài hình tròn, gọi là mũ Tam Sơn, được làm bằng the quết sơn đen.”(Wikipedia); Mũ Tam Sơn của thái giám nhà Minh (*Tam tài đồ hội*).

Như chúng tôi đã đề cập, một số loại mũ có tên hình tượng như Phong Cân (mũ gió), Lương Cân (mũ mát), Tam Sơn Mạo (mũ ba ngọn núi) v.v. xuất hiện trong khối các nước sử dụng chữ Hán, tuy có tên gọi tương đồng, song kiểu dáng hoàn toàn khác biệt. Xét riêng trường hợp mũ Tam Sơn, hiển nhiên, mũ Tam Sơn của vua Lê chúa Trịnh không thể là mũ Tam Sơn của thái giám nhà Minh và càng không thể là mũ Tam Sơn của các quan Nhật Bản thời Nara (710-794). TS. Đoàn Thị Tình, tác giả cuốn *Trang phục Thăng Long Hà Nội* cho rằng loại mũ có hình dạng ba bậc thang thể hiện trên pho tượng tương truyền là tượng vua Lê Hy Tông thờ tại chùa Hòe Nhai (Hà Nội) là mũ Tam Sơn. Song theo quan điểm của chúng tôi, một khi mũ được định danh là Tam Sơn, kiểu dáng mũ hoặc một bộ phận kết cấu của mũ phải có hình dạng ba ngọn núi như chữ Sơn 山, tương tự các dạng mũ cùng tên của Nhật Bản và Trung Quốc. Trong khi đó Lê Quý Đôn ghi nhận người ở xã Quảng Xuyên, Trà Vinh giỏi làm mũ mā vī, có thể dùng các trang sức, hoa văn rồng phượng, vạn thọ, tam son, bát bảo làm Đạo cân, chứng tỏ đương thời khái niệm Tam Sơn còn chỉ một loại trang sức trên mũ⁽¹⁾. Qua một số hình vẽ



Cái yếm hình tam sơn; Tam sơn (*Kỹ thuật của Người An Nam*).

trong *Kỹ thuật của người An Nam*, chúng ta có thể kiểm chứng được hình dạng Tam Sơn theo quan niệm của người xưa.



Phục dựng trang phục mũ Tam Sơn của chúa Trịnh (Tranh: TQĐ); tượng chúa Trịnh Sâm (có thuyết cho là Trịnh Giang) tại chùa Kim Liên, Hà Nội.

Khảo sát một số pho tượng vua Lê, chúa Trịnh có niên đại thế kỷ XVII, XVIII, chúng tôi nhận thấy pho tượng chúa Trịnh tại chùa Kim Liên (Hà Nội) đội một loại mũ có những múi hình mây uốn cong ở chóp mũ, ngọc châu đính dọc các viền lương, tương tự quy chế mũ Quyển Văn Thông Thiên của hoàng đế triều Trần và loại mũ thể hiện trên các pho

1. (Việt) *Phù biến tạp lục* - Vật sản phong tục. Nguyên văn: 香茶廣川社人善織馬尾帽, 能作龍鳳之彩、萬壽、三山、八寶諸花樣製為道巾

tượng vua Mạc, đặc biệt phải kể đến trang sức hình Tam son đính ở giữa trán mũ. Chúng tôi cho rằng loại mũ này mới là mũ Tam Sơn.



Lãnh chúa Hội An (chi chúa Nguyễn Phúc Nguyên) và triều thần trong *Chu án thuyền hội quyển* do người Nhật Bản vẽ năm 1609.

Ngoài ra theo ghi nhận của Phan Huy Chú, vào các buổi Thường triều, vua Lê đội mũ Tam Son, mặc áo màu xanh hoặc màu huyền, chúa Trịnh cũng đội mũ Tam Son, song chỉ mặc áo bào màu tía. Đối với kiểu dáng áo bào Thường phục của vua Lê chúa Trịnh, Phan Huy Chú không miêu tả cụ thể, song dựa vào pho tượng chúa Trịnh thờ tại chùa Kim Liên, chúng tôi ngòi rằng những loại áo này đều có kiểu dáng giao lĩnh. Riêng pho tượng Quốc công Trịnh Tùng thờ tại chùa Diên Khánh lại mặc áo bào đính Bồ tử Kỳ lân, đội mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn hơi choãi lên phía trên (dạng mũ này dễ gây lầm tưởng là mũ Xung Thiên, song thực chất vẫn là mũ Phốc Đầu). Xét theo phẩm trật, chúa Trịnh thuộc hàng vương, Bồ tử dành cho tước Vương theo quy chế của nhà Lê là Bồ tử Kỳ lân. Theo chúng tôi, có thể vào thời kỳ đầu triều Lê Trung Hưng, chúa Trịnh mặc Bồ phục, về sau, khi nghi lễ dành cho chúa ngày càng có xu hướng ngang hàng với vua Lê, chúa Trịnh cũng dần thay đổi trang phục. Trường hợp đình thần xin chúa Trịnh đổi Bào phục thành dạng áo bào thêu Long vân đại hội vào năm 1777 là một ví dụ điển hình. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần thận trọng với hình thức trang phục mũ Xung Thiên, Bồ phục thể hiện trên các pho tượng thường đẳng thần, bởi đó là mô típ tạc tượng thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn, như Lê Quý Đôn đã ghi nhận trong *Kiến văn tiểu lục*: Bồ tử, trung đẳng thần dùng hình Kỳ lân, thượng đẳng thần dùng hình Long mã.

4. Tiện phục

Những khi không phải thiết triều, khác với vua Lý chỉ búi tóc cài trâm vàng, vua Trần đội mũ Đường Cân hoặc dùng lụa tráng bọc tóc,

vua Lê, chúa Trịnh thường đội một loại mũ thân tròn, đỉnh phẳng, trán mũ súc trang sức bằng vàng. Theo mô tả của Phạm Đình Hồ, loại mũ này “*dạng tròn, đỉnh phẳng, dệt bằng lông đuôi ngựa, lại nạm vàng súc lên trán mũ để phân biệt đẳng cấp, là loại mũ vua Lê, chúa Trịnh đội nhũng khi nhàn hạ, hoàng tử và vương tử thường đội khi vào hầu thị sự.*”⁽¹⁾

Về áo mặc, kết hợp một số pho tượng thời Lê Trung Hưng với các hình vẽ trong *Chu án thuyền hội quyển*, có thể thấy vào ngày thường, thậm chí vào những buổi thiết Thường triều, lối trang phục áo cổ tròn mặc lót trong, áo giao lĩnh mặc khoác ngoài khá thịnh hành. Đây cũng là hai dạng trang phục phổ biến vào thời Lê.

QUY ĐỊNH VỀ TRANG PHỤC CỦA VUA LÊ CHÚA TRỊNH (theo *Loại chi*)

	Vua Lê		Chúa Trịnh	
	Mũ	Áo	Mũ	Áo
Lễ tế Giao, tiến tôn, ban chiếu	Xung Thiên	Hoàng bào, đai ngọc (tế Giao: Huyền bào)	Xung Thiên	Tử bào, đai ngọc
Ngày kỵ ở Thái Miếu	Bình Đính	Thanh Cát	Bình Đính	Thanh Cát màu quỳ
Ngày giỗ các vị tiên vương đời gần			Bình Đính	Áo vải thảm
Ngày sinh nhật ở Thái Miếu và ngày yết lầu Kính Thiên			Bình Đính	Thanh Cát màu hỏa minh
Thường triều phục (Thị chính, triều hội, gặp bồ tử nhũng khi nhàn hạ)	Tam Sơn	Thanh bào (bào xanh), Huyền bào (bào đen)	Tam Sơn	Tử bào

1. (Việt) Vũ trung tùy bút - Quyển thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 圓体平頂織用馬尾者為上，鎖金飾額微示等差。皇上燕間及皇子王子常侍視事戴之。Phạm Đình Hồ quy loại mũ “viên thể, bình đính” (thân tròn, đỉnh phẳng) vào một trong ba kiểu mũ Định Tự, cách phân chia như vậy không hợp lý.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Triều phục (Lê sơ):
Lương quan chu phục

Công phục (Lê sơ): Phốc
Đầu, Bào phục, đai

Thường phục (Lê sơ): Ô
Sa, Bổ phục, đai

Triều phục (Trung Hưng):
Phốc Đầu, Bổ phục, đai

Thường phục, Thị phục
(Trung Hưng): Ô Sa,
Thanh Cát, thao

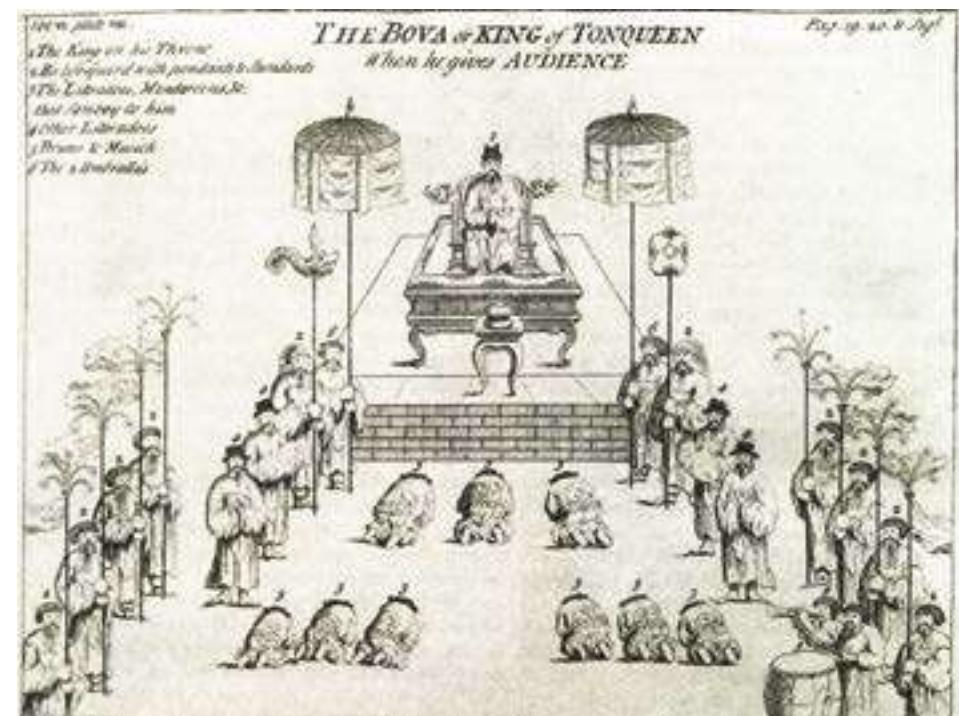
Thị phục 2 (Trung Hưng):
Lương Cân, Ô Sa, Yến Vĩ



Quan văn đội mũ Bình Dính, quan võ đội mũ Đinh Tự (Đa La) trong tranh thờ vua Lý Nam Đế (niên đại thế kỷ XVIII). Trang phục bá quan thể hiện trong tranh trên thực tế là Thị phục của bá quan triều Lê Trung Hưng.

Quy định phẩm phục của bá quan nhà Lê Trung Hưng vào năm 1661 được *Cuong mục* cho biết: “Đầu niên hiệu Cảnh Thống (năm 1500), định Triều phục: các tước công trong hoàng thân và các quan từ tam phẩm trở lên, mũ dùng mũ Phốc Đầu, áo dùng màu tía; tú, ngũ phẩm về hàng võ dùng nón son tráng, về hàng văn dùng mũ Phốc Đầu, áo dùng màu lục; từ lục phẩm trở xuống về hàng võ dùng nón son son, về hàng văn dùng mũ Phốc Đầu, áo

dùng màu xanh. Từ hồi Trung Hưng trở về sau, Trịnh Tùng chuyên giữ chính quyền, vẫn võ trា́m quan vào hầu phủ chúa đều dùng mũ Lương Sa và áo thám, còn mũ áo từng cấp bậc chua có quy chế nhất định. Đến nay định rõ: mũ áo của hoàng thân, vương tử, vẫn võ bá quan dùng khi vào chầu vua và khi vào hầu phủ chúa (chúng tôi gọi là Thị phục), dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát. Thường phục và hành nghi đều có cấp bậc khác nhau.”¹⁾ Vào thời Lê sơ, trang phục của bá quan được phân làm ba loại: Triều phục Lương quan, Thường phục Ô Sa với Bổ phục và Công phục Phốc Đầu với áo bào tròn. Đến thời vua Hiển Tông, mũ Phốc Đầu được kết hợp với Bổ phục, song song với việc hợp nhất quy chế Công phục và Triều phục. Từ thời Lê Trung Hưng tính tới trước thời điểm năm 1721, trang phục của bá quan được phân làm hai loại: Triều phục Phốc Đầu với Bổ phục, Thường phục và Thị phục Ô Sa với áo Thanh Cát.



The Bova or King of Tonqueen when he gives audience. (S. Baron, 1683) Buổi thiết triều của vua Lê Hy Tông (Dẫn theo *Tư liệu các Công ty Đông Án, Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Dàng Ngoài TK17*). Các quan đều đi chân đất. Theo cha Marini, vào thời Lê Trung Hưng, tất cả các quan, kể cả hoàng tử, hễ vào cung chầu vua đều phải đi chân đất, nếu đi giày dép sẽ bị coi là có tội, chỉ có vua đi hài.

1. (Việt) *Cuong mục*. Nguyễn văn: 景統初定朝服[...]中興以後，鄭松專政，文武百官侍王府均用涼紗巾、深黑衣，其等級未有定制。至是申定：入朝皇親、王子、文武百官冠服及侍王府皇親、王子、文武百官，用烏紗帽、青吉衣，以至常服行儀各有等差。

1. Triều phục

Qua bức vẽ vua Lê thiết triều năm 1683, có thể thấy vua Lê mặc Triều phục Xung Thiên - Hoàng bào, bá quan phần lớn mặc Triều phục Phốc Đầu - Bổ Phục, thị vệ cầm nghi trượng mặc mũ áo làm từ chất liệu Đa La. *Tang thương ngẫu lục* chép: “Áo mũ Đại triều: mũ Phốc Đầu, Bổ phục, màu đỏ là trên hết, thứ đến là màu xanh và màu huyền.”⁽¹⁾ Triều phục của triều đình Lê Trung Hưng kế thừa chế độ Triều phục đặt định từ thời vua Lê Hiến Tông, tuy nhiên trong suốt thời Trung Hưng, chế độ phẩm phục của bá quan vẫn có ba lần sửa đổi như đã nói. Xét riêng quy chế Triều phục, nội dung chính của ba cuộc thay đổi này chủ yếu nằm ở quy chế đai và Bổ tử.

SO SÁNH QUY CHẾ BỔ TỬ VÀ ĐAI NĂM 1500, 1661 VÀ 1725 (theo Cương mục)

Phẩm cấp	Quan văn 1500		Quan văn 1661		Quan văn 1725	
	Bổ tử	Đai	Bổ tử	Đai	Bổ tử	Đai
Nhất phẩm	Tiên hạc	Đai sùng tê súc bạc	Tiên hạc	Đai sùng tê súc bạc	Tiên hạc	Đai sùng tê súc bạc bọc linh là đỏ
Nhị phẩm	Tiên hạc	Đai sùng tê súc bạc	Tiên hạc	Đai sùng tê súc bạc	Tiên hạc	Đai sùng tê súc bạc bọc linh là đỏ
Tam phẩm	Cẩm kê	Đai đồi mồi súc bạc bọc là đỏ	Cẩm kê	Đai đồi mồi	Cẩm kê	Đai đồi mồi súc bạc
Tứ phẩm	Khổng túc	Đai đồi mồi súc thau bọc là đỏ	Khổng túc	Đai đồi mồi	Khổng túc	Đai đồi mồi súc thau bọc đoạn thâm
Ngũ phẩm	Vân nhạn	Đai đồi mồi súc thau bọc là đỏ	Khổng túc	Đai đồi mồi	Vân nhạn	Đai đồi mồi súc thau bọc đoạn thâm

1. (Việt) *Tang thương ngẫu lục*. Tr.10-11. Nguyên văn: 大朝幞頭補服，紅為上，青玄次之

Lục phẩm	Bạch nhàn	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	Vân nhạn	Đai kỳ lam hương	Bạch nhàn	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm
Thất phẩm	Bạch nhàn	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	Bạch Hạc	Đai tốc hương	Bạch nhàn	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm
Bát phẩm, cửu phẩm	Bạch nhàn	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	Tiêu Liêu	Đai sùng trâu súc đồng thau	Bạch nhàn	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm

Phẩm cấp	Quan võ 1500		Quan võ 1661		Quan võ 1725	
	Bổ tử	Đai	Bổ tử	Đai	Bổ tử	Đai
Nhất phẩm	Sư tử	Đai sùng tê súc bạc	Sư tử	Đai sùng tê súc bạc	Bạch trạch	Đai sùng tê súc bạc bọc linh là đỏ
Nhị phẩm	Sư tử	Đai sùng tê súc bạc	-Sư tử -Tượng	-Đai đồi mồi -Dây thao đơn	Bạch trạch	Đai sùng tê súc bạc bọc linh là đỏ
Tam phẩm	Bạch trạch	Đai đồi mồi súc bạc bọc là đỏ	Tượng	Dây thao đơn	Sư tử	Đai đồi mồi súc bạc
Tứ phẩm	Hổ	Đai đồi mồi súc thau bọc là đỏ	Tượng	Dây thao đơn	Hổ	Thất dải đai màu tía
Ngũ phẩm	Báo	Đai đồi mồi súc thau bọc là đỏ		Dây thao đơn	Báo	Thất dải đai màu tía
Lục phẩm	Tượng	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm		Dây thao đơn	Tượng	Thất dải đai màu xanh
Thất phẩm	Tượng	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm		Dây thao đơn	Tượng	Thất dải đai màu xanh

1.1. Dương Đường 楊棠冠



Tượng Quận công Nguyễn Thế Mỵ thế kỷ XVII (BTMTVN) và tượng Trần Nguyên Đán thế kỷ XVII (Côn Sơn. Từ điển Văn học), xõa tóc, đội mũ Phốc Đầu có trang sức, có thể là trang sức Dương Đường, mặc Bố phục.

Xét riêng trang phục của hoàng thái tử và vương thái tử, *Loại chí* cho biết: “*Hoàng thái tử mặc áo xanh, đội mũ Dương Đường, tức mũ Phốc Đầu, phía sau hơi cao, không tham dự ban chầu. Vương thái tử đứng đâu ban chầu, đội mũ Dương Đường, hai cánh phía sau dát vàng, Triều phục dùng màu tía, Bố tử Kỳ lân dệt bằng kim tuyến, đai dùng đai kỳ thạch nhiều vàng.*”⁽¹⁾ Triều phục của hoàng tử và vương tử được phong tước quốc công cũng là mũ Dương Đường kết hợp với Bố phục Kỳ lân màu tía, đai kỳ thạch bọc vàng, mùa xuân hạ thì dùng the Bắc, mùa thu đông thì dùng đoạn Bắc⁽²⁾. Sự khác biệt về phẩm phục giữa các vị hoàng tử, vương tử nằm ở quy chế trang sức trên mũ Dương Đường và chất liệu Bố tử.

1.2. Phốc Đầu 帽頭冠

Trước năm 1725, quy chế mũ Phốc Đầu của bá quan triều Lê Trung Hưng vẫn kế thừa quy chế năm 1500 thời vua Hiến Tông, tức hoàng thân và vương công đều được dùng trang sức mũ



Bố tử Kỳ lân bằng kim tuyến và Bố tử Kỳ lân thường thời Minh. (Không phủ).

1. (Việt) *Loại chí* - Lê nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 皇太子服青衣, 楊棠冠即幞頭冠, 後頗高也不預朝班。王世子預班首冠用楊棠冠, 後有兩翅鑲金, 朝服用紫色, 補子用麒麟織金, 帶用奇石繞金 (*Lê triều hội điển ký* hiệu A.257 chép tương tự).

2. (Việt) Lê triều thiện chính điển lệ. Dẫn theo *Cương mục*. Nguyên văn: 皇子王子封國公: 朝冠用楊棠、衣紫, 春夏用北紗, 秋冬用北緞, 補子用麒麟, 束帶用奇石包金 (*Lê triều hội điển ký* hiệu A.257 chép tương tự).

bằng vàng, bá quan văn võ nhất, nhị, tam phẩm súc bạc, quan văn tú phẩm trở xuống dùng mũ Phốc Đầu không trang sức. Từ tháng 11 năm 1725, mũ Phốc Đầu dành cho quan văn tú, ngũ phẩm được phép dùng trang sức bằng đồng thau, quan văn lục phẩm trở xuống dùng mũ Phốc Đầu tron, không có trang sức⁽¹⁾.

Mũ Phốc Đầu thời Lê và thời Nguyễn, xét về kiểu dáng đều rất gần gũi với mũ Ô Sa, vậy nên *Hội diễn triều Nguyễn* từng gọi mũ Phốc Đầu là mũ Ô Sa⁽²⁾. Trần tấu sứ nước Triều Tiên là Min Am năm 1691 mô tả trang phục quan nhà Lê: “*Họ đội mũ sa màu đen, dùng bạc tráng làm hốc cắm cánh chuồn, mặc áo gấm đỗ thêu hoa văn, cổ tròn.*”⁽³⁾ Năm 1713, gặp quan nhà Lê tại Bắc Kinh, sứ thần Triều Tiên Han Tae Dong mô tả: “*Mũ màu đen, áo cổ tròn, phẩm phục, đai thắt đai để như quy chế nước ta. Riêng việc xõa tóc ra sau rồi đội mũ là kỳ lạ mà thôi.*”⁽⁴⁾ Sứ thần Seo Ho Su cũng nói: “*Họ búi tóc (phần còn lại) buông xõa, đội mũ Ô Sa, vận áo bào đỏ ống tay rộng, sức vàng bọc mũ và đai, đi ủng da đen.*”⁽⁵⁾ Tương tự là mô tả của *Hoàng Thanh chúc cống đồ*: “*Quan văn nước An Nam đội mũ the, mặc Triều phục, thắt đai, buông dài thân, chân đi hia da. Quan võ nước An Nam đội mũ the đỉnh bằng, mặc Triều phục, thắt đai, hia làm bằng da đen, mũi hia nhọn khác với quan văn.*”⁽⁶⁾

Tuy nhiên, khác những quy định rạch ròi về trang sức sức mũ như bắc son, khóa giản, ngạch tường, nhiều tuyển thời Nguyễn, sử liệu thời



Quan triều Lê Trung Hưng xõa tóc, đội mũ Phốc Đầu tron (tức mũ Ô Sa). (Những khu truyền giáo dẫn theo Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam).

1. (Việt) *Cương mục*. Nguyên văn: 冠皇親王親金飾, 一品至三品幞頭銀飾. 四五品[...]文幞頭鎔飾, 六品以下[...]文幞頭無飾

2. Xin xem phần khảo về mũ Giải Trãi ngay sau đây.

3. (Hàn) *Triều Tiên vương triều thực lục*. Mục ngày 5 tháng 12 năm Túc Tông thứ 17. Nguyên văn: 黑對: 以頭着黑紗帽, 而以白銀為插角穴, 身服紅錦有紋團領

4. (Hàn) *Luồng thé Yên hành lục*. Tr.233. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tai*, đăng trong *Sử học quyết san*. Kỳ 10. 2005. Nguyên văn: 皂帽團領品帶大蓋如制, 而唯是披髮垂後加帽子上, 為駭見耳

5. (Hàn) *Yên hành ký* - Q.2. Tr.459. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tai*. Nguyên văn: 束髮垂後, 戴烏紗帽, 被潤袖紅袍, 拖飾金祫帽帶, 穿黑皮靴

6. (Trung) *Hoàng Thanh chúc cống đồ*. Nguyên văn: 文官冠紗帽, 衣朝服, 束帶, 垂紳, 足躡革靴。武官冠平頂紗帽, 朝服, 束帶, 皂革為靴, 又其尖以別文官

Lê hầu như không đề cập đến các trang sức trên mũ Phốc Đầu. Văn liệu duy nhất liên quan đến loại trang sức này là quy định áo mũ dành cho tiến sĩ chép ở *Lê triều hội điển*, trong đó đề cập đến một thứ trang sức là Tam son bồ đề diệp, chúng tôi hiểu là lá bồ đề sáp thành hình tam son. Loại trang sức này có lẽ được đính trên trán mũ giống như trang sức đính trên mũ tượng Tổng Thái giám Trịnh Đăng Đống (Hải Dương). *Lê triều hội điển* cho biết: “*Hàng tam khôi, hoàng giáp, mỗi viên một chiếc mũ Phốc Đầu có lưỡng nhĩ* (tức hai diềm che tai⁽¹⁾ - TQĐ chú), *lá bồ đề hình tam son bằng đồng thau [...] Đồng tiến sĩ cũng nhu vậy, (mũ) chỉ có lưỡng nhĩ.*⁽²⁾ Ngoài trang sức lá bồ đề Tam son, mũ Phốc Đầu của hàng tam khôi, hoàng giáp và tiến sĩ thời Trung Hưng còn có hai diềm rủ che tai, tương tự mũ của tạo sĩ ở ban võ. Vậy nên *Từ điển Việt - Bồ - La* định nghĩa: “*Mũ đầu cân (chỉ Phốc Đầu cân): mũ lông có tai, các tiến sĩ dùng.*⁽³⁾



Triều phục mũ Phốc Đầu – Bồ phục. 1. Tượng chùa Đồng Neo (Hải Dương); 2. Tổng Thái giám Trịnh Đăng Đống (Lược sử Mỹ thuật Việt Nam); 3. Triều phục mũ Phốc Đầu – Bồ phục của quan Lục phẩm triều Nguyễn.

Ngoài ra, các vị tam khôi, hoàng giáp, tiến sĩ triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn sau khi đăng danh bảng vàng còn được cài một cành hoa bạc lên mũ Phốc Đầu. Quy chế ban

tặng ngự hoa đã xuất hiện vào thời Trần. Trần Nguyên Đán từng miêu tả những người đỗ tiến sĩ thời Trần “*Tuấn sĩ nga quan sáp ngự hoa*”⁽⁴⁾



1. Bồ Tử Bạch Nhàn trên tượng chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang, thế kỷ XVIII; 2. Bồ Tử Sư Tử trên tượng chùa Bồ Đề, Bắc Giang, thế kỷ XVIII. (Ảnh: TQĐ).

(chỉ Phốc Đầu cân): *mũ lông có tai, các tiến sĩ dùng.*⁽³⁾

Ngoài ra, các vị tam khôi, hoàng giáp, tiến sĩ triều Lê Trung Hưng và triều Nguyễn sau khi đăng danh bảng vàng còn được cài một cành hoa bạc lên mũ Phốc Đầu. Quy chế ban

tặng ngự hoa đã xuất hiện vào thời Trần. Trần Nguyên Đán từng miêu tả những người đỗ tiến sĩ thời Trần “*Tuấn sĩ nga quan sáp ngự hoa*”⁽⁴⁾

1. *Trung Quốc y quan phục síc đại từ điển*. Tr.122.

2. (Việt) *Lê triều hội điển*. Nguyên văn: 每員幞頭巾一頂，有兩耳，三山菩提葉用鉢

3. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr. 53.

4. *Thơ văn Lý Trần*. Tập 3. Tr.115. Nguyên văn: 俊士峨冠插禦花 (Bài thơ mang tên 奉賡聖製觀德殿賜

(Trên mũ cao của người hiền sĩ tuấn tú cài nhành hoa vua ban). Vào thời Lê Trung Hưng, từng có việc “*Nguyễn Khản đỗ tiến sĩ, được ban yến ở Lê bộ đường, quan Tư đồ Nguyễn Nghiêm đang làm Thị lang bộ Lễ, tự tay gài bông hoa mũ cho con, đương thời thường truyền tụng.*”⁽¹⁾ Việc ban ngự hoa cài mũ cho các tiến sĩ cũng là quy chế chung của nhà Tống, Minh và Triều Tiên, tuy nhiên cung cách của mỗi nước là riêng biệt.



1. Ngự hoa trên mũ của Tiến sĩ Triều Tiên (*Trang phục của chúng ta*); 2. “Ông Thám hoa cầm cành hoa” (*Kỹ thuật của người An Nam*); 3. Tiến sĩ thời Nguyễn. (Ảnh Albert Kahn).

Quy chế Hoa bạc cài mũ:

Lê triều Hội điển (Ký hiệu A.52) cho biết cành hoa bạc cài mũ của triều Trung Hưng được quy định: **Trạng nguyên**: Hoa bạc 1 cành 9 nhánh nặng 9 tiền; **Bảng nhãn**: Hoa bạc 1 cành 8 nhánh nặng 8 tiền. **Thám hoa**: Hoa bạc 1 cành 7 nhánh nặng 7 tiền. **Hoàng giáp**: Hoa bạc 1 cành 6 nhánh nặng 6 tiền. **Đồng Tiến sĩ**: Hoa bạc 1 cành 5 nhánh nặng 5 tiền. Bia Văn Miếu số 71 tạc năm 1748 cho biết, các tiến sĩ cập đệ được “ban áo bào màu lam, dai tóc hương, yến quỳnh, hoa bạc”.

Quốc sử di biên cho biết: Ngày mồng 9, tháng 4, năm 1822 thời vua Minh Mệnh, những tiến sĩ thi Đinh đồi sách trúng thì được ban cho cài một đóa hoa quỳnh.

1.3. Các loại mũ khác

Ngoài mũ Phốc Đầu áp dụng phổ biến cho văn võ bá quan, trong quy chế Triều phục Lê Trung Hưng còn xuất hiện những loại mũ như *mũ Ô Sa*, *Luong Cân*, *Giải Trãi*, *Thanh Cát* và các loại nón như *nón son bạc chép đính hồng mao*, *nón son son chép đính hồng mao*. Mũ Thanh Cát và các loại nón son là trang phục của quan võ, chúng tôi sẽ trình bày tại

進士及第宴詩韻 *Phụng lệnh họa văn bài thơ "Ban yến cho những người đỗ tiến sĩ ở điện Quan Đức" của nhà vua.*

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyển hạ - Tiên Điền Nguyễn tộc. Nguyên văn: 長公名侃為風流進士。登第時，賜宴禮部堂，司徒公為禮侍，親為簪花，當時傳為盛事



Mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi ở chính giữa phần hậu sơn. (Chân dung Nhan Hồi. Văn Miếu Quốc Tử Giám Hà Nội; Chân dung quan Triều Tiên. Bảo tàng Quốc gia Seoul). (Ảnh: TQĐ).

Quy chế Triều phục năm 1661 cho biết: “*Hoàng tử, vương tử được phong tước quân công đội mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi, triều phục dùng màu đỏ, trực lĩnh, Bổ tử hình Hổ báo, dây thao kép có ngọc, đeo kiếm. Các chức cai quản, cai đội có tước quận công đội mũ Ô Sa, triều phục dùng màu đỏ, trực lĩnh, Bổ tử hình voi, dây thao kép, đeo kiếm [...] Con cháu của quan văn được tập ấm, khi vào chầu nhận nhiệm vụ đội mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót.*”⁽¹⁾ Quy chế Triều phục năm 1721 về cơ bản tương tự như quy chế năm 1661, ngoài ra còn quy định, “*các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghi, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đô sự, tri sự, điền sự, chủ bạ, xã mục, ngực thừa và các hàng Tụng quan, tạp lưu đội mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót [...] Các chức phụng ngự, giám bạ (trong ngạch Nội quan) đội mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu.*”⁽²⁾ Như



Quan văn võ An Nam. *Hoàng Thanh chúc công đồ* (Yên hành lục). “*Quan văn nước An Nam đội mũ sa, mặc Triều phục, thắt đai, buông dài thân, chân đì hia da. Quan võ nước An Nam đội mũ sa đình bàng, mặc Triều phục, thắt đai, hia làm bàng da đen, mũi hia nhọn khác với quan văn*”.

1. (Việt) Lê triều chiêu lệnh thiện chính. (A.257) Nguyễn văn: 皇子王子郡公爵奉侍立朝儀用烏紗帽有突縫黑線。朝服用紅色，直領，補子用虎豹，穿夾條有穿玉，帶劍。該官該隊郡公爵：奉侍立朝儀用烏紗帽。朝服用紅色，直領，補子用象彩，穿夾條帶劍；Cuong mục. Nguyễn văn: 皇子王子封郡公朝用烏紗帽，衣紅，補子用虎，夾條穿玉。

2. (Việt) Loại chí - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi ché. Nguyễn văn: 長史、評事、通事、正副咨議、府校尉、侍讀、講諭、衛尉、知薄、都事、知事、典事、主薄、社目、獄丞及從官雜流等職奉侍應務用烏紗單樣帽，青吉衣有結褶

phần khảo về trang phục quân đội. Mũ Ô Sa là loại mũ Thường phục và Thị phục của bá quan, chúng tôi sẽ trình bày quy chế cụ thể tại phần sau. Dưới đây là một số ghi chép liên quan tới các loại mũ Ô Sa, Giải Trãi, Lương Cân áp dụng làm Triều phục cho các quan.

- *Triều phục Ô Sa* 烏紗帽: Lê triều chiêu lệnh thiện chính chép quy chế Triều phục năm 1661 cho biết: “*Hoàng tử, vương tử được phong tước quân công đội mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi, triều phục dùng màu đỏ, trực lĩnh, Bổ tử hình Hổ báo, dây thao kép có ngọc, đeo kiếm. Các chức cai quản, cai đội có tước quận công đội mũ Ô Sa, triều phục dùng màu đỏ, trực lĩnh, Bổ tử hình voi, dây thao kép, đeo kiếm [...] Con cháu của quan văn được tập ấm, khi vào chầu nhận nhiệm vụ đội mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót.*”⁽¹⁾

Quy chế Triều phục năm 1721 về cơ bản tương tự như quy chế năm 1661, ngoài ra còn quy định, “*các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghi, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đô sự, tri sự, điền sự, chủ bạ, xã mục, ngực thừa và các hàng Tụng quan, tạp lưu đội mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót [...] Các chức phụng ngự, giám bạ (trong ngạch Nội quan) đội mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu.*”⁽²⁾ Như

vậy, mũ Ô Sa thời Lê Trung Hưng có ba loại: Ô Sa có chỉ đen đột nổi, Ô Sa thông thường và Ô Sa đơn dạng. Trong đó, mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi và mũ Ô Sa thông thường kết hợp với Bổ phục, riêng mũ Ô Sa đơn dạng kết hợp với áo Thanh Cát.

- *Triều phục, Thường phục Luong*

Cân đen 黑涼巾: Theo quy chế năm 1661 và năm 1721, hoàng tử, vương tử chưa được phong tước khi vào chầu đều đội mũ Lương Cân đen, mặc áo the đen⁽¹⁾. Loại “mũ mát” này vào thời vua Lê Thánh Tông được ưa chuộng đến nỗi xảy ra tình trạng cắt trộm lông đuôi ngựa công để làm mũ, khiến năm 1467 triều đình phải hạ lệnh cấm dẹt tạo mũ Lương Cân⁽²⁾. Loại chí còn cho biết một

trong những quy định về chất liệu tạo mũ của hoàng thân, vương thân năm 1720 là “*mũ mùa xuân - mùa hè dùng lông đuôi ngựa, mùa thu - mùa đông dùng đoạn màu huyền*”⁽³⁾. Chính vì thường được sử dụng vào mùa nóng nên loại mũ này được định danh là Lương Cân, tức mũ mát.

- *Triều phục Giải Trãi* 獬豸冠: Theo quy chế năm 1721, thượng thư, ngự sử, phó đô ngự sử, đề hình, hiến sứ, giám sát ngự sử các đạo v.v. đều đội mũ Giải Trãi, mặc Bổ phục Giải Trãi. Cuong mục cho biết: “*Pháp quan đều dùng Giải Trãi (chỉ mũ và Bổ tử).*”⁽⁴⁾ Giải trãi tương truyền là linh thú một sừng, bản tính ngay thẳng⁽⁵⁾, thường được tạo hình tương tự kỳ lân. Ngay từ thời Hán, triều đình Trung Quốc đã mô phỏng sừng Giải



Mũ Giải Trãi của quan ngự sử triều Nguyễn (BAVH.1916). Hội diễn viết: “Mũ thi dùng mũ Ô Sa, trên Bác son bằng bạc đính thêm hai chiếc sừng bằng bạc, gọi là mũ Trãi”; Bổ tử Giải trãi thời Minh. (Cẩm tú văn chương).

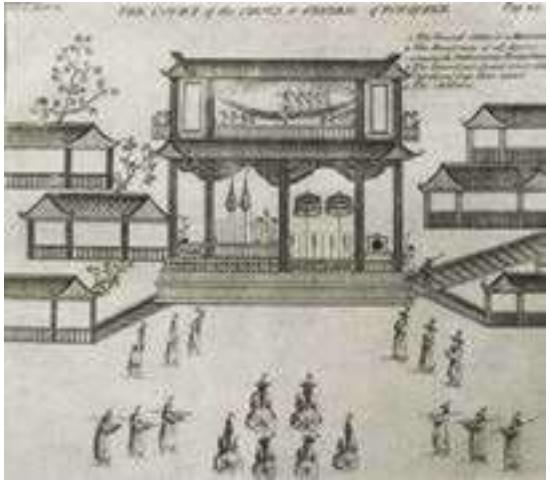
1. (Việt) Cuong mục. Nguyễn văn: 皇子王子未封入侍用黑涼巾，黑紗衣

2. (Việt) Toàn thư. Nguyễn văn: 禁織造涼巾，以盜剪公私馬尾故也

3. (Việt) Loại chí - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi ché. Nguyễn văn: 巾，春夏用馬尾，秋冬用玄綬

4. (Việt) Cuong mục. Nguyễn văn: 法官竝獬豸

5. (Trung) Dị vật chí chú thích: “*Vùng hoang mạc Đông Bắc có loài thú, tên là Giải Trãi, một sừng, tính ngay thẳng, thấy người đầu tung thì nhảm vào kẽ không thẳng mà húc, nghe người tranh luận thì nhảm vào kẽ không ngay mà gào.*” Nguyễn văn: 東北荒中有獸，名獬豸，一角，性忠，見人鬪則觸不直者，聞人論則咋不正者。Hậu Hán Thư cho biết: “*Mũ Pháp quan [...] còn gọi là mũ Giải Trãi. Giải trãi là con dê thản, có thể phân biệt cong thẳng. Vua nước Sở bắt được, đem về làm mũ.*”



The Court of the Chova or General of Tonqueen. (S.Baron, 1683) Phủ chúa Trịnh (*Tư liệu các Công ty Đông Án, Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài TK17*). Những người trên đầu có đánh số 2 được chú thích: *Bá quan các phẩm tò lòng tôn kính đối với ngài.* Có thể thấy ba loại mũ chính thể hiện trong tranh là mũ Ô Sa, mũ Bình Định và mũ Định Tự.

Điêu Thiền, Giải Trãi. Trên thực tế, mũ Giải Trãi thời kỳ này cũng chính là mũ Tiến Hiền, trên mũ được đính thêm một chiếc sừng nên gọi Giải Trãi. Tại Trung Quốc, mũ Giải Trãi bị phế bỏ vào thời Minh, song tại Việt Nam, các triều đại Lê - Nguyễn vẫn sử dụng biểu tượng sừng giải trãi đính lên mũ phỏng theo quy chế cổ. Vào thời Nguyễn, mũ Giải Trãi là mũ Phốc Đâu đính thêm một cặp sừng bằng bạc. *Hội điển* triều Nguyễn cho biết: “*Minh Mạng năm thứ 18, xuống dụ: Khoa đạo là chức giữ hiến pháp trong triều đình, triều đình ưu đãi ngôn quan để tỏ rõ phong hóa hiến pháp [...] Mũ thì dùng mũ Ô Sa, trên bắc son bằng bạc đính thêm hai chiếc sừng bằng bạc, gọi là mũ Giải Trãi [...] để hợp với ý nghĩa giải trãi húc tà.*”⁽²⁾ Dựa theo lời thơ của Nguyễn Trãi tặng vị Ngự sử họ Hoàng thời Lê sơ: “*Mũ Trãi cao cao mặt tựa sắt, chẳng riêng yêu mai còn yêu tuyết*”⁽³⁾, cùng lời kể của Phạm Đình Hổ, “*cha ta từng làm hiến sát Nam Định và tuần phủ Son Tây, trong tráp cất một chiếc mũ Phốc Đâu và*

trái chế ra một loại mũ áp dụng cho các quan thực thi pháp luật, nhằm nhấn ghi ý niệm về lương tri và sự công bằng. Tại Trung Quốc, mũ Giải Trãi thịnh hành vào triều Hán, Đường, Tống; triều Minh và triều Thanh lấy hình Giải trãi làm Bố tử, phế bỏ quy chế mũ Giải Trãi⁽¹⁾.

Tại phần khảo trang phục bá quan thời Lý chúng tôi đã đề cập, triều Tiền Lê và triều Lý phỏng quy chế mũ mao của nhà Tống du nhập ba loại mũ Tiến Hiền,

một chiếc mũ Giải Trãi, hồi nhỏ trong khi đùa nghịch, ta thường lấy ra đội, thích nhất là mũ Giải Trãi, có cấm cũng không được”⁽¹⁾, có thể thấy ngoài chiếc sừng mang tính chất biểu tượng, kiểu dáng của mũ Giải Trãi và mũ Phốc Đâu thời Lê chưa hẳn đã hoàn toàn tương tự như vào thời Nguyễn. Ngoài ra, khác với Triều phục Giải Trãi của triều Nguyễn (*mũ Giải Trãi kết hợp với Măng bào*), vào thời Lê Trung Hưng mũ Giải Trãi kết hợp với Bố phục thêu hình Giải trãi, tương tự quy chế của nhà Minh. Chính vua Lê Thánh Tông đã từng đề cập dạng Bố tử này trong *Thập giới cô hồn quốc ngũ văn*: “*Có kẻ đội Diêu Thiên nhẫn mặt, có người vận Giải trãi ngang ngang*”. Cách nói “*vận Giải trãi ngang ngang*” tức là mặc bào phục với miếng Bố Tử hình Giải trãi đính ngang trước ngực.

2. Thường phục - Thị phục

Đầu thời Trung Hưng, bá quan văn võ vào hầu phủ chúa đều dùng mũ Lương Sa, áo màu thâm đen, đẳng cấp chưa có quy chế nhất định. Đến tháng 6 năm 1661, triều đình nhà Lê định rõ, khi vào chầu vua và hầu chúa, hoàng thân, vương tử, bá quan văn võ đều dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát. Năm 1720, triều đình nhắc lại quy định, “*phàm khi chấp sự, hành lễ và thị sự đều đội mũ Ô Sa, mặc áo Thanh Cát, vào hầu phủ chúa Trịnh cũng nhu vậy.*”⁽²⁾ Một bộ Thường phục kiêm Thị phục bao gồm “*mũ Ô Sa, áo Thanh Cát, dây thao xỏ ngọc, tùy theo phẩm trật cao thấp mà có sự phân biệt.*”⁽³⁾ Ngoài ra, đây cũng là bộ trang



Tể tướng Nguyễn Quán Nho (1638-1708) mặc Thường phục thờ tại nhà thờ dòng họ Nguyễn Quán. (Ảnh: Đỗ Thận Tuấn, Hiệu phó trường PTTH Nguyễn Quán Nho, Thanh Hóa cung cấp).

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyển thượng – Tự thuật. Nguyên văn: 先大夫歷仕南臬西丞，篋藏幞頭、豸冠各一。余嬉戲中每戴之，而豸冠尤其所愛，禁之不能也

2. (Việt) *Cuong mục*. Nguyên văn: 凡執事行禮及視事，竝用青吉衣，烏紗帽。侍鄭府亦如之 (*Phàm khi chấp sự, hành lễ và thị sự đều dùng áo Thanh Cát, mũ Ô Sa, khi chầu ở phủ chúa Trịnh cũng nhu vậy*); (Việt) *Loại chí và Lịch triều tạp ký* đều có nội dung tương tự. Nguyên văn: 文武內監執事行禮及侍事並用青吉衣,烏紗帽。文武奉侍內閣如之 (*Văn võ, nội giám chấp sự hành lễ và thị sự đều dùng áo Thanh Cát, mũ Ô Sa, quan văn võ phụng chầu ở nội các cũng nhu vậy*). Riêng Đại Việt sử ký tục biên, Mục năm 1720 chép: “*Các quan văn khi vào hầu ở nội các cũng nhu vậy.*” (Tr.78)

3. (Việt) *Cuong mục*. Mục tháng 11 năm 1725. Nguyên văn: 侍鄭府，文武用烏紗帽，青吉衣，夾絛，穿玉，隨品秩高下有差

1. Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Tr.49, 50.

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Nguyên văn: 十八年諭：科道係朝憲之司，朝廷優待言官以昭風憲[...]冠用烏紗帽再于銀博山上加銀角二，名獬豸冠[...]以合獬豸觸邪之意

3. (Việt) *Úc Trai di tập* - Q.1 - Đề Hoàng ngự sứ Mai Tuyết hiên. Nguyên văn: 薦冠峨峨面似鉄，不獨愛梅兼愛雪

phục Công sĩ được phép mặc để vào lạy các quan trong trường thi⁽¹⁾, tương tự trang phục mũ Phong Cân - áo giao lĩnh thời Nguyễn.

Ngoài ra, vào cuối giai đoạn Lê Trung Hưng, trang phục của bá quan vào hầu chúa cũng được quy định hết sức phồn phức. Từ năm 1721, thời chúa Trịnh Cương triều đình có quy định khi chúa coi chính sự ở phủ, bá quan đội mũ Bình Dính, mặc áo Thanh Cát, song khi chúa tiếp khách ở các, các quan văn đội mũ Lương Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ⁽²⁾. Nhưng không ít quan lại, đặc biệt là các quan văn võ cấp thấp, quân lính và nha lại đều ăn vận không đúng quy định. Trên thực tế, các loại mũ Bình Dính, Lương Cân, Yến Vĩ, Đinh Tự kể trên, bá quan đều có thể đội



Quan văn đội mũ Ô Sa áo Thanh Cát dạng giao lĩnh trong *Văn quan vinh quy đồ* thế kỷ XVIII. (Bảo tàng Mỹ thuật).

trung tùy bút xếp vào loại mũ thường nhật của vua quan sĩ thứ, song đồng thời cũng lại được xếp vào loại trang phục bá quan mặc khi vào chầu chúa⁽⁴⁾; mũ Đinh Tự (Thanh Cát, Đa La) là loại mũ thường xuyên được quan văn võ cấp thấp, nha lại đội vào chầu cả ở phủ chúa lẵn cung vua, thậm chí quân dân ngày thường cũng đều được đội⁽⁵⁾.

1. (Việt) *Lịch đại danh thần sự trạng* - Chí khí - Nguyễn Thế Nghi. Nguyên văn: 時貢士入拜場官皆用烏紗帽、青吉衣

2. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền hạ - Thần lễ. Nguyên văn: 鄭氏自仁王以前[...]府堂視政，百官用平頂帽、青吉衣[...]擇閣見客，百官用涼巾、燕尾巾、青吉衣

3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. 若常侍視事則文用涼巾，武用燕尾巾 (Việt) *Tang thương ngẫu lục* - Thượng sách - Nguyễn Công Hăng. Nguyên văn: 燕服文涼巾，武燕尾巾，青吉衣覆後，其次結褶丁字巾

4. (Việt) *Vũ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 平頂帽自公相下至吏士，各以制之高低為等級而御服則以金線別之

5. (Việt) *Cuong mục*. Nguyên văn: 先是官吏軍民常服通用青吉衣，戴丁字巾 (*Trước đây, Thường phục của quan, nha lại, quân, dân đều dùng áo Thanh Cát, đội mũ Đinh Tự*); (Việt) *Loại chí*, Lê triều tạp ký, Đại Việt sử ký tục biên. Nguyên văn: 舊制文武大小胥吏軍通服青吉衣，戴丁字巾 (*Ché độ cũ, các nha lại văn võ lớn nhỏ và quân lính đều mặc áo Thanh Cát, đội mũ Đinh Tự*). Ngoài ra, *Loại chí* còn dẫn lời Ngô Thị Sĩ cho biết: 丁字巾樣，至今尚存，制甚卑賤，胥吏軍人同頂 “Mũ Đinh Tự, đến nay vẫn còn, nha lại quân nhân đều đội.” Chúng tôi cho rằng, cum từ “quan lại quân dân” trong *Cuong mục*, “văn võ đại tiểu tể lại quân” trong *Loại chí*, Lê triều tạp ký và Đại Việt sử ký tục biên, hay “tể lại quân nhân” trong lời của Ngô Thị Sĩ đều chỉ quan lại văn võ cấp thấp và binh lính, không nên dịch thành “các quan văn võ, nha lại lớn nhỏ, binh lính” như ở một số bản dịch lưu hành hiện nay.

QUY CHẾ THỊ PHỤC TRIỀU LÊ TRUNG HƯNG

~1661	1661-1721	1721 ~
Mũ Lương Sa, Áo màu thâm đen	Mũ Ô Sa, Áo Thanh Cát	<ul style="list-style-type: none"> - Khi chấp sự và hành lễ: Mũ Ô Sa, áo Thanh Cát - Khi chúa coi chính sự ở phủ: Mũ Bình Dính, áo Thanh Cát. - Khi chúa tiếp khách ở các: Quan văn: Mũ Lương Cân Quan võ: Mũ Yến Vĩ

2.1. Mũ Ô Sa, áo Thanh Cát

* Mũ Ô Sa

Tương tự quy chế Triều phục, Thường phục mũ Ô Sa áp dụng cho bá quan khi chấp sự và khi vào hầu phủ chúa cũng được phân làm ba loại: mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi, mũ Ô Sa và mũ Ô Sa đơn dạng. Trong đó, mũ Ô Sa là loại mũ áp dụng cho tuyệt đại đa số bá quan văn võ, là mũ Ô Sa tròn theo quy chế thời Lê sơ.



Hai bức chân dung tự họa của văn thần Kang Se Hwang (Khương Thế Hoàng) thời vua Jeong Zo (Chính Tổ) Triều Tiên. 1. Mũ Ô Sa - Bố phục - Đại. 2. Mũ Ô Sa, áo giao lĩnh, dây thao đơn. (Mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi).

Mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi theo Phan Huy Chú là mũ Thường phục của hoàng thái tử, vương thế tử cùng hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công; hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc có tước quận công; hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự có tước quận công; hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiêm, đế đốc, đế lĩnh, tham đốc, đô vệ sự có tước quận công; hoàng tử, vương tử có tước quận công, phân biệt với loại mũ Hắc Lương Cân của hoàng tử, vương tử chưa được phong tước. Dựa vào danh xưng của mũ, đối chiếu với loại mũ Ô Sa của Trung Quốc và Triều Tiên cùng thời, chúng tôi cho rằng đây là loại mũ Ô Sa có cắp chỉ đen to, đột nổi ở chính giữa phần hậu son.



Tượng đá tại chùa Bút Tháp Bắc Ninh đội mũ Ô Sa không có cánh chuồn, mặc áo giao lĩnh.

Mũ Ô Sa đơn dạng theo quy chế năm 1721 được áp dụng đối với các chức trưởng sử, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghi, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri bạ, đô sự, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngục thừa, và các hàng thuộc viên tạp lulu; các chức cá nhân, án lại, tướng thần lại, lệnh sử, Nội thư tả thì từ cai ty, cai hợp, thủ hợp trở lên, Thị nội văn chức thì từ nho sinh trung thúc, giám sinh trở lên; những nho sinh trung thúc, giám sinh, nho sinh, xã chánh, xã sứ, xã tư, sinh đồ, quan viên tử tôn, nhiêu nam; con cháu các quan văn được phong ấm trở lên. Dựa vào danh xưng “đơn dạng”, đối chiếu với một số pho tượng có mũ mang kiểu dáng Ô Sa - Phốc Đầu thời Lê Trung Hưng, chúng tôi ngờ rằng mũ Ô Sa đơn dạng có thể là mũ Ô Sa không có hai cánh chuồn.

* Áo Thanh Cát

Tháng 6 năm 1653, triều đình hạ lệnh “cho phép quan văn từ khoa đao, quan võ từ quận công đều được dùng loại áo Thanh Cát có kiểu phú hậu (phú: che; hậu: sau), quan lại khác đều không được lấn vượt.”⁽¹⁾ Từ năm 1720, triều đình quy định quan văn đội mũ Lương Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ, áo Thanh Cát có phú hậu.⁽²⁾

Khác với quy chế Triều phục chầu vua mũ Phốc Đầu - Bổ phục và đai lụng, quy chế Thường phục và Thị phục của bá quan được quy định mũ Ô Sa phối với áo Thanh Cát và dây thao. Dây thao dùng làm thắt lụng được nhắc đến sớm nhất trong *Toàn thư* vào năm 1314, qua việc vua Trần Minh Tông mặc áo giao lĩnh vàng, đội mũ, thắt dây thao dự tiệc đai



Mũ Ô Sa đơn dạng, mũ Ô Sa thông thường, mũ Ô Sa có chỉ đen đột nổi.
(Phục dựng: TQĐ).



Áo phú hậu, tượng chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang. (Ảnh TQĐ).

sứ thần nhà Nguyên. Pho tượng quan hầu tại lăng vua Trần Hiến Tông đã thể hiện lối thắt dây thao hình số 8 thời Trần. Đối với dây thao thắt lụng thời Lê, *Từ điển Việt - Bồ - La* định nghĩa: “*Thao: dây lụa các nhà quyền quý và văn nhân dùng để thắt lụng. Thắt thao, tháo thao.*” Tổng hợp ghi chép trong *Cuong mục, Loại chí, Lê triều chiếu lệnh thiện chính* v.v. có thể thấy dây thao thời Lê Trung Hưng được phân làm 5 loại: dây thao đơn, dây thao kép (tức dây thao được chập lại từ hai dây thao đơn), dây thao kép xâu ngọc, dây thao kép xâu ngọc súc bạc, dây thao kép xâu ngọc súc vàng. Trong đó, loại dây thao kép xâu ngọc súc vàng dành riêng cho hoàng thái tử và vương thế tử⁽¹⁾. Theo *Lịch triều tạp ký*, loại dây thao này được xâu ba viên ngọc⁽²⁾. Dây thao kép xâu ngọc súc bạc dành cho hoàng thân, vương thân. Các loại dây thao kép xâu ngọc, dây thao kép, dây thao đơn được áp dụng cho bá quan, tùy theo phẩm trật cao thấp.



Dây thao. 1. Tượng quan hầu lăng vua Lê Hiến Tông, Lam Kinh, Thanh Hóa. 2. Quan văn qua nét vẽ của Jean-Baptiste Tavernier (1605 - 1689); 3. Tượng đá tại chùa Bút Tháp Bắc Ninh; 4. Tượng đá thời Lê Trung Hưng tại Tự chi họ Đặng, Bắc Ninh; 5. Tượng quan hầu thời Trần thắt thao số 8 (Lăng Trần Hiến Tông, Quảng Ninh). Theo quy chế Tang phục triều Lê (*Loại chí - Lễ nghi chí - Tang nghi và Tang phục*), khi có quốc tang, bá quan hoặc đội mũ Ô Sa đen, áo Thanh Cát đen, dây thao đen, hoặc mũ Ô Sa trắng, áo Thanh Cát trắng, dây thao trắng.

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 許文自科道，武自郡公青吉衣，並用覆後。其餘不得妄僭
2. (Việt) *Tang thương ngẫu lục*. Nguyên văn: 奉使時訪求明制以歸及相定品服[...]燕服文涼巾，武燕尾巾，青吉衣覆後。Bản dịch lulu hành hiện nay dịch cụm từ “phú hậu” là “hai vật trước vén lên buộc vào sau lưng”. Cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.

1. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi ché*. Nguyên văn: 夾條有穿玉金飾
2. (Việt) *Lịch triều tạp ký*. Tr.135. Nguyên văn: 夾條穿三玉金飾 Ông Hoàng Văn Lâu (Nxb. KHXH, 1975) dịch là “dài thao chõi tà áo giáp nhau có trang sức bằng vàng và xâu ba viên ngọc”. Cách hiểu và dịch như vậy không chính xác.

DIỆN MẠO TRANG PHỤC LÊ TRUNG HƯNG THỂ HIỆN QUA TRANH THỜ VUA LÝ NAM ĐẾ

Qua tranh thờ vua Lý Nam Đế và hoàng hậu có niên đại thế kỷ XVIII hiện cất giữ tại Bảo tàng Thái Bình, có thể thấy trang phục của bá quan thể hiện trong tranh trên thực tế là trang phục vào hầu chúa của bá quan thời Lê Trung Hưng. Trong tranh các quan văn đều đội mũ Bình Dính bằng sa đen đứng ở hàng trên cùng, các quan võ đội mũ Đinh Tự bằng gai đỗ (Đa La) đứng ở hàng thứ hai bên tay trái, binh lính và tiểu lại phần lớn cũng đội mũ Đinh Tự hoặc màu đỏ hoặc màu đen (Thanh Cát) đứng ở hàng thứ ba. Lối phục sức này khá khớp với miêu tả của *Thanh triều văn hiến thông khảo* (khắc in năm 1787) : “*Quan phục, quan văn mũ Ô Sa, áo cổ tròn, dai, hia; ngày thường thì đội mũ cao làm bằng đoạn màu đen, áo bào thụng tay làm bằng vải xanh [...] quan võ ngày Triều hạ dùng mũ Đa La Ni đỏ các sắc [...] ngày thường dùng mũ màu xanh, áo bào xanh.*”⁽¹⁾



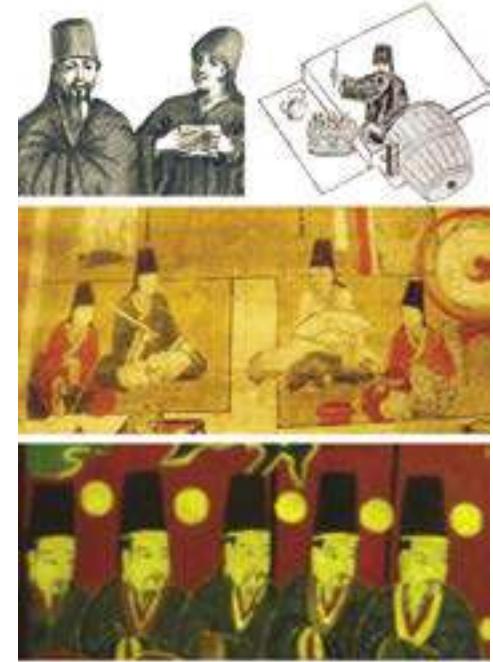
Tranh thờ vua Lý Nam đế và Hoàng hậu thế kỷ XVIII (Bảo tàng Thái Bình).
(Ảnh: Bùi Trung Sơn).

1. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - Tú duệ tú - An Nam. Nguyên văn: 冠服文職紗帽圓領帶靴，平時則用黑色緞高頭帽，青布潤袖袍。武職…朝賀日用紅哆囉呢帽各色[...]平時用青帽青袍

2.2. Bình Dính 平頂帽

Mũ Ô Sa, áo Thanh Cát vừa là Thường phục khi vào hoàng cung chầu vua, vừa là Thị phục khi vào vương phủ hầu chúa. Năm 1721 thời chúa Trịnh Cường, quy chế Thị phục được điều chỉnh, lúc này “*khi chúa coi chính sự ở phủ, bá quan đều đội mũ Bình Dính, mặc áo Thanh Cát [...] khi chúa tiếp khách ở các, các quan văn đội mũ Luong Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ.*” Phạm Đình Hổ còn kể lại rằng, vào các kỳ thi Hội dưới thời chúa Trịnh Giang (ở ngôi 1729-1740), *tại Đệ nhất trường, hoàng thượng ngự giá tại điện Giảng Thư, bá quan đều đội mũ Phốc Đầu, mặc Bố phục, thắt dai, đi hia [...] Đến Đệ nhị trường, Đệ tam trường và Đệ tứ trường, phủ chúa làm thay, các quan theo hầu đều đội mũ Bình Dính, mặc áo Thanh Cát, thắt thao, đi tất.*⁽¹⁾ Tuy nhiên, trên thực tế, mũ Bình Dính đã tồn tại từ trước năm 1721, với tính chất là trang phục thường nhật của quý tộc và nho sĩ. Loại mũ này từng xuất hiện trong tranh của S. Baron, tranh của Jean-Baptiste Tavernier từ thế kỷ XVII.

Theo Phạm Đình Hổ, vào thời Lê Trung Hưng, mũ Bình Dính được chế thành dạng lục lăng, dáng mũ thấp, là loại mũ sử dụng trong dịp tế lễ. Về sau loại mũ này tiếp tục được cải tiến, làm mũ thường phục cho vua quan, vương công và các nho sĩ. Danh phận tôn ti được khu biệt ở chiều cao và trang sức trên mũ. Riêng loại mũ viền thể Bình Dính (*thân tròn đinh phẳng*), làm bằng lông đuôi ngựa, súc vàng trên trán là loại mũ thường nhật của vua chúa và là mũ Thường phục của hoàng tử, vương tử; loại mũ kiểu lục lăng đinh lõm, làm bằng sa Nam là mũ Thường phục của



Quan văn An Nam (Jean-Baptiste Tavernier 1605 –1689); Võ quan vinh quy đỗ (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Tranh sơn mài vua Lý Nam Đế và hoàng hậu (Bảo tàng Thái Bình).

1. (Việt) *Tang thường ngũ lục* – Hạ sách - Hội thí. Nguyên văn: 會試第一場[...]皇上微蹕御講書殿[...]百官幞頭補服靴帶[...]第二、第三、第四場，帥府代行，侍從諸臣平頂帽、青吉衣、絛襪



Người Giao Chỉ trong sách *Boxer Codex*, vẽ năm 1590, đội mũ Lục Hợp (làm bằng vải), phân biệt với mũ Lục lăng Bình Đính (làm bằng the quết sơn).

Đinh Tự, song bất kể nguyên nhân xuất phát từ phía Phạm Đình Hổ hay những người sao chép sau này, chúng tôi đều cho rằng cách phân loại như vậy là bất hợp lý. Kiểu mũ đĩnh phẳng và kiểu mũ lục lăng nên được coi là biến thể của mũ Bình Đính, riêng kiểu mũ thứ ba Phạm Đình Hổ miêu tả - “*thân tròn may bó, làm bằng vải Thanh Cát, là mũ thông dụng của sĩ thiê, nha lại và binh lính. Gặp ngày quốc tang thì các quan đại thần*

thái giám⁽¹⁾. *Cương mục, Loại chí, Đại Việt sử ký tục biên* đều cho biết mũ của thái giám là mũ Bình Đính sau đổi thành kiểu dáng lục lăng⁽²⁾. Alexandre de Rhodes trong *Tùy điển Việt - Bồ - La* định nghĩa: “*Mũ the: Mũ lục lăng của các vị văn nhân*”. “*Mũ sáu góc, mũ lục lăng, các văn nhân và bậc quyền quý An Nam sử dụng.*”⁽³⁾ Như vậy mũ Bình Đính vốn có dạng tròn, về sau được đổi thành dạng lục lăng. Riêng mũ của thái giám đĩnh lõm, phân biệt với mũ đĩnh phẳng (Bình Đính) của vua quan và nho sĩ.

Qua một số tranh ảnh thời Lê Trung Hưng hiện còn, có thể thấy mũ Bình Đính màu đen, có kiểu dáng khá cao, mũ của văn nhân nho sĩ đều không có trang sức. Vị quan Triều Tiên là Mân Ám khi trả lời câu hỏi của vua Túc Tông về phong tục của người Việt triều Lê đã miêu tả đoàn cống sứ Đại Việt sang Bắc Kinh, ngoại trừ chánh sứ, những người đi theo “*đều mặc áo đen, đội mũ đen, kiểu dáng mũ rất cao, bất kể sang hèn đều xõa tóc.*”⁽⁴⁾

Theo ghi chép của *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ coi loại mũ thân tròn đĩnh phẳng và mũ lục lăng đĩnh lõm là hai biến thể của mũ

khi châu hầu cũng đội, nhưng hình dáng mũ khác nhau⁽¹⁾ - mới nên coi là biến thể của mũ Bình Đính Tự.

2.3. Đinh Tự (Thanh Cát, Đa La) 丁字巾

Mũ Bình Đính Tự trở thành mũ Thường phục của bá quan văn võ nhà Trần kể từ năm 1301. Tuy nhiên sau khi trải qua các đợt cải cách trang phục trong suốt thời Trần - Hồ - Lê sơ, đến thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng và đối tượng sử dụng của mũ Bình Đính Tự đều đã thay đổi. Vào thời Lê Trung Hưng, mũ Bình Đính Tự phần lớn được sử dụng trong phạm vi quan lại cấp thấp, binh lính và thường dân. Riêng trong trường hợp quốc tang, các quan đại thần, thatem chí thế tử, vương tử cũng đều sử dụng mũ Bình Đính Tự làm từ vải Thanh Cát (tức là mũ Thanh Cát). *Hoàng Lê nhất thống chí* miêu tả Thế tử Trịnh Tông năm *mo thấy mình mặc áo màu quỳ, đầu đội mũ Bình Tự, đứng ở phủ đường, ngày hôm sau nói với gia thần: “Ta mo nhu vậy, là điểm có tang (chỉ việc chúa Trịnh Sâm mất).*⁽²⁾ Phạm Đình Hổ cũng ghi nhận “*gặp ngày quốc tang, vương công, khanh sĩ đều mặc áo màu quỳ.*”⁽³⁾

Theo quy chế năm 1721, mũ Thanh Cát được áp dụng làm Thường phục kiêm Thị phục cho những đối tượng sau:

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG MŨ THANH CÁT (theo *Loại chí*)

Hoàng tử, vương tử từ chức tá hưu đô đốc, có tước quận công trờ lên	Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát kiểu phú hậu, không lót
Hoàng tử, vương tử từ chức đô đốc đồng tri có tước quận công trờ xuống	Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát kiểu phú hậu, có lót
Con cháu các quan võ được phong ấm trờ lên	Khi vào hầu làm việc dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có lót

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 六稜而頂凹，製用南紗者為內監常侍視事之服

2. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí – Bá quan chương phục chi ché. Nguyên văn: 內監，巾用平頂，後改為六棱 *Cương mục, Đại Việt sử ký tục biên* có nội dung tương tự.

3. *Tùy điển Việt - Bồ - La*. Tr.153, 218.

4. (Hàn) *Triều Tiên vương triều thực lục - Túc Tông* - Q.23. Nguyên văn: 帶率皆黑衣而着黑巾，巾制甚高，無論尊卑，盡被頭髮



Tượng chùa Tây Phương, Hà Nội.

1. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Quan lễ. Nguyên văn: 体圓縮縫，製用青吉布者，為士庶吏軍通用。時遇國卹則大臣常侍視事亦戴之，其体各不同也

2. (Việt) *Hoàng Lê nhất thống chí* - Hồi 1. Nguyên văn: 世子一夕夢見身穿葵色衣，頭頂丁字帽，立於府堂，明日謂家臣曰：吾夢如此，為諒陰之服

3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng - Y phục. Nguyên văn: 倘遇國卹則王公卿士皆服葵色

Ở trung thư sảnh, các chức hoa văn học sinh, án lại, xá nhân, tướng thần lại, lệnh sứ, thư tả, nội thư tả; ở các văn nha môn thì các chức đô lại, đê lại, điển lại, thông lại	Khi vào hầu làm việc thì dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót
Các chức đô lê, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lãnh, phó đô lê, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lãnh, bách hộ, đê hạt, phó trung úy, phó lang tướng, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đê hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy	Mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có lót
Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trọng coi quân lính mà chưa có chức tước	Mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót



Dũng sĩ đánh hổ, đội mũ Đinh Tự, đóng khố, thế kỷ XVII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Binh lính thời Lê diễnh tập võ nghệ đội mũ Đinh Tự, đóng khố, *Their Martial Exercise* năm 1683. (*Tư liệu các công ty Đông Á*); Lính tráng trong tranh vua Lý Nam Đé và Hoàng hậu (Cục bộ, Bảo tàng Thái Bình); Ở một số tư liệu tranh tượng, mũ Đinh Tự dễ bị lầm tưởng loại khăn vấn thời Nguyễn. Tuy nhiên, phần mũ cong tròn nhô ra sau gáy chính là đặc điểm nhận dạng của mũ Đinh Tự. Khăn vấn của người triều Nguyễn, thời kỳ đầu chỉ được vấn rồi quanh đầu.

Ngoài ra, quy chế phẩm phục của triều Lê Trung Hưng còn có một loại mũ làm từ chất liệu Đa La, có kiểu dáng tương tự mũ Thanh Cát, Đinh Tự. Theo *Thanh triều văn hiến thông khảo* của nhà Thanh ghi nhận, vào lễ Triệu hạ, “*quan võ đội mũ Da La Ni đỏ các sắc, áo bào thụng tay làm bằng đoạn sắc sỡ, áo Mā Quái đến vai* (chỉ áo khoác ngoài không có ống tay áo, chỉ chấm đến ngực) *làm bằng Da La Ni màu đỏ. Cũng có người mặc Bồ phục thêu hình hổ báo, voi.*”⁽¹⁾ Tuy nhiên, theo *Lê triều*

1. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Quyển 296 - Tứ duệ tử - An Nam. Nguyên văn: 朝賀日用紅哆

hội diển và *Loại chí* thì mũ Đa La là loại mũ áp dụng cho một số hạng quan binh nhất định, phần lớn là quan binh cấp thấp, không phải trang phục của quan võ nói chung như ghi nhận của *Hội diển* nhà Thanh. *Lê triều hội diển* ghi rằng, “*lính Thị hậu mặc áo mũ Da La [...] Tết Nguyên Đán hằng năm, quan binh phiền đều dùng áo mũ Da La [...] Vào lễ yết điện Nam Giao, quan binh thị hậu theo hầu dùng áo mũ Da La, ngoại binh dùng mũ Da La, áo Thanh Cát; vào lễ Diên Thọ, tù sóm, lính tượng mã và lính thị vệ theo thú tự vào hầu, quan binh thị vệ đều dùng mũ áo Thanh Cát, quan binh tượng mã đều dùng áo mũ Da La.*”⁽¹⁾. *Loại chí* cho biết, mỗi khi vua Lê xuất cung, đoàn Lỗ bộ đại giá đi theo được quy định: “*các cẩm quân ở nội điện như các Hiệu thị kiệu ty, Thị cận ty, Thị nội ty, Hiệu lực ty, Tả loan giá ty, Hữu loan giá ty, Kim ngô vệ, Cẩm y vệ, Tiên tả đội, Tiên hữu đội, mũ dùng mũ Da La đỏ, áo dùng áo Thanh Cát, một tay rộng, một tay hẹp, viền đỏ nẹp trắng, cả thảy 560 người, sắp bày nghi trượng. Đội đi đầu thì cờ nhật nguyệt, cờ ngũ phuong, cờ thập nhị thàn, cờ long vân, rồi đến 40 gậy mạ vàng, 40 kiếm nạm bạc, 20 con ngựa, rồi 20 Trần điện tướng cầm dùi cùng đội mũ Da La đỏ, mặc áo gấm xanh, Bồ tử voi, dưới có bit tất che đầu gối*”⁽²⁾

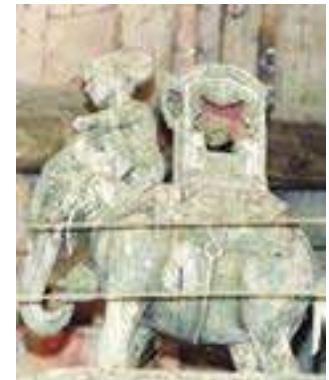


Hình tượng binh lính trèo thuyền đội mũ Đa La, Thanh Cát trên chạm khắc gỗ tại đình Phù Lưu (Le Đình) và tranh dân gian thế kỷ XVIII (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).

囉呢帽各色，彩緞潤袖袍，紅哆囉呢齊肩褂，或虎豹象補服，平時用青帽青袍

1. (Việt) *Lê triều hội diển* (A.52). Nguyên văn: 其侍候兵蓼蘿衣帽[...]凡遞年正旦節，兵番官並用蓼蘿衣帽[...]其奉侍侍候官兵衣帽蓼蘿，外兵帽用蓼蘿、衣用青吉[...]早時，象馬及侍衛兵依次入侍。侍衛官兵並用青吉衣帽，象馬官兵並用蓼蘿衣帽

2. (Việt) *Loại chí*. Tr.20, 21. Bản dịch dịch từ Đa La là “là gai”, ở đây chúng tôi dùng âm Hán Việt.



Quân tượng đội mũ Đa La (Đình Chu Quyến, Ba Vì).



Bức họa vua Lê xuất cung do Samuel Baron vẽ năm 1685 (*The Description of Tonqueen*). Trang phục mũ Đinh Tự, áo giao lĩnh thể hiện qua hình tượng vua Lê trong tranh rất có thể là bộ trang phục vua sử dụng khi đê tang.

là La Đà Ni⁽¹⁾. Các từ Đa La, Đa La Ni hay La Đà Ni thực chất đều chỉ cùng một loại vải gai, phần lớn có màu xanh và đỏ⁽²⁾. Kết hợp các ghi chép trên với tư liệu tranh tượng hiện còn, có thể khẳng định, mũ Đa La, Thanh Cát đều có kiểu dáng như mũ Đinh Tự. Mũ Đa La được gọi là Đa La là bởi được làm từ chất liệu “đa la”, tương tự trường hợp của mũ Thanh Cát. Mũ Thanh Cát được làm bằng vải Thanh Cát màu đen nên Phạm Đình Hổ xếp vào dạng mũ thứ ba của mũ Đinh Tự. Trang phục mũ Đa La có thể kết hợp với áo Đa La, cũng có thể kết hợp với áo Thanh Cát, áo gấm xanh.

Các loại áo này phần lớn có kiểu giao lĩnh, song cũng có loại áo cổ tròn cộc tay tương tự áo Mã Quái như miêu tả của *Thanh triều văn hiến thông khảo*.

2.4. *Luong Cân, Yến Vĩ* 涼巾、燕尾

Tham tụng Nguyễn Công Hằng nhận thấy “từ thời Trung Hưng về sau, phẩm phục chưa được chính đáng, khi đi sứ liền phỏng tìm quy chế nhà Minh đem về nước, đến khi làm tể tướng, định lại phẩm phục”, theo đó quy định: “Yến phục, quan văn đội Luong Cân, quan võ đội mũ Yến Vĩ, áo Thanh Cát có phủ hậu, thứ đến là mũ Đinh Tự kết hợp với áo có lót.”⁽³⁾

1. (Việt) *Chi Nam ngọc âm giải nghĩa*. Tr.119.

2. Chất liệu này trong sách *Bang giao chí* chép là 菱蘿 “gai la”, có màu xanh và đỏ. Theo *Hán điển zdic.net* thì Đa La Ni trong tiếng Hán chỉ chất liệu ni dệt bằng len tương đối dày.

3. (Việt) *Tang thương ngẫu lục* – Thượng sách - Nguyễn Công Hằng. Nguyên văn: 以中興來，章服未正，奉使時訪求明制以歸，及相，定品服[...]燕服文涼巾，武燕尾巾，青吉衣覆後，其次結褶丁字巾 (Việt) *VŨ trung tùy bút* - Quyền thượng - Quan lễ. Nguyên văn: 阮相公汎北使訪求故明典憲，回國典定章服[...]若常侍視事則文用涼巾，武用燕尾巾，則阮公所製也 (*Năm Khang Hy thứ 57, Tể tướng Nguyễn Công Hằng đì sứ Bắc quốc phỏng tìm điển hiến cũ của nhà Minh, về nước đặt định chương phục [...] Vào buổi Thường thi, thị sự thì quan văn dùng Luong Cân, quan võ dùng mũ Yến Vĩ, đều do ông Nguyễn Công Hằng chế ra cả*).



Quan Văn đội mũ Trùng Diệp (lá kép), còn được gọi là Lương Cân, phỏng theo hình dạng chữ Văn.

Quan Võ đội mũ Đơn Diệp (lá đơn), còn được gọi là mũ Yến Vĩ (đuôi én), phỏng theo hình dạng chữ Võ.

là bạn áo vải, khi chúa lên ngôi (năm 1765), mỗi khi nghe hát, đều lệnh cho Nguyễn Khản ngồi hầu, ông đội Lương Cân, mặc Tiện phục, ngồi tựa giường ngự, cầm chầu điểm hát⁽¹⁾.

Ngoài ra, các sách *Cuong mục*, *Loại chí*, *Đại Việt sử ký tục biên*, *Lịch triều tạp kỷ*, *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* đều ghi nhận việc tể thần Nguyễn Công Hằng chế ra các loại mũ dành cho bá quan văn võ. Song *Cuong mục*, *Loại chí*, *Đại Việt sử ký tục biên* đều gọi mũ Lương Cân là mũ Trùng Diệp, mũ Yến Vĩ là mũ Đơn Diệp⁽²⁾, riêng *Cuong mục* còn dẫn lời Ngô Thì Sĩ cho biết: “Những năm Bảo Thái (1720-1729) của bản triều mới đặt ra quy chế quan võ đội mũ Đơn Diệp, quan văn đội mũ Trùng Diệp [...] Tể thần Nguyễn Công Hằng chiết tự theo tự dạng của chữ Văn, chữ Võ mà chế ra hai loại mũ này.”⁽³⁾ Phạm Đình Hổ giải thích “Luong Cân là mũ lá”, “Yến Vĩ cân là mũ đuôi én”⁽⁴⁾. Mục *Tang nghi*, *Tang phục* trong *Lễ nghi chí*, Phan Huy Chú cho biết, khi có quốc tang, phàm mũ bằng sa đoạn Bắc, mũ Luong Cân và mũ Yến Vĩ lục lăng đều

1. (Việt) *VŨ trung tùy bút* - Quyền hạ - Tiên Đèn Nguyễn tộc. Nguyên văn: 王每賞歌多命長公侍坐以涼巾便服倚御床，操桴點閱。

2. (Việt) *Cuong mục*. Nguyên văn: 先是官吏軍民常服通用青吉衣，戴丁字巾。至是參從阮公汎議行改定[...]黎史續編註: 文武自一品至三品，春夏衣用北紗，秋冬用北緞，竝玄色。巾，文用重葉，武用單葉。(Theo quy chế cũ, nha lại, binh lính đều mặc áo Thanh Cát, đội mũ Đinh Tự, đến đây, Tham tụng Nguyễn Công Hằng kiến nghị cải đổi [...] Lê sú tục biên chú thích: Quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm, mùa xuân - mùa hạ dùng the Bắc, mùa thu - mùa đông dùng đoạn Bắc, đều dùng màu huyền. Mũ, quan văn dùng mũ Trùng Diệp, quan võ dùng mũ Đơn Diệp; (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 舊制文武大小胥、吏軍通服青吉衣，戴丁字巾，無貴賤尊卑之別[...]巾，文用重葉，武用單葉。

3. (Việt) *Loại chí* - Lễ nghi chí - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 本朝保泰間始制武官頂單葉巾，文官丁重葉巾[...]宰臣阮公汎折文武樣字為此巾制

4. (Việt) *Nhật dụng thường dân*. Tr.63.

Tang thương ngẫu lục nhận định Lương Cân và Yến Vĩ là mũ Yến phục, cũng tức là Tiện phục. Song trên thực tế đây cũng là trang phục bá quan mặc khi vào hầu chúa. *VŨ trung tùy bút* còn cho biết, Nguyễn Khản và chúa Trịnh Sâm

theo dạng thức mà làm bằng sa đen Nam, không làm hoa màu lòe loẹt⁽¹⁾. Chúng tôi cho rằng Yến Vī lục lăng chính là mũ Yến Vī.

Tóm lại, có thể thấy mũ Lương Cân và Yến Vī do tham tụng Nguyễn Công Hāng chế tạo sau khi tham khảo quy chế của nhà Minh, trong đó mũ Lương Cân tượng hình chữ Văn, có hai lá chẽ sang hai bên nên còn được gọi là Trùng Diệp (lá kép), mũ Yến Vī tượng hình chữ Võ, chỉ có một lá phía sau mũ tượng tự hình đuôi én nên được gọi là Đơn Diệp (lá đơn), thân mũ có dạng lục lăng. Chúng tôi cho rằng loại mũ Lương Cân có từ thời Lê sơ mà vua Lê Thánh Tông từng cấm dân gian chế tạo cũng như mũ Lương Cân đen áp dụng làm Triều phục cho hoàng tử, vương tử chưa được phong tước, với loại mũ Lương Cân phỏng hình dạng chữ Văn do Tham tụng Nguyễn Công Hāng chế ra là hai loại mũ khác nhau. Với cùi liệu hiện có, chúng tôi chưa xác định được hình dáng cụ thể của các loại mũ này, nên ở đây dành để lại dưới dạng tồn nghi, chờ khảo cứu về sau.

3. Tiện phục

Khác với trang phục dân gian, trang phục ngày thường của bá quan vẫn có những quy chế áo mũ, vải vóc cụ thể nhằm khu biệt danh phận tôn ti, trên dưới. Ngoài các loại mũ Bình Đính, Đinh Tự, Lương Cân, Yến

Vī vừa được coi là Thị phục, vừa được dùng làm trang phục thường ngày, quan lại quý tộc và nho sĩ thời Lê Trung Hưng còn có các loại mũ Tiện phục như Bao Đính, Bát Tiên, Bức Cân v.v.

3.1. Trung Tĩnh 忠靖冠

Theo quy chế của nhà Minh, mũ Trung Tĩnh là loại mũ Tiện phục của các chức quan đội khi nhàn hạ, không phải vào triều. Loại mũ này có khung làm bằng sợi sắt, bên ngoài bọc bằng the đen, nhung đen, chép mũ hơi vuông, phần giữa hơi nhô, trán mũ súc các viền lương, ép bằng sợi vàng, sau mũ có hai cánh (gọi là nhị son), cũng được



Mũ Trung Tĩnh (*Tam tài đồ hội*); Hoàng tử Lê Đinh Tú chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) xõa tóc, đội mũ Trung Tĩnh.

1. (Việt) *Loại chí - Lễ nghi chí* - Bá quan chương phục chi chế. Nguyên văn: 北紗緞涼巾及燕尾六稜巾並依樣制南黑紗無華彩

làm bằng viền vàng. Mũ của quan từ tú phẩm trở xuống không dùng kim tuyến, đổi dùng sợi tơ nhạt màu. Viền lương được quy định tùy theo phẩm cấp⁽¹⁾. Dường như sử liệu thời Lê - Nguyễn bỏ sót không đề cập đến loại mũ này, song dựa vào pho tượng Hoàng tử Lê Đinh Tú thờ tại chùa Bút Tháp, chúng tôi ngờ rằng mũ Trung Tĩnh từng hiện diện tại triều đình nhà Lê, được áp dụng làm mũ Tiện phục đối với một số vị vương công, đại thần nào đó.

3.2. Bao Đính, Bát Tiên, Bức Cân 包頂、八仙、幅巾



Kỳ lão ở ngoại thành Hà Nội, năm 1920. (Ảnh: Albert Kahn).



Nguyễn Siêu (thế kỷ XVIII, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Bức Cân (Phục nguyên); Song Si Yeol (Bảo tàng Cố cung Seoul).

Phạm Đình Hổ kể lại: “Ta thuở nhỏ thấy các bậc tiền bối khi nhàn cư thường đội Mã Vī Bao Đính (Phạm Đình Hổ còn giải thích: Mã Vī cân là mũ ống Mã Vī⁽²⁾), kiểu dáng tròn, đinh phẳng, cao khoảng một thước, cũng có người đội mũ Bát Tiên. Đối với nhà sỹ thú thì mũ Bát Tiên và Bức Cân là Công phục. Mũ Bát Tiên làm bằng đoạn màu huyền hoặc sa the, đinh phẳng, trên may cánh hoa cúc mẩy lớp đùm lên nhau, quanh mũ gấp nếp nhu mũ Trúc Quan thời cổ, dải dây buộc ngang trán, buông phần thừa ra sau gáy và hai tai có diềm rủ, đại để phỏng theo mũ Bao Đính mà làm thêm vân vẻ vây. Bức Cân dùng Phuong Cân gấp lại mà thành, cụ thể xem Gia lê (tức Chu Tử gia lê).”⁽³⁾ Ông còn nói: “Nước ta không có mũ Truy Bố, song Bao Đính cũng

1. (Trung) *Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển*. Tr.52.

2. (Việt) Nhật dụng thường đầm. Tr.63.

3. (Việt) Vũ trung tùy bút - Quyển thượng - Quan lề. Nguyên văn: 余少時見前輩燕居，常戴馬尾包頂，其制圓而頂平，高一尺許，或戴八仙巾。士庶之家則八仙巾、幅巾皆公服也。八仙巾用玄緞或紗，頂平，上裁菊瓣數重相裏，周圍襞摺如古之竹冠，橫帶勒額，垂其末于腦後及兩耳有垂襯，蓋倣包頂而加文也。幅巾製用方巾，折摺為之，詳見家禮



Bức tranh *Chân dung mẹ tôi* (Gia từ cận tượng) của họa sĩ Nam Sơn, vẽ năm 1932.

Nam từ khá sóm. Bức Cân có kiểu dáng tương tự mũ ni, song hai bên mang tai có hai dải thắt, thắt lại sau đầu. Loại khăn - mũ này thường được kết hợp với Thâm y, vốn là một trong những bộ trang phục trang trọng của nho sĩ, từng hết sức phổ biến tại Trung Quốc và Triều Tiên. Vào thời Lê Trung Hưng, theo cách nói của Phạm Đình Hổ, dùng như tần suất sử dụng Bức Cân không phổ biến như mũ Bao Đính, song thi thoảng vẫn có người sử dụng. Và cũng theo ông, đối tượng sử dụng Bức Cân tại Việt Nam không chỉ có nho sĩ mà còn có cả người dân thường. Chúng ta có thể thấy Bức Cân qua tranh chân dung Nguyễn Siêu, phù điêu chân dung Ngô Thị Sỹ, tượng Vũ Miên, tranh chân dung thân mẫu họa sĩ Nam Sơn, và bức ảnh Albert Kahn chụp một vị kỵ lão ở ngoại ô Hà Nội năm 1920.

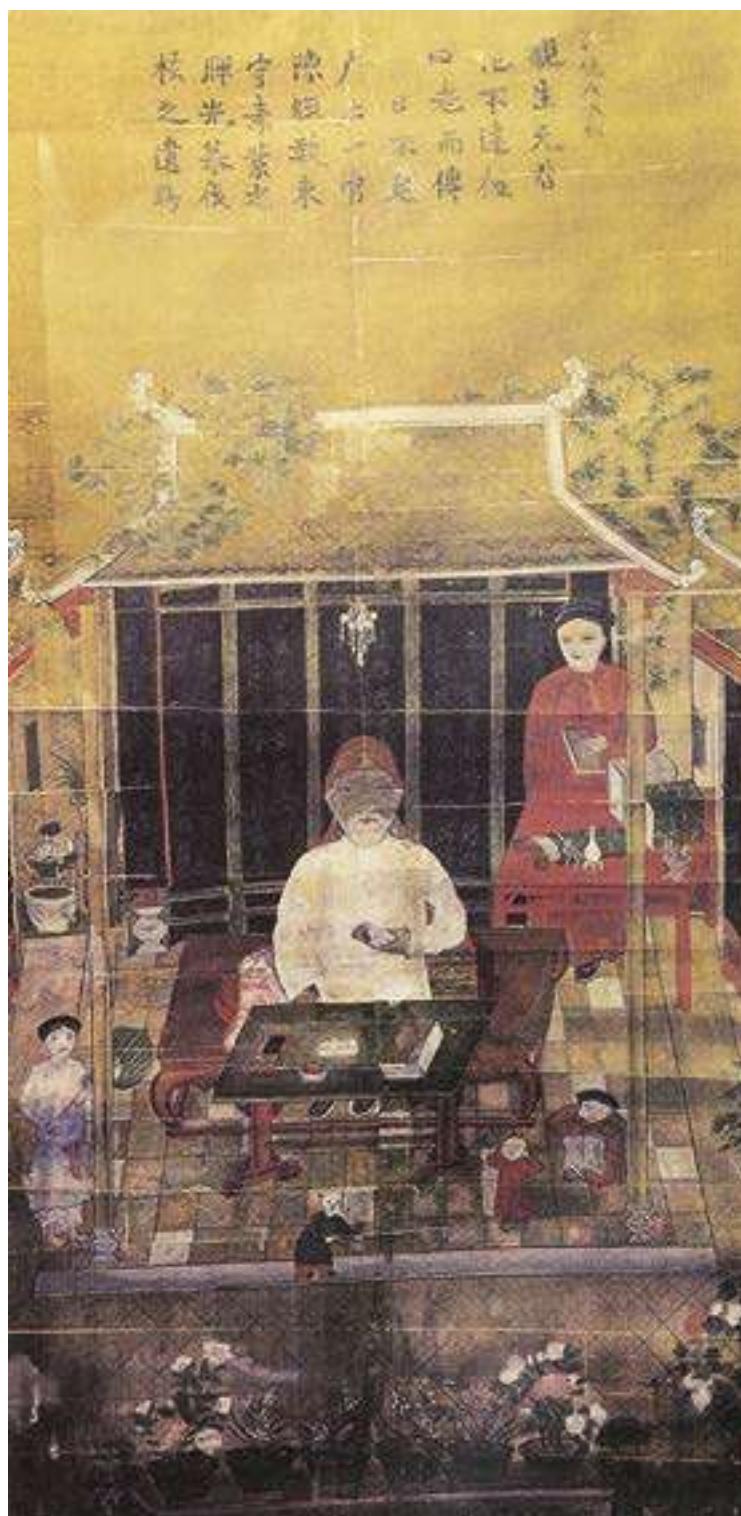
có thể chửa tóc, hoặc (người nước ta) có lúc đội Bức Cân.”⁽¹⁾

Qua miêu tả của Phạm Đình Hổ, có thể thấy mũ Bát Tiên thực chất là mũ Mã Vī Bao Đính. Hai loại mũ này đều có thân tròn, đỉnh phẳng tương tự mũ viền thể Bình Đính của vua Lê, chúa Trịnh. Nhìn chung, mặc dù có nhiều tên gọi khác nhau, với chiều cao và trang sức khác nhau, song kiểu mũ dạng ống đỉnh bằng rõ ràng đã từng rất phổ biến vào thời Lê Trịnh.

Riêng Bức Cân, ngay từ thời Hồ, Nguyễn Phi Khanh đã miêu tả Chuong Túc hầu Trần Nguyên Đán đội “Bức Cân đứng đĩnh leo lên núi”⁽²⁾, chứng tỏ Bức Cân đã xuất hiện ở Việt



Tượng Vũ Miên (1717 - 1782) đội Bức Cân, mặc áo giao lĩnh, thờ tại nhà thờ dòng họ Vũ tại thôn Ngọc Quan, Bắc Ninh.



Tranh chân dung Nguyễn Siêu, thế kỷ XVIII (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

1. (Việt) Vũ trung tùy bút – Quyển thượng – Quan lễ. Nguyễn văn: 我國無緇布冠而包頂亦所以斂髮，或時戴幅巾。Bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến có nhiều lỗi dịch thuật, đặc biệt ở phần khéo về áo mũ.
2. Thơ văn Lý Trần. Tập 3. Tr.494. *Thanh Hu động ký*. Nguyễn văn: 幅巾徜徉以登乎岩之上



Thân sỹ thời Lê Trung Hưng đội mũ the Bình Đính. (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

Trên đây là một số kiểu mũ mào thường nhật của quan lại quý tộc được nhắc đến trong sử liệu mà chúng tôi hiện khảo được. Trên thực tế, kiểu dáng mũ mào của các văn nhân, nho sĩ, quý tộc thời Lê chắc hẳn phong phú, đa dạng hơn nhiều so với ghi chép của sử liệu. Sau này vào đầu thời Nguyễn, với ý muốn cải đổi trang phục cho khác hẳn tiền triều ở Đàng Ngoài, triều đình nhà Nguyễn đã ra sức cấm các loại mũ từng được sử dụng phổ biến vào thời Lê. Đây cũng chính là nguyên do khiến chúng ta thấy người triều Nguyễn sang hèn đều đồng loạt búi tóc vấn khăn, mặc áo dài cài khuy, những kiểu mũ thường nhật dành cho bá quan và nho sĩ phần lớn đã tuyệt tích.

III. TRANG PHỤC HẬU CUNG

Tư liệu trang phục hậu cung thời Lý, Trần, Hồ, Lê hiện thấy không ngoài một số pho tượng được tạo dựng vào thế kỷ XVII, XVIII mang những nét trang phục đặc trưng của mệnh phụ thời Lê Trung Hưng. Dựa vào tính đồng đại và những đặc điểm chung của các pho tượng, chúng ta cũng chỉ có thể đoán định được một phần nào trang phục của chính triều Lê Trung Hưng, không thể loại suy trang phục của các triều đại khác. Dĩ nhiên, một số kiểu áo như áo giao lĩnh, cổ tròn, tứ thân đối khâm đã xuất hiện từ thời Lý - Trần, song sự kết hợp giữa các dạng y phục và trang sức để tạo nên bộ Lê phục, thường phục dành cho hoàng hậu, vương phi và công chúa v.v. mỗi thời mỗi khác biệt.

1. Lê phục

Thông tin duy nhất liên quan đến Lê phục của hậu phi triều Lê sơ là những dòng miêu tả của Nguyễn Trãi trong tờ chế ban tặng Chiêu Nghi làm Hoàng Thái phi. Sách *Tang thương ngẫu lục* cho biết: “*Văn của Nguyễn Trãi hùng hồn có khí lực như tác phẩm Bình Ngô đại cáo, Lam Kinh Vĩnh Lăng thần đạo bi được viết vào thời Thuận Thiên (1428-1433), chép trong Thực lục, ở đây không nhắc lại nữa. Vào thời Thiệu Bình (1434-1439), tờ Chế tặng Chiêu Nghi làm Hoàng Thái phi, ông viết: [...] Khảo xét di chế Thành Chu, nên phong Thái Phi danh phận, để sáng tỏ công lao bảo hựu, để vẹn tròn nghi lễ ai vinh. Than ôi! Lê phục Vĩ Địch, vẻ vang không kể mất còn; nấm mộ truyền dài, trang trí sáng ngời trời đất.”⁽¹⁾*

Dựa vào nội dung tờ chế, có thể thấy Lê phục của Hoàng Thái Phi thời vua Lê Thái Tông là Vĩ Địch, loại Lê phục đặt định theo quy chế của nhà Chu, được coi là chuẩn mực của Nho giáo. Đây cũng là dạng Lê phục chung của hậu phi các triều Tống - Minh, Triều Tiên và Lưu Cầu. Theo Chu lỗ, Vĩ Địch là Lê phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương với trang phục Cổn Miện của hoàng đế. Bộ trang phục này vừa là Tế phục kiêm Triều phục, đồng thời cũng là cát phục của hoàng hậu, phi tần sử dụng trong các dịp đại lễ sách phong và hôn lễ. Vĩ Địch vốn có màu đen huyền, thêu vẽ hoa văn chim trĩ. Từ thời Đường trở về sau sắc áo được đổi sang



Vĩ Địch 祢翟. 1. Mũ Phượng Quan và áo Vĩ Địch của hoàng hậu nhà Minh (*Tam tài đồ hội*); 2. Đồ giải trang sức mũ của vương hậu Triều Tiên (Bảo tàng Cố cung Quốc lập Seoul); 3. Hai tấm áo Vĩ Địch của vương hậu Triều Tiên hiện cất giữ tại Đại học Sejong Hàn Quốc.

1. (Việt) *Tang thương ngẫu lục* - Lê Công Trãi và (Việt) *Úc Trai di tập* - Q.3. Nguyên văn: 粤考成周之遺制，宜加大妃之新封，於以彰保佑之功，於以盡哀榮之禮。於戲！禪翟命服，流輝無間其存亡；馬鬱漏泉，賁飭有光於溟漠。

màu xanh sẫm, hoa văn chim trĩ được thêu khắp áo theo mười hai hàng, viền cổ áo, tay áo đều được thêu rồng⁽¹⁾.

Khác với sự ổn định của áo Vī Địch, loại mũ kết hợp với Lễ phục này ở mỗi một triều đại lại có những quy chế khác biệt. Tại Trung Quốc, vào thời Hán, hoàng hậu sử dụng Cân Quắc, thời Đường dùng trâm thoa hình hoa, thời Tống Minh dùng Phượng Quan. Tại Triều Tiên, ngoài Phượng Quan, trong nhiều trường hợp mái tóc của vương hậu còn được vấn tết thành một búi lớn ở đỉnh đầu, chung quanh cài các trang sức hoa tròn, trâm vàng trổ hình chim phượng lớn nhỏ.



Trang phục Vī Địch của vương phi Triều Tiên (phục chế); Chân dung Hoàng hậu Tóng Thân Tông và Hoàng hậu Tóng Huy Tông thời Tống (Bảo tàng Cố Cung Đài Bắc).

Tính tới thời điểm hiện nay, tư liệu liên quan đến bộ trang phục Vī Địch chỉ tồn tại trong vài dòng ghi chép ngắn, tương tự trường hợp Lễ phục Cổn Miện của các triều đại Lý - Trần. Song với sự phổ biến và tính ổn định của bộ Lễ phục này, chúng tôi ngờ rằng, Vī Địch không chỉ là Lễ phục của hậu phi triều Lê sơ, mà có thể còn có niên đại sớm hơn nữa.



Hiện vật áo Vī Địch của vương hậu Triều Tiên (Đại học Sejong Hàn Quốc cất giữ).

Tuy nhiên, từ thời Lê Trung Hưng trở về sau, không rõ quy chế Vī Địch của hậu phi có bị phế bỏ tương tự quy chế Cổn Miện của hoàng đế hay không?

Bên cạnh đó, qua khảo sát các pho tượng Hoàng hậu Ngọc Bạch, Hoàng hậu Ngọc Oánh, Hoàng hậu Ngọc Trúc (chùa Mật, Thanh Hóa), Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh), chúng tôi nhận thấy những chiếc mũ thể hiện trên các pho tượng này đều có chung một mô típ. Thân mũ đều được vây kín bởi các hoa văn dạng lúa. Giữa trán mũ có trang sức tượng Phật ngồi kiết già. Đỉnh mũ còn có trang sức hình chữ nhật, một đầu gắn sau trán mũ, một đầu tì lên búi tóc. Tạo hình hết sức gần gũi với các loại mũ thể hiện trên tượng Phật chùa Mía, tượng Phật bà chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, chùa Ngo và một số tranh vẽ Bồ Tát Phổ Hiền.



Mũ thể hiện trên pho tượng Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ, Công chúa Lê Thị Ngọc Duyên (thế kỷ XVIII, chùa Bút Tháp, Bắc Ninh).



Tượng Phật bà chùa Ngo, Phúc Thọ. (Ảnh: Nguyễn Thị Dung).

Kết hợp với loại mũ mang đậm âm hưởng Phật giáo này, phần lớn là dạng áo giao lĩnh, đi cùng với áo đối khâm và thường. Riêng hai pho tượng Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc và Hoàng hậu Phạm Thị Ngọc Oánh còn khoác vân kiên nạm hìn rồng phượng phủ trên vai, phía dưới đính các dải anh lạc dài che lưng và bụng. Phần lớn viền áo, viền dây buộc tóc và viền tay áo đều được thêu dệt những hoa văn hoa cuộn đan xen. Một số bà phi còn mặc yếm đính các trang sức vàng, ngọc, hoặc đeo vòng trang sức nhiều tầng, toát lên vẻ sang trọng, quý phái.

1. Tham khảo Trung Quốc phục sức đại từ điển (Tr.136) và <http://zh.wikipedia.org/wiki/翟服>



Chân dung Minh Nhẫn Nhụ nhân Bùi Thị Giác (1738 - 1805) (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam).

Chúng tôi cho rằng, kiểu mũ tương tự vương miện, mang hơi hướng tôn giáo, kết hợp với các dạng áo giao lĩnh, tứ thân đối khâm, vân kiên, dải trang sức anh lạc, thậm chí phối với tràng hạt có thể là một trong những bộ Lễ phục của hậu phi nhà Lê Trung Hưng.

2. Tiện phục

Dựa vào các pho tượng Hoàng hậu Trường Lạc (chùa Huy Văn), Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (chùa Bút Tháp), tranh chân dung Nhụ nhân Bùi Thị Giác thế kỷ XVIII và các bức tranh mệnh phụ An Nam trong *Hoàng Thanh chúc cống đồ*, có thể thấy vào ngày thường, trang phục của các bà hậu phi, mệnh phụ thời Lê Trung Hưng, phần lớn vẫn là dạng áo giao lĩnh, áo tứ thân thụng tay, có thể còn có một lớp áo Sam mỏng mặc choàng ra

ngoài. Ngoài ra, một số hình tượng công chúa, mệnh phụ thể hiện trên các pho tượng thờ tại chùa Phổ Minh, Quán Sứ, Thổ Hà v.v. có niên đại thế kỷ XVII, XVIII đều mặc một loại váy dài quây ngang úc, được thắt lại bằng dải lụa ở dưới ngực, ngoài cùng khoác áo đối khâm, hầu hết đều xõa tóc theo tục để tóc thời Lê Trung Hưng. Các dạng trang phục thể hiện trên các pho tượng này nhiều khả năng đều được tả thực.



1. Hoàng hậu Trịnh Thị Ngọc Trúc (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh); 2. Công chúa Mạc Ngọc Lâm, chùa Phổ Minh, Nam Định. (Ảnh: TQĐ).



Công chúa Lê Thị Ngọc Quyến (chùa Bút Tháp, Bắc Ninh); Phu nhân Quận công Nguyễn Thế Mỹ (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Cơ (chùa Bút Tháp); Chiêu nghi Lê Thị Ngọc Hoàn; Hoàng hậu Ngọc Bạch; Hoàng hậu người Hà Lan (chùa Mật Sơn, Thanh Hóa).

IV. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

234



Quan võ triều Lê Trung Hưng trong tranh của Jean-Baptiste Tavernier (1605 - 1689).

Vị quan võ đánh số 1 được chú thích: *Đại thần của Vương quốc Đông Kinh*; vị quan võ được đánh số 4 được chú thích: *Quan võ hoặc sĩ quan chiến tranh?* Theo quy chế Triều phục của võ quan thời Lê Trung Hưng, xếp theo thứ hạng tôn ti, lần lượt gồm: mũ Phốc Đầu, nón sơn bạc đính hồng mao, nón sơn son đính hồng mao, mũ Thanh Cát, mũ Đa La. Ở phần này, chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày quy chế cụ thể của các dạng nón sơn và thử lần tìm diện mạo trang phục Giáp Trụ áp dụng cho một số đội quân đặc biệt của triều đình.

1. Giáp Trụ 甲冑

Lê Thánh Tông từng ra chỉ dụ nói: “*Những thứ áo Giáp, mũ Trụ là để khí thế quân đội thêm trang nghiêm.*”⁽¹⁾ Song cũng như thời Lý, Trần, Hồ, Giáp Trụ thời Lê chỉ còn lại danh xưng, không có miêu tả cụ thể về kiểu dáng, trang sức. Theo *Thanh triều văn hiến thông khảo*, binh chế triều Lê Trung Hưng “*coi áo Đa La Ni kết hợp với mũ là Khôi Giáp*” (tức Giáp Trụ).⁽²⁾ Một số pho tượng quân sĩ tại lăng Dinh Hương (Bắc Giang) và phù điêu gỗ chùa Cói (Vĩnh Phúc) thế kỷ XVI, đều đội mũ Trụ hép vành kết hợp với áo giao lĩnh, có thể là khái niệm Khôi Giáp mà *Văn hiến thông khảo* của nhà Thanh ghi nhận.

Tuy nhiên, theo quy chế binh dụng chép trong *Lê triều hội điển*, “*trước kia, tất cả trấn thủ các xứ và các chợ trong kinh đều phải nộp 100 tấm da trâu để may quân phục, đồng thời phải nộp kèm mỗi bộ da trâu*

1. (Việt) *Toàn thư* - Mục ngày 9.4.1496. Nguyên văn: 上諭天下官員百姓等: 甲冑之属, 所以壯軍容

2. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - *Típ duệ tú - An Nam*. Nguyên văn: 兵制以哆囉呢加帽謂之盔甲



Quan võ triều Lê Trung Hưng
xõa tóc, đội nón sơn chóp đính
hồng mao. (*Những khu truyền
giáo của cha Marini*).

có một số quy chế Giáp Trụ riêng biệt áp dụng đối với một số hạng tướng tá khác nhau.

2. Nón sơn 漆笠

Quy chế Triều phục dành cho ban võ của triều Lê Trung Hưng kể thura quy chế Triều phục năm 1500 thời vua Lê Hiến Tông, quy định: các quan võ tú, ngũ phẩm đội nón bạc, lục phẩm trở xuống đội nón sơn⁽²⁾. So sánh quy chế năm 1661, 1721 và 1725 chép trong *Cương mục* và *Loại chí*, có thể thấy khái niệm nón sơn son, nón sơn bạc đồng nhất với khái niệm nón son, nón bạc. Ngoài ra, *Lê triều thiện chính điển lệ* và *Cương mục* đều cho biết, trên chóp của hai loại nón này còn được đính hồng mao⁽³⁾.

1. (Việt) *Lê triều hội điển*. Tr.98.

2. (Việt) *Toàn thư* - Mục tháng 10 năm 1500. Nguyên văn: 四品至五品, 冠武用銀笠, 文用幞頭無飾 [...] 六品以下, 冠武用朱笠, 文用幞頭無飾 “*Tú phẩm tới Ngũ phẩm, mũ thì quan võ dùng Nón bạc, quan văn dùng mũ Phốc Đầu không trang súc [...] Lục phẩm trở xuống, mũ thì quan võ dùng nón son, quan văn dùng mũ Phốc Đầu không trang súc*”. (Việt) *Cương mục* - Mục tháng 11 năm 1725. Nguyên văn: 四五品, 武銀笠, 文幞頭無飾。六品以下, 武朱笠, 文幞頭無飾, 法官獬豸 “*Tú, ngũ phẩm, quan võ dùng nón bạc, quan văn dùng mũ Phốc Đầu súc thau. Lục phẩm trở xuống, quan võ dùng nón son, quan văn dùng mũ Phốc Đầu không trang súc. Pháp quan đội mũ Giải Trãi*”.

3. (Việt) *Cương mục* - Mục tháng 6 năm 1661. Nguyên văn: 銀笠頂綴紅毛, 朱笠頂綴紅毛

hai chiếc sừng⁽¹⁾. Chúng tỏa ra trâu là một trong những nguyên liệu chính để may quân phục, đặc biệt là Giáp Trụ của tướng lĩnh.

Mặt khác, không ít lăng mộ của vua quan tướng lĩnh triều Lê đều có tượng tướng sĩ mặc Giáp Trụ đứng canh gác, mô thức tạo tượng gần như đồng nhất. Điều đó cho thấy ngoài bộ Giáp Trụ giản tiện như *Thanh triều văn hiến thông khảo* ghi nhận, quân trang của triều Lê Trung Hưng còn có quy chế Giáp Trụ riêng biệt. Có điều, bộ Giáp Trụ thể hiện trên các pho tượng tướng sĩ thời Lê Trung Hưng thường đa dạng về kiểu cách. Trước tình trạng thiếu hụt tư liệu văn tự và hiện vật để đối chứng, chúng tôi chưa thể xác định được đâu là bộ Giáp Trụ chuẩn mực của tướng sĩ triều Lê. Song chúng tôi mạnh dạn đặt giả thiết Giáp Trụ triều Lê không chỉ có một kiểu dáng đơn nhất, có thể

235

**QUY CHẾ NÓN SƠN
ÁP DỤNG CHO BAN VÔ TRIỀU LÊ TRUNG HƯNG**

Loại nón	Năm 1661 (theo Cương mục)		Năm 1721 (theo Loại chí)	
	Nón son bạc đính hồng mao	Nón son son đính hồng mao	Nón son bạc đính hồng mao	Nón son son đính hồng mao
Đối tượng và trang phục đi kèm	Hoàng tử, vương tử phong đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, đê lính gia phong quận công	Tam phẩm, tứ phẩm gia phong tước hầu	Hoàng tử, vương tử chức đô hiệu kiêm, đê đốc, đê lính, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công	Đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thiêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thiêm tổng tri tước hầu
	<i>Trang phục:</i> Áo đỗ - Bổ tử Sư tử - Thao kép xâu ngọc - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỗ - Bổ tử Voi - Thao đơn - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỗ - Bổ tử Sư tử - Thao kép xâu ngọc - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo giao lĩnh đỗ - Bổ tử Voi - Thao đơn
	Nhi phẩm gia phong tước hầu	Ngũ, lục, thất phẩm	Đô hiệu kiêm, đê đốc, đê lính, tham đốc, đô vệ sự tước quận công	Đô lễ, trấn điện quân tướng quân, lục sĩ hiệu úy, thiên hộ, quân lanh, đô úy, trung úy, lang tướng, bách hộ, đê hạt, tá hữu tiền hậu lang tướng, võ úy, vệ úy (chánh - phó không phân biệt)
	<i>Trang phục:</i> Áo đỗ - Bổ tử Voi - Dây thao đơn - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỗ không đính Bổ tử - Dây thao đơn - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo đỗ - Bổ tử Hổ báo - Thao kép - Cầm kiếm	<i>Trang phục:</i> Áo giao lĩnh đỗ không có Bổ tử - Thao đơn. Chúc trấn điện cầm kiếm và dùi đồng, còn lại cầm kiếm

Lê triều hội điển còn ghi nhận loại nón son dành cho tạo sĩ, võ cù nhân là “nón son son, hai diềm che tai viền thau. Mỗi chiếc chuẩn cho 8 mạch, 3 lạng hồng mao”⁽¹⁾ tương tự quy chế mũ Phốc Đầu của tiến sĩ ban văn.

3. Các dạng trang phục khác

Sử sách chính thống thường chỉ tập trung mô tả quy chế áo mao của bá quan văn võ cấp cao, hiếm khi nhắc tới quân trang của một số hạng lính “tiểu tốt”. *Loại chí, Lê triều hội điển, Lê triều chiếu lệnh thiện chính* là những cuốn sách ghi chép tỉ mỉ nhất về quy chế trang phục của bá quan

triều Lê Trung Hưng, song cũng không nhắc tới những loại nón phổ biến vào thời Lê sơ như nón Thủy Ma, nón da, nón ngà trắng v.v. Tương tự, *Hội điển* của triều Nguyễn cũng không đề cập tới quy chế cụ thể của những dạng nón được áp dụng làm quân trang đương thời. Trong khi đó, khó có thể phủ nhận rằng việc sử dụng nón làm quân trang đã được kể thừa muộn nhất là từ thời Lê sơ tới thời Nguyễn.

Riêng loại nón áp dụng cho binh lính thời Lê Trung Hưng, chúng ta chỉ tìm thấy vài dòng ghi chép ít ỏi của Phạm Đình Hổ qua *Vũ trung tùy bút*. Ông cho biết: “Quân lính đội Trạo lạp, tục gọi là nón chèo vành [...] Đến nhu hai vùng Thanh Nghệ thì người ta đều đội Viên Cơ lạp (viên cơ: cái sọt tròn), tục gọi là nón Nghệ [...] Đến khoảng năm Nhâm Dần, Quý



1. (Việt) *Lê triều hội điển* (A.52). Nguyên văn: 硏漆笠，兩耳繞鎚



Một số dạng mũ Trụ thể hiện trên các pho tượng tướng sĩ thời Lê Trung Hưng.

của các loại nón mũ này hiện vẫn chưa có tư liệu văn tự để có thể đối chiếu.

Ngoài ra, đối với quân trang của một số hạng lính cấp thấp, ngoài bộ khinh trang mành trần đóng khố như hình tượng lính Giao Chỉ vẽ trong *Boxer Codex* năm 1590, Phạm Đình Hổ qua câu chuyện *Người nông phu lên kinh* còn cho biết: “Một tên lính đội Trách màu đỏ, tục gọi là Kê Quan cân (mũ mào gà), tay cầm kiếm, là người quen cũ, thấy nông phu liền mừng rỡ, cởi Trách đội cho anh ta.”⁽²⁾ Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển (Tr.119) định nghĩa: “Phuong ngôn của Duong Hung

Mão (1782-1783) quân Tam phủ làm loạn, cậy công làm càn, nhiều người đội nón Viên Cơ để lẩn với lính, dần chuyển thành tục [...] Đến năm Bính Ngọ (1786) trong nước có biến, lại bỏ Viên Cơ đội Cẩu Diện [...] nón Trạo không còn thấy nữa.”⁽¹⁾ Như vậy, quân lính thời Lê Trung Hưng ngoài một số loại mũ như Đa La, Thanh Cát, còn sử dụng nón làm quân trang. Nón quân trang ít nhất có nón Trạo và nón Viên Cơ, nhưng từ năm 1786 trở về sau, các loại nón này dần bị loại bỏ. Một số tranh vẽ võ quan, binh lính triều Lê Trung Hưng xuất hiện một số dạng nón mũ, song danh xưng và quy chế cụ thể

(thời Hán) viết: ‘Khăn phủ lên búi tóc gọi là khăn Trách [...] Loại khăn này vốn được sử dụng trong dân gian, cuối thời Tây Hán sang hèn đều sử dụng, người bình dân không đội mũ, quý tộc đội mũ thì đội lên trên Trách [...] Đến thời Hán Văn Đế kiểu dáng khăn Trách được thay đổi như nói rộng vành khăn, gia thêm hai diềm che tai, đồng thời che đỉnh đầu.’ [...] Hậu Hán thư - Dư phục chí hạ viết: ‘Đến thời Hiếu Văn liền chỉnh vành khăn cao lên, cho thêm diềm che tai, đôn khăn lên làm vòm mũ, chạm vào phía sau thì thu lại, quần thần trên dưới sang hèn đều đội [...] Đám võ lại thường đội Trách màu đỏ, cho được uy nghiêm.’” Chúng ta chưa rõ loại Trách màu đỏ trông như mào gà tại Việt Nam rốt cuộc có hình dạng cụ thể ra sao, song ít nhất đây cũng là một trong những dạng quân trang của hạng lính “tiểu tốt” thời Lê Trung Hưng.



Tượng tướng sĩ tại lăng Thái phi Nguyễn Thị Ngọc Diêm, làng Đa Bút, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. (Ảnh: TQĐ).



Hình tượng binh lính trên chạm khắc gỗ (Le Định) và tượng lính canh lăng Dinh Hương (Bắc Giang) đội mũ Trụ, mặc áo giao lĩnh. (Ảnh: TQĐ).

1. (Việt) Vũ trung tùy bút - Quyền thượng - Lạp. Nguyên văn: 軍士帶掉笠俗名嫩掉榮[...]至如清乂二處, 通戴圓箕笠俗名嫩乂[...]壬寅癸卯年, 三府兵亂, 挾功肆行, 人多戴圓箕笠以混之, 輾轉成俗。丙午年國變, 復捨圓箕笠而筍面[...]掉笠不復見矣

2. (Việt) Tang thương ngẫu lục - Thương sách - Như kinh nông phu. Nguyên văn: 一卒赤幘 俗号雞冠巾 而執劍, 其故人也, 見農夫驚喜, 脫幘戴之

1. Y phục

Nếu coi áo dài cổ đứng cài khuy là quốc phục của triều Nguyễn thì áo giao lĩnh - tràng vạt hắn phải là quốc phục của triều Lê. Đây là dạng trang phục từng được sử dụng rộng rãi trên toàn cõi Á Đông.

Vào năm 1681, Jean Baptiste Tavernier mô tả cách ăn mặc của người Việt *trang trọng và đơn giản*. Đó là một cái áo dài đến gót chân, gần giống áo dài của Nhật Bản, đàn ông và đàn bà ăn mặc giống nhau không phân biệt. Áo dài họ mặc được thắt ở khoảng giữa thân bằng một cái thắt lưng lụa, đeo đồ vàng, bạc đánh rất đẹp.⁽¹⁾ Loại áo dài gần giống kimono của người Nhật, được đàn ông và đàn bà Đại Việt thời Lê sử dụng rộng rãi chính là áo giao lĩnh. Qua sắc lệnh của triều đình Lê Trịnh yêu cầu nhân dân vùng Thuận Hóa, vốn nhất loạt đổi mặc áo dài cổ đứng từ năm 1744, phải đổi lại y phục, có thể thấy kiểu áo giao lĩnh và áo cổ tròn trong quan niệm của triều đình nhà Lê chính là dạng áo “quốc tục”. Lê Quý Đôn cho biết: “Mùa xuân năm Bính Dần, đặt Trần phủ Nha môn (ở Thuận Hóa). Bắt đầu từ tháng 7, tuyên rõ dụ rằng: Y phục bán quốc (chỉ y phục nhà Lê) có chế độ riêng, địa phương này trước đây cũng tuân theo quốc tục. Nay cung vâng Thượng đúc, đẹp yên biên phuong, trong ngoài thống nhất, chính trị và phong tục cũng nên như một.



Người Giao Chi (Đàng Ngoài) và người Quảng Nam (Đàng Trong) trong Boxer Codex (năm 1590).

1. Tập du ký mới và kỷ thú về vương quốc Đàng Ngoài (1681). Tr.43.



Áo Tứ Diên cổ tròn thời Trần và áo giao lĩnh tràng vạt thê hiện trong bức tranh *Giảng học đồ* thế kỷ XVIII. (Cục bộ. Bảo tàng Lịch sử).

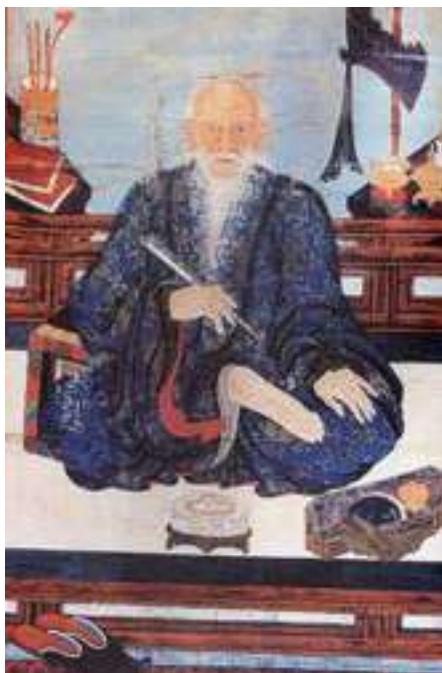


Áo giao lĩnh, còn gọi là trực lĩnh (cổ thẳng), đại lĩnh (cổ lớn), trường lĩnh (cổ dài). Một số chiếc áo giao lĩnh thời Lê Trung Hưng khai quật tại vườn đào Nhật Tân (Ảnh: GS.TS. Nguyễn Lan Cường cung cấp).

Các loại quần áo kiểu Khách còn thấy phải đổi theo thể chế quốc tục [...] Dàn ông, đàn bà mặc áo trực lĩnh ngắn tay (tức áo giao lĩnh với chiều dài ống tay áo chấm đến cổ tay), ống tay áo rộng hẹp cho được tùy tiện. Áo thì từ hai bên nách trở xuống đều nên may khép lại, không được để mở, không được chiết eo. Riêng đàn ông nếu muốn mặc áo cổ tròn hẹp tay để tiện làm việc cũng được. Lê phục dùng áo trực lĩnh ống tay dài, hoặc may bằng vải Thanh Cát, hoặc vải thảm, hoặc vải trắng tùy nghi.”⁽¹⁾ Trịnh Hoài Đức cũng cho biết, trước khi diễn ra cuộc cải cách y phục Đàng Trong năm 1744, người Việt tại thành Gia Định vẫn tuân theo tập tục cũ của Giao Chỉ, người dân xõa tóc đi chân đất, nam nữ đều dùng áo trực lĩnh ngắn tay, áo may khép lại hai bên nách, không có quần, đàn ông dùng một khổ vải quấn quanh eo, đến dưới mông thì bó lại thắt vào vùng rốn, gọi là cái khố, đàn bà có loại váy quây không gấp nếp, đội nón lón⁽²⁾. Qua lời ghi nhận của Lê Quý Đôn và Trịnh Hoài Đức, có thể thấy loại áo giao lĩnh sử dụng rộng rãi đương thời không chiết eo và cũng không xé vạt quá cao như loại áo dài kiểu Khách, tiền thân của dạng áo dài năm thân. Mặt khác, nam giới thường dân người Việt thường chỉ đóng khố, mặc trùm áo giao lĩnh ra bên ngoài, nhất là ở những vùng đất quanh năm nóng bức. Kiểu cách trang phục này chúng ta còn tìm thấy trong mô tả của quan nhà Thanh, Lý Tiên Căn, “đàn ông đàn bà đều mặc áo cổ lớn,

1. (Việt) Phù biện tạp lục. Phong tục. Nguyên văn: 丙寅春，設鎮撫衙門。七月始，曉以本國衣服自有制度，本地方從前亦維遵用國俗，茲恭奉上德，寧輯邊方，中外混同，政俗所當齊一。諸見存常服客樣衣裙，應改從國俗體製[...]男婦直領短袖衣，其袖口或闊或狹隨意所便。其衣自兩腋以下並須合縫，不許開折。維男人或欲著圓領狹袖衣以便作事亦咱。禮服用直領長袖衣，或青吉布，或緇布，或白布隨宜。

2. (Việt) Gia Định thành thông chí - Phong tục. Nguyên văn: 惟我越之人循習交趾舊俗[...]庶被髮跣足，男女皆直領短袖衣，合縫兩腋，無裙袴。男用布一股，纏腰至尻下裹勒之臍，名之曰褲。女有無摺圍裙，戴大笠



Một số tranh chân dung thời Lê Trung Hưng. 1. Kiến trung hầu Trịnh Đinh Kiên (1715 - 1786) (Nhà thờ họ Trịnh tại Thành Công, Hà Nội); 2.Tham Tụng Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720); 3. Thương thư Nguyễn Quý Kính (1693 - 1766) (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam); 4. Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần (1653 - 1675) (Nhà thờ Quốc Uy công tại làng Dạ Lê, huyện Hương Thủy, Huế).

không phân biệt, không có quần, đàn bà có váy quây không gấp nếp⁽¹⁾, hay thậm chí có thể truy lên đến thời Trần Hồ qua Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ và bức Giao Chỉ quốc trong Tam tài đồ hội.



Tranh thờ thế kỷ XVIII tại đình Ngoại, Thanh Liệt, Hà Nội. (Ảnh: TQĐ).

Ngoài kiểu áo giao lĩnh, cổ tròn thì các dạng áo tứ thân, váy đụp, yếm và khố đều là những kiểu trang phục truyền thống, cổ cựu đã hiện diện từ thời Lý - Trần và tiếp tục được kế thừa vào thời Lê - Nguyễn. Jerome Richard miêu tả người Việt Đàng Ngoài năm 1778, cho biết: “*Những người phụ nữ nói chung ăn mặc khá khiêm nhã. Họ mặc một chiếc váy dài và một hoặc nhiều áo cùng kiểu như của nam giới nhưng chúng ngắn hơn. Họ buộc quanh ngực một chiếc yếm là một mảnh vải hoặc một mảnh lụa có hình trái tim, dùng để làm đẹp cho họ [...]*”⁽²⁾ *Những người giàu hoặc có phẩm tước mặc đồ lót cực rộng và dài, áo ngủ có tay hẹp và ngắn cùng kiểu với áo dài bên trong và bên ngoài của họ [...] Quần áo của dân Đàng Ngoài đa dạng về màu sắc. Thông thường nhất là màu trắng. Có nghĩa là màu sắc tự nhiên của lụa hoặc của vải. Màu đen phù hợp với những người được trọng vọng nhất.*”⁽²⁾ *Thanh triều văn hiến thông khảo* cũng có ghi nhận tương tự: “*Đàn ông đàn bà đều xõa tóc, đi đất. Quần áo hoặc làm bằng vải hoặc làm bằng lụa, phần lớn dùng sắc trắng. Đàn ông dùng vải thắt lưng, sau đó luôn xuống dưới mông*

1. (Trung) *An Nam truyện*, *An Nam tạp ký*, *An Nam du ký* – An Nam tạp ký: 男女衣皆大領，無分別，無裙庫。女有無摺圍裙

2. *Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài*. Dẫn theo *Tuyển tập tư liệu phong Tây*. Tr.214-216.

trở ra phía trước thắt bọc lại. Đàn bà dùng vải lụa che ngực.”⁽¹⁾ v.v. Các ghi chép, mô tả này hoàn toàn khớp với những bức vẽ người Giao Chỉ, Quảng Nam trong *Boxer Codex* (1590).



1. Người Việt thời Lê Trung Hưng trong *Hoàng Thành chúc công đồ*; 2. Ông sư, ông quan, ông Tú bình văn, Nữ quan nghênh hồn trong *Kỹ thuật của người An Nam*. Bức vẽ người An Nam trong *Hoàng Thành chúc công đồ* được chú thích: “đàn ông đội mũ cỏ trắng lớn, hình như cái vạc úp, mặc áo trưởng lĩnh thung, tay cầm quạt chuối, xỏ giày mà đi. Người nghèo thì mặc áo ngắn, đi chân đất, cẩn cù cày cấy. Phụ nữ quý tộc xõa tóc, không cài trâm, tai đeo kim hoàn [...] Phụ nữ lấy khổ vải che đầu, áo dài vạt dài, đi giày lô gót, gấp nhau thì lấy trâu cau làm lẽ, giới các việc thêu thùa, bếp núc”.

nón rộng vành, đinh phẳng như tấm ván.⁽²⁾ Song Nishikawa Joken, tác giả của *Hoa Di thông thương khảo*, lại có ghi nhận hoàn toàn trái ngược với William Dampier. Ông cho biết khoảng những năm 1645, người Việt “hết đi bộ thì át đội nón”⁽³⁾. Và theo ghi nhận của Phạm Đình Hồ có thể thấy đến cuối thời Lê Trung Hưng, các dạng nón đã hết sức phong phú và phổ biến trong dân gian Việt Nam. Trong đó có nhiều

1. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - Tứ duệ tú - An Nam. Nguyên văn: 男女皆披髮, 跛足, 衣裳或布或絹, 多用白色。男子以布束腰, 從尻下穿前繫裏。婦女以布絹上掩胸乳

2. Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688. Tr.61.

3. (Nhật) *Tăng bổ Hoa Di thông thương khảo* - Q.3 - Giao Chi. Tr.11. Nguyên văn: 歩行スルニ必笠ヲ著ル

dạng nón vẫn được kể thura vào thời Nguyễn, được khắc họa trong *Kỹ thuật của người An Nam*. Phạm Đình Hồ kể lại: “Hồi tôi tám chín tuổi (khoảng năm 1776-1777), thấy người già đội Ngoan Xác lạp (ngoan xác: mai của con giải), tục gọi là nón màu giải (nón có màu tựa màu con giải) hoặc đội nón Tam Giang. Con cái nhà quan và các học trò ở trường Giám thi đội Phuong Đầu đại lạp (phuong đầu: cái đầu vuông), tục gọi là nón lá. Họ hàng nhà quan mà cao tuổi thì đội Cổ Châu lạp, tục gọi là nón dâu, trung niên hoặc trẻ tuổi thì đội Tiểu Liên Diệp lạp, tục gọi là nón lá sen. Đàn ông, đàn bà, sĩ thú trong kinh thành đều đội Cổ Châu lạp, đội Tiểu Liên Diệp lạp, tục gọi là nón nhỏ khuôn. Đàn ông đàn bà thôn quê đội Xuân Lôi tiểu lạp, tục gọi là nón sọ nhỏ. Quân lính đội Trạo lạp, tục gọi là nón chèo vành. Người hầu hạ và vợ con quân lính đội Viên Đầu lạp (viên đầu: cái đầu tròn), tục gọi là nón khùa. Nhà sư và đạo sĩ đội Cẩu Diện lạp (cẩu: cái lò bắt cá), tục gọi là nón mặt lò. Người có tang đội Xuân Lôi đại lạp, tục gọi là nón cạp. Người để tang một năm trở xuống đội Cổ Châu lạp, buộc thêm quai mây. Riêng nhà quyền thế có tang thì đội Cẩu Diện lạp để phân biệt. Đến như hai vùng Thanh Nghệ thì người ta đều đội Viên Cơ lạp (viên cơ: cái sọ tròn), tục gọi là nón Nghệ. Người Mán Nùng ở ngoại trấn đều đội Tiêm Quang Đầu Nhuoc lạp, hình như nón khùa mà choppins nhẹn, làm bằng vỏ măng nứa, là khác với người tú chiêng. Đến khoảng năm Nhâm Dần, Quý Mão (1782-1783) quân Tam phủ làm loạn, cậy công làm càn, nhiều người đội nón Viên



MỘT SỐ LOẠI NÓN TRONG
KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI AN NAM

1. Nón Trung kỳ; Nón này người Trung kỳ đội; Nón nhà hiếu. 2. Nón tiêu phu; 3. Người nhà quê đội nón này; 4. Nón sọ. Nhiều nho sĩ và thương nhân đội. Bên trong làm bằng lá, bên ngoài dùng lá tre tết lại, rồi súc bằng sơn. 5. Nón đàn bà, tục gọi là ba tằm; 6. Nón đinh phu, đàn ông nhà nghèo đội nón này để che mưa nắng. 7. Nón Bắc Ninh, dài làm bằng vải xanh; 8. Nón hòn lẽ, ngày xưa đón dâu thì dùng, nay đã thay đổi; 9. Nón nhà sư. Người có tang cũng dùng.

đội Xuân Lôi đại lạp, tục gọi là nón cạp. Người để tang một năm trở xuống đội Cổ Châu lạp, buộc thêm quai mây. Riêng nhà quyền thế có tang thì đội Cẩu Diện lạp để phân biệt. Đến như hai vùng Thanh Nghệ thì người ta đều đội Viên Cơ lạp (viên cơ: cái sọ tròn), tục gọi là nón Nghệ. Người Mán Nùng ở ngoại trấn đều đội Tiêm Quang Đầu Nhuoc lạp, hình như nón khùa mà choppins nhẹn, làm bằng vỏ măng nứa, là khác với người tú chiêng. Đến khoảng năm Nhâm Dần, Quý Mão (1782-1783) quân Tam phủ làm loạn, cậy công làm càn, nhiều người đội nón Viên

Co đẽ lân với lính, dân chuyển thành tục. Đến năm Bính Ngọ (1786) trong nước có biến, lại bỏ Viên Cơ đội Cầu Diện, người để tang một năm trở xuống, buộc quai sợi trăng để phân biệt. Ở thôn quê thì phỏng theo dáng nón Ngoan Xác mà hạ thấp phần trên xuống, gọi là Toan Bì lạp, tục gọi là nón vỏ búta. Thỉnh thoảng có người đội Xuân Lôi tiếu lạp, còn những nón nhu nón Ngoan Xác, Tam Giang, Phương Đầu, Cổ Châu, Liên Diệp và Trạo lạp thì không thấy nữa.”⁽¹⁾



Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài năm 1778 (Jerome Richard) cho biết: *Dân chúng không mặc quần áo cho trẻ con khi chúng dưới 6, 7 tuổi. Một vài người khoác lên chúng một cái áo chỉ dài đến rốn. Đa phần bọn trẻ con xứ này hoàn toàn trần truồng.*

2. Kiểu tóc

Sau lệnh cấm cạo trọc đối với những người không phải sứ sai vào năm 1470, thói tục cạo trọc trong dân gian đã dần biến mất. Theo Jean-Baptiste, vào năm 1642, người Việt lúc này “*cho rằng để đầu trọc là một hành động xúc phạm đến danh dự, và chỉ có những kẻ phạm tội hình sự, khi bị bắt mới bị cạo trọc đầu*”. Riêng tục cắt tóc ngắn ít nhất vẫn tiếp tục được người Việt duy trì đến tận năm 1513 với ghi nhận của sứ thần nhà Minh, Phan Hy Tăng. Chúng ta hiện chưa rõ tục cắt tóc ngắn chính thức biến mất vào năm nào, chỉ biết hơn 80 năm sau, năm 1621, sau khi nhà Lê Trung Hưng thành lập, Christophoro Borri ghi nhận người Việt “*để tóc xõa và rủ xuống vai, có người để tóc dài chấm đất, càng dài càng*

1. (Việt) Vũ trung tùy bút - Quyền thượng - Lạp. Nguyên văn: 余八九歲時見老者多戴鼈殼笠俗名嫩牟解或三江笠俗名嫩三江。官家子與監校諸生戴方斗大笠俗名嫩羅。官家內眷年高者帶古洲笠俗名嫩兜，中年及少者戴蓮葉笠俗名嫩羅蓮。京城士庶男婦通戴古洲笠、戴小蓮葉笠俗名嫩汝困。村邑男婦戴春雷小笠俗名嫩壽乳。軍士帶掉笠俗名嫩掉榮。廝養及軍人婦女戴圓斗笠俗名嫩手古。僧道戴筍面笠俗名嫩末蘆。喪家戴春雷大笠俗名嫩及。期功以下戴古洲笠加藤綏。維權門勢戶喪者戴筍面笠以自別。至如清乂二處，通戴圓箕笠俗名嫩乂。外鎮蠻儂通戴尖光斗笠形如嫩古麻尖頂濫朋補芒女與四政不同。壬寅癸卯年，三府兵亂，挾功肆行，人多戴圓箕笠以混之，輾轉成俗。丙午年國變，復捨圓箕笠而筍面，有期功系思服者以素綵別之。在村塢則倣鼈殼之制而殺其上，謂之酸皮笠俗名嫩補拍。其戴春雷小笠者間或有之而鼈殼、三江、方斗、古洲、蓮葉、掉笠不復見矣

*được coi là đẹp”⁽¹⁾. Và hơn 100 năm sau, năm 1792, người Việt vùng Đàng Trong quan niệm “*để tóc ngắn không những bị coi như dấu hiệu của sự thô tục, mà còn là biểu thị của sự thoái hóa*”⁽²⁾*

Như vậy, quan niệm về mái tóc của người Việt thời Lê sơ đã thay đổi so với người thời Trần, và cũng hoàn toàn khác biệt so với người thời Lê Trung Hưng. Vào thời Lê Trung Hưng, theo Alexandre de Rhodes, triều đình nhà Lê đã “*ra lệnh từ nay dân Đàng Ngoài không kết tóc bọc trong lưới trên đầu như người Tàu, và để tỏ ra độc lập, họ bỏ tóc dài tỏa trên vai*”.⁽³⁾ Cha Marini cũng ghi nhận “*dưới thời Bắc thuộc (chỉ thời thuộc Minh), cả đàn ông và phụ nữ đều để tóc búi cao nhưng khi thoát khỏi ách đô hộ, họ thả tóc xuống và đi chân*



Cảnh dạy học thời Lê Trung Hưng (Giảng học đồ, thế kỷ XVIII, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam) và thời Nguyễn.

trần như là biểu tượng của sự tự do.”⁽⁴⁾

Nghĩa là triều đình cấm dân gian búi tóc thắt Võng cân như phong tục của người Minh. Lúc này, người Việt hầu hết đều để tóc dài, buông xõa trên vai.

Chúng ta có thể kiểm chứng tục xõa tóc qua một loạt tư liệu tranh tượng thời Lê Trung Hưng, cũng như vô số những ghi chép của các nhà du hành, sứ thần ngoại quốc mô tả dung mạo người Việt thế kỷ XVII, XVIII, như năm 1621, Christophoro Borri ghi nhận “*Họ cũng để tóc dài như đàn bà, cho xõa tóc tới gót*

1. Xứ Đàng Trong năm 1621. Tr. 54.

2. Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793). Tr. 83.

3. Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài. Tr.4.

4. Dẫn theo Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam. Tr.58.

chân và cung đội nón"; năm 1685 Samuel Baron mô tả "Bất luận nam hay nữ đều để mái tóc dài thông xuồng."⁽¹⁾ Năm 1688, William Dampier cũng miêu tả: "Tóc họ đen, dài và rất dày, để xõa xuống tận vai [...] Răng họ đen hết mức họ có thể làm được, vì họ coi đây là một lối trang điểm cao quý."⁽²⁾ Lý Tiên Căn (1621-1690) người thời Thanh cho biết: "Người nước ấy xõa tóc, dùng sáp thơm chải tóc nên không bị bung, đi đất, song chân không có bụi bẩn, chừng bởi đất đều là cát sạch."⁽³⁾ Năm 1691, triều thần Mân Âm trả lời vua Triều Tiên Túc Tông về phong tục của người Việt, đáp rằng: "Bất kể người sang kẻ hèn đều buông xõa mái tóc, nhai trầu cau luôn miệng, đối đáp với khách cũng không ngừng, răng đều đen như sơn. Tính cách của họ đại để khen kiêng dứng dung nhưng khi gặp gỡ giao tiếp cũng rất biết lễ nghĩa, khiêm nhuường."⁽⁴⁾



Chân dung các giáo sĩ người Việt năm 1688, vẽ bởi Carlo Maratta. (Dẫn theo *Siam and the Vatican in the seventeenth century*).

Vì chuộng buông xõa mái tóc dài, không ít vị quan nhà Lê khi vào chầu đều xõa tóc đội mũ, hoặc búi một phần tóc, phần còn lại buông xõa. Kiểu tóc này ta có thể kiểm chứng qua bức tranh *Phủ chúa Trịnh*

1. Mô tả vương quốc Đàng Ngoài. Tr.108.

2. Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688. Tr.59.

3. (Trung) *An Nam truyền*, *An Nam tạp ký*, *An nam ký du - An Nam tạp ký*. Tr.1. Nguyên văn: 其人被髮，以香蠟梳之，故不散。跣足，足無塵垢，以地皆淨沙也

4. (Hàn) *Triều Tiên vương triều thực lục* - Túc Tông - Q.23 - Mục ngày Ất Dậu mồng 5 tháng 12 năm thứ 17 triều vua Túc Tông. Nguyên văn: 無論尊卑，盡被頭髮，恆嚼檳榔，對客不輟，牙齒皆黑。若着漆然，其儀形，大抵標輕而接待之際，頗知禮讓

của Samuel Baron, bức *Triều phục bá quan văn võ tại vương phủ* của Jean Baptiste Tavernier, hình quan văn quan võ trong *Những khu truyền giáo* của cha Marini, qua mô tả của sứ thần Han Tae Dong năm 1713: "Mũ Ô Sa, áo cổ tròn, đai thắt, phẩm trật đại để như chế độ nước ta, duy có việc xõa tóc buông ra phía sau rồi đội mũ lên là hiếm thấy mà thôi"⁽¹⁾, qua mô tả của sứ thần Seo Ho Su năm 1713: "Quan An Nam búi tóc, buông xõa phần còn lại ra sau, rồi mới đội mũ Ô Sa"⁽²⁾. Thậm chí Phùng Khắc Khoan khi vào chầu vua Minh đã búi tóc theo phong tục của thiên triều, song ngay sau khi về sứ quán ông lập tức rũ bỏ ngay. Sứ thần Triều Tiên Lý Toái Quang miêu tả: "Ông tuy rất già nhưng sức lực còn khỏe, thường đọc sách viết lách không ngừng. Gặp ngày triều hội vào chầu của khuyết thì búi tóc đội mũ, nhất nhất noi theo phục sức của thiên triều, nhưng nom sắc mặt ông có vẻ nhăn nhó khó chịu, vừa về là cởi bỏ ngay. Cả đoàn hai mươi ba người đều xõa tóc. Người cao sang thì son răng, kẻ hạ tiện thì mặc áo ngắn đi đất, dù vào mùa đông vẫn đi đất, không xỏ tất dài. Chừng phong tục của họ là vậy."⁽³⁾

Tuy có thói quen buông xõa tóc dài, nhưng khi cần gọn gàng thuận tiện, một cách hết sức tự nhiên, người Việt lại búi một búi tóc sau đầu. Khoảng những năm 1695, nhà sư Thích Đại Sán mô tả những người Việt

Đàng Trong ở trên thuyền đều "cởi trần xõa tóc, dùng mảnh vải quấn

1. (Hàn) *Yên hành lục - Hàn Thái Đóng - Lưỡng thé Yên hành lục*. Tr.233. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tại*. *Sử học nguyệt san*. Kỳ 10 - 2005. Nguyên văn: 皂帽團領品帶大蓋如制，而唯是披髮垂後加帽子上，為駭見耳

2. (Hàn) *Yên hành ký - Q.2*. Tr.459. Dẫn theo Cát Triệu Quang. *Đại Minh y quan kim hà tại*, *Sử học nguyệt san*. Kỳ 10 - 2005. Nguyên văn: 束发垂后，戴乌纱帽

3. (Hàn) *Chi Phong tiên sinh tập - Q.8 - An Nam quốc sứ thần xướng họa vấn đáp lục - Hâu*. Nguyên văn: 其人雖甚老，精力尚健，常讀書寫冊不休。若值朝會詣闈則束髮著巾帽，一依天朝服飾。而觀其色，頗有蹙頰不堪之狀，既還即脫去。一行凡二十三人皆被髮。貴人則涅齒，下人則短衣跣足，雖冬月赤脚無袴襪。蓋其俗然也。 Một số bản dịch hiện nay dịch "bị phát" là "búi tóc". Cách dịch như vậy hoàn toàn sai lạc. "Bị phát" là "phi phát" 披髮, "phi phát" 披髮 đều có nghĩa là xõa tóc.



Tranh chân dung Phùng Khắc Khoan thờ tại nhà thờ họ Phùng, Thạch Thất, Hà Nội.



1-2. Tượng Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung (chùa Cầu Đông, Hà Nội); 3-4. Tượng chùa Bút Tháp, Bắc Ninh (Ảnh: TQĐ); 5. Vị chánh sứ mặc Măng bào màu trắng, phủ khăn điệu, đứng đầu đoàn cống sứ Đại Việt thời Lê Trung Hưng trong *Vạn quốc lai triều đồ* (hoa phẩm thời Càn Long, Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh. Ảnh: Hồ Như Ý); 6. Mệnh phụ An Nam (*Hoàng Thành chúc cống đồ*).

tai đeo kim hoàn [...] Đàn bà dùng khăn phủ đầu, áo dài, vạt dài, đì

1. (Trung) *Hải ngoại ký sự* - Q.1. Tr.12. Nguyên văn: 裸體披髮, 以布縫纏掩其前, 間有椎髻便操作者, 侏黑齒[...]繼來一舟, 有官, 亦披髮跣足

2. (Trung) *An Nam chí lược* - Cố tích - Cửu trùng dài. Nguyên văn: 王以紅帛帕頭, 佩劍登臺

3. (Hàn) *Chi Phong tiên sinh tập* - Q.8 - An Nam quốc sứ thần xưởng họa ván dát lục - Hậu. Nguyên văn: 使臣姓馮名克寬, 自號毅齋, 年踰七十, 形貌甚怪, 涩齒被髮, 長衣闊袖, 用緇布全幅蓋頭如僧巾樣, 以其半垂後過肩焉

che phía trước, gián hoặc cũng có người búi tóc chuy kế để tiện làm lụng, răng đều đen [...] Một thuyền tiếp đến có vị quan cũng xõa tóc đi chân đất”⁽¹⁾.

Với mái tóc dài buông xõa, nhà giàu quý tộc thời Lê Trung Hưng thường dùng một vuông vải lớn phủ lên đầu, tương tự các quan triều Trần qua mô tả của Trần Cương Trung, hay truy xa hơn là lối thủ súc của vua Lý Nhân Tông trong miêu tả của Lê Tắc “*dùng lụa đỏ phủ lên đầu, giắt kiếm bước lên Cửu trùng dài*”⁽²⁾. Lối dùng khăn phủ mang đậm âm hưởng Phật giáo này xuất hiện khá nhiều qua tranh tượng thời Lê Trung Hưng, và được minh chứng qua miêu tả của sứ thần Triều Tiên Lý Toái Quang về Chánh sứ Đại Việt Phùng Khắc Khoan: “*Sứ thần họ Phùng, tên Khắc Khoan, hiệu là Nghị Trai, tuổi hơn bảy mươi, hình dong rất lạ, son răng xõa tóc, áo dài tay thụng, dùng cả khố vải đen phủ lên đầu như kiểu khăn nhà sư, để cho một nửa khổ rủ ra đằng sau quá vai.*”⁽³⁾ Hoàng Thanh chúc cống đồ cũng mô tả: “*Đàn bà giàu sang xõa tóc, không cài trâm,*

giày lộ gót, gấp nhau đai trầu cau, giỏi các việc thêu thùa nấu nướng.”⁽¹⁾ Alexandre de Rhodes cũng ghi nhận phụ nữ Việt những năm 1625-1645 dùng the làm khăn trùm đầu⁽²⁾.

Ngoài ra, qua một số sử liệu và tranh ảnh cho thấy không ít nam giới người Việt xõa tóc, đồng thời cạo một phần tóc tròn trên thóp. Giải thích ý nghĩa của việc cạo tóc này, hiện có bốn nhóm quan điểm sau:

A. Cạo tóc khi có tang, nên thời kỳ có tang gọi là thời tang tóc. Tác giả sách *Son cự tạp thuật* cho biết tục người mán mường ở Việt Nam cuối thời Lê, vào ngày thành phục, các con đều cạo đầu, bố chết mẹ còn thì cạo một nửa. Đến khi ngũ phục, xem mối quan hệ thân hay sơ mà cạo tóc nhiều hay ít. Nay đất kinh kỳ cũng có người theo tục này, gọi là *Tang tóc*⁽³⁾. Jean-Baptiste Tavernier cho biết, vào năm 1681, “*vua mới (tức thái tử nối ngôi, con vua đã qua cố) cắt tóc, đầu đội mũ rom*”⁽⁴⁾ Cha sứ Marini cho biết, vào khoảng những năm 1646 - 1658, khi có tang, người Việt “*cắt tóc để tỏ lòng tôn kính*”⁽⁵⁾ Tuy nhiên ghi nhận của *Son cự tạp thuật*, Jean Baptiste Tavernier và cha Marini (cắt hoặc cạo tóc khi có tang) lại mâu thuẫn với ghi nhận của Alexandre de Rhodes (ngày thường cạo tóc, khi có tang thì không cạo). Alexandre de Rhodes cho biết “*về cách để tang thì có sự khác nhau và kỳ dị về áo mặc; cách thông thường và chung cho mọi người là tóc. Phái nam không có tang thì để tóc phia trước cắt nửa vòng tròn trên trán, khi có tang thì để tóc dài xuống tới mắt, khá vuông. Trái lại phái nữ có tang thì cắt một phần*



Người Đông Kinh (Hà Nội) trong *Hải ngoại chư đảo đồ thuyết*.

1. (Trung) *Hoàng Thành chúc cống đồ* - An Nam quốc. Tr.15-17. Nguyên văn: 貴家婦人披髮, 不笄, 耳帶金環[...]婦女以帕蒙首, 長衣長裙, 納履露踵, 相見以檳榔為禮, 善紡績烹飪之事

2. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Mục từ The. Tr.218

3. (Việt) *Son cự tạp thuật* - Q.2 - *Man lao phong tục*. Nguyên văn: 成服日諸子盡髡其頭, 父死母存則髡其半。至於五服, 以服之輕重為髡髮之多寡。今中土亦有循是俗者, 謂之髮喪。Thành phục chi tang phục thân quyến mặc sau khi người chết được nhập lịem.

4. *Tập du ký mới và kỳ thú về vương quốc Đàng Ngoài* (1681). Tr.85

5. Dẫn theo *Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.82

tóc không cho dài ra, suốt ba năm tang nếu là người góa bụa thì cấm và bị phạt nặng nếu tái giá trong thời gian này, gọi là thời tang tóc”⁽¹⁾, “để tang cha hay mẹ chết, trong thời kỳ đó, đàn ông không cạo tóc ở phía trên và phía trước đầu”⁽²⁾.

B. Cạo tóc là tập tục lưu hành tại vùng

Đàng Trong. Theo Terajima Ryōan, tác giả *Hòa Hán tam tài đồ hội*: “Người Giao Chỉ (Đàng Trong) đàn ông thì cạo tóc ở vùng huyệt Bách Hội [...] Đông Kinh tức là kinh đô của Giao Chỉ. Họ vốn là anh em, tối thời con cháu giao tranh nên Giao Chỉ và Đông Kinh phân làm hai nước. Ranh giới hai nước có ngọn núi tên gọi Kẻ Mâu (có lẽ chỉ núi Đầu Mâu,



Người Đông Kinh (Hà Nội) trong *Vạn quốc nhân vật đồ thuyết* (1720) và *Tặng bồ Hoa di thông thương khảo* (1708).



Người Đông Kinh và Giao Chỉ trong *Hòa Hán tam tài đồ hội*.

1. Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài. Tr.53

2. Từ điển Việt - Bồ - La. Mục từ Tang tóc. Tr. 211. Bản dịch tiếng Việt dịch từ “radunt” (nguyên tắc) là cắt, ở đây chung tôi sửa lại thành từ cao.

3. (Nhật) *Hòa Hán tam tài đồ hội* – Q.13 – Dị quốc nhân vật – Giao Chỉ, Đông Kinh. Tr.30. Nguyên văn: 男則剃百會[...]東京，即交趾之都府也。本為兄弟，至子孫相爭，交趾與東京分為二國。二國之界，有山，名岐夜牟[...]其人物與交趾同，但不剃頂而束髮

kiểu tóc Sakayaki (kiểu tóc này có thể đối chứng qua hình ảnh người Giao Chỉ trong *Hòa Hán tam tài đồ hội* và bức tranh chân dung Quốc uy công Nguyễn Phúc Thuần (1653 - 1675). TQĐ chú) [...] Người Đông Kinh lại giống Trung Hoa hơn người Giao Chỉ, song không cạo tóc ở vùng trán, mà búi tóc lại, tục cạo tóc ở vùng trán gần đây cũng nhiều. Răng thì cũng đen như người Giao Chỉ.”⁽¹⁾ Tuy nhiên, theo ghi nhận của Alexandre de Rhodes và hình vẽ trong *Boxer Codex* do người Philipines thực hiện năm 1590, người Đông Kinh trong *Vạn*



Người Đông Kinh trong *Vạn quốc nhân vật đồ* (1645).



Người Hồi An năm 1609 trong *Chu án thuyền hội quyển*.

quốc nhân vật đồ (1645), rõ ràng từ những năm 1590 – 1645 vùng Đàng Ngoài đã lưu hành tục cạo tóc này.

C. Cạo tóc theo tục của người Thanh. Tác giả *Nam sứ tu ký* và *Lão song thô lục*, những người sống đầu thời Nguyễn cho rằng triều đình nhà Lê phải xin nhà Thanh cho cạo một nửa mái tóc: “Thanh Thế tổ lên ngôi, đặt niên hiệu Thuận Trị (tại vị 1643–1661), thống nhất thiên hạ, thay đổi y phục Trung Quốc. Phụ lão Trung Quốc đến cửa khuyết, xin lưu lại một nắm tóc để làm vết tích. Nước Nam ta xin cạo một nửa, gọi là khoái giới cạo”⁽²⁾ (‘khoái’ theo Từ điển Việt – Bồ - La nghĩa là ‘đỉnh đầu’). Đây là

1. (Nhật) *Tặng bồ Hoa Di thông thương khảo* – Q.3 – Giao Chỉ, Đông Kinh. Tr.11 – Tr.14. Nguyên văn: 人物衣服今ノ唐人ノ形トハ別也，明朝ノ時ノ形ニ似タリ。人ノ顔色少シ黒ク，頭日本ノ男子ニ似テ少ク百會ニサカヤキヲ剃タリ… 人物交趾ヨリハ又中華ニ似タリ但シ月額無ク（俗近代八月額ヲ剃タリモト云リ）髪ヲ束ス齒ハ交趾ト同ク黒シ

2. (Việt) *Nam sứ tu ký* – Chân Tông Thuận hoàng đế. Nguyên văn: 世祖即位，紀元順治，天下一統，改易中國衣服，又有薙髮令。中國父老詣闈，乞留一握髮以爲迹。我南國乞半薙，號曰 介

quan niệm sai lầm. Bởi tư liệu cho thấy tục cạo tóc đã xuất hiện tại Việt Nam trước khi nhà Thanh thành lập. Bên cạnh đó, các sách như *Lịch đại danh thần sự trạng*, *Nhân vật chí*, *Công du tiệp ký*, *Danh thần danh nho truyện* ký đều chép: Khi người Thanh vào làm chủ Trung Hoa, sai sứ mang chiếu thư đến nước ta, lệnh cho quốc dân đều phải cạo tóc, bè trên lấy làm lo, lệnh cho ông Nguyễn Đăng Cảo đến cửa quan nghênh đón, ông bèn làm bài *Giải chu hâu hoặc văn* để nói rõ ý tú, người Thanh mới thôi⁽¹⁾.

Tuy nhiên, sau khi người Thanh giao thương với người Việt, quả nhiên đã có không ít người Việt cạo tóc bắt chước người Thanh, khiến triều đình nhà Lê phải nhiều lần ra lệnh: “*Thuong nhân phuong Bắc qua lại nước ta, quốc dân có nhiều kẻ bắt chuốc họ, bèn nghiêm súc cho người phuong Bắc nhập tịch vào nước ta, từ ngôn ngữ đến y phục, nhất nhât phải noi theo quốc tục*”⁽²⁾; “*Năm 1696, Phủ Liêu lại vâng mệnh truyền rằng: phàm các xã dân ở giáp địa giới ngoại quốc, từ ngôn ngữ đến ăn mặc và cư xử đều nên tuân theo dáng vẻ lề lối và phong tục nước ta, nếu cạo trọc đầu thì cũng nên bót lại một mảng tóc, chứ không được càn bậy bắt chước tiếng nói và quần áo của người ngoại quốc. Kẻ nào vi phạm thì cũng cho phép quan trấn phủ điều tra trùng trị*”, năm 1727 lại truyền rằng “*con trai trong nước ta, hễ ai cạo tóc cũng nên theo phong tục nước nhà, để lại cái chỏm để tỏ ra phân biệt. Kẻ nào vi phạm thì cho phép quan lưu thủ hoặc quan đồn lanh phạt ngay 10 trượng*.”⁽³⁾



Quản tượng ở Hội An trong *Chu án thuyền hội quyển* (1609).



Binh lính Giao Chi trong *Boxer Codex* (1590).

D. Cạo tóc là một trong những cách đánh dấu nhằm phân biệt binh lính với dân thường. Ghi nhận của *An Nam kỷ du* (Thanh, 1688) cho biết: “*Con trai đến tuổi trưởng thành, phù hợp với ngạch quy định phải biên vào quân ngũ thì quan cho cạo mẩy tóc trên trán để phân biệt với dân*”⁽¹⁾. Ghi chép trên hoàn toàn khớp với hình vẽ lính Giao Chỉ trong *Boxer Codex* với niên đại 1590 (Philipines).

Với những chứng cứ hiện có, chỉ có nhóm quan điểm thứ tư cho rằng việc cạo một phần tóc được thực hiện trong quân đội, nhằm phân biệt quân lính với dân

thường, không tồn tại mâu thuẫn. Trong các quan điểm còn lại, chúng tôi nghiêng về quan điểm cho rằng, một bộ phận người Việt cạo tóc khi có tang, do đó thời kỳ có tang được gọi là thời tang tóc.

Ngoài ra cần lưu ý thêm rằng, trong khi triều thần nhà Lê là Lê Quýnh thà chết không chịu cạo tóc thì Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần ở Đàng Trong lại cạo tóc tương tự kiểu kayasaki của người Nhật. Triều thần Lê Quýnh sau khi bị Phúc Khang An dụ cạo tóc đã



Người Hội An (*Chu án thuyền hội quyển*).

1. (Việt) *Công du tiệp ký* – Danh thần - Nguyễn Đăng Cảo ký. *Nguyên văn*: 時清人入帝中華，發使齎詔往我國，令國人皆薙髮。上以為憂，命公往關上迎接。公乃作解諸侯惑文以誦之，清人乃止。

2. (Việt) *Việt sử* - Q.3 – Huyền Tông, Gia Tông. Tr. 41. *Nguyên văn*: 清帝中國薙髮短衣，一守滿洲故習宋明衣冠禮俗為之蕩然。北商往來我國，國人多有效之。乃嚴飭北人籍我國者，言語衣服一遵國俗。Sách *Cương mục* thời Nguyễn cũng có ghi chép tương tự, song có một vài chữ xuất nhập (自清入帝中國薙髮短衣，一守满洲故習。宋明衣冠禮俗為之蕩然。北商往來日久，國人亦有效之者。乃嚴飭諸北人籍我國者，言語衣服一遵國俗)

3. (Việt) *Lịch triều tạp ký*. Tr. 245, 243.

1. (Trung) *An Nam kỷ du*. *Nguyên văn*: 男成丁，符於定額宜編伍者則官剃其額上髮寸許以別於民焉

túc giận trả lời: “*Bọn ta đâu có thể chặt, chứt tóc không thể cạo, da có thể lột, chứt y phục không thể thay!*”⁽¹⁾ Đến năm Gia Long thứ 3 (năm 1804), Lê Quýnh được thả về nước, sau đó thường xõa tóc, mặc áo cùu, du ngoạn ở chùa Đại Đồng, Hải Dương. Tác giả *Vân nang tiểu sử* ca ngợi, mười mấy năm trời ở Trung Quốc mênh mông, xõa tóc rủ áo dài duy chỉ có một mình ông mà thôi⁽²⁾. Điều đó chứng tỏ, so với Đàng Ngoài, tục cạo tóc được đón nhận và lưu hành rộng rãi hơn ở vùng Đàng Trong, trước khi diễn ra cuộc cải cách về đầu tóc trang phục thời chúa Nguyễn Phúc Khoát.

Bên cạnh đó, với riêng kiểu tóc của phụ nữ, Phạm Đình Hổ còn cho biết: “*Phụ nữ nước ta (cuối Lê đầu Nguyễn) chỉ dùng khăn là giấu tóc, gấp bắc tôn trưởng thì xõa tóc để tỏ lòng tôn kính*”⁽³⁾. Dựa vào ghi nhận của Phạm Đình Hổ, đối chiếu với pho tượng thị nữ chùa Dâu (Bắc Ninh), có thể thấy vào cuối thời Lê, tục dùng lụa bọc tóc vấn quanh

đầu đã định hình và phổ biến trong một bộ phận phụ nữ Việt. Riêng việc xõa tóc để tỏ lòng tôn kính, Jerome Richard năm 1778 cũng ghi nhận: “*Nam giới và phụ nữ thường búi tóc cao và gắn vào đó một cái nơ phía sau đầu. Nhưng khi họ xuất hiện trước bè trên, họ lại để xõa tóc tỏ ý tôn*



Tượng thị nữ chùa Dâu (Bắc Ninh).



Chân dung Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần.

kính”⁽¹⁾. Cha Marini ở Đàng Ngoài vào giai đoạn 1646 - 1658 cho biết: “*Họ buông xõa tóc xuống vai để thể hiện phẩm giá và sự kính trọng. Khi xuất hiện trước mặt nhà vua hoặc người đức cao vọng trọng, nếu đang buộc tóc thì họ phải nhanh chóng thả tóc ra. Nếu không, họ sẽ bị quan cắt tóc*”⁽²⁾. Thanh triều văn hiến thông khảo cũng ghi nhận: “*Yết kiến bậc tôn quý thì quỳ gối lạy ba lạy. Ngẫu nhiên gặp át buông nón xõa tóc, không làm như vậy là bất kính.*”⁽³⁾



Trang phục của vũ công thời Lê Trung Hưng và thời Nguyễn.

1. (Việt) *Hoàng Lê nhất thống chí* – Đệ thập tam hồi. Nguyễn văn: 我輩頭可斷, 發不可雉, 皮可削, 服不可易也 Mục tháng 4 năm 1789 trong *Cương mục* cũng có ghi chép tương tự.

2. (Việt) *Vân nang tiểu sử* - Trường phái hầu. Nguyễn văn: 嘉隆三年, 清皇許公奉出帝襯回國, 公全髮以歸寧。後公常於本縣大同寺遊玩, 披裘散髮[...]雲史氏曰: 遂使十數年間, 茫茫中朝而散髮垂衣, 惟公一人而已

3. (Việt) *Vũ trung tùy bút* – Quyền thượng – Quan lễ. Nguyễn văn: 婦人古有冠髮, 我國只用羅巾斂髮, 其見尊長則散垂為敬

1. Nguồn tư liệu thu tịch phương Tây với tiến trình lịch sử Thăng Long Hà Nội. Tr.216
2. Dẫn theo *Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Tr.63

3. (Trung) *Thanh triều văn hiến thông khảo* - Q.296 - Tứ duệ tú. Tr. 7450. Nguyễn văn: 謁尊貴跪膝三拜, 偶相見必脫笠披髮, 非是則為不敬

PHỤ KHẢO

**CẢI CÁCH Y PHỤC ĐÀNG TRONG NĂM 1744 -
SỰ RA ĐỜI VÀ QUÁ TRÌNH PHỔ CẬP CỦA ÁO DÀI NĂM THÂN**

Kể từ năm 1545, sau khi xin vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng cùng con cháu ông không ngừng mở mang bờ cõi, phát triển Đàng Trong, từng bước độc lập với chính quyền Đàng Ngoài của chúa Trịnh. Đến đời thứ 8, Hiếu Quốc công Nguyễn Phúc Khoát tự xưng vương, thực thi các sắc lệnh thay đổi triều nghi phẩm phục trong cung đình và quần áo trong dân gian, nhằm xóa bỏ “thói tục hủ lậu” của Đàng Ngoài, biến Đàng Trong trở thành một nước có văn hiến áo mũ rực rỡ. Sự kiện cải cách trang phục thời Vũ vương là một cuộc cải cách quan trọng, có ảnh hưởng sâu rộng tới trang phục cũng như phong tục của người Việt Đàng Trong cũng như người Việt triều Nguyễn về sau.

Lê Quý Đôn cho biết: “Năm thứ 5 niên hiệu Cảnh Hưng (1744), Hiếu Quốc công nhân lời sấm truyền của người Nghệ An rằng tám đời quay về trung đô, liền nghĩ từ thời Doan Quốc công đến mình đã vừa đúng tám đời, bèn xưng vương, sai lấy thể chế áo mũ trong sách Tam tài đồ hội làm mô thức, lệnh cho các quan võ từ chưởng dinh đến cai đội, quan văn từ quản bộ đến chiêm hâu, huấn đạo đều tuân theo kiểu dáng màu sắc quy định, áo đều dùng đoạn màu, người sang dùng Măng bào có thêu hoa văn sóng nước, mũ trang sức bằng vàng bạc. Lại lệnh cho trai gái hai xứ (Thuận Hóa, Quảng Nam) đổi dùng quần áo Bắc quốc để tỏ sự thay đổi. Đến phụ nữ đều mặc áo ngắn hép tay giống áo nam giới thì Bắc quốc



Kim án truyền quốc của nhà Nguyễn. “Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo” (Kim ngọc bảo tỷ).



Ghi chép về cải cách y phục thời chúa Nguyễn Phúc Khoát trong sách Gia Định thành thông chí (Tr.369) của Trịnh Hoài Đức.

Trịnh Hoài Đức cho biết: “Năm Mậu Ngọ, Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế nguyên niên, cải định sắc phục, quan phục của văn võ bá quan tham chước các đời Hán Đường đến chế độ Đại Minh và kiểu dáng của chế độ mới (chỉ nhà Thanh) như trang phục của các phẩm quan dựa theo hội điển ban hành ngày nay, văn chất đã đủ đầy. Trang phục nhà cửa đồ dùng trong dân gian đại để như thể chế Đại Minh, xóa hết thói tục hủ lậu của Bắc Hà, trở thành một nước áo mũ văn hiến!”⁽³⁾

Theo Bùi Dương Lịch, “Chúa Nguyễn nhiều đời được thừa hưởng thái bình, đến đời Hiếu Vũ vương thời cường thịnh, dùng y phục Bắc triều, lại học cả kiểu cách ca múa của Bắc triều nữa.”⁽⁴⁾

Đại Nam thực lục chép: “Chúa cho rằng lời sấm có nói tám đời trở lại trung đô, bèn đổi y phục, thay phong tục, cùng dân đổi mới; châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ, văn từ quản bộ đến chiêm hâu, huấn đạo; võ từ chưởng dinh đến cai đội, mũ súc vàng bạc, áo dùng Măng bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc. Thế là văn vật một phen đổi mới.”⁽⁵⁾

1. (Việt) *Phù biên tạp lục*. Nguyên văn: 景興五年甲子，曉國公因乂安人傳言，讖云：八世還中都。以自端國公至已適當八代，乃稱王，號取《三才圖繪》中冠服體製爲體式，令武自掌營至該隊，文自管部至占候、訓導各依彩樣，衣皆用綵緞。貴者用蟒袍水波，其帽飾以金銀。又令二處男女改用北國衣裳帶裙，以示變易。至使婦女皆窄袖短衣如男裝，則北國所無也。三十餘年，人皆慣習，忘其本俗。

2. (Việt) *Đại Việt sử ký tục biên*. Tr.201.

3. (Việt) *Gia Định thành thông chí*. Tr.369. Nguyên văn: 世宗孝武皇帝戊午元年，改定色服，其文武官服，參酌漢唐歷代至大明製度及新制式樣，如今官製品服會典頒行者，文質兼備，其士庶服舍器用，略如大明體制，盡除北河陋習，為衣冠文獻之邦矣。

4. (Việt) *Lê quý dật sử*. Tr.27.

5. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Tập I. Tr.153.

không nhu vậy. Hon ba mươi năm, người ta đều quen, quên cả tục cũ.⁽¹⁾

Dai Việt sử ký tục biên chép: “Lại nhân có người truyền đọc câu sấm rằng tám đời quay về trung đô, chúa bèn đổi phong tục, đổi y phục, hạ lệnh cho quan dân hai xứ Thuận Quảng đều ăn mặc theo thể chế nhà Minh, để cả nước cùng đổi mới. Duy niên hiệu vẫn theo Cảnh Hưng, chưa đặt niên hiệu riêng.”⁽²⁾

Trịnh Hoài Đức cho biết: “Năm Mậu Ngọ, Thế Tông Hiếu Võ Hoàng Đế nguyên niên, cải định sắc phục, quan phục của văn võ bá quan tham chước các đời Hán Đường đến chế độ Đại Minh và kiểu dáng của chế độ mới (chỉ nhà Thanh) như trang phục của các

phẩm quan dựa theo hội điển ban hành ngày nay, văn chất đã đủ đầy. Trang phục nhà cửa đồ dùng trong dân gian đại để như thể chế Đại Minh, xóa hết thói tục hủ lậu của Bắc Hà, trở thành một nước áo mũ văn hiến!”⁽³⁾

Theo Bùi Dương Lịch, “Chúa Nguyễn nhiều đời được thừa hưởng thái bình, đến đời Hiếu Vũ vương thời cường thịnh, dùng y phục Bắc triều, lại học cả kiểu cách ca múa của Bắc triều nữa.”⁽⁴⁾

Đại Nam thực lục chép: “Chúa cho rằng lời sấm có nói tám đời trở lại trung đô, bèn đổi y phục, thay phong tục, cùng dân đổi mới; châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ, văn từ quản bộ đến chiêm hâu, huấn đạo; võ từ chưởng dinh đến cai đội, mũ súc vàng bạc, áo dùng Măng bào hoặc gấm đoạn theo cấp bậc. Thế là văn vật một phen đổi mới.”⁽⁵⁾

Giáo sĩ Jean Koffler, người Tiệp ở Đàng Trong từ năm 1740 đến năm 1755, trong *Lịch sử xứ Đàng Trong* cho biết: “Chúa bắt bỏ lối quần áo thô bỉ của người Đàng Ngoài mà châm chước theo lối quần áo của người Tàu.”⁽¹⁾

Đặc biệt, *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* ghi nhận: “Chúa cho rằng lời sấm cổ có nói tám đòn quay lại trung đô, tính từ thời Thái Tổ đến nay vừa đúng con số ấy, bèn thay y phục, đổi phong tục, cùng dân đổi mới, bắt đầu hạ lệnh cho nam nữ sĩ thú trong nước, đều mặc áo nhu bào, mặc quần, ván khăn, tục gọi quần chân áo chít bắt đầu từ đây. Trang phục nhà cửa đồ dùng hoi giống thể chế Minh Thanh, thay đổi hết thói cũ hủ lậu của Bắc Hà, thay đổi quan phục tham khảo chế độ của các triều đại Trung Quốc, thay ra phẩm phục thường triều, Đại triều, lấy làm mô thức, ban hành trong nước, văn chất đủ vẻ, trở thành nước áo mũ văn vật vây!”⁽²⁾

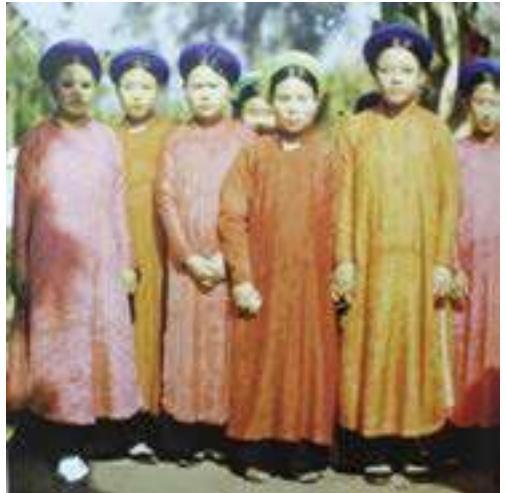


Nhà văn Lỗ Tán, Trung Quốc mặc áo trường quái.

Tổng hợp các ghi chép trên có thể thấy, cải cách năm 1744 là một cuộc cải cách lớn về y phục cung đình và dân gian diễn ra trên toàn cõi Đàng Trong. Nguồn tham khảo chính để đặt định y phục là các sách *Hội điển* ghi chép điển chuong

1. Dẫn theo Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa sử cuồng*. Quan hải tùng thư. 1938. Tr.121.

2. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.8. Tr.3. Nguyên văn: 上以古讖有云：八世还中都，邇自太祖至此，正值其數。乃改衣服易風俗，與民更。始下令國內士庶男女並著襦袍，穿裳，纏巾俗号裙襠折始此。衣服廬舍器用略如明清體製，尽革北河舊俗習，改定官服參酌中國歷代制度乃製常朝、大朝諸品服，示為式，頒行國中，文質兼備，蔚然為衣冠文物之邦矣



Phụ nữ thời Nguyễn năm 1918 mặc áo năm thân.
(Ảnh: Albert Kahn).



Tại cung đình, trong khi các quan nhà Lê xõa tóc, đi đất vào chầu vua (phân biệt với người Minh) thì từ cải cách năm 1744 về sau, quan nhà Nguyễn đều búi tóc, thắt Võng cân, đi hia theo quy chế của nhà Minh (phân biệt với quan nhà Lê và người Thanh). 1. Người Giao Chỉ trong *Tam tài đồ hội* (Thế kỷ XV); 2. Người dân Việt trong *Trúc Lâm đại sĩ xuất son đồ* (Thế kỷ XIV); 3. Lính cầm nghi trượng (Thế kỷ XVIII); 4. Người Đàng Ngoài trong *Boxer Codex* (Thế kỷ XVI); 5. Lính Đàng Trong (Thế kỷ XIX); 6. Lính đội thời Nguyễn trong *Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thất* (Thế kỷ XIX); 7. Đĩ đánh bồng trong *Kỹ thuật của người An Nam* (Thế kỷ XX); 8. Quan nhà Lê vào chầu vua vẽ bởi Samuel Baron (Thế kỷ XVII).

tầng lớp dân nghèo nói riêng, đã phải mất rất nhiều thời gian mới có thể quen được với dạng trang phục mới này. Thậm chí sau khi đã mặc áo dài năm thân, đàn bà Bắc Kỳ theo thói quen mặc áo tú thân, giao lĩnh trước đây, thường không cài khuy ở cổ áo, để lộ cổ yếm mặc lót trong. Chính sự bảo thủ với trang phục cố cựu là nguyên nhân chính dẫn đến những sắc lệnh cấm đoán y phục gắt gao dưới triều vua Minh Mạng, mà câu ca dao “Tháng Tám có chiểu vua ra/ Cấm quần không

chế độ của các triều đại Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, đặc biệt là *Tam tài đồ hội* của Vương Kỳ thời Minh. Năm 1744 cũng là thời điểm đánh dấu sự xuất hiện của *quần chân áo chít*, bộ trang phục ban đầu áp dụng tại hai vùng Thuận Hóa, Quảng Nam, về sau được phổ biến rộng rãi trong toàn quốc, từng bước trở thành quốc phục của triều Nguyễn. Như vậy, “lời tuong truyền Chánh Lộc Khê Hầu (Đào Duy Tùng) trong khi bày mưu định kế chống cự với họ Trịnh, đã khuyên chúa Hy Tông bắt dân thay đổi tập tục cho khác hẳn dân Bắc, như bỏ nón thượng, đội nón chóp, bỏ quần màu đen mặc quần màu nâu, đàn bà bỏ áo bốn thân bày yếm mà mặc áo năm thân gài khuy, bỏ tóc bao mà búi tó, bỏ váy để mặc quần”⁽¹⁾,

mà Phan Khoang ghi lại trong *Việt sử: xứ Đàng Trong 1558-1777* đã nhầm lẫn thời điểm diễn ra cuộc cải cách y phục trọng đại này.

Tuy nhiên, nếu chỉ trong một thời gian ngắn người dân Thuận Hóa, Quảng Nam đều đã mặc quen quen cả tục cũ, thì phụ nữ Bắc Kỳ nói chung, tầng lớp dân nghèo nói riêng, đã phải mất rất nhiều thời gian mới có thể quen được với dạng trang phục mới này. Thậm chí sau khi đã mặc áo dài năm thân, đàn bà Bắc Kỳ theo thói quen mặc áo tú thân, giao lĩnh trước đây, thường không cài khuy ở cổ áo, để lộ cổ yếm mặc lót trong. Chính sự bảo thủ với trang phục cố cựu là nguyên nhân chính

1. *Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777*. Tr.615.



Người Việt thời Lê Trung Hưng trong *Hoàng Thành chức công đồ*, *Hải ngoại chư đảo đồ* thuyết và *Boxer Codex*.

đây người ta hải hùng" là một trong những minh chứng được lưu lại trong ký ức dân gian. Ngoài ra, theo ghi nhận của *Hội điển*, *Đại Nam thực lục*, *Quốc sử di biên*, *Dã sử lược biên* *Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục*, nội dung của các lệnh cấm y phục thời Minh Mạng bao gồm lệnh cấm áo tú thân, áo giao lĩnh, khố, vải thắt lưng và các dạng khăn, mũ Tiện phục của người thời Lê Trung Hưng như mũ Mã Vī, mũ Bình Dính, khăn vuông, khăn bọc tóc v.v. Đặc biệt, áo tú thân, váy đụp và khố bị vua Minh Mạng coi là các dạng trang phục xấu xí, hủ lậu, cần phải cải cách triệt để. Song, sau thời Minh Mạng, chúng ta không thấy có các chính sách cấm đoán y phục thêm nữa. Đây chính là nguyên nhân khiến các dạng khăn khố, váy đụp vẫn tiếp tục được sử dụng cho đến đầu thế kỷ XX.

Đại Nam thực lục ghi lời vua Gia Long bàn với các quan về phong tục vào tháng 12 năm 1802 cho biết: "Dân Bắc Hà kiểu quần áo cũng không đẹp. Phải nên một phen sửa định mới có thể đồng nhất phong tục. Nhưng sửa đổi phong tục cũng phải dần dần."⁽¹⁾

Hội điển ghi lời dụ của vua Minh Mạng năm 1837 cho biết: "Trước đây từ sông Gianh trở ra ngoài, y phục vẫn noi theo thói tục hủ lậu, nay đặc biệt chỉ dụ, lệnh phải thay đổi theo cách ăn mặc từ Quảng Bình trở vào trong để đồng nhất phong tục [...] Từ Quảng Bình trở vào Nam, quần áo mũ mào nhất nhất noi theo chế độ Hán Minh, trang phục tề chỉnh, so với tục cũ của người miền Bắc, đàn ông đóng khố, đàn bà mặc áo giao lĩnh, dưới mặc thường tròn, đẹp xấu chẳng phải rõ ràng dễ thấy sao?"⁽²⁾

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Tập 1. Tr.539.

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.64. Nguyên văn: 十八年諭：前以靈江以外衣服尚仍陋俗，特諭令改從廣平以裏用示同風[...]況廣平以南一從漢明之制，冠服衣袴似此齊整視之，北人舊俗男子帶褲，婦人衣



"Chú Khách mặc áo dài" (*Kỹ thuật của người An Nam*); *Đàn ông và đàn bà Nam kỳ năm 1859* (*Việt Nam qua tranh khắc Pháp*).

Yến Vī, áo truòng lĩnh (tức giao lĩnh) *thụng tay và đóng khố quanh eo* *đùi*. *Đàn bà không được dùng vải, lụa ngắn quần dài, không được* *dùng thắt lưng to, nhỏ và mặc quần không đáy*.⁽¹⁾ Tháng 10 năm 1832 triều đình lại ban lệnh cấm quần áo ở Bắc thành: "*Phụ nữ không được đội khăn vuông và thắt lưng*. Ai trái lệnh đeo gông một tháng."⁽²⁾ Tháng 1 năm 1842, triều đình tiếp tục ra lệnh cấm áo quần Bắc Hà. "*Quan tỉnh Hà Ninh cho rằng: xa giá ra Bắc, mà Bắc Kỳ quần áo chưa được nhất thể, bèn nhắc lại lệnh nghiêm cấm trước, bắt nhân dân Bắc Kỳ đều theo thể chế Nam Kỳ mà may mặc*".⁽³⁾

Dã sử lược biên *Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* còn cho biết một trong những sắc lệnh của vua Minh Mạng là "*cấm đàn ông đóng khố, đàn bà không được mặc váy kiêm áo tú thân; nhất*



Bé gái tập ăn trầu. (Ảnh: Albert Kahn).

著交領下用圓裳者，其美惡不亦顯然易見乎。

1. (Việt) *Quốc sử di biên* - Tập trung. Tr.87a. Nguyên văn: 二十一日，副總鎮潘文翠再飾衣服條禁：男人不得長帽、平天帽、燕尾帽長領闊袖衣及纏腰腿袴。婦人不得用短市帛纏頭、大小腰帶及無底裙及腰帶，違者杖一百，枷絞一个月。

2. (Việt) *Quốc sử di biên* - Tập trung. Tr.104b. Nguyên văn: 冬十月復申北城衣裙之禁：婦人不得被方巾

及腰帶，違者杖一百，枷絞一个月。

3. (Việt) *Quốc sử di biên* - Tập hạ. Tr.17a. Nguyên văn: 春正月，復申北圻衣裙之禁：河寧省官以車駕北巡而北圻衣裙猶有未齊，乃申嚴前禁，一依南圻体制裁縫。

Quốc sử di biên ghi nhận các sắc lệnh thống nhất y phục trong toàn quốc lần lượt được triều đình Minh Mạng ban ra vào các năm 1828, 1829, 1830, 1832, 1837, 1842.

Trong đó, tháng 5 năm 1830, "*Bắc thành Phó tổng trấn Phan Văn Thúy* lại nêu rõ điều cấm về quần áo. *Cấm đàn ông đội mũ dài, mũ Bình Thiên, mũ*

*loạt đều dùng quần chân và áo năm thân theo lệnh của Hiếu Võ
Hoàng Đế năm xưa ở Thuận Hóa.”⁽¹⁾*

Bên cạnh các cấm lệnh y phục cổ cựu của người miền Bắc, nhà



Chân dung Phan Thanh Giản.

Nguyễn còn ban bố sắc lệnh thống nhất trang phục nam nữ trong toàn quốc, yêu cầu người Bắc Hà phải nhất loạt sử dụng lối trang phục chuẩn mực của người miền

trong: quần chân, áo chít. Qua một số truyện

Nôm như *Quan Âm Thị Kính*: “*Quần chân áo
chít dịu dàng/ Giả hình nam tử ai tuồng cẩn
nguyễn*”⁽²⁾, hay truyện *Nữ tú tài*: “*Quần chân
áo chít cài khuy/ Trá hình làm đấng nam nhi,
hoc hành*”⁽³⁾, có thể thấy quần chân áo chít

khi mới bắt đầu áp dụng chỉ có nam giới tuân thủ. Về sau, do những sắc lệnh về y phục

ngày một gắt gao, phụ nữ Bắc Hà mới dần dần thuận theo.

Quần chân chỉ loại quần có hai ống chân phân biệt với loại quần không đáy, chiếc váy cổ cựu của phụ nữ Việt trước kia; áo chít còn được gọi là áo năm thân, chỉ loại áo được

may bằng năm khổ vải (vật trước hai khổ, vật sau hai khổ, thân bên phải dôi ra một khổ ngắn, tổng cộng năm khổ, gọi là năm thân), phân biệt với các dạng áo được may bằng bốn khổ vải như áo tứ thân, áo giao lĩnh. Đây chính là dạng áo phổ biến ở Đàng Trong qua mô tả của Chapman năm 1778: “*Đàn ông và
phụ nữ Nam Hà đều mặc những bộ đồ
được thiết kế theo cách giống nhau. Đây là
những bộ đồ khiêm tốn nhất mà tôi từng
được thấy, chúng chỉ gồm một áo dài thâ
lỏng, cổ nhỏ cài cúc, bắt chéo trên ngực,
trông không khác gì một chiếc áo dài ngủ,*



Tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng
Phu. (Ảnh: Albert Kahn).

ống tay áo rất dài và rộng, phủ kín cả hai bàn tay.”⁽¹⁾ Đồng thời đó cũng chính là tiền thân của chiếc áo dài cổ đứng cài khuy hép tay, được coi như quốc phục của Việt Nam vào thời Nguyễn. Ngoài ra, Lê Quý Đôn cho biết khi áp dụng vào Đàng Trong, đa số nam nữ đều mặc áo hép tay. Song thực tế cho thấy, trước thế kỷ XX, áo dài hép tay phần lớn lưu hành trong dân gian, quan lại và quý tộc có nhiều người vẫn chuộng mặc áo thụng tay.

Như vậy, dạng áo cổ đứng cài khuy kết hợp với quần hai ống là dạng trang phục được phổ biến tại vùng Đàng Trong Việt Nam từ năm 1744. Chỉ sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, đặc biệt dưới triều vua Minh Mạng, bộ trang phục này mới từng bước thay thế các dạng trang phục cổ cựu của Đàng Ngoài, trở thành trang phục chung cho đàn ông và đàn bà, thường được gọi với cái tên ngắn gọn là Áo dài.



Áo năm thân sa kép tiện phục của Hoàng thái tử
và Công chúa triều Nguyễn (*Báu vật triều Nguyễn*).

1. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.11. Tr.75. Nguyên văn: 禁男人不得帶袴,
女人不得被裳兼四身之衣,並用裙(衣真)與五身之衣以從孝武皇帝昔年在順化之令

2. *Quốc văn trích diễm*. Tr.172.

3. *Việt Nam thi văn hợp tuyển*. Tr.365.

1. *Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778*. Tr.61.



CHƯƠNG IV. TRANG PHỤC THỜI TÂY SƠN



Hơn ba chục năm, sau cải cách lễ nghi phẩm phục diễn ra trên toàn cõi Đàng Trong, anh em Tây Sơn khởi nghĩa. Qua những ghi chép mô tả các dạng trang phục, mũ mao của vua quan Tây Sơn, từ việc chít khăn vào ngày thường tới việc sử dụng các loại mũ Xung Thiên, Ô Sa, Phốc Đầu, Văn Công, các dạng Long bào, Măng bào, Bố phục v.v. vào các ngày triều hạ, có thể bước đầu nhận định, phẩm phục triều Tây Sơn đã chịu ảnh hưởng từ cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát, có nhiều nét tương đồng với quy chế áo mũ của triều Nguyễn Gia Long về sau.

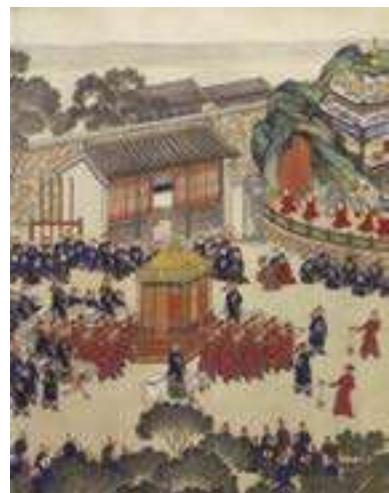
I. Trang phục cung đình

Đối với trang phục của triều đình Nguyễn Nhạc (ở ngôi từ năm 1778 đến năm 1793), qua miêu tả của Chapman, có thể thấy trong những buổi thiết triều, Thái Đức đế Nguyễn Nhạc đội mũ Xung Thiên đính trang sức bằng vàng và bảo thạch, mặc Long bào màu vàng sẫm; bá quan trong triều đội những chiếc mũ được trang sức bằng vàng bạc, mặc Măng bào, đeo đai lưng. Chapman cho biết: “Nhà vua mặc một chiếc áo dài bằng lụa vàng đậm, thêu những con rồng và những ký hiệu bằng chỉ vàng. Ông đội một chiếc mũ chật, phía sau nhô lên, phía trước trang trí những đồ châu báu - nổi bật lên những đồ châu báu là một viên đá lớn lơ lửng trên không, cách phần phía trước mũ này 135 mm và được giữ



Tượng vua Quang Trung chùa Bộc (Hà Nội) và hai vị triều thần phò hưởng đều đội mũ Xung Thiên, Bố phục Kỳ Lân, theo mô típ tạo tượng Tk XVIII. (Ảnh: TQD).

vững bằng một sợi dây vàng xuyên qua. Mỗi lần đầu của nhà vua cử động là mỗi lần viên đá này rung rung và sáng rực lên. Phần lớn các vị quan đều mặc áo dài lụa có màu sắc khác nhau, thêu hình những con rồng, mũ họ đội được trang trí bằng những bông hoa bằng vàng hoặc mạ vàng. Họ đeo đai lung, một vài người mặc áo dài rộng hơn màu hồng điều có khuy móc bằng vàng và được trang trí mā nǎo hồng đính vào cùng thú kim loại. Bên ngoài của họ nom thực sự đẹp mắt và dù còn thiếu rất nhiều vẻ uy nghi, lộng lẫy như các hoàng thân phuơng Đông khác, khung cảnh vẫn khiến ta có cảm giác một vị vua quyền lực được quần thần bao quanh dang hiện diện.” Trang phục của binh lính thì “mười hai lính gác, mặc đồ da màu xanh lơ, đội một thứ như là mũ cát (casque: mũ bảo hiểm) bọc giấy son được trang trí bằng những bông hoa và những họa tiết bằng sắt trắng sám đen, giống trên chuôi kiếm và bao kiếm của họ.”⁽¹⁾



Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ. (China: The Three Emperors 1662 - 1795).

Māng bào giao long, để làm trang phục triều hội”⁽³⁾ Tưởng loại Māng bào Quang Trung yêu thích là dạng áo kiểu Mān, Càn Long đã rất mừng, nói “nếu quốc vương này quả có ý đó, trẫm át đặc biệt gia on, ban cho Lê phục. Không những ban cho mũ đính đá bảo thạch màu đỏ, áo Mān quái

1. Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778. Tr.30 và 27.

2. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 惟該國王在國所繫之帶係屬紅鞋，今欲加賞金黃鞋帶，以昭優異

3. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 阮光平等回國過粵時，曾言愛內地蟒袍華美，為生平所未見，在京購買數件，又於湖北漢口置買帶回。今該國王復呈寄式樣，請織交龍蟒袍，以為朝讌之服



Mũ Ngũ Lương Kim quan của Triều Tiên. (Bảo tàng Cố cung Quốc lập Seoul).

thêu bốn rồng ő, còn cho theo phục sắc của A Ca, thướng Māng bào vàng kim, để tỏ rõ sự biệt đai”⁽¹⁾, nhưng vua quan nhà Thanh đều không ngờ “dạng thức Māng bào Nguyễn Quang Bình gửi sang là dạng áo cổ tròn theo quy chế Hán”⁽²⁾. Tuy nhiên, xuất phát từ tình cảm đặc biệt dành cho Quang Trung, Càn Long không những không khiển trách mà còn tự nhủ rằng: “Trẫm biết tục nước ấy xưa nay theo quy chế Hán, y phục đầu tóc đều không

thể thay đổi được”⁽³⁾ Qua Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ, có thể thấy hình tượng vua Quang Trung giả xuất hiện trong tranh đội mũ Xung Thiên đính trang sức bằng vàng ở trán mũ, mặc Long bào màu đỏ thêu hoa văn rồng mây, sóng nước theo dạng thức bào phục thịnh hành tại Trung Quốc và Việt Nam vào thế kỷ XVII, XVIII.

Tận mắt gặp gỡ sứ thần Tây Sơn và vị vua Quang Trung được đóng thế, các sứ thần Triều Tiên có những miêu tả như sau:

Seo Ho Su (Tử Hạo Tu) cho biết: “Ban triều hạ ở điện Thái Hòa và ban tế lễ ở đàn Tịch Nguyệt mới thấy cái gọi là Bản phục. (Bản phục) thì quốc vương đầu chít Võng cân, đội Thắt Lương Kim quan, mình mặc Long bào màu đỏ, thắt đai bạch ngọc. Tụng thần (bè tôi đi theo - TQĐ chú) cũng chít Võng cân, đội mũ Ngũ Lương quan màu đen, mặc Māng bào, về màu sắc có kẻ mặc màu xanh, có kẻ mặc màu tía, thắt đai vàng, hoa văn trên áo bào vẫn vẹn quái lạ”⁽⁴⁾.

Yu Deok Gong (Liễu Đắc Cung) ghi nhận: “Vua tôi Quang Bình

1. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 該國王若果實有此意，朕必格外加恩，錫之章服。不但照親王品級給予紅寶石帽頂、四團龍褂，並當如阿哥服色，賞給金黃蟒袍，明示優異

2. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 阮光平寄來蟒袍式樣，系漢制圓領

3. (Trung) Thanh thực lục - Cao Tông thực lục - Q.1349. Tr. 32 - 34. Nguyên văn: 訂意其國俗向沿漢制，衣服及蓄髮斷不可改

4. (Hàn) Yên hành ký. Nguyên văn: 太和殿賀班，夕月壇祭班，始見其所謂本服，則王頭匝綱巾，戴七梁金冠，身穿緋色龍袍，束白玉帶，從臣亦匝綱巾，戴五梁烏帽，穿蟒袍而色或用青，或用紫，束金帶，袍文駁雜詭怪



Phan Huy Ích mặc áo dài năm thân
gài khuy. (Chinh phủ ngâm bị khảo).

như vậy, ngày mười ba, yến lê tại Thái Hòa điện, sẽ dùng nghi lễ cũ của nước tôi vào triều tham. Đến ngày mười ba lại có vị Đại Tu Mã nằm ốm ở sú quán mới vào chầu, đứng trên Phan Huy Ích. Ba người bỗng chốc thay đổi cách ăn mặc trước đây. Mũ Phốc đầu, đai vàng, áo bào hoặc đǒ hoặc biếc, có hoa văn rồng, mǎng; riêng hai lá phúc hậu sau áo quá cao, khi khấn đầu thì nhô lên hai vai, tựa như hai chiếc sừng. Võng cân tết bằng tờ, kết lưỡi quá thưa, lại không thắt chặt”⁽¹⁾.

Kim Jeong Jong (Kim Chính Trung) mô tả: “Quan An Nam búi tóc cao dùng Võng cân, bào phục vào chầu và đai sừng rất giống với nước ta, vả lại còn đội mũ gọi là mũ Văn Công.”⁽²⁾

Theo mô tả của sứ thần Triệu Tiên Seo Hao Su (Tù Hạo Tu), thì vào các buổi triều hạ, tế lễ, vua Quang Trung giả con đội Thất Lương quan kết hợp với Long bào màu đỏ; các quan tùy tòng đội Ngũ Lương quan kết hợp với Māng bào. Lương quan là loại mũ Triều phục (kết hợp với áo màu đỏ) kiêm Tế phục (kết hợp với áo màu đen hoặc xanh) theo quy chế Tống Minh,

1. (Hàn) *Loan dương lục* - Q.1. Nguyên văn: 光平君臣俱著滿洲衣帽 [...] 其從臣吏部尚書潘輝益、工部尚書瀨澤侯武輝瑨二人，軀材短小，顏色焦枯，齒疏而黑。其餘從人亦皆瑣瑣。以此觀之，光平其國之傑然者也 [...] 其君偶問本國使臣曰：日本國遠近。使臣答之。其君欲復言則輝益等睂眼而禁之。殊可駭也 [...] 滿洲衣帽渠頗有羞愧之心。自言歸國則不然，十三日太和殿宴禮，當以本國舊儀入參。及至十三日，又有所謂大司馬者，臥病館裡始入參，班立在輝益之上。三人所著頓改前觀，襆頭、金帶，其袍或紅或碧，有蟒龍文。但袍耳過高，叩頭時突出兩肩之上，儼然雙角。網巾以絲結之，其網太疏，又不能緊裹。

2. (Hàn) *Yên hành lục tuyển tập - Thuợng sách*. Tr.573. Dẫn theo *Sử học nguyệt san*. Kỳ 10 - 2005. Nguyên văn: 安南高髻網布，朝袍角帶，與我國恰似，且所著帽謂之文公冠

đều mặc áo mũ Mân Châu [...] Tụng thần là Thượng thư bộ Lại Phan Huy Ích và Thượng thư bộ Công Hạo Trạch hầu Võ Huy Tấn hai người, dáng người thấp bé, mặt mũi khô sạm, răng thưa mà đèn. Những người đi theo còn lại cũng đều nhỏ thó. Coi vậy thì Quang Bình là người cao lớn của nước ấy vậy [...] Vua nước ấy ngẫu nhiên hỏi sứ thần nước ta rằng cách Nhật Bản xa hay gần. Sứ thần đáp lại. Vua nước ấy định nói tiếp thì bọn Phan Huy Ích liếc mắt ngăn cấm, thật đáng sợ vậy [...] Bọn Phan Huy Ích mặc áo mũ Mân Châu cũng rất biết xấu hổ. Bảo rằng về nước thì không

chúng tôi đã trình bày tại phần khảo về Triều phục của bá quan nhà Lý. Lương quan phối với Long bào, Māng bào là sự kết hợp độc đáo, có lẽ chỉ xuất hiện ở triều đình Tây Sơn. Đây có thể chính là quy chế phẩm phục mới theo ghi nhận của tờ *Chiếu lên ngôi* của vua Quang Trung “áo mũ vào chầu nhất nhất tuân theo quy chế mới”.

Bên cạnh đó, các dạng áo mũ của vua quan Tây Sơn được đề cập trong ghi chép của sứ thần Triệu Tiên như Phốc Đầu, Ô Sa, Văn Công, Māng bào, Long bào, Võng cân v.v. đều là những dạng phục sức được sử dụng trong triều đình nhà Nguyễn. Điều đó chứng tỏ, quy chế phẩm phục của triều Tây Sơn được đặt định trên cơ sở quy chế áo mao triều chúa Nguyễn Phúc Khoát, sau cải cách năm 1744. Ví như việc sử dụng Võng cân, trong khi các quan triều Lê Trung Hưng đều xõa tóc, thì sau cải cách năm 1744, quan lại Đàng Trong búi tóc, thắt Võng cân theo quy chế của nhà Minh. Mũ Văn Công thì tiếp tục được áp dụng làm mũ Thường phục

của quan văn nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn. Ngoài ra, hình tượng các quan Tây Sơn thể hiện trong *Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ* và *Nguyễn Huệ khiến diệt Nguyễn Quang Hiển nhập cẩn tú yến chi đồ* đều mặc Bổ phục, đội mũ Ô Sa, tương tự các quan Triều Tiên. Riêng vị quan dẫn đầu sứ đoàn, Nguyễn Quang Hiển, mặc Bổ phục màu tía, đội mũ Xung Thiên, trước trán mũ đính quả cầu đỏ. Theo quy chế triều Lê Nguyễn, chỉ có vua chúa mới được đội mũ Xung Thiên. Như vậy có thể cải cách triều phục của triều đình Tây Sơn còn bao gồm việc áp dụng mũ



Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ. “An Nam quốc vương Nguyễn Quang Bình [...] đến Kinh cung chúc vạn thọ, ở đây trông ngóng” (China: The Three Emperors 1662 - 1795).

Xung Thiên đối với một số vị vương công đại thần.

Về quân trang của triều Tây Sơn Nguyễn Huệ, Bùi Dương Lịch cho biết “*Tây Sơn cho quân mặc áo màu, phần nhiều là màu đỏ tía, trên đỉnh nón, mũ đính lông chiên đỏ, lại thường mặc áo gấm màu*”⁽¹⁾; Minh đô sứ miêu tả Nguyễn Huệ “*Văn Huệ mặc áo ngân giáp (áo giáp bạc), đầu đội mao thêu đỏ.*”⁽²⁾ Kết hợp với ghi chép của sứ thần Triều Tiên và bức vẽ vua Quang Trung giả mặc Long bào màu đỏ, chúng tôi đồng tình với quan điểm của Tạ Chí Đại Trường, khi ông cho rằng trong phong trào Tây Sơn có cả một hệ thống tổ chức mang tính tôn giáo. Nguyễn Nhạc được loan tin có gươm thiêng, được xưng tụng là Thượng sú; Nguyễn Lữ cũng mang danh Đại Pháp sú toàn Đàng Trong, vậy nên quan quân Tây Sơn mang màu đỏ thần thánh lên lá cờ, lên sắc mũ áo⁽³⁾.

Tóm lại, quy chế áo mũ phẩm phục của triều Tây Sơn về cơ bản có nhiều nét tương đồng với quy chế áo mũ triều Nguyễn. Riêng sự kết hợp giữa Lương quan với Long bào, Măng bào, mũ Xung Thiên với Bố phục là những biến cách độc đáo, chỉ xuất hiện ở triều đình Quang Trung.

II. Trang phục dân gian

Sau cải cách y phục của chúa Nguyễn Phúc Khoát, quần chân áo chít dần trở thành dạng trang phục truyền thống của toàn Đàng Trong, bất kể là vùng đất của dòng dõi chúa Nguyễn hay vùng đất của anh em Tây Sơn. Như chúng tôi đã đề cập, Chapman mô tả trang phục dân gian Đàng Trong dưới sự cai trị của Nguyễn Nhạc năm 1778 cho biết, đàn ông và phụ nữ Nam Hà đều mặc cùng một loại áo cổ nhỏ cài cúc bắt chéo trên ngực. Còn John Barrow miêu tả trang phục vùng Gia Định và Nam bộ năm 1792 cho biết: “*Y phục của người dân Nam*



Nguyễn Huệ khiển diệt Nguyễn Quang Hiển nhập cản tự yên chi đồ (Cục bộ).



Viên quan cấp thấp ở vịnh Đà Nẵng (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà).

y phục nữ giới, nếu có là một chiếc áo khoác và đeo ống quần dài. Một số người chít khăn quấn đầu, có hình dáng giống như chiếc khăn xếp của người Hồi giáo. Một số khác đội nón, mũ có hình dáng khác nhau và làm bằng những chất liệu khác nhau.”⁽¹⁾

Vào ngày thường, quân dân Tây Sơn cũng mặc áo chít cài khuy, vấn khăn cao trên đầu theo tục của người Đàng Trong. Theo mô tả của Chapman năm 1778 thì Nguyễn Nhạc sau khi cởi bỏ quần áo thiết triều thì “*mặc áo lụa ngắn đơn giản với những chiếc cúc kim cương, quấn quanh đầu một mảnh lụa đỏ nhu một chiếc khăn.*”⁽²⁾

Nguyễn Huệ khi ra Bắc xin cưới công chúa Ngọc Hân, cựu thần nhà Lê

Hà không chỉ đã trải qua một cuộc biến cách mà còn được rút bớt đi rất nhiều [...] Quần áo của giới nữ không có gì là hấp dẫn. Nhìn chung một chiếc áo vải bông dài lưng thụng, màu nâu hoặc xanh, buông rủ xuống tận giữa bắp đùi, một chiếc quần đen bằng vải thô dày, may rất rộng, là y phục thông thường của họ. Họ hoàn toàn không dùng bít tất và đi giày, nhưng tầng lớp trên đi một loại dép hoặc giày vải rộng. Về Lê phục mặc trong những dịp đặc biệt, một quý bà thường mang một lúc ba bốn chiếc áo màu sắc, dài ngắn khác nhau, chiếc ngắn nhất là nổi bật hơn cả [...] Y phục của người đàn ông ít phân biệt với



Người Việt Đàng Trong (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà).

1. (Việt) Lê quý dát sứ. Tr.77.

2. Dẫn theo Những khám phá về hoàng đế Quang Trung. Tr.181.

3. Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802. Tr.474.

1. Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793). Tr.76 và Tr.83.

2. Relation d'un voyage en Cochinchine en 1778. Tr.32.

Trần Danh Án vốn căm ghét quân Tây Sơn đã mô tả Quang Trung đội chiếc khăn Trương Giác chất cao trên đầu. Trương Giác là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân thời Hán, còn gọi là giặc khăn vàng. Vậy nên chúng tôi cho rằng loại khăn Quang Trung Nguyễn Huệ vấn trên đầu đương thời là khăn màu vàng⁽¹⁾, được quấn rối, “chất cao” trên đầu. Với bản tính khoan hòa, gần gũi với dân chúng, Quang Trung Nguyễn Huệ khi lên ngôi tại Thăng Long đã tôn trọng phong tục của nhân dân hai miền Nam Bắc, cho phép “y phục dân gian Nam Hà, Bắc Hà đều được theo phong tục của mỗi miền, chỉ có áo mũ vào chầu của bá quan thì nhất nhất tuân theo chế độ mới.”⁽²⁾

Tuy nhiên, cũng cần phải nói rằng, trong cách nhìn khắt khe của không ít sĩ phu nhà Lê đương thời, trang phục của người Nam Hà nói chung, của quân Tây Sơn nói riêng bị coi là loại trang phục khác thường, thậm chí là sự phá bỏ truyền thống áo mũ có tự ngàn đời của Đại Việt. Năm 1786, quân Tây Sơn tiến ra Bắc, danh sĩ nhà Lê là Bùi Dương Lịch (1757-1828) sau khi vào thành Thăng Long trông thấy quân Tây Sơn liền cảm khái: “Trong ngoài thành khi nghe và thấy quân Tây Sơn đều kinh hãi. Họ nói nồng, ăn mặc hoàn toàn dị lạ [...] Áo mũ ngàn xưa thành ra cát bụi.”⁽³⁾ Ngô Thì Đạo (1732-1802) vốn mệt lòng trung thành với nhà Lê, bất hợp tác với Tây Sơn, đã tự than rằng: “Sóng chǎng gấp thời, chết chǎng xong/ Nhu cục thịt thừa giữa đất trời thật đáng giận/ Nhìn cảnh non sông tùng gạt nước mắt [...] Trông áo mũ lại xót xa Trường Lăng nhà Hán.”⁽⁴⁾



Lính Đàng Trong (Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà).

1. (Việt) Tân Ông di cáo phụ tạp lục - Tây Sơn hành. A.2157. Nguyên văn: 衣裳漫爛語侏離[...]頂上高堆張角巾

2. (Việt) Hán các anh hoa - Tức vị chiểu. VHc.00893. Nguyên văn: 南河北河民間衣服并許從俗，惟朝衣朝冠一遵新製

3. (Việt) Lê quý dật sử. Tr.70. Nguyên văn: 城外城中駭見聞，言殊服異一般新[...]千古衣冠成土子。

4. (Việt) Tuyển tập Ngô gia văn phái. Tập 1. Tr.500. Nguyên văn: 生不逢時死未能，乾坤疣贅最堪憎，山河對景曾揮涕[...]衣冠重感漢長陵



CHƯƠNG V. TRANG PHỤC THỜI NGUYỄN



Vai trò của nhà nước và hệ tư tưởng chính trị luôn có những tác động trực tiếp, mang tính chi phối tới toàn bộ đời sống văn hóa, xã hội. Vận động trong các hình thái xã hội khác nhau, thực thể văn hóa luôn có sự kế thừa và biến dị. Triều Nguyễn, triều đại phong kiến quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, đánh dấu sự thay đổi lớn về mặt nhận thức của người Việt sau khi tiếp xúc văn hóa Pháp. Song trước khi văn hóa, tư tưởng Pháp được dịp gây ảnh hưởng mạnh mẽ lên đời sống của người Việt, dưới sự trị vì của các vị vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Việt Nam vẫn là quốc gia Nho giáo kiên quyết gìn giữ truyền thống đến tận cùng. Lúc này do văn hóa Đông Tây xung đột, bản thân nhà Thanh lại có nguồn gốc Mãn, cho nên nhà Nguyễn đã tự nhận là triều đại kế thừa tính chính thống của văn minh Trung Hoa. Bởi vậy như nhà sử học Nhật Bản, Yamamoto Tatsuro nhận xét: “*Người Việt Nam vẫn hết sức tự tin cho rằng họ đã lưu giữ được trọn vẹn truyền thống cổ của Trung Quốc, đồng thời là người bảo vệ cho tư tưởng Hoa di không kém gì Trung Quốc.*”⁽¹⁾

Xuất phát từ sự *tự tin* và *tự tôn* về văn hiến, vua Minh Mạng từng



Cửu đỉnh đặt ở trước sân Thê miếu trong Hoàng thành Huế. (Ảnh: TQD)

1. Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Tr.543.



Đại Nam nhất thống toàn đồ

"Phía Bắc giáp ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam của Trung châu; phía Tây không chế các tộc man di, tiếp với các nước Nam Chưởng, Miền Điện; phía Đông trông ra bể lớn, ôm bọc các đảo; phía Nam cũng chạm tới biển, vòng qua phía Tây Nam sát vách Xiêm La, các thuộc quốc còn lại và tộc man di khác nhau nội phụ đều đủ cả, thật là một đại quốc sùng sững giữa trời đất" (Lý Văn Phúc. Biện di luận).

dùng, điển lễ của người Thanh đã mất, chắc sẽ bắt chước ta mà sửa lại cho đúng. So với Bắc triều, ta càng vẻ vang vậy. Nhưng lòng trãm cũng chưa dám cho là điều hay nhất, vì thò tròi cốt ở thực tâm chứ không phải ở văn vẻ."⁽²⁾

Tuy nhiên, đặt trong nhãn quan Nho giáo đương thời, mặc dù hết sức tự tin về tính chính thống, song vua quan triều Nguyễn vẫn phải công nhận văn hóa nhà Thanh đạt được nhiều thành tựu và có nhiều điều đáng học hỏi. Nếu như quan chế thời Gia Long còn gìn giữ một phần quan chế nhà Lê Trung Hưng thì đến thời Minh Mạng lại được phỏng theo quan chế của nhà Thanh. Ngay bộ *Hoàng Việt luật lệ* phần lớn được tham khảo từ sách luật của nhà Thanh, như chính lời vua Gia Long nói: "Các đời Hán, Đường, Tống, Minh của Bắc triều, sách luật lệnh đời nào cũng có sửa đổi và hoàn bị nhất là đời Thanh. Trãm bèn sai các quan trong triều chuẩn theo pháp điển luật lệ của các triều, tham khảo thêm luật lệnh đời Hồng Đức và của nhà Thanh [...] rồi biên tập lại thành

chê thơ chữ Hán của vua Càn Long thô thiển, quê kệch, thơ ông làm cũng không đến nỗi như thế⁽¹⁾, đồng thời còn nói: Thanh là man di, áo mũ vào châu đều theo thói tục man di, không được bắt chước. Năm 1830, sau khi khôi phục trang phục Cổn Miện theo quy chế

Tống - Minh, vua Minh Mạng xuống dụ: "Cổn Miện được đặt định từ đời Hiên Viên, đời Tam đại trở xuống ít dùng [...] Ngay như Bắc triều từ khi nhà Thanh dựng nước đến nay cũng bỏ đã lâu. Nay ta chế

sách."⁽¹⁾ Vì vậy, chúng ta khó có thể phủ nhận một số ảnh hưởng của các dạng áo mũ cùng họa tiết trang trí có nguồn gốc Mân Thanh trong trang phục của vua tôi triều Nguyễn. Chỉ riêng áo mũ Lễ phục mới được châm chước từ nguồn tham khảo chính là trang phục Tống - Minh.

Bên cạnh đó, do quan niệm văn hóa, tín ngưỡng của phương Tây hoàn toàn khác biệt với truyền thống của người Việt, các vị vua đầu triều Nguyễn đều một mục bài xích, thậm chí coi người phương Tây là man di, cần phải thận trọng đề phòng. Như tháng 6 năm 1804, vua Gia Long nói: "Tiên vương kinh dinh việc nước, không để Hạ lấn với di, đó thực là cái ý để phòng từ lúc việc còn nhỏ. Người Hồng mao gian giảo trí trú, không phải nói giống ta, lòng át dị biệt, chó có để cho ở lại, nên ban thưởng hậu hĩnh rồi xua đi"⁽²⁾ Vua Minh Mạng cũng có nhận định tương tự: "Người Tây dương bản tính giảo trú kiêu ngạo, phải chăng nay được on cùu tuất nên bỗng chốc cải hóa được cái tục di rợ của họ?"⁽³⁾

Trước bối cảnh như vậy, khi đặt định chế độ áo mũ phẩm phục,



Long bào của nhà Nguyễn, nhà Thanh, nhà Minh và Triều Tiên.

1. (Việt) *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đệ nhị kí. Q.159. (Tập 4). Càn Long nhà Thanh làm thơ rất nhiều, ta xem ra, đều là những bài dì thảng vào tình cảnh, chẳng cần những lời phù phiếm gợn giữa, song có nhiều chữ còn thô [...] Các bài ta làm chỉ tả tình, tả cảnh mà dùng chữ chẳng đến nỗi quê kệch như thế.

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a. Nguyễn văn:衰冕肇自軒轅，而三代鮮有行者 [...] 北朝自清以來亦已久廢。今舉行之，清人典禮既失，亦將於我取正。視之北朝，更有光焉。然朕心未敢以爲盡善。蓋事天以寔不以文

1. *Cố luật Việt Nam. Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Tr.173-174.

2. (Việt) *Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhất kí* - Q.24. Nguyễn văn: 帝曰：先王經理天下，夏不雜夷，此誠防微杜漸之意。紅毛人狡而詐，非我族類，其心必異，不可聽其居留，厚賜而遣之

3. *Minh Mạng chính yếu*. Tập VI. *Phụ lục Hán văn*. Tr.CCCXIV.31b. Nguyễn văn: 赤毛嘗聞其與諸國往來辭多驕蹇，惟與我國交際則一於敬信而已；Tr.CCCXXV.37a. Nguyễn văn: 洋人素性黠傲，不謂今蒙恩恤，亦能頓化夷俗

ngoài việc kế thừa một phần quy chế thời Lê Trung Hưng và thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, triều đình nhà Nguyễn vẫn tiếp tục tham khảo chế độ trang phục của các triều đại Trung Hoa là nhà Tống, nhà Minh và nhà Thanh, trong đó, trang phục Tống - Minh là nguồn tham khảo chính thống. Từ thời vua Đồng Khánh, Khải Định về sau, trang phục trong triều đã không còn được tuân thủ nghiêm ngặt như trước; quân phục của nhà vua dần dần cũng chịu ảnh hưởng kiểu cách quân phục phương Tây, việc đi giày Tây trong triều cũng ngày một thịnh hành. Đặc biệt dưới triều vua Bảo Đại, lần đầu tiên vua cho phép bá quan không cần mặc các bộ Triều phục, thường phục khi vào chầu, chỉ cần mặc bộ lễ phục giản tiện là áo theo, khăn xếp.

Đặt trong nhân quan phong kiến đương thời, triều đình nhà Nguyễn bất luận thế nào cũng đã sở hữu một nền văn hiến áo mao có bề dày truyền thống và những cách tân đặc sắc, tự tin sánh ngang với các quốc gia Nho giáo như Trung Quốc, Triều Tiên, khiến Khâm sứ nhà Thanh là Lao Sùng Quang phải công nhận: “*Gần gũi Trung Hạ, tôn sùng Nho giáo, yêu chuộng thi thu, cùng được coi là đất thanh danh văn vật, ắt phải nói đến hai nước Triều Tiên và Việt Nam.*”⁽¹⁾

I. TRANG PHỤC HOÀNG ĐẾ

1. Lễ phục

Tương tự như các vị hoàng đế Đại Việt trước đây, các vua nhà Nguyễn cũng có tư tưởng Đế vương, làm bá chủ toàn cõi phương Nam. Đặc biệt sau khi sở hữu một quốc thổ rộng lớn chưa từng có trong lịch sử mà như lời triều thần Lý Văn Phúc, Việt Nam lúc này là “*một đại quốc sùng sùng giữa vòm trời đất*”, vua Minh Mạng đã cho khôi phục quy chế áo Cổn mũ Miện, vốn bị phế bỏ từ thời Lê Trung Hưng, để đánh dấu vị thế của thiên tử phương Nam có quyền độc lập tế trời.

Theo *Hội điển*, các vua nhà Nguyễn có hai loại Lễ phục, gồm Lễ phục Cổn Miện sử dụng trong lễ tế Giao và Lễ phục Xuân Thu sử dụng trong các dịp tế lễ tại Tông Miếu.

1. (Việt) *Tập mĩ thi văn - Nam quốc phong nhã thông biên tự*. Nguyễn văn: 密邇中夏, 崇儒術好詩書, 共推為聲名文物之邦, 必稱朝鮮、越南二國

a. Cổn Miện 衰冕

Thời các chúa Nguyễn cát cứ Đà Nẵng Trong, vào dịp tế lễ, chúa đội “*mũ Xung Thiên làm bằng sa, mặc đạo bào (giao lĩnh) màu huyền, đi giày mát, không xỏ tất.*”⁽¹⁾ Sau khi vua Gia Long thống nhất lãnh thổ, tháng 2 năm 1807, vua mới bắt đầu định đại lễ Nam Giao, “*vào ngày té, vua đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc, xiêm vàng, lén đàn làm lễ.*”⁽²⁾ Minh Mạng chính yếu cũng cho biết từ năm 1830 trở về trước, khi tế Giao, vua chỉ đội mũ Cửu Long, mặc Hoàng bào, đai ngọc như khi làm lễ tế Huỷ ở Tông miếu⁽³⁾.

Mũ Cửu Long được nhắc đến ở đây là mũ Cửu Long Thông Thiên, tên gọi khác của mũ Xung Thiên triều Nguyễn. Như vậy Lễ phục tế Giao thời vua Gia Long vẫn tuân theo quy chế thời Lê Trung Hưng. Năm 1830 là thời điểm triều đình vua Minh Mạng khôi phục quy chế Cổn Miện. Theo đó quy chế Lễ phục tế trời dành cho hoàng đế được quy định là mũ Miện 12 lưu và áo Cổn 12 chương, cụ thể được *Hội điển* cho biết:

“Mũ Miện té Giao trên vuông dưới tròn, đính hai chữ Vạn Thọ bằng vàng hoặc hai chữ Thiên Địa bằng vàng, 12 hình rồng mây, 6 hình ngọn lửa, 2 thùy văn, 4 nhiêu tường, 1 hoa sen, 1 đóa mây, 1 liên đằng chạy viền quanh thành mũ, 256 hạt vàng, 2 cúc, 2 khuyên. Mặt trước và sau có 24 dải lưu, hai bên phải trái mỗi bên 1 dải lưu, đều xâu chuỗi bằng san hô, trân châu, pha lê và các hạt vàng, tổng cộng 300 hạt. Xung quanh có mạng kim tuyến đính kết với 400 hạt vàng ngọc. Trâm khâm trân châu nối với dây thùy anh làm bằng tơ vàng. Phàm là mắt rồng



Vua Khải Định mặc Cổn Miện. Đàn tế Nam Giao tại Huế.



Mũ Miện của hoàng đế nhà Nguyễn trong BAVH (1915) và mũ Miện phục chế (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam; mũ phục chế thiếu dây thùy anh).

Kết hợp với loại mũ Miện 12 lưu là bộ Cỗn phục 12 chuông, phối với các phục sức như ngọc khuê, ngọc bội, Đại thụ, Tế tất, Cách đói, Đại đói v.v. Cụ thể:

Ao Cỗn may bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu thiên thanh, thêu 6 chuông: Nhật, Nguyệt, Tinh thìn, Son, Long, Hoa trùng. Dải thùy lưu (chỉ dải vải buộc áo của áo giao lĩnh, tính chất như cúc) **thêu hình rồng mây, hoặc may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu tuyết bạch. Ống tay áo thêu hình rồng mây. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu quan lục. Áo lót trong may bằng lụa màu trắng thêu hoa văn chữ Á** (tức chuông Phất), **dải thùy lưu thêu hình rồng mây, sóng nước.**

Thường may bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu các chuông: Tảo, Hỏa, Phấn mẽ, Phù, Phát, Tông di (Thường 6 chuông kết hợp với áo Cỗn 6 chuông, tổng cộng 12 chuông) **và các hình cổ đồ, bát bảo, liên**

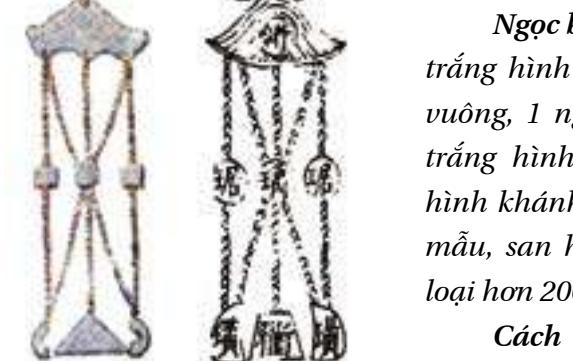
đều khảm các hạt trân châu nhỏ. Võng cân súc 4 khuyên vàng.”⁽¹⁾

Theo ghi nhận của *Hội điển*, *Đại Nam thực lục* và hình vẽ trong BAVH, mũ Miện dành cho Hoàng đế triều Nguyễn là loại mũ Miện 12 lưu (*phía trước 12 lưu, phía sau 12 lưu*), khớp với các nguyên tắc của mũ Miện dành cho thiên tử theo Chu lễ. Tuy nhiên, như chính lời vua Minh Mạng nói “*Cỗn Miện có từ thời Hiên Viên [...] trâm nay noi theo phép xưa mà thêm bớt*”⁽²⁾, dây sung nhĩ gắn ở hai bên thái dương mũ được đổi thành hai dải lưu, dây hoàng màu đỏ son được đổi thành dây thùy anh làm bằng tơ vàng, cùng lối trang trí trên đỉnh miện bản và quanh thân mũ đều có thể coi là những nét đặc sắc chỉ xuất hiện ở mũ Miện của triều Nguyễn.

đằng, hồi văn, sóng nước vân vân. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, lót sa Nam mát bóng màu vàng chính sắc. Kế y (áo lót cổ tròn gắn với thường) **may bằng lụa trắng.**

Tế tất một chiếc, làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót lụa màu đỏ, thêu chuông Son, Long, hình mây và các hình hỏa lựu. 4 đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam xen với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích (đỗ hoa). Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng, 4 móc vàng, 4 cúc vàng.

Đại thụ một chiếc, làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, lót lụa màu vàng, thêu hình rồng mây, sóng nước và các hình cổ đồ. Bên trên may liền một miếng (ngọc tráng) **hình bán nguyệt** với đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, thêu các hình rồng mây xen với hình lan can kim tuyến. Đường biên may liền đoạn gấm lan can thuần bạc hoa mai màu bảo lam. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam kết với dây nhung xâu ngọc các màu. 1 dải thùy anh, 2 dải thùy lưu xen dùng trùu bóng màu vàng, trắng, đỏ. Phía dưới kết luoi, thùy anh và móc bạc 4 chiếc, cúc vàng 7 hạt.



Ngọc bội hai dải. Mỗi dải có 1 ngọc tráng hình con doi, 1 ngọc tráng hình vuông, 1 ngọc tráng hình tròn, 2 ngọc tráng hình bán nguyệt, 1 ngọc tráng hình khánh, xâu chuỗi với các hạt vân mẫu, san hô, hổ phách màu đen, mỗi loại hơn 200 hạt, 1 móc câu vàng.

Cách đói một chiếc, bọc tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, kết với 1 miếng ngọc tráng hình vuông, 6 miếng ngọc tráng hình chiếc mộc, bên ngoài

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.5,6. Nguyên văn: 郊祀冕冠製用上方下圓，釘萬壽金字二，或天地字二，金龍雲形十二，火焰六，垂文二，邊牆四，蓮花、雲朵、邊圈邊、連藤各一，金粒二百五十六粒，

、圈各二。前面冕旒二十四，左右垂旒各一並串結珊瑚、珍珠、玻璃、金粒該三百粒。四面金綫網文結金玉四百粒。玉簪嵌以珍珠，結黃絲垂纓。凡龍眼嵌細小珍珠粒。網巾飾金圈四

2. (Việt) *Minh Mạng chính yếu*. Tập 3. Q.12. Tr.CCLXV-4a.



1. Áo lót thêu hoa văn chữ Á của vua Triều Tiên (còn gọi áo Trung đơn); 2. Thường và Kế y của vua quan triều Nguyễn (BAVH).



Hia áp dụng cho Côn phục, Triều phục và Thường phục của vua triều Nguyễn. (Báu vật triều Nguyễn).

đều bọc vàng, 6 chân cúc, 2 hình lá vàng tía, 2 khuy kép bạc.

Đại đói làm bằng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam, bên trong lót trùm bóng màu hoa xích, hai đầu xâu chuỗi với các hạng châu ngọc, cả thảy 392 hạt, 10 dải thùy anh kim tuyến.

Bít tất giống như Triều phục

(thân làm bằng tơ Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tơ Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn với hộ tất).

Hia thân làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu rồng mây, liên đằng, ngon lửa và hồi văn kim tuyến, xen kẽ gắn kết với gương tây; phía dưới làm bằng tơ lông vũ màu vàng, thêu đính các loại hạt trân châu, san hô nhỏ, hình rồng, mỗi loại 2 thứ và các hình cổ đồ, xen kẽ gắn với gương tây, đính 3 chiếc kim bồn, mỗi chiếc khảm 1 hạt hỏa tề, 2 hạt kim cang lót đoạn Bát ti màu đỏ.”⁽¹⁾

Đối chiếu tư liệu văn tự và tư liệu hình ảnh tương quan, có thể thấy trang phục Côn



Một trong những chiếc tất của vua Khải Định (Ảnh: Trịnh Bách).

1. (Việt) *Hội điển - Quyền* 78. Tr.6-8. Nguyễn văn: 袞衣製用天青純綫光素涼紗，繡日、月、星辰、山、龍、花蟲，垂旒繡龍雲樣，或製用雪白純綫光素涼紗。袖口繡龍雲。領子官綠光素八絲緞。繡亞字裏白色帛。垂旒繡龍雲、水波。裳製用正黃純綫光素涼紗，繡藻、火、粉米、黼、黻、尊彝立古圖、八寶、連藤、迴文、水波等樣。緣寶藍純金蓮花一項錦，裏正黃南素涼紗。繼衣白色帛。玉佩二，結白玉蝙蝠形各一，方樣各一，圓樣各一，半月樣各二，磬形各一，串結雲母、珊瑚、玄琥珀各二百餘粒，金鈎各一。革帶一，包正黃光素八絲，結白玉方樣一片，盾樣六片，外各包黃金腳六，紫金葉形二，銀夾版二。蔽膝一，正黃光素八絲，裏赤色帛，繡山龍雲竝火榴等樣，四邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞間花赤光素八絲緞，緣純金蓮花一項錦，金鈎、金鉢各四。大綬一，天青光素八絲緞，裏黃色帛，繡龍雲、水波竝古圖等樣，上鑲花赤光素八絲緞半月樣一片繡龍雲樣上間金線欄杆，邊鑲寶藍梅花純銀欄杆錦緞，緣寶藍純金蓮花一項錦結各色玉，綫絨垂纓一。左右垂旒二間用黃赤白各色素緞。下結網文垂纓，銀鉢四，金鉢七粒。大帶寶藍光素八絲緞，裏花赤素緞，兩端串結各項珠玉三百九十二粒竝金線垂纓十條。襪與大朝同。靴身烏八絲繡龍雲、連藤、火焰竝金線迴文間結洋鏡子，下黃羽絲繡小珍珠、珊瑚各項粒龍形各二竝古圖等樣間結洋鏡子，釘金盆各三嵌火齊各一，金剛粒各二，裏赤色八絲緞。

Miện của Hoàng đế triều Nguyễn tuy phần lớn tham khảo từ quy chế Tống - Minh, song đã xuất hiện rất nhiều biến dị, đặc biệt là việc sử dụng đại đói vắt ngang vai và sự kết hợp giữa thường và Kế y cổ tròn. Riêng đại đói, theo quy chế Tống Minh, là dải đai bằng lụa trắng dùng để thắt lưng, kết hợp với đai da - cách đói. Song như BAVH mô tả, vào thời Nguyễn, “*Đại đói là dải khăn mảnh vắt qua vai, vượt qua ngực, mỗi đai đều có diềm bắn rộng bằng lụa nạm ngọc nhiều màu và rủ xuống thật thấp.*”⁽¹⁾



1. Vua Khải Định mặc trang phục Côn Miện, song thay vì thắt Té tất ở phía trước, ông lại thắt Đại Thụ vốn là phục sức che phía sau. Cách phối hợp như vậy không hợp quy chế. Phải chăng đây là một trong những kiểu “*ăn vận không phải lối*” của vua Khải Định như lời công kích của Phan Chu Trinh. (Thất điệu tràn. Tập chí Nghiên cứu lịch sử, số 66); 2. Trang phục Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (Phục dựng).



Trang phục Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn (BAVH) 1.2.3.4. Mũ Miện 12 lưu. (1. Miện bân nhìn từ trên xuống; 2 - 3. Mũ Miện nhìn trực diện và trắc diện; 4. Dây thùy anh màu vàng gắn trâm ngọc); 5. Khuê (còn gọi là Trần khuê, hốt). 6. Hia. 7. Đại đới. 8. Cách đới. 9. Bội. 10. Tạp bội. 11. Tiêu thụ. 12. Côn phục 12 chuông (mặt trước và mặt sau): A. Áo xanh đen 6 chuông (a. Nguyệt; b. Nhật; c. Tinh thìn; d. Sơn; e. Long; f. Hoa trùng). B. Thường 6 chuông. C. Té tắt (thêu 2 chuông Sơn và Long, 1 hình rồng bay lên và 1 hình rồng bay xuống). D. Đại thụ.



Một số phục súc trong bộ Côn phục của hoàng đế nhà Minh (*Tam tài đồ hội*). 1. Áo Côn màu huyền; 2. Áo lót Trung đơn; 3. Thường màu đỏ nhạt; 4. Té tắt; 5. Cách đới; 6. Đại đới; 7. Thụ; 8. Tạp bội. Quy chế Côn Miện của nhà Minh được sửa đổi nhiều lần. Quy chế Côn Miện của Hoàng đế triều Nguyễn nhiều khả năng được tham khảo trực tiếp từ quy chế trong *Tam tài đồ hội*.



Hiện vật áo Côn của vua Khai Định triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách), Hiếu Minh thiên hoàng Nhật Bản (*Mỹ thuật Nhật Bản*) và Thuần Tông hoàng đế thời Đại Hàn đế quốc (*Phục súc*).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 12 LƯU 12
CHƯƠNG CỦA HOÀNG ĐẾ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ TỔNG
VÀ NHÀ MINH TRUNG QUỐC
 (theo *Đại Nam hội điển sự lục*, *Tống sử* và *Minh hội điển*)

Quy chế của nhà Nguyễn	Quy chế của nhà Tống	Quy chế của nhà Minh
-Mũ Miện 12 lưu, sung nhĩ được thay bằng 2 dải lưu, dây hoàng được thay bằng dây thùy anh làm bằng tơ vàng	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ Thông Thiên gia miện bản, dây hoàng màu đỏ son	-Mũ Miện 12 lưu, thân mũ dạng ống gia miện bán, dây hoàng màu đỏ son
-Áo Cổn màu xanh, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng	-Áo Cổn màu xanh, thêu 7 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Trĩ (Hoa trùng), Hổ dữ (Tông di)	-Áo Cổn màu huyền, thêu 6 chương Nhật, Nguyệt, Tinh, Sơn, Long, Hoa trùng
-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Phấn mề, Tông di, Phủ, Phật và các hình cổ đồ, bát bảo...	-Thường màu đỏ, thêu 5 chương Tảo, Hỏa, Phấn mề, Phủ, Phật	-Thường màu vàng, thêu 6 chương Tảo, Hỏa, Tông di, Phấn mề, Phủ, Phật
-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng, thêu 12 chương Phật	-Áo Trung đơn may bằng lụa trắng	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo thêu 13 chương Phật
-Tế tất màu vàng viền lam, thêu Sơn, Long, 1 rồng bay lên, 1 rồng bay xuống, hình mây và các hình hỏa lựu	-Tế tất màu đỏ, thêu 1 con rồng bay lên, 1 con rồng bay xuống, giữa là mây, súc ngọc quý	-Tế tất màu đỏ, thêu 4 chương Tảo, Phấn mề, Phủ, Phật
-Đại thụ thêu hình rồng mây sóng nước, xâu các loại ngọc	-Đại thụ 6 màu đính 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn	Đại thụ 6 màu đính 3 tiểu thụ kết 3 ngọc hoàn
-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cự, xung nha, hoàng...	-Ngọc bội 2 dải, làm bằng ngọc trắng trổ rồng	-Ngọc bội 2 dải, gồm các loại ngọc hành, cự, vũ, xung nha, hoàng...
-Cách đới đính ngọc trắng, bọc vàng	-Cách đới trổ rồng phượng bằng vàng	-Cách đới đính ngọc
-Tất phía trên gắn hộ tất, thân màu lam, phía dưới màu trắng, dát vàng, hia màu thâm thêu rồng mây	-Tất đỏ, giày Tích đỏ	-Tất đỏ, giày Tích đỏ

b. Xuân Thu 春秋冠

Tế Tông miêu cũng là một trong những lễ tiết quan trọng trong văn hóa cung đình.

Vào dịp tế lễ này, vua nhà Trần sử dụng Lễ phục Quyển Vân, vua nhà Lê sử dụng Lễ phục Bình Đính, các vua nhà Nguyễn muộn nhất vào thời vua Gia Long đã có Lễ phục Xuân Thu. *Đại Nam thực lục* cho biết: “Buổi hôm trước ngày hết tang một năm, vua (chỉ vua Gia Long) bỏ áo tang, nội giám đem cất đi. Đến ngày đó, bàn thờ bày đặt như nghi thức tế điện lớn. Vua mặc đồ trắng, đội mũ Xuân Thu bằng sa trắng, áo giao lĩnh bằng sa trắng, thường bằng lụa trắng, giày và bít tất trắng, đến trước bàn thờ làm lễ [...] Tế điện lớn, tế cửu ngũ, tế tốt khốc đồ mặc cũng theo nhu thế [...] Còn tế Luyện, tế Tường và tế Đàm thì sau ngày tốt khốc mới cử hành. Tế Luyện vua mặc Lễ phục, đội mũ Xuân Thu bằng sa thâm, áo giao lĩnh bằng sa thâm, thường bằng lụa màu biếc lót lụa trắng, giày và bít tất đen. Tế Tường và tế Đàm vua mặc đồ màu, mũ Xuân Thu bằng nhiều thâm, áo giao lĩnh bằng sa đoạn màu bảo lam, thường bằng sa biếc lót trắng, bít tất lam, giày đen.”¹. Vào thời Gia Long, quy chế Lễ phục Xuân Thu có sự phân biệt tùy theo quy mô của buổi tế. Ít nhất có ba dạng Lễ phục Xuân Thu áp dụng cho thiên tử trong các dịp tế Đại Điện, tế Cửu Ngu, tế tốt khốc, tế Luyện, tế Tường, tế Đàm. Vào thời vua Minh Mạng, quy chế Lễ phục Xuân Thu được giản hóa, thống nhất là mũ Xuân Thu màu đen kết hợp với áo giao lĩnh màu thiên thanh (màu huyền).

Năm 1821, vua Minh Mạng nói với Thượng thư Bộ Lễ Phạm Đăng Hưng: “Trong ngày kỵ liệt thánh, hoàng kháo ta đội mũ Xuân Thu, mặc



Mũ Xuân Thu của quan võ Tú phẩm (BAVH); Vua Gia Long đội mũ Xuân Thu dưới nét vẽ của người Pháp. (Ảnh phục chế).

1. (Việt) *Đại Nam thực lục* - Chính biên - Đệ nhất kỷ. Tập 1. Tr.896.

áo giao lĩnh, tự có điểm tắc. Trâm nên theo lẽ của hoàng khảo thờ liệt thánh để thờ hoàng khảo.”⁽¹⁾ Đồng thời quy định:

“Mũ Lễ phục là mũ Xuân Thu, làm bằng sa trùm màu đen, đính 1 bông hoa bạc, khảm một hạt pha lê lấp lánh. Võng cân một chiếc, súc bốn khuyên bạc. Áo giao lĩnh làm bằng sa mát thuần chỉ, màu thiên thanh, áo lót làm bằng sa mát thuần chỉ màu tuyêt bạch, đều thêu hoa văn rồng mây, sóng nước. Hoặc áo làm bằng đoạn Bát ti bóng thuần chỉ lai lộ, màu thiên thanh, thêu rồng mây, bên trong lót lĩnh 12 hoa mẫu đơn chéo màu ngọc lam. Cổ áo và hai dài thùy lưu đều dùng màu sắc gốc (của áo). Thường làm bằng sa mát thêu hoa nhô, màu ngọc lam, viền làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh. Kế y làm bằng lụa sống.

Bít tất có thân làm bằng to Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là to Bát ti bóng màu tuyêt bạch, phía dưới là vải tây màu tuyêt bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, bên trong lót lụa màu đỏ. Hia có thân hia làm bằng to Bát ti màu thảm, bên trong lót lĩnh bóng màu bảo lam.”⁽²⁾

2. Triều phục

Từ tháng 5 năm 1806 thời vua Gia Long, các buổi chầu Đại triều, Thường triều được quy định: “Mỗi tháng lấy ngày mồng một và ngày rằm đặt Đại triều ở điện Thái Hòa, quan từ lục phẩm trở lên mặc áo mũ Đại triều vào lạy chầu; những ngày mồng 5, 10, 20, 25 đặt Thường triều ở điện Càn Chánh, quan từ tú phẩm trở lên mặc áo mũ Thường triều vào lạy chầu. Các thành và dinh trấn đến ngày mồng một và ngày rằm đều bái vọng ở Hành cung.”⁽³⁾ Minh Mạng chính yếu cũng có ghi chép tương tự, đồng thời cho biết, “phàm gặp tháng nhuận đều miễn cả Đại triều



Vua Đồng Khánh thắt Võng Cân, đội mũ Cửu Long Thông Thiên.

1. (Việt) Minh Mạng chính yếu. Tập 3. Q.11. Tr.CCX -15b.

2. (Việt) Hội điển - Quyển 78. Tr.4-5. Nguyễn văn: 禮服春秋冠製用黑色綢紗, 鈕銀花一嵌晶光玻璃一粒。網巾一, 飾銀圈四。交領衣製用天青純綫涼紗, 裏衣雪白純綫涼紗竝織龍雲、水波。或製天青來路純綫光素八絲緞織龍雲樣, 裏玉藍十二斜牡丹綾。領子、垂旒用本色。裳用玉藍細花涼紗, 綠(謬文, 該為緣)天青光素八絲緞。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲, 中間雪白光素八絲, 下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金線欄杆。裏白色帛, 上結護膝官綠光素八絲, 緣純金蓮花一項錦, 裏藍帛。靴身烏八絲, 裏寶藍光素綾。

3. (Việt) Đại Nam thực lục - Chính biên - Đệ nhất kí. Tập 1. Tr.666

và Thường triều.”⁽¹⁾ Như vậy, vào thời Nguyễn, Triều phục hay còn gọi là trang phục Đại triều chỉ trang phục mặc vào ngày rằm, mồng một và một số dịp lễ tết nhất định; Thường phục là trang phục mặc vào các ngày chầu thường mồng 5, 10, 20, 25.

a. Mũ Cửu Long Thông Thiên 九龍通天冠

Hội điển, Hội điển tục biên, Đại Nam điển lệ toát yếu, Đại Nam thực lục đều ghi nhận, vào các buổi Đại triều, hoàng đế mặc Hoàng bào, đội mũ Cửu Long Thông Thiên. Loại mũ Triều phục này ở một số sách như Minh Mạng chính yếu, Đại Nam thực lục còn được gọi tắt là mũ Cửu Long, trong dân gian quen gọi là mũ Xung Thiên. Nam phương danh vật bị khảo thời Nguyễn giải thích:

“Mũ Xung Thiên, mũ Đại triều của thiên tử ngày nay, như mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn chia lên trời.”⁽²⁾ Riêng từ “Thông Thiên”, Chỉ Nam ngọc âm giải thích “Thông Thiên quan hiệu (gọi là) Triều Thiên.”⁽³⁾ Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes định nghĩa: “Mũ Triều Thiên là vuong miện (mũ của vua).” Các cứ liệu trên chứng tỏ vào thời Lê - Nguyễn, loại mũ tương tự mũ Phốc Đầu có hai cánh chuồn hướng lên trời, ngoài tên gọi mũ Xung Thiên, còn được gọi là mũ Triều Thiên và Thông Thiên. Riêng loại mũ Thông Thiên có những búi mây cuộn tròn ở đỉnh mũ, nhà Trần gọi là mũ Quyển Vân, nhà Lê Trung Hưng gọi là mũ Tam Sơn.

Đối với quy chế mũ Cửu Long Thông Thiên, Hội điển cho biết, “mũ Đại triều Cửu Long Thông Thiên đính 31 hình rồng vàng, 30 hình ngọn lửa; phía trước và sau đều có 1 bắc son, 1 hoành long, hốt bọc pha lê lấp lánh và hốt thông thiên mỗi thứ 2 chiếc; 1 liên đằng, 1 nhiễu tường, 1 đóa hoa hình tròn, 30 đóa mây đều kết bằng chỉ; các hạng ngọc dùng để khảm súc nhu hóa tề, kim cang, trân châu gồm 140 hạt, mát mỗi con rồng đều khảm 1 hạt trân châu nhỏ.”⁽⁴⁾ Trước khi đội mũ, vua còn thắt

1. (Việt) Minh Mạng chính yếu. Tập 3. Q.11. Tr.CCXVIII-19b.

2. (Việt) Nam phương danh vật bị khảo - Thường - Q.31 - Phục dụng môn. Nguyễn văn: 衡天冠: 今天子大朝冠, 如幞頭, 兩翅衝天

3. (Việt) Chỉ Nam ngọc âm. Tr.120

4. (Việt) Hội điển - Q.78. Tr.1-2. Nguyễn văn: 大朝冠九龍通天釘黃金龍形三十一, 火焰三十, 前後博山各一, 橫龍一, 包晶光玻璃笏竝通天笏各二, 連藤、遶牆各一, 圓樣花朵一, 雲朵三十竝線結嵌



Mũ Cửu Long Thông Thiên thể hiện trên tượng kim thân của vua Khải Định (Lăng Khải Định. Ảnh: TQĐ).



Mũ Cửu Long Thông Thiên của các vua nhà Nguyễn. (Phục chế. Bảo tàng Lịch sử). *Bác son*: trang sức hình bán nguyệt chạy vòng trên trán mũ. *Hốt bạc pha lê lấp lánh*: trang sức đính chéo 2 bên Bác Sơn. *Nhiều Tường*: trang sức đính giữa trán mũ. *Hoành long*: hốc cắm cánh chuồn hình đầu rồng nằm ngang ở gáy mũ. *Hốt Thông Thiên*: hai cánh chuồn vươn ra từ Hoành Long, lẽ ra hơi cong gấp.

nhưng trên thực tế vẫn có sự gia giảm, đặc biệt là áo mao của nhà vua.

b. Bào phục

Kết hợp với mũ Cửu Long Thông Thiên là bộ Bào phục bao gồm Hoàng bào, đai ngọc, xiêm y, hộ tất, bít tất và hia.

Trong đó, *áo bào làm bằng sa đoạn màu vàng chính sắc, thêu các hình rồng mây, sóng nước lớn nhỏ và 4 chữ Phúc Thọ, áo sa dày thêu hoa Tú hưu (mai, lan, cúc, trúc) hoặc loại trùm màu hoa xích thêu hoa Tú hưu; hai cánh (tức hai cánh phủ hậu ở lưng áo) dùng đoạn Bát ti bóng màu bảo lam*.

飾火齊、金剛、珍珠各項玉一百四十粒，龍眼各嵌細小珍珠粒。網巾飾金圈四

"Võng cân súc 4 khuyên vàng." Như vậy có thể thấy, loại mũ Triều phục của Hoàng đế nhà Nguyễn có nguồn gốc là mũ Xung Thiên của vua Lê chúa Trịnh, song được súc lên vô số trang sức bằng vàng và đá quý, đồng thời được đặt tên mới, gọi là mũ Cửu Long Thông Thiên. Qua một số ảnh chụp các vị vua Đồng Khánh, Duy Tân, Khải Định, Bảo Đại, có thể thấy lối trang sức trên mũ Cửu Long của các vị vua này không hoàn toàn đồng nhất. Đặc biệt, hai cánh mũ Xung Thiên thể hiện trên pho tượng kim thân của vua Khải Định có dạng cong tròn hơi hướng về phía trước, trùng khớp với hình dạng cánh mũ Xung Thiên của vua Quang Trung giả thể hiện trong bức tranh *Càn Long bát tuần vạn thọ khánh điển đồ*. Dạng cánh mũ này nên được coi là quy chế chung nhất của dạng mũ Xung Thiên triều Lê Nguyễn hay chỉ là vài trường hợp đặc biệt? Với cứ liệu hiện có chúng tôi thiêん về khả năng thứ nhất, song chúng tôi cho rằng, dạng cánh mũ Xung Thiên này có lẽ chỉ được sử dụng từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát trở về sau. Ngoài ra, áo mao của vua quan nhà Nguyễn về cơ bản bám sát quy chế của *Hội điển*,

Mặt trước và sau đều có hai chữ Vạn Thọ, ba hình rồng. Hai ống tay áo và hai cánh đều có một hình rồng. Các hoa văn san hô, hỏa lựu đều xâu chuỗi bằng các hạt ngọc châu nhỏ. Cổ áo may bằng đoạn Bát ti bóng màu tuyêt bạch. Thùy lưu hai dải (chỉ hai dải thắt nhỏ ở nách áo, có chức năng như cúc) đều thêu hình rồng mây.

Thường làm bằng sa mát bóng màu hoa xích, thêu hình các hình rồng ổi, sóng nước, cổ đồ, bát bảo; phía dưới nối với hình hồi văn, liên đăng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuận vàng màu lục lam. Kế y làm bằng lụa sống.

Đai làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc may xen với to màu xích vũ, đính 18 miếng sừng tê hình mộc dài, bên ngoài bọc vàng, khâm 92 hạt trân châu.

Bít tất có thân làm bằng to Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là to Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuận vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, phía trên gắn hộ tất.



Chân dung vua Đồng Khánh (1864 - 1889) mặc Triều phục. Ngực áo bao thêu 2 chữ Vạn Thọ theo lối chữ Triện. (Báu vật triều Nguyễn).



Vua Thành Thái, vua Bảo Đại và vua Khải Định mặc Triều phục.



Đầu thắt Võng Cân, chân “buộc hộ tất”. (Kỹ thuật của người An Nam).

nà nhà Nguyễn lúc này được đính thêm một lớp lót bằng lụa trắng dôi ra phía ngoài, để mô phỏng cổ áo giao lĩnh trước đây.

1. (Việt) Hội điển - Q.78. Tr.2-3. Nguyên văn: 黃袍製用正黃色紗緞，繡大小龍雲、水波竝福壽四字樣。裏四友辰花密紗或四友花赤紬。兩翼寶藍光素八絲緞，前後面萬壽字各二，龍形各三。兩袖兩翼龍形各一竝珊瑚、火榴均串結以細小珠玉粒。領子雪白光素八絲緞，垂旒二竝繡龍雲。裳製用花赤純綫光素涼紗，織圓龍、水波、古圖、八寶樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤色帛，緣藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。帶用金正黃光素八絲緞，間縫赤羽絲，釘犀角長方盾樣該十八片，外包黃金嵌珍珠九十二粒。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲純金蓮花一項錦間金線欄杆。上結護膝正黃光素八絲繡龍雲、水波竝金線迴文，緣寶藍純金一項錦。裏赤素紬。靴身烏八絲繡金線龍雲、水波、花樣。裏赤八絲。

Hộ tất làm bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu hình rồng mây, sóng nước, tất cả đều dùng kim tuyến theo kiểu hồi văn, viền gấm hạng nhất thuần vàng màu bảo lam, bên trong lót trùu đỏ bóng. Hia có thân hia làm bằng tơ Bát ti màu thâm, thêu các hình rồng mây, sóng nước, hoa bằng kim tuyến, bên trong lót tơ Bát ti màu đỏ⁽¹⁾.

Qua mô tả của *Hội điển*, kết hợp với tư liệu ảnh triều Nguyễn, có thể thấy Long bào của các vị vua triều Nguyễn kế thừa kiểu dáng trang trí Long bào thời Lê Trung Hưng. Đặc trưng của lối bào phục này là hoa văn Long vân đại hội và hai cánh áo phú hậu ở lưng áo. Sự biến cách lớn nhất của Long bào, Mäng bào triều Nguyễn nằm ở hoa văn trang trí rồng, mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, san hô, hỏa lựu và lan can, mang lại cảm giác cầu kỳ và ngợp mắt.

Ngoài ra, từ thời Lê - Trịnh trở về trước, áo giao lĩnh là dạng áo phổ biến, sử dụng trong cung đình và dân gian, cho nên một bộ Bảo phục thông thường bao gồm áo Trung Đơn cổ giao lĩnh mặc lót bên trong, áo đoàn lĩnh cổ tròn mặc ra bên ngoài. Vào thời Nguyễn, triều đình đã phế bỏ kiểu áo giao lĩnh sử dụng trong ngày thường, thay vào đó là loại áo dài năm thân cổ đứng cài khuy. Cổ áo bào của vua quan

3. Thường phục

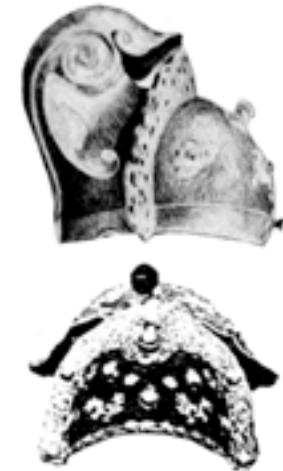
Hội điển cho biết mũ Thường triều của các vị vua nhà Nguyễn là Cửu Long Đường Cân, song không đề cập quy chế cụ thể. Riêng mũ Triều phục Thất Long Đường Cân của hoàng thái tử được mô tả “trang sức bằng vàng và ngọc châu.” Sau khi khảo sát một số ảnh chân dung các vị vua triều Nguyễn, chúng tôi phát hiện thấy ngoài mũ Cửu Long Thông Thiên, các vua nhà Nguyễn còn đội một loại mũ có phần gáy nhô cao, chỏm khum tròn chùm về phía trước, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Chúng tôi cho rằng, loại mũ xuất hiện trong các ảnh chân dung vua Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái là mũ Cửu Long Đường Cân, loại mũ xuất hiện trong ảnh chân dung Thái tử Bảo Đại và Thái tử Bảo Long là mũ Thất Long Đường Cân. Ngoài ra, theo tờ châubản số 163 – 165 Khải Định quyển số 1, có thể thấy mũ Cửu Long Đường Cân còn được gọi tắt là Đường Cân. Tờ châubê này cho

biết: “*Chiểu theo lệ của quốc triều hàng năm gấp các tết Đoan Dương, Đông chí thì đặt nghi lễ Thường triều tại điện Cần Chánh, xin hoàng thượng đội Đường Cân, mặc Long bào, cầm ngọc khuê.*”⁽¹⁾



Vua Thành Thái, Đồng Khánh mặc Thường phục.

Kết hợp với Đường Cân là Long bào, song cần lưu ý rằng Long bào Thường triều có bố cục hoa văn trang trí khác với Long bào Đại triều. Quy chế cụ thể được *Hội điển* mô tả: “*Áo bào làm bằng sa mát bóng thuần chỉ, màu vàng chính sắc, bên trong lót cùng màu, thêu rồng ổ lớn và các hình cổ đồ, bát bảo, sóng nước; mắt rồng đều khảm hạt hổ phách màu huyền, còn lại đều xâu chuỗi các hạt châu*



Mũ Cửu Long Đường Cân thể hiện trên tranh chân dung vua Tự Đức và vua Thành Thái.

1. Nguyên văn: 炙國朝遞年恭遇端陽、冬至諸令節例有設常朝儀于勤政殿，奉皇上御唐巾、龍袍，執玉圭

ngọc nhỏ. Hai mặt áo và hai ống tay áo đều xâu chuỗi các hạt châu ngọc làm thành hình mỹ túc (chỉ các chữ có nghĩa đẹp như Phúc, Thọ v.v). Cổ áo lót đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu hình rồng mây. Hai dài thùy lưu đều thêu hình rồng mây. Thường dùng sa mát bóng thuần chỉ màu hoa xích, thêu hình rồng ổi, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, cành hoa v.v. phía dưới nối với hình hồi văn, liên đằng, lan can màu hoa xích, gấm đoạn lót lụa màu đỏ, gấm hạng nhất thêu hoa sen thuần vàng màu bảo lam. Kế y làm bằng lụa sống. Bít tất có thân làm bằng tor Bát ti bóng màu bảo lam, ở giữa là tor Bát ti bóng màu tuyết bạch, phía dưới là vải tây màu tuyết bạch dát thuần vàng, gấm hạng nhất hoa sen xen lan can kim tuyến, lót sa, trùm bóng màu đỏ. Hia giống hia Đại triều⁽¹⁾.



Vua Thành Thái mặc lề phục Tịch điền và vua Duy Tân mặc Thường phục.

phục các vua nhà Nguyễn sử dụng trong ngày lễ Tịch điền. Trang phục sử dụng khi cày ruộng Tịch điền của vua chúa Đại Việt trước đây hầu



Vua Khải Định đội mũ Triều phục, song lại mặc áo bào Thường phục.

như không có sử liệu đề cập, ngoại trừ thông tin ghi lại trong tấm bia *Đại Việt Lam son Dụ lăng bi* cho biết vua Lê Hiển Tông mặc áo Cổn, đội mũ Miện có dây hoàng màu đỏ son. Cổn Miện cũng là Lễ phục Tịch điền của các vua triều Hán – Đường, khác với quy chế Lễ phục Tịch điền thời Tống – Minh là mũ Thông Thiên kết hợp với áo bào đỏ.

4. Quân phục

Vào thời vua Minh Mạng, quân phục hay trang phục nhà vua sử dụng khi duyệt binh được quy định là mũ võ Đại Long kết hợp với Hoàng bào hép tay có Vân kiên liền cổ màu xanh thẫm. Song với mô tả của *Hội điển*, chúng ta cũng chỉ biết “Mũ võ Đại Long được làm bằng tor lông vũ màu đen, lót đoạn Bát ti bóng

màu vàng chính sắc, lan can kim tuyến của Tây dương, đính 4 hình rồng vàng, 1 hình ngọn lửa, 2 hình rồng mây, 1 hình mây, mát rồng khâm trân châu, còn lại đều súc châu ngọc. Thùy anh dùng lan can kim tuyến của Tây dương.”⁽¹⁾ Còn như hình dáng cụ thể của loại mũ này ra sao, hiện chúng tôi chưa có tư liệu tranh ảnh để có thể xác thực. Riêng bào phục kết hợp với mũ võ Đại Long, hiện vẫn còn hiện vật đối chiếu, về cơ bản khớp với mô tả của *Hội điển*:

“Áo bào hép tay làm bằng sa mát bóng thuần chỉ màu vàng chính sắc, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, lót trùm màu hoa xích thêu mẫu đơn, buom bướm. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam, đều xâu chuỗi các hạt trân châu, san hô nhỏ. Vân kiên liền cổ áo làm bằng đoạn Bát ti bóng màu thiên thanh, thêu rồng mây, sóng nước, cổ đồ, bát bảo. Áo ngắn Mã quái hai chiếc, làm bằng tor Bát ti màu thâm, thêu hình rồng mây, sóng nước, hình con doi, ngọn lửa. Thường



Quân phục của vua triều Nguyễn hép tay, vân kiên liền cổ. (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Ảnh: Philippe Truong).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.3-4. Nguyên văn: 常朝冠用九龍唐巾。袍用正黃色純綫光素涼紗，裏本色，繡大圓龍竝古圖、八寶、水波。龍眼各嵌玄珀，餘均串結細小珠玉粒。兩面兩袖申結珠玉作美字。領子裏正黃光素八絲緞，繡龍雲樣，垂旒二竝繡龍雲。裳用花赤純綫光素涼紗織圓龍、水波竝古圖、八寶、花枝等樣，下繼迴文、連藤、花赤欄杆錦緞。裏赤帛，緣寶藍純金蓮花一項錦。繼衣生絹。襪身寶藍光素八絲，中間雪白光素八絲，下雪白洋布鑲金蓮花一項錦間金線欄杆。裏赤素綢紗。靴與大朝同。

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.10. Nguyên văn: 耕耤奉御九龍唐巾黃色狹袖龍袍。其帶靴與閱兵同

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.8. Nguyên văn: 閱兵奉御大龍武冠，製用黑色羽絲，裏正黃光素八絲緞，西洋金線欄杆，釘金龍形四、火焰一、龍雲二、雲樣一、龍眼嵌珍珠，餘竝飾珠玉，垂纓用西洋金線欄杆。

kép may bằng tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, thêu đôi phượng và các hình liên đăng, hồi văn. Dưới gấu làm bằng tơ Bát ti bóng màu hoa xích, thêu rồng mây, sóng nước, liên đăng, hồi văn, lót trùm màu hoa xích thêu hình mẫu đơn, buom bướm. Bốn bên may liền to Bát ti bóng màu ngọc lam. Viền gấm hạng nhất hoa sen thuần vàng màu bảo lam gắn trùm màu đỏ thêu mẫu đơn, buom bướm. Thùy anh, long bài vàng ba mặt đều làm bằng vàng, hình chiếc mộc rồng mây, xung quanh sợi nhiễu tuyến khảm các loại ngọc hỏa tề, trân châu, kim cang, san hô hơn 300 hạt, hơn 50 dải thùy anh kim tuyến. **Đai loan** một chiếc, lan can kim tuyến Tây dương khảm 1 hạt kim cang hình phuong đình. Xung quanh khảm hạt kim cang, bên ngoài bọc vàng, khuy kép, chân cúc xâu chuỗi trân châu, san hô, thanh liễu hình hoa 9 đóa. **Hia** có thân làm bằng tơ Bát ti màu thảm may xen với tơ Bát ti bóng màu vàng chính sắc, lót tơ Bát ti bóng màu hoa xích.”⁽¹⁾



Vua Minh Mạng Nhật Bản (1852-1912), vua Khải Định Việt Nam (1885 - 1925), vua Phổ Nghi Trung Quốc (1906-1967), vua Cao Tông Triều Tiên (1852-1919) mặc Quân phục.

1. (Việt) *Hội điện* - Q.78. Tr.8-10. Nguyên văn: 狹袖跑製用正黃純綫光素涼紗，繡龍雲、水波、古圖、八寶，裏牡丹蝶赤花紬，緣寶藍純金蓮花一項錦，均串結細小珍珠、珊瑚粒。雲肩連領子用天青光素八絲緞，繡龍雲、水波、古圖、八寶。馬掛（謬文，該為褂）二用烏八絲，繡龍雲、水波、蝙蝠、火焰。夾裳用正黃光素八絲，繡雙鳳立連藤、迴文等樣。下花赤光素八絲，繡龍雲、水波立連藤、迴文。裏牡丹蝶赤花紬。四邊鑲玉藍光素八絲。緣寶藍純金蓮花一項錦，結牡丹蝶赤色紬。垂纓金龍牌三，面各金製。龍雲盾形，周圍邊綫，嵌火齊、珍珠、金剛、珊瑚各項玉三百餘粒，金線垂纓五十餘條。鸞帶一，西洋金綫欄杆嵌金剛粒，方亭樣一，四圍嵌金剛粒，外包黃金竝夾版 腳串結珍珠、珊瑚、青柳花樣該九朵。靴身烏八絲間縫正黃光素八絲，裏花赤光素八絲。



Quân phục của vua Khải Định và Thái tử Bảo Long (1936-2007).

Ngoài ra, vào thời vua Khải Định, phần lớn các loại trang phục của vua đều do vua tự vẽ kiểu, thiết kế, ngay trang phục Cỗ Miện tế trời cũng “bị phá cách” bằng cách mặc đại thụ ở phía sau lên phía trước thay cho tế tất. Đặc biệt phải kể đến việc vua kết hợp áo bào hẹp tay, xé 4 vật sử dụng trong dịp cày ruộng Tịch điền với bộ quân phục châu Âu, đồng thời phối với nón hoặc khăn xếp, tạo ra một trong những loại quân trang “vô tiền khoáng hậu”. Đặt trong bối cảnh đương thời, khi vua nhà Thanh, Triều Tiên, Nhật Bản đều du nhập và rập khuôn theo mẫu quân phục phương Tây thì chính phong cách “pha trộn”, phá vỡ truyền thống thể hiện trên quân trang của vua Khải Định lại là nét đặc sắc của riêng ông và riêng triều đại ông trị vì. Tuy nhiên, ngoài bộ quân phục phá cách, vua Khải Định vẫn có bộ quân trang chuẩn mực theo đúng dạng thức của phương Tây. Đến thời vua Bảo Đại, chúng ta không còn thấy sự phá cách, “pha trộn” này thêm nữa.

II. TRANG PHỤC BÁ QUAN

Quy chế Triều phục và Thường phục của bá quan triều Nguyễn được đặt định vào năm 1804 thời vua Gia Long. Năm 1831, vua Minh Mạng định ra quy chế Tế phục Cỗ Miện dành cho hoàng tử, vương công và các quan nhất, nhị, tam phẩm. Năm 1845 thời vua Thiệu Trị, quy chế Triều phục được sửa đổi, chủ yếu ở quy chế trang sức trên mũ Phốc Đầu.

1. Lễ phục

1.1. Lễ phục tế Giao

Ngay từ thời Xuân Thu tại Trung Quốc, Cỗ Miện đã được quy định là trang phục đại lễ dành cho thiên tử nhà Chu, vua chư hầu và một số vị đại thần. Chế độ Cỗ Miện của nước ta muôn nhất được đặt định vào triều Đinh, được kế thừa qua các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ và tuyệt tích vào thời thuộc Minh. Đến thời vua Lê Thái Tông, quy chế Cỗ



Ngũ 故, nhạc khí sử dụng khi tế Giao áp dụng theo Chu lễ. Ngũ của nhà Thanh (Bảo tàng Cố cung Bắc Kinh), Ngũ của nhà Nguyễn (BAVH) và Ngũ của Hàn Quốc (Bảo tàng Cố cung quốc lập Seoul). (Ảnh: TQĐ).



Quy chế mũ Miện 12 lưu của thiên tử nhà Chu (Choe Kye Sun. *Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu*) 1. Lưu (còn gọi là Ngọc Tảo); 2. Tảo (dây tơ ngũ sắc); 3. Ngọc châu; 4. Tưu; 5. (Ngọc) Hành; 6. Đầm; 7. Thủ khoáng hoặc (Ngọc) Trân; 8. Sung Nhĩ; 9. Hoàn (Chu tôt: dây son); 10. Nữu; 11. Kê (Trâm ngọc); 12. Võ (cùng chất liệu, cùng màu với Diên); 13. Diên (còn gọi Miện Bản). 1 thước 6 tấc x 8 tấc. Một đầu tròn, một đầu vuông, viền màu son).

Tiên, khi đặt định điển chương chế độ đều tham khảo những quy chế cổ điển, cơ bản của Trung Quốc, trên cơ sở đó tự tạo ra một nền văn hiến riêng biệt. Đơn cử như trang phục Cỗn Miện, một bộ Cỗn phục dành cho thiên tử phải thêu đủ 12 chương, một chiếc mũ Miện dành cho thiên tử phải có đủ 12 lưu. Bộ Cỗn Miện của vua nhà Nguyễn có thể thấy qua các tư liệu tranh ảnh đều khớp với những quy chế cổ điển này, song các hoa văn, trang sức hay sự kết hợp các dạng phục sức đều có nhiều nét đặc sắc riêng biệt, không lẫn với bất kỳ vương triều nào của Trung Quốc hay Nhật Bản, Triều Tiên. Quy chế Cỗn Miện dành cho hoàng tử, vương công và bá quan nhà Nguyễn cũng tương tự như vậy.

1. (Việt) *Cuong mục*. Nguyễn văn: 十二月，初製文廟袞冕服。政府阮輝潤上言：聖人萬世帝王之師，向來文廟循用司寇冕服，非所以示崇重。乃命改用袞冕之服。文廟用王者服自此始。 “Bắt đầu chế trang phục Cỗn Miện thờ ở Văn Miếu. Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ dâng lời nói: ‘Đảng thánh nhân là thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng Miện phục của quan tư khấu, như thế không phải tỏ lòng tôn sùng’. Bèn hạ lệnh đổi dùng trang phục Cỗn Miện. Dùng trang phục của đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây.”

Miện mới được khôi phục, đồng thời được duy trì qua các đời vua Nhân Tông, Thánh Tông và Hiến Tông. Kể từ sau những chinh biến, động loạn cuối thời Lê sơ, và việc vua Lê Trung Hưng mất đi thực quyền, quy chế Cỗn Miện dành cho đế vương cũng dần bị phế bỏ. Đến tháng 12 năm 1755 thời vua Lê Hiển Tông, triều đình mới chế ra áo Cỗn mũ Miện làm loại áo mao thờ Khổng Tử trong Văn Miếu⁽¹⁾. Sau khi nhà Nguyễn thành lập, năm 1831 vua Minh Mạng lại tham khảo quy chế Tống - Minh đặt ra trang phục Cỗn Miện dành cho vua quan triều Nguyễn, đánh dấu sự hoàn bị về văn hiến áo mao của đế quốc Đại Nam.

Mỗi một triều đại phong kiến quân chủ, bắt kể triều Lý, Trần, Lê, Nguyễn tại Việt Nam, triều Tống, Minh tại Trung Quốc hay triều Cao Ly, Triều

a. Cỗn Miện 9 lưu 9 chương

九旒九章袞冕

Theo quy chế Lê phục tế Giao năm 1830, trang phục Cỗn Miện áp dụng cho hoàng tử và vương công triều Nguyễn là mũ Miện 9 lưu, Cỗn phục 9 chương. Quy chế mũ Miện 9 lưu được quy định: *Mũ làm bằng loại lông đuôi ngựa tết vòng ngoài, phía trên chụp ván gỗ (mộc bản) làm cốt, phía trước tròn, phía sau vuông, bên ngoài bọc bằng đoạn tor lót lĩnh màu đỏ. Trước sau đều có 9 dây lưu, mỗi lưu làm bằng dây tảo ngũ sắc, 9 tassel, xâu 9 ngọc. Trâm ngà dẫn dây hoàng màu huyền, rủ xuống dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng, tua ở dây hoàng màu son. Xung quanh miện bắn viền vàng, trổ hoa văn mây rủ. Mũ súc 1 bắc son vàng, 2 hoa vàng, 4 giao long vàng, 4 sợi kim tuyến, ở lỗ cài trâm (núu) cũng súc bằng vàng.*⁽¹⁾ Trên thực tế, thân mũ Miện của hoàng tử, vương công và các quan triều Nguyễn rất gần gũi với dáng mũ Phốc Đầu. Cũng chính vì có hình dạng mũ Phốc Đầu cho nên ở phần đỉnh mũ giao với miện bản vẫn có thể đính thêm trang sức bắc son.

Kết hợp với mũ Miện 9 lưu là Cỗn phục 9 chương. Trong đó:

“Áo 5 chương may bằng đoạn màu xanh đen, thêu chương Long ở vai, chương Sơn ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở hai ống tay áo. Cổ áo màu nhu màu áo (màu gốc).

Thường 4 chương làm bằng đoạn màu đỏ nhạt (Huân thường), thêu các



Cỗn Miện 9 lưu 9 chương của Vương công triều Nguyễn (BAVH); 1. Mũ Miện 9 lưu; 2. Bắc son vàng; 3. Hột ngà; 4. Áo Cỗn; 5. Té tất màu đỏ mặc lên trên thường màu đỏ nhạt; 6. Đại thụ màu đỏ nhạt, phía dưới nối với các tua ngũ sắc. 7. Ngọc bội. 8. Chương Phủ thêu trên thường. 9. Chương Phát hình chữ Á thêu trên thường.

1. (Việt) Hội điển - Q.78. Tr.19. Nguyễn văn: 南郊大禮，皇子諸公冕服，冠用馬尾輪結，上覆木版為質，前圓後方，表用絲緞，裏赤綾，前後各九旒。每旒五彩繡，九就，貫玉九。牙簪導玄紵，垂青纊。充耳承以玉瑱用白色，朱紱纓。其覆版周圍繞金，刻垂雲文。冠飾金博山一，金花二，金蛟四，金線四，貫簪處亦飾以金

chuong Tảo, Phấn mẽ, Phủ, Phật, mỗi chuong hai hình, phía trước 3 bức, phía sau 4 bức, các hình xen kẽ nhau.

Cỗ áo Trung đơn sa tráng thêu 9 hoa văn chuong Phật.

Tế tất làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chuong Hỏa và Sơn, bên trên có 2 chiếc móc bằng thau mạ vàng.

Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành (hình chiếc khánh), 2 ngọc cự (hình chữ nhật), các loại ngọc hoàng (hình bán nguyệt), xung nha (hình răng) trở lên đều dùng đồng mạ vàng, từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trân châu chất liệu ngọc (ngọc liệu châu), phía trên có móc thau mạ vàng.



Côn Miện 9 lưu 9 chuông. Tế tất và đại thụ đều thêu hai chuong Hỏa và Sơn. (BAVH).



Gia Hung vương mặc Côn Miện 9 lưu 9 chuông. (Ảnh: Trịnh Bách cung cấp).

Đại thụ phía trên làm bằng đoạn màu đỏ nhạt, thêu hai chuong Hỏa, Sơn; phía dưới nối với các tua ngũ sắc.

Đại đới phía trong màu son phía ngoài màu lục, nối với cách đới màu đỏ nhạt, 6 miếng đai hình vuông, quả trám súc phía trước, bè mặt đều khâm đồi mồi, viền vàng.

Võng cân, hia, bít tất đều nhu Triều phục.”⁽¹⁾



Vương công triều Nguyễn bồi té mặc Côn Miện 9 lưu 9 chuông. (BAVH).



1. (Việt) *Hội điển - Quyển 78. Tr.20-21. Nguyên văn: 衣五章, 用青色緞, 繡龍在肩, 山在背, 火、花蟲、尊彝在兩袖各三, 本色領。裳四章, 用纏色緞, 繡藻、粉米、黼、黻各二, 前三幅, 後四幅, 各相屬。白沙中草 (謬文。該為白紗中單) 青領, 繡黻文九。蔽膝纏色緞, 繡火、山二章, 上有鍍金鑰鈎二。佩玉二, 各珩一, 琔二。璜、衝牙以上均用銅質鍍金, 自珩而下, 繫組五貫以玉料珠, 上有鍍金鑰鈎。大綬上用纏色緞繡火、山二章, 其下繼以彩色垂纓。大帶裏表朱綠, 緣革帶纏色, 前飾方扁六, 均面璫瑁繞金。網巾竝鞚鞬均依朝服*

Côn phục 9 chuông của vua Triều Tiên. Long ở 2 vai, Sơn ở lưng, các chuong Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chuông 3 hình ở ống tay áo. (Hàn Quốc phục chế).

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ CỐN MIỆN 9 LƯU 9 CHƯƠNG CỦA
HOÀNG TỬ NHÀ NGUYỄN VIỆT NAM VỚI NHÀ MINH TRUNG QUỐC
(theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, *Minh hội điển*)

	Quy chế của nhà Nguyễn Việt Nam	Quy chế của nhà Minh Trung Quốc
Hoàng tử, vương công	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tassel, xâu 9 ngọc; trâm ngà, dây hoàng màu huyền đính tua màu đỏ; dây khoáng màu xanh, sung nhĩ chốt ngọc trấn màu trắng	-Mũ Miện: Miện bản trước tròn, sau vuông, phía trước và sau đều 9 lưu, mỗi lưu làm bằng tảo ngũ sắc, 9 tassel, xâu 9 ngọc ngũ sắc xen kẽ; trâm ngọc, ngọc hành, dây đầm màu huyền, dây khoáng màu xanh, sung nhĩ dùng ngọc xanh, dây hoàng màu đỏ, ngọc trấn màu trắng
	-Cỗn phục màu xanh, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở 2 vai, Son ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo	-Cỗn phục đen huyền, thêu 5 chương Sơn, Long, Hoa trùng, Tông di, Hỏa; Long ở hai vai, Son ở lưng, các chương Hỏa, Hoa trùng, Tông di mỗi chương 3 hình ở ống tay áo; cổ áo cùng màu với màu áo
	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mě, Phủ, Phật, mỗi chương 2 hình	-Thường màu đỏ nhạt: thêu 4 chương Tảo, Phấn mě, Phủ, Phật, mỗi chương 2 hình
	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, thêu 9 chương Phật	-Áo Trung đơn may bằng sa trắng, cổ áo màu xanh, thêu 11 chương Phật
	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 2 chương Hỏa và Sơn	-Tế tất màu đỏ nhạt, thêu 4 chương Tảo, Phấn mě, Phủ, Phật
	-Đại thụ phía trên thêu hai chương Hỏa, Sơn, phía dưới nối với tua ngũ sắc	-Đại thụ 4 màu đính tiểu thụ 3 màu kết 2 ngọc hoàn ở giữa
	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 2 ngọc cự; các loại ngọc hoàng, xung nha trở lên đều dùng đồng mạ vàng; từ ngọc hành trở xuống thắt với năm dây chập xâu với trân châu chất liệu ngọc, phía trên có móc thau mạ vàng	-Ngọc bội 2 dải, mỗi dải 1 ngọc hành, 1 ngọc vũ, 1 ngọc cự, 1 xung nha, 2 ngọc hoàng, dưới ngọc vũ rủ 1 ngọc hoa, 2 ngọc đích; từ ngọc hành trở xuống, thắt với 5 tua, xâu ngọc châu; phía trên có móc vàng
	-Cách đói màu đỏ nhạt, viền vàng	-Cách đói có móc vàng
	-Tất phía trên gắn hộ tất, may bằng gấm, hia đầu vuông màu đen	-Tất trắng, giày Tích đỏ

b. Cốn Miện 6 lưu 5 chương, 4 lưu 3 chương

六旒五章及四旒三章袞冕

Theo quy chế Cốn Miện của nhà Minh, Hoàng đế mặc Cốn Miện 12 lưu 12 chương, hoàng tử, vương công mặc Cốn Miện 9 lưu 9 chương, quận vương mặc Cốn Miện 7 lưu 7 chương, bá quan văn võ từ nhất phẩm trở xuống đều mặc Triều phục Lương Quan làm lễ, không được mặc Cốn Miện.



Cốn Miện 6 Lưu 5 Chương và 4 Lưu 3 Chương của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

Tuy nhiên, theo quy chế của nhà Nguyễn, các quan từ chính nhị phẩm trở lên được mặc Cốn Miện 6 lưu 5 chương, các quan văn tòng nhị phẩm và chính tam phẩm được mặc Cốn Miện 4 lưu 3 chương⁽¹⁾. Đây lại là quy chế Thuế Miện và Hy Miện áp dụng cho các quan nhà Tống. *Tống sử* ghi nhận: “Thuế Miện 6 lưu, áo 3 chương, thêu Hổ dũng di (tức Tông di), Tảo, Phấn mě. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phật [...] các chức thị lang của sáu bộ được mặc; Hy Miện 4 lưu, áo 1 chương, thêu Phấn mě. Thường 2 chương, thêu Phủ, Phật [...] Các chức quang lộc khanh, giám sát ngự sử, độc sách quan, cử sách quan, phân hiến quan trở lên được mặc.”⁽²⁾

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48-50. Nguyên văn: 郊壇執事冕服正二品以上冕冠前後各六旒，每旒五彩繡，六就，貫用玉料珠六。其覆版周圍繞銅，刻垂雲文鍍金。冠飾金博山，上金蛟各二，金綫一，貫簪處亦飾以金，餘均依皇子諸公冕制。青衣三章，繡粉米二在肩、一在背，藻、尊彝在兩袖各三，本色領。纏裳二章，繡黼黻各二。白沙中草青領繡黻文七。蔽膝竝大綬均繡山一章。玉佩貫以三彩草珠，餘均依皇子諸公佩綬體制。大綬表裏白羅在腰無緣，其垂處緣綠。帶纏色，前飾方扁六，均面嵌瓊瑣，繞銅鍍金。文班從二品、正三品，冕冠前後各四旒。每旒五彩繡，四就，貫二彩草珠四，均依正二品制，惟省金蛟二。青衣一章，繡粉米二在肩、一在背，又在兩袖各二，本色領。纏裳二章，繡黼黻各二。中草竝蔽膝、玉佩、大綬、大帶均依正二品之制。

2. (Trung) *Tống sử*. Q.152 Chí. Đệ nhất bách ngũ. *Dụ phục Tứ*. Nguyên văn: 翦冕：六玉，三采，衣三章，繪虎鷩彝、藻、粉米；裳二章，繡黼、黻[...]六部侍郎以上服之；緜冕：四玉，二采，朱、

Như vậy, một cách tổng quan có thể thấy quy chế Cổn Miện của nhà Nguyễn đã tham khảo từ hai nguồn chính là quy chế nhà Tống và nhà Minh, khớp với lời nhận định có phần khoa trương của triều thần Lý Văn Phúc “*Dai rộng mũ cao, ấy y phục Tống Minh vậy.*” Trong đó, Cổn Miện 9 lưu 9 chương được tham khảo từ quy chế Minh, còn Cổn Miện 6 lưu 5 chương và 4 lưu 3 chương được tham khảo từ quy chế Tống. Dĩ nhiên, như chúng tôi đã đề cập, toàn bộ kiểu dáng hoa văn, trang sức, cũng như sự kết hợp giữa các phục sức (Thường, Kế y, đại thụ, tế tất, đại đới v.v.) trong bộ Cổn phục của Việt Nam không rập khuôn theo tỉ lệ 1:1 so với quy chế cổ của Trung Quốc. Tình hình này cũng xảy ra tương tự ở Triều Tiên. So sánh sự bố trí hoa văn Hỏa, Hoa trùng, Tông di trên áo Cổn 9 chương của vua Triều Tiên với áo Cổn 9 chương của vương công triều Nguyễn, có thể thấy được sự đại đồng tiểu dị này.



Cổn Miện 4 lưu 3 chương của Quan Văn Tòng Nhị phẩm và Chính Tam phẩm. (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

绿。衣一章繪粉米，裳二章，綉黼、黻[...]光祿卿、監察御史、讀冊官、舉冊官、分獻官以上服之



Trang phục Hoàng đế và Hoàng thân triều Nguyễn mặc khi tế Giao do Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902 (*Hoàng phái sắc phục tự thiền tử chí tôn thất*) chỉ là dạng trang phục vẽ theo trí tưởng tượng của họa sĩ. Có lẽ do Nguyễn Văn Nhân chưa được chứng kiến lễ tế Nam Giao để tận mắt thấy Cổn Miện.

QUY CHẾ CỔN MIỆN CỦA CÁC QUAN NHÀ NGUYỄN

(theo *Hội điển*)

Cổn Miện 6 lưu 5 chương <i>Các quan chính nhị phẩm trở lên</i>	Cổn Miện 4 lưu 3 chương <i>Quan văn tòng nhị phẩm và Chính tam phẩm</i>
Mũ Miện trước và sau đều có 6 lưu, mỗi lưu 5 dây thái thảo, 6 tựu, xâu bởi 6 hạt châu chất liêu ngọc; xung quanh miện bắn quấn đồng khắc hoa văn mây rủ; mũ mạ vàng súc bắc son vàng, 2 giao long vàng, 1 kim tuyến, ở chõ cài trâm cũng súc bằng vàng, còn lại đều theo quy chế Miện phục của hoàng tử và vương công	Mũ Miện phía trước và sau đều 4 lưu, mỗi lưu 5 thái thảo, 4 tựu, xâu 4 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế của quan chính nhị phẩm; riêng lược bồ đi 2 hình giao long vàng
Áo xanh 3 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai 1 hình ở lưng; Tảo, Tông di ở hai tay áo, mỗi chương 3 hình; cổ áo như màu áo	Áo xanh 1 chương thêu Phấn mẽ 2 hình ở vai, 1 hình ở lưng, ở hai ống tay áo cũng lại thêu mỗi bên 2 hình;
Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu Phủ, Phất mỗi chương 2 hình; cổ áo Trung Đơn làm bằng sa trắng thêu 7 hình Phất	Thường màu đỏ nhạt 2 chương, thêu 2 hình Phủ và 2 hình Phất
Tế tất và đại thụ đều thêu chương Sơn. Đại thụ trong và ngoài đều làm bằng lụa trắng, ở phần eo không có viền, ở chõ rủ xuống viền màu lục. Ngọc bội xâu bởi 3 viên ngọc châu thái thảo, còn lại đều theo quy chế bội, thụ của hoàng tử và các vương công. Đại màu đỏ nhạt, mặt trước súc 6 miếng gồm hình vuông lẩn hình quả trám, bề mặt đều khảm đồi mồi, viền đồng mạ vàng	

1.2. Lễ phục Tịch điền

Tịch điền là một trong những buổi lễ quan trọng của các nước nông nghiệp. Ít nhất từ năm 987, vua Lê Đại Hành đã “lần đầu cày ruộng Tịch điền”. Tuy nhiên, do sự khuất lấp của sử liệu, chúng ta hiện không thể biết được loại trang phục sử dụng vào dịp lễ Tịch điền của vua quan các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê. Song chúng tôi nghe rằng, Lễ phục Tịch điền của các triều đại trước đây có lẽ không nằm ngoài các bộ Triều phục và Thường phục, có chăng xuất hiện một vài biến cách nhỏ tương tự như quy chế của triều Nguyễn.

Đối với quy chế Lễ phục Tịch điền của vua quan triều Nguyễn, *Hội điển* ghi nhận, Lễ phục của hoàng đế là mũ Cửu Long Đường Cân kết hợp với Long bào hẹp tay màu vàng. Năm 1827, Lễ phục Tịch điền của các quan văn võ chấp sự được quy định là “áo Thái bào hẹp tay màu lam. Quan võ đội mũ Hổ Đầu, quan văn đội mũ Văn Công, mũ Xuân Thu. Bát, cửu phẩm đội Anh Cân, áo Thái y hẹp tay. Dai lung lụa màu lam”⁽¹⁾; năm 1849, Lễ phục Tịch điền của hoàng tử và các vương công được quy định là “mũ Kim Quan, áo Thái bào hẹp tay màu đỏ.”⁽²⁾ Trong đó, mũ Cửu Long Đường Cân, mũ Hổ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân là mũ Thường phục của vua và văn võ bá quan; mũ Kim Quan là mũ Triều phục của hoàng tử và thân vương. Có điều, khác với quy chế Thường phục Bố tử, Lễ phục Tịch điền của vua quan nhà Nguyễn là sự kết hợp giữa mũ Thường phục và các loại áo Thái bào, Thái y hẹp tay, tức loại áo được thêu hoa văn sặc sỡ, tương tự như áo bào Triều phục.

Quy chế cụ thể của các loại mũ Hổ Đầu, Văn Công, Xuân Thu, Anh Cân, Kim Quan chúng tôi sẽ tiếp tục trình bày ở phần sau.



Thường phục và Triều phục của các quan triều Nguyễn. (BAVH).

2. Triều phục

Theo quy chế Triều phục năm 1500 thời vua Lê Hiển Tông, bá quan nhât loạt đội mũ Phốc Đầu kết hợp với Bố phục. Vào thời Nguyễn, mũ Phốc Đầu vẫn được áp dụng làm mũ Triều phục cho văn võ bá quan, song được phân làm ba loại: mũ Phốc Đầu dáng tròn dành cho quan văn, mũ Phốc Đầu dáng vuông dành cho quan võ và mũ Phốc Đầu đính thêm 2 sừng bạc gọi là mũ Giải Trãi áp dụng cho Pháp quan (các quan thực thi pháp luật và ngự sử). Mũ Triều phục của hoàng thân, thân vương nhà Nguyễn chủ yếu có ba loại: mũ Bình Đính, mũ Kim Quan và mũ Phốc Đầu vuông.

Ngoài ra, vào thời Nguyễn, quy chế Bố tử Triều phục thời Lê Trung Hung được thay đổi, quay trở lại làm Thường phục như quy chế triều Lê sơ và triều Minh. Song đối với các chức quan lục phẩm, thất phẩm, áo bào Triều phục vẫn sử dụng Bố phục kết hợp với mũ Phốc Đầu. Riêng áo bào Triều phục của các quan từ nhất phẩm đến ngũ phẩm lần lượt được phân biệt là các loại Mãng bào (*còn gọi là áo bào Tú linh, thêu hình long, lân, quy, phượng*), Giao bào (*áo bào giao long*) và Hoa bào (*áo bào hoa*).

a. Thất Long Đường Cân 七龍唐巾

Năm 1811, Triều phục của hoàng thái tử được quy định, “mũ dùng Thất Long Đường Cân súc vàng và ngọc châu. Áo bào rồng ố màu đỏ sẫm. Thường thêu rồng 5 móng. Dai súc vàng trổ rồng.”⁽¹⁾ Loại mũ Triều phục Thất Long Đường Cân của hoàng thái tử có kiểu dáng tương tự mũ Thường triều Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự giảm. Bức ảnh vua Bảo Đại



Vua Bảo Đại khi còn là Hoàng thái tử và Hoàng thái tử Bảo Long mặc Triều phục.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.48. Nguyên văn: 明命八年議準文武官充耤田從耕執事藍色狹袖彩袍。武官虎頭帽, 文文公、春秋帽。八九品英巾狹袖彩衣, 藍帛腰帶

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 耒田從耕皇子諸公品服, 冠用金冠, 袍用赤色狹袖彩袍

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.17. Nguyên văn: 皇太子大朝品服冠用唐巾七龍金珠飾。袍用盤龍袍大赤色。裳繡五爪龍。帶金飾雕龍



Long bào cổ tròn, màu đỏ sẫm (Đại Xích) của vua Đồng Khánh khi còn làm Hoàng Thái tử.

khi còn là Hoàng thái tử và bức ảnh Hoàng thái tử Bảo Long trong lễ tấn phong đều thể hiện bộ Triều phục này.

b. Bình Dính (Bình Thiên) 平頂冠

Năm 1816, Triều phục của các vị hoàng tử, hoàng tôn, công tử được quy định, “*mũ dùng mũ Bình Thiên súc vàng và ngọc châu. Áo bào dùng Măng bào cổ tròn, màu đỏ sẫm. Thuồng thêu rồng 4 móng. Dai súc vàng rồng 4 móng.*”⁽¹⁾ Tuy nhiên 16 năm sau, vua Minh Mạng ra lời dụ, quy định đổi tên mũ Bình Thiên thành mũ Bình Dính vì cho rằng tên Bình Thiên là tên nôm na không được điển nhã, vả lại hai chữ Bình Thiên cũng không phải từ dành cho phận bè tôi⁽²⁾, đồng thời quy định, mũ Bình Dính là mũ Triều phục áp dụng cho hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quân công.



Tuy Lý vương Miên Trinh và Hoàng Hóa Quận vương Miên Triệu đội mũ Bình Dính (BAVH).

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.19. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇子大朝冠用平天冠金珠飾。袍用盤領蟒袍大赤色。裳繡四爪龍。帶金飾四爪龍。Tr.36. Nguyên văn: 嘉隆十五年議準皇孫、公子大朝冠用平頂冠金珠飾。

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.21. Nguyên văn: 諭向來皇子諸公所戴之冠俗稱為平天冠，頗平天二字非臣子之所應有，殊覺未雅。茲著名為平頂冠。

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC BÌNH ĐÍNH NĂM 1845

(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân vương, quận vương	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước thân công, quốc công
Mũ Bình Dính	6 hoa vàng, 6 rồng, (?) giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiễu tuyến, 4 hình cổ đồ và 4 thùy văn, đỉnh mũ trổ 2 hình long văn, bao đỉnh trổ 4 hình long văn, 28 biên bao	4 hoa vàng, 4 rồng, 2 giao long, 24 vân khí, 10 ngọn lửa, 4 nhiễu tuyến, 2 hình cổ đồ và 2 thùy văn, đỉnh mũ trổ 2 hình long văn, bao đỉnh trổ 4 hình long văn, 28 biên bao
Áo bào	Áo bào Đại vân màu đỏ sẫm làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	Áo bào Tú linh màu đại xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim
Đai	Trước sau có 18 miếng, bề mặt trổ hình mäng khảm vàng, các miếng đai đều bọc vàng	Phải trái trước sau 18 miếng; đai của thân công bề mặt trổ hình kỳ lân khảm vàng, đều bọc vàng; đai của quốc công miếng chính giữa ở phía trước trổ hình kỳ lân khảm vàng, 4 miếng hình dẹt ở bên phải và trái bề mặt trổ hình hoa khảm vàng, 13 miếng còn lại bề mặt khảm gương, các miếng đai xen kẽ nhau, đều bọc vàng
Thuồng	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	



Mũ Kim quan. 1. Mũ trong chân dung Tùng thiện vương Miên Thẩm (mũi tên đỏ: Bác Sơn vàng); 2, 4. Mũ lưu giữ tại Bảo tàng Quân sự Pháp (Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Mũ lưu giữ tại BTLSVN (Ảnh: TQĐ). Đồ giải: 1. Hậu xí; 2. Hỗn kỳ; 3. Hỗ Nhĩ; 4. Giao long; 5. Vân khí; 6. Hoa; 7. Thùy văn.

c. Kim Quan 金冠

Theo *Hội điển*, mũ Kim Quan kết hợp với áo bào Tứ linh màu đỏ là Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện hầu và hương hầu.



Tùng Thiện vương Miên Thẩm (1819 - 1870), đội mũ Kim Quan; Quốc cữu triều Nguyễn làm chủ hôn trong đám cưới của công chúa, đội mũ Kim quan. (BAVH).

QUY CHẾ MŨ KIM QUAN NĂM 1845

(theo *Hội điển*)

	Hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công	Hoàng tử, hoàng thân được phong hương công, huyện hầu, hương hầu
Mũ Kim Quan	Sức 2 bá son vàng, phía trước và sau 3 hoa vàng, phía trước 4 giao long vàng, trên đỉnh 2 hình mây, 1 hậu xí (cánh sau), 1 hổ kỳ (bờm hổ), 2 hổ nhĩ (tai hổ), 6 vân khí, đỉnh mũ trổ 1 thùy văn, 4 ngọn lửa, đều kết chuỗi hạt giả chu	Sức 2 bá son vàng, trước và sau 2 hoa vàng, còn lại giống hoàng tử, thân vương được phong huyện công
Áo bào	Áo bào Tứ linh màu hoa xích làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim	
Dai	Miếng chính giữa ở phía trước trổ hình kỳ lân khảm vàng, 17 miếng còn lại bề mặt khảm guong, đeo bọc vàng	
Thường	Làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình kỳ lân	

d. Phốc Đầu 帽頭冠

Mũ Phốc Đầu được áp dụng rộng rãi làm mũ Triều phục cho bá quan văn võ và một số vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất triều Nguyễn. Trong đó, mũ Phốc Đầu tròn được quy định là mũ Triều phục của quan văn, mũ Phốc Đầu vuông là mũ Triều phục của quan võ (ngoại trừ quan bát, cửu phẩm)⁽¹⁾, đồng thời cũng là mũ Triều phục của các vị tôn thất được phong tước *thân vương, quận vương, thân công, quốc công, quận công, huyện công, hương công, huyện hầu, hương hầu, các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất* được phong tước *kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy, phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang*⁽²⁾. Ngoài ra, loại mũ Phốc Đầu được đính hai sừng bạc ở trang sức bá son, gọi là mũ Giải Trãi, là mũ Triều phục của đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chưởng ấn⁽³⁾.

Quy chế Triều phục Phốc Đầu của bá quan triều Nguyễn được đặt định lần đầu tiên vào năm 1804 thời vua Gia Long, được chỉnh sửa vào năm 1845 thời vua Thiệu Trị. Quy chế năm 1845, về cơ bản tương tự quy chế



Mũ Phốc Đầu tròn, mũ Phốc Đầu vuông, mũ Giải Trãi. (BAVH).



Hiện vật mũ Phốc Đầu vuông của quan võ Nhất phẩm triều Nguyễn (bộ sưu tập cá nhân).

Trang sức: 1. Bác sơn (còn gọi là khóa kiều); 2. Hoa; 3. Giao long; 4. Ngạch tường; 5. Khóa giản (còn gọi là hốt); 6. Như ý; 7. Nhiễu tuyến.



Trang sức mũ Phốc Đầu. 1. Bác sơn vàng – khóa kiều vàng; 2. Cánh chuồn viền bọc vàng, đầu súc vàng, bề mặt đính giao long vàng; 3. Giao long vàng; 4. Khóa giản vàng – Hốt vàng.

1. (Việt) *Đại Nam điển lệ toát yếu*. Nguyên văn: 文大朝冠自一品至七品均用圓幞頭，武用方幞

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.25-31.

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.56-57.

năm 1804, song tên gọi của một số loại trang sức và số lượng trang sức trên mũ có sự thay đổi. Như thời Gia Long, trang sức bắc son được gọi là khóa kiều, hốt (trang sức trên mũ) được gọi là khóa giản v.v. Ngoài ra, từ năm 1845 trở về sau, chỉ có các quan từ lục phẩm trở lên mới được mặc Triều phục.

**BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ TRANG SỨC MŨ PHỐC ĐẦU
NĂM 1804 VÀ NĂM 1845**
(theo Hội điển)

Bá quan	Quy chế năm 1804	Quy chế năm 1845
Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)	<p>-<i>Phốc Đầu tròn</i>: 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng</p> <p>-<i>Phốc Đầu vuông</i>: 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng 5 phân; còn lại như trên</p>	<p><i>Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương</i></p> <p>1 bắc son vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trổ hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng vờn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p>
		<p><i>Tôn thất được phong tước thân công, quốc công</i></p> <p>Như trên, riêng ngạch tường cao 3 phân trổ hình hoa; hai cánh chuồn súc giao long vàng, đầu cánh chuồn không súc vàng là khác biệt</p>
	<p><i>Tôn thất được phong tước quận công, huyện công</i></p>	<p>Như tôn thất được phong tước thân công, quốc công, nhưng không có ngạch tường</p>
	<p><i>Tôn thất được phong hương công, huyện hầu, hương hầu</i></p>	<p>So với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vuông lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang súc giao long vàng</p>

		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	1 bắc son bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 nhu ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phung quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	1 bắc son bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 nhu ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc
		<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phung quốc lang</i>	Trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 nhu ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc.
Chính tòng nhất phẩm		<p>-<i>Chính nhất phẩm</i>: như quan trên nhất phẩm (1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long bờn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-<i>Tòng nhất phẩm</i>: như chính nhất phẩm; riêng ngạch tường cao 3 phân, trổ hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không súc vàng</p>	<p>-<i>Chính nhất phẩm</i>: 1 bắc son vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trổ hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long bờn ngọc bằng vàng, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-<i>Tòng nhất phẩm</i>: như chính nhất phẩm; riêng ngạch tường cao 3 phân, trổ hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không súc vàng</p>
Chính tòng nhị phẩm		<p><i>Chính nhị phẩm</i>: 1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng</p> <p>-<i>Tòng nhị phẩm</i>: như chính nhị phẩm; riêng bỏ trang súc giao long ở mặt mũ</p>	<p>-<i>Chính nhị phẩm</i>: 1 bắc son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-<i>Tòng nhị phẩm</i>: như chính nhị phẩm; riêng bỏ trang súc giao long ở mặt mũ</p>
Chính tòng tam phẩm		<p><i>Chính tam phẩm</i>: 1 bắc son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng; 2 giao long vàng; 2 cánh chuồn viền bọc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-<i>Tòng tam phẩm</i>: như chính tam phẩm; riêng bỏ 2 giao long vàng</p>	<p>-<i>Chính tam phẩm</i>: 1 bắc son vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước phía sau đều có 1 hoa vàng; 2 giao long vàng; 2 cánh chuồn viền bọc vàng; 2 nhu ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng</p> <p>-<i>Tòng tam phẩm</i>: như chính tam phẩm; riêng bỏ 2 giao long vàng</p>

<i>Chính tòng tú phẩm</i>	1 khóa kiều bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng	1 bắc son bạc; 2 khóa giản vàng; phía trước và sau đều 1 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng; 2 như ý bạc; 2 nhiêu tuyến bạc
<i>Chính tòng ngũ phẩm</i>	1 khóa kiều bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	1 bắc son bạc; 2 khóa giản bạc; phía trước và sau đều 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 như ý bạc; 2 nhiêu tuyến bạc
<i>Chính tòng lục phẩm</i>	Hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	Phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 như ý bạc, 2 nhiêu tuyến bạc
<i>Chính tòng thất phẩm</i>	Hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viền tròn	

e. Bào phục

Quy chế Triều phục mǔ Phố Đầu kết hợp với Bổ phục thời Lê Trung Hưng vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các chức quan ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Bên cạnh đó, quy chế triều Nguyễn quy định: các quan nhất, nhị, tam phẩm mặc Māng bào; quan tú phẩm theo quy chế năm 1804 mặc Hoa bào, từ năm 1845 trở về sau đổi sang mặc Giao bào.

Về sắc phục của áo bào Đại Triều, theo *Hội điển*, quy chế năm 1804 quy định, áo bào Triều phục dành cho các quan trên nhất phẩm là Māng bào cổ tròn màu tía, từ nhất phẩm trở xuống, các màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy nghi. Quy chế này được sửa đổi vào năm 1845, lúc này các quan từ Tam phẩm trở lên đều mặc Māng bào, trong đó quan trên nhất phẩm mặc màu tía, quan chính nhất phẩm mặc màu cổ đồng, tòng nhất phẩm mặc màu thiên thanh, chính nhị phẩm mặc màu cam bích, tòng nhị phẩm mặc màu quan lục, chính tam phẩm mặc màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Quan tú phẩm mặc Giao



Quan ngũ phẩm triều Nguyễn mặc Triều phục. (Ảnh: Nguyễn Giang).



Võng cân, lưới bọc tóc, đai, hót, Hia. (BAVH).

bào màu quan lục. Quan ngũ phẩm mặc Bổ phục Vân nhạn màu bảo lam, áo bào làm bằng trùu thêu hoa. Quan lục phẩm mặc Bổ phục Bạch nhàn màu ngọc lam, áo làm bằng trùu bóng không thêu hoa.

Nam phuong danh vật bị khảo chép:

“Māng bào là áo Đại triều của các quan từ tam phẩm trở lên, thêu hình māng. Quan chính nhất phẩm màu đồng hồng, tòng nhất phẩm màu xanh, chính nhị phẩm màu biếc, tòng nhị phẩm màu lục, chính tam phẩm màu bảo lam, tòng tam phẩm màu ngọc lam. Giao bào là áo Đại triều của quan tú phẩm, thêu hình giao long. Lam bào là áo Đại triều của quan ngũ phẩm và lục phẩm, áo của quan ngũ phẩm thêu thêm hoa. Hoa bào là áo vua ban cho các vị tam khôi. Lục bào là áo vua ban cho tiến sĩ.”⁽¹⁾

bào là áo Đại triều của quan ngũ phẩm và lục phẩm, áo của quan ngũ phẩm thêu thêm hoa. Hoa bào là áo vua ban cho các vị tam khôi. Lục bào là áo vua ban cho tiến sĩ.”⁽¹⁾

Tại Trung Quốc, Māng bào xuất hiện từ thời Minh, được gọi là Māng y hoặc Māng phục, nếu không được vua đặc ban, bá quan không được sử dụng. Vào thời Thanh, Māng bào được sử dụng làm Lễ phục cho hoàng tử, thân vương và văn võ bá quan, phần nhiều được dùng trong các dịp lễ tết lớn như lễ Vạn Thọ, Tết Thuận Nguyên và Tết Nguyên Đán v.v.

Khâm định Đại Thanh hội điển cho biết: “Māng bào, màu lam và màu thạch thanh cho được tùy nghi sử dụng, viền vàng. Thân vương, quận vương thường dùng áo bào thêu 9 hình māng.



Māng bào rồng mây sóng nước dành cho Hoàng tử triều Thanh (*Thanh Hội Điển*).

1. (Việt) *Nam phuong danh vật bị khảo - Thượng - Phục dung mòn*. Nguyên văn: 蟒袍：今三品以上大朝衣繡蟒。正一銅紅，從一青，正二碧，從二綠，正三寶藍，從三玉藍。蛟袍：今四品以上朝衣繡蛟。藍袍：今大品以上朝衣，五品加花。花袍：今三魁賜衣。綠袍：今進士賜衣。



Mặt trước và mặt sau của Măng bào và Hoa bào triều Nguyễn. (BAVH).

móng. Quan văn võ thắt, bát, cửu phẩm, quan vị nhập lưu dùng áo bào
thêu 5 hình mäng bốn móng. Vật áo, tôn thắt, thân vương trỏ xuống đều xé
bốn vật, bá quan văn võ chỉ xé hai vật trước sau.”⁽¹⁾ Tại Việt Nam, quy chế
Mäng bào được áp dụng làm Triều phục cho bá quan văn võ Đàng Trong
kể từ năm 1744 sau cải cách của chúa Nguyễn Phúc Khoát. *Đại Nam thực
lục* ghi: “Chúa [...] châm chước chế độ các đời, định Triều phục văn võ. Văn
tù quản bộ đến chiêm hậu, huấn đạo, võ tù chưởng dinh đến cai đội, mũ
súc vàng bạc, áo dùng
Mäng bào hoặc gấm
đoạn theo cấp bậc.”⁽²⁾
Lê Quý Đôn cũng ghi
nhận sau cải cách này,
các quan Đàng Trong
“dùng Mäng bào thủy
ba (hoa văn sóng nước), mũ
mão dùng vàng bạc
trang sức”⁽³⁾.



Māng bào triều
Nguyễn nghìn chung

1. (Trung) *Khâm định Đại Thanh hội điển* - Q.47. Nguyên văn: 蟒袍，藍及石青諸色隨所用，片金緣。親王、郡王，通繡九蟒。貝勒以下至文武三品官、郡君額駙、奉國將軍、一等侍衛，皆九蟒四爪。文武四五六品官、奉恩將軍、縣君額駙、二等侍衛以下，八蟒四爪。文武七八九品、未入流官，五蟒四爪。裾，宗室親王以下皆四開，文武官前後開。

2. (Việt) *Đại Nam thực lục*, Tập I, Tr.153.

3. (Việt) *Phủ biên tạp lục*. Nguyên văn: 貴者用蟒袍水波，其帽飾以金銀

Bối lặc trở xuống tới các
quận văn võ tam phẩm,
quận quân ngạch phò,
phụng quốc tướng quân,
nhất đẳng thị vệ đều dùng
áo bào thêu 9 hình mäng
bốn móng. Quận văn võ
tú, ngũ, lục phẩm, phụng
ân tướng quân, huyện
quân ngạch phò, nhị đẳng
thị vệ trở xuống dùng áo
bao thêu 8 hình mäng bốn

đã tham khảo bối cục rồng mây, sóng nước của Māng bào Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu Thanh. Tuy nhiên, Māng bào của bá quan triều Nguyễn còn được thêu hình phượng, kỳ lân và rùa, đồng thời có tên gọi là áo bào Tú linh. Năm 1832 vua Minh Mạng ra chỉ dụ, “*xưa nay áo bào của quan tam phẩm trở lên, tục gọi là áo bào Tú linh, có hình rồng nằm trong số đó [...] cách gọi nhu vậy đều không phù hợp, bởi hình phượng, lân, rùa chỉ là hình phụ họa mà thôi, chỉ cần gọi Māng bào là được.*”⁽¹⁾ Mặt khác, trên lưng áo bào triều Nguyễn còn bảo lưu hai cánh lá phú hậu thời Minh (nhà Lê Trung Hưng cũng mô phỏng dạng thức

này), phụ kiện này không xuất hiện trên áo bào của các quan nhà Thanh Trung Quốc.

Ngoài ra, khác với quy chế áo mao thời Lê Trung Hưng, bất kể Cổn phục, Lễ phục, Triều phục hay Thường phục của vua quan triều Nguyễn đều phối với thường - Kế y, một dạng xiêm áo mặc lót bên trong



Xiêm - thường của quan triều Nguyễn.

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 諭向來三品以上袍俗呼四靈袍則龍在其中[...]均屬不合。鳳、麟、龜係是附和，只須名為蟒袍。



Hiện vật Mäng bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hiện vật Mäng bào (Ảnh: Philippe Trương), Giao bào triều Nguyễn (Ảnh: Trịnh Bách).



Hoàng phái sắc phục tự thiên tử chí tôn thát (Nguyễn Văn Nhân vẽ năm 1902). Ảnh 1: Hoàng đế, thái giám, hiệp lịnh thị vệ mặc Triều phục. Ảnh 2: Quan văn Chính nhất phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Mãng bào.

Ảnh 3: Hoàng thân mặc Triều phục mũ Kim Quan - Mãng bào. Ảnh 4: Quan văn Chính, Tòng Ngũ phẩm mặc Triều phục Phúc Đầu - Hoa bào (Theo *Hội điển* và tư liệu ảnh chụp chúng tôi có, quan Ngũ phẩm không mặc Hoa bào mà mặc Bồ phục. Hoa bào chỉ dành cho các vị đồ Tam khôi).

áo bào. Tuy nhiên, thường của vua quan nhà Nguyễn khác với loại thường Tiện phục được sử dụng phổ biến thời Lý - Trần. Thường thời Lý - Trần là loại váy quây màu đen gấp nếp, còn thường thời Nguyễn gắn với áo cộc tay cổ tròn, đồng thời được thêu lênh vô số hoa văn mây nước, cổ đồ, bát bảo và linh thú. Đây có thể coi là quy chế trang phục mặc lót độc đáo của riêng triều Nguyễn.



Bá quan nhà Nguyễn trong buổi chầu Thường triều.

3. Thường phục

Quy chế Triều phục của bá quan nhà Nguyễn được đặt định dựa trên hai nguồn tham khảo chính là quy chế Bổ phục của triều Lê Trung Hưng và kiểu dáng Mäng bào của Trung Quốc giai đoạn cuối Minh đầu

Thanh. Còn trong quy chế Thường phục, triều đình nhà Nguyễn tiếp tục kết hợp quy chế Bổ phục của triều Lê Trung Hưng với quy chế Bổ phục của nhà Minh, song song với việc đặt định một số dạng mũ mao độc đáo như mũ Văn Công, Hổ Đầu, Đông Pha, Xuân Thu v.v. Đặc biệt, Bổ phục của nhà Lê và nhà Minh là dạng áo bào đoàn lĩnh cổ tròn gắn Bổ tử, nhà Nguyễn đã kế thừa một phần quy chế này áp dụng làm Triều phục cho các quan ngũ, lục, thất phẩm. Quy chế Thường phục lại quy định Bổ Tử đính lên áo giao lĩnh.

3.1. Quy chế mũ mao

a. Mũ Văn Công 文公冠



Mũ Văn Công (BAVH); Quan văn mặc Thường phục Văn Công. (Việt Nam qua tranh khắc).

1. (Việt) Đại Nam điển lệ toát yếu. Nguyên văn: 文以下至三品同常朝冠，文用文公，絕金飭。兩縷飭金



Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài (BAVH). Quan văn Lục phẩm đội mũ Đông Pha.

chính là loại mũ được các quan triều Tây Sơn sử dụng từ thế kỷ XVIII qua lời ghi nhận của văn thần Triều Tiên Kim Chính Trung.

Kết hợp với mũ Văn Công là Bổ phục giao lĩnh. Trong đó, áo giao lĩnh được làm bằng sa, đoạn, các màu xanh, lục, lam, đen được tùy nghi, riêng cổ áo trắng⁽¹⁾. Bổ tử dành cho quan nhất, nhị phẩm là Tiên hạc, Bổ tử của quan tam phẩm là Cẩm kê. Thường, hia và tất tương tự quy chế Đại triều.

b. Mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cân 東坡巾、文秀才巾、風巾

Nam phuong danh vật bị khảo chỉ rõ: "Mũ Đông Pha là mũ Thường triều của quan văn lục phẩm trở lên, mũ Văn Tú Tài là mũ Thường triều của quan văn cửu phẩm trở lên."⁽²⁾ Theo Hội điển, mũ Văn Tú Tài còn được áp dụng làm mũ Thường phục cho quan võ tòng thất phẩm, tòng bát phẩm và tòng cửu phẩm (quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính).

Quan văn chưa nhập lưu được quy định đội mũ Phong Cân. Đây cũng chính là mũ Lê phục của dân gian, áp dụng cho thú dân sau khi tròn 20 tuổi, có tính chất tương tự như loại mũ Ô Sa đơn dạng của triều Lê Trung Hưng. Quốc sử di biên ghi nhận, "văn giai chưa nhập lưu, sĩ tử thi đỗ, hoặc mãn đại nhiêu học, hoặc sáu năm nhiêu học, mũ dùng Phong Cân, trước sau mũ thêu hoa bạc đều một cái, mặc theo 'thân phận' mình, áo giao lĩnh, sa đoạn các sắc xanh, lục, lam, đen, không Bổ tử. Thú dân chưa làm



"Làm mũ Tú Tài" (Kỹ thuật của người An Nam).

花, 嵌珠. (Việt) Nam phuong danh vật bị khảo. Nguyên văn: 文公帽: 今文三品以上常朝冠

1. (Việt) Hội điển - Q.78 - Văn võ quan phục. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞, 青綠藍黑隨用

2. (Việt) Nam phuong danh vật bị khảo. Nguyên văn: 東坡巾今文六品以上常朝冠。文秀才巾今文九品以上常朝冠



Các chức sắc trong làng mặc Lễ phục Phong Cân, Quan văn Ngũ phẩm mặc Thường triều phục Đông Pha. (Ảnh: Albert Kahn).

quan: phàm có việc nghi lễ gia quan, mũ dùng Phong Cân sắc đen, không thêu hoa, áo dùng áo giao lĩnh màu thâm, giày, tất đều màu đen.⁽¹⁾ Loại mũ Phong Cân trong dân gian vẫn được gọi là mũ Tú Tài. *Đại Nam quắc âm tự vị* định nghĩa mũ Tú tài cũng là mao gia lẽ.



Các sĩ tử tại trường thi Nam Định đội mũ Phong Cân, mặc áo giao lĩnh. *Hội diễn* cho biết Lễ phục của dân gian là mũ Phong Cân kết hợp với áo giao lĩnh, giày tất đều màu thâm đen. *Quốc Sử di biên* còn ghi nhận mũ Phong Cân, áo giao lĩnh là trang phục dùng trong lễ Gia Quan dành cho nam giới khi tròn 20 tuổi.

Đối chiếu mô tả của sử liệu với tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX, đặc biệt là hình vẽ mũ Đông Pha, Văn Tú Tài của Tôn Thất Sa trong *BAVH*, có thể thấy trên thực tế mũ Đông Pha, Văn Tú Tài, Phong Cân đều có kiểu dáng tương tự, được phân biệt bởi quy chế trang sức và một số chi tiết nhỏ ở kết cấu mũ. Do mũ Phong Cân, mũ Tú Tài được quy định là mũ Lễ phục của dân gian, nên vẫn được duy trì đến ngày hôm nay, với tư cách là mũ tế sử dụng trong các dịp tế lễ hè của người Việt. Có điều, mũ tế

1. (Việt) *Quốc sử di biên*. 1821. Tập trung 16a. Nguyên văn: 未入流士子試中或滿代饒學或六年饒學，冠用風巾，前後飾銀線花各一，衣用本色，交領紗綵青綠藍黑諸色，無補子。庶民未入仕，凡有加冠儀禮事務，冠用風巾烏色，無紋飾，衣用交領黑色，鞋襪全用黑色。

hiện nay có chiều hướng khoa trương sắc sỡ, thiếu những nét tinh tế và vẻ điển nhã của Phong Cân ngày xưa.

QUY CHẾ MŨ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN NHÀ NGUYỄN (1804) (theo *Hội diễn*)

	<i>Quan văn</i>	<i>Quan võ</i>
Trên nhất phẩm	Văn Công: súc toàn vàng, hai dải thùy anh trang súc kim hoa khảm ngọc châu	Hổ Đầu: súc toàn vàng
Nhất phẩm	Văn Công: súc toàn vàng	Hổ Đầu
Nhị phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tam phẩm	Văn Công	Hổ Đầu
Tứ phẩm	Đông Pha: Hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như hoa, giao long đều dùng bạc	Xuân Thu
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Xuân Thu
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Xuân Thu (Quan võ thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính)
Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Tòng thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Tòng bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Tòng cửu phẩm đội Văn Tú Tài như chính cửu phẩm
Chưa nhập lưu	Phong Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc	Anh Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc

c. Mũ Hổ Đầu 虎頭冠

Vào tháng 2 năm 2011, một pho tượng võ tướng làm bằng đất nung, đội mũ hình đầu hổ, mặc áo giáp đã được phát hiện tại xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi⁽¹⁾. Loại mũ thể hiện trên pho tượng

1. "Quảng Ngãi: Tìm thấy một pho tượng quý". Báo Sài Gòn Giải phóng Online. Bài đăng ngày 17/03/2011.



Các võ quan triều Nguyễn đội mũ Hổ Đầu, mặc áo Măng lan.

này về cơ bản khớp với loại mũ trên tượng ngói thời Trần. Cần lưu ý rằng, vào năm 1756, chúa Nguyễn Phúc Khoát lần đầu tiên lệnh cho ba quân tướng sĩ Đàng Trong đội Hổ Thủ Đầu mạo, hay còn gọi là Hổ Đầu mạo⁽¹⁾. Giữa hai loại mũ thể hiện trên hai pho tượng không đồng đại này chưa chắc đã có mối quan hệ kế thừa trực tiếp, song có thể đều được mô phỏng theo quy chế Hổ quan thời Đường. Tuy nhiên, có thể khẳng định, mũ Hổ quan thời Đường không có mối liên hệ về mặt tạo hình với mũ Hổ Đầu (Hổ Đầu quan) của các võ quan triều Nguyễn.

Vào thời Nguyễn, từ năm 1804, mũ Hổ Đầu kết hợp với Bổ phục Kỳ lân, Bạch trạch, Sư tử được quy định là Thường phục của quan võ nhất, nhì, tam phẩm. Năm 1845, vua Thiệu Trị phê chuẩn cho các quan võ giữ các chức thống quản, cai quản các quân doanh cho đến chưởng phủ đô thống, thống chế, chưởng vệ, vệ úy, phó vệ úy đều được đội mũ Hổ Đầu kết hợp với áo Măng lan⁽²⁾.

Áo Măng lan là dạng áo hẹp tay, có lối thêu súc tương tự như Măng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Măng bào. *Hội điển* cho biết: “Trước đây áo hẹp tay của quan viên thị vệ được gọi là áo Long Chấn, như vậy không phù hợp [...] nay gọi áo hẹp tay là Măng lan mới phải. Từ rày không được gọi theo cách gọi trước kia để làm rõ danh phận.”⁽³⁾

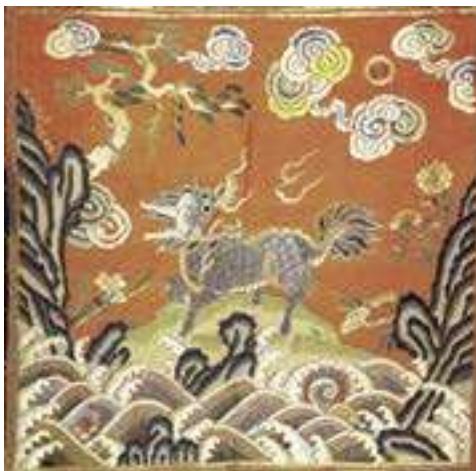
1. (Việt) *Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục* - Q.8. Tr.14. Nguyên văn: (阮世宗福闢) 戊寅二十年 (1756) 初令三軍著虎首頭帽虎頭帽

2. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.57. Nguyên văn: 議準各軍營衛統管、該管等員奉有官給虎頭冠、蟒襯衣以備扈侍

3. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.50. Nguyên văn: 侍衛官員窄袖衣呼為龍震衣均屬不合[...]其窄袖衣名為蟒襯方是。嗣後不得仍前稱呼以召名分



1. Quan võ tam phẩm đội mũ Hổ Đầu, mặc Bổ phục;
2. Mũ Hổ Đầu (BAVH).



Bổ tử Kỳ lân của triều Nguyễn (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).



Thường phục mũ Hổ Đầu, Bổ phục Kỳ lân, áo giao lĩnh cổ trắng của quan võ nhất phẩm triều Nguyễn (Phục dựng. Tranh: Lý Tiệp).

**QUY CHẾ MŨ HỔ ĐẦU, ÁO MÃNG LAN
DÀNH CHO CÁC CHỨC QUAN CAI QUẢN,
THỐNG QUẢN QUÂN DOANH VỆ NĂM 1845**
(theo *Hội điển*)

	Mũ Hổ Đầu	Áo Măng Lan	Đai
<i>Thống quản</i>	Bác sơn vàng, mặt trước và sau 3 hoa vàng, 2 giao long, 1 hổ kỵ, 2 cổ đô, 2 thùy văn, biên bao, nhiều tuyến	Màu tử đào, may bằng đoạn ngũ sắc gia kim, áo song khai, thường kép	Dai của các quan võ miếng chính giữa phía trước súc vàng, trổ hoa; các miếng ống phải trái dùng mai đài mồi bọc vàng xen kẽ bọc bạc, không cần mạ
<i>Cai quản</i>	1 hoa vàng phía trước, còn lại như thống quản	Màu tương sẫm	
<i>Chuồng phủ đô thống</i>	Thêm 2 hình ngọn lửa vàng	Màu tử đào	
<i>Thống chế, chuồng vệ</i>	Mũ súc vàng	Màu mộc xích	
<i>Vệ úy</i>	Lược bót 2 giao long vàng ở mặt trước mũ	Màu tương sẫm	
<i>Phó vệ úy</i>	Lược bót 2 giao long vàng và 1 hoa vàng	Màu bảo lam và màu thiên thanh	

d. Mũ Xuân Thu 春秋冠

Mũ Xuân Thu vừa là mũ Lễ phục của Hoàng đế, vừa là mũ Thường phục của các quan võ tú, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn. Theo *Hội điển*, mũ Xuân Thu kết hợp với Bố phục còn là Thường phục của các vị hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương, quận vương, thân công, quốc công, kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, trợ quốc khanh, tá quốc khanh, phụng quốc khanh v.v.

Tuy nhiên, dựa trên một số tư liệu ảnh chụp cung đình triều Nguyễn đầu thế kỷ XX, chúng tôi nhận thấy đối tượng sử dụng mũ Xuân Thu còn có một số ngạch quan thị vệ, thậm chí là đội trưởng đội nhạc công (?). Do thiếu tư liệu văn tự đối chiếu nên



Mũ Xuân Thu (BAVH); Người đứng đầu đội Nhạc công đội mũ Xuân Thu.

chúng tôi hiện chưa thể làm rõ được thân phận của những người đội mũ Xuân Thu trong một số bức ảnh này. Song dù sao, mũ Xuân Thu cũng là một loại mũ hết sức đặc biệt bởi tính phổ dụng của nó trong cung đình nhà Nguyễn, khi vừa là mũ Lễ phục của vua, đồng thời cũng là mũ Thường phục của một số hoàng thân và các chức quan nhỏ.

**QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC XUÂN THU
CỦA HOÀNG THÂN VÀ CÁC QUAN VÕ TÚ, NGŨ,
LỤC PHẨM TRIỀU NGUYỄN**
(theo *Hội điển*)

	Mũ Xuân Thu	Áo giao lĩnh	Bố tử	Thường
<i>Hoàng tử, hoàng thân, tôn thất được phong tước thân vương - quận vương - thân công - quốc công; quận công - huyện công; hương công - huyện hầu - hương hầu</i>	Sức toàn vàng	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Kỳ lân Bạch trạch Sư tử	Nền vàng
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, đình hầu, trợ quốc khanh</i>	Sức vàng bạc đan xen, phía trước và sau đều có 1 hoa vàng, các trang sức hoa, giao long đều dùng chất liệu bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Nền đỏ

<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy</i>	Phía trước 2 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa, 2 giao long đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phung quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang</i>	Phía trước 1 hoa, 2 giao long, phía sau 1 hoa đều bằng bạc	Cổ áo màu trắng; áo màu xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ
<i>Công tử được tú phong tuộc đình hầu, quan võ tú phẩm</i>	Phía trước và sau đều 1 hoa vàng, trang sức hoa, giao long còn lại đều dùng bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hổ	Công tử: lục Quan: đỏ
<i>Quan võ ngũ phẩm</i>	Phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Báo	Nền đỏ
<i>Quan võ lục phẩm</i>	Phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Cổ áo như màu áo, xanh, lục, lam, đen cho được tùy tiện	Hùng	Nền đỏ

3.2. Quy chế Bố phục

Qua so sánh quy chế Bố tử của nhà Minh, nhà Lê Trung Hưng và nhà Nguyễn, có thể thấy quy chế của nhà Nguyễn về cơ bản kế thừa quy chế của nhà Lê Trung Hưng, đồng thời tham khảo thêm một phần quy chế của nhà Minh. Tuy nhiên dạng áo đoàn lĩnh cổ tròn trong quy chế Bố phục của nhà Minh và nhà Lê đã được nhà Nguyễn thay thế bởi dạng

áo giao lĩnh. Phẩm cấp của bá quan ngoài việc được phân biệt ở hình dạng Bố tử còn được phân biệt ở màu sắc của cổ áo. Trong đó, cổ áo giao lĩnh của các quan nhất, nhị, tam phẩm màu trắng; cổ áo của các chức quan còn lại có màu sắc giống màu áo gốc. Áo màu xanh, lục, lam, đen được sử dụng tùy nghi⁽¹⁾.



Lễ bộ đường (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam).



Một số hiện vật Bố tử của Việt Nam: 1. Bạch nhàn (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam); 2. Vân nhạn (Bảo tàng Quân sự Pháp. Ảnh: Nguyễn Như Đan Huyền); 3. Khê xích (Ảnh: Trịnh Bách); 4. Tiên hạc (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*).

1. (Việt) *Hội điển - Q.78*. Nguyên văn: 衣一品至三品並用白領交領紗緞青綠藍黑隨用 [...] 正從四品 [...] 衣本色領交領紗緞青綠藍黑隨用 [...] 正從八品 [...] 衣本色交領紗緞青綠藍黑隨用.

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỔ TỬ
CỦA NHÀ MINH, NHÀ LÊ TRUNG HUNG VÀ NHÀ NGUYỄN
(theo *Minh thực lục*, *Toàn thư* và *Hội điển*)

	Minh		Lê Trung Hưng		Nguyễn	
	<i>Hoàng tử, vương công: Kỳ lân, Bạch trạch</i>		<i>Hoàng tử, hoàng thân: Kỳ lân</i>		<i>Hoàng thái tử: Rồng 5 móng Hoàng tử: Rồng 4 móng</i>	
	Quan văn	Quan vō	Quan văn	Quan vō	Quan văn	Quan vō
Nhất phẩm	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Kỳ lân
Nhị phẩm	Cẩm kê	Sư tử	Tiên hạc	Sư tử	Tiên hạc	Bạch trạch
Tam phẩm	Khổng tước	Hổ báo	Cẩm kê	Bạch trạch	Cẩm kê	Sư tử
Tứ phẩm	Vân nhạn	Hổ báo	Khổng tước	Hổ	Khổng tước	Hổ
Ngũ phẩm	Bạch nhàn	Hùng bi	Vân nhạn	Báo	Vân nhạn	Báo
Lục phẩm	Lộ tư	Buru	Bạch nhàn	Tượng	Bạch nhàn	Hùng (gấu)
Thất phẩm	Khê xích	Buru	Bạch nhàn	Tượng	Lộ tư	Buru
Bát phẩm	Hoàng ly	Tê ngưu	Bạch nhàn	Tượng	Khê xích	Hải mã
Cửu phẩm	Am thuần	Hải mã	Bạch nhàn	Tượng	Liêu thuần	Tê ngưu
Pháp quan	Giải trại					
Chưa nhập lưu	Luyện tước				Không dùng Bổ Tử	

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ BỔ TỬ
CỦA NHÀ THANH, NHÀ TRIỀU TIỀN VÀ LUU CẦU
(theo *Thanh sử cảo*, *Triều Tiên Doan Tông thực lục*, *Cầu dương kỷ sự*)

	NHÀ THANH		NHÀ TRIỀU TIỀN		LUU CẦU
	Quan văn	Quan vō	Quan văn	Quan vō	Quan văn
Nhất phẩm	Tiên hạc	Kỳ lân	Khổng tước	Hổ báo	Cẩm kê
Nhị phẩm	Cẩm kê	Sư tử	Vân nhạn	Hổ báo	Cẩm kê
Tam phẩm	Khổng tước	Báo	Bạch nhàn	Hùng báo	Khổng tước
Tứ phẩm	Vân nhạn	Hổ	Sau năm 1609, quan chế của Lưu Cầu không đặt các chức quan vō, quan đội cũng bị giải thể		Vân nhạn
Ngũ phẩm	Bạch nhàn	Hùng			
Lục phẩm	Lộ tư	Buru			
Thất phẩm	Khê xích	Tê ngưu			
Bát phẩm	Am thuần	Tê ngưu			
Cửu phẩm	Luyện tước	Hải mã	Pháp quan: Giải trại		

Năm		Tiến sĩ			
		Dệ nhất giáp, đệ nhất danh	Dệ nhất giáp, đệ nhị danh, đệ tam danh	Dệ nhị giáp	Dệ tam giáp
1822	Mū	Áo mũ như quan lục phẩm	Văn Tú Tài		
	Yphục		1 áo giao lĩnh may bằng sa Nam, 1 thường may bằng sa Nam, 1 võng cân, 1 hia		
1838	Mū	Áo mũ như quan lục phẩm	Ô Sa (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)		
	Yphục		Áo bào làm bằng sa, đoạn tron (không vân súc) màu lam, lục; Bổ tử thêu hình mây; thường làm bằng sa Nam, miếng Bổ tử thêu 2 bên cùng thêu hình mây; đai bọc đồng; võng cân, hia.		
1840	Mū	Ô Sa (1 hoa vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau; bạc sơn bạc, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (1 hoa bạc mạ vàng phía trước, 1 hoa bạc phía sau, 2 cánh viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh không viền bạc)	Ô Sa (phía trước và sau đều 1 hoa bạc, 2 cánh không viền bạc)

	Y phục	-Áo bào màu lục may bằng đoạn Bát ti Đại Hoa, đai bọc đoạn Xích vũ, 1 miếng phía trước bọc bạc mạ vàng, 2 miếng bọc bạc, đều mặt đồi mồi, 7 miếng còn lại bọc đồng, mặt sừng đen; thường may bằng sa, đoạn tản hoa màu lam; Bổ tử nền đỏ thêu Bạch nhàn; võng cân, hia, hốt gỗ -Riêng đệ tam giáp: Bổ tử nền đỏ thêu Lộ tư; đai súc sừng đen, 3 miếng bọc bạc, 7 miếng bọc đồng; còn lại như trên		
1847	Bổ tử	Vân nhạn	Bạch nhàn	Lộ tư

Quan phục của cử nhân (1807)
và võ cử nhân (1846)

	Cử nhân văn	Cử nhân võ
Mū	Văn Tú Tài (mặt trước, sau đều đính 1 hoa bạc)	Viên Đỉnh (đỉnh tròn, màu đen, làm bằng lĩnh Nam tron, trước súc hoa bạc, trên đỉnh mũ 1 hồ lô bạc)
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng vải màu; Võng cân, hia. (năm 1825 đổi chất liệu may áo thành sa Nam lót lụa trắng, thêm 1 thường, còn lại như năm 1807)	Áo Mã Đề làm bằng trùm Nam Đại Hoa màu bảo lam lót vải đỏ; Bổ tử tròn màu xích trú; mặt trước và sau áo thêu chữ Võ Cử

Quan phục của học trò Quốc Tử Giám (1823) và tôn sinh (1827)

	Học trò Quốc Tử Giám	Tôn sinh
Mū	Văn Tú Tài (làm bằng la sa, mặt trước đính 1 hoa bạc)	Tú Phương Bình Định
Y phục	Áo giao lĩnh may bằng sa Nam lót lụa trắng; thường lụa, quần màu xanh; Võng cân, hia	Áo giao lĩnh may bằng sa Hoa thật màu bảo lam lót lụa trắng; thường may bằng trùm; Võng cân, hia

III. TRANG PHỤC HẬU PHI



Hoa văn loan ô thêu trên áo của hậu phi triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Ảnh: TQĐ).

Trước thời Nguyễn, chim phượng không chỉ là hình tượng ngầm ví với hậu phi, mệnh phụ mà còn được áp dụng làm trang sức trên vật dụng của vua chúa, vương hầu, nhằm định rõ trật tự tôn ti, như năm 1254 thời vua Trần Thái Tông, quy chế xe kiệu được quy định: “*Tù tông thất đến các quan ngũ phẩm đều được ngồi kiệu, ngựa, võng. Tông thất thì dùng kiệu đầu chim phượng, son son. Tướng quốc dùng kiệu đầu chim anh vũ, lọng tía son đen. Tam phẩm trở lên dùng kiệu đầu mây, lọng xanh. Tú phẩm đến lục phẩm kiệu đầu bằng*”⁽¹⁾ Quy chế Lê phục của bá quan triều Trần quy định chỉ có tước hầu, minh tự mới được mặc áo thêu hình Phượng cá. Vào cuối thời Lê sơ, *Toàn thư* cho biết Mạc Đăng Dung sử dụng lọng phượng dát vàng. Vào thời Nguyễn, hình tượng chim Phượng còn được thêu lên Triều phục của các quan trên Tú phẩm.

Riêng với quy chế Lê phục hậu cung, triều Nguyễn quy định: hoàng thái hậu và hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng, trưởng công chúa đội mũ Thất Phượng, công chúa đội mũ Ngũ Phượng. Cung tần thuộc nhất, nhị, tam giai, tùy theo cấp bậc được dùng các trang sức Kim ướt phát (bó tóc bằng vàng) bát phượng, thất phượng, ngũ phượng, tam phượng và nhất phượng. Việc hoàng thái hậu, hoàng hậu đội mũ Cửu Phượng tương tự việc hoàng đế đội mũ Cửu Long. Bởi Cửu, số 9, được coi là số dương lớn nhất, tượng trưng cho ngôi vị chí tôn, vĩnh cửu.

1. Triều phục

1. (Việt) *Toàn thư*. Nguyên văn: 夏五月，定宗室文武百官輿服驕從有差。自宗室至五品官皆得轎、馬、紙鵝。宗室則鳳頭轎朱漆，相國則鸚鵡轎黑漆紫蓋，三品以上雲頭青蓋，四品至六品平頭轎…

1.1. Cửu Phượng 九鳳冠

Mũ Cửu Phượng và Phượng bào là Triều phục dành riêng cho hoàng thái hậu và hoàng hậu triều Nguyễn. Trong đó, mũ Cửu Phượng của hoàng hậu có *thân mũ làm bằng lông mā vī, trùm búi tóc, súc 9 hình phượng múa rồng bay, khắm 9 chiếc lạp bồn, 1 miếng vân hoa bó tóc, 1 miếng bắc son, 12 cành hoa bướm, 4 đóa hoa súc tràm,*



Hoàng hậu Nam Phượng và Hoàng Thái hậu Đoan Huy.

2 cành hốt phía trước, 1 vòng liên đằng bọc tóc, 4 đóa hoa mai, 2 đoạn hoa liên đằng trang sức chân tóc, 1 miếng khóa (kiều) phía sau, phô hình phượng vàng nạm một đoạn chỉ, 4 thân tràm bạch kim đều xâu chuỗi thùy anh, 198 hạt trân châu cỡ nhỏ, khắm 235 hạt pha lê các loại. Ngạch cân làm bằng đoạn Bát ti màu thiên thanh lót lĩnh Đại tào màu vàng chính sắc súc 4 khuyên vàng, 1 dải thao to. Mũ Cửu Phượng dành cho hoàng thái hậu tương tự mũ của hoàng hậu, song việc xâu ngọc châu, khắm gương được tùy ý⁽¹⁾.

Đối chiếu tư liệu hình ảnh xuất hiện hình tượng mũ Phượng thể hiện trong các bức ảnh hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn, có thể thấy đỉnh mũ trùm búi tóc ở mũ Cửu Phượng trong *Kỹ thuật của người An Nam* có phần khoa trương, song kiểu dáng tương đối thống nhất. Tuy nhiên chúng tôi chưa thể xác định được các khái niệm lạp bồn, vân hoa bó tóc v.v. cụ thể chỉ những chi



"Mũ Thái hậu và Hoàng hậu dùng trang sức chín phượng ngâm sách, vàng ngọc đan xen", "Hải của Thái Hậu, Hoàng hậu là hải thêu Phượng" (*Kỹ thuật của người An Nam*).

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.11 – 13. Nguyễn văn: 皇后冠服:九鳳冠身用馬尾毛披鬢頂，並飾黃金搖龍翔鳳各九形，嵌粒盆九口，雲花約髮一片，博山一片，蝴蝶辰花十二枝，飾簪花四朵，前笏二枝包髮連藤一周，梅花四朵，飾髮際連藤花二段，後邊跨一片，鋪金鳳形鑲綫一段，白金簪莖四粒串結垂纓，小項珍珠一百九十八粒，嵌各項玻璃二百三十五粒。額巾天青素八絲緞，裏正黃大曹綾並飾黃金圈四件，絲條一條[...]皇太后冠服：九鳳冠一頂。黃金帶一圍與黃后冠帶同，惟串珠，嵌鏡隨用

tiết trang sức nào. Riêng với miêu tả của *Hội điển* về ngạch cân, có thể thấy đây là khăn cố định búi tóc của hoàng hậu, tương tự võng cân của vua quan triều Nguyễn.

Kết hợp với mũ Cửu Phượng là Phượng bào. Phượng bào của hoàng hậu được *làm bằng đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc thêu phượng hoa tròn, sóng nước, lót trùu phượng hoa màu hoa xích. Cổ áo làm bằng lĩnh bóng Lai lộ màu tuyêt bạch*.

Thường làm bằng đoạn Bát ti màu tuyêt bạch, thêu Phượng hoa tròn xen vàng, lót dải lụa Cao bộ màu tuyêt bạch. Dai vàng, thân đai dùng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu vàng chính sắc, đều súc vàng, 18 miếng vuông dẹt đều lót mặt gương, khắm hoa vàng trổ rồng, 2 chiếc móc vàng. Hải làm bằng to lông vũ màu đỏ, viền thêu phượng. Bít tất làm bằng lĩnh Nam bóng màu tuyêt bạch.



Trâm Phượng bằng vàng thời chúa Nguyễn (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

bóng màu hoa xích, viền cổ bít tất có hai dây thao làm bằng trùu bóng màu hoa xích. Hải làm bằng to lông vũ màu vàng chính sắc thêu phượng xen kẽ kết san hô, trân châu, gương của Tây dương.⁽¹⁾



Bác sơn vàng trên mũ của mệnh phụ. (Ảnh: Vũ Kim Lộc).

Phượng bào của hoàng thái hậu được *làm bằng sa mát màu vàng chính sắc, thêu chữ Thọ ngũ sắc gia kim, hoa, sóng nước xen kẽ kết san hô, gương, lót trùu màu hoa xích và sa mát thêu Hoa. Thường làm bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu phượng ổ, hoa, sóng nước, xen kẽ kết gương Tây. Viền đoạn gấm nền vàng liên đằng, lót sa Hoàng quế, nối liền với áo lụa trắng. Bít tất làm bằng lĩnh bóng màu tuyêt bạch, lót trùu*

1. (Việt) *Hội điển* - Q.78. Tr.11-13. Nguyễn văn: 皇后冠服:黃袍正黃素八絲緞，繡團鳳花水波，裏花



Lễ phục của Phò Mã, Công chúa và Hậu phi triều Nguyễn
(Hoàng phái sắc phục tự thiêng từ chí tôn thất).



Tiên cung Hoàng Thái hậu, thân mẫu của vua Khải Định
(Ảnh: Trịnh Bách).



Phượng bào phục ché (*Báu vật triều Nguyễn*); Hài thêu rồng phượng triều Nguyễn (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

1.2. *Thát Phượng, Ngũ Phượng* 七鳳冠、五鳳冠

Theo quy chế Triều phục năm 1808, các công chúa đều được đội mũ Thát Phượng, mặc Phượng bào màu đỏ sẫm. Từ năm 1845 trở về sau, chỉ có trưởng công chúa tiếp tục sử dụng mũ Thát Phượng, các vị công chúa còn lại chỉ được đội mũ Ngũ Phượng, mặc Phượng bào màu hoa xích. Các loại Phượng bào dành cho công chúa đều được may bằng đoạn Bát ti, thêu hoa văn phượng ő, kết hợp với thường màu tuyết bạch, đi hài thêu phượng⁽¹⁾.

赤四則鳳花紬。領雪白來路光素綾。裳雪白間金團鳳花八絲緞，裏并腰帶雪白高步帛金。帶身熟沙竹包正黃素八絲緞，均飾黃金方扁各樣十八片，並裏鏡面，嵌金花鏤空金鈎二件。鞋用赤羽絲緣繡鳳。襪用雪白南素綾[...]皇太后冠服：袍用正黃涼紗織五彩加金壽字、辰花、水波間結珊瑚、洋鏡子，裏花赤紬花涼紗。裳用花赤素八絲緞，繡團鳳、辰花、水波間結洋鏡子。綠（謬文，該為綠）連藤金地錦緞，裏黃桂紗連白絹片衣。襪雪白光素綾，裏花赤素紬，襲纊綻並花赤素紬二條。鞋正黃羽絲，繡鳳間結珊瑚、珍珠、洋鏡子。

1. (Việt) *Hội điển*. Q.78. Tr.33-34. Nguyên văn: (嘉隆)七年議準公主冠服七鳳冠[...]明命五年奏準製給長公主冠服七鳳冠[...]紹治五年議準製給公主冠服五鳳冠



Phượng ő trên áo bào của quý phi triều Nguyễn (Nguyễn mẫu). Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế.

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA CÔNG CHÚA TRIỀU NGUYỄN NĂM 1808, 1824, 1833 VÀ 1845 (theo *Hội điển*)

Năm	Nội dung	Trưởng công chúa	Công chúa
1808	Mũ	Mũ Thát Phượng , khỏa kiều vàng nặng 4 lạng vàng	
	Y phục	Áo bào nữ màu đỏ thêu hình loan phượng; 1 chiếc đai; 1 chiếc váy đại triều màu trắng dệt hình phượng ő; 1 đôi hia, 1 đôi tất	
1824	Mũ	Mũ Thát Phượng , thân mũ làm bằng lông mā vĩ trùm búi tóc, súc vàng 85 tuổi, 2 chiếc khỏa kiều vàng, 1 chiếc súc chân tóc, 7 hình phượng bay, 4 miếng cổ đồ, 2 đóa hoa mai, 4 đóa hoa cúc, 7 đóa hoa mận, 4 trâm hoa, 1 vòng súc quanh đỉnh đầu, 1 vòng súc quanh viền mũ, đều đính với một miếng tuyến khỏa trổ hình phượng, 2 miếng khỏa bản, 1 bộ trâm bạch kim xâu 120 hạt giả châu khâm 230 hạt pha lê	
	Y phục	Áo bào may bằng đoạn Bát ti bóng màu hoa xích thêu hình phượng ő; thường may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ő ngũ sắc xen kim tuyến; đai: thân đai làm bằng tre thuộc bọc đoạn Bát ti bóng màu hoa xích, súc 18 miếng các hình vuông dệt bằng vàng, bề mặt trổ cổ đồ, ván phượng lót mặt kính; 1 đôi Kim ước phát; 1 đôi tất may bằng linh Bát ti màu tuyết bạch; 1 đôi hài làm bằng tơ Xích vũ thêu phượng	

1833	Mũ		Mũ Thất Phượng Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ố ngũ sắc gia kim; 1 thường nữ may bằng đoạn Bát ti màu tuyết bạch thêu hình phượng ố ngũ sắc xen kim tuyến; 1 đai vàng, 1 đôi hia, tất
	Y phục		
1845	Mũ		Mũ Ngũ Phượng , 1 chiếc mạt ngạch súc vàng, bạch kim, trân châu, san hô
	Y phục		Áo bào nữ may bằng đoạn Bát ti màu hoa xích thêu hình phượng ố ngũ sắc xen kim tuyến; đai súc vàng và bạch kim

2. Thường phục

Theo *Hội điển*, áo Nhật Bình là Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tứ giai và là Thường phục của hoàng hậu, công chúa. Áo Nhật Bình có nguyên mẫu là dạng áo Phi Phong thời Minh, là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới úc có dải vải buộc hai vạt áo. Thường phục Nhật Bình được đặt định vào năm 1807 thời vua Gia Long và được duy trì cho đến cuối thời Nguyễn. Song quy chế mũ mao kết hợp với loại trang phục này không ổn định. Như quy chế năm 1807 quy định từ hoàng hậu đến cung tần tứ giai nhất loạt sử dụng Kim ước phát phối với áo Nhật Bình, đến năm 1846 thời vua Thiệu Trị, Kim ước phát được thay thế bằng một loại thủ súc có tên Kim phượng. Cung tần tam giai, tứ giai và ngũ giai còn được phân biệt bởi số lượng trâm cài.

Kiểu dáng cụ thể của Kim ước phát và Kim phượng, chúng tôi chưa thể khảo được. Song tư liệu tranh ảnh đầu thế kỷ XX cho thấy bất kể



Công chúa triều Nguyễn.

hoàng hậu, công chúa hay cung tần đều vấn khăn vành, mặc áo Nhật Bình, chứng tỏ quy chế trang phục của hậu phi triều Nguyễn đến thời vua Đồng Khánh, Khải Định vẫn được sửa đổi.

Khăn vành, còn gọi khăn vành dây, là một khổ vải dài hơn chục mét, khổ rộng 30cm, được vấn gấp nếp thành hình chữ Nhân 人 ở giữa trán, sau đó quấn nhiều vòng quanh đầu, có khi lên tới 20, 30 vòng. Loại khăn này vào cuối thời Nguyễn được kết hợp với áo Nhật Bình, áp dụng làm Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu và Triều phục của mệnh phụ, cung tần, phần lớn có màu xanh lam. Sau này, khăn vành dần được phổ biến trong dân gian, được phụ nữ Việt Nam sử dụng trong các dịp lễ nghi trang trọng.



Hoàng Thái hậu Đoan Huy, Trường công chúa con vua Đồng Khánh, Hoàng hậu Nam Phương.



Phục dụng lối trang điểm của hậu phi triều Nguyễn trong dịp đại lễ; Trường công chúa con vua Dục Đức.
(Ảnh: Trịnh Bách).



Áo Nhât Bình thêu Phượng ô, Loan ô (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế).

QUY CHẾ LỄ PHỤC CỦA HẬU PHI NĂM 1807 (theo Hội điển)

Nội dung	Hoàng hậu	Công chúa	Cung tần nhị giai	Cung tần tam giai	Cung tần tứ giai
Mũ	2 chiếc Cửu long Kim ước phát, 1 chiếc Cửu phượng Kim ước phát, 8 trâm phượng	1 chiếc Thất phượng Kim ước phát, 12 trâm hoa	1 chiếc Ngũ phượng Kim ước phát, 10 trâm hoa	1 chiếc Tam phượng Kim ước phát, 8 trâm hoa	1 chiếc Nhất phượng Kim ước phát, 8 trâm hoa
Y phục	1 áo bào làm bằng sa sợi vàng thêu 20 hình rồng phượng, loan, trĩ, 1 thường làm bằng tơ Bát ti màu trắng thêu rồng phượng	1 áo Nhật Bình may bằng sa sợi đỏ, thêu hình phượng ô	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu xích đào thêu loan ô, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ô	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím chính sắc thêu phượng ô, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ô	1 áo Nhật Bình làm bằng sa màu tím nhạt, 1 thường làm bằng tơ Bát ti trắng thêu loan ô

(Thiệu Trị 6-1846) Cung tần nhất nhị giai: mũ Kim phượng đều có 3 bắc son, riêng nhất giai 8 phượng, nhị giai 7 phượng; tam giai trên búi tóc cài trâm phượng; tứ giai, ngũ giai trên búi tóc không cài trâm để tỏ sự phân biệt

IV. TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI

Từ thời chúa

Nguyễn, trang phục quân đội và dân gian Đàng Trong đã trải qua một cuộc biến cách lớn. Đến thời Nguyễn, chúng ta không còn thấy sự xuất hiện của bộ quân trang Giáp trụ, thay vào đó, quan viên ban võ phần đông đội mũ Hổ Đầu, mặc Măng Lan. Binh lính cũng không còn cởi trần đóng khố như thời Lê Trung Hưng.



Binh lính thời Minh Mạng
(Việt Nam qua tranh khắc Pháp).



1. Nón Kê Mao, lính kinh kỳ đội; 2. Nón Kỳ binh;
3. Nón lính Tập; 4. Đội Binh; 5. Áo lính An Nam; 6.
Lính Tập khổ xanh. (Kỹ thuật của người An Nam).

Năm 1835, Thái Đinh Lan mô tả: "Lính cấp dịch ở tỉnh gọi là tinh binh, đội nón nứa, nón nhỏ chỉ đủ che đầu, quết son màu vàng, chỏm cắm lông gà, áo dùng loại dệt len màu đỏ, viền màu lục, ống tay màu lục. Lính ở phủ, huyện gọi là phủ binh, huyện binh, đội nón quết son màu lục, màu đen, cắm lông gà, áo dùng vải đen, viền đỏ, ống tay màu đỏ."⁽¹⁾ Những dòng mô tả của Thái Đinh Lan hoàn toàn khớp với những bức vẽ binh lính Việt Nam do một số người phương Tây khắc họa. Ngoài ra, qua tranh ảnh đầu thế kỷ XX với những hình vẽ mô tả

1. (Trung) Hải Nam tạp trú - Việt Nam kí lược. Nguyên văn: 紿役在省者曰省兵，戴竹笠笠小僅可蔽首，塗金色，上插雞羽，衣用紅色嘒咆，綠緣綠袖；在府、縣者曰府兵、縣兵，笠塗綠色、黑色，插雞羽，衣用黑布，紅緣紅袖

khá chi tiết trang phục của một số hạng quân binh như lính cẩm vê, lính kỵ binh hoàng gia, lính thị vệ, lính thủy quân, lính pháo thủ, lính bắn súng thần công, lính hầu trong cung, lính hầu đèn v.v. do Viện Viễn Đông Bác



Áo thi vê (Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế), áo lính, áo của đội nghi vê (*Silken threads-A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam*). do Viện Viễn Đông Bác

Cổ (EFEO) thực hiện, có thể thấy binh lính triều Nguyễn tuyệt đại đa số đều đội nón, đi đất. Sự phân biệt giữa các hạng binh lính chủ yếu nằm ở kiểu dáng nón mao. Riêng áo mặc phần nhiều là loại áo song khai⁽¹⁾, cài khuy, xé vạt trước và sau, vai áo có viền mây bao quanh, gọi là vân kiên.

Ngoài ra, từ sau khi chiếm đóng Nam kỳ, Bắc kỳ, người Pháp thành lập đơn vị quân bản xứ để phụ trợ cho quân chính quy của Pháp, gọi là lính Tập. Lính Tập còn được gọi là lính khổ đỏ, lính khổ xanh, bởi bộ quân trang đặc trưng của hạng lính này là nón dẹp, quần áo chẽn, đặc biệt là dải thắt lưng buộc ở bụng có một đầu buông xuống che phần hạ bộ, trông tương tự như chiếc khổ.



Châu bản triều Nguyễn (Thành Thái quyển số 43, tờ số 8 – 9)

Niên đại: Ngày 16 tháng 3 nhuận năm Thành Thái thứ 10 (1898)

Nội dung: Thị vê xúi tấu xin may quần áo cho binh lính hộ giá. Vua Thành Thái đích thân thiết kế kiểu áo nón mới và chuẩn cho may mặc.

Châu phê: 1. “Loại nón quân trang này trông chưa được nhã, áo quân trang thì không tiện cưỡi ngựa. Nay chuẩn cho làm theo kiểu mới”; 2. “Sóng nón dùng sắt nạm bạc. Nón dùng màu đen”; 3. “Áo quân trang dài một thước hai tấc năm phân, màu lục, viền đỏ. Bên trong mặc áo vải trắng. Đai lưng dùng màu lục”; 4. “Nón của võ lai cũng chiếu theo kiểu này. Tùy theo chức tước mà đính (tên chức) vào trước nón. Hình tròn trước ngực áo quân trang (của võ lai) chiếu theo hình Bồ tử mà thêu vào.”

1. Đại Nam quốc âm tự vị định nghĩa: Áo song khai là áo xé vạt trước, vạt sau.

TRANG PHỤC QUÂN ĐỘI TRIỀU NGUYỄN

(theo *Quân lực Việt Nam dưới các triều đại phong kiến*, bản sao của EFEO)



1. Y phục

Triều Nguyễn là triều đại quân chủ cuối cùng của Việt Nam, triều đại lưu lại nhiều ấn tượng mặc định và những ảnh hưởng lâu dài trong quan niệm của người Việt hiện đại về phong tục tập quán của ông cha, trong đó có quan niệm về trang phục. Tuy nhiên, vẫn hiển áo mũ của mỗi một triều đại đều có sự kế thừa, biến dị so với quy chế áo mũ của triều đại liền kề. Khoảng cách giữa các triều đại càng xa, sự biến đổi theo đó càng lớn. Ngay trang phục trong dân gian, mặc dù có tính bảo thủ và ít biến cách như trang phục cung đình, song so với thời Lý, Trần, trang phục dân gian thời Lê, Nguyễn cũng đã có nhiều thay đổi. Đặc biệt phải kể đến việc phổ biến áo dài cổ đứng cài khuy, phế bỏ áo giao lĩnh trong dân gian mang tính cưỡng ép dưới thời vua Minh Mạng.

Loại trang phục phổ biến nhất trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Nguyễn hiển nhiên là bộ quần chân áo chít. Song theo ghi nhận của Thái Đinh Lan thì vào năm 1835 thời vua Minh Mạng, nam giới người Việt ở Trung, Nam kỳ thường mặc áo chít màu đen cài khuy hẹp tay kết hợp với quần nhiều đố. Ông cho biết “(họ) đều dùng lụa đen ván đầu, mặc áo đen ống tay hẹp, quần may bằng lĩnh đố, đi chân đất. Quan viên Việt Nam ra ngoài cũng đều đi đất, áo không phân mùa nóng mùa lạnh, mùa đông vẫn mặc áo lụa mỏng. Người sang hay dùng hai màu lam, đen, ván khăn quanh đầu cũng nhu vậy, quần đều màu đố.”⁽¹⁾ Riêng loại quần chân áo chít của nữ giới, theo Phan Kế Bính, trong khoảng những năm 1910-1915, quần thì phần nhiều mặc quần sòi, quần lĩnh thâm, đôi khi cũng có người mặc quần nhiều đố.⁽²⁾ Nhất Thanh ghi lại “khoảng từ 1910 trở đi có những me Tây bạo dạn bắt đầu



Cụ ông đội khăn xếp, áo the.
(Hình ảnh Hà Nội).

mặc quần trắng. Những con nhà tử tế gia giáo không bao giờ lấy Tây, dù Tây có giàu, sang trọng đến mấy. Cho nên bộn quần trắng là tự tố cáo làm nghề lấy Tây. Trái lại, từ giữa thế kỷ XIX, đàn bà xứ Huế khá giả đôi chút đều mặc quần trắng, họ là vợ con những công chức các sở thuộc tòa khâm sứ, các cơ quan thuộc sáu bộ của triều đình [...] Nếp sống rảnh rỗi cảnh vẻ, cho nên y phục sang trọng quý phái. Còn dân lao động ăn mặc lem luốc thì không mặc quần trắng. Tuy nhiên sau đó quần trắng đã dần dần đặc dụng với nữ giới, ban đầu còn rụt rè, sau đó khéo noi đều ua chuộng.”⁽¹⁾ Như vậy sự kết hợp giữa áo dài năm thân và quần màu trắng hắn chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX trở về sau, trước đó người Việt hầu hết đều mặc quần màu thâm hoặc màu đố.

Có điều, sau những phong trào cải lương nêu cao tinh thần đoạn tuyệt lục hậu, hướng tới văn minh từ cuối thế kỷ XIX, song song với việc cắt bỏ búi tóc, để rắng trắng, không ít nam nữ người Việt, đặc biệt là giới trí thức Tây học đã dần đổi sang mặc trang phục châu Âu. Trang phục của nữ giới lúc này cũng trải qua những đợt biến cách về kiểu dáng nhằm lược bỏ sự lụng thùng của loại áo truyền thống trước đây. Những cải cách kiểu dáng áo dài nữ tiêu biểu phải kể đến áo dài Le Mur của họa sĩ Cát Tường năm 1930 và áo dài Lê Phổ



Thầy khóa mặc Âu phục (Hình ảnh Hà Nội); Thiếu nữ mặc áo dài sau khi đã cách tân.



1. Vợ chồng nông dân – áotoi, váy đụp;
2. Ông cháu ăn xin; 3. Ông già mặc áo cộc (loại áo có vạt trước khép chèm lên già nửa vạt bên phải, năm khuy cài khuyết tết vải với hai dài bơi chèo buộc phía dưới, khoảng năm 1970 còn ít người Thuận Quảng ưa mặc. *Đất lè quê thói*. Tr. 218); 4. Người đàn bà quay gánh, chít khăn vuông đội nón ba tàm.

1. (Trung) *Hai Nam tạp trước*. Nguyễn văn: 皆烏縹綢纏頭, 穿窄袖黑衣, 紅綾褲, 赤兩腳。越南官員出入皆赤腳, 衣不分寒暑。冬月猶著輕羅。貴者多用藍黑二色, 纏頭亦然, 褲俱紅色

2. *Việt Nam phong tục*. Tr. 324.



Người Đàng Trong năm 1794 được vẽ trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ*. (Tô Lan cung cấp).

tên tuổi nhưng cũng góp phần cải sửa, giúp cho cái áo dài mang hình dáng hiện nay”, cùng nhận định “ông Cát Tường chê áo Việt Nam lòe xòe, lụng thụng, không “mỹ thuật”, nhưng tôi lại thấy áo tú thân, áo giao lĩnh cũng như áo dài đều đẹp cả, mỗi cái một vẻ. Nhân tâm tùy thích, khó mà tranh cãi.”⁽¹⁾

Đối với tầng lớp dân nghèo, sử gia Trần Trọng Kim cho biết: “Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu, hoặc để trắng”⁽²⁾. Phụ nữ Bắc kỳ vẫn mặc áo tú thân, váy đúp, vẫn sử

của họa sĩ Lê Phổ năm 1934. Ông Cát Tường phát biểu trên tờ *Phong hóa* về chiếc áo dài nữ kiểu cũ cho biết: “Y phục của các bạn gái, tôi xem thấy có nhiều điều bất tiện mà lại không có vẻ chi là mỹ thuật. Tuy rằng vài năm gần đây cũng có một vài phần sửa đổi [...] chẳng qua chỉ ở mấy cái màu sắc sặc sỡ, mấy thứ hàng lụa nước ngoài [...] còn thì vẫn kiểu áo lòe xòe ấy, vẫn cái quần lụng thụng đen ngòm ấy. Hoặc giả cũng có người ua mặc quần trắng song tiếc rằng số đó vẫn rất ít [...] Cần sửa đổi dần: trước hết phải hợp với khí hậu xú ta, với thời tiết các mùa, với công việc, với khuôn khổ, mục thuở của thân hình mỗi bạn. Sau nữa phải gọn gàng, giản dị, mạnh mẽ và có vẻ mỹ thuật và lịch sự.”

Chúng tôi đồng tình với quan điểm của bà Nguyễn Thị Chân Quỳnh khi cho rằng ông Cát Tường “chỉ là một mắt xích trong chuỗi dài những người không để lại



“Phụ nữ Gia Định búi tóc”; “Trẻ con vấn khăn”; “Soi gương đội khăn”; “Búi tóc”. (Kỹ thuật của người An Nam).

dụng các loại thắt lưng lớn nhỏ, thắt lại ở trước bụng, thoát khỏi những cấm lệnh khắt khe dưới triều vua Minh Mạng.

Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng vào đầu thế kỷ XIX, trong giới phong lưu nho nhã đã sử dụng loại áo bà ba, loại áo có nguồn gốc từ đảo Penang ở Malaysia, nơi có tộc người Bà Ba sinh sống⁽¹⁾. Dựa vào một số bức họa trong *An Nam quốc giang phiêu lưu phong tục tả sinh đồ* do người Nhật Bản vẽ vào năm 1794 tại vùng Đàng Trong, có thể thấy ngay từ cuối thế kỷ XVIII, loại áo vạt ngắn không bâu, xẻ giữa, cài bằng cúc đã xuất hiện tại vùng Đàng Trong Việt Nam. Nhiều khả năng đây chính là tiền thân của loại áo bà ba. Tuy nhiên, nguồn gốc của loại áo này có phải xuất phát từ đảo Pengnang Malaysia hay không, hiện chưa có tư liệu nào có thể khẳng định được.

2. Kiểu tóc

Sau một loạt sắc lệnh cấm sử dụng các loại mũ Tiện phục triều Lê ban bố vào thời vua Minh Mạng trong khoảng từ năm 1828 đến năm 1842, nam giới người Việt trong toàn quốc hầu hết đều búi tóc vấn khăn theo phong tục Đàng Trong. Ban đầu, các loại khăn lụa, khăn nhiều, khăn thâm của đàn ông được quấn rối,



Cụ già đội khăn xếp khoảng năm 1945. (Hình ảnh Hà Nội).

1. Áo dài xưa nay. (http://chimviet.free.fr/quehuong/chquynh/chqyn_aodaixuanay.htm).

2. Việt Nam sử lược. Tr.537.

1. Diện áo bà ba đón khách Tây. Dẫn theo Tạp chí *Hòn Việt*. Tr.31.



Mũ Ni. (Việt Nam qua tranh khắc Pháp; Kỹ thuật của người An Nam).

Trong khi đó, phụ nữ Đàng Ngoài vẫn vấn khăn thâm, lượt, nhiều, đội thêm khăn vuông mỏ quạ bằng vải nâu hoặc xuyến, bất chấp lệnh cấm “đàn bà không được dùng vải, lụa ngắn quấn đầu”, “không được đội khăn vuông”. Khác với phụ nữ Đàng Ngoài, “tại Trung kỳ, Nam kỳ, đàn bà búi tóc bịt khăn vuông, không vấn khăn như người Bắc”⁽²⁾, “đàn bà Đàng Trong ua để đầu trần với búi tóc, hoặc bịt đầu bằng một khăn vuông gấp chéo đôi, buộc nút xuống dưới cằm”⁽³⁾.

Ngoài ra, người cao tuổi thời Lê Nguyễn còn đội một loại mũ, gọi là mũ Ni, vốn là đồ đội của giới tăng lữ. Việt Nam tự điển năm 1954 định nghĩa: “Mũ Ni, mũ của ông già đội, phía sau có diêm che kín cả tai và gáy.” Loại mũ này ngay từ thời Lê Trung Hưng đã được Alexandre de Rhodes ghi nhận: “Mũ Ni, mũ của các vị sư [...] Mũ che tai dài tới vai. Những người khác cũng dùng mũ này trong trời lạnh.”⁽⁴⁾

Về nón đội, Phan Kế Bính cho biết đàn ông thường đội nón dứa, nón sơn, nón lông; đàn bà thường đội nón bẻ, nón lòng chảo⁽⁵⁾. Nhất Thanh giải thích: “Nón đan

về sau được quấn xếp nếp đều đặn, chít theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn xếp, khâu dán liền những vòng nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện.”⁽¹⁾



Phụ nữ thời Nguyễn vấn tóc đuôi gà bằng lụa trắng, đội nón Nghệ, mặc yếm trắng, áo nǎm thân cổ đứng cài khuy.

bằng nan giang, quét son dầu trên mặt cho khỏi thấm nước mưa gọi là nón sơn. Nón lợp bằng lá dứa rất mỏng, nhẹ, quai lụa bạch, đội trông ra vẻ hào hoa phong nhã. Quan liêu ua đội nón lông, lông cánh chim lợp hai đợt,

trên đỉnh có chóp bằng bạc chạm trổ, hay bằng đồi mồi vành vàng vành bạc.”⁽¹⁾ Loại nón bẻ của đàn bà mà Phan Kế Bính nhắc tới chỉ các loại nón ba tầm, nón Nghệ, nón quai thao v.v. được sử dụng thường xuyên vào đầu thế kỷ XX.



Một gia đình thượng lưu ở Huế. (BAVH).

1. *Đất lè quê thói*. Tr.223.

2. *Việt Nam phong tục*. Tr.324.

3. *Đất lè quê thói*. Tr.223.

4. *Từ điển Việt - Bồ - La*. Tr. 171.

5. *Việt Nam phong tục*. Tr.324.



Xe sợi. (Ảnh: Albert Kahn).

1. *Đất lè quê thói*. Tr.224.

LỜI KẾT

Trước khi có sự phân định nghiêm ngặt về địa chính trị, các cộng đồng dân cư chung sống trên cùng khu vực địa lý thường có sự giao lưu, chia sẻ, ảnh hưởng lẫn nhau về ngôn ngữ, phong tục v.v., một cách tự nhiên. Với tính chất hỗn dung, việc xác định phần lõi “thuần chủng” của bất kỳ nền văn hóa nào cũng cần nhiều thời gian và những chứng lý khoa học liên ngành.

Văn minh Trung Quốc không tự nhiên có sẵn; dung nạp trong đó chắc chắn có không ít thành tố văn hóa mang nguồn gốc Đông Di, Bách Việt. Song kể từ khi bộ máy chính quyền phong kiến Trung Quốc hình thành, đi kèm với chính sách đồng hóa “dùng Hạ biến di”, văn minh Trung Quốc từng bước thâm nhập và gây ảnh hưởng sâu rộng tới các vùng đất, quốc gia xung quanh nó, trong đó có Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Trong khi Nhật Bản với vị trí địa lý quốc đảo, nhiều lần phái các đoàn *khiển Đường sú* chủ động học tập, du nhập văn minh Đường, Việt Nam và Triều Tiên lại có quốc thổ gắn liền với đại lục Trung Quốc, đều từng hứng chịu những chính sách đồng hóa văn hóa. Sau khi giành được độc lập, với quan niệm văn minh Trung Quốc là thước đo tiến bộ, Việt Nam và Triều Tiên lại nhiều lần chủ động mô phỏng điển chương văn hiến của triều đình Trung Quốc. Chính vì vậy, trong nhiều trường hợp, những nét văn hóa tưởng như chỉ có ở Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản lại thường tìm thấy sự tương đồng hoặc tương cận của nó tại Trung Quốc.

Khoảng 100 năm trở lại đây, sau khi chủ nghĩa quốc gia, tư tưởng dân tộc được dịp lớn mạnh, Nhật Bản thừa nhận và tự hào cho rằng, họ học tập văn minh Trung Hoa, đồng thời đẩy lên một tầm cao mới, còn Hàn Quốc và Việt Nam lại diễn ra các cuộc tranh cãi về vấn đề “bản quyền” của các thành tố văn hóa vốn được coi là có nguồn gốc Trung Hoa. Có thể điểm qua việc ông Kim Định, Hà Văn Thùy chứng minh

Nho giáo mang nguồn gốc Việt, chân núi Thái Sơn từng là địa bàn cư trú của dân tộc Việt, Kinh Dịch là phát minh của người Lạc Việt v.v., tương tự trường hợp ông Ban Mun Ki, Kang Sang Won chứng minh chữ Hán là phát minh của người Hàn Quốc, sau đó dấy lên một loạt các bài viết tuyên bố người Hàn là chủ thể sáng tạo ra Đông y, Kinh Dịch, la bàn, thậm chí Khổng Tử, Tôn Trung Sơn là người Hàn Quốc v.v. Những nghiên cứu cổ sử dạng này, đều chịu sự chi phối của tinh thần dân tộc, còn nặng tính tư biện, suy diễn, thiếu chứng cứ khoa học xác tín. Bên cạnh đó, đứng ở góc độ “trung tâm” để soi chiếu các nước xung quanh, không ít học giả Trung Quốc lại có tâm thái, giọng điệu của nước lớn, coi văn hóa Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản chỉ đơn giản là sự khúc xạ của văn minh Trung Hoa, thiếu cái nhìn tôn trọng, khách quan đối với văn hóa, lịch sử của các quốc gia này. Đây là hai thái độ cực đoan trong việc nghiên cứu, đối sánh văn hóa, cần được nhìn nhận và phê bình một cách nghiêm túc.

Được xác định giới hạn nghiên cứu nằm trong giai đoạn 1009 - 1945, giai đoạn ít nhiều còn sử liệu, hiện vật ấn chứng, *Ngàn năm áo mũ* thể hiện một góc nhìn lịch sử, tư tưởng, mỹ thuật Việt Nam thông qua dòng chảy biến thiên của văn hóa trang phục; đồng thời làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt giữa trang phục Việt Nam so với trang phục của các nước đồng văn, đặc biệt là Trung Quốc. Từ kết quả nghiên cứu này, cách ăn mặc, lối sống của người Việt trong khoảng 1000 năm trở lại đây đã bước đầu sáng tỏ. Đây sẽ là tiền đề cho việc nghiên cứu phong tục, lối sống của người Việt trong quá khứ xa xưa hơn, nhằm từng bước tìm ra cái lõi “bản sắc” trong văn hóa Việt Nam.

Mỗi thời đều có giá trị quan, thẩm mỹ quan riêng. Mọi lời khen chê, đánh giá chỉ mang tính nhất thời. Cuốn sách bạn đọc cầm trên tay được viết nên bằng sự tôn trọng sự thật của ngàn năm áo mũ người Việt, không có đánh giá đúng sai, hay dở. Với tư cách là tác giả, tôi hy vọng bạn đọc có cái nhìn công tâm, bình tĩnh đối với văn hóa trang phục Việt Nam nói riêng, văn hóa cung đình Việt Nam nói chung, đặc biệt đối với những thành tố văn hóa Trung Hoa dung chứa trong văn hóa Việt.

Hà Nội, cuối xuân năm Quý Tị 2013.

Trần Quang Đức

PHỤ LỤC

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA Bá QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1661
 (theo *Lê triều thiện chính điển lê* và
Lê triều chiếu lệnh thiện chính, ký hiệu A.257)

Chức tước		Chầu vua			
		Mũ	Áo	Bố tử	Đai, Thao
Hoàng tử, vương tử	<i>Hoàng tử, vương tử được phong quốc công</i>	Dương Đường	Tía	Kỳ lân	Đai kỳ thạch (đá quý) bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong chức tam thái, tam thiếu gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch	Đai bọc vàng
	<i>Hoàng tử, vương tử phong tá hữu đô đốc gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô đốc đồng tri, đô đốc kiêm sự gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai tê giác bọc bạc
	<i>Hoàng tử, vương tử phong đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, đê lĩnh gia phong quận công</i>	Nón sơn bạc, đính hồng mao	Đỏ	Sư tử	Dây thao kép, xâu ngọc, cầm kiếm
	<i>Hoàng tử, vương tử phong quận công</i>	Ô Sa	Đỏ	Hổ	Dây thao kép, xâu ngọc
	<i>Hoàng tử, vương tử chưa được phong</i>	Lương Cân đen	Áo the đen		



Quan võ	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Tòng nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	Đai đồi mồi
	<i>Chính nhị phẩm, tòng nhị phẩm gia phong tước hầu</i>	Nón bạc đính hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đon, đeo kiếm
	<i>Tam phẩm, tú phẩm gia phong tước hầu</i>	Nón son son đính hồng mao	Đỏ	Tượng	Dây thao đon, đeo kiếm
	<i>Ngũ, lục, thất phẩm</i>	Nón son son đính hồng mao	Đỏ		Dây thao đon, đeo kiếm
Quan văn	<i>Nhất phẩm</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Nhị phẩm; quan đô ngự sử hàm chính tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Tiên hạc Đô Ngự sử: Giải trai	Đai sừng tê bít bạc
	<i>Tam phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Cẩm kê	Đai đồi mồi
	<i>Tú phẩm; quan thị độc kiêm đô ngự sử hàm ngũ phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đô Ngự sử: Giải trai	Đai đồi mồi
	<i>Ngũ phẩm; quan thị thu, thị chế hàm lục phẩm; quan đê hình, ngự sử hàm thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Khổng tước Đê hình, Ngự sử: Giải trai	Đai đồi mồi
	<i>Lục phẩm và lục khoa đô cấp sự trung hàm chính thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Vân nhạn	Đai kỳ lam hương
	<i>Thất phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh	Bạch hạc	Đai tốc hương

	<i>Bát phẩm và các chức đồng tri phủ hàm thất phẩm; tri huyện, tri châu hàm tòng thất phẩm, tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đai sừng trâu bọc thau
	<i>Cửu phẩm</i>	Phốc Đầu	Xanh đen	Tiêu liêu	Đai sừng trâu bọc thau

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1721**
(theo *Loại chí*)

Chầu vua					
	Chức tước	Mũ	Áo	Bố tử	Dai, Thao
Hoàng tử, vương tử, quan võ	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Tía	Tam thái: Kỳ lân; Tam thiếu: Bạch trạch. Thêu bằng kim tuyến	-Đai đính kỳ thạch bít vàng -Hia, bít tất
	<i>Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	-Tam thái: Bạch trạch; Tam thiếu: Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Các chức tả hữu đô đốc mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đỏ	Sư tử	-Đai đính sừng tê bít bạc -Hia, bít tất



	<i>Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công</i>	Phốc Đầu	Đô	Sư tử	-Dai đính đồi mồi bít bạc -Hia, bít tất
	<i>Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiếm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đính hồng mao	Áo trực linh, lót toàn thân, màu đỏ	Sư tử	-Dây thao kép xâu hạt ngọc -Deo gurom
	<i>đô hiệu kiếm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công</i>	Nón chóp bạc, đính hồng mao	Áo trực linh, lót toàn thân, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép - Deo gurom
	<i>Hoàng tử, vương tử có tước quận công</i>	Ô Sa, có chỉ đen đột nổi	Áo trực linh, màu đỏ	Hổ báo	-Dây thao kép xâu hạt ngọc -Deo gurom
	<i>Các chức cai quản, cai đội có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo trực linh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao kép - Deo gurom
	<i>Các chức đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thụ vê, tả hữu hiệu điểm mà có tước hầu</i>	Nón chóp bạc, đính hồng mao	Áo trực linh, lót toàn thân, màu đỏ	Tượng Thêu bằng tơ	-Dây thao đơn. - Deo gurom
	<i>Các chức đô chỉ huy sứ, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thiêm sự, chỉ huy sứ, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thiêm tổng tri mà có tước hầu</i>	Nón son son	Áo trực linh, màu đỏ	Tượng	-Dây thao đơn. Deo gurom

	<i>Các chức đô lê, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lanh, phó đô lê, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lanh, bách hộ, đê hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quản lanh, tả hữu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đê hạt, tả hữu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy</i>	Nón son son, chóp đính hồng mao	Áo trực linh, màu đỏ		-Dây thao đơn. -Chức trấn điện cầm kiếm và dùi đồng. -Còn lại cầm roi và kiếm
	<i>Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đâ dự trọng coi quản lính mà chưa có chức tước</i>	Mũ Thanh Cát	Áo Thanh Cát không lót		-Cầm gurom
	<i>Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sứ, tổng binh đồng tri, tổng binh thiêm sự</i>				Khi có lễ Biểu (trước khi dâng lễ mừng lên vua chúa, chọn ngày làm lễ dâng biểu), lễ Bài (những ngày lễ chính đán, lễ sinh nhật của vua chúa, các nha môn có làm lễ bái vọng)
	Phốc Đầu	Có tước: áo đỏ; chưa có tước: áo xanh, lục	Tượng	-Đai đính gỗ kỳ lam hương bít thau. -Hia, bít tất bằng là	
văn	<i>Tam thái, tam thiếu</i>	Phốc Đầu	Tía	Tiên hạc	-Đai đính sừng tê bít bạc. Hia, bít tất
	<i>Thượng thư, ngự sử</i>	Giải Trãi	Đô	-Thượng thư: Tiên hạc. Ngự sử: Giải trãi	- Đai đính sừng tê bít bạc. Hia, bít tất
	<i>Tả hữu thị lang</i>	Phốc Đầu	Đô	Sa kê	- Đai đính đồi mồi bít bạc. Hia, bít tất

	<i>Các chức thừa chí, phó đô ngự sử, thừa chính sứ, đại học sĩ, tế tửu, thị độc, thiêm đô</i>	Phốc Đầu. -Ngự sử: Giải Trái	-Có tước: đỗ. -Chưa có tước: xanh, lục.	Khổng tước. -Ngự sử: Giải trai	-Đai đính đồi mồi bít bạc. Hia, bít tất
	<i>Các chức tự khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thu, hiệu thu, đô khoa, thị chế, đề hình</i>	Phốc Đầu. -Đề hình: Giải Trái	Nhu trên	Khổng tước. -Đề hình: Giải trai	-Đai đính gỗ kỳ lam hương bít thau. Hia, bít tất
	<i>Các chức cấp sự, hiến sứ</i>	-Cấp sự: Phốc Đầu. -Hiến sứ: Giải Trái	Nhu trên	-Cấp sự: Vân nhạn. -Hiến sứ: Giải trai	Đai đính gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
	<i>Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngự sử các đạo</i>	-Hàn lâm: Phốc Đầu. -Cai đạo: Giải Trái	Nhu trên	Hàn lâm: Bạch nhàn. Cai đạo: Giải Trái	Đai đính gỗ kỳ lam hương. Hia, bít tất
	<i>Các chức thông chính sứ, thiêm sứ, kinh lịch</i>	<i>-Thường thì y phục cũng như Hàn lâm hiệu lý. Nếu thông chính sứ có dự bảng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa</i>			
	<i>Các chức thông chính sứ, tham nghị, lang trung, thiếu thiêm sứ, hiến phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tư thiên lệnh, phó doãn sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những đặc tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài</i>	Phốc Đầu. -Riêng hiến phó: Giải Trái	Dùng màu xanh, màu lục	Anh vú (vẹt)	-Đai đính sừng trâu bít thau. -Hia, bít tất

	<i>Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cáp môn sứ, đồng tri phủ, tư vụ, chiếu giám, diển thu, trị trung, thông phán, lục sự, diển thu, dài chiếu, giám ba, tu thiên giám thừa, tả mặc hữu mạc, cáp môn phó sứ, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tự, đồng tri châu, đô quan, diển ba, tu ban, huấn đạo</i>	Phốc Đầu	Dùng màu xanh màu đen	Thuần am. (Liêu thuần)	Đai đính sừng trâu bít thau. Hia, bít tất
	<i>Các thái y viện đại sứ, viện sứ, ngự y, nghiêm biện, lương y chánh, khán chẩn, lương y phó, thái quan thụ chánh, đồng văn nhã nhạc thụ chánh, thừa du cục cục chánh, giáo phuòng ty chánh, tu thân lang</i>	Phốc Đầu	-Áo màu xanh, màu đen	Thuần am (Liêu thuần)	Đai đính sừng trâu bít thau. -Hia, bít tất
	<i>Các chức trưởng sứ, bình sự, thông sự, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri ba, đô sự, tri sứ, điền sứ, chủ ba, xã mục, ngực thừa, các hàng thuộc viên tạp lưu</i>	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót		
	<i>Những người tôn thất thực thụ các chức lang chánh, lang phó, lang thừa</i>	Phốc Đầu	-Có tước: màu đỏ; chưa tước màu xanh, lục	Vân nhạn	Đai đính đồi mồi bít bạc. -Hia, bít tất

Nội quan	Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chuồng giám mà có tước quận công	Phốc Đầu	Màu đỏ	Hổ báo	Đai đính đồi mồi bít bạc. -Hia, bít tất
	Các chức thái giám, thiêm thái giám, tham chuồng giám, tham tri giám, đồng tri giám	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu lục	Vân nhạn	-Đai đính đồi mồi bít thau. -Hia, bít tất
	Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đề điểm	Phốc Đầu	Có tước: màu đỏ; chưa tước: màu xanh, lục, đen	Bạch nhàn	-Đai đính gỗ kỳ lam hương bít thau. -Hia, bít tất
	Các chức phụng ngự, giám bạ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không phú hậu		

Nhi phẩm	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ
Tam phẩm	Phốc Đầu sức bạc	Đai đồi mồi sức bạc	Cẩm kê	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai đồi mồi sức bạc	Sư tử	Đỏ
Tú phẩm	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đồi mồi sức thau bọc đoạn thâm	Khổng tước	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Hổ	Lục
Ngũ phẩm	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai đồi mồi sức thau bọc đoạn thâm	Vân nhạn	Lục	Nón bạc	Thắt dải đai màu tía	Báo	Lục
Lục phẩm trở xuống	Phốc Đầu sức đồng thau	Đai tốc hương viền thau bọc đoạn thâm	Bạch nhàn	Xanh	Nón son	Thắt dải đai màu xanh	Tượng	Xanh

Pháp quan đội mũ Giải Trại, Bổ tử Giải trại

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1725

(theo *Cuong mục*)

Phẩm cấp	Quan văn				Quan võ			
	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc	Mũ	Đai	Bổ tử	Phục sắc
Nhất phẩm	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Tiên hạc	Đỏ	Phốc Đầu sức bạc	Đai sừng tê sức bạc bọc linh là đỏ	Bạch trạch	Đỏ

QUY CHẾ THỊ PHỤC CHÂU CHÚA CỦA BÁ QUAN

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG NĂM 1721

(theo *Loại chí*)

Châu chúa			
Chức tước		Mũ	Áo
	Hoàng tử, vương tử làm các chức tam thái, tam thiếu mà có tước quận công	Ô Sa, có chỉ đèn đột nổi	Áo Thanh Cát, có phú hậu



Hoàng tử, vương tử, quan võ	Các chức tam thái, tam thiếu có tước quận công Hoàng tử, vương tử làm các chức tá hưu đô đốc mà có tước quận công Các chức tá hưu đô đốc mà có tước quận công Hoàng tử, vương tử làm các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công Các chức đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự mà có tước quận công Hoàng tử, vương tử làm các chức đô hiệu kiêm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công Các chức đô hiệu kiêm, đê đốc, đê linh, tham đốc, đô vệ sự mà có tước quận công Hoàng tử, vương tử có tước quận công Các chức cai quản, cai đội có tước quận công Các chức đô hiệu điểm, đê đốc, tham đốc, phó đô đốc, lãnh thụ vệ, tá hưu hiệu điểm mà có tước hầu. Các chức đô chỉ huy sú, đô chỉ huy đồng tri, đô chỉ huy thiêm sự, chỉ huy sú, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, tổng tri, đồng tổng tri, thiêm tổng tri mà có tước hầu	Ô Sa Ô Sa, có chỉ đèn đột nỗi Ô Sa Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu Áo Thanh Cát Áo Thanh Cát có phú hậu Áo Thanh Cát có phú hậu Áo Thanh Cát có lót	Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc -Dây thao kép xâu hạt ngọc. -Cầm gurom -Dây thao kép. -Cầm gurom -Dây thao kép xâu hạt ngọc. -Đeo gurom -Dây thao kép. -Cầm gurom -Dây thao đơn. -Cầm gurom -Dây thao đơn. -Cầm gurom
------------------------------------	---	--	---	--

Quan văn	Các chức đô lê, trấn điện quân tướng quân, lực sĩ hiệu úy, thiên hộ, quản lãnh, phó đô lê, chánh đô úy, phó thiên hộ, trung úy, lang tướng, phó quản lãnh, bách hộ, đê hạt, phó trung úy, phó lang tướng, phó quản lãnh, tá hưu tiền hậu lang tướng, đô úy, chánh võ úy, phó đê hạt, tá hưu tiền hậu phó lang tướng, phó võ úy, vệ úy, phó đô úy, phó trung úy Cai đội, phó cai đội, chánh đội trưởng, phó đội trưởng đã dự trọng coi quân lính mà chưa có chức tước Các chức làm việc ở ngoài như đô tổng binh sú, tổng binh đồng tri, tổng binh thiêm sự	Mũ Thanh Cát Mũ Thanh Cát Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót Áo Thanh Cát không lót Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép Cầm gurom Dây thao kép
	Tam thái, tam thiếu	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc
	Thuượng thư, ngự sử	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc và súc bạc
	Tá hưu thị lang	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	Các chức thừa chỉ, phó đô ngự sử, thừa chính sú, đại học sĩ, tế túu, thị độc, thiêm đô	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	Các chức tụ khanh, tham chính, phủ doãn, học sĩ, tư nghiệp, thị giảng, thị thu, hiệu thư, đô khoa, thị chế, đê hình	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	Các chức cấp sự, hiến sứ	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép





<i>Các chức hàn lâm hiệu lý, hiệu thảo, giám sát ngũ sự các đạo</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
<i>Các chức thông chính sú, thiêm sự, kinh lịch</i>	<p>-Thường thì y phục cũng như hàn lâm hiệu lý.</p> <p>-Nếu thông chính sú có dự bảng vàng thì y phục như tự khanh và đô khoa</p>		
<i>Các chức thông chính sú, tham nghị, lang trung, thiếu thiêm sự, hiến phó, thiếu khanh, thiếu doãn, trung thư xá nhân, tu thiên lệnh, phó doán sự, viên ngoại lang, thông chính thừa, tri phủ và những chắc tự khanh, thiếu khanh làm việc ở ngoài</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
<i>Các chức tu soạn, giáo thụ, học chính, cấp môn sú, đồng tri phủ, tu vu, chiếu giám, diễn thu, tri trung, thông phán, lục sự, diễn thu, dài chiếu, giám bạ, tu thiên giám thừa, tả mạc hữu mạc, cấp môn phó sú, tri huyện, tri châu, huyện thừa, ngũ quan chính, chính tu, đồng tri châu, đô quan, diễn bạ, tự ban, huấn đạo</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	Dây thao đơn
<i>Các thái y vien đại sứ, vien sứ, ngũ y, nghiêm biện, luong y chánh, khán chẩn, luong y phó, thái quan thư chánh, đồng văn nhã nhạc thư chánh, thừa dụ cục cục chánh, giáo phuòng ty chánh, tu thân lang</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót	

	<i>Các chức trưởng sứ, bình sứ, thông sứ, chánh phó tư nghị, phủ hiệu úy, thị độc, giảng dụ, vệ úy, tri ba, đô sứ, tri sự, điển sự, chủ bạ, xã mục, ngực thừa, và các hàng thuộc viên tạp lưu</i>	Ô Sa đơn dạng	Áo Thanh Cát có lót	
Nội quan	<i>Những người tôn thất thực thụ các chức lang chánh, lang phó, lang thừa</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức nội giám, tổng thái giám, đô thái giám, chuồng giám mà có tước quận công</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép xâu hạt ngọc
	<i>Các chức thái giám, thiêm thái giám, tham chuồng giám, tham tri giám, đồng tri giám</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có phú hậu	Dây thao kép
	<i>Các chức tả hữu thái giám, tả hữu giám thừa, tả hữu đế điểm</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	Dây thao đơn
	<i>Các chức phụng ngũ, giám bạ</i>	Ô Sa	Áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu	
	Chức túc	Áo mũ		
	<i>Các chức xá nhân, án lại, tướng thần lại, lệnh sứ, nội thư tả thì từ cai ty, cai hợp, thủ hợp trở lên, thị nội văn chức thì từ nho sinh trúng thức, giám sinh trở lên</i>	<p>Khi chầu hầu làm việc thì dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát có lót, không có phú hậu</p>		
	<i>Ở Trung thư sảnh, các chức hoa văn học sinh, án lại, xá nhân, tướng thần lại, lệnh sứ, thư tả, nội thư tả; ở các văn nha môn thì các chức đô lại, đế lại, diễn lại, thông lại</i>	<p>Khi chầu hầu làm việc thì dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát không lót</p>		
	<i>Những nho sinh trúng thức, giám sinh, nho sinh, xã chánh, xã sứ, xã tu, sinh đồ, quan viên tử tôn, nhiều nam</i>	<p>Ở trong làng thì cho dùng mũ Ô Sa, áo Thanh Cát có lót, dây thao đơn; áo mặc thường cho dùng các thứ the, là, vải, lụa</p>		
		<p>Dùng mũ Ô Sa đơn dạng, áo Thanh Cát với áo ngắn lót, không có phú hậu, dây thao đơn</p>		



<i>Hoàng tử, vương tử chưa có chức tước</i>	-Khi vào hầu ở nội cung thì dùng mũ Lương Cân, áo sa đen -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức tá hữu đô đốc, có tước quận công trở lên</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và không lót. -Thường phục dùng các thứ gấm vóc có hoa màu.
<i>Hoàng tử, vương tử từ chức đô đốc đồng tri có tước quận công trở xuống</i>	-Khi vào hầu dùng mũ Thanh Cát, áo Thanh Cát có phú hậu và có lót
<i>Con cháu các quan văn võ, được phong ám trở lên</i>	-Khi vào hầu làm việc thì con cháu quan văn dùng mũ Ô Sa đơn dạng, con cháu quan võ dùng mũ Thanh Cát, đều dùng áo Thanh Cát có lót
<i>Dân gian thì từ các chức sắc trở xuống</i>	-Y phục đều dùng các thứ gai, the, vải, lụa, không có lót

Chính tòng nhất phẩm	Phốc Đầu tròn, mũ của quan chính nhất phẩm như trên. mũ của quan tòng nhất phẩm 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân, còn lại như trên	-Măng bào cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	Nhu trên	Phốc Đầu vuông	-Nhu ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Nhu ban văn; dai trổ Kỳ lân
-----------------------------	---	--	----------	----------------	----------------------------------	------------------------------

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN NĂM 1804
(theo Hội điển)

Phẩm trật	Ban văn			Ban võ		
	Mũ	Y, thường, Bố tử	Đai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bố tử	Đai, hia
Trên nhất phẩm (Tôn nhân phủ tôn nhân lệnh)	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 6 phân; ngạch tường vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng	-Măng bào cổ tròn, màu tía -Thường thêu Tiên hạc xen hoa, màu đỏ	-Đai: súc toàn vàng, mặt trước và sau đều trổ một hình rồng bốn móng; còn lại trổ Tiên hạc, nền đỏ -Hia đầu vuông màu đen -Bít tất viền gấm	Phốc Đầu vuông 1 khóa kiều vàng, 2 hốt vàng cao 5 phân; còn lại như quan văn	-Nhu ban văn; thường thêu Kỳ lân	-Nhu ban văn; dai trổ Kỳ lân

Chính tòng nhị phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng, súc giao long vàng	Nhu trên	-Đai: súc toàn vàng, mặt trước và sau đai đều trổ hình Tiên hạc; còn lại, trổ hình hoa, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Nhu ban văn; thường thêu Bạch trạch	-Nhu ban văn; dai trổ Bạch trạch
Chính tòng tam phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều vàng, hoa vàng ở mặt trước và sau; hai cánh chuồn viền bọc vàng	Nhu trên	Đai: súc toàn vàng, bề mặt vàng không cham trổ, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	Nhu ban văn; thường thêu Sư tử	Nhu ban văn

Chính Tòng tú phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều bạc, hoa vàng ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc vàng	-Hoa bào cổ tròn (thêu hoa), các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường: làm bằng sa, đoạn; màu xanh, lục tùy nghi; nền hoa tròn, màu đỏ, thêu Khổng tước viền gấm	Dai: mặt đồi mồi, hai viền dài của ba miếng đồi mồi phía trước bọc vàng, còn lại đều bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Chính tú phẩm: áo Giao bào (thêu giao long) cổ tròn -Tòng tú phẩm: áo Hoa bào (thêu hoa) cổ tròn, các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Như ban văn
Chính tòng ngũ phẩm	Phốc Đầu tròn, 1 khóa kiều bạc, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	-Áo bào cổ tròn làm bằng sa, đoạn, đính Bổ tử thêu Vân nhạn, nền đỏ; các màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi	Dai: mặt đồi mồi bọc bạc, nền đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn ngũ phẩm, Bổ tử thêu Báo -Thường thêu Báo	Như ban văn
Chính tòng lục phẩm	Phốc Đầu tròn, hoa bạc ở mặt trước và sau, hai cánh chuồn viền bọc bạc	Như trên, Bổ tử thêu Bạch nhàn	Dai: ba miếng phía trước mặt đồi mồi, còn lại là sừng đen, đều bọc bạc, nền đai đỏ	Phốc Đầu vuông	-Áo bào như ban văn lục phẩm, Bổ tử thêu Hùng -Thường thêu Hùng	Như ban văn

Chính tòng thất phẩm	Phroc Đầu tròn, hoa bạc trước sau đều 1 bông, hai cánh chuồn viền tròn	Như trên, Bổ tử thêu Lộ tur; tòng thất phẩm Bổ tử thêu Lộ tur nền xanh -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn.	-Đai: mặt sừng đen bọc bạc, nền đỏ - Bít tất: màu thái lục	
----------------------	--	---	--	--

**QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA BÁ QUAN VĂN VÔ
TRIỀU NGUYỄN NĂM 1845**
(theo *Hội điển*)

Ban văn			Ban vō		
Quan văn đội mũ Phốc Đầu tròn, quan vō đội mũ Phốc Đầu vuông, thàn dai đều dùng tre thuộc (thực sa trúc) bọc đoạn màu xích vū.					
Mũ	Y, thường, Bổ tử	Dai, hia, tất	Mũ	Y, thường, Bổ tử	Dai, hia

Phốc Đầu tròn, 1 bắc sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân, phía ngoài trổ hình giao long; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long bốn ngọc bàng vàng, đầu cánh chuồn đều súc vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cổ đồng, may bằng đoạn Bát ti thêu hình Tú linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu hoa xích ngũ sắc gia vàng, thêu hình Tiên hạc	-Đai: tổng cộng 18 miếng đai phía trước sau, phải trái, vuông dài, dẹt; 2 mộc bạc; miếng chính giữa phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều khảm vàng, trổ hình hoa, các miếng còn lại bề mặt khảm đồi mồi, đều bọc bạc	Phroc Đầu vuông (Tuy Hội điển không ghi chép cụ thể, song tranh ảnh thế kỉ XX cho thấy, quy chế mũ Phroc Đầu năm 1845 của quan võ tướng tự như quan văn, song sự gia giảm như quy chế năm 1804)	Nhu quan văn nhất phẩm; thường thêu hình Kỳ lân
Phroc Đầu tròn, trang súc như chính chất phẩm, riêng ngạch tường cao 3 phân, trổ hình hoa; mặt mũ không có ngọc châu; đầu hai cánh chuồn không súc vàng	-Áo bào màu thiên thanh dùng đoạn Bát ti thêu hình Tú linh, tơ ngũ sắc gia vàng -Thường như quan chính nhất phẩm	Đai: 13 miếng phía trước và hai bên phải trái đều bọc tử kim; 5 miếng phía sau bọc bạc; mặt đai khảm đồi mồi	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tòng nhất phẩm	
Phroc Đầu tròn, 1 bắc sơn vàng; 2 khóa giản vàng; phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng; phía sau 2 hoa vàng; hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng; 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào màu cam bích, dùng đoạn Bát ti thêu Tú linh, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường như quan chính nhất phẩm	-Đai: trong 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng nằm trong bọc tử kim, 6 miếng bọc bạc, so le; 5 miếng phía sau bọc bạc; tất cả đều khảm đồi mồi lên bề mặt	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan chính nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	-Nhu quan văn chính nhị phẩm -Thường thêu hình Kỳ lân

Phroc Đầu tròn, trang súc như chính nhị phẩm, riêng dùng màu quan lục -Thường như quan chính nhị phẩm	-Áo bào như chính nhị phẩm, riêng dùng màu quan lục -Đai: Miếng vuông phía trước và hai miếng hình quả trám ở hai bên phải trái đều bọc tử kim, 14 miếng còn lại bọc bạc, bề mặt khảm đồi mồi	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tòng nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	-Nhu quan văn nhị phẩm -Thường thêu hình Bạch trạch	Nhu quan văn tòng nhị phẩm
Phroc Đầu tròn, 1 bắc sơn vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước phia sau đều có 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, 2 như ý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào như quan nhị phẩm. Riêng dùng màu bao lam -Thường như quan nhị phẩm, riêng dùng màu xích mộc, thêu hình Cẩm kê	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn chính tam phẩm -Đai: 18 miếng đều bọc bạc, mặt khảm đồi mồi	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn chính tam phẩm -Thường thêu hình Sư tử	Nhu quan văn chính tam phẩm
Phroc Đầu tròn, trang súc như chính tam phẩm, riêng bóc 2 giao long vàng	-Áo bào như chính tam phẩm, riêng dùng màu ngọc lam -Thường như quan chính tam phẩm	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn chính tam phẩm -Đai: Như quan chính tam phẩm, riêng bóc 2 giao long vàng	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tòng tam phẩm; Thường thêu Sư tử	Nhu quan văn tòng tam phẩm
Phroc Đầu tròn, 1 bắc sơn bạc, 2 khóa giản vàng, phía trước và sau đều 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bọc vàng, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trầu thêu giao long màu quan lục, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu bảo lam ngũ sắc gia vàng, thêu hình Khổng tước	Phroc Đầu vuông, trang súc như quan văn tứ phẩm; Thường thêu hình Hồ	Nhu quan văn tứ phẩm	Nhu quan văn tứ phẩm

QUY CHẾ TRIỀU PHỤC CỦA MỘT SỐ VỊ HOÀNG TỬ, HOÀNG THÂN,
TÔN THẤT NHÀ NGUYỄN NĂM 1845
(theo *Hội điển*)

Phốc Đầu tròn, trang sức như quan tú phẩm, nhưng các trang sức toàn bằng bạc	-Áo bào dùng trùu thêu hoa màu bảo lam, tơ ngũ sắc gia vàng. -Thường làm bằng sa mát, tơ màu quan lục ngũ sắc gia vàng -Bổ tử dùng đoạn màu xích vú, thêu Vân nhạn	-Dai: 9 miếng phía trước và hai bên trái phải bọc bạc và đồng xen kẽ; 3 miếng phía sau bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa	Phroc Đầu vuông, trang sức như quan vân tú phẩm	-Như quan vân tú phẩm -Bổ tử thêu hình Báo	Nhu quan vân tú phẩm		
Phốc Đầu tròn, phía trước, sau đều có 1 hoa bạc; hai cánh chuồn viền bọc bạc; 2 nhuý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào dùng trùu bóng màu ngọc lam -Thường dùng sa Tố màu quan lục. -Bổ tử dùng đoạn màu xích vú, thêu hình Bạch nhàn	-Dai: miếng chính giữa phía trước bọc bạc, 9 miếng còn lại bọc đồng; tất cả đều khảm sừng hoa					
Đô ngự sử, phó đô ngự sử và các chức khoa đạo chưởng án vốn cấp cho mũ Giải Trại có hai sừng bạc thì (nay) đổi 2 khóa giản vàng thành 2 giao long bằng vàng và bạc							

376

	Mũ	Y, thường, Bổ tử	Dai
Tôn thất được phong tước thân vương, quận vương	Phroc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 4 phân trổ hình giao long, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng. Hai cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng vòn ngọc châu, đầu cánh chuồn đều súc vàng, 2 nhuý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tú linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Dai miếng chính giữa ở phía trước và 2 miếng hình dẹt ở hai bên phải trái, bề mặt đều trổ hình hoa khảm vàng, còn lại bề mặt khảm mai đồi mồi, đều bọc vàng tử kim
Tôn thất được phong tước thân công, quốc công	Phroc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 1 ngạch tường vàng cao 3 phân trổ hình hoa, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, 2 giao long vàng, 2 nhuý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tú linh màu chân lan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu hình Kỳ lân	-Dai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc vàng tử kim, 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đồi mồi
Tôn thất được phong tước quận công, huyện công	Phroc Đầu vuông, 1 bác sơn vàng, 2 khóa giản vàng, phía trước 1 hoa vàng, 2 giao long vàng, phía sau 2 hoa vàng, 2 cánh chuồn viền bọc vàng, bề mặt súc giao long vàng, 2 nhuý vàng, 2 nhiều tuyến vàng	-Áo bào Tú linh màu tử đan làm bằng đoạn Bát ti ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu hoa xích ngũ sắc gia kim, thêu Bạch trạch	Đai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái có 7 miếng bọc vàng tử kim, 6 miếng bọc bạc, xen kẽ. 5 miếng phía sau bọc bạc, bề mặt đều khảm mai đồi mồi

377

QUY CHẾ THƯỜNG PHỤC CỦA BÁ QUAN
NHÀ NGUYỄN
 (theo *Hội điển*)

Tôn thất được phong hương công, huyện hầu, hương hầu	Phốc Đầu vuông, so với tôn thất được phong tước quận công, mũ Phốc Đầu vuông lược đi 1 hoa vàng phía sau, mặt mũ lược trang sức giao long vàng	-Áo bào Tứ linh màu đà xích -Thường làm bằng sa mát màu mộc xích thêu Sư tử	Đai 18 miếng đều bọc bạc
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong kỳ ngoại hầu, kỳ nội hầu, định hầu, đinh hầu, trợ quốc khanh	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản vàng, trước sau 1 hoa vàng, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Giao bào màu giáng chu làm bằng trùu ngũ sắc gia kim. -Thường làm bằng sa mát màu quan lục thêu Hổ.	Đai 13 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc bạc. 5 miếng phía sau bọc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong tá quốc khanh, phụng quốc khanh, trợ quốc úy, tá quốc úy	Phốc Đầu vuông, 1 bác sơn bạc, 2 khóa giản bạc, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo Hoa bào màu tương làm bằng trùu ngũ sắc gia kim -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục -Bổ tử làm bằng to vũ ti đỗ, thêu Báo	Đai 9 miếng phía trước và hai bên phải trái bọc bạc và đồng xen kẽ, 3 miếng phía sau bọc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác
Hoàng tử, thân vương, tôn thất được phong phụng quốc úy, trợ quốc lang, tá quốc lang, phụng quốc lang	Phốc Đầu vuông, trước sau 1 hoa bạc, hai cánh chuồn viền bọc bạc, 2 như ý bạc, 2 nhiều tuyến bạc	-Áo bào màu tương đậm thêu 2 hoa ổ, làm bằng đoạn Bát ti -Thường làm bằng sa Tế hoa màu quan lục. -Bổ tử làm bằng to vũ ty đỗ, thêu gấu	Đai 1 miếng chính giữa phía trước bọc bạc, 9 miếng còn lại bọc đồng, bề mặt đều khảm hoa giác

	Quan văn		Quan võ		Ý, thường
	Mū	Bổ tử	Mū	Bổ tử	
Trên nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng, hai dải thùy anh trang sức kim hoa khảm ngọc châu	Tiên hạc, hoa	Hổ Đầu: sức toàn bằng vàng	Kỳ lân	-Áo giao lĩnh cổ trắng, làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục, lam, đen tùy nghi -Thường nền đát vàng
Nhất phẩm	Văn Công: sức toàn bằng vàng	Tiên hạc	Hổ Đầu	Kỳ lân	Nhu trên
Nhi phẩm	Văn Công	Tiên hạc	Hổ Đầu	Bach trạch	Nhu trên
Tam phẩm	Văn Công	Cẩm kê	Hổ Đầu	Sư tử	Nhu trên
Tú phẩm	Đông Pha: hoa vàng ở mặt trước và sau, các trang sức như phu như hoa, giao long đều dùng bạc	Khổng tước	Xuân Thu	Hổ	-Áo giao lĩnh, màu cổ áo như màu áo, làm bằng sa, đoạn; các màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi -Thường nền đỏ
Ngũ phẩm	Đông Pha: phía trước 2 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc 2 giao long bạc	Vân nhạn	Xuân Thu	Báo	Nhu trên
Lục phẩm	Đông Pha: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc; phía sau 1 hoa bạc	Bạch nhàn	Xuân Thu (Quan võ tù thất phẩm trở xuống chỉ đặt tòng, không đặt chính)	Hùng	Nhu trên

TIỂU TÙ ĐIỂN
TRANG PHỤC VIỆT NAM



Thất phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, 2 giao long bạc, phía sau 1 hoa bạc	Lộ tư (chính: nền đỏ, tòng: nền xanh)	Tòng thất phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính thất phẩm	Buru tòng: nền xanh	-Áo như trên -Thường: làm bằng sa, đoạn, màu xanh, lục tùy nghi; phần màu thái lục hai bên thường không thêu hoa tròn
Bát phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc, sau 1 hoa bạc	Khê xích	Tòng bát phẩm đội Văn Tú Tài như văn chính bát phẩm	Hải mā	-Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi. -Thường: Như trên
Cửu phẩm	Văn Tú Tài: phía trước 1 hoa bạc	Liêu thuần nền xanh	Tòng bửu phẩm đội Văn Tú Tài như chính cửu phẩm	Tē ngiru	Như trên
Chưa nhập lưu	Phong Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc		Tuy Cân: trước sau đều súc 1 sợi bạc		Áo giao lĩnh màu gốc bằng sa, đoạn; màu xanh, lục, lam, đen cho tùy nghi

Anh Cân: mũ của quan võ chưa nhập lưu triều Nguyễn.

Áo bà ba: loại áo vạt ngắn không bâu, xé giữa, cài bằng cúc, phổ biến ở Nam Bộ.

Áo chít: Xem Áo (dài) nǎm thân.

Áo Cùu: một trong những loại áo tránh rét của giới trung lưu, quý tộc. Ở Việt Nam, áo Cùu bên ngoài là da, bên trong là lông, được làm bằng lông cáo (Hồ Cùu) hoặc lông chồn (Điêu Cùu).

Áo (dài) nǎm thân: chỉ loại áo may bằng nǎm khố vải (vật trước hai khố, vật sau hai khố, thân bên phải dôi ra một khố ngắn nữa), phân biệt với các dạng áo được may bằng bốn khố vải như áo tú thân, áo giao lĩnh.

Bàn long: chỉ hoa văn rồng tròn (rồng ống) thêu trên áo bào.

Bao Cân: mũ Thường triều của vương, hầu để tóc ngắn thời Trần.

Bao Đính: mũ Tiện phục của các vị vua nhân, quan lại quý tộc thời Lê Trung Hưng, kiểu dáng tròn, đỉnh phẳng, cao khoảng một thước, làm bằng lông đuôi ngựa, nên còn gọi là Mã vī Bao Đính.

Bào phục: hay áo bào, chỉ loại trang phục mặc khi thiết triều của vua quan phong kiến.

Bát bảo: tám dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Bát Tiên: loại mũ trang trọng của vua

nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời

Lê Trung Hưng, làm bằng đoạn màu huyền hoặc sa the, đỉnh phẳng, trên may cánh hoa cúc mẩy lớp đùm lên nhau, quanh mũ gấp nếp, dải dây buộc ngang trán, buông phần thừa ra sau gáy và hai tai có diềm rủ, gần tương tự mũ Bao Đính.

Bình Đính: loại mũ đỉnh phẳng nói chung. Vào thời Lê Trung Hưng, danh xưng Bình Đính đặc chỉ loại mũ tế của vua chúa và các quan. Đến thời Nguyễn, từ năm 1816, danh xưng này chỉ loại mũ Đại triều của các hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công.

Bình Thiên: 1. tên gọi khác của mũ Miện. 2. tên gọi khác của loại mũ Triều phục Bình Đính của hoàng tử, hoàng thân được ban tước thân vương, quận vương, thân công, quận công triều Nguyễn. Xem: Miện, Bình Đính.

Bổ phục: chỉ Bào phục gắn Bổ tử.

Bổ tử: còn gọi là Hung bối, chỉ vuông vải thêu hình chim thú gắn ở trước ngực và sau lưng áo bào, dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan. Quy chế trang phục Thường triều Hung bối - Bổ tử định hình vào thời vua Minh Thái Tổ - Trung Quốc, được áp dụng vào triều đình Việt Nam từ năm 1471.

Bội: còn gọi là thùy bội, chỉ dải ngọc đeo hai bên hông, được gắn kết bằng các loại ngọc có hình thù khác nhau.

Bồn Hoa: loại mũ Thường phục áp dụng cho thị vệ nhân thuộc ngạch Tụng quan của nhà Trần.

Bức Cân: loại mũ trang trọng của văn nhân, nho sĩ và đàn ông thường dân thời Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ ni, song hai bên mang tai có hai dải thắt, thắt lại ở sau đầu.

Cách đới: đai da nói chung, hình tròn, trên đai được gắn các miếng trang sức hình vuông, hình tròn hoặc hình quả trám. Đai thường to rộng, chỉ mang tính trang sức.

Cao Son: mũ Thường phục của các quan văn từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396, mũ Thường phục của văn võ bá quan, giáo thụ Quốc Tử Giám và giáo viên ở các lô, huyện thời Lê sơ từ năm 1434 đến năm 1437.

Cân hoàn: loại trang sức hình tròn được đính vào hai bên mũ Toàn Hoa thời Trần.

Chiết Xung: mũ Thường phục của các quan võ từ nhất phẩm đến lục phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Chuong: các hoa văn thêu trên Lễ phục Cổn Miện, tượng trưng cho trời đất vạn vật, gồm Nhật (mặt trời), Nguyệt (mặt trăng), Tinh thần (sao), Sơn (núi), Long (rồng), Hoa trùng (chim trĩ), Tông di (cốc ở tông miếu, có hình hổ và khỉ), Tảo (rong), Hỏa (lửa), Phấn mè (gạo), Phủ (riù), Phật (chữ Á 亞).

Cổ đồ: tên gọi của một số dạng hoa văn thêu trên áo bào của vua quan nhà Nguyễn.

Cổ kiềng: Xem: Đoàn linh.

Cổn: còn gọi là Long Cổn, hoặc Cổn Long y, loại áo trong Lễ phục Cổn Miện, thường có màu xanh sẫm hoặc màu huyền,

cổ áo giao lĩnh, thêu các hoa văn Phủ, Phật, Sơn, Hỏa... Riêng áo Cổn của vua được thêu hoa văn Nhật, Nguyệt ở hai vai, Long ở hai ống tay áo.

Cổn Miện: tên gọi tắt của bộ Lễ phục áo Cổn, mũ Miện, là trang phục dành riêng cho đế vương và vương công đại thần sử dụng trong các dịp đại lễ như tế trời đất, lễ lên ngôi v.v., vào thời vua Lê Hiến Tông còn được sử dụng làm Lễ phục khi vua cày Tịch điền. Bộ Lễ phục này bị phế bỏ vào thời Lê Trung Hưng và được khôi phục vào thời vua Minh Mạng triều Nguyễn. Vào thời Nguyễn, Cổn Miện chỉ được sử dụng trong dịp tế Nam Giao.

Cổn phục: tên gọi chung của áo Cổn và tất cả phục sức đi kèm như thường, tế tất, đại đới, cách đới, bội, thụ v.v.

Công phục: 1. vốn đồng nghĩa với khái niệm Thường phục, tức trang phục mặc vào những buổi thường triều ngày 5, 10, 20, 25, từ thế kỷ XV trở về sau chỉ loại trang phục vua quan mặc vào những buổi chầu mồng một và ngày rằm. 2. chỉ loại trang phục trang trọng của nho sĩ và dân thường.

Củng Thần: loại mũ Triều phục dành cho các vị vương, hầu, minh tự thời Lý - Trần, phẩm trật được phân biệt bởi số bậc và số trang sức ong bướm trên mũ.

Cửu Long: Xem Cửu Long Thông Thiên.

Cửu Long Đường Cân: còn gọi là Đường Cân, loại mũ Thường phục của hoàng đế triều Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chỏm khum tròn chùm về phía trước, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八. Xem: Đường Cân.

Cửu Long Thông Thiên: còn được gọi là mũ Cửu Long, hoặc mũ Xung Thiên, mũ Triều phục của hoàng đế triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Xung Thiên triều Lê, riêng quy chế trang sức trên mũ có sự khác biệt.

Đường Đường: 1. một trong những dạng hoa văn hình hoa thời Trần, Lê. 2. mũ Triều phục của Nội quan thời Trần, phẩm trật của các quan được phân biệt dựa vào số hình ong bướm sức trên mũ. 3. mũ Triều phục của hoàng tử, vương tử được phong tước quốc công triều Lê Trung Hưng, kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, duy phía sau cao hơn, hai cánh chuồn có khi được nạm vàng.

Đa La: còn gọi là Da La Ni, hay La Đà Ni, đều chỉ cùng một loại vải gai, phần lớn có màu xanh và đỏ. Vào thời Lê Trung Hưng, loại mũ Đinh Tự được làm từ chất liệu vải gai này được gọi là mũ Đa La.

Dai: thú phục sức đeo ngang lưng bên ngoài áo bào, được gắn các miếng trang sức hình tròn, hình quả trám làm bằng kim loại hoặc đồi mồi..., được xỏ qua hai dây thắt dôi ra từ nách áo, ôm lấy người, thường chỉ mang tính trang sức

Dai đới: 1. đai thắt lưng, có hai dải to bắn buông xuống dưới chân, còn gọi là thân. 2. dải lụa màu xanh trong Cổn phục của vua quan triều Nguyễn; một đầu dải lụa được thắt ở đai da phía trước, sau đó vòng qua vai, cố định lại ở phần đai sau lưng. Xem: Thân.

Đâu Mâu: còn gọi là mũ Trụ, bảo vệ phần đầu của binh sĩ khỏi giáo mác, vì hình dạng giống chiếc mâu, một loại nón thời cổ

của Trung Quốc nên gọi là Đâu Mâu.

Đinh Tự: còn gọi là mũ Nhục, loại mũ có kiểu dáng chữ Đinh T tự nằm ngang, trán mũ thẳng, cong tròn dần khi tới đỉnh, vươn ra sau gáy. Đây là loại mũ Thường phục của các quan văn võ nhà Trần kể từ năm 1301, và là dạng mũ được sử dụng rộng rãi trong quân đội và dân gian thời Lê Trung Hưng.

Đoàn linh: cũng gọi là viên linh, nôm na gọi là áo cổ kiềng, chỉ loại áo cổ tròn, gài cúc bên vai phải. Vào thời Lê, Nguyễn, áo đoàn linh chỉ được dùng trong những buổi Đại triều.

Đông Pha: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn tú, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn, lá phủ phía sau mũ được lượn theo hình sóng, gáy mũ đính hai dải anh rủ xuống lưng.

Đường Cân: 1. loại mũ Tiện phục được làm bằng the đen, tương tự kiểu dáng mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn có cốt làm bằng cát mây, buông ra sau, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八. 2. loại mũ Thường phục của vua và là mũ Triều phục của hoàng thái tử nhà Nguyễn, mũ có phần gáy nhô cao, chỏm khum tròn chùm về phía trước, choai sang hai bên thành hình chữ Bát 八.

Giác Đinh: mũ Thường phục của các vị có tước cao mà không có chức trong triều đình Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Giải Trãi: mũ của pháp quan các triều Lý, Lê, Nguyễn. Giải trãi tương truyền là linh thú một sừng, bắn tính ngay thẳng, thường được tạo hình tương tự kỳ lân. Ngay từ thời Hán, triều đình Trung Quốc

đã mô phỏng sừng giải trai chế ra loại mũ áp dụng cho các quan thực thi pháp luật, nhằm nhấn gữ ý niệm về lương tri và sự công bằng. Triều đình nhà Lý, Lê, Nguyễn Việt Nam đều áp dụng mũ Giải Trai cho các vị pháp quan, tuy nhiên kiểu dáng mũ mao mỗi thời mỗi khác biệt, thời Lý mũ này có kiểu dáng Lương Quan, còn thời Nguyễn có kiểu dáng Phốc Đầu.

Giao bào: tên loại áo bào được thêu các hình giao long dạng tròn thời Nguyễn.

Giao lĩnh: cũng gọi là trực lĩnh, trường lĩnh, nôm na gọi là áo tràng vạt, chỉ loại áo cổ bắt chéo trước ngực, như loại áo tràng của các nhà sư chúng ta vẫn thấy hiện nay.

Giáp Minh Quang: loại áo giáp hoàn bị vào thời Đường với đặc trưng là hai tấm hộ tâm hình tròn trước ngực và hai miếng trang sức hình đầu hổ gắn hai bên vai.

Giáp Trụ: tên gọi chung của áo Giáp và mũ Trụ. Xem: Đâu Mâu.

Giày Tích: loại giày có hai lớp đế, lớp trên làm bằng gai hoặc da, lớp dưới làm bằng gỗ. Giày Tích vốn là loại giày thời Hán, về sau chỉ còn được sử dụng vào những dịp đại lễ. Từ năm 1396 đến 1404, triều đình Trần - Hồ quy định văn võ bá quan từ lục phẩm trở lên đều được đi giày Tích trong các buổi Thường triều. Vào thời Lê sơ, triều đình nhà Lê vẫn thường thường giày Tích cho công thần.

Hổ Đầu: mũ Thường phục áp dụng cho quan võ nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn.

Hổ Quan: loại mũ làm bằng sắt, có hình đầu hổ, xuất hiện tại Trung Quốc vào thời Tùy Đường - Ngũ Đại, từ thời Tống trở về

sau không thấy nữa, tại Việt Nam hiện chỉ thấy qua tấm ngói có niêm đại thời Trần.

Hoa bào: tên loại áo bào được thêu các hình hoa tròn thời Nguyễn.

Hoành: tên gọi của một loại dây trên mũ Miện giữ mũ cố định trên đầu, một đầu dây buộc trâm ngọc cài trên mũ, sau đó vòng qua cầm vát lên đầu kia của trâm. Trâm dùng để cố định búi tóc. Vào thời Nguyễn, dây hoành được thay thế bằng dây thùy anh. Xem: Thùy anh.

Hốt: miếng ngà (hoặc gỗ, tre) hình chữ nhật, các quan cầm ở tay trong các buổi đại lễ, thiết triều, tính chất tương tự ngọc khuê. Xem: Ngọc khuê.

Hung bối. Xem: Bối tử.

Kế y: loại áo tráng cổ tròn cộc tay, kết hợp với thường, được mặc lót bên trong Lễ phục, Triều phục và Thường phục của vua quan, quý tộc triều Nguyễn.

Khăn xếp: khăn vấn tóc của đàn ông được quấn xếp nếp đều đặn, chí theo kiểu chữ Nhất 一, hoặc chữ Nhân 人 ở giữa trán. Khoảng năm 1920, 1930, người Việt mới chế ra loại khăn khâu dán liền những vành nếp lại, chỉ việc đặt chụp lên đầu cho nhanh chóng và thuận tiện, gọi là khăn xếp.

Khố: đồ mặc phía dưới của đàn ông, có khi chỉ chiếc quần hai ống, cũng có khi chỉ dạng khăn quấn quanh eo và đùi che hạ bộ.

Khuốc Phi: mũ Thường phục của quan ngự sử đài thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Kim Quan: loại mũ Triều phục của hoàng tử, hoàng thân được phong tước quận công, huyện công, hương công, huyện

hầu và hương hầu triều Nguyễn, thường kết hợp với áo bào Tú linh màu đỏ.

Lê phục: chỉ loại trang phục vua quan mặc vào các buổi cúng tế, lễ tiết, cũng có khi được gọi là Tế phục.

Long bào: loại áo bào thêu hình rồng của vua chúa nói chung.

Lương Cân: 1. loại mũ thời vua Lê Thánh Tông, được làm bằng lông đuôi ngựa, tên mũ có nghĩa là "mũ mát" vì thường được sử dụng vào mùa hè. 2. loại mũ đội khi vào chầu của hoàng tử, vương tử chưa được phong tước theo quy chế năm 1661. 3. loại mũ Thị phục chầu chúa của các quan văn theo quy chế năm 1721.

Lương Quan: còn gọi là mũ Tiến Hiền, có các viền lương trang sức chạy dọc trên thân mũ, số viền lương được dùng để phân biệt phẩm cấp của bá quan.

Lưu: 1. tên gọi của các chuỗi ngọc chầu đính ở hai đầu Miện bắn trên mũ Miện. Số lưu được quy định dựa vào thân phận của người đội mũ, như mũ của hoàng đế có 12 lưu, mũ của vương công có 9 lưu. 2. tên của loại dải thắt Bào phục của vua và hoàng hậu triều Nguyễn.

Mã quái: loại áo cổ tròn cộc tay, mở ngực, cài bằng cúc, mặc lót bên trong.

Măng bào. Xem: Tú linh bào.

Măng lan: dạng áo hẹp tay, có lối thêu súc tương tự như Măng bào, song chiều dài vạt áo và ống tay áo đều ngắn hơn Măng bào, được áp dụng cho một số vị quan võ triều Nguyễn.

Miện: còn gọi là mũ Lưu Miện, mũ Bình Thiện, có ván úp hình chữ nhật, đính các

dây ngọc rủ ở phía trước và phía sau, gọi là lưu. Xem: Lưu.

Miện bản: còn gọi là diên, ván úp hình vuông (hoặc chữ nhật) trên mũ Miện.

Mũ Nhục. Xem: Định Tự.

Mũ Trụ. Xem: Đâu Mâu.

Ngọc khuê: miếng ngọc hình chữ nhật, nhọn đầu, vua và đại thần cầm ở tay trong các buổi đại lễ, tính chất tương tự hốt. Xem: Hốt.

Ngư đại: loại phục sức đeo trên đai của các quan văn. Ở Trung Quốc vào thời Đường, Ngư đại có dạng phù hiệu mang hình con cá, đựng trong túi, dùng như thẻ bài để ra vào đại nội. Đến thời Tống, Ngư đại không còn được đựng trong túi mà dùng vàng bạc trực tiếp chế thành hình con cá đeo ở đai, chỉ mang tính trang sức, tỏ sự cao sang vinh hiển. Ngư đại xuất hiện tại Việt Nam muộn nhất là vào năm 798, bị phế bỏ vào thời Lê sơ.

Nhật Bình: áo Triều phục dành cho cung tần nhất, nhị, tam, tú giai và là Thường phục của hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa triều Nguyễn. Đây là loại áo xẻ cổ, có dạng đối khâm, cổ áo to bản tạo thành hình chữ nhật ở trước ngực, dưới úc có dải vải buộc hai vạt áo.

Ô Sa: mũ dành cho quan văn, có hai tầng, thân tròn, hai cánh chuồn tròn và to bản. Mũ này vốn được chế ra dựa trên kiểu dáng mũ Phốc Đầu. Xem: Phốc Đầu.

Phong Cân: còn gọi là mũ Tú Tài, loại mũ áp dụng cho quan văn chưa nhập lưu và là mũ Lê phục của dân gian, kiểu dáng tương tự mũ Văn Tú Tài, song không có

trang sức, không thêu hoa, màu đen tuyền. Xem: Đông Pha, Văn Tú Tài.

Phốc Đầu: loại mũ hai tầng, tầng sau nhô cao hơn tầng trước, là nơi chứa búi tóc, gáy mũ đính hai cánh chuồn nằm ngang. Mũ Phốc Đầu thời Tống có dáng vuông vức. Nhà Minh về sau dựa theo kiểu dáng mũ Phốc Đầu thời Tống chế ra một dạng mũ tròn, hai cánh chuồn tròn, to bản, gọi là mũ Ô Sa. Mũ Phốc Đầu được du nhập vào Việt Nam từ năm 1059, áp dụng làm mũ Thường phục của bá quan, đến thời Trần bị phế bỏ, tái du nhập vào triều Lê sơ. Đến thời Nguyễn, nhà Nguyễn quy định mũ Phốc Đầu vuông là loại mũ dành cho quan võ, mũ Phốc Đầu tròn (Ô Sa) dành cho quan văn. Mũ Phốc Đầu của Việt Nam hầu hết đều được gắn các trang sức bằng kim loại.

Phù Dung: một loại mũ của vua nhà Trần theo ghi nhận của Lê Tắc, nhiều khả năng là mũ Thường triều, thường được biết đến là mũ của Đạo giáo, có hình dạng bông sen, chụp vào búi tóc.

Phú hậu: hai cánh dôi ra từ hai bên sườn áo bào theo quy chế của nhà Minh, được áp dụng vào triều đình Lê Trung Hưng và triều Nguyễn.

Phuong tam khuc linh: dạng phục sức làm bằng lụa trắng, hình tròn để đeo vào cổ, chính giữa có một đoạn lụa dôi xuống hình vuông, thường được phối với Lễ phục của vua và các quan đại thần, ít nhất còn được sử dụng đến thời Trần. Nhà Nguyễn không sử dụng loại phục sức này.

Phuong Thang: mũ Thường phục của tôn thất thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Phuong bao: áo bào thêu hình chim phượng của hậu phi triều Nguyễn nói chung.

Phuong ngu tu phuc: dạng áo bào Triều phục của tước hầu, minh tự thời Trần, trên áo thêu hoa văn phượng cá.

Phuong Quan: mũ Triều phục của hậu phi triều Nguyễn, ngôi thứ được phân biệt bởi số lượng trang sức phượng múa rồng bay trên mũ. Mũ có chín hình phượng múa rồng bay được gọi là Cửu Phượng Quan, có bảy hình gọi là Thất Phượng Quan...

Quần: từ chỉ chung các loại váy, bao gồm cả thường. Tuy nhiên, từ cuối thời Nguyễn, khái niệm quần được dùng để chỉ loại đồ mặc phía dưới, có hai ống chân. Xem: Khố, Quần chân.

Quần chan: chỉ loại quần có hai ống chân phân biệt với loại quần không đáy, là chiếc váy cổ cựu của phụ nữ Việt xưa kia.

Quyển Vân: tên gọi khác của mũ Thông Thiên, loại mũ có chóp uốn cong ngả về phía sau, trông như áng mây cuộn, thân mũ có các viền lương được đính các hạt ngọc châu. Đây là loại mũ Triều phục của vua Tống. Qua ghi chép của Lê Tắc, các vua nhà Trần cũng sử dụng mũ Quyển Vân, có lẽ khi áp dụng vào Việt Nam, loại mũ này cũng được sử dụng trong các buổi Đại triều.

Song khai: loại áo xẻ vạt trước, vạt sau, trang phục thông dụng của binh lính triều Nguyễn.

Tam Son: loại mũ có những múi hình mây uốn cong ở chóp mũ, có ngọc châu đính dọc các viền lương tương tự mũ Quyển Vân Thông Thiên, có trang sức hình

tam son (ba ngọn núi) đính ở giữa trán mũ.

Té tất: vuông vải hình chữ nhật che phía trước hạ thể, một trong những phụ kiện của Lễ phục Cổn Miện.

Thái bào: tên gọi chung của các loại áo bào được thêu hoa văn sắc sỡ.

Thái Cổ: mũ Thường phục của các quan văn võ chính thất phẩm, bát phẩm, cửu phẩm thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Thanh Cát: 1. loại vải Cát thường có màu xanh đen, ngoài ra còn được nhuộm thành các màu hỏa minh, vi minh và màu quỳ. 2. loại áo Tế phục của vua chúa, Thường phục của quan lại, đồng thời cũng là Tiện phục của quan dân triều Lê Trung Hưng, sự khu biệt dựa trên màu sắc áo. 3. loại mũ của một số hạng binh lính cấp thấp, của thường dân triều Lê Trung Hưng, có kiểu dáng tương tự mũ Định Tự, cũng là loại mũ các quan đội khi nước có quốc tang.

Thao: 1. loại dây tết dùng để treo vào nón (nón quai thao). 2. loại dây tết dùng để thắt lưng, được sử dụng rộng rãi vào thời Lê Trung Hưng.

Thân: tên gọi khác của đai đói, một dạng đai thắt lưng, có hai dải to bản buông xuống dưới chân.

Thất Long Đường Cân: loại mũ Triều phục của hoàng thái tử triều Nguyễn, có kiểu dáng tương tự mũ Cửu Long Đường Cân của hoàng đế, song số lượng trang sức trên mũ có sự giảm. Xem: Đường Cân.

Thien Ha doi: dải lụa trang sức vắt ngang miện bắn trên mũ Miện của đế vương.

Thị phục: trang phục bá quan sử dụng khi vào chầu chúa Trịnh.

Thông Thiên: tên gọi khác của mũ Quyển Vân vào thời Trần, mũ Triều Thiên vào thời Lê, và mũ Xung Thiên vào thời Nguyễn. Xem: Quyển Vân, Triều Thiên, Xung Thiên.

Thu: còn gọi tổ thụ, dải tết bằng các sợi to thắt ở sau lưng, gồm đại thụ, dải tết kín hình chữ nhật, và tiểu thụ, dải tết thưa, nằm trên đại thụ.

Thường: một dạng váy quây, quây ra ngoài chiếc quần hai ống, loại trang phục này phổ biến trong dân gian Việt Nam vào thời Lý - Trần. Đến thời Nguyễn, thường còn được gọi là xiêm, trang phục được quy định sử dụng trong những buổi lễ, thiết triều, áp dụng đối với vua quan và hoàng tộc, những người có danh vị và phẩm trật. Xem: Xiêm.

Thường phục: trang phục mặc vào những buổi Thường triều, các ngày mồng 5, 10, 20, 25.

Thùy anh: tên gọi khác của dây hoành trên mũ Miện dành cho hoàng đế triều Nguyễn, được làm bằng tơ vàng, thắt ở cằm, có tua hình hạt bột rủ xuống. Xem: Hoành.

Thủy ba: hoa văn sóng nước trên áo bào triều Lê - Nguyễn.

Tiện phục: trang phục vua quan mặc vào ngày thường, những lúc không phải thiết triều.

Tiêu kim tử phục: dạng áo bào Triều phục màu tía nạm vàng của tước vương thời Trần.

Toàn Hoa: loại mũ áp dụng cho ngạch Tụng quan của nhà Trần, có hai kim hoàn đính ở hai bên mũ, vải nhung màu tía pha

biếc làm thành sáu tua, đính vào đai ngang ở sau mũ. Từ năm 1396 đến hết triều Hồ, mũ Toàn Hoa được áp dụng làm mũ Thường phục của các quan văn võ tòng thất phẩm.

Tràng vạt. Xem: Giao lĩnh.

Triều phục: loại trang phục vua quan mặc vào các buổi lễ nhỏ, song vào thời Nguyễn, được đồng nhất với Công phục, chỉ loại trang phục mặc vào buổi Đại triều ngày rằm và mồng một.

Triều Thiên: 1. mũ Thường triều của các vương, hầu để tóc dài thời Trần; 2. tên gọi khác của mũ Xung Thiên thời Lê, loại mũ có kiểu dáng tương tự mũ Phốc Đầu, hai cánh chuồn hơi gập, hướng lên trời.

Trục lĩnh: 1. tên gọi khác của áo giao lĩnh; 2. chỉ loại áo cổ thẳng nói chung, bao gồm cả áo giao lĩnh, tú thân, Nhật Bình. Xem: Giao lĩnh.

Trung đơn: áo lót trong màu trắng, kiểu giao lĩnh, cổ áo thường được thêu các hoa văn Phủ.

Trung Tĩnh: loại mũ Tiện phục của các chức quan đội khi nhàn hạ, không phải vào triều theo quy chế của nhà Minh, Trung Quốc. Tại Việt Nam, hiện chỉ thấy loại mũ này được thể hiện trên pho tượng hoàng tử Lê Đình Tú chùa Bút Tháp, Bắc Ninh.

Trường lĩnh. Xem: Giao lĩnh.

Tú thân: loại áo xẻ tà hai bên sườn, có hai vạt kiểu đối khâm, cổ áo có viền chạy thẳng xuống dưới, dài quá gối. Loại áo tú thân thời Nguyễn thường thấy là loại áo hẹp tay, tuy nhiên từ thời Lê trở về trước, ống tay áo rộng hẹp đều được tùy nghi sử dụng.

Tú Diên: loại áo cổ tròn, từ phần úc trỏ xuống xẻ tà, được may bằng bốn khổ vải, thường có màu đen, được sử dụng phổ biến trong cung đình và dân gian Việt Nam thời Lý - Trần.

Tú linh bào: còn gọi là Măng bào, áo bào Triều phục của các quan nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trên áo được thêu bốn loài linh thú long, ly, quy, phượng.

Tú Phương Bình Định: mũ của nho sinh, tú tài thời Minh Trung Quốc và của các tôn sinh quý tộc của nhà Nguyễn Việt Nam. Loại mũ này làm bằng the, bốn bên vuông vức, trên rộng dưới hẹp.

Tú Phương Bình Định: loại mũ quân trang áp dụng cho Thập đạo quân thời vua Đinh Tiên Hoàng, được duy trì đến thời Lê Trung Hưng. Loại mũ này làm bằng da, đinh phẳng, bốn bên vuông vức được khâu ráp lại, trên hẹp dưới rộng.

Tử tu gián bích: dải vải nhung màu tía pha biếc được gắn ở sau mũ Thường phục của các quan nhà Trần. Ở mũ của Tụng quan, dải vải này được phân làm sáu tua, gắn ở đai ngang sau mũ.

Văn Công: mũ Thường phục áp dụng cho quan văn nhất, nhị, tam phẩm triều Nguyễn, trang sức toàn bằng vàng, có hai dải anh súc hoa vàng khảm ngọc châu.

Văn Tú Tài: mũ Thường phục áp dụng cho các quan văn võ thất, bát, cửu phẩm triều Nguyễn, kiểu dáng tương tự mũ Đông Pha, riêng lá phủ phía sau mũ phẳng là khác biệt. Xem: Đông Pha.

Vĩ Địch: Lễ phục tôn quý nhất trong sáu loại trang phục của hậu phi, tương đương

với trang phục Cổn Miện của hoàng đế, màu đen huyền hoặc xanh sẫm, thêu hoa văn chim trĩ.

Viên linh. Xem: Đoàn linh.

Viễn Du: mũ Thường phục của các vị vương hầu thời Trần - Hồ kể từ sau năm 1396.

Võ Đại Long: loại mũ quân phục của các vị vua đầu triều Nguyễn, được kết hợp với Long bào hép tay.

Võng cản: dạng lưới bọc quanh đầu để cố định tóc được áp dụng vào triều đình Đàng Trong từ năm 1744 và tiếp tục sử dụng trong cung đình triều Nguyễn.

Xiêm: vốn chỉ tế tất, vuông vải hình chữ nhật che trước hạ thể, vào thời Nguyễn được dùng để chỉ thường. Xem: Thường, Tế tất.

Xuân Thu: 1. loại mũ Lê phục của hoàng đế triều Nguyễn sử dụng khi tế lễ tại tông miếu; 2. loại mũ Thường phục của các quan võ tú, ngũ, lục phẩm triều Nguyễn.

Xung Thiên: dạng mũ có kiểu dáng như mũ Phốc Đầu, riêng hai cánh chuồn hướng lên trời. Đây là loại mũ Thường phục của các vua thời Lê sơ, và là mũ Triều phục của vua Lê, chúa Trịnh, cũng như vua chúa nhà Nguyễn. Quy chế trang sức trên mũ ở mỗi thời mỗi khác.

Yến Vī: mũ Tiện phục của các quan võ triều Lê Trung Hưng, thân hình lục lăng, sau mũ có một lá phủ tương tự hình đuôi én nên còn được gọi là mũ Đơn Diệp (lá đơn), hoặc mũ đuôi én.

THU MỤC SÁCH TRÍCH DẪN



A. Tư liệu Việt Nam:

An Nam phong tục sách (安南風俗冊).

Mai Viên Đoàn Triển. Nxb Hà Nội. 2008.

Bảo tàng Mỹ thuật Cung đình Huế. Tập 1. Thái Công Nguyên chủ biên. Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. 1997

Bị khảo (備攷). Phạm Đình Hổ. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.956.

Bản rập họa tiết mỹ thuật cổ Việt Nam. Viện Mỹ thuật. Nxb Mỹ Thuật. 2000

Các thể văn chữ Hán Việt Nam. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Nxb KHXH. 2010

Chỉ Nam ngọc âm giải nghĩa (指南玉音)

解義). Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải. Nxb KHXH. 1985.

Chu nguyên tạp vịnh thảo (周原雜詠草).

Lý Văn Phúc. Viện nghiên cứu Hán Nôm.

KH: VHv.1146

Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ. Viện Sử học. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009

Cổ vật Thăng Long Hà Nội. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Hà Nội. 2010.

Công du tiếp ký (公餘捷記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.44

Công hạ ký văn (公暇記聞). Trương

Quốc Dụng. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1499

Dã sử lược biên Đại Việt quốc Nguyễn triều thực lục (埜史略編大越國阮朝實錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1676.

Du hiên tùng bút (輶軒叢筆). Bùi Văn Đị. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.801

Dại Nam điển lệ toát yếu (大南典例撮要). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 1993.

Dại Nam thực lục (大南實錄). Viện sử học. Nxb Giáo Dục. 2007; Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2772/32; A.2772/27.

Dại Nam quốc âm tự vị (大南國音詞彙). Huỳnh Tịnh Của. Nxb Trẻ. 1998.

Dại Việt thông sử (大越通史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1389.

Dại Việt sử ký tiền biên (大越史記前編). Thư viện Viện Sử học. KH: BK2.

Dại Việt sử ký tục biên (大越史記續編). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Nxb Văn Hóa Thông Tin. 2011.

Dại Việt sử ký toàn thư (大越史記全書). Viện KHXH Việt Nam. Nxb KHXH. 1998.

Dất lè quê thói (Phong tục Việt Nam). Nhất Thanh. Cơ sở Án loát Đường Sáng. 1970.

Đồng Khánh Khải Định chính yếu (同慶啓定政要). Nguyễn Văn Nguyên dịch. NXB Thời đại. 2010.

Gia Định thành thông chí (嘉定城通志). Trịnh Hoài Đức. Nxb Giáo Dục. 1999.

Hình ảnh Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Nxb Hà Nội. 2010.

Hoàng Lê nhất thống chí (皇黎一統志). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.883

Hồn Việt. Số 3. Tháng 6 năm 2006.

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (欽定大南會典事例). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1681/13

Khâm định Việt sử thông giám cương mục (欽定越史通鑑綱目). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.591.

Kim ngọc bảo tẩy. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. 2010.

Lão song thô lục (老窗粗錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2818

Lịch đại danh thần sự trạng (歷代名臣事狀). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.246

Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009

Lê quý dật sử (黎季逸史). Bùi Dương Lịch. Nxb KHXH. 1987.

Lê Quý Đôn toàn tập (Tập I. Phủ biên tạp lục 撫邊雜錄; Tập II. Kiến văn tiểu lục 見聞小錄; Tập III. *Dại Việt thông sử* 大越通史). Nxb KHXH. 1977 – 1978.

Lê triều chiếu lệnh thiện chính (黎朝詔令善政). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.257.

Lê triều hội điển (黎朝會典). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.52.

Một số văn bản Diển ché và Pháp luật Việt Nam. Tập II. Từ thế kỷ XV đến XVIII. Nxb KHXH. 2009.

Lịch triều hiến chương loại chí (歷朝憲章類誌). Phan Huy Chú. Nxb KHXH. 1992. (Viện nghiên cứu Hán Nôm, KH: A.1551/4)

Lịch triều tạp kỷ (歷朝雜記). Ngô Cao Lãng. Nxb KHXH. 1975.

Lược sử mỹ thuật Việt Nam. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ điển Bách Khoa. 2009.

Mạnh Tử quốc văn giải thích (孟子國文

解釋). Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, Tùng Văn Nguyễn Đôn Phục dịch. Trung Bắc Tân Văn. 1932.

Minh Mạng chính yếu (明命政要). Nxb Bộ Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên. 1974.

Mỹ thuật thời Trần. Nguyễn Đức Nùng chủ biên. Nxb Văn hóa. 1977.

Nam phương danh vật bị khảo (南方名物備考). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.43

Nam sử tư ký (南史私記). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2207

Nhật dụng thường đàm (日用常談). Phạm Đình Hổ. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.1726.

Những khám phá về hoàng đế Quang Trung. Đỗ Bảng. Nxb Thuận Hóa. 1994.

Nghiên cứu lịch sử. Số 66. 1964.

Nghiên cứu tôn giáo. Số 4. 2006.

Ngô Thì Nhậm toàn tập. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học. Nxb Văn Học. 2001.

Ô châu cận lục (烏州近錄). Dương Văn An. Nxb Giáo Dục Việt Nam. 2009.

Quân lục Việt Nam dưới các triều đại phong kiến (Từ Thượng cổ đến Cận kim). Phạm Văn Sơn. Bộ Tổng Tham mưu QL/VNCH. 1971

Quốc sử di biên 國史遺編. Phan Thúc Trực. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1045.

Quốc văn trích diêm. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2004

Son cư tạp thuật (山居雜述). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.822

Tang thương ngẫu lục (桑滄偶錄). Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.89.

Tập mĩ thi văn (集美詩文). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.2987

Thế giới di sản. Hội Di sản Văn hóa Việt Nam. Số 7. Năm 2009.

Thiền Tông khóa hư ngữ lục (禪宗課虛語錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. Bản AB.268.

Thông báo Hán Nôm học. Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2009.

Thơ chữ Hán của vua Lê Thánh Tông. Nxb Văn Học. 2003.

Thơ văn Lý Trần. Tập 1 - 1977. Tập 2 - 1988. Tập 3 - 1978. Nxb KHXH

Toàn Việt thi lục (全越詩錄). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1262.

Tuyển tập Ngô gia văn phái. Trần Thị Băng Thanh, Lại Văn Hùng chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.

Từ điển tiếng Việt. Hoàng Phê. Trung tâm từ điển Vietlex. 2007

Từ điển Văn học (bộ mới). Đỗ Đức Huệ, Nguyễn Huệ Chi chủ biên. Nxb Thế Giới. 2004.

Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc. Chu Quang Trú. Nxb Mỹ Thuật. 2001.

Trang phục Thăng Long Hà Nội. Đoàn Thị Tình. Nxb Hà Nội. 2010.

Trang phục triều Lê Trịnh. Trịnh Quang Vũ. Nxb Từ Điển Bách Khoa. 2008.

Trang phục Việt Nam. Đoàn Thị Tình. Nxb Mỹ Thuật. 2006.

Úc Trai di tập (抑齋遺集). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: VHv.1772/2-3

Văn hoá Phùng Nguyên. GS.TS Hán Văn Khẩn. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội. 2005.

Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tập 1. Từ Bắc thuộc đến thời Lý. École française d'Extrême-Orient & Viện nghiên cứu Hán

Nôm. 1998; Tập 2. Thời Trần (1226-1400) Tập thượng. National Chung Cheng University và Viện nghiên cứu Hán Nôm. 2002. Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: Vt 00349.

Vân Dài loại ngữ (雲臺類語). Lê Quý Đôn. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.118.

Vân Nang tiểu sử (雲囊小史). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.872

Việt Nam phong tục. Phan Kế Bính. Nxb Văn Học. 2006.

Việt Nam sử lược. Trần Trọng Kim. Nxb Văn Học. 2008.

Việt Nam thi văn hợp tuyển. Dương Quảng Hàm. Nxb Trẻ. 2005.

Việt Nam tự điển. Hội Khai Trí Tiến Đức. 1954.

Việt Nam văn hóa sử cuồng. Đào Duy Anh. Quan Hải Tùng Thư. 1938.

Việt sử (越史). Tập Hiền viện. Thư viện Quốc gia Việt Nam. KH: R.279

Việt sử: Xứ Đàng Trong 1558-1777 (tái bản). Phan Khoang. Nxb Văn Học. 2001.

Việt sử lược (越史略). Trần Quốc Vượng dịch. Nxb Thuận Hóa. Huế. 2005

Vũ trung tùy bút (雨中隨筆). Viện nghiên cứu Hán Nôm. KH: A.1297

B. Tư liệu Trung Quốc:

An Nam chí lược (安南志略). (Nguyên) Lê Tắc 黎剏. Viện Đại học Huế - Ủy ban Phiên dịch Sứ liệu Việt Nam. Huế. 1961; Trung Hoa thư cục. 2000; Internet Archive (archive.org).

An Nam chí nguyên (安南志原). (Minh) Cao Hùng Trung 高雄徵. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

An Nam lai uy đồ sách (安南來威圖冊). (Minh) Lương Thiên Tích 梁天錫. *Duệ Thừa*. Quyển hạ. Quốc lập Trung ương Đồ thư quán. 1981. (裔乘. 卷下. 國立中央圖書館)

An Nam truyện – An Nam tạp ký – An nam kỷ du (安南傳, 安南雜記, 安南紀游). Vương Văn Ngũ chủ biên. Thương Vụ Án thư quán. 1937. (王雲五主編. 商務印書館)

Cẩm tú văn chương. Cao Xuân Minh. Thương Hải Thư họa Xuất bản xã. 2005. (锦绣文章. 高春明. 上海书画出版社)

Chân Lạp phong thổ ký (真臘風土記). (Nguyên) Châu Đạt Quan 周達觀. Nxb Văn Nghệ. HCM. 2007

Chấn trạch tập (震澤集). (Minh) Vương Ngao 王鏊. Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Chí Chính tập (至正集). (Nguyên) Hứa Hữu Nhậm 許有壬. Internet Archive (archive.org)

Chiến quốc sách (戰國策). Trung Hoa Thư cục. 2009.

Chuyết canh lục (輟耕錄). (Minh) Đào Tông Nghi 陶宗儀. Internet Archive (archive.org)

Chư Phiên chí (諸番志). (Tống) Triệu Nhữ Thích 趙汝适. Trung Hoa Thư cục. 1996.

Chức tú trân phẩm. Triệu Phong. Hương Cảng Nghệ Sa Đường. 1994. (织绣珍品. 赵丰. 香港艺纱堂)

Cố cung đồ tượng tuyển túy. Quốc lập Cố cung Bác vật viện. 1971. (故宮圖像選粹. 國立故宮博物館)

Cổ đại Hán ngữ từ điển. Trần Phục Hoa chủ biên. Thương Vụ Án Thư quán. 2002. (古代汉语词典. 陈复华主编. 商务印书馆)

Cựu Đường thư (舊唐書). (Hậu Tấn) Lưu Hú 劉昫. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Dài Loan Đông Á văn minh nghiên cứu học khan. Quyển 3. Kỳ 2. Tháng 12 năm 2006. (臺灣東亞文明研究學刊. 第3卷. 第2期)

Dai Minh y quan phục nguyên nghiên cứu hệ liệt. Minh triều Lương Quan phục nguyên suy trắc. (大明衣冠复原研究系列. 明朝梁冠复原推测. 撷芳主人) (mingyiguan.org)

Đảo Di chí lược (島夷志略). (Nguyên) Uông Đại Uyên 汪大淵. Trung Hoa thư cục. 1981.

Đồ hội bảo giám (圖繪寶鑑). (Nguyên) Hạ Văn Ngan 夏文彥. Internet Archive (archive.org)

Đông lý văn tập (東里文集). (Minh) Dương Sĩ Kỳ 楊士奇. Internet Archive (archive.org)

Giới Am lão nhân mạn bút (戒庵老人漫筆). (Minh) Lý Hủ 李翹. Trung Hoa Thư cục. 1997.

Hải ngoại kỷ sự (海外紀事). (Thanh) Đại Sán 大汕. Trung Hoa thư cục. 2000.

Hán Đường phương chí tập dật. Lưu Vĩ Nghị. Bắc Kinh Đồ thư quán Xuất bản xã. 1997. (汉唐方志辑佚. 刘纬毅. 北京图书馆出版社).

Hiện đại Hán ngữ từ điển. Bản thứ 5. Thương Vụ Án Thư quán. 2005. (现代汉语词典. 第五版. 商务印书馆).

Hoàng Thanh chúc cống đồ (皇清職貢圖). Internet Archive (archive.org).

Kiên hồ tập. (堅瓠集) Internet Archive (archive.org).

Ký lục vựng biên (記錄彙編). (Minh). Trung Mỹ bách vạn thư khố (cadal.zju.edu.cn)

Khang Hy tự điển. (zdic.net). *Lễ ký*. Bắc Kinh đại học Xuất bản xã. 1999. (十三经注疏礼记正义. 北京大学出版社)

Liêu Ninh tinh báu vật quán tàng – Thu họa trước lục – Hội họa quyển. Dương Nhân Khải chủ biên. Liêu Ninh Mỹ thuật Xuất bản xã. 1999. (辽宁省博物馆藏•书画著录•绘画卷. 杨仁恺 主编. 辽宁美术出版社)

Liêu Hà Đông tập (柳河東集). (Đường Liêu Tông Nguyên 柳宗元. Internet Archive (archive.org).

Lĩnh biểu lục dị (嶺表錄異). (Đường Lưu Tuân 劉恂. Vương Văn Ngũ chủ biên. Thương Vụ Án Thư quán. 1936. (王雲五主編. 商務印書館).

Lĩnh ngoại đại đáp (嶺外代答). (Tống Chu Khú Phi 周去非. Trung Hoa Thư cục. 1999

Long chi nguyên. Dương Tịnh Vinh, Lưu Chí Hùng. Trung Quốc Thư điếm. 2008. (龍之原. 杨静荣, 刘志雄. 中国书店. 2008).

Luận Hành (論衡). (Hán) Vương Sung 王充. (guoxue.com)

Man thư (蠻書). (Đường) Phàn Xước 樊綽. (archive.org)

Minh sử (明史). Quốc Học vōng (guoxue.com)

Minh thực lục loại soạn. Thiệp ngoại sử liệu quyển (明實錄類纂. 涉外史料卷). Vũ Hán Xuất bản xã. 1991. (武漢出版社)

Minh thực lục (明實錄). Trung ương Nghiên cứu viện. Lịch sử ngôn ngữ nghiên cứu sở hiệu ấn. 1962. (中央研究院歷史語言

研究所校印 - 1962年版) (ishare.iask.sina.com.cn)

Minh Thái tổ văn tập (明太祖文集). (Minh) Diêu Sĩ Quán 姚士觀. Internet Archive (archive.org)

Mộng Khê bút đàm (夢溪筆談). (Tống) Thẩm Quát 沈括. Trung Hoa Thư cục. 2009.

Nam Tề thu (南齊書). (Lương) Tiêu Tử Hiển 蕭子顯. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nam sử (南史). (Đường) Lý Diên Thọ 李延壽 (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Nguyên sử (元史). (Minh) Tống Liêm 宋濂. Tập 15 (quyển 194 đến quyển 210). Trung Hoa Thư cục. 1975.

Nguyên thi kỷ sự (元詩紀事). (Thanh) Trần Diễn 陳衍. Thương Hải cổ tịch Xuất bản xã. 1987.

Tòng chu biên khán Trung Quốc. Phúc Dán đại học Văn sử Nghiên cứu viện biên. Trung hoa Thư cục. 2009. (从周边看中国. 复旦大学文史研究院编. 中华书局)

Son cù tân ngữ (山居新語). (Nguyên) Dương Vũ 楊瑀. Internet Archive (archive.org).

Sử ký (史記). (Hán) Tư Mã Thiên 司馬遷. Trung Hoa Thư cục. 2006.

Sử học nguyệt san. Kỳ 10. 2005 (史学月刊. 第十期)

Tam lẽ đồ (三禮圖). (Tống) Nhiếp Sùng Nghĩa 翟崇義. Internet Archive (archive.org).

Tam quốc chí (三國志). (Tấn) Trần Thọ 陳壽. Quốc Học vōng (guoxue.com)

Tam tài đồ hội (三才圖會). (Minh)

Vương Kỳ 王圻. Thương Hải Cổ tịch Xuất bản xã. 1988. (上海古籍出版社)

Tạp chí Tứ Cẩm Thành. Kỳ 131. Tháng 4 năm 2005. (紫禁城. 第131期)

Tạp chí Thu Tàng Gia, kỳ 8, 2009. (收藏家. 第8期)

Tạp chí Văn Sử Triết. Kỳ 5. 2006. (文史哲. 第5期)

Tây Hồ du lâm chí dư (西湖遊覽志餘). (Minh) Điền Nhữ Thành 田汝成. Internet Archive (archive.org)

Tè dân yểu thuật trực tự sách dân. Lưu Diện Tước, Trần Phương Chính, Hà Chí Hoa chủ biên. Trung văn đại học Xuất bản xã. 2001. (齐民要术逐字索引. 刘殿爵, 陈方正, 何志华主编. 中文大学出版社)

Tế Ninh văn vật trân phẩm. Tế Ninh thị Văn Vật cục biên soạn. Văn Vật Xuất bản xã. 2010. (济宁文物珍品. 济宁市文物局编. 文物出版社)

Thanh sử đồ điển. Cố cung Bác vật viện biên soạn. Tứ Cẩm Thành Xuất bản xã. 2002. (清史图典. 故宫博物院编. 紫禁城出版社)

Thanh triều văn hiến thông khảo (清朝文献通考). Trung Hoa Thư cục. 1936.

Thích Danh (釋名). (Hán) Lưu Hy 劉熙. (china-culture.jlmpc.cn)

Thù vực chu tư lục (殊域周咨錄). (Minh) Nghiêm Tông Giản 嚴從簡. Trung Hoa Thư cục. 1993.

Toàn cầu hóa hạ Minh sử nghiên cứu chi tân thị dã luận văn tập. Đài Bắc Đông Ngô đại học Lịch sử học hệ. 2007 (全球化下明史研究之新視野論文集(三). 臺北東吳大學歷史系)

Tống hội yểu tập cáo (宋會要輯稿).

Thượng Hải Đại Đông Thư cục. 1935. (上海大東書局)

Tống Sử (宋史). (Nguyên) Thoát Thoát 脱脱. Trung Hoa Thư cục. Tập 40. 1975.

Tùy thư (隋書). (Đường) Ngụy Trung 魏徵. (<http://toyoshi.lit.nagoya-u.ac.jp/maruha/kanseki/index.html>)

Trang Tử (莊子). (Xuân Thu) Trang Chu 莊周. Tôn Thông Hải 孫通海 dịch chú. Trung Hoa thư cục. 2008.

Triển lãm văn vật folklore Đông Nam Á Phi - Việt - Thái - Ảnh. Quốc lập lịch sử bác vật quán. 2007 (菲越泰印:東南亞民俗文物展. 國立歷史博物館)

Trịnh Khai Duong tạp trú (鄭開陽雜著). (Minh) Trịnh Nhuọc Tăng 鄭若曾. Internet Archive (archive.org)

Trúc Giản tập (竹澗集). (Minh) Phan Hy Tăng 潘希曾. Internet Archive (archive.org)

Trung Quốc cổ du phục luận tòng (唐訂本). Lục Cơ. Văn Vật Xuất bản xã. 2001. (中国古舆服论丛 (增订本). 孙机. 文物出版社)

Trung Quốc cổ đại quân nhung phục súc. Lưu Vĩnh Hoa. Thương Hải cổ tịch Xuất bản xã. 2003. (中国古代军戎服饰. 刘永华. 上海古籍出版社)

Trung Quốc lịch đại y quan phục súc chế. Trần Mậu Đồng. Bách Hoa Văn Nghệ Xuất bản xã. 2005. (中国历代衣冠服饰制. 陈茂同. 百花文艺出版社)

Trung Quốc lịch đại phục súc sử. Viên Kiệt Anh. Cao Đẳng Giáo Dục Xuất bản xã. 1994. (中国历代服饰史. 袁杰英. 高等教育出版社)

Trung Quốc long bào. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Ly Giang Xuất

bản xã. 2006. (中國龍袍. 黃能馥, 陈娟娟. 漓江出版社)

Trung Quốc y quan phục súc đại từ điển. Chu Tấn, Cao Xuân Minh. Thương Hải Từ thư Xuất bản xã. 1996. (中国衣冠服饰大辞典. 周汛, 高春明编著. 上海辞书出版社)

Trung Quốc phục súc thông sử. Hoàng Năng Phúc. Trung Quốc Phuồng chúc Xuất bản xã. 2007. (中国服饰通史. 黄能馥. 中国纺织出版社)

Trung Quốc phục trang sử. Hoàng Năng Phúc, Trần Quyên Quyên. Trung Quốc Lữ du Xuất bản xã. 1995. (中国服装史. 黄能馥, 陈娟娟. 中国旅游出版社)

Trùng Khánh Bác vật quán quán tàng văn vật đồ sách. Vương Xuyên Bình chủ biên. Văn Vật Xuất bản xã. 2011. (重庆中国三峡博物馆—重庆博物馆馆藏文物图册. 王川平主编. 文物出版社)

Văn hiến thông khảo (文献通考). (Nguyên) Mã Đoan Lâm 馬端臨. Trung Hoa Thư cục. 1986.

Việt kiệu thư (越嶠書). (Minh) Lý Văn Phượng 李文鳳. Tú khố toàn thư tồn mục tùng thư. Tề Lỗ thư xã. 1996. (四庫全書存目叢書. 齊魯書社)

C. Tư liệu Hàn Quốc:

Chi Phong tiên sinh tập (芝峯先生集). Lý Toái Quang (李睟光 이수광).

DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)

Phục súc. Yehwa yeoja daehak chulbanbo. 1995. (服飾. 梨花女子大學 博物館 特別展圖錄 (23). 梨花女子大學出版部. 1995)

Hàn Quốc phục súc sử. An Myeong

- Suk, Kim Yong Seo. Ye Hak sa. 2006. (한국 복식사. 안명숙, 김용서. 예학사) *Ích trai loạn cảo* (益齋亂稿 익재란고). Lý Tề Hiên (李齊賢 이제현). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr)
- Nghiên Kinh Trai toàn tập* (研經齋全集 연경재전집). Thành Hải Úng (成海應 성해응). DB of Korean classics (db.itkc.or.kr).
- Quốc triều ngũ lỗ nghi* (國朝五禮儀 국조오례의). Thân Thúc Chu (申叔舟 신숙주). Viện nghiên cứu Hàn Quốc học Khuê Chương Các Đại học Seoul. KH: 奎 1136-v.1-6. (서울대학교 규장각 한국학 연구원. 청구기호: 奎 1136-v.1-6.)
- Trang phục của nước ta thời Joseon qua tranh nhân vật*. Kwon O Chang. Hyeon Am sa. 1998. (인물화로 보는 조선시대 우리 옷. 권오창. 현암사)
- Triều Tiên vương triều thực lục* (朝鮮王朝實錄 조선왕조실록). (sillok.history.go.kr/main/main.jsp)
- Trung Quốc lịch đại đế vương Miện phục nghiên cứu*. Choe Kye Sun. Đông Hoa đại học xuất bản xã. 2007. (中国历代帝王冕服研究. 崔圭顺. 东华大学出版社)
- D. Tư liệu Nhật Bản:**
- Cầu dương ký sự* (球陽記事). Trịnh Bình Triết (郑秉哲). Thư viện Đại học Tsukuba (筑波大学図書館). (ishare.iask.sina.com.cn)
- Chu án thuyền hội quyển*. Bảo tàng quốc lập Kyushu. 2009. (朱印船絵巻—海のむこうのずっとむこう. 九州国立博物館)
- Đông phuong học*. Kỳ 23. (東方学. 第23期)
- Hải ngoai chư đảo đồ thuyết* (海外諸島圖說). The Kyushu University Museum.
- (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Hòa Hán tam tài đồ hội* (和漢三才圖會). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Hoàng Thanh chức cống đồ* (皇清職貢圖). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Lịch sử quan hệ Việt Nam Trung Quốc*. Yamamoto Tatsuro. Yamakawa Xuất bản xã. 1975. (山本達郎. ベトナム中国関係史. 山川出版社)
- Mỹ thuật Nhật Bản*. Số 26. Shibundo. 1968. (日本の美術. 第26号. 至文堂)
- Tăng bổ Hoa Di thông thương khảo* (増補華夷通商考). Nishikawa Joken (西川如見). (ishare.iask.sina.com.cn)
- Thế Giới nhân vật đồ quyển* (世界人物図巻). Thư viện Văn nghệ Đại học Kyushu Nhật Bản. KH: 国史17-123. (九州大学文系合同図書室蔵. 番号国史17-123) The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Tranh Ogeo thời xa xưa - Hội họa Lưu Cầu sống lại*. Satou Fumihiko. Sakuhinsha. 2003. (遙かなる御後絵—甦る琉球絵画. 佐藤文彦. 作品社)
- Vạn quốc nhân vật đồ* (万国人物図). Thư viện Nagasaki thuộc huyện Nagasaki. (長崎県立長崎図書館). The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Vạn quốc nhân vật đồ thuyết* (万国人物図説). Nishikawa Jyoken 西川如見. The Kyushu University Museum. (record.museum.kyushu-u.ac.jp)
- Bulletin des Amis du Vieux Hué (Những người bạn cố đô Huế)*. 1916
- China: The Three Emperors (Ba hoàng đế Trung Hoa) 1662 – 1795*. Evelyn Rawski, Jessica Rawson. Royal Academy Books. 2006.
- Des Photographes en Indochine Tonkin, Annam, Cochinchine, Cambodge et Laos Au XIX Siècle (Các nhiếp ảnh gia ở Đông Dương: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Campuchia và Lào, thế kỷ XIX)*. Musée national des Arts Asiatiques Guimet. 2001.
- Kỹ thuật của người An Nam*. Henri Oger. Nxb Thế Giới. 2009.
- Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. Alexandre de Rhodes. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Tp HCM. 1994.
- Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*. William Dampier. Nxb Thế Giới. 2007.
- Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793*. John Barrow. Nxb Thế Giới. 2008.
- Những lữ khách Ý trong hành trình khám phá Việt Nam*. Mario Sica. Nxb Thế Giới. 2013.
- Silken Threads: A History of Embroidery in China, Korea, Japan and Vietnam* (chỉ
- tor: Lịch sử nghề thêu ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam). Young Yang Chung. Harry N. Abrams. 2005.
- Tập du ký mới và kỲ THÚ VỀ VƯƠNG QUỐC ĐÀNG NGOÀI* (1681). Jean-Baptiste Tavernier. Nxb Thế Giới. 2007.
- Tu liệu các công ty Đông Án Hà Lan và Anh về Kẻ Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII*. Hoàng Anh Tuấn biên soạn. Nxb Hà Nội. 2010.
- Tu liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội: Tuyển tập tư liệu phuong Tây*. PGS.TS. Nguyễn Thùa Hỷ chủ biên. Nxb Hà Nội. 2010.
- Từ điển Việt - Bồ - La*. Alexandre de Rhodes. Nxb KHXH. 1991.
- Vietnam and the Chinese model (Việt Nam và mô hình Trung Hoa)*. Alexander Barton Woodside. Harvard University Press. 1971.
- Việt Nam trong quá khứ qua tranh khắc Pháp*. Nguyễn Khắc Cần, Nguyễn Ngọc Diệp. Nxb Văn hóa Dân tộc. 1997.
- Villages et villageois au Tonkin: 1915-1920 (Làng và cư dân ở làng tại Bắc Kỳ: 1915-1920)*. Léon Busy. Collections Albert Kahn, 1986.
- Xứ Đàng Trong năm 1621*. Cristophoro Borri. Nxb thành phố HCM. 1998.



E. Tư liệu phương Tây:

NGÀN NĂM ÁO MŨ
LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 1009-1945

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập	Dông Vinh
Thiết kế bìa	Tạ Quốc Kỳ Nam
Trình bày	Mai Mai
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
46 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Tel: 04 38253841 | Fax: 04 38269578
E-mail: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM
59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: nhanambook@vnn.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh
Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034
Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 1.000 cuốn, khổ 17x25cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 226-2013/CXB/01-05/ThG và quyết định xuất bản số 40/2013/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 16.04.2013. In xong và nộp lưu chiểu năm 2013.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lầm. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.



"Có lẽ đây là một trong những tập mĩ thuật
văn hóa, lịch sử trang phục được nghiên cứu
và sưu tầm kỹ nhất ở Việt Nam,
nếu không nói là quốc tế,
cho đến nay".

TRỊNH BẠCH

Trang phục mang tính minh vinh dân tộc
được bảo tồn cẩn thận, trọng điểm kiểm soát
như thuỷ lợi, kết hợp với tên - huyết của
một người hieu có con đã làm được điều
người khác muốn mà chưa làm được.

DINH TIỀN HƯỞU

BECOME A FAN



Năm gần đây là một nghiên cứu công
phu và dày đặc của Trần Quang Đức
cung lai bức tranh trang phục Việt Nam
trong cung đình và ngoài dân gian trong
khoảng một nghìn năm từ thời Lý đến thời
Nguyễn (1009-1945).

Trang phục cung đình luôn được quy định nghiêm ngặt và
tố mịt để thay qua các triều đại. Năm năm áo mõm lông
giả nguyên là ý phái tích mức độ mõm phòng mang súng.
Trung Hoa cũng quy chế trang phục của các triều đại Việt
Nam, mô típ tết, tết mõm, dạng mõm trang phục như áo Tă
phục Cán Mitan của các vị hoàng đế, các bộ Trí tu Phan
Thường phục Lương quan, Lăng Thần, Dì Sa, Bố phúc v.v
là quan, hay Lê phục Võ Dinh, Phượng quan và hoàng hậu
v.v. Trong khi đó trang phục dân gian không biến động
như, phu áo là kiểu áo giao lĩnh, tò thản, hay khăn mít
cột mấn đồng khố của dân ứng và yên, v.v. giàn tiến thủ
dân bộ tộc tại qua hàng trăm năm lịch sử.Sau đó vua Minh
Mạng cấm "quần-khổng dày" là một biến cố lớn lao để đổi
chiết áo dài nam thanh đi vào đời sống dân gian và bấy giờ
trở thành trang phục quen trong bối cảnh của người Việt

Có thể nói, Năm năm áo mõm bù-dắp phần nào vào
hướng trung minh trong các bộ trang phục
Việt Nam nói riêng, lịch sử văn hóa Việt Nam nói
chung. Cộng với những ý nghĩa chính trị xã hội
sau rộng, dày thực sự là một nghiên cứu quan
trọng và cung cấp giá trị lớn.

TRẦN QUANG ĐỨC

TRẦN QUANG ĐỨC

NGÂN NĂM ÁO MŨ

LĨNH SỰ TRANG PHỤC VIỆT NAM
GIẢI ĐOẠN 1009 - 1945



TRẦN QUANG ĐỨC

Sinh năm 1965 tại Hải Phòng
Năm 2004, khi đang là sinh viên năm
thứ nhất Đại học Quốc gia Hà Nội, anh
đã giành giải nhất cuộc thi Cửu Hồn Ngũ Linh
thứ 3 – chuyên chinh sinh viên chuyên
ngành tiếng Hán Quốc toàn thế giới. Năm
2009, anh tốt nghiệp tại Đại học Mĩ
Kinh-Trung Quốc. Từ năm 2010 đến
2012, trong khi công tác tại phòng Tủ
thư thuộc Công ty Văn hóa Truyền
thống Nhà nước, anh tập trung nghiên
cứu văn hóa trang phục Việt và viết
sách sách *Năm năm áo mõm*. Hiện anh
là nghiên cứu viên thuộc Viện Nghiên
cứu Văn học Việt Nam.

Trần Quang Đức đồng thời là dịch giả
của các tác phẩm: *Trà kính* (2008),
Chuyện tình già nhà (2011) và
Trường An loạn (2012).

TRẦN QUANG ĐỨC NGÀN NĂM ÁO MŨ

TRẦN QUANG ĐỨC

TRẦN QUANG ĐỨC

NGÀN NĂM ÁO MŨ

LƯU SỰ TRUNG PHƯƠNG VIỆT NAM
GIỮA ĐIỂM 1929 - 1945



TRUNG PHƯƠNG



VIỆT NAM



TRẦN QUANG ĐỨC

Sinh năm 1965 tại Hải Phòng.
Năm 2004, khi đang là sinh viên năm
thứ nhất Đại học Quốc gia Hà Nội, anh
đã gửi một cuộc thi Cầu Hát Nghệ thuật
thứ 3 – chuyên chủ đề về chuyên
ngành tiếng Hán trên toàn thế giới. Năm
2009, anh tốt nghiệp tại Đại học Bắc
Kinh, Trung Quốc. Từ năm 2010 đến
2012, trong thời công tác tại phòng Tủ
thư thuộc Công ty Văn hóa Truyền
thống Nhà Nam, anh tập trung nghiên
cứu văn hóa trang phục Việt và viết
cuốn sách **Ngàn năm áo mũ**. Hiện anh
là nghiên cứu viên thuộc Viện nghiên
cứu Văn học Việt Nam.

Trần Quang Đức đồng thời là dịch giả
của các tác phẩm *Trà khinh* (2009),
Chuyển linh giải nhán (2011) và
Trường An lâm (2012).

